

G Cuộc đời và đạo nghiệp
của Hòa Thượng Tuyên Hóa
Lai đoạn ở Hồng Kông





Hồng Kông

*Cuộc đời và đạo nghiệp của
Hòa Thượng Tuyên Hóa*

Giai đoạn ở Hồng Kông

Chương Một - Đến Hồng Kông Chờ Duyên.....	5
1. Tùy duyên đến Hồng Kông	5
2. Chuyển đi Thái Lan.....	7
3. An thân ở trong động đá.....	10
4. Phong cách mẫu mực của vị Đại Đức	14
5. Nước Cam Lộ ở trước Động	15
6. Hết lương thực, chờ chết	17
7. Hộ Pháp Vi Đà báo mộng.....	20
8. Nghiêm trì Tông Chỉ	23
9. Tổ chức giúp ty nạn Tăng.....	24
10. Quý biết “bốn sáu”	28
11. Giảng Kinh Địa Tạng	33
12. Đạo bạn quy y.....	36
13. Sống lâu thêm 10 năm.....	41
Chương Hai - Xây Chùa và Hoằng Pháp	44
14. Khai thác vùng đất khô hạn.....	44
15. Chùa Tây Lạc Viên.....	45
16. Khe đá tuôn nước mát	50
17. Buổi Lễ Khai Quang	54
18. Tượng sứ Di Đà.....	56
19. Nghe đồn làm theo	58
20. In Kinh tạo tượng	60
21. Vịt con nghe Pháp	65
22. La Hán đọa lạc.....	66
23. Tu hành không dễ	68
24. Biển khổ vô biên.....	71
25. Lòng thành Phật hộ	73
26. Chuyện lạ cứu người (1).....	76
27. Chuyện lạ cứu người (2).....	79
28. Người Điếc nghe kinh	81

29. Khuyên hoài, không tỉnh	83
30. Phép thuật “chầu trời”	85
31. Giàu nghèo bình đẳng	86
32. Quỷ cầu Ngũ Giới	88
33. Đầu ghẻ mọc tóc.....	90
34. Thoát khỏi U Minh	90
35. Vua “tán tụng” của một thời.....	92
36. Quả Thức quy y	96
37. Cầu mưa giải hạn hán.....	99
38. Giông bão ẩn tích	102
39. Con Cua báo oán	106
40. Xà Lê giải nạn	109
41. Thương gia nuốt lời (1)	111
42. Đùm bọc Tăng Ni	114
43. Quả Mật truyền kỳ (1).....	117
44. Đệ tử thiếu niên	123
(1) Nghe Pháp hoan hỉ.....	126
(2) Nghiêm Sư giáo hóa	129
(3) Thường theo Thầy học.....	133
4. Biểu diễn tiết mục.....	136
(5). Đội binh nhỏ phiên dịch	137
(6) Bí quyết trọng yếu của tỉnh tọa.....	139
(7) Đệ tử Khai Nhân.....	142
45. Huấn luyện giảng Pháp	143
Chương Ba - Từ Hưng và An Tăng.....	147
46. Thiên Tự Từ Hưng.....	147
47. Thần Rồng sống động.....	165
48. Thần tính 100 bản.....	168
49. Thánh duyên Át Mùi	172
50. Bảo điện trùng quang	173

51. Bát Tăng điều phục Rồng.....	177
52. Quả Mãn quy y.....	179
53. Bọn Sâu dọn nhà.....	180
54. Chú Chồn quy y.....	181
55. Chuyện lạ trong Thiền Thất.....	184
56. Chờ người đã lâu.....	187
57. Bình đẳng quy y.....	188
58. U Minh vui mừng.....	189
59. Nỗi niềm hoằng Pháp.....	192
60. Đạo tiếp nối mạng.....	195
61. Thật có chuyện này.....	196
62. Quỷ Đói trong bụng.....	197
63. Tiếp phần Sự Tích.....	200
64. Sáng lập “Tâm Pháp”.....	202
65. Bát Chu Ma cảnh.....	205
66. Thừa Pháp Quy Ngưỡng.....	208
67. Người Mê, Mê Mộng.....	214
Chương Bốn - Giảng Đường và Độ Chúng.....	216
68. Phật Giáo Giảng Đường.....	216
69. Thực hành vẫn hơn.....	219
70. Đến Miền Điện triều bái.....	222
71. Quả Mật truyền kỳ (2).....	229
72. Ân đức khó quên.....	231
73. Đầu Đà á khẩu.....	231
74. Trùng Trùng Phạm Võng.....	233
75. Sư Cô Hằng Ích.....	234
76. Tám năm thành tựu.....	238
77. Khó ra “mê hồn trận”.....	241
78. Khai quang Giảng Đường.....	246
79. Cầu cháu nối dõi.....	248

80. Họa Truyện Hư Lão.....	251
81. Hư Lão Viên Tịch.....	256
82. Nghinh thỉnh Xá Lợi.....	261
83. Hồi tưởng Hư Công (1).....	264
84. Hồi tưởng Hư Công (2).....	267
85. Thương gia nuốt lời (2).....	268
86. Lưu thông Pháp Bảo.....	270
87. Phật Giáo Giảng Đường San Francisco.....	273
88. Hành trình Úc Châu (1).....	278
89. Hành trình Úc Châu (2).....	282
90. Từ Úc Trở Về Hồng Kông.....	286
91. Tiêu nghiệp tích phước.....	287
92. Chúng sanh khó độ.....	290
93. Người tin được cứu.....	293
94. Thầy Trình Tử nói - (Trình Tử viết).....	296
95. Khai Quang Phật Ngọc.....	298
96. Chuyên độ kẻ xấu.....	300
97. Ma khảo thầy Hằng Định.....	302
98. Trước khi rời Hồng Kông.....	306
99. Phi trường rơi lệ.....	308
100. Gặp lại Hồng Kông.....	310
101. Kệ tán ở Hồng Kông.....	313

Từ 32 đến 34 tuổi (1949 - 1951)

Chương Một

Đến Hồng Kông Chờ Duyên

1. Tùy duyên đến Hồng Kông

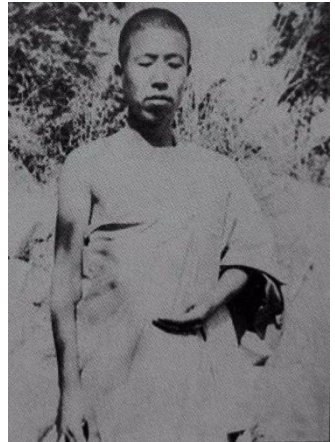
Mùa hè năm 1949, Hòa Thượng lần đầu tiên đến thăm Hồng Kông. Sau đó trở về nước, gặp lúc Thiệu Quan thay cờ, cho nên Ngài chưa thể quay về Vân Môn. Thế là từ Quảng Châu, Ngài bèn xuống thuyền trở lại Hồng Kông. Kể từ đó, Hòa Thượng ở lại Hồng Kông và bắt đầu cuộc hành trình hoằng pháp nơi hải ngoại...

Hòa Thượng kể: Dân Quốc năm thứ 38 (1949), đây là lần đầu tiên tôi đến Hồng Kông ở tại Đông Phổ Đà. Vào tháng 7, tôi từ Hồng Kông trở về Quảng Châu, dự tính sau tết Trung Thu sẽ về chùa Đại Giác ở Vân Môn, nhưng đến tháng 8 thì Thiệu Quan giải phóng nên không trở về được. (Ghi chú: Dựa theo “Lịch sử địa phương Thiệu Quan”. Ngày 7 tháng 10 năm 1949 Thiệu Quan giải phóng, tức ngày 16 tháng 8 âm lịch.) Khi đó Quảng Châu bị nguy cơ đến nơi trong sớm tối. Tôi định trở lại Hồng Kông, nhưng trong túi không có tới một đồng mà bên mình lại có thêm một chú đệ tử là Quả Nhất (Hằng Định). Vào ngày 18 tháng 8, hai thầy trò tôi đi đến bến tàu, coi có cơ hội đến được Hồng Kông hay không, cũng may gặp được cư sĩ Trần Khoan Mãn. Nhớ lại khi ở chùa Nam Hoa có cư sĩ Tạ Khoan Huy từ Quảng Châu đến, đã nói với mười mấy cư sĩ tại gia rằng: “Có nhiều thầy tại chùa Nam Hoa không có đủ y áo mặc!” Do vậy những cư sĩ này phát tâm mua vải cúng Tăng, Cư sĩ Trần Khoan Mãn là một trong những thí chủ đó. Khi ấy, có người giới thiệu tôi với Trần cư sĩ, sau đó chúng tôi lại gặp ở nhau ở chùa Lục Dung, Quảng Châu. Trần Khoan Mãn thấy chúng tôi và đã mua hai vé cho chúng tôi. Ngay tối hôm đó, chúng tôi xuống thuyền rời Quảng Châu, sáng ngày hôm sau tới bờ Hồng Kông. Đó là nhân duyên tôi đến Hồng Kông.

Tôi sanh ra là một người không sợ Trời, không sợ Đất, không sợ Thần, không sợ Quỷ, tôi cũng không sợ dạy người

Mỹ nói tiếng Hoa. Báo chí nói, nếu không phải là sợ Cộng Sản thì tôi đã chẳng phải phiêu bạt nước ngoài. Tôi hoàn toàn không phải sợ Cộng Sản mới chạy ra nước ngoài, mà chính là nhân duyên thời cuộc thúc đẩy đó thôi. Trên đường đi, những chỗ tôi vừa đi qua, sau đó bị Cộng Sản chiếm đóng và đứt tuyệt đường giao thông, nên dù muốn quay về cũng không được. Vì thế, tôi tới Hồng Kông rồi sống ở đó mười mấy năm, mãi đến năm 1962 mới qua Mỹ.

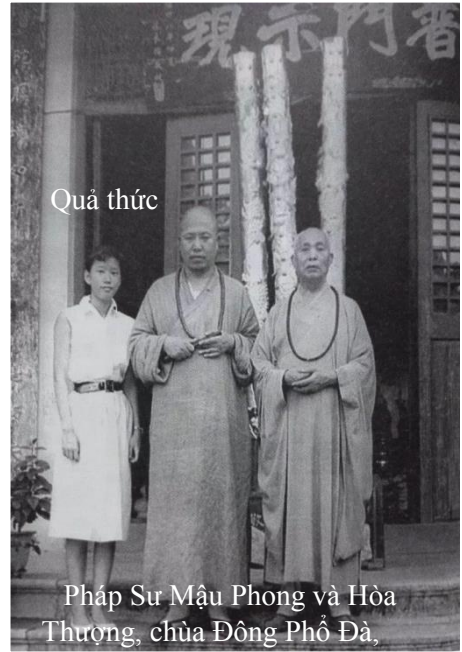
(Ghi chú 1) Chùa Đông Phổ Đà vốn chỉ có vài chục Tăng chúng, nhưng vào cuối thời 40 thì chùa bắt đầu đảm nhận trách nhiệm làm tù giam của thập phương. Nguyên vì chiến loạn ở Đại Lục Trung Quốc, cho nên đã có rất nhiều tu sĩ chạy nạn qua Hồng Kông và ngày thì lang thang đầu đường xó chợ, tối đến không nơi nương tựa nghỉ ngơi”. Khi đó pháp sư Mậu Phong là phương trượng của chùa Đông Phổ Đà đã mở lòng đại từ bi, phát nguyện thu nhận các tỵ nạn Tăng, kiên quyết giữ câu: “Mở rộng cửa chùa, tiếp nhận chúng Tăng hải ngoại nên đã dung nạp Tăng chúng Đại Lục vô điều kiện. Ngài nói: “Một lá cây hứng được một giọt sương thì mỗi một vị La Hán cũng có một phần ăn.” Nội trong một ngày, có trên nghìn người xuất gia đến trú ngụ, chùa Đông Phổ Đà đều không từ chối một ai. Các thiện nam tín nữ khắp nơi nghe tin liền quyên góp tới tấp, tiếp tế lương thực khiến cho bọn tỵ không ngừng nấu nướng khô nhọc. Pháp sư Mậu Phong lại dẫn dắt chúng tăng “tự vác cây gỗ, tự đốn tre lau” để xây dựng Vân Thủy Đường hầu tiếp nhận các thầy và cất thêm “nhà chòi” cho ni chúng tạm trú.



(Ghi chú 2) Cư sĩ Đàm Quả Thức từ nhỏ đã biết Hòa Thượng và quy y Ngài tới nay đã trên 50 năm. Cô thuật lại: Lúc Sư Phụ mới đến Hồng Kông, khi chưa tìm ra động Quán Âm, Ngài tạm trú ở Đông Phổ Đà và pháp sư Mậu Phong là vị trụ trì ở đó. Có một lần nọ, Sư Phụ dẫn tôi đi gặp pháp sư Mậu

Phong, Sư Phụ rất tôn kính Ngài. Sư Phụ không cần biết các pháp sư khác như thế nào, nhưng hề thấy người xuất gia trưởng lão là Ngài luôn đánh lễ trước tiên.

(Ghi chú 3) Thầy Hằng Định, pháp danh Quả Nhất, là đệ tử xuất gia thứ tư thọ giới cụ túc của Hòa Thượng. Bốn vị đệ tử: thầy Quả Năng (Hằng Tịch), thầy Quả Thuán (Hằng Vũ), thầy Quả Duy và thầy Hằng Định. Thầy Hằng Định là đệ tử duy nhất theo Sư Phụ đến Hồng Kông và đến năm 2003 thì vãng sanh tại đó.



Tỳ Kheo Hằng Định thuật lại: Khi còn đang đi học ở Thẩm Dương, tôi đã biết đến Sư Phụ, cho tới khi đến chùa Nam Hoa tôi mới xuất gia với Ngài. Dân Quốc năm 38 (1949) vừa thọ giới xong, tôi liền cùng Sư Phụ đến Hồng Kông. Khi Sư Phụ từ Đông Bắc đến chùa Nam Hoa, Ngài không có mang theo vật gì, chỉ có một xâu chuỗi niệm Phật. Khi đến Hồng Kông, Ngài cũng chẳng có chi, chỉ có một xâu chuỗi niệm Phật đó thôi!

(Ghi chú 4) Cư sĩ Trần Khoan Mẫn là đệ tử quy y của đại lão Hòa Thượng Hư Vân và đã hộ trì Phật Pháp mấy mươi năm. Vào năm 1980, Trần cư sĩ trên 80 tuổi đã đến Kim Sơn Tự, Hoa Kỳ bái kiến Hòa Thượng.

2. Chuyến đi Thái Lan

Đầu năm 1950, Hòa Thượng tham gia Tăng đoàn du học do Viện Học Luật Phật Giáo Trung Quốc tài trợ đến Thái Lan tham khảo Phật Giáo Nam Tông. Ngài ở tại chùa Long Liên, Thái Lan khoảng bốn tháng để khảo sát những

khác biệt thật sự giữa Đại và Tiểu Thừa Phật Giáo, hầu chọn lấy các ưu điểm và quyết chí cải cách các tập quán xấu của Phật Giáo Trung Quốc.

Hòa Thượng kể: Tôi ở Hồng Kông đã từng đi khát thực, trái lại khi đến Thái Lan thì không. Tại sao? Vì tôi ở chùa của Trung Quốc, họ tự nấu ăn nên không giống với chùa ở Thái Lan. Khí hậu ở Thái Lan nóng bức kinh khủng, tôi chịu không nổi nên mỗi ngày đều phải tắm, sức nóng ở đó thật khủng khiếp. Hồng Kông có pháp sư Huệ Đức, nghe nói tôi dự định đi Thái Lan tham khảo Phật Giáo Nam Tông, thầy ấy không muốn tôi đi, mà muốn tôi cùng lên núi với thầy để làm bạn đồng tham cứu tu hành. Tôi nói với thầy:

- Thầy tham Huệ Đức của thầy, tôi tham An Từ của tôi, vậy chúng ta làm sao mà đồng tham được chứ?

Rốt cuộc thầy hiểu ra một chút, nên không còn ngăn cản tôi đi Thái Lan nữa.

Thầy ấy ngồi thiền mỗi ngày, nhưng vì không biết cách dụng công nên thầy ngồi đến nổi ói ra máu. Cho nên tu hành không phải là nói “tôi dụng công” thì nhất định sẽ thành công. Vì tuy dụng công nhưng cũng bị ma chướng như thường. Một khi dụng công là Thầy bị thổ huyết, dù ói ra máu, thầy cũng vẫn dụng công. Thầy không nhận cúng dường của ai, cũng không nắm giữ tiền bạc. Bất cứ đi đến đâu ở, nếu quý vị không đến làm phiền, không đến cãi nhai, nói chuyện với thầy thì thầy sẽ yên ổn ở nơi đó. Nhưng nếu có cư sĩ nào đến nói chuyện với thầy, hoặc có người cúng dường chút ít tiền, hay một hộp bánh, thầy sẽ cho đó là phiền nhiễu, nhìn cũng không nhìn, sau đó là bỏ chạy mất, không ở đó nữa.

Thầy ở Bảo Liên Thiền Tự, núi Đại Tự được vài năm, rồi đến thác Vạn Trượng cũng ở khoảng một năm hay nửa năm. Sau đó không biết có cư sĩ nào đã gây phiền toái cho thầy, đến ngay cả tôi cũng chẳng hay biết gì, là thầy đã bỏ đi mất rồi. Bởi thầy đó là người tu hành chân chánh, nên có số cư sĩ muốn cúng dường những vị tu hành như thế. Họ tìm mọi cách, kiếm

cho bằng được thầy để cúng dường, nhưng vừa gặp được thầy, thầy liền bỏ đi mất dạng. Đó mới chính là bản chất của người tu hành thật sự! Chứ không phải từ sáng tới tối cứ lân la móc nối với cư sĩ, không có chuyện nói cũng ráng moi ra vài câu để phan duyên đòi hỏi; thầy ấy thì không phải vậy!

Giống như thầy Huệ Đức, thuộc về cảnh giới của A La Hán, của Độc Giác. Thầy sống trong một am thất nhỏ, quần áo thì rách rưới. Thầy nói chuyện rất nhỏ tiếng, giống như sắp hết hơi vậy, thầy phải kê sát vào tai mình thì mình mới nghe được tiếng của thầy. Khi thầy ở Niệm Phật Đường Đông Lâm, thầy ăn cơm thừa của người ta, cơm người ta không thêm ăn thì thầy lấy ăn. Nếu không để cho thầy thứ cơm này là thầy bỏ đi liền. Ăn cơm xong, Thầy đóng cửa lại, không nói chuyện với ai, một câu cũng không nói, đúng là ngôn ngữ đạo đoạn, thật là muốn làm kẻ câm, chứ chẳng phải giả bộ không nói chuyện.

(Ghi chú 1) Trưởng Lão Tỳ Kheo Tri Định ghi lại trong bài văn Tưởng Nhớ Trưởng Lão Độ Luân: Tôi đến Hồng Kông vào ngày cuối cùng của năm 1949, Tại Hồng Kông Phật Giáo Liên Hiệp Hội, tôi lại hội ngộ được pháp sư Độ Luân, thật là có duyên với thầy, đi đâu cũng tương phùng. Khi ấy trưởng lão Độ Luân vốn là vị hướng dẫn lo liệu thủ tục cho Tăng chúng trong quá trình du học ở Thái Lan.

(Ghi chú 2) Lúc 16 tuổi Cư sĩ Đàm Quả Chánh đã biết được Hòa Thượng và quy y với Ngài cho tới nay đã hơn 50 năm. Cô thuật lại: Sư Phụ và thầy Hằng Định cùng một tăng đoàn đi Thái Lan học tập Phật Giáo Tiểu Thừa. Sư Phụ ở Thái Lan qua nhiều tháng, quán sát thâm sâu truyền thống, chế độ Phật Giáo Tiểu Thừa, quyết chí trong tương lai sẽ cải chính các tập khí không tốt của Phật Giáo Trung Quốc. Vì vậy, sau đó Ngài thiết lập truyền thống Tăng già với gia phong: “Ngày ăn một bữa, Y không rời thân” tại Vạn Phật Thánh Thành, Hoa Kỳ.

(Ghi chú 3) Tỳ Kheo Hằng Định kể lại: Chúng tôi đã đi Bangkok, Thái Lan 4 tháng, vốn để học hỏi về chế độ Phật Giáo Nam Tông, nhưng vì thủ tục chưa được hoàn tất nên phải

quay trở về. Tại Thái Lan chúng tôi vẫn mặc Tăng phục Trung Quốc, không có mặc giống như Nam Tông và cũng không có đi khất thực. Chúng tôi ở chùa Long Liên, tu sĩ ở đó đều là người Hoa, nói tiếng Phổ Thông. Thái Lan vốn không cho phép người Trung Quốc xây cất chùa chiền, nhưng vị sư khai sơn trụ trì là người gốc Quảng Đông rất có bản lĩnh. Thầy trì chú Đại Bi rất có cảm ứng, thành thử chính phủ Thái Lan cho phép thầy sáng lập chùa Long Liên. Đây là chuyện không dễ dàng, vì nếu không có sự đồng ý của chính phủ Thái Lan, Thầy không thể nào làm được việc này.

(Ghi chú 4) Chùa Long Liên (Wat Mangkon Kamalawat) thành lập vào năm 1871, tọa lạc tại thủ đô Bangkok, Thái Lan, đây là chùa Phật Giáo Đại Thừa Trung Quốc xây cất sớm nhất trên đất Thái. Pháp sư Tục Hạnh là người tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa. Năm 1862 vào thời Thanh triều Đồng Trị, Ngài đến Thái Lan hoằng dương Phật Pháp và đã được vua Thái Lan tiếp kiến, rồi ban cho lô đất để kiến tạo chùa Trung Hoa. Ngôi chùa này trước kia vốn là nơi buôn bán Long Liên Tử (tức là hạt sen có hai tim để làm thuốc bắc và cũng có thể dùng làm nước uống thanh nhiệt), vì thế chùa mới lấy tên là Long Liên Thiền Tự. Chùa này ngoại trừ cách kiến trúc bên ngoài khác với chùa Thái, chùa vẫn bảo tồn Kinh Phật bằng chữ Trung Hoa với chế độ ăn chay.

3. An thân ở trong động đá

Đầu mùa hè năm 1950, Hòa Thượng từ Thái Lan trở về Hồng Kông, lúc đó Ngài 33 tuổi. Ngoại trừ thân mang chiếc áo chắp và nhiều mảnh, trên thân Ngài không có vật gì đáng giá. Có một vị cư sĩ biết được Hòa Thượng đang tìm một nơi để tu hành, liền giới thiệu Ngài đến động Quán Âm ở núi Phù Dung, Thuyền Loan...

Hòa Thượng kể: Một năm đầu đến Hồng Kông, trong túi không có tiền, tôi cũng không xin ai, thường thường đã thất mà không có thức ăn. Từ Thái Lan trở về, có cư sĩ Quách Khoan Phổ giới thiệu tôi đến ở trong động Quán Âm, núi Phù Dung.

Lúc đầu, tôi ở động Quán Âm, đừng nói là tách trà, cái bàn cũng không, cái ghế, giường chiếu, cái gì cũng không có, tất cả đều không. Vào ban ngày, tôi đi kinh hành các nơi. Trên vách tường có một phiến đá, nó cỡ bao to? Chỉ vừa đủ cho một người ngồi thẳng lưng, nên buổi tối tôi ngồi tham thiền trên đó và mỗi ngày tôi đều ngồi như vậy.

Động Quán Âm rất ẩm thấp, ngày đầu tiên ngồi trong đó, tôi không cảm thấy gì. Đến ngày thứ hai, quý vị biết thế nào không? Cả thân hình tôi đều cứng như đá, không thể động dậy, đến nỗi như tôi và vách tường hợp thành một, nên muốn nhúc nhích cũng không được. Đại khái là tôi ngồi như vậy có hơn nửa tháng. Có một ngày, tôi muốn đứng dậy, quý vị nghĩ coi cặp đùi này ra thế nào? Thì nó chẳng giúp được gì, cặp đùi này bị tê cứng không còn trị giác nữa, phải xoa bóp đến nửa tiếng sau, tôi mới có thể từ từ đứng dậy, nhưng tôi vẫn ngồi ở đó khoảng một tháng trời.



Động Quán Âm

Quả nhiên có một ngày, tôi không thể bước xuống bậc thêm đá được, rồi tự mình vọng tưởng, nơi đây ẩm ướt quá, không tốt cho thân thể, nếu cứ ở đây hoài thì làm sao chịu thấu hay nên đi quách cho rồi, nhưng rời khỏi động Quán Âm này, mình sẽ đi về đâu? Cũng chẳng có một nơi nào tạm được để trú ngụ. Khi vào đây ở là do Quách Khoan Phổ giới thiệu. Lúc đầu ông ấy nói rằng: “Trong động này cái gì cũng không có. Nếu thầy ở được, con sẽ giới thiệu cho, nếu không ở được thầy cũng đừng có miễn cưỡng.”

Lúc đó, tôi cũng không biết là nó quá khắc nghiệt như thế này. Mỗi ngày tôi cứ ngồi như vậy, toàn thân như bị đóng băng cứng ngắt, các mạch máu đều bị bết tắc không lưu thông. Nhưng tôi lại nghĩ, nếu bây giờ mình không chịu ở đây thì

cũng như là vô thủy vô chung, không có trước sau như một; người ta đã có tấm lòng tốt đối xử với mình mới có được. Nếu mình không chịu ở, như vậy thì coi sao được với người ta chứ? Làm sao mà giải thích đây? Thật sự là thốt không ra lời. Vì vậy, tôi hạ quyết tâm, tự nói với mình rằng; ‘Dầu cho có chết trong động này, mình cũng không bỏ đi! Âm ướt mặc âm ướt, hãy thuận theo nó đi! Bởi vì:

Không xả được cái chết, thì không đổi được cái sống.

Không xả được cái giả, thì không thành được cái thật.

Chịu khổ thì hết khổ. Hưởng phước thì tiêu phước.

Nếu như mình đáng phải chịu cái khổ này, mình sẽ lãnh chịu hết thôi! Nghĩ như thế, à được rồi, mình tới đây có chết thì kể như xong, bận tâm làm gì? Sau một thời gian ở đó, cái thân này không hợp tác với phiến đá nữa, nó không chịu khai góp cổ phần công ty hữu hạn nữa, cho nên tôi có thể cử động được và sáng ra bước xuống tảng đá cũng chẳng hề chi.

Tôi ở động Quán Âm như vậy được vài năm. Sau cùng có người thấy tôi không có bàn, không có băng ghế, ngay cả giường chiếu cũng không, cho nên có cư sĩ phát tâm tặng tôi một cái kang thờ Phật và hai băng ghế. Do đó, so với ngày trước là đã thoải mái hơn nhiều.

Mỗi ngày đến giờ dùng cơm tôi xuống núi khát thực, đến Trúc Lâm Thiền Viện sốt bát đem cơm về ăn. Một ngày kia, khi tôi trở về, phát hiện có một con rắn to bò vào động Quán Âm. Con rắn này thật là thô và rất lớn! Nó thấy tôi về liền bò ra cửa sau. Nó bò đi, tôi rượt theo. Nó bò đến ngạch cửa rồi còn muốn đấu với tôi và quay đầu lại nhìn tôi, nhưng sau đó nó bò đi mất tiêu. Từ đó trở đi, nó thường xuyên tới, không biết nó muốn cái gì. Khi tôi đi ra ngoài thì nó vào, khi tôi vào thì nó lại bò ra.

Tôi đã không nói với ai là tôi ở động Quán Âm. Có một người ở trên núi ba tháng, ông ta xuống núi rao quảng cáo, rao tu hành, chuyên nói với mọi người rằng: “Ồ núi tốt thật đấy! Bây giờ tôi ở núi cũng giống như nhập thất vậy! Tôi ở trên đó

dụng công như vậy vậy nè, hay thật!” Tôi bèn nói với ông ấy: “Ông thông minh ghê, ở núi được ba tháng đã biết đi khắp nơi rao quảng cáo. Còn tôi ở núi trên mười năm mà không ai hay biết, vậy là tôi quá ngu si, quá khờ khạo rồi!”

(Ghi chú 1) Thầy Hằng Định thuật lại: Động Quán Âm không phải là hang động thiên nhiên, mà là sơn động nhân tạo nên rất ẩm ướt. Sư Phụ rất có bản lĩnh, khi Ngài ở động Quán Âm chỉ có vài tháng công phu là đã biến đổi hẳn tình trạng của hang động rồi.

(Ghi chú 2) Thầy Hằng Định cùng với thầy Hằng Việt và Thầy Hằng Trí (là hai vị sư cháu của Hòa Thượng) cũng đến từ Tam Duyên Tự, Đông Bắc, được phân ra tạm ở Đông Phổ Đà Tự và Trúc Lâm Thiền Viện. Tổ sư khai sơn sáng lập Trúc Lâm Thiền Viện là pháp sư Dung Thu. Vào năm 1928, Ngài đến Hồng Kông và xây cất lên Trúc Lâm Thiền Viện ở núi Phù Dung, Thuyền Loan. Trong thời kỳ Đại Chiến Thứ Hai, pháp sư Dung Thu dẫn dắt đệ tử khai khẩn canh tác, cùng sống qua thời điểm khó khăn. Vào năm 1949, chúng Tăng lánh nạn chạy xuống Nam, Hồng Kông, pháp sư Dung Thu mở rộng cửa phương tiện, tiếp đãi chỗ ăn ở.

(Ghi chú 3) Sư cô Cận Từ, người Quảng Đông, Đài Sơn, là đệ tử quy y trong thời gian đầu Hòa Thượng ở động Quán Âm, pháp danh là Quả Sâm. Năm 1950, Quả Sâm khoảng 40 tuổi là con dâu của một phú ông giàu có. Từ nhỏ cô đã lạy Quán Âm. Có một ngày, bạn cô là bà Hoàng (La Quả Minh) hỏi cô: “Chị có muốn quy y, bái Sư Phụ không?” Lúc đó, ngay cả bái Sư Phụ là gì, Quy Y là cái gì, cô cũng mù tịt không biết. Bà Hoàng giảng cho cô nghe về cái hay của quy y và những sự Từ bi của vị pháp sư này. Thế là tại nhà của Vương Quả Hải, cô bái kiến Sư Phụ và chính thức quy y. Lúc đầu gặp Sư Phụ, Ngài chỉ khoảng 30 tuổi, rất gầy ốm. Sau đó gia đình Quả Sâm làm ăn



gặp trở ngại, cảnh nhà sa sút. Hòa Thượng biết được gia cảnh của cô, nên bảo cô phải nghịch lại thuận thọ, là phải nhẫn nhục chịu đựng. Năm 1998, Quả Sâm xuống tóc, đến năm 2000 thọ giới Cụ Túc tại Vạn Phật Thành, pháp danh Thân Nhân, pháp hiệu Cận Từ. Tháng 8 âm lịch, năm 2008, sư cô an tượng vãng sanh, hưởng thọ 100 tuổi.

(Ghi chú 4) Cư sĩ Hoàng Quả Quân lúc 11 tuổi quy y với Hòa Thượng, tới nay đã hơn 50 năm. Hoàng Quả Quân thuật lại: Sư Phụ trên đường đi từ chùa Nam Hoa đến Hồng Kông gặp được một vị cư sĩ họ Phương là đệ tử của đại lão Hòa Thượng Hư Vân, ông nhận ra Sư Phụ và hỏi Sư Phụ ở Hồng Kông có quen biết ai không?



Quả Quân
1954

Sư Phụ nói: “Không, chẳng quen biết ai cả.” Phương cư sĩ bèn nói: “Đề con giới thiệu mấy người bạn cho thầy vậy.” Vào năm 1950, Phương cư sĩ giới thiệu bà Vương Quả Hải là láng giềng ngày trước của mẹ tôi (La Quả Minh), tổng cộng 4, 5 người họ là nhóm đệ tử đầu tiên quy y với Sư Phụ ở Hồng Kông. Còn tôi và Quả Sâm vài ngày sau cũng quy y với Sư Phụ tại nhà bà Vương.

Nhớ lúc vừa mới quy y, Sư Phụ bảo tánh tình tôi càng cường, nóng nảy. Khi ấy, tôi chỉ biết tánh nóng nảy là không tốt, cần sửa đổi, nhưng về tánh càng cường, lúc đó tôi còn tưởng là cái ưu điểm nữa chứ! Mãi đến sau này, khi đọc Kinh Địa Tạng tới chỗ “Chúng sanh Nam Diêm Phù Đề tánh tình càng cường, khó điều khó phục”, cuối cùng rồi tôi mới hiểu ra ngụ ý của Sư Phụ. Nếu như nói tánh tình của tôi bây giờ, không đến nổi tệ lắm, đó cũng hoàn toàn nhờ vào công lao dạy dỗ của Ngài.

4. Phong cách mẫu mực của vị Đại Đức

Trong cảnh trạng động loạn ở Trung Quốc, đã có rất nhiều tu sĩ ùn ùn chạy xuống Hồng Kông, nên Hòa Thượng

lo lắng cho sự an nguy của Đại Lão Hòa Thượng Lai Quả, vị cao tăng đức trọng trong tông môn. Vì vậy Ngài bèn viết thư khuyên thỉnh Lão Hòa Thượng sang Hồng Kông. Từ sự trao đổi thư từ qua lại của các Ngài, chúng ta cũng cảm nhận được phong cách của những bậc Đại Đức. (Cuộc Đời và Đạo Nghiệp của Hòa Thượng Tuyên Hóa - giải đoạn ở Trung Quốc).

Hòa Thượng kể: Lão Hòa Thượng Lai Quả ở tại chùa Cao Môn, Dương Châu đã từng viết thư cho tôi. Bây giờ tôi không phải nói về bức thư đó, mà nói về cái bao thư đó. Cái bao thư của Ngài ra sao? Là một bao thư mà Ngài dùng đến hai lần.

Làm sao để sử dụng được hai lần? Người ta viết thư gửi cho Ngài, rồi Ngài dùng lại cái bao thư đó, bằng cách lộn ngược cái bao thư bên trong ra để viết thư cho tôi trên bề giấy trắng. Bởi vậy, từ xưa đến nay các bậc Cao Tăng Đại Đức đều rất tiết kiệm, không lãng phí đồ vật, cũng không tùy tiện phí phạm. Như các Ngài sẽ không dùng nguyên cả trang giấy mà chỉ có viết vài ba chữ rồi vứt bỏ. Lần trước tôi viết một bài kệ tụng cho Quả Tiên và bảo chú ta cắt bài kệ đó ra để tôi còn dùng lại tờ giấy đó nữa. Tại sao phải làm như vậy chứ? Hoàn toàn không phải vì chỉ có một tờ giấy cũng không nỡ bỏ, mà chúng ta phải nên trân quý vật chất của thế giới này. Hy vọng mỗi người quý vị không nên phung phí đồ vật. Vì nếu cứ lãng phí đồ vật, công đức của mình sẽ không còn nữa và mình tu hành cũng không dễ dàng thành công đâu. Do vậy, người tu hành đều phải nên cẩn thận đối với mọi sự việc.

5. Nước Cam Lô ở trước Động

Động Quán Âm bị vấn đề thiếu nước, nhưng sau khi Hòa Thượng vào ở động Quán Âm thì nước Cam Lô ngọt mát chảy ra đầy hồ. Về sau, khi Hòa Thượng rời khỏi động thì hồ nước đó lại khô cạn...

Hòa Thượng kể: Tôi có vị láng giềng là thầy tu, người Phúc Kiến. Thầy đó mỗi ngày đều lập “Thiên Đàn Diệm Khẩu” để cúng tế cho loài quỷ đói miệng lửa. Thiên Đàn Diệm Khẩu này cần cúng trong một nghìn ngày, tức là ba năm. Đại

khái cứ vào khoảng ba giờ trưa là thầy cúng. Trước tiên thầy mặc áo tràng đắp y, rồi ra ngoài cửa ngóng xuống phía dưới, khi thấy khoảng 8, 10 du khách đi lên, thầy liền trở vào lắc chuông, một mình vừa đánh trống vừa đánh chuông và làm lễ cúng tế thật náo nhiệt. Du khách đi qua, dừng lại kê đầu vào cửa nhìn, “Ồ Thầy này siêng tu thiệt!” Nói xong, người này cho tiền, người kia cũng cúng tiền.

Khi tôi chưa đến ở trong động Quán Âm, thầy có xây hai cái hồ ở trước động để chứa nước từ trên núi chảy xuống, nhưng hồ nước chẳng có bao nhiêu nước và thường hay bị khô cạn. Sau khi tôi tới đó ở, trong hồ mỗi ngày đều có nước chảy vào và nước trong vắt! Hôm nay tôi cũng không ngại gì nói cho quý vị nghe là tại sao tôi đi đến đâu cũng có nước vậy? Vì lúc ở Đông Bắc có mười con Rồng quy y tôi. Không phải tôi hù quý vị đâu nhé, cũng chẳng phải nói để khoe tài với quý vị. Đó là các Thiên Long Bát Bộ, tất cả Quỷ Thần đều nghe lời tôi, không giống như quý vị đây, chẳng biết chuyện gì, đôi lúc cũng chẳng nghe theo lời dạy bảo chút nào.

Khi ở động Quán Âm, tôi không có cơm ăn cũng không đủ quần áo mặc, cho đến khi biết bà Xà Quả Mãn, người Thượng Hải, bà là đại hộ pháp của tôi ở Hồng Kông. Khi chưa gặp tôi, bà ta sợ nhất là thầy tu, bà không dám gặp người xuất gia, hễ gặp sư sãi là bà sợ khiếp vía, đến đổi nếu như có cái hang chuột chắc bà cũng chui vô trốn, sợ đến thế! Tôi nói: “Kiếp trước chắc bà đã bị người xuất gia lừa gạt quá nhiều rồi, cho nên bây giờ mới sợ đến nỗi vậy!”

Lần đầu tiên bà đến động Quán Âm, đúng ngay lúc tôi đang ăn cơm. Bà hỏi: “Thầy ăn gì vậy?”

Tôi nói: “Ăn mì” và bảo bà ở lại ăn. Bà ta muốn ăn mà không dám, nhưng rốt cuộc rồi cũng ăn.

Lúc uống nước ở đó, bà hỏi:

- Thầy có bỏ đường vào nước này không?

- Đâu có, đây là nước không thôi!

- Sao ngọt quá vậy, ngọt còn hơn là bỏ đường vào nữa.

- Ngọt à? Hay là BỒ TÁT QUÁN ÂM cho bà uống nước Cam Lộ đó, vậy bà hãy uống nhiều thêm một chút đi!

Bà thích quá nên uống đến bốn, năm chén luôn. Bà thường xuyên mua gạo và may quần áo cho tôi rất thành tâm. Thấy tôi mặc đồ rách rưới, bà phát tâm may cho tôi hai cái quần dài rất dày bằng vải sợi bông, tôi có mặc khoảng mười năm cũng chưa rách. Bởi bà ta rất thật thà, nên làm đồ cũng thật bền chắc.

(Ghi chú) Sư cô Cận Từ thuật lại: Khi Sư Phụ vừa đến động Quán Âm, trong hồ ngay cả một giọt nước cũng không có. Sau đó, nước từ trong vách núi mới từ từ chảy ra, rồi hồ nước lúc nào cũng đầy ngập. Tôi có uống qua, nước ở đó ngọt vô cùng, nhưng sau khi Sư Phụ rời khỏi động, nước hồ lại cạn khô.

Thời đó, Sư Phụ mỗi ngày đều đến Thiền Viện Trúc Lâm lấy cơm, bởi vì mỗi khi ngồi thiền là ngồi đến mấy ngày, có khi lấy cơm gặp lúc chùa không có dư cơm, thì trước sau đành phải chịu đói khoảng mười ngày, nhưng Ngài chưa hề nói cho ai nghe, nên không ai biết Ngài sống trong những ngày gian khổ như vậy. Các sự việc như thế đều do chúng đệ tử sau này mới từ từ phát hiện ra. Sau khi biết được, mỗi lần lên núi họ đều đem theo các thực phẩm đến cúng dường Sư Phụ.

6. Hết lương thực, chờ chết

Khí ẩm ướt trong động Quán Âm rất nghiêm trọng, không phải là nơi để an thân. Nhưng Hòa Thượng đã khắc phục mọi khó khăn, di chuyển tảng đá to trước động để cất lên một cái am thất nhỏ, không ngờ lại bị ma chướng đến ...

Hòa Thượng kể: Tôi thấy không ít người tu hành ở nơi có đại chúng đông, đa số đều làm biếng, trốn tránh chấp tác để tìm nơi nhàn rỗi, không chịu làm việc. Đến chừng tự mình có am thất riêng rồi thì cái gì cũng làm được. Tại sao vậy? Bởi vì công việc của mình mà mình không chịu làm, thì ai sẽ vào làm cho mình đây.

Giống như có thầy kia lúc ở Thiền Viện Trúc Lâm, tối ngày chỉ lo ngủ nghỉ, đến khi ở trong cái cốc của chính mình, rồi sao? Thầy ta thật siêng năng tinh tấn, dọn dẹp cái cốc ngăn nắp sạch sẽ, còn làm cái hàng rào rất đẹp. Vậy mà khi ở từng lâm thì không chịu ra chút sức lực nào. Lại còn có một loại người, lúc ở trong đạo tràng thì giả vờ ra vẻ tu hành đạo mạo, với bộ dạng ngu ngơ khờ khạo, cái gì cũng không làm. Tới chùng có cái cốc riêng của mình rồi thì cái này cũng biết làm, cái kia cũng làm được luôn; tuy rất ngu đần, nhưng thầy làm được việc. Biết sao không? Bởi vì cái cốc này là của thầy, còn từng lâm kia không phải của thầy.

Tánh của tôi và họ thì trái ngược nhau, tôi thích làm việc ở trong từng lâm, còn ở cái cốc của riêng mình thì tùy tiện xuề xàng. Động Quán Âm vốn do nhân tạo, nên tôi ở trong đó cũng không hơn, không



kém, nó còn y nguyên vậy. Mỗi ngày tôi ngồi nơi đó, việc gì cũng không làm; bởi vì trong động quá ẩm ướt, cho nên sau này tôi mới cất cái am thất. Bất đắc dĩ lắm, tôi mới dời tảng đá lớn đi, nhưng thợ thầy làm không nổi, nên tự mình phải dọn lấy, tánh tôi là như vậy.

Nhớ lúc tôi thuê hai người thợ đều có tướng tá to lớn lực lưỡng. Một người cao hơn 6 feet (khoảng hơn 1m8), còn người kia cao 5 feet 8 (khoảng 1m7). Tôi bảo họ hãy dời tảng đá lớn nặng khoảng 2 tấn đó đi. Họ dùng đòn sắt đẩy nó lên, rồi đẩy cả nửa ngày trời, hết khoảng bốn tiếng đồng hồ cũng không nhúc nhích đến một phân, không có cách gì dời nó đi được. Họ thấy không còn cách nào nữa, bèn trở lại nói với tôi: “Cải tảng đá này cần phải dùng đến chất nổ, nếu không thì chẳng còn cách gì khác để dời nó được.” Tôi đến đó coi rồi nói: “Tảng đá này chẳng cần chất nổ gì cả, các ông hai người không dời nó nổi, bây giờ tôi đánh cá với hai ông. Nếu tôi dời nó được thì

hôm nay tiền công của hai ông coi như huê vốn. Còn nếu tôi đòi nó không nổi thì tôi sẽ trả gấp đôi tiền công cho hai ông. Các ông thấy vậy được không?” Hai người họ liền nói: “Ồ! Đương nhiên là được rồi!”

Tại sao họ không đẩy tảng đá lên được? Vì họ dùng cây đòn sắt, khi đẩy nó lên thì bên dưới bị trọng lượng nặng lún sâu vào đất nên không động đậy được, dĩ nhiên đất này đâu có cứng và nặng như tảng đá. Vậy một mình tôi, làm sao đòi nổi tảng đá to này đây? Tôi kê cục đá vào phía dưới khoảng trống của tảng đá to này, rồi dùng đòn sắt bẩy tảng đá to lên phía trước và đẩy nó lên. Tôi xoay sở khoảng hai mươi phút là đòi nó được, nên tảng đá to từ trên cao lăn xuống phía dưới, tự mình nó dọn nhà đi. Sau đó, tôi hỏi họ: “Hai người ông mỗi ngày ăn mấy bữa?”

- Ba bữa.

- Các vị mỗi ngày kiếm được bao nhiêu tiền? Họ cho tôi biết là số đó. Tôi bèn nói: “Nếu tôi đi làm công, người ta sẽ mướn tôi chứ không dùng các vị đâu. Bởi vì tôi mỗi ngày chỉ ăn một bữa, mà việc các vị làm không xong, tôi lại làm được.” Tôi nói thế khiến hai ông thợ chẳng còn gì để nói.

Qua một năm sau, tôi cất một cái am nhỏ bằng gỗ ở phía ngoài động, rồi phết hồ đắp lên giấy sếp xanh, chỗ này nhỏ cỡ khoảng 15ft x 15ft (4.5m x 4.5m), rớt cuộc coi như có được một mái nhà để che thân. Vừa cất am thất xong cũng là lúc ma chướng lại đến. Bởi vì nhiều người thấy tôi tu khô hạnh như vậy, nên có người để chút ít tiền nhang đèn hoặc đem đến một ít thức ăn. Sư lảng giềng của tôi chưa xả được lòng ganh tị, không bỏ qua được bèn đi nói với người ta rằng:

- Tôi là người quản lý nơi đây, nếu quý vị muốn đem gì đến đều phải đưa qua tôi, tiền hay thức ăn gì cũng đều phải trao cho tôi hết.

Ông sư lảng giềng này tuyên bố như vậy đó. Thế rồi, hễ có ai tới, sư đều đứng trước cửa chặn lại, không để họ đến nơi tôi ở. Thậm chí sư còn nói lời bịa đặt với Thiền Viện Trúc Lâm

là tôi có rất nhiều tiền, rằng: “Đừng có cúng dường cho thầy ấy, ông có tiền cất am thì làm gì không có tiền ăn cơm chứ?”

Thầy trụ trì chùa Trúc Lâm tin lời nói đó là thật nên cũng không cúng dường tôi, không cho tôi cơm ăn cũng khoảng 15, 20 ngày, tôi nhớ không rõ lắm. Lúc đó thật sự không có ai cúng dường nữa rồi. Vì không có người cúng dường, nên tôi nghĩ rằng, mình còn dư chút ít đồ ăn thì cứ ăn hết đi, rồi ngồi thiền ở đó. Tôi cũng chẳng nói với bất cứ người nào là tôi không có cơm ăn và cũng không đi ra ngoài gặp ai hết, kể như là chết! Trong động còn dư chút lương thực khô, tôi từ từ dùng cho đỡ đói, gắng gượng cầm cự cũng kéo dài được nửa tháng. Sau đó cái gì cũng ăn hết sạch, thật sự là tuyệt lương thực, ngồi đó chờ chết thôi! Bởi hồi nào đến giờ, tông chỉ của tôi là:

*Dù rét chết chứ không phan duyên,
Dù đói chết chứ không hóa duyên,
Dù nghèo chết chứ không cầu duyên,
Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên.*

(Ghi chú) Cư sĩ Đường Quả Thiện kể lại: Vào năm 1950, dù tôi đã quy y nhưng không hiểu Phật Pháp. Có một lần tôi dẫn bạn thân đến động Quán Âm thăm Sư Phụ. Tôi thấy trong bát Sư Phụ có cơm và thức ăn nên nghĩ, nếu mình ăn vào sẽ được tăng phước sống lâu mạnh khỏe, thành thử chúng tôi thẳng tay múc lấy ăn hết ráo. Sau mới biết, đó là phần cơm Sư Phụ lãnh về từ chùa Trúc Lâm cho bữa Ngọ, nên chúng tôi vội và đi mua bánh mì về cho Sư Phụ. Hôm ấy Sư Phụ chỉ ăn chút bánh mì đó cho qua ngày. Nhớ lại chuyện này tôi cảm thấy thật là tội lỗi!

7. Hộ Pháp Vi Đà báo mộng

Bồ Tát Vi Đà phát nguyện: “Trên thế gian này, nếu ai phát tâm chân thật tu hành, ta nhất định sẽ hộ pháp cho người ấy”. Thấy Hòa Thượng quyết tâm ngồi thiền ở đó chờ chết đói, nên Bồ Tát Vi Đà rất nóng ruột!

Hòa Thượng kể: Bây giờ tôi cứ ngồi ở đó chờ chết đói, không nói với bất cứ ai là: “Xin thương tình cho tôi không có

com ăn, hãy cúng dường, cúng dường cho tôi đi!” “Quý vị giúp đỡ tôi cũng như là giúp cho người ăn xin mà.” Tôi không nói vậy, nhưng Bồ Tát Vi Đà nhìn thấy sốt ruột không chịu nổi.

Tôi thường hay nói, người xuất gia tôi đây, không lạy Bồ Tát Vi Đà. Nghe qua có lẽ các vị sẽ tưởng rằng tôi có ý nghĩ không được bình thường. Bởi vì Bồ Tát Vi Đà là vị hộ pháp, mà tại sao ta không lạy Ngài chứ? Mình không lạy hộ pháp Vi Đà, rui như Ngài không hộ mình thì làm sao đây? Tôi nói cho các vị biết, tôi chỉ mong Ngài hộ pháp cho người khác, chứ đừng hộ pháp cho tôi. Tại sao? Vì nếu tôi là người chân thật tu hành, tôi không bảo Ngài đến hộ, Ngài cũng sẽ đến hộ để làm tròn trách nhiệm của mình. Còn như tôi không tu hành, chỉ lạy vài ba lạy để Ngài đến hộ pháp cho, vậy thì Ngài đâu có đủ tư cách là hộ pháp Vi Đà nữa. Nghĩa là sao? Chẳng lẽ Ngài cũng ăn hối lộ, cũng bán pháp nữa à? Các vị hãy nghĩ xem, người ta lạy mình vài cái là mình hộ pháp cho, còn không bái lạy thì mình không hết lòng làm tròn bổn phận. Đó không phải là tham ô sao? Cho nên tôi không lễ bái Ngài là thế.

Thời đó có một bà 5, 60 tuổi tên là Lưu Khoan Thanh, người Quảng Đông, hễ gặp ai bà ta cũng nói Phật Pháp cho nghe, thành ra người ta gọi bà là “Pháp Sư Bồn Địa”. Bồn địa là dân bản xứ tại nơi đó, chứ không phải người ở nơi khác tới. Bà vốn không phải là người xuất gia mà là người tại gia.

Mấy tháng trước, bà bị chó cắn, bị thương nơi chân. Là loại chó gì cắn bà thế? Chắc là giống chó điên. Bà khám Đông y, Tây y gì cũng không chữa lành. Qua hai, ba tháng vẫn trị chưa hết. Rồi một đêm nọ, bà nằm mộng, thấy Bồ Tát Vi Đà bảo rằng: “Người muốn chân được lành thì hãy mau đi cúng dường vị pháp sư tên là An Từ ở động Quán Âm phía sau núi Phù Dung. Người cúng dường Ngài xong thì chân của người cũng sẽ hết chuyện. Người phải mau lên đi! Vị Pháp sư ấy ở đó không có gì để ăn, người hãy cúng dường thức ăn cho Ngài thì vết thương bị chó cắn ở chân cũng sẽ lành lặn ngay. Trong mộng hộ pháp Vi Đà lấy hình của tôi cho bà ta xem, nhìn qua là bà ghi nhớ liền.

Vì liên tục nằm mộng ba đêm liền như vậy, nên bà biết đó là sự thật. Bà bèn đi quyên góp khắp nơi được bảy mươi mấy đồng, tiền Hồng Kông, rồi tự mình mua ba mươi mấy ký lô gạo đích thân vác lên núi đi đến động Quán Âm. Bà có vóc dáng lùn thấp, chân lại bị chó cắn, các vị thấy bà ta có thành tâm hay không?

Sư hàng xóm nhìn thấy thí chủ đến, mau lẹ ra nghênh tiếp. Bà Lưu Khoan Thanh hỏi: “Xin hỏi thầy An Từ có ở đây không ạ?” Láng giềng tăng của tôi đứng trước cửa chặn bà lại, nói: “Tôi là sư trụ trì ở đây, bà muốn gửi cái gì cứ việc giao cho tôi là được rồi.” Sư còn hỏi bà đó là những thứ gì. Bà nói là gạo và có chút tiền. Sư bảo bà đưa hết cho sư, nhưng bà Lưu Khoan Thanh nói:

- Tôi nằm mộng thấy Bồ Tát Vi Đà bảo người đó là thầy An Từ, còn dáng vẻ của sư không giống vị trong hình mà Bồ Tát Vi Đà cho tôi thấy, nên tôi không thể trao cho sư được!

Sư ấy nổi nóng, la lối với bà: “Nói cái gì mà dáng vẻ đó không phải tôi, bà chớ nói chuyện bá láp! Tôi là trụ trì ở đây chứ không phải thầy ấy, bởi vậy bà nên giao hết cho tôi những đồ vật cúng dường đó!”

- Không phải sư; mà không phải là sư, vậy tại sao tôi phải đưa cho sư chứ?

Nghe tiếng hai người cãi vã với nhau, tôi bèn đi ra trước cửa nhìn về hướng đó xem sao. Thấy hai người đang tranh cãi không ngừng, tôi mới hỏi là có sự gì. Bà Lưu Khoan Thanh bèn nói: “Úi cha, đúng là thầy, đúng thầy rồi, chính là thầy này đây. A! Thầy tên là gì, tôi cũng biết luôn!” Vị láng giềng tăng tức giận đùng đùng, hậm hực nói: “Bà không được phép lên núi này nữa đó.” Bà Lưu Khoan Thanh cũng không thềm để ý, bèn lôi các đồ vật ra giao cho tôi. Tôi nói: “Thôi được, sư ấy cũng biết bà tới, vậy bà hãy chia cho mỗi người một nửa đi!”

Con không muốn cho ông.

- Để tôi cho sư ấy vậy, nếu biết bà không cho sư, sư sẽ không vui đâu.

Thế là tôi chia 15 ký gạo và 35 đồng cho sư. Ấy vậy mà sư vẫn không phục, không vui chút nào.

Bà Lưu Khoan Thanh trở về, rao nói khắp nơi rằng: “Ở động Quán Âm có thầy An Từ mà tôi nằm mộng thấy Bồ Tát Vi Đà bảo tôi phải cúng dường thầy đó, và khi cúng dường xong trở về thì vết thương nơi chân của tôi cũng lành lặn luôn, thật là thần kỳ!”

Mọi người nghe xong đều cho là chuyện không thể nghĩ bàn. Vì vậy, sau này người ta lần lượt biết đến tôi, biết tôi ở đó bụng bị đói meo, nên thường có người đến cúng dường. Người này cúng, người kia cũng cúng. Bất luận ai mang vật gì tới cúng dường, tôi cũng đều phân chia cho sư láng giềng một nửa, nhưng sư vẫn không hài lòng. Mỗi lần có người nào đến gặp tôi là sư ấy gây gỗ trước với vị đó. Sư lại còn tìm mọi cách để phá hoại tôi. Về sau tôi cũng không còn ở đó nữa.

Lúc tôi ở đó, mỗi ngày hai cái hồ nước phía trước đều có nước đủ cho mười mấy đến hai chục người dùng. Khi tôi dọn đi rồi, hồ cũng không còn nước nữa. Còn Tây Lạc Viên, bên ấy vốn không có nước, khi tôi đến tu thì Tây Lạc Viên lại có nước. Vì vậy, các thầy ở núi Phù Dung đều bảo là tôi đã mang nguồn nước đó tới Tây Lạc Viên rồi.

8. Nghiêm trì Tông Chỉ

Cư sĩ Lưu Khoan Thanh biết được Hòa Thượng bởi do nằm mộng. Khi đó Hòa Thượng đã hết lương thực cả nửa tháng. Bồ Tát Vi Đà báo mộng bảo bà cúng dường Hòa Thượng. Chuyện này được lan truyền đến nhiều người, nên ai nấy đều cho là điều không thể nghĩ bàn. Hòa Thượng cả đời tuân thủ tông chỉ rất cẩn thận: “Dù rét chết chứ không phan duyên, dù đói chết chứ không hóa duyên...”

Hòa Thượng kể: Thường thường nhịn ăn cũng là một phương pháp tốt, vừa tiết kiệm, vừa không phải mong cầu người ta cúng dường cho mình. Người xuất gia chúng ta, cần

nên nghĩ cho đạo nghiệp của mình được thành tựu hay không, chứ đừng lo ngại là có người cúng dường hay không. Nếu được cúng dường mà mình không khai ngộ, không thành tựu Đạo nghiệp thì mình cũng vẫn là kẻ phàm phu. Như Đạo nghiệp thành tựu rồi, dầu không có ai cúng dường, mình cũng là bậc Thánh nhân. Tôi ở đó, tuy sắp sửa chết đói, nhưng cũng đâu có chết đói. Vì quý vị sợ chết đói, nên không có người cúng dường cho quý vị. Nếu quý vị chân thành tu hành, sẽ không sợ chết đói và tự nhiên sẽ được cảm ứng. Cho nên, chúng ta không cần lo việc có ai cúng dường cho mình hay không.

Xưa nay, tôi chưa hề nói với ai là tôi cần cái gì, cũng chẳng hề nói là tôi không có quần áo, xin may cho tôi một bộ. Dù rét chết chứ không phan duyên, nên không nói với ai là tôi không có cái này hay cũng không có cái kia. Khi ở Đại Lục tôi mặc áo chắp vá, đến Hồng Kông tôi cũng mặc áo rách rưới, miếng này vá chồng lên miếng kia, khoảng mấy chục năm nay, chưa giặt qua một lần mà cũng chẳng có mùi hôi gì. Phải chăng tôi không có quần áo mặc? Không hẳn vậy, vì tôi cũng thích mặc đồ cũ nữa. Còn về việc ăn uống, tôi cũng chẳng bảo với ai là tôi muốn ăn cái gì, ngoại trừ trường hợp đặc biệt cần uống chút thuốc gì thì mới nói. Ngoài ra, khi có người muốn mua đồ cho tôi và hỏi: “Thầy cần cái gì, muốn ăn gì?” Tôi đều nói rằng, cái gì tôi cũng ăn và cái gì tôi cũng không ăn, chứ không hề đòi hỏi phải cho tôi cái gì đó.

9. Tổ chức giúp tỵ nạn Tăng

Vào thời đại cuối năm 40, thế cuộc diễn biến hỗn loạn ở Trung Quốc, chúng Tăng từ phương Bắc di cư về Nam, tập trung nơi hòn đất bé nhỏ Hồng Kông. Năm 1951, Hòa Thượng từng nhậm chức Trưởng Hội Trung Quốc Đại Lục Lưu Cảng Tăng Nhân Liên Nghị, phụ trách việc thống kê điều tra nhân số Tăng lữ lưu nạn từ Đại Lục đến Hồng Kông ...

Bối cảnh thời đại: Năm 1939, bắt đầu Đệ Nhị Thế Chiến. Năm 1941, Nhật Bản đột kích Trân Châu Cảng và phát động

các cuộc chiến tranh tại Đông Nam Á. Hồng Kông cũng trong năm đó vào ngày 25 tháng 12, sau khi đầu hàng liền bị Nhật chiếm lãnh. Hồng Kông bị xâm chiếm 3 năm 8 tháng, có rất nhiều Tăng sĩ Hồng Kông chạy nạn vào nội địa. Tháng 8 năm 1945, Đại Chiến Thứ Hai chấm dứt, Hồng Kông vẫn duy trì tình trạng như thuộc địa của nước Anh. Tháng 5 năm 1948, chánh phủ Quốc Dân chính thức cải tổ thành chánh phủ Trung Hoa Dân Quốc.

Ngày 22 tháng 11, cuộc nội chiến Trung Cộng kết thúc giai đoạn thứ nhất của chiến dịch Hoài Hải, quân đội của đảng Cộng Sản thắng trận.

Tháng 7 năm 1949, quân đội Trung Hoa Dân Quốc bắt đầu rút lui khỏi Đại Lục rồi đến chiếm giữ Đài Loan. Đảng Cộng Sản chiếm lãnh phần lớn đất đai của Đại Lục. Ngày 1 tháng 10, nước Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa được thành lập. Ngày 7 tháng 12, chính phủ Trung Hoa Dân Quốc dời đô từ Tứ Xuyên về Đài Bắc, Đài Loan.

Vào thời đại 50, sau chiến tranh, khá nhiều dân chúng Hồng Kông bị thất nghiệp nghèo nàn, lại bị thiếu thốn tài nguyên thiên nhiên. Thêm vào đó, mỗi tháng có cả trăm nghìn người tỵ nạn đổ dồn về Hồng Kông, bấy giờ vấn đề nhân khẩu trở nên rất nghiêm trọng.

Vào thời điểm này, một loạt lớn Tăng chúng từ phương Bắc đổ ào xuống phía Nam Hồng Kông. Người Hồng Kông gọi là thời kỳ “Tăng Ni Di Nam”, vì có từng đoàn người xuất gia di chuyển về Nam.



Năm 1951, Hòa Thượng chụp ảnh cùng chư tăng lưu trú tại Hồng Kông

Trong số đó, có người đến từ Bạch Sơn (Trường Bạch Sơn), Hắc Thủy (Hắc Long Giang), trong ngoài Trường Thành, cũng

có từ Đại Giang Nam Bắc, hai Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây), hai Hồ (Hồ Nam, Hồ Bắc) v.v... Đối trước tình cảnh chúng Tăng ở các nơi đến, một số khu vực vùng ngoại ô Hồng Kông bèn cất lên các tinh xá, tịnh thất, am cốc... Phật tử địa phương cũng tu sửa các ngôi nhà gỗ v.v... để làm chỗ tạm an thân cho chư Tăng tỵ nạn. Trong số các chùa chiền ở Hồng Kông, chùa Đông Phổ Đà tại Thuyền Loan, Tân Giới là nơi có chúng Tăng tạm trú đông nhất.

Hòa Thượng kể: Lúc đó, có nhiều người xuất gia ở Hồng Kông rất ngán tôi, vì hầu hết đều bị tôi quở trách về việc họ không chịu chăm sóc cho chư tăng tỵ nạn đến Hồng Kông. Ở Hồng Kông tôi quen biết thầy Thanh Nghiêm. Lúc bấy giờ, tôi làm Hội Trưởng Hội Liên Nghị Tăng Già. Thầy ấy lo giúp công việc ở khắp nơi, là một tu sĩ rất trẻ tuổi. Sau đó thầy ở Đài Loan đã “dong” trước rồi. Vậy là Đài Loan lại xuất hiện thêm một nhục thân Bồ Tát. Bởi vậy, dù trẻ tuổi hay lớn tuổi, hễ biết dụng công tu hành tức đều có thể thành Đạo. Ở Hồng Kông cũng đã từng có một Tiểu A La hán, vốn là một chú tiểu, suốt ngày đến tối chú ta cứ cười hi hà rất hồn nhiên. Người ta cúng dường các thứ, chú đều không nhận. Nếu như có nhận lấy, chú cũng đem cho người khác, cho nên mọi người gọi chú là Tiểu A La Hán. Vì vậy, người có công phu tu hành thật sự, dù có chết đi bao nhiêu ngày đi nữa, nhục thân của vị đó vẫn ngồi ngay ngắn đản nghiêm, đầu không gục xuống.

Ở Hồng Kông tôi đã từng giúp đỡ cho một thầy nọ rất nhiều, vậy mà thầy ấy lại trở mặt phá hoại tôi, nhưng tôi cũng chẳng trách móc gì, sau đó thầy bị bệnh ung thư chết. Khi sắp chết, thầy ta vẫn muốn sĩ diện rằng, sau khi chết, thầy cũng muốn ngồi trong cái chum (lu lớn) giống như pháp sư Từ Hàng, chờ ba năm sau hãy mở chum ra rồi thiếp vàng vào di thể của thầy. Không ngờ thầy mất đến ngày thứ hai là đầu đã gục xuống. Đệ tử của thầy biết là lời dặn dò không đáng tin cậy, cho nên họ cứ một mực không dám mở chum.

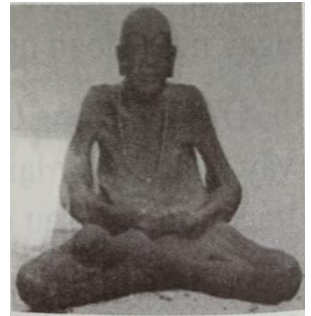
(Ghi chú 1) Nhục Thân Bồ Tát thứ hai ở Đài Loan, Thầy Thanh Nghiêm thị hiện tướng bệnh khổ.

Thầy Thanh Nghiêm (1924 - 1970) 12 tuổi xuất gia, 18 tuổi thọ giới Cụ Túc, 22 tuổi giữ chức Tri Khách tại chùa Cổ Đức, Hán Khẩu. Thời kỳ Trung Cộng nội chiến, để tránh chiến loạn, Ngài dời đến Đông Phổ Đà, Hồng Kông khi 25 tuổi. Ở Hồng Kông 5 năm, Ngài tham gia phục vụ cho Hội Trung Quốc Đại Lục Lưu Cảng Tăng Nhân Liên Nghi, nhằm bảo vệ quyền lợi cho Tăng chúng.



Dân Quốc năm 43 (1954) Ngài từ Hồng Kông chuyển đến Đài Loan, sau cùng trú ngụ ở chùa Hải Tạng, Tân Điểm (Xindian). Ngài thị tịch vào năm 47 tuổi. Một tháng trước ngày viên tịch, Ngài dặn bảo đệ tử là sẽ ngồi trong chum sáu năm.

Dân Quốc năm 65, đệ tử khai mở chum trước đại chúng, nhục thân của Ngài thật hoàn hảo, bảo tượng trang nghiêm, y cà sa vẫn chưa hư hoại. Lúc đó xã hội cũng đã xôn xao một thời, sau này nhục thân được mạ thiếp vàng, cho đến nay nhục thân Ngài vẫn còn ngồi vững tại chùa Hải Tạng. Thầy Thanh Nghiêm ở Đài Loan 15 năm luôn thị hiện tướng bệnh khổ. Ngài sống nơi bình thường, dùi mài phẩm cách, an thân cảnh nghèo, vui trong đạo nghiệp, mấy mươi năm cũng như một ngày. Ngài nói: “Bệnh khổ sách tấn tôi không dám giải đãi.” Bệnh càng dữ dội, Ngài hành trì càng tinh tấn, miệng vẫn cứ niệm, thân thường lễ bái, ý luôn nhớ tưởng Bồ Tát Quán Thế Âm. Danh ngôn của Ngài là: “Chẳng sợ không có chùa, chỉ sợ không thành Đạo.”



(Ghi chú 2) Vào năm 1951, pháp sư Mộng Sanh là vị đầu tiên đảm trách chức Trưởng Hội Trung Quốc Đại Lục Tăng Lưu Cảng Tăng Nhân Liên Nghi. Hòa Thượng năm đó giữ chức thống kê điều tra dân số Tăng lữ Đại Lục lưu trú tại Hồng Kông, lấy tên là Trung Quốc Đại Lục Lưu Cảng Tăng Nhân

Liên Nghị Hội Nhân Danh Sách. Không lâu Hòa Thượng lại được tiếp giao chức vị Hội Trưởng.

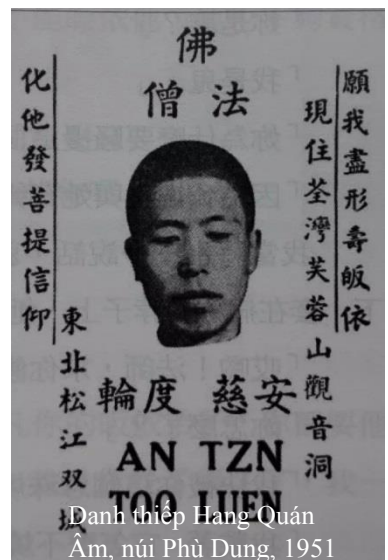
10. Quỷ biết “bốn sáu”

Người trời đều ngưỡng mộ đức hạnh và nguyên lực của Hòa Thượng, nên ngay cả quỷ thần cũng cầu xin được quy y. Trần Thụy Xương vốn là thương gia nổi tiếng ở Hồng Kông. Ông có đứa cháu gái đã mất cha mẹ từ nhỏ, nên được vợ chồng ông nuôi dưỡng lớn khôn...

Hòa Thượng kể: Nếu tôi bảo người ta quy y mình thì họ sẽ hỏi: “Thầy có đủ tư cách làm Sư Phụ không? Có phải thầy muốn lợi dụng tôi, muốn làm Sư Phụ tôi để cao hơn tôi một bậc à?” Thế thì tôi nên nói sao đây? Vì vậy, xưa nay tôi không bảo ai quy y với tôi cả. Thâu một đệ tử quy y, nếu không giáo hóa y theo chánh pháp, không thể độ y, tôi cảm thấy có lỗi với y, nên rất hổ thẹn. Vậy, nếu tôi dùng chánh pháp để dạy dỗ, mà y không thành tâm, không chịu nghe theo lời dạy bảo, thì tôi cũng đành chịu. Bởi thế, tôi không bảo người ta quy y tôi. Nhưng bây giờ lại có nhiều người muốn quy y với tôi, vậy các vị hãy tự hỏi mình, ai là người mà tôi bảo tới quy y đây?

Thậm chí có muốn quy y, tôi cũng phải xem xét, quan sát duyệt qua. Có khi đông người quá, khảo sát không kịp nên tôi mắt nhắm mắt mở cho qua: “Được rồi, đều chấp thuận hết”. Các đệ tử muốn quy y tôi ở Đông Bắc và Hồng Kông, trước tiên tôi phải hỏi chuyện với từng người một, như tại sao muốn quy y tôi? Không những với người là vậy mà với quỷ cũng y như thế đó. Thật đấy, ở Hồng Kông tôi đã thâu nhận quỷ làm đệ tử rồi.

Ở Hồng Kông có nhiều người nói pháp sư Độ Luân có bản lãnh bắt ma. Đây cũng là một phần của câu chuyện. Nói đến quỷ này cũng



là chuyện không thể nghĩ bàn! Trần Thụy Xương làm chủ công ty Đại Quang, có đứa cháu gái bị bệnh ma chướng, quỷ nhập vào thân khiến cô ta phát điên, người có ma khí quấy động nên cả nhà không ai được yên.

Ông Trần Thụy Xương thỉnh bầy ông thầy đến tụng kinh. Các vị xuất gia này thường làm Phật sự bằng cách đi tụng kinh để sinh sống. Họ đến đó mặc áo tràng đắp y, đặt quyển kinh Kim Cang và chú Đại Bi trên bàn, rồi họ bắt đầu niệm: “Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da ...” Họ suốt ngày đêm cứ “Nam mô, Nam mô, Nam mô”, rồi cứ “Nam mô” không ngừng nghỉ. Họ lại tụng kinh Kim Cang:

“Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở nước Xá Vệ trong vườn cây của Kỳ Đà và Cấp Cô Độc, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ Kheo Tăng tụ hội. Khi ấy đến giờ thọ thực, Thế Tôn đắp y trì bát, đi vào Xá Vệ thành khát thực. Vào trong thành rồi, khát thực theo thứ lớp đã xong, trở về chỗ cũ. Dùng cơm xong, thu dọn y bát, rửa chân rồi, trải tòa mà ngồi...”

Lạ lùng thay, khi các thầy tụng kinh, quỷ cũng tụng theo. Cho nên người tụng kinh người, quỷ tụng kinh quỷ. Thầy tụng “trải tòa mà ngồi,” nó cũng nhái lại “trải tòa mà ngồi”, cứ vậy mỗi ngày nó đấu pháp với các thầy tụng. Nó phá đến nỗi bầy thầy này tụng kinh bảy ngày xong cũng không ra khỏi cửa được và quấy nhiễu đến nỗi họ đành phải bó tay hết cách, quả là không còn biện pháp nào cả.

Trong số bảy thầy đó, có một vị là đệ tử cháu của tôi, thầy Hằng Việt (cháu tôn của Hòa Thượng Thường Nghĩa). Thầy nói với Trần Thụy Xương rằng: “Nếu muốn trị cho cô bệnh, ông nên cho người đi thỉnh Sư Bác của tôi, ông sẽ có cách!” Ông này tin lời thầy, vội vàng chạy đến động Quán Âm cầu thỉnh tôi.

Từ khi ẩn cư trong động Quán Âm cho đến nay, tôi như cầm như điếc, như ngu như ngốc, một lòng tu hành, không màng đến thế sự. Bởi vậy, lần thứ nhất họ đến thỉnh, tôi không

nhận lời. Rồi họ lại đến lần thứ hai, tôi cũng không đáp ứng. Đến lần thứ ba, họ quỳ trước mặt tôi, không chịu đứng lên. Tôi vốn không muốn xen vào chuyện không đâu của người khác, nhưng nay họ đã thỉnh cầu ba lần rồi, nên tôi nói:

- Được rồi, các vị đã thành tâm như vậy thì tôi sẽ đi! Đến đó, tôi thấy người bệnh ở trên giường đang đấu pháp với các thầy. Các thầy tụng kinh, nó cũng tụng kinh, các thầy niệm chú, nó cũng niệm chú. Nó ở đó lắc lư lạng quạng, không biết phát ra bao nhiêu là thần khí! Tôi ngồi xuống bên giường của người bệnh, cũng không có tụng niệm kinh gì, chỉ việc ngồi im lặng ở đấy. Qua được 10 phút, người bệnh lặng lẽ, người đang dẫn quý, quý đang nhập người, rồi bước xuống giường, bò đến bên tôi và quỳ xuống trước mặt tôi. Tôi hỏi:

- Ngươi là ai?

- Tôi là quý.

- Tại sao ngươi đến quấy rối người này?

- Bởi kiếp trước cô ấy có duyên với tôi.

Lúc đó, tôi cũng không muốn nói gì nhiều, liền lấy khâu chuỗi đang đeo trên cổ xuống và tròng vào cổ bệnh nhân. Cô ta lập tức rên la: “Ui da! Thầy ơi, cầu xin thầy hãy tha thứ cho con, con không dám nữa đâu!”

- Ngươi làm sao vậy?

- Con sắp bị khâu chuỗi của thầy đốt chết rồi!

- Ta đeo nó, sao nó không đốt? Tại sao ngươi đeo nó lại bị đốt hả?

- Thầy ơi, xin thầy từ bi bỏ qua cho con! Con thật sự chịu không nổi rồi!

- Vậy ngươi muốn làm cái gì?

- Con muốn quy y thầy.

- Người muốn quy y ta à? Vậy bảy vị sư này tụng kinh cho người đến bảy, tám ngày trời, sao người không quy y họ? Người quy y ta để làm cái gì?

- Mấy ông à? Mấy ông quy y con, con cũng không thêm, con chê mấy ông thôi!

Quý vị coi đó! Con quỉ này cũng biết tự cao thế! Nó còn nói là nó quen biết vị Lão Hòa Thượng nào đó.

Tôi nói: “Người đã quen biết Lão Hòa Thượng đó, vậy sao không quy y với Hòa Thượng đó, có phải tốt hơn không? Còn ta bây giờ ngay cả chỗ ở cũng không có, người quy y ta làm cái gì?”

- Con quen biết thầy đó, nhưng không thể quy y ông, ông cũng không đủ tư cách làm Sư Phụ con.

- Vậy ta đủ tư cách sao?

- Con đã tìm kiếm nhiều năm như vậy, chính là tìm thầy đây!

- Người tìm ta làm gì?

- Con muốn quy y Ngài!

- Quy y với ta có gì tốt chứ?

- Vì đại nguyện lực của thầy, phạm ai là đệ tử của thầy, thầy đều muốn cho người đó được thành Phật. Bởi vì thầy có nguyện lực này nên con tìm thầy và tìm đã lâu lắm rồi, con nhất định phải quy y với thầy.

- Được rồi, người quy y ta, còn người bệnh này thì sao đây, có lành hay không?

-Tức khắc hết bệnh liền!

Khi quỉ này quy y tôi xong, người bệnh cũng hết bệnh ngay. Sự việc xảy ra, bảy vị sư đó đều chính mắt nhìn thấy ngay tại chỗ. Quý vị xem, quỉ này cũng biết được “bốn sáu” nữa! Sao gọi là “bốn sáu?” Bốn này là chữ phụ (父) như phụ thân có bốn nét, còn sáu là chữ mẫu (母) như mẫu thân có 6

nét. Cho nên nếu nói người nào đó "không biết bốn sáu", tức là nói người đó ngay cả đến cha mẹ của mình mà mình cũng không biết luôn. Nhưng quý này hiểu rõ "bốn sáu", cho nên nó biết muốn quy y.

Trần Thụy Xương đã thề là: "Nếu cháu gái tôi không lành bệnh, từ nay về sau tôi sẽ không tin Phật nữa!" May mà bệnh của cháu ông sau này được khỏi. Không phải tôi sợ ông không tin Phật, mà tôi thấy cô cháu phát điên tội nghiệp quá, thành thử tôi bảo cô ta lành bệnh.

Hôm nay không phải tôi kể cho quý vị nghe là tôi có cái năng lực này nọ, mà tôi chỉ nói ra lẽ sự thật. Quý này quy y rồi, người bệnh được khỏi bệnh cũng muốn quy y và cả người thân của bệnh nhân cũng muốn quy y luôn. Cho nên, nhóm người này quy y, hơn nữa cả nhà họ đều cũng quy y.

Vì vậy, quý có thể giới thiệu cho người quy y, người thấy quý quy y cũng nóng mũi rằng: "Tôi cũng muốn quy y luôn".

Sau khi cháu gái của Trần Thụy Xương khỏi bệnh, cả nhà họ đều tin Phật. Cho đến đứa bé mới sanh ra là họ cho quy y Tam Bảo, rồi mời mọi người ăn chay. Họ đều theo lệ, mỗi khi sanh cháu trai, cháu gái đều mời bạn đạo đến dùng chay, mở tiệc vui chúc mừng và tất cả đều dùng chay chứ không sát sanh. Kể từ đó, tôi được nổi danh về "bất quý". Ở Hồng Kông, có nhiều người đều tưởng rằng thầy Độ Luân này có bản lãnh bất quý. Có người còn nói tôi là "Mao Sơn" (tông Mao Sơn thuộc Đạo Giáo, với uy danh đệ nhất đuổi tà trừ ma). Ở Mã Lai cũng có người truyền rao tôi là "Lão Ma Vương" tức là "một trong năm Đại Quái Hồng Kông. Ai muốn gọi tôi là gì cũng được, tôi tuyệt đối không bận tâm. Nếu không, tôi làm sao lại có thể tự xưng mình là một con kiến nhỏ nhoi, một con muỗi bé tí, hay như là một con ngựa chứ?

(*Ghi chú*) Ông Trần Thụy Xương chính mắt nhìn thấy Hòa Thượng vào nhà, rồi nửa tiếng đồng hồ sau, đứa cháu gái khôi phục sức khỏe trở lại bình thường. Ông thâm hiểu Hòa Thượng là vị chân chánh tu hành, oai đức của Ngài đã nhiếp

phục được tà ma. Thế nên, ông đưa cả nhà đến quy y với Hòa Thượng.

Về sau mỗi lần Tết đến, ông đều thỉnh Hòa Thượng viết đôi liên chúc mừng năm mới. Có một năm, con trai của ông không muốn Hòa Thượng viết liên Tết nữa thì năm đó việc làm ăn bị sút kém. Từ đây mỗi năm họ đều khẩn cầu Hòa Thượng viết đôi liên chúc tết. Sau khi Hòa Thượng đến Mỹ rồi, họ vẫn còn gửi thư bảo đảm qua Mỹ thỉnh cầu Hòa Thượng viết liên cho họ.

Hòa Thượng kể: Trần Thụy Xương là đệ tử quy y lâu năm của tôi. Năm nay (1971) vào tháng 8, ông đã vãng sanh về thế giới Cực Lạc rồi. Ông ở bệnh viện mỗi ngày đều niệm Phật, niệm cho đến khi ngủ quên rồi vãng sanh đi luôn, không có đau đớn gì cả.

11. Giảng Kinh Địa Tạng

Vào tháng 11 năm 1951, ông Trần Thụy Xương và các cư sĩ khác thỉnh mời Hòa Thượng đến Thông Thiện Đàn, Hồng Kông giảng Kinh Địa Tạng. Ngõ hầu dương cao ngọn cờ pháp, khai mở cửa phương tiện, Hòa Thượng đã giảng một khóa hết bốn mươi mấy ngày. Mỗi ngày thỉnh chúng đến nghe giảng không dưới một trăm



Hòa Thượng kể: Mùa Đông năm 1951, La Quả Minh, Trần Quả Phát (Trần Thụy Xương), Viên Quả Lâm (vợ Trần Thụy Xương), Đường Quả Thiện, Mạch Quả Liên là các cư sĩ khởi xướng việc thỉnh tôi đến Thông Thiện Đàn giảng Kinh Địa Tạng. Mùa Thu năm sau cũng tại đó tôi giảng Kinh Kim Cang và cũng giảng qua kinh

A Di Đà ở chùa Bảo Giác.

Quý vị đều biết rằng, tôi lúc nào cũng là giảng kinh, bởi nếu không giảng kinh, tôi sẽ không sống nổi. Vì vậy còn một hơi thở là tôi còn giảng kinh, trừ khi nào đứt hơi rồi mới không giảng nữa. Nếu quý vị hỏi: “Thầy biết giảng không?” Tôi không biết giảng. Dù không biết giảng nhưng tôi sẽ luyện tập giảng, học cách giảng. Ở Hồng Kông có người truyền rao: “Thầy ấy mà giảng kinh à? Ngay cả chữ ổng cũng không biết thì làm sao giảng kinh chứ?” Khi tôi giảng kinh ở Đài Loan cũng có người nói tôi như thế, rằng: “Thầy đó ngay cả một chữ cũng chẳng nhận ra thì giảng cái gì, mấy người đừng có đi nghe nhé!” Khi y bảo người ta đừng đi nghe, người ta lại càng hiếu kỳ, càng lại muốn xem coi ông thầy dốt chữ này giảng giải cái kinh điển gì? Tôi cũng cảm thấy lạ lùng: “Ngay cả chữ tôi còn không biết, vậy tại sao tôi lại muốn giảng kinh chứ?”



Hòa Thượng chụp ảnh Lưu niệm sau khi viên mãn pháp hội Giảng Kinh tại Thông Thiện

Tôi viết chữ cũng không đẹp, tuy vậy cũng có người thấy chữ viết Sư Phụ không đẹp đấy, nhưng vẫn muốn giữ cất lại để sau này làm đồ cổ đem đi bán. Tôi nói rõ ràng thẳng thắn cùng quý vị là tôi không thích viết thư. Vì

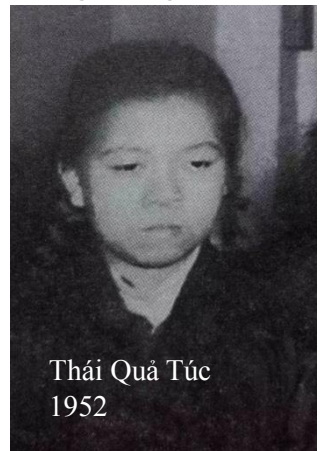
thứ nhất, tôi rất bận rộn, thứ hai là chữ viết của tôi không đẹp, và tôi không muốn sau này người ta lấy những chữ đó đem làm đồ cổ. Tôi ở Hồng Kông mười mấy năm, nhiều người xuất gia nói rằng tôi không biết chữ. Tôi cũng công nhận là mình không biết chữ. Tuy không biết chữ nhưng tôi vẫn muốn học hỏi. Văn tự chữ nghĩa Bát Nhã này, dù rằng không phải là thật, nhưng chúng ta cũng cần phải biết chút vậy. Quý vị đừng cho rằng những gì tôi nói đều đúng hết, hoặc có chỗ tôi cũng nói

sai. Tại sao? Vì trước khi giảng kinh, có khi tôi chẳng xem qua kinh đó lần nào.

Nói chung, trước khi giảng kinh, pháp sư phải coi chú giải, coi chú giải rồi lại coi kinh văn, nghiên cứu tới lui nhiều lần. Còn tôi không coi qua hay niệm qua, cũng không có nghiên cứu qua phần chú giải lần nào. Cho nên tôi giảng đạo lý hoặc giả không đúng, hoặc có chỗ nói sai. Tại sao vậy? Vì tôi rất ngu si và tôi không hẳn hoàn toàn hiểu rõ hết các đạo lý của Phật nói. Quý vị đây đều là người có trí tuệ, nhất là thanh niên có trí huệ so với tôi thì cao hơn cả nghìn vạn trọng. Giả sử như tôi nói không đúng, cũng coi như tôi đã khai khẩn vùng đất hoang này cho quý vị, để cho quý vị tự trồng trọt và canh tác lấy. Nếu như tôi giảng đúng, quý vị nghe rồi y chiếu làm theo, còn như không đúng thì quý vị hãy dùng trí huệ chân chánh của mình để sửa đổi lại.

(*Ghi chú*) Cư sĩ Đàm Quả Chánh thuật lại: Về phương diện tín ngưỡng, gia đình tôi chưa theo một tôn giáo nào. Tuy rằng tôi đi học ở trường Thiên Chúa Giáo tiếng Anh, nhưng những gì Thánh kinh nói đã không làm tôi tin để dưng lễ rửa tội trở thành giáo đồ. Cha tôi Đàm Phác Tài (pháp danh Quả Phác) cũng chẳng tin tôn giáo nào dù ông rất thích đi hội Thông Thiện Đàn. Thời đó, phần đông các thương gia thường hay tham gia đoàn thể Đạo Giáo tại Thông Thiện Đàn. Cha tôi đã ngoài bảy mươi tuổi cũng hay tới đó. Tôi thường đi với ông đến Thông Thiện Đàn, nhưng tôi chỉ chờ ông ở ngoài hành lang. Tôi không muốn vào bên trong, vì họ đốt rất nhiều nhang nên khói xông mịt mù và tôi cũng chẳng hứng thú gì với những việc họ làm.

Mùa Đông năm 1951, cư sĩ Trần Thụy Xương mời Sư Phụ giảng bộ Kinh Địa Tạng. Trần cư sĩ có một tiệm bán vải, lầu hai để ở, còn Sư Phụ ở nơi gác nhỏ trên lầu ba. Lúc Sư Phụ giảng Kinh Địa Tạng, tôi không có tham gia, vì lâu



Thái Quả Túc
1952

nay tôi thờ ơ không hề quan tâm đến việc của Thông Thiện Đàn. Khi Sư Phụ giảng Kinh Địa Tạng, có cô bé Thái Quả Túc khoảng 14, 15 tuổi nhìn thấy trên pháp tòa phóng quang sáng chiếu cả hội trường. Cô còn thấy rất nhiều cảnh giới khác nữa. Sư Phụ bảo cô bé đó đến từ cõi trời, cho nên mới có thiên nhãn thấy được.

12. Đạo bạn quy y

Hội Thông Thiện Đàn thờ phụng tổ sư Lữ Thuần Dương, được thành lập năm 1938. Tôn thờ Đạo Giáo là điều kiện đầu tiên cho đệ tử nhập môn, hội lấy tông chỉ: “Tuyên dương Đạo Giáo, tổ chức các hoạt động từ thiện xã hội”. Lúc đó, các đạo hữu có thể mời Thần Linh giáng lâm đàn tràng..

Mùa Đông năm 1951, khi Hòa Thượng giảng Kinh Địa Tạng tại Thông Thiện Đàn, Lữ Tổ viết văn kệ khuyến khích tín chúng quy y Tam Bảo:

Văn kệ như sau:

*Một vì Đạo không chuyển đổi
Hai khí âm dương là cố định
Ba nhà hội họp thành chân đế
Bốn thời thuận thảo càng hòa hợp
Năm nguyên khí sớm quy chánh tông
Sáu dục trừ bỏ, đừng trói buộc
Bảy tình đáng nên hóa giải đi
Tám nước công đức luôn nhớ nghĩ
Chín chuyển thành đơn cũng có ngày
Thập Địa liên hoa nở đầy ao.
Thập Hạnh do tu mà được vậy
Chín chín hưng long đại chúng vui
Tám mặt long lanh chiếu sáng khắp
Bảy bậc Phật Đà có chỗ nương
Sáu đạo luân hồi được siêu độ
Năm trong tự có một Địa thần
Bốn phía bao bọc cả trời đất*

Ba dương hòa hợp không thể rời (mặt trời, mặt trăng, sao)

Hai lý vốn đều là một thể

Một khi đắc Đạo cả nhà vui

Nguyện cùng người thế gian nói pháp

Tụng kinh niệm Phật lý thích hợp

Cũng lấy thân tâm để khuyến hóa

Trong tu công quả được Quy Y!

Hòa Thượng kể: Thông thường, người ta gọi Lữ Động Tân là Lữ Tổ. Người Đạo Giáo thờ phụng Lữ Tổ, vậy Lữ Tổ này là ai? Tức là Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện là Lữ Tổ để độ các vị Đạo Lão. Tại sao Ngài lại quy y Tam Bảo? Có thể nói là Ngài trở về nhà nhận là Tổ, cũng có thể nói là đến Đạo Giáo thị hiện một Đạo Lão để “đưa ngói ra lấy ngọc về” thật ra cũng để mở đường cho Phật Giáo.

(Ghi chú 1) Đàm Quả Phác ghi lại trong “Từ khi tham khảo học kinh Phật”: Vào đầu mùa Đông tháng 10 âm lịch, năm Tân Mão (1951), nhân vì tôi tôn thờ tiên sư Thuần Dương Lữ Tổ, cho nên thường đến Thông Thiện Đàn, cũng vừa đúng dịp cư sĩ Trần Thụy Xương thỉnh Hòa Thượng Độ Luân người Đông Bắc, Kiệt Lâm, Trung Quốc đến Đàn tràng tuyên giảng Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện. Tôi nghe được yếu chỉ của giáo pháp, nhận hiểu được Phật Đạo từ bi mà cảm xúc trong tâm, nên bèn quy y Tam Bảo.



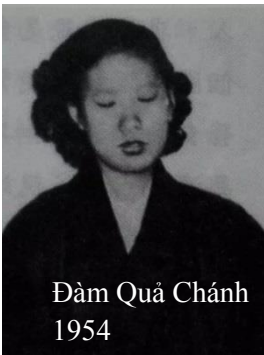
Trần Thụy Xương

(Ghi chú 2) Thông Thiện Đàn nguyên từ động Khánh Vân, Trà Sơn, Nam Hải, Quảng Đông, thuộc Đạo Giáo chánh tông phái Toàn Chân. Hội thờ phụng tổ sư Lữ Thuần Dương làm Chủ Thần. Năm 1938, có số đông đệ tử ở động Khánh Vân, Trà Sơn, Nam Hải đi buôn đến Hồng Kông. Vì muốn có phương tiện tu tâm dưỡng tánh và cúng phụng tiên sư Lữ Tổ, họ thành lập Hội tại một tư gia trong Trung Hoàn (Chong Wan Central Hồng Kông), lấy tên là Hội Người Hiền (Quần Hiền Đàn). Sau đó Hội đổi tên thành Trà Sơn Khánh Vân Động Trú

Cảng Thông Thiện Đàn ở trên đường Gage, Central. Đầu thế kỷ năm 60, Hội dòi về đường Wellington.

(*Ghi chú 3*) Cư sĩ Đàm Quả Chánh thuật lại: Khi ấy, các đạo hữu trong Hội Thông Thiện Đàn mời thần linh giáng lâm đàn tràng như cách lên đồng. Lúc ấy, thầy bói dùng ngón tay nâng cạnh ngang một dụng cụ có hình như cây đinh (丁), đầu dài chữa thẳng xuống và nó sẽ tự động di chuyển qua lại để vẽ chữ trên mâm cát. Người ngồi cạnh đó đọc to lên và ghi xuống lời dự đoán của thần linh. Khi cha tôi nhìn thấy bài thơ trong quẻ xâm, đó cũng là ngày giáng kinh cuối cùng. Cha tôi bảo tôi phải chép lại bài thơ của quẻ bói đó. Mỗi câu của bài thơ ấy đều mở đầu bằng một loạt chữ số từ 1 đến 10.

Câu cuối cùng là “Trong tu công quả được Quy Y!” như khuyên nhủ đệ tử Thông Thiện Đàn nên quy y Tam Bảo.



Đàm Quả Chánh
1954

Sau khi cha tôi đọc bài thơ bói quẻ, ông quyết định đi gặp Sư Phụ, tôi miễn cưỡng tháp tùng theo ông. Chính mắt tôi nhìn thấy vị Thầy mặc áo chắp vá với khuôn mặt từ bi nghiêm nghị. Thầy này hiển nhiên khác xa một trời một vực với các thầy tu khác tôi đã thấy qua từ trước và cũng chẳng giống như các linh mục hay bà sơ của Thiên Chúa Giáo mà tôi đã từng thấy. Cử chỉ tôn nghiêm của Sư Phụ, tỏ rõ sự khác biệt xuất chúng, khiến người thấy phải ngưỡng mộ. Lúc đó Sư Phụ cho tôi quyển Kinh Địa Tạng. Từ đó về sau, tôi đã thay đổi cách nhìn đối với Phật Giáo và tôi rất hăng hái đọc Kinh Địa Tạng, thậm chí đến lúc ăn cơm cũng không rời quyển kinh. Tôi cũng không hiểu tại sao, bỗng nhiên mình lại có hứng thú đối với Phật Giáo đến thế.

Vào ngày 15 tháng 3 âm lịch, năm 1952, mẹ và tôi cùng đi quy y. Mẹ tôi được pháp danh là Cam Quả Ngạn (彦). Sau đó em gái Đàm Mộ Khiết (Đàm Quả Thúc), em trai Đàm Kiều Kiến (Đàm Quả Hành) và em gái út Đàm Mộ Nhan (Đàm Quả

Ngạn (岸) đều quy y Sư Phụ. Ngoại trừ anh tôi tin theo Mật Tông, cả nhà tôi đều là đệ tử của Sư Phụ. Tôi không phải vì cha quy y rồi con mới quy y theo, mà tôi quy y chính vì biết được ý nghĩa của đạo Phật.

Tại trường Thiên Chúa Giáo tôi đã học lớp vấn đáp giáo lý Thánh kinh. Trong lớp đó tôi đã từng hỏi các giáo viên tu nữ rất nhiều vấn đề, nhưng họ hoàn toàn không thể trả lời tôi được. Sau này gặp được Sư Phụ tôi mới biết được giáo lý của đạo Phật khác hẳn, đó là mọi người đều có thể thành Phật.

Sư Phụ từng mong muốn tôi viết lại quá trình quy y của cha tôi, nhưng tôi không chịu viết, lại còn nói với Sư Phụ là:

“Chẳng thà dấu đi cái xấu, còn tốt hơn là đem phơi bày nó ra.”

Sư Phụ nói: “Tại sao con lại chấp trước vào cái ngã tướng như vậy? Nếu mọi người đều nghĩ giống như con, đã không có ai thềm viết văn nữa rồi? Gần đây tạp chí của Phật Giáo rất ít người gửi bài tới, Sư Phụ hy vọng các con sẽ cố gắng viết văn chương nhiều hơn chút nữa.

Hồi tưởng lại chuyện xưa, có nhiều việc Sư Phụ dạy bảo mà tôi đã không làm theo!

(Ghi chú 4) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Pháp danh tôi là Quả Thức, Sư Phụ thường gọi tôi là Mộ Khiết. Tôi biết được Sư Phụ là nhờ cha tôi. Hội Thông Thiện Đàn hay mời các thương gia gia nhập, cha tôi là một trong những hội viên ở đó. Hội này thường xuyên quyên góp tiền bạc để giúp đỡ người nghèo, còn phân phát thức ăn, thuốc men và những vật phẩm cần thiết khác trong đời sống cho người nghèo. Cha tôi đọc qua rất nhiều sách xưa và sách thuốc y học cổ truyền của Trung Quốc. Khi cha tôi nghe Sư Phụ giảng kinh Địa Tạng ở Thông Thiện Đàn, ông đã phát hiện, dù Sư Phụ trẻ tuổi nhưng học thức lại thật uyên bác. Hơn nữa, tín chúng của Thông Thiện Đàn đều rất sùng kính Sư Phụ, đó là chuyện từ trước tới nay chưa từng có. Lúc bấy giờ, Sư Phụ chỉ hơn ba mươi tuổi,

đã có khoảng 10 đến 15 tín đồ Đạo Giáo quy y Ngài, cha của tôi trên 70 tuổi cũng là một trong những người đó.

Cha tôi là một văn nhân, thích làm việc thiện và hay bố thí. Vào thời Đệ Nhị Thế Chiến, ông đã bán tài sản mua gạo nấu cháo để cứu sống dân làng. Trong thôn, ông còn xây trường học, lập ra ban giáo dục. Chắc vì lẽ đó, nên dân làng rất kính trọng cha tôi. Trên thương trường cha tôi khá có danh tiếng, nhưng ông đi bái một người còn nhỏ tuổi hơn cả con trai lớn của mình để làm Thầy, rồi lại thọ giáo với vị thầy đó một cách cung kính, nên thật là hiếm có vậy.

Cha tôi là Đàm Phác Tài, sau khi quy y có pháp danh là Quả Phác. Chúng ta thường thấy tên của ông ở các chùa chi nhánh Vạn Phật Thánh Thành tại Hồng Kông. Như trong câu đối liên ở cổng chùa Từ Hưng cũng có tên ông. Trong cuốn sự tích của Sư Phụ lúc trước, ông có viết bài văn thay lời tựa. Ông cảm thấy rất vinh hạnh và may mắn, vì mình tuổi sắp 80 mà còn gặp được một bậc Thầy tôn quý như thế.



Nhớ lại khi tôi còn ở Tiểu Học, cha tôi từ Hội Thông Thiện Đàn về vui mừng hớn hở nói với mẹ tôi rằng:

- Bà có biết không? Tôi có Sư Phụ rồi.
- Ông già thế này, chắc Sư Phụ của ông nhất định càng già hơn nữa.
- Không đâu, Sư Phụ tôi trẻ măng à, so ra còn trẻ hơn đứa con trai lớn nhà mình nữa đó!
- Thiệt vậy sao?
- Thiệt mà, tôi nghĩ ông cao lắm là 30 mấy tuổi thôi!
- Tại sao ông tìm một người trẻ tuổi như thế để làm Sư Phụ hả? Vậy ông ta biết được gì chứ?

- Bà sai rồi! Nếu bà nghe ông giảng kinh, bà sẽ biết ông là một vị tăng học rộng, nghe nhiều, cử chỉ trang nghiêm. Tôi từng tuổi này đã chưa gặp qua một người trẻ tuổi nào lại có học vấn uyên thâm như thế, bởi vậy tôi bái ông làm Thầy. Qua hai ngày nữa, tôi dẫn bà đi gặp ông, bà sẽ biết là tôi nói không sai!

13. Sống lâu thêm 10 năm

Một trong những sự tích truyền kỳ của Hòa Thượng ở Hồng Kông là đã dùng “Bảo Ấn Thủ” trong 42 Thủ Nhân của Bồ Tát Quán Âm để kéo dài tuổi thọ cho cư sĩ Đàm Quả Phác...

Hòa Thượng kể: Tôi có rất nhiều việc quan trọng mà chẳng ai biết, dù tôi có nói ra cũng không ai tin. Ngày xưa, thần tiên có một cái ấn gọi là “Phiên Thiên Ấn” (Ấn Xoay Trời), Kim Tiên Quảng Thành Tử cũng có một cái. Đạo Giáo gọi là “Phiên Thiên Ấn”, Quán Âm Bồ Tát gọi là Bảo Ấn Thủ. Bảo Ấn Thủ sai khiến được các vị trời nghe theo mệnh lệnh, Diêm La Vương, Quỷ vương trong địa ngục cũng phải tuân mệnh, quý vị bảo họ như thế nào, họ đều vâng lệnh theo như thế ấy.

Quý vị tu thành công Bảo Ấn Thủ sẽ có cái diệu dụng cải tử hoàn sanh, chết đi được sống lại; còn tu không thành thì chẳng có công dụng lớn lao gì! Có người nghe tôi nói Bảo Ấn Thủ có công dụng to lớn như thế, bèn nghĩ rằng: “Tôi phải mau mau tu cho thành cái Bảo Ấn Thủ này mới được. Hễ khi nào có ai chết, tôi sẽ ấn cho y một cái, để cứu sống y!” Được thôi, bất quá chờ đến khi quý vị tận số rồi, thì không ai dùng được ấn này để cứu mạng quý vị đâu!

Tôi bắt đắc dĩ phải dùng ấn này qua hai lần: một lần ở Đông Bắc và một lần nữa ở Hồng Kông. Tại sao bảo là bắt đắc dĩ Tức là nhất định phải dùng ấn này, không dùng không được. Ở Hồng Kông là ai vậy? Tức ba của Madalena (Quả Thức) là Đàm Phác Tài (Quả Phác). Các thầy bói đều nói chắc rằng, ông sẽ chết vào năm ông 79 tuổi. Năm đó, ông đến hỏi tôi:

- Sư Phụ, Ngài có thể giúp cho con sống thêm 10 năm nữa không? Bởi vì các con của con hãy còn nhỏ, nếu con sống thêm được 10 năm nữa, thì con cũng đã toại nguyện lắm rồi.

- Được, có thể mà! Không phải chỉ 10 năm thôi, tôi sẽ cho ông sống thêm 12 năm nữa, chịu không?

- Dĩ nhiên là được rồi! Quả nhiên sau đó ông sống thêm được 12 năm, cho đến 91 tuổi mới qua đời.

(Ghi chú 1) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Cha tôi cầu thỉnh Sư Phụ về chuyện này ngay sau khi cất Tây Lạc Viên xong, lúc ấy tôi cũng có mặt ở đó. Vì cha lớn tuổi nên lên đến Tây Lạc Viên ông mệt nhoài, trong lúc ông ngồi trên cái ghế đầu nghỉ mệt, bèn hỏi chuyện với Sư Phụ, tôi đứng ở kế bên.

Thật ra, cha tôi cầu Sư Phụ kéo dài tuổi thọ của mình nhân vì muốn thưa hỏi xem, ông có nên trở về Mỹ vào những năm cuối đời của mình không? Cha tôi là Hoa Kiêu có quốc tịch Mỹ và mẹ tôi vừa mới về Hồng Kông để làm ăn. Nếu ông trở về Mỹ, có thể ông sẽ đem hết gia đình chúng tôi sang Mỹ. Cho nên, ông trình lên Sư Phụ về ý nghĩ này và thỉnh Sư Phụ chỉ dạy cho. Sư Phụ hỏi cha tôi: “Ông về Mỹ sống có dễ chịu như ở Hồng Kông không?”

- Đương nhiên không bằng, vì tiền mướn người làm ở Mỹ rất mắc.

- Vậy tại sao ông muốn trở về đó? Con cháu tự có phước phần của chúng nó, tại sao ông phải khổ cực vì chúng chớ? Các con ông nếu có duyên này thì cũng có ngày sẽ đi thôi.

- Thật ra con đã có đầy đủ hết rồi, tuy không phải giàu có gì lắm, nhưng cũng có tài xé riêng, có người giúp việc và công việc làm ăn cũng trôi chảy. Chỉ có điều bận tâm là các con của con vẫn còn nhỏ tuổi, nếu như con có thể sống thêm 10 năm nữa để thấy chúng nó trưởng thành, vậy là con mãn nguyện lắm rồi.

(Ghi chú 2) Cư sĩ Đàm Quả Chánh thuật lại: Cha tôi 77 tuổi, sau khi quy y Sư Phụ mới thưa rằng: “Sư Phụ con sắp

chết rồi!” Lúc trước cha tôi có nói với Sư Phụ là khoảng ba mươi mấy tuổi ông đã chết qua một lần. Khi đó người nhà lo tắm liệm thay quần áo thọ cho ông, rồi đặt ông nằm ở chính giữa nhà hết mấy ngày để chuẩn bị chọn ngày đem chôn. Bất giác thần thức cha tôi gặp ông Nội, ông Nội liền hỏi: “Tại sao con lại đến đây? Về đi, về đi! Khi nào con lớn tuổi cỡ ông thì hãy đến!” Rốt cuộc, cha tôi được sống trở lại, cha tôi nhớ là ông nội sống đến 89 tuổi mới qua đời.

(*Ghi chú 3*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Vào cuối năm 1993, mẹ tôi 80 tuổi đột nhiên sanh bệnh, hai bắp đùi đau nhức không thể động đậy, càng không thể đi lại. Mỗi tối bà thường thấy ác mộng, kêu la om sòm, nói là có người đến đòi nợ nhưng không biết họ là ai. Chúng tôi tìm các danh y Đông Tây đến châm cứu, thoa bóp, thử qua các thứ nhưng đều không có kết quả. Cuối cùng chúng tôi quyết định gọi điện cầu cứu Sư Phụ. Ngày đó (1994) Sư Phụ và thầy Hằng Lai đã đến tận nhà, Sư Phụ bảo chúng tôi, đây là oan gia đến đòi nợ. Ngoài việc thay mẹ làm công đức, Ngài dạy, nên bảo một đứa cháu của bà phát tâm ăn chay, niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát”, lại niệm thêm 10 đại nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm trong Đại Bi Sám: “Con nguyện mau biết tất cả pháp...” như vậy đó thì thọ mạng của mẹ có thể kéo dài thêm 11 năm nữa. Chúng tôi làm y theo chỉ thị của Sư Phụ. Qua hai, ba tháng sau đột nhiên chân bà hết đau, rồi từ từ đi đứng được bình thường.

Mẹ thuật lại cơn ác mộng rằng: “Tôi thấy một con quái vật có 9 cái đầu với rất nhiều đuôi, tay chân bị trói đầy xiềng xích, đột nhiên sau đó đều không thấy gì nữa!”

Mẹ tôi kéo dài thọ mạng được thêm 11 năm, bà vãng sanh vào năm 2004.

Từ 34 đến 36 tuổi (1951 - 1953)

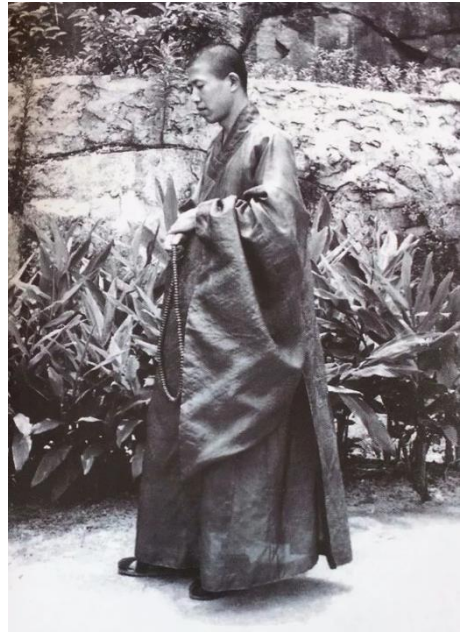
Chương Hai

Xây Chùa và Hoằng Pháp

14. Khai thác vùng đất khô hạn

Vào năm 1951, là khoảng thời gian Hội Thông Thiện Đoàn ở Hồng Kông cung thỉnh Hòa Thượng thuyết giảng bộ Kinh Địa Tạng. Mỗi ngày số thính chúng đến nghe có trên trăm người. Cho đến những ngày đầu tháng Chạp, sau khi khóa giảng kinh kết thúc, có nhiều vị cư sĩ đề nghị Hòa Thượng tìm đất xây chùa...

Nhân duyên tìm đất xây chùa đã thành tựu thật mau. Bởi không lâu sau đó có người cho biết, ở trên núi vịnh Sao Cơ Loan (Shau Kei Wan), vùng núi của thị trấn Tây Loan Hà (Sai Wan Ho), làng Mã Sơn (Ma Shan), Hồng Kông có một khoảnh đất hoang. (Ghi chú: Sau khi quân Nhật đầu hàng, có nhiều khu đất thuộc về chính phủ không người quản lý, gọi là “Bá Vương Địa”, tư nhân đều có thể tạm dùng các khu đất ấy.) Mảnh đất này ước chừng hàng chục mét vuông, nhưng có điều không được tốt lắm, vì trên núi đó không có nguồn nước. Muốn có nước phải xuống núi hứng nơi vòi nước máy công cộng, rồi gánh về và phải đi lên núi cả mấy trăm bậc thang đá, đường núi lại gập ghềnh khó đi. Ôi thôi, khổ cực vô cùng!



Hòa Thượng kể: Tôi ở trong động Quán Âm không được bao lâu, có vị pháp sư gần bên không thích tôi ở trong cái am đó nữa, cho nên sự xúi dấn chúng ở núi Phù Dung (Fu Yung Shan) đến dẹp bỏ cái cốc của tôi. Vì thế, tôi dọn về làng Mã Sơn, Tây Loan Hà. Trên núi này, tôi xây dựng lên một Phật

Đường nhỏ. Tây Lạc Viên ngày trước chỉ là một mảnh đất núi, ai muốn đó phải leo lên trên ba trăm mấy nấc thang đá. Hơn nữa, trên núi lại không có nguồn nước. Tuy vậy, tôi vẫn nhận thấy rằng nơi đó có thể tạo nên một đạo tràng nhỏ nhỏ.

(*Ghi chú 1*) Cư Sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Có một vị ký giả vốn không phải là Phật tử nói với Sư Phụ rằng: “Trên núi có một khoảnh đất công có thể xây dựng một ngôi chùa nhỏ, nhưng nơi đó thuộc khu dân cư nghèo lại không có nguồn nước. Sư Phụ liền nói: “Vậy chúng ta hãy đi xem thử coi!” Sau khi xem xong Sư Phụ liền trả tiền thuê đất, nên được quyền sử dụng ngay. Không lâu sau, cha tôi dẫn mẹ và chị tôi đến đánh lễ Sư Phụ. Tôi không có đi, vì lúc đó tôi đang học Tiểu Học ở Trường Công Giáo và cho rằng những người tin Phật đều là ngu muội, vô tri mới làm vậy, còn người xuất gia bất quá chỉ biết đi tụng đám mà thôi. Mẹ và chị tôi sau khi gặp Sư Phụ thì quyết định bái Ngài làm Sư Phụ ngay.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Ở Hồng Kông có một ký giả chuyên môn chạy tin tức trong giới tôn giáo, do đó có nhiều tu sĩ còn phải mua chuộc hẳn. Sư Phụ nói: “Tuy là vậy, nhưng nếu không có ông ta, Phật Giáo Hồng Kông chưa chắc được hưng thịnh như vậy. Vì thế, ông ta có công rất lớn trong Phật Giáo đó. Nếu như ông ta có gặp chuyện gì không may, Phật Giáo dù phải nuôi hết cả nhà ông cũng là lẽ đương nhiên!” Sư Phụ có lỗi nhận xét khác với người ta khiến tôi hết sức khâm phục!

15. Chùa Tây Lạc Viên

Công trình xây chùa Tây Lạc Viện, từ lúc khởi đầu hoạch định thiết kế, cho đến coi sóc xem xét công việc xây cất đều do Hòa Thượng đích thân lo liệu. Hòa Thượng trước sau luôn quyết giữ lấy tông chỉ - không phan duyên, tuyệt đối không đăng quảng cáo, lại càng không đến từng nhà, từng nơi kêu gọi quyên góp...

Khoảng tháng Chạp năm Tân Mão (cuối tháng Giêng năm 1952), khi khánh thành ngôi Tinh xá xong, Hòa Thượng đặt

tên là “Tây Lạc Viên” và phụng thờ ba vị Phật. Đến tháng 8 năm 1984, chính phủ Hồng Kông thu hồi Tây Lạc Viên. Hòa Thượng bèn trao trả lại cho chánh phủ mà không đòi hỏi điều kiện nào. Các tượng Phật và bài vị đều phải chuyển dời qua chùa Từ Hưng. Khu vực lúc trước của chùa Tây Lạc Viên bây giờ đã trở thành các tòa cao ốc.



Hòa Thượng kể: Trong thời gian xây cất Tây Lạc Viên cũng là lúc tôi đang giảng bộ Kinh Địa Tạng vào buổi tối từ 7 giờ đến 9

giờ. Lúc đó, tôi ở tại trung tâm Hồng Kông (Chong Wan, Central), mỗi ngày phải đi qua lại Sao Cơ Loan hai lần để chăm coi việc xây cất. Đi đến đó phải ngồi xe mát nửa tiếng, thành thử đi và về cũng mất hết một tiếng đồng hồ. Tới nơi, tôi còn phải bận rộn giúp làm các việc. Bởi vì cứ trông thấy công trình xây cất hoài, thành ra lâu dần, hễ nhìn vào một cái là tôi biết phải làm như thế nào rồi. Cho nên kỹ sư tôi đây chỉ là học ‘lỏm’, không cần đến trường học cũng được tốt nghiệp luôn.

Không những chỉ có tôi vui lòng làm công quả cho đạo tràng như vậy, mà đã có những vị đại thiện tri thức như Lão Hòa Thượng Hư Vân cũng từng tạo dựng các Tùng Lâm trong quá khứ. Vì mỗi ngày đều đến công trường xem xét các việc nên Ngài rất thấu đáo, biết rõ được công việc xây dựng như thế nào. Ví như một khúc gỗ Ngài cũng gom góp lại để sau này có thể dùng đến. Bất cứ một vật liệu nhỏ nhất gì, Ngài cũng không tùy tiện vứt bỏ phung phí.

(Ghi chú 1) Sư cô Hằng Ích thuật lại, ngày 25 tháng 9 năm 2000: Vào năm xây cất Tây Lạc Viên cũng rất cực khổ, lúc đó có hai thầy là thầy Hằng Định, thầy Hằng Việt, một đệ tử quy y và muốn thêm hai ông thợ cùng tới phụ giúp.

(*Ghi chú 2*) Sư cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 7 tháng 1 năm 2001: Sư Phụ cất chùa không có dễ dàng đâu! Lúc trước trong thời gian tu sửa Tây Lạc Viên, mỗi ngày Sư Phụ đều làm không hết việc. Các tấm gỗ có dính đinh, Sư Phụ đều cạy ra hết, rồi đập cho ngay thẳng lại để dùng tiếp, chớ không lãng phí một chút nào.

(*Ghi chú 3*) Cư sĩ Mai Diệu Linh thuật lại: Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi (Viên Quả Sấn) thường công tôi lên núi. Vì đường đi rất xa, nên mỗi chuyến đi và về cũng hết cả ngày. Thời kỳ đó, Sư Phụ có thân nhận hai vị đệ tử xuất gia là thầy Quả Lượng và thầy Quả Lễ.

(*Ghi chú 4*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Do cha tôi đã lớn tuổi mới sanh tôi ra, nên từ bé tôi rất yếu ớt và thường hay bệnh hoạn. Hơn nữa, mỗi lần bị bệnh tôi đều nói những lời kỳ quái đâu đâu. Cha mẹ thường rất lo lắng cho tình trạng sức khỏe của tôi. Do đó, cha tôi cho tôi đeo một miếng ngọc bội Cổ Long để trừ tà ma và bảo hộ tôi.

Vào một đêm nọ, tôi phát cơn nóng sốt, luôn nói rằng trong nhà có nhiều người quá (các hồn ma quỷ), như có người đang cười, có người đang làm những việc quái lạ, khiến cho mẹ tôi sợ khiếp vía, cả nhà đều bị quấy động đến nỗi không ai ngủ được. Đến sáng ngày hôm sau, khi tôi tỉnh dậy thì thấy miếng ngọc bội đây cộm đó đã tự động nứt bể ra. Tuy rằng mọi việc trải qua cũng không đến nỗi gì, nhưng mẹ tôi vẫn cứ nôn nóng không thể chần chờ, nên trời vừa hừng sáng, bà liền kéo tôi đi gặp Sư Phụ ngay. Tôi nhớ là phải trèo lên rất nhiều bậc thang đá mới tới Tây Lạc Viên và phải đi qua khá nhiều căn nhà chòi cũ nát, xiêu vẹo. Tôi thấy ở dọc đường có người lớn, trẻ nhỏ ăn mặc rách rưới đi qua đi lại. Tôi thật chưa từng thấy qua nhiều người nghèo nàn như thế!

Hơn nữa, trên thân họ toát ra mùi chua hôi hám vì lâu ngày không tắm rửa. Đó là kinh nghiệm lần đầu tiên của tôi đến Tây Lạc Viên và lên đến được trên núi thật không dễ chút nào.

Tây Lạc Viên lúc đó là một gian nhà lợp tôn rất đơn sơ, nên khi trời nóng, bên trong chùa cũng giống y như cái lò lửa. Còn khi trời mưa thì nghe tiếng mưa rơi lộp độp trên nóc nhà và cũng có chỗ bị dột. Bình thường ở trong chùa chúng tôi vẫn nghe được những âm thanh ồn ào từ bên ngoài vang vào. Dưới sân nhà, toàn là đá vụn lổm chổm. Trong chùa không có ai ngoài Sư Phụ và bà lão nấu cơm.

Trước khi cha tôi bá kiến Sư Phụ, ông thường dẫn tôi đến chùa Đông Lâm, Thuyền Loan (Tsuen Wan). Nơi đó tôi đã gặp qua một số người xuất gia nhưng không có ấn tượng gì đặc biệt! Vì vậy, lần đầu tiên tôi thật sự gặp được người xuất gia, chính là Sư Phụ. Lúc đó, Ngài ngồi trên cái ghế đầu. Mới ban đầu, tôi nhìn thấy Sư Phụ đã có chút sợ sệt, vì Sư Phụ có đôi mắt không như mọi người. Tôi nhiều chuyện lắm mồm bèn hỏi: “Sư Phụ à, con mắt của Ngài làm sao thế? Hình như Sư Phụ không thể nhìn chăm chăm vào người ta hả?”

Sư Phụ bèn kể cho tôi nghe câu chuyện Ngài từng đọc kinh Pháp Hoa, đọc đến khi cả đôi mắt đều bị chảy máu, khiến tôi cảm động vô cùng. Sau đó mẹ tôi nói với Sư Phụ về tình trạng sức khỏe của tôi. Sư Phụ mỉm cười, bảo tôi rằng: “Không sao đâu! Con về nhà ngoan ngoan niệm Phật, niệm Nam



Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát là hết hà! Mỗi ngày con nhớ niệm Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát và phải trì niệm mỗi ngày đó nhé.” Mẹ tôi vẫn chưa an tâm nên nói: “Vậy là xong rồi à? Chỉ như vậy là được rồi sao?”

Từ ngày đó trở đi, tôi cứ luôn niệm thánh hiệu Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

- Vậy thì Sư Phụ tặng con một số sách, con đem về đọc.

Sư Phụ lại hỏi tôi: “Con có giỏi chữ Quốc Ngữ không?”

- Dạ giỏi.

Tôi tiếp nhận ba quyển sách Sư Phụ cho. Một quyển là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Quyển thứ hai là Lục Tổ Đàn Kinh và quyển thứ ba là Sự Tích của Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân. Hòa Thượng nói: “Sư Phụ cho con ba quyển sách này, con đem về cố gắng đọc, chớ đừng có quăng qua một bên, vì Sư Phụ sẽ khảo bài con đó. Con cần thời gian bao lâu thì đọc xong? Một tháng được không?”

- Dạ được, không thành vấn đề.

Tôi một mực háo thắng, vì nghĩ rằng mình có trí nhớ dai. Như khi thầy cô giáo bảo tôi học thuộc lòng bài vở, tôi chỉ cần đọc qua hoặc nghe qua là nhớ ngay. Tôi đâu ngờ Sư Phụ trao cho tôi ba bộ Kinh sâu sắc như thế. Đó là những trải nghiệm lần đầu tiên tôi được gặp Sư Phụ. Trong nháy mắt, kỳ hạn một tháng mới đó đã đến, nên tôi ôm ba quyển kinh sách chạy về chùa Tây Lạc Viên để bắt đầu cuộc ứng thí với Hòa Thượng.

Sư Phụ hỏi: “Con chuẩn bị xong chưa?”

- Dạ rồi!” Sư Phụ hỏi tôi thích quyển sách nào nhất.

Đương nhiên là Sự Tích của Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân, vì là quyển sách truyện có họa hình, chỉ nhìn tranh vẽ thôi cũng đoán biết được nội dung. Quyển sách này đóng bằng dây chỉ buộc kết lại. Khó nhất là Kinh Pháp Hoa nên tôi nói: “Đối với bộ Kinh này con không hiểu cho lắm so với Lục Tổ Đàn Kinh.

- Được rồi, vậy thì chúng ta đem cuốn Lục Tổ Đàn Kinh ra để thi vậy.

Sau đó, Sư Phụ hỏi câu nào, tôi trả lời câu ấy. Rốt cuộc, tôi cũng đã vượt qua được cuộc khảo thí đó. Sư Phụ lại giảng

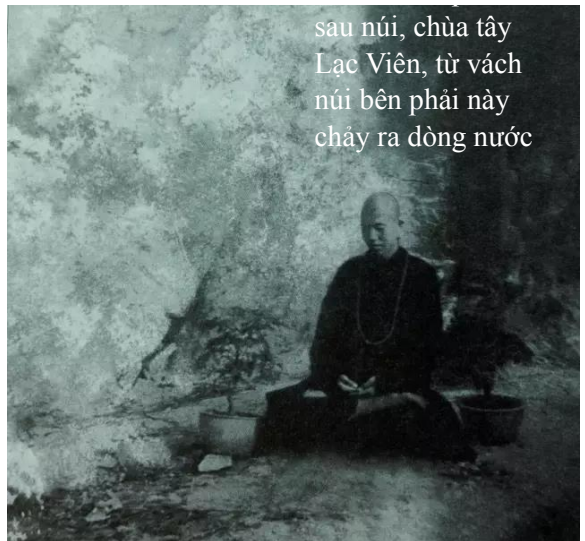
thêm đạo lý trong các “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” và câu: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính ngay lúc ấy là cái bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh”. Bây giờ, tôi nghe mà hình như cũng không hiểu gì lắm. Sư Phụ còn bảo tôi trì tụng chú Đại Bi và chú Lăng Nghiêm. Lúc đó, tuy tôi chưa quy y, nhưng Sư Phụ cũng hướng dẫn cho tôi có được một ít nhận thức về Phật Giáo. Do vậy, mỗi khi rảnh rỗi tôi đều đi gặp Sư Phụ để nghe Ngài kể chuyện lúc Ngài ở Đông Bắc, hoặc học hỏi cổ văn với Ngài. Dần dần sức khỏe của tôi cũng khá tốt hơn.

Vào năm 1994, thân thể Sư Phụ rất suy yếu, tôi đến Los Angeles thăm viếng Ngài. Nhiều người nghe qua tên tôi, nhưng chưa từng gặp mặt, vì vậy Sư Phụ giới thiệu cho chúng tôi biết nhau.

16. Khe đá tuôn nước mát

Do vì vùng lân cận của chùa Tây Lạc Viên không có nguồn nước, cho nên việc dùng nước trở thành vấn đề khẩn cấp. Sau khi Hòa Thượng dời về chùa Tây Lạc Viên, Ngài đã thành khẩn cầu xin Phật và Bồ Tát ban cho dòng nước cam lồ. Đến ngày hôm sau, Hòa Thượng phát hiện dưới vách đá phía sau chùa có một lần đá nứt ra ...

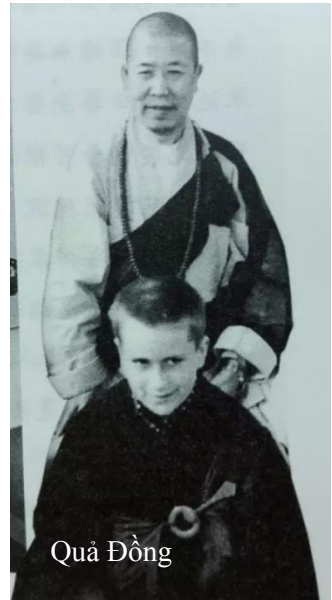
Hòa Thượng kể:
Trước khi xây chùa Tây Lạc Viên, nơi này vốn là một cái hồ lớn sâu 7, 8 thước, vì vậy cần phải đổ đất lấp đầy cho bằng phẳng rồi mới cất chùa được. Trên núi vốn không có nước, nhưng sau khi xây ngôi chùa nhỏ xong, ngay tảng đá phía sau chùa có một có lần nứt chảy ra dòng nước trong mát. Dân ở trên núi uống nước cũng giống như xài dầu vậy, thậm



chí nước còn mắc tiền hơn cả dầu nữa! Đột nhiên ở đây có nước, nên dân chúng vùng lân cận ào ạt kéo tới tranh giành nước. Họ để thùng nước kê sát từng cái từng cái một để hứng nước, có cả mấy chục cái thùng bày ra đó để chờ hứng nước. Cứ vậy, hễ thùng này đầy, họ xách đi rồi hứng tiếp đến thùng khác.

Họ đông người như thế, nhưng chỉ có một mình tôi. Ví như có đánh, tôi cũng đánh không lại họ; có cãi, tôi cũng không bằng họ luôn. Vì họ toàn nói tiếng Quảng Đông mà khi đó tôi chẳng hiểu họ nói cái gì. Họ cứ hứng nước, hứng nước... rồi đột nhiên nước ngừng chảy, vì không có nước nên họ không đến nữa. Đợi đến khi tôi rào lưới kẽm quanh tứ phía xong xuôi, nước bắt đầu chảy trở lại. Lần này, họ không thể nào đến giành nước được nữa rồi. Từ đó về sau, dù chùa có pháp hội đông người đi chẳng, chúng tôi vẫn có đủ nước xài.

Vào một năm nọ, hơn nửa năm trời, Hồng Kông vẫn không có mưa, nên mỗi ngày đều bị hạn chế nước, nghĩa là chỉ được dùng nước trong một tiếng đồng hồ với vòi nước chảy cũng rất yếu, sau đó thì cúp nước. Khắp nơi đều thiếu nước, thế nhưng trên núi tôi lại có nước. Có người bảo, đó là dòng nước do tôi mang từ núi Phù Dung đến đây. Bởi vì khi tôi ở động Quán Âm, phía trước động có hai hồ nước, mỗi ngày nước chảy đầy tràn, nhưng từ khi tôi dọn đi, hai cái hồ đó cũng bị khô cạn luôn. Còn Tây Lạc Viên vốn không có nước, giờ lại có nước. Vậy chẳng lẽ chính do tôi đã dời nước đến đó ư? Nhân vì tôi có Rồng làm đệ tử, thành thử tôi đi đến đâu cũng đều có nước. Do thế, chỉ cần chúng ta chân thật tu hành, nhất định sẽ có cảm ứng của Phật và Bồ Tát cùng hiển hiện sự bảo hộ của Trời Rồng!



(Ghi chú: Dưới đây là phần đối thoại giữa Quả Đồng và Hòa Thượng trong khoảng thời gian Hòa Thượng giảng giải Kinh Hoa Nghiêm, Phẩm Hiền Thủ vào tháng 8 năm 1975.)

Quả Đồng: Sư Phụ xây chùa trên núi chỉ toàn đá cứng khô cứng, người ta nói nơi đó rất tốt, nhưng đáng tiếc là không có nước, vậy phải làm sao? Chúng ta xuống núi lấy nước à? Hay là Sư Phụ lấy cây tre cắm vào lỗ đá nứt...

Hòa Thượng: No, No! No take bamboo (Không phải! Đâu có dùng cây tre nào).

Quả Đồng: Vậy Sư Phụ có dùng cái khác không? Hòa Thượng: No, No other thing. (Không, chẳng dùng cái gì khác).

Quả Đồng: Then you just went to crack in the rock? (Vậy Sư Phụ đục nứt khe đá đó hả?)

Hòa Thượng: Tại họ viết thế, điều đó không đúng đâu (Hòa Thượng ám chỉ quyển Sự Tích của Hòa Thượng), chẳng có dùng gậy tre gì cả. Các người thiết đúng là đầu chông thêm đầu mà vọng tưởng, không có chuyện này, lại bày đặt ra chuyện như vậy. Vốn không có bamboo, don't have bamboo. It's these people don't understand this. No true, no bamboo, no any bamboo, no any stick. (không có cây tre nào đâu, vì họ không biết rõ đó thôi! Không đúng như thế! Chẳng có cây tre trúc nào, cũng không có cây que, cây gậy gì hết.)

(Ghi chú 1) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Lúc vừa mới có nước thì chẳng có cây tre nào, sau đó mới cắm vào một ống tre để dẫn nước chảy vào hồ chứa nước.

(Ghi chú 2) Cư sĩ Hoàng Quả Quân thuật lại: Cái hồ chứa nước này cũng lạ lùng thiệt. Bình thường nó giữ mực nước đầy khoảng 7, 8 phần, nhưng khi có pháp hội, người đông lên tới mấy trăm cũng dùng không hết nước. Lúc ít người, nước cũng không bao giờ chảy ngập tràn ra khỏi hồ. Vào thời đó, có vị lão cư sĩ Quả Bình thường trú tại Tây Lạc Viên, phụ trách công việc dọn dẹp cho chùa. Sư Phụ bảo bà rằng: “Quả Bình à, bà

đừng có tùy tiện đi xúc rửa hồ nước nhe! Khi nào bà muốn dọn rửa hồ, hãy báo cho tôi biết trước một tiếng nhé!”

Có một ngày, nhìn thấy hồ bám đầy rong rêu, nên bà không thể chân chờ được, liền nhảy xuống hồ dọn rửa sạch sẽ. Rồi sau đó, cái hồ cũng bị cạn nước luôn. Sư Phụ bảo bà: “Quả Bình à, bây giờ không có nước nữa, bà phải có trách nhiệm đó, vậy bà hãy cầu cứu Bồ Tát Quán Thế Âm cho có nước trở lại đi.” Suốt đêm đó Quả Bình rất thành tâm niệm chú Đại Bi, niệm Bồ Tát Quán Thế Âm trên chánh điện. Thế là qua ngày hôm sau có nước trở lại. Sư Phụ bèn nói với mọi người rằng:

- Nước này là do Quả Bình cầu xin mới có trở lại đó!

(Ghi chú 3) Trích từ nhật ký “Đưa mắt nhìn thế gian” ngày 18 tháng 9, năm 1978: Dùng cơm xong, mọi người cùng đi thăm viếng Tây Lạc Viên, cũng là ngôi Đạo Tràng Sư Phụ xây dựng đầu tiên khi mới đến Hồng Kông. Tây Lạc Viên tọa lạc trên đỉnh núi vùng Sao Cơ Loan, làng Mã Sơn, nơi dốc núi dựng đứng chót vót, đường đi quanh co. Nếu muốn tới đó phải trèo lên ba trăm mấy bậc thang đá. Hòa Thượng vẫn kiên trì trèo lên núi với chúng tôi. Mười mấy người trong đoàn chúng tôi, gồm có già trẻ trai gái cùng lên núi, rồi đi nhiều mấy vòng trên núi. Những người khá lớn tuổi vừa đi vừa thở hên hển. Còn Hòa Thượng một mực kiên cường, bất phục gian khổ cùng bọn thanh niên chúng tôi tiến bước, như rằng cổ vũ chúng tôi bằng một bài khai thị không lời.

Trên đường đi chúng tôi nhìn thấy cảnh tượng điêu linh nghèo nàn, đất đai cằn cỗi, xung quanh xen vào những căn nhà gỗ xiêu vẹo, hư hỏng, thể hiện cả một vùng đổ nát. Đi qua các cảnh vật khoảng chừng 20 phút, đến một cửa queo dẫn vào vùng đất trũng của hang núi là tới được Tây Lạc Viên. Vừa bước vào cổng chùa, làn gió mát thoảng lướt vào mặt, bỗng chốc chúng tôi cảm thấy cái khí nóng oi bức của mùa hè hoàn toàn tiêu tan. Ngoài vườn chùa bóng cây thấp thoáng, hàng trúc đong đưa trước gió, rong rêu lốm đốm, rất đúng với câu nói:

*Quanh co lối nhỏ nơi vắng lặng,
Chốn thiên môn cây cỏ phủ đầy.
Thật tĩnh tịch thay!*

Chùa chỉ rộng chừng 30 ft x15 ft (9m x 4.5m), với mái nhà ngói màu xám xanh, tường vách xi măng cũ kỹ đơn giản không màu sắc hoa hòe, đây thật xứng với danh “lậu thất” mái chùa nhỏ thô sơ. Nhắm mắt định thần, hình ảnh Hòa Thượng của những năm sống nhàn cư trong căn chòi như phảng phất hiện ra trong ký ức, khiến ta không khỏi bồi ngùi. Tuy ngoại hình nghèo nàn rách nát nhưng khí phách kiên cường và niềm vui đó hạnh phúc vô biên, không bao giờ suy giảm. Vì dù vật chất bên ngoài đầy đủ, nhưng Ngài lại ẩn trú trong núi, thật là thân nghèo chớ đạo chẳng nghèo!

Chúng tôi đã nghe khá nhiều về câu chuyện của Tây Lạc Viên, cho nên cũng muốn đi xem cái nguồn nước thiên nhiên ấy. Đi ra phía sau chùa, thấy có một khung cây hình vuông gần 1m bao xung quanh tảng đá, từ trong tảng đá tuôn trào ra một dòng nước trong vắt, y như mặt gương. Chúng tôi vốc nước uống vài ngụm, nước vào đến miệng cảm thấy ngọt mát lịm, khiến cho những trần lao nóng bức ngọt ngọt mang đến từ trong thành thị, hốt nhiên tan biến mất.

17. Buổi Lễ Khai Quang

*Ngày 1 tháng 5 năm 1952 (mùng 8 tháng 4 âm lịch),
chùa cử hành lễ Khai Quang Tây Lạc Viên Tự, nơi Hòa
Thượng đã chân tay chai cứng vì ra công ra sức xây dựng
lên một Đạo Tràng đầu tiên tại Hồng Kông...*

Vì chùa còn mới nên thiếu thốn rất nhiều vật dụng. Nói chung, từ thực phẩm ăn uống cho đến đồ dùng như chén đĩa nồi xoong tách chảo, mọi thứ đều thiếu thốn. Do đó, chùa chỉ đãi khách nước trà và đậu phộng trong buổi lễ Khai Quang.

Hòa Thượng kể: Tây Lạc Viên tu theo pháp môn Tịnh Độ, nên chùa có hai câu đối liễn. Câu trên: “Niệm A Di Đà Phật tam bậc cử phẩm từ đây chứng.” Đến thế giới Cực Lạc thì chia ra làm ba bậc: bậc Thượng, bậc Trung và bậc Hạ. Cử

Phẩm gồm Thượng phẩm: thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm; Trung phẩm: trung thượng phẩm, trung trung phẩm, trung hạ phẩm; và Hạ phẩm: hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm, hạ hạ phẩm.

Khi tới thế giới Cực Lạc dù được Hạ Hạ Phẩm cũng xem như đã thoát khỏi sanh tử rồi, nhưng phải chờ 91 đại kiếp sau mới thành Phật. Cho nên nói Niệm A Di Đà Phật có thể chứng đắc Ba Bậc Chín Phẩm.

Câu liên kệ là: “Tu Ba La Mật Pháp Lục Độ Vạn Hạnh tự tư viên”. Ba La Mật tức sáu Ba La Mật. Đây là bộ đôi liên tôi viết đầu tiên khi đến Hồng Kông.

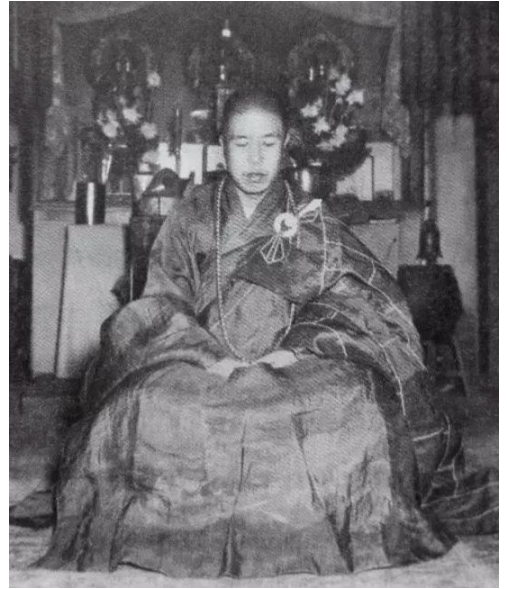


Ở Hồng Kông, tôi có một đệ tử quy y tên là La Quả Minh, cánh tay bà thường bị đau nhức dữ dội. Bà hỏi tôi làm sao để hết đau? Tôi nói: “Bà làm công đức đi, làm thêm nhiều công đức nữa thì sẽ hết liền.” Khi đó chùa làm lễ Khai Quang mà các thau chậu, chén đĩa, thức ăn đều do bà mua đến. Sau buổi lễ Khai Quang, bà nói: “Cánh tay con vẫn còn đau, đau đến nỗi không cử động được.” Tôi nói: “Bà nhấc cánh tay ra phía trước đi.” Chỉ một câu nói như thế, chứ đâu có làm cái gì mà tay bà tức khắc không còn đau nữa và hết bệnh luôn. Bởi thế, đôi khi sự việc có lúc không thể nghĩ bàn!

(Ghi chú 1) Cư sĩ Đàm Quả Phác ghi lại trong “Từ khi tham khảo học kinh Phật”: Vào tháng Chạp (năm Tân Mão, từ ngày 28 tháng 12 năm 1951 đến ngày 26 tháng 1 năm 1952), chúng cư sĩ hộ trì chánh pháp bằng cách đóng góp hùn tiền để xây dựng đạo tràng, sau đó chọn vùng đất của đỉnh núi ở Tây Loan Hà, Mã Sơn để thành lập chùa Tây Lạc Viên. Chúng tôi bèn thỉnh cầu Sư Phụ chuyên pháp luân hoằng dương Phật

Pháp đạo màu để hóa độ chúng sanh thoát khỏi nơi mê đắm tối tăm. Sư Phụ đã cảm thương nhận lấy nhiệm vụ, không hề từ chối. Khi tôi quy y rồi, trước mắt thấy chùa đã khánh thành xong, nhưng chưa có được tượng Phật trang nghiêm.

Tuy tôi học Phật không lâu lắm, nhưng cũng hiểu rằng, khi nhìn thấy tượng Phật sẽ khiến người ta sanh tín tâm, tán thán, cúng dường hầu được phước báo vô biên. Vì thế, tôi mời thợ khéo chuyên nghề để tạc tượng ba vị Như Lai thiếp vàng, rồi an vị phụng thờ tại Tây Lạc Viên, từ đó hoàn thành mọi việc, cả chùa tràn ngập ánh sáng, hương thơm. Chùa cũng tổ chức các buổi lạy sám hối tịnh tu, mọi người cùng nhau niệm danh hiệu Phật.



(Ghi chú 2) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Cha tôi thỉnh giáo với Sư Phụ: “Bây giờ chùa đã cất xong rồi, vậy Sư Phụ thấy con nên cúng dường cái gì cho thích hợp?”

Sư Phụ nói: “Hầu như mọi thứ đã có người dâng cúng hết rồi, vậy ông nên cúng ba tôn tượng Phật đi.” Cha tôi liền đáp ứng ngay.

18. Tượng sứ Di Đà

Hòa Thượng có một tôn tượng Phật A Di Đà, vì Ngài rất thành tâm lễ bái nên tượng Phật bằng sứ từ màu trắng tuyết chuyển dần sang màu hồng nhạt, giống như người thật, rất sống động. Hòa Thượng cùng với Tôn Tượng này có một duyên phận thân kỳ không thể nghĩ bàn...

Hòa Thượng nhập thất tại động Quán Âm trên một năm. Do vì không có nơi an vị phụng thờ tượng Phật, nên Ngài nhờ hai vị pháp sư ở chùa lân cận bảo quản giữm.

Khi Hòa Thượng quyết định xây chùa Tây Lạc Viên, Ngài đã cầu xin đức Phật A Di Đà giúp cho công trình xây dựng chùa được thành tựu. Hòa Thượng dọn trước về chỗ xây cất Tây Lạc Viên và cũng muốn cung thỉnh tượng Phật A Di Đà về đó luôn, nhưng hai vị pháp sư kia không vui lòng trả lại tượng, họ cũng chẳng có lý do gì chánh đáng để cự tuyệt. Thế là vào đúng ngày mùng 1 Tết, họ đến viếng thăm Hòa Thượng.

修
波
羅
蜜
法
六
度
萬
行
自
茲
圓



念
阿
彌
陀
佛
三
輩
九
品
從
此
證

Hòa Thượng kể: Lúc trước có một người xuất gia, thầy ấy đều có đạo tràng ở Hồng Kông và Đài Loan. Thầy có rất nhiều tiền mà tội cũng không ít. Tuy rằng là người xuất gia nhưng đã giết chết mấy mạng người và còn ép buộc người ta tự sát. Quả báo này thật không thể nghĩ bàn. Tại Hồng Kông, thầy với một thầy khác đã bị người Đông Phổ Đà đuổi đi, không ai ngó ngang tới họ, nhưng tôi đã chào hỏi tiếp đãi họ, về sau lại giúp cho họ thuê một tầng lầu. Tôi có một tôn tượng A Di Đà Phật làm bằng đồ sứ, cho họ mượn tạm để thờ cúng. Nhưng không ngờ vào tối mùng 1 Tết, cả hai người cùng đến quỳ trước mặt tôi, giở trò ngang ngược, bảo là nếu tôi không cho họ tượng Phật đó, họ sẽ quỳ trước mặt tôi cho đến chết thôi.

Khi ấy, tôi cũng thật ngu xuẩn nên tới kéo họ đứng dậy. Nếu như là tôi bây giờ, các ông muốn quỳ đến chết thì cứ quỳ cho đến chết đi, tôi chẳng màng đến chuyện của các ông đâu. Hai ông thầy đều béo phì, hễ tôi kéo ông này đứng lên thì ông kia lại quỳ xuống, cứ như vậy mà tôi hao sức lòi ông này dậy thì ông kia lại quỳ sụp xuống. Tôi dẫn họ ra ngoài, vừa đưa một người đi ra, định quay vào kéo tiếp người kia thì người thứ nhất lại chạy trở vào quỳ ở đó; kế đến đem người thứ hai ra, quay vô định kéo người thứ nhất thì người thứ hai lại chạy vào quỳ.

Họ dùng chiến thuật đánh luân phiên, rồi quấy như vậy tới cả năm tiếng đồng hồ. Lúc này tôi thật bực bội bèn liệng bể cái bình trà và tách trà, vậy mà họ cũng chẳng đếm xỉa, vẫn cứ ương lỳ như thế. Họ quấy nhiều tới nỗi tôi không còn cách gì nữa, buộc phải nói: “Được rồi, tôi đầu hàng các ông vậy! Không có tượng Phật này, tôi khó thành tựu, nhưng tôi tặng luôn cho mấy người đó.”

Nghe nói tôi chịu cho tượng, họ mới đứng dậy. Tôi đưa họ ra cửa, nói: “Sau này, không cần biết là tôi ở đâu, mãi mãi về sau tôi cũng không muốn thấy các ông đặt chân tới cửa của tôi nữa nhé!” Nói dứt lời, tôi bèn đóng cửa lại.

Mấy năm sau đó, chúng tôi cũng không có qua lại với nhau. Cho tới khi có một thầy họ nói: “Để tôi giải hòa, giải hòa cho các vị nhé!” Tôi nói: “Chuyện này có tốt lành gì đâu mà phải giải hòa, tôi chỉ cần đi gặp họ là xong ngay.” Thế rồi tôi tới nơi đó và chúng tôi đều vui vẻ trở lại.

(Ghi chú) Đến ngày hôm sau, Hòa Thượng ngã bệnh, nóng sốt không giảm, bệnh rất trầm trọng. May là có thầy Hằng Việt cùng ở chung với hai thầy kia. Thầy biết vào ngày mùng 1 Tết, hai thầy đó vô lý tới quấy rối, nên Hòa Thượng mới bị bệnh. Vì thế, thầy lập tức thỉnh tượng Phật A Di Đà trả lại cho Hòa Thượng. Tượng Phật về rồi, Hòa Thượng cũng dần dần khỏe lại, công trình xây chùa cũng được tiến triển thuận lợi.



19. Nghe đồn làm theo

Hòa Thượng có tài năng xuất chúng, có trí hiểu biết sâu xa siêu phàm không như người đời. Bất kể khi còn là Sa

Di, Tỳ Kheo hay Trụ Trì, thậm chí lúc đảm nhận trách nhiệm Trưởng Hội Đại Lục Lưu Cảnh Tăng Nhân Liên Nghị, mỗi mỗi Ngài đều làm việc với phong cách độc đáo, đặc biệt. Trong chốc lát, những điều này truyền đi rất mau, nên Ngài cảm hóa được nhiều người ...

Hòa Thượng kể: Dân Quốc năm 35 (1946), tôi kết bạn với 14 vị Tăng cùng đi về Nam. Khi từ Thiên Tân xuống thuyền đến Thượng Hải, lúc ấy, tôi còn là Sa Di; theo quy luật thì bất luận ra sao, Tỳ Kheo phải đi trước, Sa Di đi sau. Nhưng bởi vì họ hoàn toàn không hiểu một chút gì về thủ tục du lịch, như không biết là cần phải đến Hải Quan chích thuốc phòng bệnh chủng đậu, nên chỉ còn cách là bảo tôi ra làm đầu đàn, dẫn họ đi giao thiệp làm các việc ấy.

Sau đó, tôi đến Hồng Kông, phần đông những người trong giới Phật Giáo cũng đều đi theo sau tôi. Lúc đầu không ai biết đến việc dùng các công văn giấy tờ tiếng Anh, nhưng sau khi đến Hồng Kông, tôi sử dụng các giấy tờ chữ Anh như bao thư, giấy viết thư, nên họ cũng học làm theo. Tôi cũng là người đầu tiên xin chính phủ miễn thuế cho nhà chùa, sau đó họ cũng đi sau tôi để làm theo và cũng được miễn thuế. Không phải nói, tôi giỏi như thế nào, chỉ là vì họ làm việc không chịu dùng đầu óc suy nghĩ mà thôi. Giống như ở Hồng Kông có một người phá hoại tôi nhất hạng, tâm phan duyên của ông ta cũng thật quá chùng. Ông dùng đầu óc để làm việc phụ giúp đàn bà rất mực ân cần, như phụ giúp khiêng vác hành lý, túi sách cho các nữ cư sĩ giàu có. Tại sao ông ta lại làm như thế? Vì ông không hiểu chữ nghĩa nhiều và nếu không làm như vậy, thiệt là ông đâu còn cách nào khác hơn. Tôi hy vọng các vị đừng có phan duyên theo kiểu của ông ta nhé!

(Ghi chú) Thầy Hằng Thật thuật lại: Có một năm chúng tôi đi Tân Tây Lan (New Zealand) gặp được Lão Hòa Thượng Huyền Trí, vị này biết Sư Phụ khi còn ở Hồng Kông và đã từng lưu trú tại chùa Từ Hưng. Lão Hòa Thượng Huyền Trí bảo là Sư Phụ thuyết pháp thật đặc sắc, nổi danh cả Hồng Kông. Ngài nói: “Sư Phụ của các vị tự mình trở thành một

trường phái riêng, tức là có phong cách đặc biệt, là người xuất gia thuyết pháp mẫu mực ở thời đó. Ngài có thể ngâm đọc một lúc cả ba trăm bài thơ nhà Đường một cách thoải mái và cũng có thể thuận miệng ứng khẩu dẫn dụng các điển tích cổ xưa của Lão Tử và Nho Giáo để đối chứng, rất hiếm có người xuất gia nào có được tài năng học thức như Ngài vậy.”

Lão Hòa Thượng Huyền Trí lại tiếp thêm một câu chuyện mà trong giới Phật Giáo ở khắp Hồng Kông ai cũng biết: Một ngày nọ, lúc Sư Phụ giảng Kinh A Di Đà tại chùa Tây Lạc Viên, có một nhóm tu sĩ đi vào chánh điện và ngồi xuống nghe pháp. Sư Phụ ngồi trên pháp tòa bỗng nhiên bảo rằng: “Quý vị nên ra phía sau ngồi đi.” Khi ấy những vị xuất gia này định đứng lên nhường chỗ ngồi, thì Sư Phụ nói: “Không đâu, người xuất gia nên ngồi phía trước. Tôi chỉ là nói chuyện với Thiên Long Bát Bộ, bảo họ nên ra ngồi ở phía sau thôi!”

(Thầy Hằng Thật là đệ tử người Mỹ của Hòa Thượng, từ ngày 7 tháng 5, 1977 đến ngày 4 tháng 11, 1979, thầy đã Ba Bước Một Lạy cầu cho thế giới hòa bình, từ chùa Kim Luân, Nam California về tới chùa Vạn Phật Thành ở Bắc California).

20. In Kinh tạo tượng

Phật là vị giác ngộ, đầy đủ cả từ bi và trí tuệ. Nếu không có hình tượng Phật trên thế giới, chúng ta làm thế nào nghĩ nhớ ra được sự vĩ đại của đức Phật, và làm sao phát khởi được lòng tin? Nếu không có lòng tin, tức không thể nuôi lớn các pháp lành...

Đức Phật thuyết giảng tất cả Kinh điển, không chỉ chẳng là Pháp Bảo để tuyên dương Thánh Giáo và làm lợi ích cho chúng sanh. Kinh điển có giá trị và ý nghĩa giống như ngọn đèn sáng trong đêm tối. Nếu trên thế gian không có Kinh điển của chư Phật, chẳng những con người mà cả chư Thiên đều không khác gì sống trong đêm dài dằng dặc. Vậy làm sao đông đảo chúng sanh như thế này có thể nuôi lớn bồ đề tâm và pháp thân huệ mạng của mình cho được?

Phiên dịch và ấn tống Kinh Phật nhằm lưu thông truyền bá Tam Tạng Bảo Điển, là công việc quan trọng nhất để cứu độ huệ mạng con người và cũng là bản hoài xuất thế của đức Phật. Vì vậy, thời gian trước nay Hòa Thượng ở tại Hồng Kông đã chưa từng giải đãi, chưa bỏ luống qua một giờ, một khắc nào cho lòng bi nguyện hoằng dương Phật Pháp. Ngài luôn luôn cho ấn hành số lượng lớn các Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phổ Môn, Kinh Địa Tạng, Kinh Kim Cang, Kinh Lăng Nghiêm... và gởi đi các nơi để phân phát lưu thông.

Ngài lại còn mời họa sĩ vẽ tranh về sự tích cuộc đời của Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân để in ra sách. Đồng thời, Hòa Thượng sáng tác thơ kệ kèm theo, thành ra một quyển truyện ghi chép lại sự tích của Thánh Nhân mà chúng ta không thể không xem, đó là "Lão Hòa Thượng Hư Vân Họa Truyện Tập".

Hơn nữa, về việc tạo tượng cũng cần phải quán xét, Hòa Thượng đã không tiếc của, không ngại tốn kém, nên đã mời điêu khắc gia có nghệ thuật thiện xảo nắn đúc tượng Phật, hầu ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Như Lai được khắc họa một cách tinh vi, hết sức tinh xảo, nhờ đó thâm nhập vào tâm khảm chúng Phật tử, khiến cho chúng sanh khi nhìn thấy sẽ khởi tín tâm, hoan hỷ phát đại tâm, lập đại nguyện. Ngoại trừ ba vị Như Lai thiếp vàng ở Tây Lạc Viên, Hòa Thượng càng không ngại khó khăn đề lo liệu và chiêu mộ thợ giỏi đến tạc đắp thêm các Thánh tượng: Tây Phương Tam Thánh, Thích Ca Như Lai, Dược Sư Như Lai, Hộ Pháp Vi Đà Bồ Tát, Già Lam Bồ Tát để thờ phụng tại Thiên Tự Từ Hưng, Đại Tự Sơn.

Hòa Thượng cho ấn tống rất nhiều Kinh điển, tạc đắp tượng Phật thân thiếp vàng vì muốn Tam Bảo được hưng thịnh lưu truyền đời đời, ngõ hầu Phật Giáo từ đây mãi phồn thịnh. Nếu tất cả Phật tử đều đồng lòng như vậy, Phật Giáo sẽ giống như mặt trời sáng chói trên hư không chiếu suốt khắp thiên hạ, như ánh trăng rằm rực rỡ lơ lửng trên cao soi sáng cả thế gian.

Đây chính là mục tiêu Hòa Thượng đã một đời siêng năng cần mẫn vì đạo pháp.

Hòa Thượng kể: Tôi đi đến đâu là có nhiều Kinh Phật tới đó. Tôi ở Đông Bắc, tài sản thì không nhưng Kinh điển thì có. Khi ấy, tôi muốn kiếm một bộ Kinh sách tại Hồng Kông thật khó khăn vô cùng. Bởi thế, tôi dốc sức đề xướng việc in Kinh sách. Tôi dùng tiền vào việc in Kinh nhiều nhất, cũng có hơn một triệu đồng, tiền Hồng Kông. Đầu tiên tôi cho in Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm; thời kỳ đầu mới tới Mỹ giảng Kinh Lăng Nghiêm, tôi đã dùng bộ Kinh in tại Hồng Kông mà lúc đó tôi đang giảng Kinh Lăng Nghiêm. Tôi đề xướng việc in Kinh như vậy đã khiến một số đoàn thể Phật Giáo khác ở Hồng Kông cũng phát tâm in Kinh, thành ra hiện nay mới có rất nhiều Kinh Phật ở Hồng Kông.



In Kinh là một cách hoằng dương Phật Pháp, vì vừa làm việc in Kinh, vừa giúp mình mở mang trí huệ. Tại sao mình không khai mở trí huệ? Bởi vì công đức nhỏ nhoi, hay không có công đức, nên mới thiếu trí huệ. Trong thời gian sắp đi Mỹ, tôi đã đem tất cả Kinh Phật có giá trị khoảng cả trăm nghìn để biếu tặng cho mọi người. Mỗi người được tặng một bao lớn, đáng lẽ tôi chuẩn bị sẵn Kinh Phật để từ từ phát tặng, nhưng vì phải đi Mỹ và cũng không có chỗ lưu giữ nên tôi phải mau mau biếu tặng cho người ta. Tôi vui thích nhất là làm việc in Kinh Phật, vì đây cũng là một phần hoằng pháp. Tôi hy vọng mỗi người nên bỏ ra một chút tâm sức vào công việc in Kinh này.

Tây Lạc Viên có rất nhiều Kinh Tạng, như có Đại Tạng Kinh và cũng có các Kinh điển khác. Tôi đã dùng rất nhiều tiền để thỉnh bộ Đại Tạng Kinh từ bên Nhật về và còn có

những bộ kinh điển cổ xưa khác nữa, mà bây giờ chắc chắn không thể nào tìm mua cho được.

Có một Tỳ Kheo Ni ngày trước vốn đi làm mướn cho người ta, không biết một chữ. Bởi tôi không có ở đó và cô cũng không cần các Kinh điển ấy, nên đã đem toàn bộ Kinh điển biếu hết cho hội lưu thông Kinh Phật. Hôm nay cư sĩ Đàm nói với tôi: “Con không dám nói cho Sư Phụ biết, sợ Sư Phụ biết được chắc chắn sẽ nổi giận!” Tôi nói: “Con vẫn chưa có đoán trúng đâu! Đừng nói là đem cho Hội lưu thông Kinh Phật. Cô ta có đem đốt hết Kinh sách đó đi, Sư Phụ cũng mặc kệ luôn. Ông Sư Phụ của ngày nay, chứ không phải là ông Sư Phụ ngày xưa nữa rồi. Ngày trước ở Hồng Kông tôi thường phát cái, thường la mắng người ta. Bây giờ các vị có làm như thế nào đi nữa, tôi đây cũng không nói động đến.” Tuy không la rầy, nhưng trong tâm Sư Phụ cũng không được vui vì có thứ đệ tử thật quá vô tri!

Tôi hy vọng các đệ tử Mỹ, bất luận các vị biết chữ Hoa hay không, đều không được đem Kinh Phật bỏ vào lò lửa đốt ráo. Mặc dầu đó là Kinh bản sao in lại nhưng cũng đều phải rất chú ý. Nếu như tùy tiện bỏ Kinh vào lò lửa đốt hay hủy hoại đi, tương lai mỗi đời sanh ra lại càng ngu si hơn. Kinh điển Phật dù chữ Hoa hay chữ Anh, chúng ta vẫn phải đặc biệt bảo hộ hết. Nếu Kinh sách có bị hư hỏng, mình nên sửa chữa lại cho tốt, chớ đừng giống như vị đệ tử đó, cứ làm những chuyện tối tăm không sáng sửa chút nào.

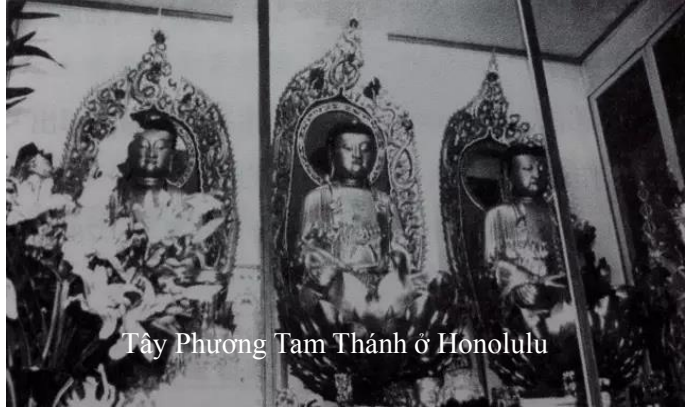
Các vị ơi, về điểm này quý vị cần phải đặc biệt chú ý! Bởi cô ta không biết chữ, mà tôi cũng không có nói cho cô nghe về sự quan trọng của Kinh điển như thế nào, thành thử cô ta không biết. Rồi cứ tưởng hễ đem hết Kinh điển tống khứ cho Hội, vậy là ổn thỏa, xong chuyện, cô nào biết rằng, đó là điều hoàn toàn sai trái. Người học Phật nhất định phải biết tôn trọng Kinh điển, tôn trọng Kinh điển thì mới khai mở trí huệ.

Tại sao đệ tử đó ngu si thế? Tôi nay nói sơ qua chút nhân duyên của cô ta cho các vị nghe: Kiếp trước cô ta là một con ngựa, nên kiếp này làm người mà vẫn chưa sửa đổi được tánh

khí ngực. Cô ta đã theo tôi khá lâu và tôi đã từng dạy cô Phật Pháp nhưng cô đều quên tuốt luốt. Vì nghiệp chướng trong đời quá khứ của cô thật nặng nề, nên mới làm nhiều điều điên đảo và cũng chẳng tin nhân quả gì ráo!

Tại sao cô không tin nhân quả? Điều đó trong Kinh Nhân

Quả có nói rất rõ ràng: “Thấy, nghe nói quả báo mà không tin, vì mới từ súc sanh lên làm người”. Nghĩa là, mình có nói với y nhân quả báo ứng tuần hoàn, y cũng không tin nổi, bởi



Tây Phương Tam Thánh ở Honolulu

vì là lần đầu y vừa mới thoát khỏi thân súc sanh được thân người, cho nên y không tin đây là quả báo. Chẳng phải cô không muốn làm cho đúng đắn, nhưng chỉ vì sanh tánh như vậy đó, cho nên cứ làm nhiều việc sai trái hoài.

Hôm nay tôi nói với Đàm cư sĩ rằng: “Bây giờ tôi không la rầy ai nữa. Tất cả mọi chuyện đều là thành, trụ, hoại, không, nên chẳng có gì đáng khiển trách cả.” Chuyện đó thật ra rất đáng tiếc, nhưng thế sự là như vậy; nơi này thành thì nơi kia lại hoại, bên đây trụ thì bên nọ lại không. Nếu tôi còn ở Hồng Kông, cô ta tuyệt đối sẽ không dám làm thế, bởi vì tôi sẽ xem xét những chuyện cô làm. Bây giờ tôi ở Mỹ, tin rằng các vị ở Mỹ đây không làm giống vậy. Đợi đến khi nào tôi ra đi rồi, thế thì tôi sẽ không biết gì hết.

Lúc tôi ở Hồng Kông, tôi một mình lo liệu việc đúc nắn tượng Phật, nhớ ra trước sau tôi đã làm được có hơn trăm mấy tôn tượng, sau đó tôi đem biếu tặng cho người ta. Hiện tại ba tượng Tây Phương Tam Thánh của Hội Phật Giáo Trung Hoa ở Honolulu là do tôi đã tặng họ hơn 20 năm về trước.

Tôi mong rằng hình tượng Phật sẽ đi vào tâm khảm mỗi người và trong tâm mỗi người đều sẽ có một tôn tượng Phật,

rồi trong mỗi nhà cũng đều có một tôn tượng Phật và cứ như thế tượng Phật trùng trùng điệp điệp, vô tận không kể xiết.

21. Vịt con nghe Pháp

Vào đầu mùa Hè tháng Tư, năm Nhâm Thìn 1952, tại Tây Lạc Viên Hòa Thượng tuyên giảng Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phổ Môn, khai mở pháp Đại Thừa và Ngài còn cảm hóa cả loài chúng sanh ngu muội. Ngày thuyết giảng viên mãn, thỉnh linh có một chú vịt con từ ngoài hàng rào chui vào bên trong chùa, lặng lẽ nằm phục xuống ở ngoài cửa chánh điện...

Có chú vịt con chui vào trong chùa, nằm ngoan ngoãn như đang nghe Hòa Thượng giảng Kinh. Người ta thấy được, liền lấy quạt đuổi nó, nhưng nó đi rồi quay trở lại, cứ nhiều lần như vậy. Hòa Thượng bèn cản không cho đại chúng xua đuổi chú vịt nữa và truyền Tam Quy cho nó. Quy y xong, chú vịt ngẩng đầu lên bước đi hiên ngang vào chánh điện. Sau khi đi nhiều bên phải vài vòng, nó nằm sát xuống và gật đầu giống như đang lễ lạy. Chờ đến khi Hòa Thượng giảng Kinh xong, chú vịt ta mới đi ra.

Hòa Thượng kể: Lúc tôi thuyết Pháp ở Tây Lạc Viên có một chú vịt đến nghe giảng. Nó cúi đầu ở phía sau bực lạy của tôi, rồi vừa cúi đầu vừa kêu la. Bà Cam Quả Huệ dùng cây quạt đuổi nó ra ngoài, nhưng khi bà quay trở vào, nó cũng đi vô theo. Nó lại còn ở đó vừa kêu la vừa như là cúi đầu vái lạy. Hễ đuổi đi ra là nó lại trở vào, bà ta đuổi nó đi đến ba, bốn lần luôn. Sau cùng, tôi bảo bà đừng đuổi chú vịt nữa, bà ấy mới thôi. Rồi chú vịt nằm im đó nghe giảng hết một thời Kinh.

Khi mọi người đi ra ngoài chụp hình, chú vịt này cũng lững thững đi theo. Mọi người đều đứng trên bực, còn chú vịt không lên nổi, nên chỉ có nước đứng dưới bực thôi. Người chụp hình cũng chẳng chú ý gì đến chú ta, rốt cuộc chú vịt con không có trong tấm ảnh.

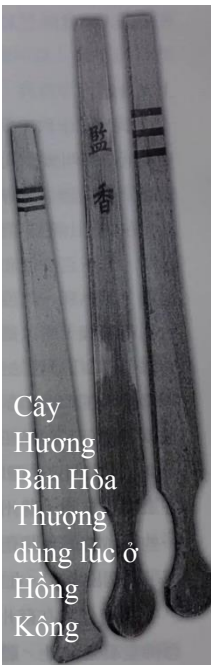
Phàm là lúc giảng Kinh hay thuyết pháp, nếu có bất cứ chúng sanh nào đến, các vị không nên đuổi xua chúng nó.

Thậm chí con muỗi, con ruồi, con thiêu thân, chúng đều đến nghe Pháp đó. Các vị có nhớ không? Lúc ở chùa Kim Sơn, Phật Giáo Giảng Đường, trong tách trà của tôi có con trùng, nó cũng tới nghe Pháp. Con trùng đó thuộc loài Rồng, cóc nhái cũng thuộc về loài Rồng luôn.

(Ghi chú) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Sau khi Sư Phụ từ trong động núi Phù Dung ra, Tây Lạc Viên chính là ngôi chùa được xây cất đầu tiên và tôi đã được quy y tại đó. Những chuyện xảy ra tại Hồng Kông, thí dụ như chuyện chùa Tây Lạc Viên đã có được nước như thế nào, chuyện Lê mẫu cầu độ (U Minh ly khổ), chuyện chú vịt nghe Kinh ra sao v.v..., tôi biết hết, vì có rất nhiều chuyện xảy ra, tôi đều có mặt ở đó.

22. La Hán đọa lạc

Khi chùa Tây Lạc Viên được xây cất xong, mùa Hè năm sau đó, chùa cử hành pháp hội Quán Âm thất. Sáng sớm khi lễ Phật, tín chúng phát hiện trên bàn thờ có để một thanh gỗ, có hình dáng giống như cây gươm. Đại chúng phân đông đều mới học Phật, nên hiếu kỳ hỏi Sư Phụ...



Cây Hương Bản Hòa Thượng dùng lúc ở Hồng Kông

“Thưa Sư Phụ, đây là cây gươm gỗ hả?” Sư Phụ nói: “Đây là cây hương bản, dùng để đánh những ai không giữ quy tắc, ngũ gục hay lười biếng ở trong chùa.

Cái cây dày như thế này mà quắt xuống, chắc là đau lắm. Mọi người đều sợ khiếp vía, không biết ai sẽ là người mở hàng thử mùi cây hương bản này đây? Nhưng khóa Quán Âm thất sắp sửa viên mãn mà cây hương bản vẫn nằm y nguyên tại chỗ. Tối đêm đó, khi đang làm lễ Đại Hội Hương, Sư Phụ vác cây hương bản lên vai, đi thật nhanh ra ngoài cửa Tây Lạc Viên. Đại chúng đều lấy làm lạ, trở mắt nhìn theo bóng Sư Phụ. Thì ra có một vị sư trung niên vừa mới lên núi. Khi vừa nhìn thấy Sư Phụ, sư liền cúi đầu đánh lễ, quỳ ập xuống đất sám hối.

Hòa Thượng kể: Dân Quốc năm 36 (1947), tại Trung Quốc có xuất hiện một La Hán Sống tên là Vô Tận. (Cuộc Đời và Đạo Nghiệp của Hòa Thượng Tuyên Hóa - giai đoạn ở Trung Quốc.)

(*Ghi chú 1*) Hòa Thượng đến Hồng Kông gặp lại La Hán Sống, khi ấy y đã kết hôn, cô vợ y đã từng là một đại hộ pháp lâu năm cho y. Công đức tu hành bấy lâu đã tan thành mây khói, thần thông cũng bỗng không cánh mà bay. Khi gặp lại Hòa Thượng, ông cảm thấy xấu hổ vô cùng nên lại phát tâm xuất gia. Hòa Thượng tặng cho y áo, tiền bạc chi phí cần dùng, nhưng chưa tới nửa năm, y lại hoàn tục. Ngày ấy, ông đến Tây Lạc Viên đề sám hối với Hòa Thượng, đó là lần thứ nhì ông cầu xin Hòa Thượng cho xuất gia. Hòa Thượng vẫn cung cấp giúp đỡ và khuyến khích ông. Sau đó, ông mất biệt luôn, nghe nói lại hoàn tục nữa rồi.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ đã từng kể: “Có một lần tôi nói: “Tôi có thể biết hết mọi sự tu Đạo của người khác, nhưng không ai biết được các pháp môn tu hành của tôi!

Chỉ vì nói sai một câu như vậy mà khiến cho đường tu của tôi sau này không có tiến bộ gì. May là lúc ấy tôi đến thỉnh giáo với Sư Bác Hòa Thượng Thường Nhân mới biết mình đã nói sai lời. Cho nên, chúng ta tu hành luôn phải ghi nhớ là không được kiêu ngạo.

(*Ghi chú 3*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ bảo: “Tu hành phải đoạn dục cắt ái! Người tu hành khi chưa được vững vàng thì cần phải cẩn thận!” Nhớ lúc còn ở Hồng Kông, Sư Phụ dạy dỗ các đệ tử thật là nghiêm khắc. Nếu muốn tu học với Sư Phụ phải tuân giữ rất nhiều quy tắc. Thí dụ như người nữ không được giao thiệp với các thầy Tỳ Kheo, nếu tình cờ đối mặt với các thầy khi đi trên đường, cũng phải cúi đầu đi. Sư Phụ còn dặn dò là: “Không được quấy rầy người khác đang dụng công tu hành!”

Sau khi đến Mỹ, tôi đã từng viết thư cho Sư Phụ hay rằng, có vị thầy trẻ kia từ Honolulu đến thăm chùa ở San Francisco và chúng tôi đã nhiệt tình tiếp đãi thầy. Sư Phụ hỏi âm dạy bảo chúng tôi là: “Không nên thân cận với họ!” Khi đó, tôi tuy không dám cãi lời Sư Phụ, nhưng trong tâm vẫn không hiểu nổi Sư Phụ có ẩn ý gì! Qua nhiều năm sau, tôi mới biết ra là các thầy trẻ tuổi đến nước Mỹ vào thời đại 50, đã có không ít thầy không làm chủ được các cảm dỗ mê hoặc, nên đã hoàn tục kết hôn mất rồi.

23. Tu hành không dễ

Người xưa thường nói: “Mạc đạo xuất gia dung dị đắc, giai nhân lữ thế chủng Bồ Đề.” Nghĩa là: Đừng bảo xuất gia là chuyện dễ, đó đều do nhiều kiếp đã gieo trồng hạt giống Bồ Đề. Được xuất gia đã khó, nhưng đâu biết rằng, sau khi xuất gia rồi, thử thách lại càng lớn hơn. Người xuất gia phải làm thế nào để duy trì Đạo Tâm, Chánh Tri, Chánh Kiến cùng tâm Kiên Thành Hằng, tất cả đều có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Hòa Thượng kể: Có một thầy nọ, khi chưa xuất gia là lính trong quân đội. Sau đó thầy học Phật Pháp, quy y Tam Bảo, ăn chay, niệm Phật, lại còn dẫn dắt thêm một nhóm người cùng nhau niệm Phật. Vì thấy người xuất gia rất tốt, nên ông ta cũng xuất gia luôn và là đệ tử đời cháu của Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân. Thầy có biệt tài ăn nói, xuất gia rồi, chuyên tu pháp môn niệm Phật. Tôi đã thấy thầy ấy thọ giới tại chùa Nam Hoa.

Sau khi Đảng Cộng Sản đến, thầy chạy qua Hồng Kông, nơi có hoàn cảnh rất là phức tạp. Lúc ấy, người xuất gia ở Hồng Kông không có chỗ cư trú, chớ không giống như bây giờ, có những tu sĩ ở nơi nhà cao cửa rộng. Lúc đó đừng nói là nhà cao, ngay cả cái chòi cũng không có mà ở. Thầy này không quen ở trên căn gác gỗ tại Đông Phổ Đà, có lẽ ngày trước thầy có tiền dùng thoải mái quá, giờ tay không còn tiền, nên cảm thấy khôn khổ. Thế là thầy chạy qua núi Đạo Phong,

nơi có một Mục Sư chuyên môn phá hoại Phật Giáo, dụ dỗ người xuất gia hoàn tục.

Ví như thầy nào không muốn ở chùa nữa, chỉ cần chạy qua bên ông Mục Sư, mỗi tháng sẽ được ông phát tiền xài, cho 30 đồng, 50 đồng và thậm chí cho cả 200 đồng luôn. Ở nơi đó, ai không thích ăn chay, ông cho ăn thịt, nếu không muốn làm thầy tu thì ông cho cưới vợ. Còn Tỳ Kheo Ni thì sao? Cũng thế, sư cô nào muốn kết hôn, ông tìm cho một ông chồng, nếu muốn kiếm thầy tu cũng được nốt. Ông Mục Sư dùng tiền dùng sắc để cám dỗ người xuất gia, một khi đến nơi đó ở rồi thì “lưu liên hoang vong”, vì lưu linh rồi tức sẽ đi xuống. Sao gọi là “lưu liên hoang vong?” (truy lục phóng túng). Là theo dòng chảy xuống rồi quên trở về, đó là lưu; theo dòng trôi lên mà quên quay lại, đó là liên; theo súc sanh không nhàm chán, đó là hoang và vui đắm men say không chán, đó là vong.

Ông Mục Sư bảo là chỗ của ông có đầy đủ phương tiện nhất, vào thời buổi này phải nên làm như vậy đó. Ông còn nói tiếp: Nơi đây chúng tôi cũng có niệm Kinh Phật với thời khóa tụng niệm sớm tối vậy.” Thật ra là nơi treo đầu dê, bán thịt cày, chuyên môn phá hoại Phật Giáo, chỉ khiến cho người ta không tin Phật, không tin các thầy tu thôi!

Tôi đã từng đến nơi đó xem qua và luận bàn lý lẽ với Mục Sư ấy. Tôi nói: “Ông ở đây làm chuyện như vậy là phản bội lại tâm ý của Chúa Giê Su, ông không phải đệ tử của Cơ Đốc Giáo, ông không đủ tư cách làm đệ tử của Chúa Giê Su. Vì Chúa Giê Su giúp người thành tựu đạo nghiệp, chớ không phá hoại người, còn ông đã không giúp người hoàn thành đạo nghiệp mà lại phá hoại người ta. Ông phá hoại người tu, xúi giục họ bỏ bề tu hành tức là đã phá hủy phạm hạnh của họ đó.

Tôi nói thêm: “Còn tôi đây cũng không phải là Phật Giáo đồ, nếu đúng là đệ tử của Phật, tôi cũng phải có lòng từ bi giống như đức Phật đến cứu rồi ông cho bằng được. Nhưng rất tiếc tôi không cứu vớt ông nổi, tôi thiệt không có sức để cứu ông rồi. Vì vậy, tôi không phải là đệ tử của Phật. Tôi nói đến nổi ông Mục Sư chỉ biết trơ mắt nhìn tôi, không thốt ra được

lời nào. Sau đó, ông ta muốn chụp hình với tôi. Tôi nói: “Không cần đâu, ông là hạng người hư hỏng của Giê Su Giáo, còn tôi đây cũng là thứ bại hoại của Phật Giáo, chụp hình chung chỉ khiến cho Phật Giáo thêm xấu hổ và Giê Su Giáo càng không mặt mũi thôi. Cho nên chúng tôi cũng không có chụp hình gì hết.

Ông Thầy này tới nơi đó làm đầu bếp cho người ta, mỗi tháng lãnh 300 đồng, nhưng không phải làm đồ chay mà mỗi ngày phải cắt cổ gà, cắt cổ vịt và đập đầu cá. Ông ta nói là không sao đâu, vì mỗi lần ông giết một con vật, ông sẽ vừa giết, vừa niệm “Nam Mô A Di Đà Phật, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc! Nam Mô A Di Đà Phật, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc!”

Ông tưởng rằng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” như vậy là có thể giúp cho các con vật đó được siêu độ, được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Và mỗi ngày từ sáng tới tối, ông cứ giết gà, giết vịt, giết không biết là bao nhiêu mạng. Tôi tin rằng ông có thể giết lên đến 360 con gà luôn. Thế rồi sao? Thì quả báo đến! Ở đó khoảng trên nửa năm, ông phát bệnh thần kinh, nên không ở đó được nữa, bèn trở lại chùa Đông Phố Đà, về ở cái nơi không có tiền bạc. Rồi suốt ngày ông cứ lên cơn lảm nhảm nói: “Mấy người nhìn đi, xem thử coi những con vật tôi giết đó đã đi tới thế giới Cực Lạc chưa? Những con gà bị tôi giết có đến thế giới Cực Lạc hay không? Hay là trở lại làm gà nữa? Hoặc là sau này chúng nó sẽ đến giết tôi?” Suốt ngày ông cứ nói lời điên dại như thế.

Về sau ông ta muốn gặp tôi. Tại sao ông đòi gặp tôi? Vì hy vọng nếu gặp tôi, tôi sẽ giúp ông tiêu trừ nghiệp tội và ông sẽ hết bệnh. Nhưng sao ông lại biết là gặp tôi sẽ được hết bệnh? Bởi vì ngày trước, ông có dẫn mấy người mắc chứng bệnh như ông đến gặp tôi đều được lành hết. Bây giờ đến phiên ông lúc tỉnh táo thì nói: “Tôi muốn đi gặp thầy An Từ, các vị có ai giúp tôi, dẫn tôi đi gặp thầy ấy không?” Nhưng vừa muốn đi lại bị lên cơn, rồi lảm nhảm một mình. “Không được! Ông đi gặp thầy đó, còn bọn tôi thì sao? Ông biết rõ mà

cố phạm, đã giết chết bao nhiêu mạng rồi. Ông là một thầy tu mà sát hại quá nhiều gà, giết chết nhiều vịt như vậy, thì đâu có được!” Do đó, từ đầu đến cuối ông cũng không đi gặp tôi được, rồi qua khoảng nửa năm sau, ông cầm dao tự sát mà chết. Chuyện của ông thầy này do chính mắt tôi chứng kiến, cho nên tu hành không phải là chuyện dễ làm!

Tại sao ông thầy này bị loại quả báo như thế? Tôi nói cho các vị biết nhé. Thứ nhất, đây là đại Bồ Tát thị hiện như vậy để cho chúng sanh thấy: “Các vị thấy người xuất gia không được sát sanh, người tu mà sát sanh sẽ bị quả báo như thế đó!” Bồ Tát đã không sợ đóng vai xấu, không sợ nói rằng: “Ngại quá đi, tôi không muốn thị hiện cái thứ ác ôn này đâu!” Còn nói về mặt tốt thì cũng giống như Đề Bà Đạt Đa, rằng: Tôi không thể nói ông ta là Thầy tu xấu, bởi so với ông, tôi còn tệ bạc hơn. Điều thứ hai là ông ta không có tâm kiên cố, sau khi xuất gia lại thay đổi chí nguyện, không lo tu hành.

Không sai, niệm Phật có thể siêu độ, nhưng vì mình là người xuất gia mà sát sanh, vậy là biết rõ vẫn cố phạm nên tội tăng lên gấp ba. Mình lấy tư cách gì để siêu độ cho chúng nó chứ? Giết chúng chết rồi, mình có chắc chắn rằng chúng sẽ được siêu độ về thế giới Cực Lạc hay không? Mình không có nắm phần chắc và cũng không có cái quyền lực đó, vậy còn ngó ngàng cho rằng: “Tôi nghĩ là con vật đó cũng đã đi vãng sanh thế giới Cực Lạc rồi!” Thế thì không được đâu. Cho nên, các vị nghe qua công án này rồi, chớ ngộ nhận cho là vừa niệm Phật, vừa có thể tạo tội! Người niệm Phật không thể tạo tội, càng nên hướng về điều thiện lành mà làm, cũng không được làm chút gì sai trái, dù là tội ác nhỏ nhoi đi nữa cũng không được tạo.

24. Biển khổ vô biên

Trong biển cả mênh mông, chúng sanh vô tri không biết mình làm gì, đi đâu. Do đó mới nói rằng người giác ngộ có được mấy ai? Hòa Thượng với lòng từ bi tha thiết giống như ngọn Hải Đăng chiếu ánh sáng thiện xảo soi đường dẫn lối,

nhưng chúng sanh chúng ta cứ đứng đưng không làm sao thấu hiểu được nỗi lòng đại bi của Ngài....

Vào năm 1950, Hòa Thượng đến Hồng Kông không lâu, cư sĩ La Quả Minh dẫn theo hai người con là Hoàng Quả Tùng và Hoàng Quả Quân, cả ba đều cùng quy y với Hòa Thượng. Năm đó La Quả Minh biết được Hòa Thượng là do bà láng giềng, Vương Muội giới thiệu.

Bà Vương Muội là đệ tử tại gia đầu tiên của Sư Phụ ở Hồng Kông. Bà có pháp danh là Quả Hải, chồng bà làm nghề theo tàu đi biển, lâu lâu mới về nhà một lần, gia đình cũng không dư giả lắm.

Vào thập niên 50, tại Hồng Kông có rất nhiều người theo đạo Thiên Chúa hay đạo Cơ Đốc, như thế trẻ con đi học sẽ được tiện lợi hơn. Và lại, Giáo Hội cũng sẽ cung cấp các phẩm vật cứu tế như các thứ bột mì, vừa có ăn, lại vừa có đồ xài. Do vì hoàn cảnh gia đình nên bà Quả Hải thường lui tới các Hội Cơ Đốc Giáo và Thiên Chúa Giáo.

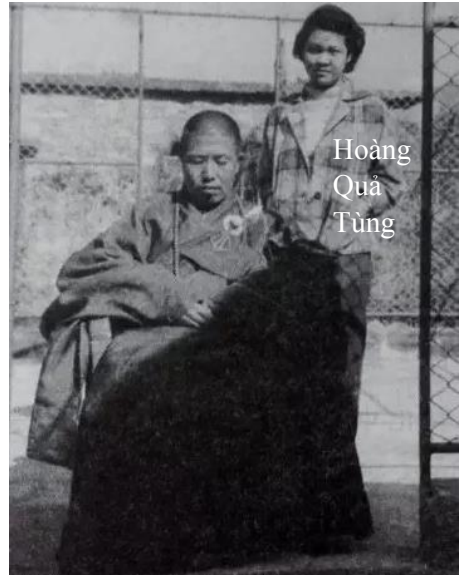
Một hôm nọ, bà đến chùa Tây Lạc Viên, định nói với Sư Phụ rằng bà đã đi theo đạo Thiên Chúa và từ đây về sau sẽ không đến chùa nữa, nhưng cứ mãi không thể mở lời. Ngày đó khi bà đến thưa Sư Phụ đi về, Sư Phụ bèn nói: “Quả Hải. để tôi đưa bà xuống núi, bởi bà sẽ đi lạc đường!” Quả Hải nói: “Không đâu, con đến chùa Tây Lạc Viên này bao nhiêu lần rồi, làm sao mà đi lạc cho được chứ?” Sư Phụ nói: “Tôi vẫn phải đưa bà xuống, bởi bà sẽ đi lạc đường!”

Tín chúng có mặt tại đó đều cảm thấy rất kỳ lạ, bởi vì Sư Phụ đâu có đưa ai đi xuống núi bao giờ. Từ đó về sau Quả Hải không còn trở lại chùa nữa.

(Ghi chú) Cư sĩ Hoàng Quả Tùng thuật lại, trích từ tạp chí Tâm Pháp: Đúng vậy, đời người thật đau khổ! Ôi biết bao là chuyện đau buồn, giống như con thuyền nhỏ bé trôi lênh đênh trên biển cả, không thấy bến để ngừng, như người bị lạc đường không biết sẽ đi về hướng nào? Chúng sanh trên cõi đời này,

dù cho có bị đau khổ áp bức đến nỗi thở không ra hơi, nhưng rồi có được bao nhiêu người giác ngộ đây?

Bây giờ phải nói, tôi đúng là một người thật sự may mắn. Đây không phải nói rằng, tôi có một mái nhà êm ấm, thân thể khỏe mạnh mà ngoại trừ các việc trên, là tôi đã quy y Tam Bảo và là đệ tử của Phật. Tuy rằng tôi vẫn chưa thoát được sanh tử, nhưng trong cái thời mạt pháp này mà vẫn còn biết đến quy y Phật, tín ngưỡng Phật và học Phật. Sau này thành Phật hay không, tự tôi không dám nói trước, nhưng đã nhờ vào sự giáo hóa của đức Phật, tôi mới có được tánh cách này và ít nhất cũng chẳng làm việc gì xấu ác để phải mắc tội lỗi lớn, vì thế nên nói tôi là người may mắn. Tôi tin sâu rằng, khi đã quy y Phật, Bồ Tát rồi, không những được tiêu trừ nghiệp chướng, hơn nữa cùng giúp chúng ta cải thiện cuộc đời của chính mình. Hơn nữa, nếu có thể thật tâm tin Phật, nghe theo lời Phật dạy, Ngài sẽ dẫn dắt chúng ta đi trên con đường Đại Đạo kang trang và cuối cùng chúng ta sẽ đến thế giới Cực Lạc.



Hãy thức tỉnh đi, hỡi những ai còn mê muội! Hãy nương tựa theo hồng nguyện rộng lớn của Phật, Bồ Tát mà tự giác tỉnh, tự sửa đổi mình. Tuy chúng ta là phàm phu, nhất là người tại gia, việc cần thiết nhất là hiểu biết chính mình, tự làm chủ lấy mình, đừng bị cảnh giới bên ngoài dao động mà không thoát ra khỏi sanh tử. Nhất là những người trẻ chúng ta, càng cần chú ý, phải nên đưa mắt nhìn xa hơn một chút, đừng chỉ biết chăm lo cho bốn phía quanh quẩn bên mình thôi.

25. Lòng thành Phật hộ

Mùa Thu năm 1952, bà La Quả Minh liên tục gặp những chuyện không may xảy ra nên luôn phiền muộn. Bà

lại còn bị lây bệnh truyền nhiễm rất trầm trọng đến cả thầy chạy, bác sĩ chế. Cô con gái là Hoàng Quả Tùng đau lòng khôn xiết, quỳ lạy trước Phật..

Cư sĩ Hoàng Quả Tùng ghi lại: Mùa Thu năm Nhâm Thìn 1952, do những chuyện bất như ý xảy ra, mẹ tôi đột nhiên bị con ma bệnh xâm nhập rất nghiêm trọng. Bà cảm thấy đau đớn vô cùng, sắc mặt xanh xao và nằm liệt giường. Chúng tôi mời bác sĩ đến chữa trị nhưng cũng vô hiệu quả.

Sau đó bác sĩ cho biết mạng của mẹ tôi chỉ còn trong sớm chiều. Cả nhà nghe xong ai nấy buồn khổ vô ngần. Tôi cảm thấy bàng hoàng chới với, liền hướng về Phật, Bồ Tát cầu khẩn van xin phù hộ cho mẹ. Bất chợt ngay lúc đó, trước mắt thấy một luồng ánh sáng lớn và xuất hiện một vị tu sĩ khoác áo cà sa, ngồi kiết già, tôi nhìn kỹ lại đó chính là Sư Phụ. Tôi vừa kinh sợ vừa vui mừng, nên vội vàng niệm Phật trong tâm. Không lâu, mẹ tôi hôn trầm ngủ thiếp đi, nhưng sắc mặt bà vẫn không có chuyển biến gì tốt. Khi đó, như có linh tính thúc giục, tôi vội tìm người đi với tôi đến gặp Sư Phụ. Vừa gặp Sư Phụ, tôi bật khóc và khẩn thỉnh Ngài cứu giúp mẹ tôi. Sư Phụ bảo rằng: “Bệnh của mẹ con, Sư Phụ đã biết từ lâu! Con hãy mau về nhà, thành tâm quán tưởng niệm Phật. Phật, Bồ Tát nhất định sẽ phù hộ cho mẹ con.” Tôi bái tạ Sư Phụ rồi ra về, tuân theo lời dạy, cả đêm tôi đã không ngủ mà niệm Phật cầu xin gia hộ cho mẹ. Đến hừng sáng, bệnh của mẹ hầu như đã giảm bớt hơn một nửa, tinh thần cũng hồi phục rất nhiều.

Qua sự việc này tôi càng thấu hiểu Phật Pháp thật không thể nghĩ bàn và ân đức của Sư Phụ tôi vĩnh viễn không thể nào quên được!

Hòa Thượng khai thị vào ngày 4, tháng 9 năm 1983:

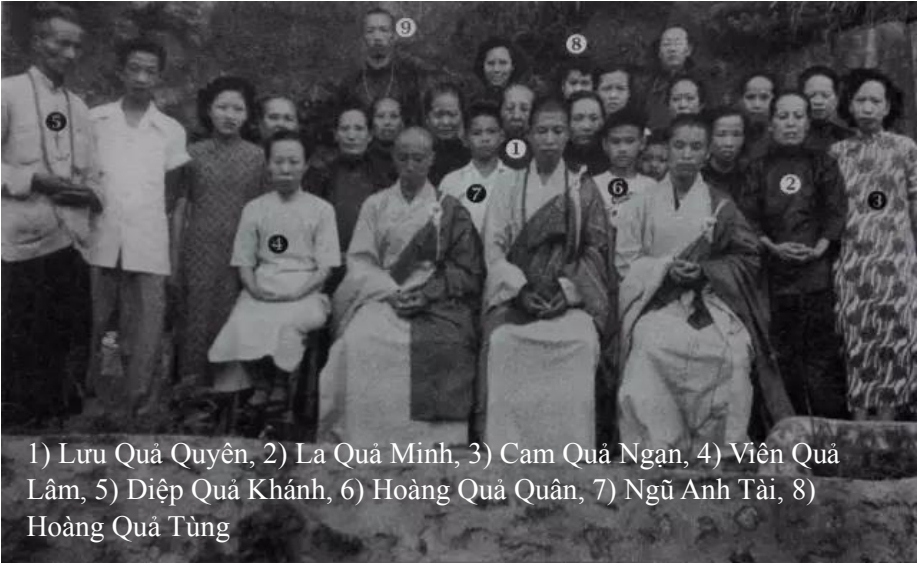
Cuộc đời mỗi người đều phải trải qua bốn cái khổ lớn “sinh, lão, bệnh, tử” mà không ai tránh khỏi. Trừ khi quý vị tu hành được thoát sanh tử thì lại là chuyện khác. Thông thường mọi người đều phải chịu bốn cái khổ đó. Khi “sinh” cũng giống như bị hai quả núi ép lại, bởi vậy khi con nít mới sanh ra

liền khóc, ý nói là khổ. Khi sanh, người thân bạn bè bị cảnh giới xoay chuyển, nên mới đến chúc mừng, tuy ăn mừng vui vẻ, nhưng thật ra là khổ đấy. Khi “già” mắt mờ, tai điếc, răng rụng, tóc bạc, tay chân cũng không còn chịu nghe lệnh chỉ huy mà rủ nhau đình công, không thể động đậy, đấy cũng khổ thật.

Khi “bệnh” tứ đại không điều hòa, không chịu hợp tác với nhau, thậm chí nằm trên giường cũng không ngồi dậy được. Nếu nghèo lại gặp bệnh thì khổ càng thêm khổ, khi ấy tâm có thừa nhưng thân không đủ sức, quý vị nói có khổ không chứ? Đến khi “chết,” thật không có cách gì diễn tả được nỗi khổ này, vì giống y như con bò sống bị lột da, lúc đó lại còn lo lắng cho con cái, lòng áy náy không yên và bị thất tình lục dục làm mê hoặc, cho đến chết vẫn không buông xả được.

Thật ra “chết” là con đường mọi người phải đi qua. Vậy có sao ta lại vui mừng khi sanh và buồn khổ khi chết? Tiếc thay, có một số người ngu si không phá vỡ được loại chấp trước này. Bây giờ chúng ta nên nghiên cứu vấn đề “sanh từ đâu đến và chết đi về đâu?” Khi chúng ta nghiên cứu thấu suốt rồi là có thể ra khỏi tam giới, không bị luân hồi nữa. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì nghiên cứu vấn đề này mà xuất gia tu hành, 6 năm tầm Đạo. Tuy tu hành khổ hạnh trong 6 năm cũng không có được phương pháp nào để giải quyết chuyện sanh tử, cuối cùng Ngài ngồi tĩnh tọa 49 ngày dưới cây Bồ Đề, đêm khuya nhìn ánh sao sáng mà ngộ Đạo và thấu triệt rõ ràng bánh xe lăn của sinh mạng qua “Mười hai nhân duyên”.

Tại sao hôm nay tôi lại nói về đạo lý này? Vì khi tôi mới đến Hồng Kông, đệ tử đầu tiên quy y tôi là cư sĩ La Quả Minh, năm nay 81 tuổi đã vãng sanh vào sáng hôm qua, nên tôi cảm thấy bùi ngùi. Cả đời bà luôn sống trong hoàn cảnh bức bách, nhưng không đầu hàng trước mọi khó khăn. Bà đã nhẫn chịu bao khổ cực gian lao để nuôi dưỡng năm đứa con và đều được thành tích khá cả. Cho nên cư sĩ La Quả Minh cũng sẽ mỉm cười nơi chín suối, hoặc là vãng sanh về thế giới Cực Lạc.



1) Lưu Quả Quyên, 2) La Quả Minh, 3) Cam Quả Ngạn, 4) Viên Quả Lâm, 5) Diệp Quả Khánh, 6) Hoàng Quả Quân, 7) Ngũ Anh Tài, 8) Hoàng Quả Tùng

(Ghi chú) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Quả Tùng thường cùng tôi tụng niệm giúp pháp hội và cư sĩ Quả Minh lại thường đi cùng với mẹ tôi là Cam Quả Ngạn. Lúc đó bốn người: Mẹ tôi là Quả Ngạn, Quả Minh, Viên Quả Lâm và bà La thường chung lo mọi thứ chi tiêu cũng như phục vụ cho pháp hội. Vì thế tôi xem cư sĩ Quả Minh giống như là mẹ của mình. Có một ngày kia khi trời hửng sáng khoảng 4, 5 giờ, tôi bị đánh thức bởi tiếng kèn nhẹ nhàng thanh thót vang lên. Đang lúc mắt còn mơ màng thì nhìn thấy cư sĩ Quả Minh vui vẻ bảo cho tôi biết rằng bà đã được giải thoát rồi, giờ bà phải đi đây. Ngay buổi chiều hôm đó, tôi nhận được tin từ Hồng Kông cho biết tôi qua cư sĩ Quả Minh đã vãng sanh. Tính theo ngày giờ bà ra đi thì đúng vào buổi sáng sớm tôi đang ở Mỹ.

26. Chuyện lạ cứu người (1)

Cứu mạng người là điều quan trọng nhất, đó cũng là nguyên tắc làm việc của Hòa Thượng. Bất kể, Hòa Thượng ở Trung Quốc, Hồng Kông, hoặc tại Hoa Kỳ, Ngài đã từng cứu vớt rất nhiều mạng người. Bà Ngũ vì mượn tiền để xây căn nhà gạch mà...

Hòa Thượng kể: Cứu mạng người là việc tôi quan trọng, tôi ở Hồng Kông mười mấy năm qua đã cứu được rất nhiều mạng người. Bây giờ hoàn cảnh của họ khá giả và cũng rất

thành tâm đền đáp ơn Phật, thành ra tôi đi đến bất cứ nơi nào, họ cũng đều ủng hộ tôi. Tại Mỹ tôi cũng đã cứu nhiều mạng người, chứ không phải chỉ giảng kinh thuyết pháp. Tôi nói như vậy, các vị chớ có tò mò, tra hỏi tới ngọn ngành: “Rốt cuộc thì Sư Phụ đã cứu mạng ai? Cuối cùng rồi Sư Phụ đã làm những chuyện gì tốt chứ? Sư Phụ nói mình thế này thế nọ, nhưng chúng con nào có biết chi.” Thì các vị cứ việc phái ban điều hành đến Hồng Kông để điều tra đi.

Tôi nhớ có một ông họ Ngũ, vợ ông ta quy y tôi. Ông Ngũ này làm nghề gì? Ông làm Thôn Trưởng trong một cái thôn nhỏ và ông là người hút thuốc phiện. Vợ ông mượn tiền người ta chín nghìn đồng, để làm gì? Bà dự định xây một căn nhà gạch để cho mượn kiếm tiền xài. Nhưng không ngờ, nhà vừa xây xong liền bị phá hủy vì bị dính líu với cơ quan chính quyền. Trong phút chốc mọi chuyện đều sụp đổ mà cũng không có tiền trả nợ, bà rối rắm quá nên định thắt cổ tự tử. Xin nói trước cho các vị rõ, không phải tự tôi tuyên truyền ra câu chuyện này, mà đây chính là chuyện về người thật, việc thật đã xảy ra.

Bà kể lại, đang lúc sắp sửa treo cổ chết, bà bỗng thấy có Sư Phụ đến nói rằng: “Bà chớ nên thắt cổ, chuyện khó khăn này ngày mai sẽ được giải quyết êm xuôi, sẽ có người đến giúp bà. Khi ấy bà cũng không biết thiệt giả ra sao, nhìn lại thì không thấy Sư Phụ đâu nữa. Qua ngày hôm sau, quả nhiên có người bạn đem tiền đến cho bà mượn, vậy là mọi chuyện được giải quyết êm đẹp. Đây là một câu chuyện, sau đó quý vị cũng biết là việc gì đã xảy ra rồi.

Thêm một chuyện nữa, có một cậu bé đã năm tuổi mà vẫn chưa biết đi. Không biết lúc còn nhỏ có bị bệnh bại liệt gì không mà nó không thể đi được. Khi cậu bé này lên chín tuổi, người nhà của em nghe đồn nên đến tìm tôi. Tôi bảo mẹ cậu bé: “Bà mỗi ngày cứ lạy Phật, lạy từ dưới núi lên đến chánh điện. Khi nào bà lạy đủ rồi thì con của bà sẽ lành mạnh thôi!”

Nghe vậy, mỗi ngày bà mẹ đều dẫn cậu bé lễ lạy đến chánh điện, lên núi vốn phải trèo trên hơn ba trăm bậc thang

đá, vậy mà hễ bước lên mỗi một bậc thang là họ lay một lay. Mỗi ngày họ đến lễ lay một lần, cho đến nửa năm sau, đứa bé trai này chẳng thuốc men gì mà bệnh cũng hết luôn. Nhà cậu bé nghèo, nên họ chỉ mua được khoảng 3 lít dầu lên cúng dường. Đó là hai câu chuyện mà tôi nhớ ra được.

(Ghi chú) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Có một đêm đang ngủ tôi bị giật mình thức giấc vì tiếng xì xào. Bước xuống giường, mắt vẫn còn mơ mơ màng màng, tôi nhìn thấy mẹ đang quỳ trước bàn Phật thì thầm, không biết bà đang niệm gì nữa. Sáng hôm sau, tôi mới biết mẹ đã suốt đêm không ngủ vì anh tôi bị bệnh cũ tái phát đã nôn mửa ra máu không ngừng, đến nỗi bác sĩ cũng bó tay. Bác sĩ nói, nếu anh tôi vẫn tiếp tục thổ huyết thì có lẽ tối hôm qua là đêm kết thúc mạng sống của anh. Sau khi nghe tin này, mẹ tôi đã không kể gì đêm khuya, liền kéo theo người giúp việc trong nhà rồi chạy lên chùa Tây Lạc Viên để cầu cứu với Sư Phụ.

Gặp Sư Phụ xong, mẹ tôi quay về nhà quỳ tiếp trước bàn Phật thành tâm niệm chú Đại Bi, cầu xin nước Đại Bi cho anh uống. Anh uống được hai, ba lần thì đã bớt mửa ra máu. Và mẹ vẫn tiếp tục niệm chú Đại Bi. Cuối cùng anh không còn khạc ra máu nữa và từ từ ngủ thiếp đi. Hôm sau bác sĩ đến khám bệnh, ông kinh ngạc vô cùng khi thấy anh đã qua khỏi cơn nguy hiểm và được khỏe mạnh trở lại. Lòng mẹ thương con quá ưu tha thiết, ngoài việc thỉnh cầu Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ, bà còn phát nguyện ăn ít lại. Người Hồng Kông rất quan trọng về chuyện ăn uống, nên ai phát nguyện giảm ăn, coi như làm một việc hết sức nghiêm trọng. Vì thế, tình mẹ thương con thật bao la không bờ bến!

Chị Ngân, người giúp việc cho nhà tôi thường cùng mẹ đến Tây Lạc Viên làm công quả giúp pháp hội, dần dần chị ấy cũng tin Phật và niệm Phật. Nhất là khi nhìn thấy anh tôi được Bồ Tát Quán Thế Âm và Sư Phụ cảm ứng gia hộ, nên chị cũng phát tâm quy y. Không bao lâu sau, chị xin nghỉ việc ở nhà tôi, rồi đến một chùa Ni làm công quả, sau đó xuống tóc xuất gia.

Mấy năm trước, tôi về Hồng Kông có ghé thăm chị. Hiện chị vẫn còn tu hành tại đó.

Hỏi: Khẩn cầu Sư Phụ từ bi cứu hộ cho con gái con, nó mắc bệnh di truyền rối loạn chuyển hóa, khiến cho gân cốt và tim mạch nó đều bị ảnh hưởng.

Hòa Thượng: Lúc tôi ở Hồng Kông có đưa bé 5 tuổi không thể đi được. Mỗi ngày nó được mẹ dắt lên núi lễ lạy. Hai mẹ con cứ lạy từ dưới núi lên đến chánh điện và lạy như thế được nửa năm. Sau đó đưa bé cũng không có uống thuốc gì mà hết bệnh. Về sự kiện này, các vị hãy đi hỏi chú bé lạy Phật đó đi, chỉ có chú mới biết thôi, tôi thì không hiểu gì hết.

27. Chuyện lạ cứu người (2)

Hòa Thượng vốn có lòng đại từ đại bi, nên mỗi khi gặp người bệnh tật khổ ách nguy nan, Ngài hết lòng lo cho bằng được, khiến ai nấy cũng đều mãn nguyện. Cư sĩ Lý Quả Viên có cô con gái là Diệp Nghiênn sơ ý bị té ngã, nhưng sau đó toàn thân lên cơn nóng sốt...

Ông Lý Đại Hoa pháp danh Quả Viên, có cô con gái nhỏ là Diệp Nghiênn khi đi không cẩn thận bị trượt té. Lúc đó bé cảm thấy không sao, nhưng qua mấy ngày sau, toàn thân phát sốt, phần dưới chân đau nhức dữ dội. Vợ chồng Quả Viên nghĩ rằng do té gây ra, bèn dẫn bé đến gặp bác sĩ Lý Tử Phi chuyên trị về trật té để chữa trị. Sau khi bác sĩ Lý khám bệnh bảo là không phải do té bị thương tích, chính vì nơi chân bé nổi mụn nhọt nên mới hành bệnh.

Sau khi về nhà, họ lại tìm một bác sĩ khác đến chữa trị cho bé, nhưng cũng không có hiệu quả. Sau đó, được người ta giới thiệu, bà vợ bỗng đưa con gái lên chùa Tây Lạc Viên tìm gặp Sư Phụ. Sư Phụ ra về chẳng biết gì về y thuật, nói không có cách gì để chữa trị. Vợ ông Lý không cam tâm bỏ cuộc nên vẫn cứ đến cầu cứu cho cô con gái, Sư Phụ cũng vẫn từ chối. Đến lần thứ ba, hai vợ chồng Lý Quả Viên cùng đến chùa Tây Lạc Viên quỳ mọp trước mặt Sư Phụ, cầu xin Ngài tìm cách để

cứu con họ. Sư Phụ thấy vợ chồng họ thật quá thành tâm, vì tùy cơ làm phương tiện nên cuối cùng Ngài bằng lòng thay họ cầu Phật, Bồ Tát phù hộ cho bé. Qua một tuần sau, bé Lý Diệp Nghiênn đã được lành mạnh trở lại. Nhờ vậy, cả nhà Lý Quả Viễn đều tin sâu vào đức hạnh của Sư Phụ và sự phù hộ của chư Phật, Bồ Tát, thế là cả nhà năm người đều Bảo, trở thành đệ tử của Sư Phụ. quy y Tam

Hòa Thượng kể: Có ông cảnh sát đó tên là Lý Đại Hoa, có cô con gái bốn tuổi, sau khi bị té thì không thể đi được, bác sĩ trị cũng không hết. Lý Đại Hoa đến Tây Lạc Viên lạy Phật vài lần, cô con gái liền được bình phục và đi được trở lại. Cũng vì vậy nên nhiều người đồn là tôi biết trị bệnh. Tôi nhớ là có một người rất nghèo, mẹ ông ta bị bệnh mà bác sĩ cũng trị không hết. Bà mẹ của ông nghe nói tôi biết trị bệnh nên sai ông đến tìm tôi để hỏi thử xem. Khi ấy, tôi bảo: “Ông muốn cho mẹ ông hết bệnh, ông phải đưa ra đây một trăm nghìn đồng.” Nếu ông ta hỏi tại sao đòi ăn tiền dữ vậy thì tôi sẽ nói cho nghe, nhưng ông ta đã không hỏi gì, mà lại đùng đùng nổi nóng bỏ ra về.

Ông đi về tâu lại với mẹ là cái ông thầy chùa đó thật tham tiền quá cỡ. Vậy là tối đêm đó ông nằm mộng thấy có người đến bảo rằng: “Thầy đó nói với ông một trăm nghìn đồng, không phải kêu ông lấy cho một trăm nghìn tiền Hồng Kông đâu, mà muốn ông lấy một đồng đi mua một tờ tiền giấy một trăm nghìn - là tiền ma quỷ dùng. Rồi ông đốt nó đi thì mẹ của ông sẽ hết bệnh.” Và quả thật ông đã làm theo như vậy, nên mẹ ông cũng lành bệnh luôn. Tại sao lại như thế chứ? Không thể nói ra lý do được.

(Ghi chú) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ cho tôi đọc lá thư của bà Chiêm Lệ Ngô. Chồng bà là một Phật tử thuần thành, bà cũng đã quy y với Lão Hòa Thượng Hư Vân, cả nhà đều ở Canada. Trong thư đề cập đến việc cô con gái lúc nhỏ đã bị bệnh bại liệt. Bởi vì đọc được quyển Sự Tích của Thiên Sư Độ Luân, trong đó đều là chuyện thật sự cảm ứng, cho nên cô bé cứ nhìn vào hình của Sư Phụ trong quyển

sách đó mà đánh lễ ngày đêm. Không bao lâu sau, cô bé bỗng cảm thấy hai chân có sức lực và đi được, bệnh tình cũng phục hồi nhanh chóng. Trong thư còn gửi kèm theo hình của con gái bà. Mỗi ngày bà tụng niệm bài kệ của Hòa Thượng (Tuyên Hóa Kệ) trong quyển “Hư Vân Lão Hòa Thượng Họa Truyện”.

28. Người Điếc nghe kinh

Lão cư sĩ Lưu Quả Quyên đã bị điếc nhiều năm. Bà quy y với Hòa Thượng vào năm Tân Mão 1951 tại Tây Lạc Viên. Sau khi quy y, bà phát tâm Bồ Đề, tay không rời chuỗi tràng, mỗi ngày bà chỉ tụng niệm sáu chữ hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật”...

Mỗi lần chùa Tây Lạc Viên mở pháp hội và Hòa Thượng thuyết pháp, bất kể mưa gió, bà Lưu Quả Quyên đều có mặt tham gia. Mùa Hè năm Quý Ty 1953, Hòa Thượng tuyên giảng bộ Kinh A Di Đà tại Tây Lạc Viên, bà Lưu Quả Quyên như thường lệ tới sớm nghe Kinh. Tuổi ngoài sáu mươi, đôi chân bà cũng yếu đi, lại phải trèo núi trên ba trăm mấy bậc thang đá quanh co gập ghềnh. Tuy vậy, mỗi ngày bà vẫn quyết chí trèo núi, thật đúng là thành tâm hết mực. Chỉ có điều, bà bị điếc thì làm sao nghe giảng Kinh đây?

Hòa Thượng kể: Tôi ở chùa Tây Lạc Viên, Hồng Kông giảng giải bộ Kinh Lăng Nghiêm hết 14 tháng. Mùa Hè năm 1968, tôi ở Phật Giáo Giảng Đường tại San Francisco, Hoa Kỳ, cũng bộ kinh Lăng Nghiêm, nhưng chỉ giảng qua 96 ngày là xong, giảng quá mau, cũng giống như ngòi hỏa tiễn bắn vèo lên cung trăng đi do thám vậy. Tôi tuy giảng có ba tháng là xong việc, nhưng trong pháp hội nghe kinh, dù các vị nghe có hiểu, hay không hiểu, một khi đã tới đây nghe Kinh thì đều có được diệu dụng không thể nghĩ bàn. Tôi có một bà lão đệ tử thật lạ lùng, hễ tôi giảng kinh, bà ta nhất định phải đến nghe. Bà nghe được không? Bà không nghe được, vì bà là người điếc nên không nghe được, ấy thế bà ta vẫn cứ đến nghe.

Người khác giảng kinh, bà không đi nghe, bởi vì có nghe được gì đâu. Nhưng thật lạ thay, bà không nghe được tôi nói gì

mà cũng đến nghe tôi giảng. Bà nói với người ta rằng, nếu không đến nghe kinh, trong mình cảm thấy khó chịu, lần này mà không tới thì cảm thấy giống như là sẽ bị mất một cơ hội. Một người điếc đến nghe Kinh cũng chẳng có gì cho là quá đáng, nhưng đây lại là một bà già sáu, bảy chục tuổi đã không sợ leo núi cao trên ba trăm mấy bậc thang đá để đến nơi đây. Có người hỏi bà: “Bà lão nghe được gì không?” Bà nói: “Tôi cũng không biết nghe được cái gì nữa.” Đó mới là điều kỳ diệu!

Có một lần, tôi giảng về Phẩm Phổ Môn, bà là người điếc nên cũng không biết tôi giảng nói cái gì, nhưng bà vẫn muốn đến nghe. Vậy rồi cứ nghe tới nghe lui, cho đến một hôm vào ngày mùng 2 tháng 5, trước khi giảng bộ Kinh A Di Đà, lúc đại chúng bắt đầu niệm ba lần “Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát”. Trong khoảng khảy móng tay đó, bà nghe được câu: “Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát”, bà ta đã nghe được rồi! Từ đó về sau, bệnh điếc của bà hoàn toàn chấm dứt, tức không còn điếc nữa. Các vị thấy có quá huyền diệu không?

Sau khi hết điếc, bà càng thành tâm tin Phật. Mỗi lần tôi giảng kinh, bà đều đến nghe không hề lười biếng, dầu cho có mưa to gió lớn, bà cũng không ngần ngại mà nhất quyết tới nghe. Đây đã chứng minh được lòng thành tâm tới nghe Pháp của bà, dù nghe không được nhưng vẫn muốn nghe. Kết quả đã khiến cho bệnh điếc của bà cũng hết luôn.

(Ghi chú 1) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ nói: “Lúc ở Đông Bắc, tôi thường hay gặp nhiều chuyện lạ kỳ, nhưng tới Hồng Kông thì không có gì lạ lùng cả, dù cho có đi nữa, tôi cũng mặc kệ, hoặc âm thầm lo liệu mà không ai hay biết.” Quả Mật ở gần bên đáp lại: “Có chứ, là chuyện của bà Lưu Quả Quyên đó.

(Ghi chú 2) Sư cô Hằng Quý tại chùa chi nhánh, Hội Pháp Giới Phật Giáo In Kinh, Đài Bắc thuật lại vào ngày 10 tháng 3 năm 2013: Cư sĩ Lưu Quả Quyên là chị dâu của ông nội tôi. Bà thật có duyên học Phật với Sư Phụ. Mặc dù tai điếc, nhưng mỗi ngày bà đều đến Tây Lạc Viên nghe thuyết pháp.

Khoảng mười mấy hai chục năm về trước, lúc Sư Phụ còn sống, khi chánh phủ muốn khai phá mở đường rộng ra, Sư Phụ thật là từ bi, đã vì lợi ích công cộng mà đem cho luôn Tây Lạc Viên. Do đó, bây giờ không còn chùa Tây Lạc Viên nữa.

Tây Lạc Viên là ngôi chùa ở trong vùng dân nghèo, nếu muốn đến thì phải lội lên trên ba trăm mấy nấc thang đá. Tôi vẫn nhớ lúc còn nhỏ khi đi đến đó, khoảng nửa đường là thấy có rác rưởi chông chát bên lề đường, nhưng tiếp tục đến Tây Lạc Viên, nơi đây có cảnh giới hoàn toàn khác hẳn, như là đi vào động Thần Tiên.

Bà Lưu Quả Quyên mỗi ngày ôm cây dù leo núi để nghe giảng kinh, một người điếc tai thì làm sao nghe được nhỉ?

Chắc bởi vì bà có thiện căn, nên có một hôm nọ bà nghe được người ta niệm “Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát, rồi từ đó về sau bà hết điếc luôn. Lúc này, tuy bà hết điếc, nhưng vì bà là người Quảng Đông, Sư Phụ lại có giọng nói của người Đông Bắc, cho nên nghe Sư Phụ thuyết pháp cũng thật khó khăn. Nhưng mặc kệ là điếc hay không điếc gì, bà vẫn tiếp tục đi tụng công.

29. Khuyên hoài, không tỉnh

Biển khổ mênh mông, người ta bị nhiễm khổ nhưng lấy làm vui; biết rõ ràng quây đầu là bờ bến, ấy vậy có mấy ai chịu bỏ hồng trần. Hai chị em họ Viên thường đến chỗ Sư Phụ nghe giảng kinh và thường thấy thân Sư Phụ ngồi trên pháp tòa phóng tỏa ánh sáng hoàng kim.

Khi Sư Phụ giảng kinh ở Hội Thông Thiện Đàn có hai chị em, Viên Quả Tường và Viên Quả Sấn đến nghe Kinh. Viên Quả Tường còn chính mắt nhìn thấy Sư Phụ trên thân phóng tỏa kim quang, nên từ đó họ rất tín ngưỡng Sư Phụ. Sau đó Lưu Quả Quyên giới thiệu họ đến gặp Sư Phụ. Viên Quả Sấn lần đầu bái lạy Sư Phụ, rồi trên đường xuống núi để đi về, bỗng nhiên cảm thấy mình đang bị chìm nổi trong biển cả mênh mông. Lúc ấy cô rất kinh hoàng, sau đó định thần nhìn lại thì không thấy biển đâu nữa. Sau đó cô thưa lại chuyện này

với Sư Phụ. Sư Phụ bảo: “Bể khổ mênh mông, quay đầu là bờ.” Khi ấy cô còn trẻ tuổi, không thể thấu hiểu được ý nghĩa của lời nói này. Sư Phụ nói cô ta suốt đời này không có phước để hưởng, ngoại trừ xuất gia.

Qua một thời gian sau, hôn nhân của Viên Quả Sấn bị trắc trở, không bao lâu thì sanh một bé gái. Có một lần con bé bị bệnh nặng, Quả Sấn cũng con lên Tây Lạc Viên để tìm Sư Phụ, dọc đường lại gặp cơn mưa to khiến cả hai mẹ con đều bị ướt nhẹp. Khi gặp Sư Phụ, Sư Phụ nói rằng: “Sư Phụ biết con sẽ có ngày hôm nay, nhưng con vẫn không quỳ đầu, cũng không giác tỉnh.” Sư Phụ lập tức tụng chú, xoa đầu gia trì cho bé gái, rồi cô bé từ từ hồi phục sức khỏe.

Cư sĩ Lô Đàm Trân là bạn tri kỷ lâu năm của Viên Quả Sấn. Một hôm, cô rủ Quả Sấn lên núi đánh lễ Sư Phụ, Viên Quả Sấn vì cuộc sống eo hẹp, không có tiền cúng dường Sư Phụ nên không muốn đi. Lô Đàm Trân bèn cho Viên Quả Sấn mượn tiền để lì xì Sư Phụ, sau đó hai người cùng lên Tây Lạc Viên. Đến núi rồi Viên Quả Sấn liền lấy bao lì xì ra cúng dường. Sư Phụ nói: “Đến đây không cần phải có lì xì, con đem nó về đi”, nhưng cô vẫn cố để lại trên bàn. Sau này Sư Phụ nói với Lô Đàm Trân: “Con về nói lại với Viên Quả Sấn là lần sau đừng có bày đặt lì xì cho Sư Phụ nữa nhé, bởi vì cô ta nghèo lắm, phải đi mượn tiền để lì xì đó.” Thật không thể tưởng, chuyện này chỉ có Viên Quả Sấn và Lô Đàm Trân biết thôi. Đâu có ngờ rằng, không gì có thể qua mắt được Sư Phụ.

(Ghi chú) Viên Quả Tường là mẹ của sư cô Hằng Quý, còn Viên Quả Sấn là dì của Sư cô, cũng là mẹ của Mai Diệu Linh. Khi mang thai sư cô Hằng Quý, bà Quả Tường đến Tây Lạc Viên gặp Sư Phụ, Sư Phụ bảo: “Con bé chưa ra đời, nhưng Sư Phụ đã biết bé rồi.” Sư cô Hằng Quý đã trở thành đệ tử của Hòa Thượng khi còn là hài nhi. Vào tuổi thơ, Sư cô thường cùng bà nội đến Tây Lạc Viên lạy Phật, cúng dường. Trong gia tộc của Sư cô cũng có ít nhất 4, 50 người quy y với Sư Phụ.

30. Phép thuật “chầu trời”

Hòa Thượng vốn nghiên cứu thâm sâu các tông phái khác nhau và tận lực tham thiền thoại đầu, nhưng bình thường Ngài chỉ khuyên bảo các đệ tử xưng niệm sáu chữ hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật.” Đệ tử quy y lâu năm của Hòa Thượng là Đường cư sĩ, cô luôn dốc lòng tin Phật. Ngày nọ, cô đến khóc kể với Sư Phụ ...

Chông cô bị bệnh nặng, không cách gì nên cô đành đến cầu xin Sư Phụ. Hòa Thượng sau khi biết được, dùng lời an ủi cô đừng quá lo rầu, dặn cô về bảo chồng hãy gắng sức niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, nếu thọ mạng của ông chưa tận, nhờ Phật lực có thể được lành mạnh trở lại, còn như khó thoát khỏi kiếp số mà thành tâm niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” thì đến lúc lâm chung cũng có thể được vãng sanh. Sư Phụ lại giảng giải căn kẽ đạo lý “Thiên nan trắc, mạng vô thường” cho cô nghe là trời cao khó đoán biết, mạng người cũng thay đổi sống nay chết mai, rồi dặn cô đi về nói cho chồng nghe.

Sau khi nghe người vợ chuyển lời dạy của Hòa Thượng, ông La Khang Nhuệ nhận thấy rất có đạo lý rồi xin cô vợ đi cầu thỉnh Hòa Thượng cho ông quy y. Ba ngày sau, La Khang Nhuệ nằm mộng thấy Hòa Thượng đội cái nón có năm vị Phật, trên thân đắp cà sa đỏ, lại có pháp tướng trang nghiêm của chư vị Bồ Tát ở phía sau. Sư phụ bảo: “Bệnh con rồi sẽ lành thôi, không cần phải sầu lo quá vậy” Sau khi tỉnh dậy, ông bị tiêu chảy không ngừng. Vì ngoài chứng bệnh phôi ra, bụng ông lại bị mọc bướu, chỉ bệnh phôi thôi đã khiến cả nhà lo muốn chết rồi, cho nên ông cũng giấu luôn bà vợ về cái bụng bị bướu này. Kết quả, khi ông đi tiêu chảy cũng tống ra luôn cái bướu trong bụng. Từ đó trở đi La Khang Nhuệ càng tin sâu Phật Pháp. Khi đi, đứng, nằm, ngồi, không rời chuỗi hạt, mỗi ngày ông niệm Phật cả vạn tiếng. Vì tâm thành tất có ứng, nên vài tháng sau, ông hồi phục sức khỏe. Đến khi đi bệnh viện tái khám, cho thấy chứng bệnh phôi của ông quả nhiên khỏi hoàn toàn.

31. Giàu nghèo bình đẳng

Hòa Thượng có đệ tử nghèo, đệ tử giàu, đệ tử già, đệ tử trẻ, có người hoàn cảnh quần bách, cuộc sống lao khổ nhọc nhàn. Thậm chí có người làm công ở đợ, nấu cơm. Bất kể là đệ tử ở trong hoàn cảnh nào, Sư Phụ vẫn đối xử với họ tốt đẹp như nhau...

Cư sĩ Hứa Sương Quân thuật lại: Cha mẹ tôi đều là người Đại Lục (Trung Quốc). Nhờ mẹ của Đàm Quả Thức mà chúng tôi biết Sư Phụ. Cha tôi là đệ tử của Lão Hòa Thượng Hư Vân nên Sư Phụ bảo không cần phải quy y lại. Khi mẹ tôi quy y, Sư Phụ lấy cây Hương bản đánh mẹ tôi và hỏi: “Con biết tại sao Sư Phụ dùng hương bản đánh con không?”. Mẹ tôi lắc đầu ngơ ngẩn nhìn. Sư Phụ tiếp: “Bây giờ con đã là đệ tử rồi, nên Sư Phụ đánh con là giúp cho con tiêu trừ tai nạn.” Mẹ tôi vẫn cứ nghi ngờ trở mắt nhìn Sư Phụ. Sư Phụ nói tiếp: “Khi cha con qua đời, con đã không về thọ tang lễ, vì vậy Sư Phụ dùng hương bản đánh con đấy.” Khi ấy vào thời kỳ Trung Hoa kháng chiến Nhật Bản, vì mẹ đang mang thai, nên không thể trở về nhà chịu tang được. Mẹ thật kinh ngạc, vì ngay đến chuyện này mà Sư Phụ cũng biết luôn.



1) Hứa Sương Quân, mẹ và hai em

Vì hoàn cảnh gia đình không khá, con cái phải phân chia làm các việc trong nhà, cho nên muốn đến Tây Lạc Viên để tham gia các khóa tu, mỗi tuần chúng tôi phải thay phiên nhau đi. Căn nhà chúng tôi thuộc loại kiến trúc bất hợp lý và cũng hư nát cả rồi, nhưng Sư Phụ cũng đã đến thăm qua nơi đây, chớ không vì chúng tôi nghèo nàn mà Ngài khinh rẻ.

Có một lần nọ, mẹ bị bệnh rất nặng, cả nhà đều nghĩ mẹ sẽ không qua khỏi. Nhưng ngày hôm sau, mẹ bảo người nhà rằng: Tôi sẽ lành bệnh, tôi không sao đâu. Hôm qua tôi nằm mộng thấy Sư Phụ đến thăm tôi, nhất định là tôi sẽ lành mạnh, thật mà!” Sau đó mẹ thật sự càng ngày càng mạnh khỏe ra. Đôi khi chúng tôi lên núi dùng cơm chay, thấy Sư Phụ ăn uống rất đơn giản, có lúc Ngài chỉ dùng bánh bao không nhân với tương cay.

(Ghi chú) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Bọn trẻ con rất mến Sư Phụ chứ không có sợ Ngài, bởi Sư Phụ đối với chúng như người bạn tốt. Còn đối với đệ tử lớn tuổi giống như cha tôi, Sư Phụ một mực không cho cha tôi lễ lạy Ngài. Sư Phụ nói rằng: “Ông tuổi đã cao như thế, không cần thiết, không cần đánh lễ đâu.” Gia đình tôi không phải giàu có cho lắm, nhưng cũng thuộc vào hạng khá. Chúng tôi có người làm, có tài xế, bởi vậy công việc nhà chúng tôi đều không biết làm, thậm chí ngay cả gội đầu cũng đều không biết. Khi chưa gặp Sư Phụ, tánh tình của tôi thật không tốt. Dù cha tôi thường hết lời dạy bảo chúng tôi phải nên nhân từ đối với mọi người, mà tôi vẫn cứ ăn hiếp họ, coi họ như là người ở đợ thấp hèn hơn tôi.

Sau này gặp được Sư Phụ, Ngài dạy dỗ tôi mọi điều, tôi sửa đổi rất nhiều, tánh tình cũng thay đổi luôn. Khi chúng tôi đến Tây Lạc Viên tham gia pháp hội, chị giúp việc và người nấu bếp đôi khi cũng đi theo luôn. Mẹ bảo họ phụ bếp cho chùa và họ cũng cùng chúng tôi ngồi nghe Sư Phụ thuyết Pháp, đối với tôi mà nói, đây là một sự chuyển biến to lớn. Tôi ý thức được mọi người đều là bình đẳng, bất kể giàu nghèo, cao quý hay hèn hạ, đều chỉ cần có sự tu hành chân chánh, và bất kể là nghèo cỡ nào, cũng đều đạt được trí huệ tối cao. Nếu như người không tu hành, dầu cho là giàu có cách mấy, cuối cùng cũng phải chết như nhau, cũng đều không thoát khỏi luân hồi như thường. Sau đó, hai người làm giúp việc cho nhà tôi, do vì nghe được Phật Pháp nên đều quy y Sư Phụ. Rồi cuối cùng họ đều xuất gia, còn tôi đứng là xấu hổ, tự than thân trách phận đã không được như họ.

32. Quỷ cầu Ngũ Giới

Cuối năm Nhâm Thìn 1952, Tây Lạc Viên khởi lập đạo tràng niệm Phật, tiến hành pháp hội niệm Phật bảy ngày liên tục. Đến ngày thứ năm vào cây nhang thứ 6 cho tiết giờ cuối cùng trong ngày, đột nhiên có một con quỷ nhập vào ông Trương Quả Vũ...

Hồng Kông vào thời đại 50, do vì thiên tai, nhân họa xảy ra không ngừng, xã hội động loạn không an, Hòa Thượng ngầm biết nguyên nhân, đó chính là do nghiệp lực của chúng sanh chiêu cảm ra. Do đó, muốn cứu vãn thoát kiếp tai nạn, phải chính do chúng sanh cùng hợp sức lại thôi. Cho nên vào năm 1952, nhân lễ Đản Sanh Phật A Di Đà (tức vào ngày 17 tháng 11 âm lịch), Ngài cử hành pháp hội niệm Phật liên tục bảy ngày (từ ngày 11 đến ngày 17 tháng 11 âm lịch), mỗi ngày bắt đầu từ 8 giờ sáng đến 7 giờ tối. Tuy Tây Lạc Viên ở trên núi cao, đường sá xa xôi, nhưng tín chúng vẫn đến tham gia đông đảo như thường.



Trải qua vài ngày pháp hội, đến ngày thứ năm (ngày rằm tháng 11), vào buổi tối khi kết thúc cây nhang thứ 6 (mỗi cây dài khoảng một tiếng đồng hồ), đột nhiên ông Trương Quả Vũ quỳ trước mặt Sư Phụ. Thì ra có một con quỷ nhập vào thân ông để cầu xin Sư Phụ làm lễ truyền Ngũ Giới cho nó. Sư Phụ nhận lời yêu cầu đó thì ông Trương từ trong hôn mê liền được tỉnh lại. Mọi người ở trong pháp hội đều tấm tắc rằng: Kỳ lạ thay, ngay cả quỷ

cũng biết cầu xin thọ giới nữa!

Hòa Thượng khai thị nhân ngày Phật Thất Di Đà, mùa Đông năm 1979, tại Vạn Phật Thánh Thành: Thiên tai nhân

họa đầy khắp thế giới, khiến âm đạu tối tăm, đây cho thấy rằng sanh mạng con người đều bị nguy hiểm. Như các thứ hung khí giết người, từ trước tới nay chưa từng thấy: Chúng ta đã biết có bom nguyên tử, bom khinh khí, vũ khí hạt nhân, hiện nay lại thêm laser. Những thứ vũ khí giết người lợi hại này, một khi dùng chúng rồi, nhân loại có thể đều bị quét sạch chết hết. Vì vậy, cho đến bây giờ, chúng ta duy chỉ có việc nương vào Phật Pháp chăm lo tu hành, mới có thể tiêu trừ được tai họa.

Cả thế giới đây ám khí, nghiệp ác đây đầy, nơi nào có người chân tu, nơi đó ít có tai nạn một chút, nếu gặp nơi có đông người tu hành tụ họp lại, thì sức mạnh cùng tu có thể tiêu trừ tai nạn, hóa giải kiếp số, biến đổi các khí hung bạo thành ra hòa khí tốt lành. Nhưng cần phải có sự thiết thực, tự thân thực hành, thành tâm y theo Phật Pháp tu hành. Mọi người phải chân thành niệm Phật, vì niệm một câu Phật liền có một luồng hào quang trong hư không. Nếu chúng ta thành khẩn tha thiết niệm Phật, ánh hào quang này sẽ chiếu khắp, ngõ hầu chuyển hóa không khí trong tam thiên thế giới thành khí kiết tường và tiêu trừ các khí ô nhiễm, tai nạn hung bạo.

(Ghi chú 1) Từ nhật ký của Cư sĩ Đàm Quả Chánh: Mỗi ngày trong khóa Phật thất dài khoảng 6 tiếng đồng hồ. Khi đến lễ Hội Hương thì đã 6, 7 giờ tối rồi. Chúng tôi đều có mặt ở đó cả ngày, Sư Phụ rất nghiêm khắc, không ai trốn thoát khỏi khóa công phu khuya.

(Ghi chú 2) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Bởi phần đông tín chúng Tây Lạc Viên đều là dân nghèo, ít học không biết chữ nhiều, cho nên Sư Phụ dạy họ niệm Phật. Trong khóa Quán Âm thất hoặc Di Đà thất, chúng tôi mỗi lần niệm Phật khoảng một tiếng đồng hồ, rồi ngồi thiền nửa tiếng. Mỗi ngày Sư Phụ đều giảng khai thị, đôi khi Ngài cũng báo đệ tử lên giảng chút ít. Sư Phụ khai thị mỗi ngày hai lần, vào buổi trưa và buổi tối. Pháp Hội từ sáng sớm đến tối, công phu chiều xong vẫn tiếp tục niệm Phật, rồi Sư Phụ khai thị, tiếp đến là lễ Đại Hội Hương cho đến khoảng 9 giờ tối mới kết thúc.

33. Đầu ghẻ mọc tóc

Đệ tử Hòa Thượng là cư sĩ Cam Quả Ngạn có cháu gái là Hoàng Tuyết Mai, sau khi sanh ra được một trăm ngày, trên đầu bé tự nhiên mọc ghẻ nhọt lở loét, máu mủ tanh hôi, tóc rụng gần như trọc đầu. Mấy năm liền, bé đi coi nhiều bác sĩ Đông Tây đều là thầy chạy, bác sĩ chê. Cho đến năm lên 10 tuổi, bé gặp được Hòa Thượng...

Hoàng Tuyết Mai sau khi ra đời được một trăm ngày, bỗng dưng đầu bị ghẻ lở loét, máu mủ nhầy nhựa, hôi thối khó nhẩn, khiến người phải bịt mũi. Nhất là vào mùa hè nóng nực oi bức, bệnh tình của bé càng ghê gớm hơn, tóc cứ rụng dần gần như trọc đầu rất khó coi. Người nhà tìm kiếm các bác sĩ Đông Tây để chữa trị cho bé, nhưng tất cả đều bó tay. Sau đó, họ lại làm thử hết các phương cách, nào uống, nào thoa, nào chích nhưng cũng không có kết quả, đều không trị được căn bệnh của bé.

Khi Tuyết Mai lên ba tuổi, cha bé qua đời, chỉ nhờ mẹ đi làm công ở đợ cho người kiếm tiền nuôi dưỡng bé, mỗi tháng tiền lương gần như chi sạch vào thuốc men mà bệnh bé vẫn y nguyên. Mỗi khi nghĩ nhớ đến bệnh của con, mẹ bé đau lòng, tâm can như rướm máu, tự buồn cho số phận bạc mạng. Vào lúc bé mười tuổi, bệnh tình vẫn chẳng có khả quan gì. Một lần nọ có cơ duyên gặp Hòa Thượng, bé liền quy y. Sau khi quy y, lạ lùng thay, các ghẻ nhọt trên đầu bé bắt đầu khô mề lành lại. Mặc dù mùa hè nóng bức cũng không sao, tóc trên đầu bé từ từ mọc ra lại. Con bệnh ghẻ độc địa kia đã quây phá bé trong suốt mười năm qua, nay bé bỗng nhiên hoàn toàn lành mạnh. Khi nhìn thấy đầu tóc dày đặc của bé, không ai tưởng ra được hình dáng bé bị ghẻ trọc đầu ngày trước.

34. Thoát khổ U Minh

Hòa Thượng vì lòng đại bi, phương tiện cứu độ tất cả chúng sanh nên làm lễ truyền thọ U Minh Giới, ngô hầu cứu giúp tiên linh, oan hồn tất cả chúng sanh. Đệ tử của Hòa Thượng là Lê Quả Hợp, một lúc lơ đễnh đã quên việc thay cho người mẹ quá cố thọ U Minh Giới ...

Hòa Thượng tới Hồng Kông, sau khi xây xong chùa Tây Lạc Viên, có được đạo tràng cố định nên tín chúng cũng ngày một đông thêm. Vì phương tiện cần thiết của chúng sanh, Ngài thường cử hành các pháp hội, cũng như thiết lập các bài vị để siêu độ và truyền thọ U Minh Giới.

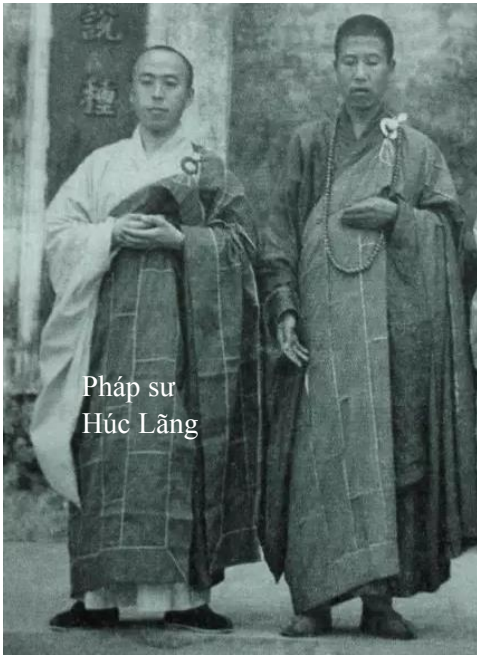
Có lần nọ, chùa Tây Lạc Viên sắp truyền thọ U Minh Giới, cư sĩ Lê Quả Hợp đến ghi danh trước để thọ U Minh Giới thế cho Tổ Tiên mình. Sau đó ông cùng tín chúng đi xuống núi, đi được nửa đường, bỗng nhiên chân ông phát con đau, một bước cũng không đi được. Điều kỳ lạ là ông quay lại phía lên núi thì đi đứng tự tại, không chút đau đớn. Lê Quả Hợp thử bước chân đi mấy lần đều là vậy. Cho nên, ông chỉ còn cách là quay đầu đi trở lên Tây Lạc Viên thưa cùng Sư Phụ về sự việc này. Sư Phụ cười rồi hỏi: “Con đã quên ghi danh thọ U Minh Giới cho mẹ con rồi phải không?” Lê Quả Hợp nghe xong, chợt hiểu ra, liền mau ghi danh thọ U Minh Giới cho mẹ. Ghi xong, ông đi xuống núi thì không có vấn đề gì cả.

(Ghi chú) Đêm 31 tháng 8 năm 2000, thầy Hằng Thật giảng bên ngoài lều chánh điện Vạn Phật Thành: Cầu thọ U Minh Giới là việc làm báo ơn hiếu đạo, là hành đại hiếu. Các vị đều hiểu rõ câu nói: “Cây muốn lặng mà gió không ngừng, con muốn phụng dưỡng nhưng cha mẹ đã không còn”. Một người đã mất cha mẹ rồi, nhưng lúc cha mẹ còn sống thì người này không hiểu chữ hiếu, nay giác ngộ muốn báo hiếu thì không cách nào vì cha mẹ đã không còn nữa. Quý vị vốn còn mấy chục năm để phục vụ cha mẹ, vậy hãy hết lòng trọn hiếu báo ơn cha mẹ, thật đáng tiếc nếu để vượt mất cơ hội này. Nếu đã mẹ đã qua đời rồi thế thì làm sao đây? U Minh Giới có thể giúp cho quý vị tiếp tục trả hiếu, rằng tôi đây đại diện cho những linh hồn đã chết mà cầu giới, tôi nguyện tiếp tục làm công đức cho họ. Hồi hướng công đức thọ U Minh Giới tức là mình vẫn tiếp tục kéo dài sự hiếu đạo, vượt qua giai đoạn họ không còn xác thân nữa, vậy có phải là tuyệt lắm không? Vì đây sẽ khiến cho công đức của pháp môn hiếu đạo có thể tiếp tục. Tại sao? Bởi, mặc dù người thân không còn ở bên mình nữa nhưng ta vẫn còn tiếp tục được sự liên quan của hai bên,

rồi dùng sự quan hệ đó làm công đức hồi hướng cho họ. Đây là việc làm rất diệu mầu, cũng chính là lời thuyết giảng của Hòa Thượng về U Minh Giới tại Vạn Phật Thánh Thành.

35. Vua “tán tụng” của một thời

Pháp sư Húc Lãng thường được mời đến Tây Lạc Viên và Từ Hưng Thiền Tự làm Phật sự. Hòa Thượng thường khen ngợi pháp sư là vị xướng tụng đứng hạng nhất nhì tại Trung Quốc và được công nhận là “Vua Tán”...



Pháp sư Húc Lãng đã từng viết bài văn hoài niệm Hòa Thượng: Tôi ở chùa Nam Hoa, Quảng Châu đã quen biết pháp sư Độ Luân. Khi đó pháp sư vừa thôi chức Giáo Vụ Giới Luật Học Viện, để giữ trách nhiệm quản lý Lâu Kinh Tạng, còn tôi thì đến Lâu Kinh Tạng mượn Kinh sách nên mới biết Ngài. Pháp sư là người Đông Bắc, tôi cũng vậy. Ngài đối xử với tôi đặc biệt tử tế. Không ngờ, sau này chúng tôi ở Đông Phổ Đà, Hồng Kông lại gặp nhau, nhưng Ngài chỉ ở đó vài

ngày rồi dời đi. Cho đến khi Ngài có Tây Lạc Viên thì thường mời tôi đến giúp làm Phật sự, nên chúng tôi mới có sự qua lại với nhau.

(Ghi chú) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Sư Phụ không chú trọng lắm về việc xướng tụng, nên thường mời một số pháp sư đến giúp pháp hội. Nhớ lúc tôi còn trẻ đến chùa Tây Lạc Viên tham gia pháp hội, cái ấn tượng sâu sắc nhất là nghe giọng xướng tụng của một vị pháp sư. Thật đúng với câu: “Dư âm còn văng vẳng bên tai ba ngày không dứt,” khiến người nghe sanh tâm hoan hỉ. Tôi rất thích ca hát, nên liền chạy đến hỏi Sư Phụ: “Sư Phụ, vị pháp sư duy na là ai vậy?” Sư Phụ

nói: “Là pháp sư Húc Lãng, các con biết không? Khi chưa giải phóng, thầy là vị xướng tụng hạng nhất nhì ở Trung Quốc, đặc biệt là rất nổi tiếng về tán tụng. Nếu nói thầy đứng hạng nhì thì không ai dám nhận là hạng nhất đâu. Mọi người đều công nhận Ngài là “Vua Tán”, thành ra thầy xướng tụng thì đương nhiên là hay quá rồi!

Sư Phụ nói tiếp: “Lúc ở chùa Nam Hoa tôi biết được thầy, nào ngờ chúng tôi lại gặp nhau tại Đông Phổ Đà, cho nên tôi thỉnh thầy tới giúp chủ lễ pháp hội. Nếu các vị muốn học theo thầy, tôi sẽ thỉnh thầy dạy cho các vị.” Không lâu sau đó, Sư Phụ tuyên bố với mọi người: “Ai muốn học cách xướng tụng với “Vua Tán” thì mau ghi tên! Tôi không hiểu việc tán tụng nên không thể dạy cho các người. Các vị học tập với vị “Vua Tán” này, nên phải chân thật học cho đàng hoàng, chớ để vượt mất cơ hội tốt. Vị “Vua Tán” đây sẵn sàng dạy cho các vị đó là phước báo của các người đấy!” Nghe Sư Phụ nói như vậy, mọi người ai nấy đều náo nức muốn theo pháp sư Húc Lãng học cách tán tụng...

Nhớ lại, lớp học ngày đầu tiên có khoảng 20 đến 30 vị cư sĩ tham gia, tuổi từ 60 đến 70, cũng có từ 40 đến 50 tuổi. Tôi coi như là người nhỏ tuổi nhất trong lớp. Mới bắt đầu mọi người cảm thấy thật hứng thú, ngỡ rằng dễ học rồi đứng trước Phật, cầm pháp khí gõ gõ đánh đánh, ôi thần kỳ quá đi! Nào có biết pháp sư Húc Lãng dạy học rất nghiêm túc, chỉ dẫn cách đánh pháp khí thật kỹ càng, chứ không phải qua loa. Qua vài ngày sau, số người tới học càng ngày càng ít, sau cùng chỉ còn sót lại 4, 5 người trẻ chúng tôi. Pháp sư nói sư đã học cách xướng tụng “Hải Triều Âm” của Thượng Hải, nên muốn dạy chúng tôi dùng khí từ đàn điền để xướng tụng, mỗi một âm đều phải kéo rất dài giống như sóng ba đào lên xuống và phát âm phải rõ ràng. Sư muốn chúng tôi đánh tay xuống bàn theo nhịp. Sư nói đập tay xuống càng đau thì càng mau nhớ, chờ đến khi chúng tôi học thuộc như cháo, rành rẽ không có chỗ nào sai sót mới được chánh thức đánh pháp khí. Pháp sư Húc Lãng dạy cho chúng tôi cách xướng tán, đánh pháp khí cũng như bài sám, dâng sớ, mông sơn thí thực cùng hết thầy nghi

thức lễ Phật. Sư nói: “Khi xướng tán, tụng kinh, đánh pháp khí đều phải trang nghiêm, vì chúng ta đem âm thanh cúng dường chư Phật, Bồ Tát. Nếu như xướng tụng không đúng pháp, đánh pháp khí lộn xộn, tất không những khiến cho tín chúng phiền não mà cũng là không cung kính đối với chư Phật, Bồ Tát. Đáng lẽ được vô lượng công đức mà nay quấy phá thành không có công đức gì hết.”

Nhớ lần đầu pháp sư dạy chúng tôi xướng tụng Dược Sư Sám, không biết có phải liên quan với kiếp trước của tôi hay không mà vừa xem kinh văn là tôi đã biết nên xướng tụng như thế nào rồi. Đa số pháp hội do pháp sư dẫn chúng, có lúc do thầy Hằng Việt và thầy Hằng Trí, còn Quả Tùng, Quả Túc và tôi phụ giúp việc đánh pháp khí. Về sau, đa số pháp sự đều do tôi làm Duy Na. Tại Hồng Kông có lay Đại Bi Sám, Dược Sư Sám, vì đệ tử quy y Sư Phụ ở đó phần đông nói tiếng Quảng, nên ngoại trừ văn tán bằng tiếng Quốc Ngữ, còn kinh văn, sám văn đều tụng bằng tiếng Quảng. Hiện nay bái sám ở Hồng Kông đều dùng tiếng Quảng xướng tụng, đó là do chúng tôi phát khởi lúc đầu.

Tôi từng hỏi pháp sư Húc Lãng, tại sao sư xướng tụng nghe hay như vậy? Sư nói: “Đây là phải cảm ơn Bồ Tát Quán Âm! Tôi xuất gia lúc 15 tuổi, nghe một vị Duy Na xướng tụng rất hay nên tôi ngưỡng mộ lắm.” Sau có một lão pháp sư biết được tâm ý của tôi, nên bảo rằng: ‘Nếu chú muốn có tiếng xướng tụng hay thì hãy cầu Bồ Tát Quán Âm đi, vì người xuất gia mà không hiểu cách xướng tụng, tương lai làm sao sống đây?’

Vì chúng tôi ở chùa nhỏ nên đa số người tu đều đi tụng đám cho người ta để duy trì sự sống. Vị lão pháp sư này nói: ‘Chú đi mua một cái chuông lớn, đánh 3 tiếng trước bàn Phật, sau đó niệm một câu danh hiệu Bồ Tát Quán Âm, rồi đánh một tiếng chuông, lay một lay, thành tâm cầu Bồ Tát Quán Âm cho chú được giọng hay tiếng tốt’. Thế là tôi làm theo lời lão pháp sư chỉ dạy, tôi lay cho đến khi tôi 18 tuổi và thọ giới Cụ Túc. Có một ngày, vì sư Duy Na bị bệnh, do đó vị trụ trì chỉ có

nước bảo tôi dẫn chúng thay thế. Bình thường tôi rất chú ý việc xướng tụng, cho nên ngày đó tôi hoàn thành pháp sự mỹ mãn. Lúc bấy giờ không có micro, pháp hội có đến vài trăm người tham dự đều nghe được tiếng của tôi. Từ đó về sau, hễ có pháp hội đặc biệt là có người thỉnh tôi làm Duy Na.”

Pháp sư Húc Lăng không hề lơ là với việc tụng niệm. Sư làm pháp sự Du Già Diệm Khẩu được nhiều cảm ứng, khắp nơi ca ngợi. Khi cử hành lễ Khai Quang ở Từ Hưng Tự, Đại Tự Sơn, Hòa Thượng từng thỉnh sư đến giúp Phật sự. Có một đêm cúng Diệm Khẩu, nhiều người nghe có rất nhiều vong linh và chúng sanh cõi ngạ quỷ đến tiếp nhận sự siêu độ.

Vào năm 1995, Sư Phụ viên tịch tại Los Angeles, Trường Đê, pháp sư Húc Lăng tận tâm chỉ dẫn pháp sự, tiến hành nghi lễ như pháp và tụng một Đàn “Tam Thời Hệ Niệm” (là một trong pháp môn hành trì Tịnh Độ thù thắng) hồi hướng cho Sư Phụ. Sau đó pháp sư Húc Lăng và lão Hòa Thượng Minh Dương cùng chủ lễ Trà Tỳ của Hòa Thượng.

(*Ghi chú*) Truy Diệu Lão Hòa Thượng Húc Lăng (trích từ Kim Cang Bồ Đề Hải tháng 2, 3 năm 2010): Cố nhân của Hòa Thượng, Lão Hòa Thượng Húc Lăng vãng sanh ngày 29 tháng 9, năm 2009 tại Los Angeles, Hoa Kỳ, hưởng thọ 90 tuổi. Giới Phật Giáo như mất đi một vị thiện tri thức. Hòa Thượng nói Ngài Húc Lăng tụng niệm thuộc hạng nhất, nhì ở Trung Hoa và mọi người công nhận là ông “Vua Tán”. Lão Hòa Thượng Húc Lăng sanh ngày 27 tháng 4 năm 1919 tại tỉnh Liêu Ninh, Trung Hoa, 15 tuổi xuất gia, 18 tuổi thọ giới Cụ Túc, tuổi đạo (tăng lạp) được 75, giới lạp 72 năm. Các đệ tử Ngài theo di chúc không đăng báo chí, không gửi Cáo Phó, càng không được bày vẽ tốn phí cho hậu sự. Cách ứng xử này của Ngài thật đáng làm gương mẫu cho chúng ta. Hy vọng tác phong của Ngài sẽ mở đường cho lớp sau tiên tiến, khiến Phật Pháp được hưng thịnh.

Dưới đây là câu đối Văn Liên Truy Diệu Lão Hòa Thượng của Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, Vạn Phật Thành:

(Húc Húc) Huệ quang chiếu sáng từng lưu ái, mặt trời tuy mất, huệ quang thường còn.

Ngoài cõi Ta Bà vẫn phổ chiếu,

(Lãng Lãng) Phạm âm lạnh lạnh mãi vây quanh, thân nay đã mất, Phạm âm thoảng tại.

Nội viện Di Lạc cũng vắng nghe.

36. Quả Thức quy y

Hòa Thượng đã dùng phương tiện dẫn dụ để giáo hóa sửa đổi các tập khí xấu của lớp trẻ Hồng Kông nhiễm hóa theo Tây phương, hy vọng sẽ bồi dưỡng họ trở thành nhân tài Phật Giáo với đầy đủ chánh tri, chánh kiến, Cư sĩ Đàm Quả Thức được sanh trưởng ở Hồng Kông, nơi đã bị Tây hóa. Cô biết được Hòa Thượng lúc học tiểu học và quy y với Ngài nhân ngày lễ Quán Thế Âm thất lần thứ hai tại Tây Lạc Viên...

Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Đối với tôi mà nói, Sư Phụ như là người thân, là bậc trưởng bối của tôi. Đây chính là lý do tại sao mỗi khi tan học về tôi đều chạy đến Tây Lạc Viên. Ở trường tôi lo làm xong hết các bài tập để mau đến Tây Lạc Viên gặp Sư Phụ. Như thế mà mỗi ngày khoảng một tiếng đồng hồ, tôi đọc bài cho Sư Phụ nghe, hoặc là nghe Sư Phụ kể chuyện đời xưa. Sư Phụ cho tôi đọc truyện Cao Tăng, truyện Tế Công. Có một quyển gây ấn tượng sâu sắc nhất mà tôi cũng thích nhất đó là Ngọc Lâm Quốc Sư. Tôi đọc truyện xong thì về nhà ăn cơm. Lúc bắt đầu gặp được Sư Phụ tôi không có quy với Ngài liền. Mặc dầu học biết đánh pháp khí, thậm chí còn giúp Sư Phụ làm lễ quy y



cho người khác mà rốt cuộc tôi vẫn chưa quy y. Đối với tôi, đó chỉ là một cái hình thức, chứ không hiểu là vẫn cần phải quy y. Vì Ngài là Sư Phụ của cha mẹ tôi, nên lẽ ra tôi phải gọi là Sư Ông, nhưng đối với tôi, Ngài không phải là Sư Ông mà là Sư Phụ của chúng tôi, vì thế tôi cứ gọi Ngài là Sư Phụ.

Dù rằng học ở trường Cơ Đốc Giáo, có thể đọc thuộc lòng cả quyển Thánh Kinh, nhưng tôi không tin Thiên Chúa Giáo hay Cơ Đốc Giáo. Bởi tôi đã từng hỏi thầy cô rằng, nếu như Thượng Đế tạo ra con người, tại sao có nhiều người nghèo và người xấu xí vậy? Tại sao Ngài tạo ra con người không giống như nhau? Mãi đến khi tôi tốt nghiệp mà thầy cô giáo vẫn không trả lời được câu hỏi này của tôi. Chị tôi là học sinh của một trường Thiên Chúa Giáo và cũng vì có những thắc mắc không được giải đáp đích đáng, nên cuối cùng chị cũng không tin Thiên Chúa Giáo luôn. Lúc gặp Sư Phụ tôi lại hỏi Ngài những câu giống như vậy và Sư Phụ giải đáp: “Chúng ta trông cái gì thì chúng ta sẽ gặt cái đó”, khiến tôi tin phục vô cùng.

Tôi lại hỏi Sư Phụ: “Nếu nói con có đời quá khứ, vậy qua khứ con là cái gì?” Sư Phụ cũng đã nói cho tôi biết. Tôi không phải trực tiếp hỏi Sư Phụ những vấn đề này, mà viết một bài thơ ngắn với câu cuối cùng là: “Xin hỏi về gốc và rễ?” Sư Phụ bảo: “Sư Phụ đã xem qua bài thơ, con thật muốn biết về gốc rễ của con à?” Tôi nói: “Đương nhiên rồi, không phải Sư Phụ đây từng nói chúng ta có rất nhiều, rất nhiều kiếp hay sao, con chỉ muốn biết kiếp trước con là cái gì?” Và Sư Phụ nói cho tôi biết kiếp quá khứ tôi đã là gì rồi, nhưng Ngài bảo rằng: “Sư Phụ đã cho con biết về kiếp quá khứ của con, nhưng chỉ một mình con biết thôi. Sau này con phải nên tiếp tay với Sư Phụ. Con là cánh tay trái, tay mặt của ta đó.” Tôi trả lời: “Không thành vấn đề!” Thời ấy, tôi thường bắt chợt nghĩ ra những câu hỏi thật đặc biệt, và tôi cũng rất háo hức nên mới trả lời Sư Phụ như thế. Tôi không hề nghĩ đến quy y, còn Sư Phụ cũng chưa từng đề cập tới. Nhưng rốt cuộc, vào ngày 19 tháng 6 âm lịch, năm 1953, khi chùa Tây Lạc Viên cử hành Pháp Hội Quán Âm thất, tôi chính thức quy y Tam Bảo.

Quả Quân quy y trước tôi, còn Quả Mật thì quy y sau tôi. Sư Phụ đều đã làm bài kệ tụng có pháp danh chúng tôi trong đó cho mỗi đứa chúng tôi. Tôi biết Quả Tùng có một bài thơ của Sư Phụ tặng cho, nhưng tôi không nhớ Sư Phụ viết bài thơ đó như thế nào. (Ghi chú: Hòa Thượng tặng đệ tử quy y Hoàng Quả Tùng: "Nhân Mai khai bát nhã, Quả Tùng chứng Bồ Đề.") Sư Phụ dùng pháp danh của tôi đặt bài kệ như thế này: "Tinh cần tu nhất thừa, nghi biểu vạn thế, phổ hóa đồng luận, công đăng Phật địa. Thức chi! Thức chi!" Tôi hỏi Sư Phụ câu "Thức chi! Thức chi!" có ý nghĩa gì? Sư Phụ nói là muốn tôi làm mẫu mực cho mọi người. Tôi thật xấu hổ quá, vì cho đến nay tôi vẫn chưa làm được! Nét mực viết quý báu của Sư Phụ hiện vẫn còn để trên bàn thờ nhà tôi. Sau khi quy y, tôi thường xuyên đến Tây Lạc Viên. Sư Phụ bảo tôi làm gì, tôi đều cố gắng làm tròn. Thí dụ như học tập các nghi thức trong Phật Giáo để phụ giúp khi có pháp hội vậy.

Có một lần, Sư Phụ dẫn tôi đi gặp pháp sư Mậu Phong. Pháp sư Mậu Phong trước khi xuất gia là một vị Tú Tài rất giỏi, có thể xuất khẩu thành thơ. Sau khi hỏi tên tôi, lão pháp sư dùng tên đời và pháp danh của tôi làm thành đôi đối liền;

Mộ thắng, ngưỡng mộ hiền là thượng sĩ; **Khiết** sạch tâm, kh sạch chỉ là cao nhân.

Quả có thể phát lớn Bồ Đề nguyện, **Thức** hợp làm thầy mô phạm cho trời người.

Có một ngày nọ, Sư Phụ đến nhà tôi dùng Ngọ, nhìn thấy cặp đôi đối liền treo trên tường thì nói đùa: "Pháp Sư Mậu Phong này đề cao con quá rồi, đưa con lên tuốt trời cao để làm thầy của trời người!"

- Sư Phụ không phải nói là khi người trời hưởng hết phước báo thì bị đọa lạc hay sao? Con không muốn lên thiên đàng để rồi bị lọt trở xuống.

- Đừng lo, con mà đọa lạc, Sư Phụ sẽ cứu cho.

- Được, Sư Phụ nói phải giữ lời nhe. Nếu con bị dọa lạc thì Sư Phụ phải tới cứu con đó.

Sư Phụ và tôi thường hay nói đùa như vậy. Tôi đã được học hỏi rất nhiều từ Sư Phụ, tôi thật tôn kính Ngài, mặc dù tôi và Sư Phụ có nói đùa đôi chút.

37. Cầu mưa giải hạn hán

Những nơi Hòa Thượng đến, chỗ không có nước thì sẽ có nước. Có lần nọ, Hồng Kông bị hạn hán liên tục nửa năm không có mưa, nên có rất nhiều đạo tràng, chùa chiền, tinh xá đều cầu trời mưa, nhưng hạn hán vẫn y nguyên tiếp diễn..

Hòa Thượng kể: Có năm nọ, Hồng Kông bị hạn hán dữ tợn, từ mùa Xuân đến mùa Hè, sáu tháng liên trời đã không mưa, nên mỗi ngày đều phải hạn chế nước dùng, rồi trong giới Phật Giáo các đạo tràng, chùa chiền, Phật đường, tinh xá cũng đều cầu trời mưa. Nhân có nhiều người cầu mưa quá rồi, thành ra tôi không cần phải lo chuyện dư thừa này nữa. Từ trước tới nay, tôi không thích làm chuyện không đâu, vì sức mạnh của nhiều người cầu mưa đó nhất định sẽ lớn hơn so với một mình tôi, do vậy tôi không thèm lo chi. Nhưng đợi cho tới năm, sáu tháng sau, tôi muốn bỏ mặc mà cũng không được. Tại sao thế? Bởi vì nước ở Tây Lạc Viên cũng sắp cạn luôn. Nước trên núi chảy xuống rất yếu, và lại còn nồng nặc mùi hôi chất lưu huỳnh đến nỗi không thể uống được. Lúc này, tôi ra mệnh lệnh cho bà Lưu Quả Quyên rằng: Trong vòng ba ngày, bà phải cầu cho có mưa cho tôi. Bà phải niệm Phật mỗi ngày, nếu không có mưa thì từ nay về sau, bà cũng đừng đến đây gặp tôi nữa nhé!” Thật ra, bà ta cũng không có cái năng lực này, nhưng tôi cố ý nói thế với bà ta.

Khi ấy, bà Lưu Quả Quyên thật hốt hoảng, bà lo sợ nhất là không được gặp tôi, cái gì không gặp cũng được, nhưng Sư Phụ thì phải gặp mỗi ngày. Bà thật là thiết tha, cảm sâu chuối ở đó niệm lia lịa, cả cơm nước cũng chẳng nhớ tới, vì chỉ lo sợ trời không đổ mưa. Tôi nói với Trình Quả Thành: “Họ cầu

mưa, cầu đã mấy tháng trời, cũng không có mưa, bây giờ tôi kỳ hạn cho Lưu Quả Quyên cầu mưa trong ba ngày, nhưng tôi ước chừng trong hai ngày rưỡi, trời sẽ đổ mưa.” Bà Quả Quyên niệm Phật được hai ngày rưỡi, quả nhiên trời đổ xuống cơn mưa to. Do vậy, Hồng Kông không còn hạn chế việc dùng nước nữa.

Con mưa đến rồi, tất cả chùa chiền, Niệm Phật Đường đều đăng báo rao quảng cáo. Mọi người đều tranh nhau kể công, nói là do công lao của họ. Người này nói, chúng tôi bái sám, bái linh thiệt, mưa này là do chúng tôi cầu đấy. Người kia nói, chúng tôi niệm Phật, niệm thật linh nghiệm, nên mưa này là do Niệm Phật Đường của chúng tôi cầu đến đó. Thực tế, tại sao có mưa to, họ đều không biết! Tất cả các Phật Đường đều có công cán, chỉ có Tây Lạc Viên là không khoe công, cùng không khoe đức thôi!

Đệ tử già của tôi đây niệm Phật, niệm đến trời mưa cũng không ai biết, tại sao vậy? Vì bà đã không cho lên tin tức, chúng tôi cũng không có tung truyền cái tin mưa từ đâu ra, và nếu làm như vậy khiến cho họ vui lòng thì tôi cũng tùy hỉ vui theo. Tôi nói lời này đây, tuyệt nhiên không phải tự khoe khoang mình tài cán gì, tôi chỉ muốn nói rõ đạo lý “Tâm thành tất linh ứng” mà thôi!

Tại sao tôi kỳ hạn cho Lưu Quả Quyên cầu mưa trong vòng ba ngày? Vì tôi muốn cho bà đệ tử già này niệm Phật nhiều thêm một chút để cầu mưa cho mọi người, như vậy sẽ tích lũy công đức nhiều thêm chút nữa. Tôi nói cho các vị biết, không cần phải ba ngày, nếu tôi bảo ông Trời đổ mưa xuống ngay trong ngày đó thì mưa cũng sẽ đổ xuống liền. Tại sao? Vì tôi có mười đệ tử Rồng. Nếu mười Rồng này không lười biếng, tôi bảo con nào đổ mưa thì con đó sẽ đổ mưa liền. Những chuyện như vậy đã xảy ra nhiều lần lắm rồi. Bởi vậy, các vị tu hành cần phải thành tâm thì các đệ tử Rồng của tôi mới có thể giúp đỡ các vị được. Nếu như các vị không tu hành đàng hoàng, họ sẽ không ủng hộ các vị đâu.

Lại có lần nọ, lúc làm Lễ Cúng Thiên vào tháng Giêng, bởi người tới quá đông, bên trong Tây Lạc Viên không đủ chỗ chứa, nên phải xếp đặt bàn ở phía đất trống bên ngoài. Khi sắp sửa cúng Thiên, trời bỗng kéo mây như muốn đổ mưa. Mọi người đều nói: “Không xong rồi, không xong rồi, phải dọn vào trong chánh điện thôi, vì bên ngoài sắp đổ mưa rồi!” Tôi bèn nghĩ, bây giờ không thể đổ mưa được, nên tôi bảo họ: “Các vị không cần dọn vào, trời sẽ không đổ mưa đâu. Chúng ta đang cúng Trời mà Trời lại đổ mưa, thế thì chẳng có cảm ứng chi. Mình cúng cho ông trời mà ông trời lại khóc sao, thật là vô lý quá!” Nói tóm lại, làm Sư Phụ như tôi đây, thật là ông Sư Phụ độc tài, độc đoán, nói sao là phải vậy; tôi nói đúng là đúng, nói sai cũng là đúng, nên họ cũng không dám dọn bàn vào. Buổi lễ Cúng Thiên kéo dài khoảng ba tiếng đồng hồ, bởi tôi không cho phép trời mưa, nên dù mây đen bao phủ mịt mù nhưng không hề đổ mưa. Chờ khi chúng tôi cúng Thiên xong, mang lư hương, nhang đèn, dọn bàn ghế vào trong chánh điện hết rồi thì bên ngoài trời tức khắc đổ mưa xuống. Vì vậy, những đệ tử ở Hồng Kông rất tin tưởng tôi. Họ biết lời nói của tôi rất quy y linh và đều có ứng nghiệm cả.

Hôm nay tôi lại hiện chút xú thân thông, như sáng sớm đã nói với Quả Tu (Sư cô Hằng Trì, người Mỹ): “Quả Tu, cô đi nói với ông Thần, nói với ông Thượng Đế (God) này là trước 4 giờ chiều hôm nay không được đổ mưa, nếu ông đổ mưa, Sư Phụ sẽ nổi giận đấy.” Các vị đã rõ là hôm nay trước 4 giờ, quả nhiên không có mưa. Quả Tu, Sư Phụ đâu có nói láo với cô, phải không? Cô đích thân nghe thấy chuyện đó mà. Nhưng Sư Phụ đây chẳng cho đó là thần thông, chút xú thân thông cũng không thông, chẳng qua Sư Phụ nói như vậy thì ông sẽ làm như vậy thôi.

(*Ghi chú 1*) Năm Giáp Ngọ 1954, ngày 19 tháng 6 âm lịch là ngày Quán Thế Âm Thành Đạo, Hòa Thượng cử hành Quán Âm thất (từ ngày 13 đến ngày 19), hai ngày 18 và 19, số tín chúng đến Tây Lạc Viên dự lễ đông đảo lên tới trăm người. Đang lúc mùa hè oi bức, khí hậu khô nóng dữ dội, chính phủ Hồng Kông vì để tiết kiệm nước nên mỗi ngày chỉ cho nước

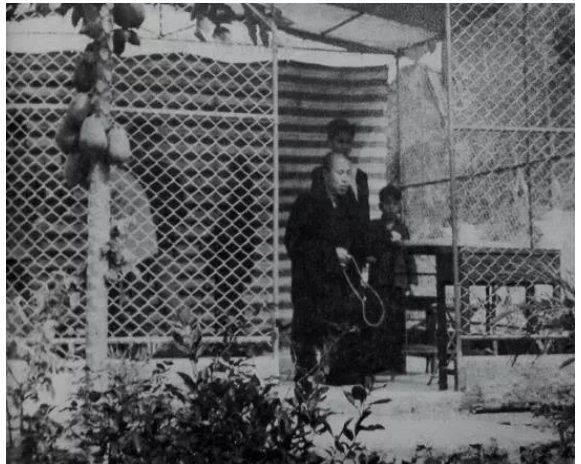
chảy 3 tiếng đồng hồ. Dân chúng bị thiếu nước kêu than thấu trời. Vậy mà hồ nước ở Tây Lạc Viên vẫn như thường ngày, không hề bị khô cạn, nước vẫn tiếp tục chảy không ngừng, cung cấp đầy đủ lượng nước cho cả trăm người sinh hoạt thường ngày, nên đáng được gọi là “kỳ tích trong kỳ tích”.

(*Ghi chú 2*) Cư sĩ Mai Diệu Linh thuật lại: Lúc còn nhỏ khoảng 8 đến 10 tuổi, tôi hay cùng mẹ là Viên Quả Sấn đến chùa Tây Lạc Viên, Sư Phụ thường lấy nhiều thức ăn ra cho tôi ăn. Có một lần trời đổ mưa lớn, lúc tôi đang bị bệnh, mẹ dẫn tôi lên núi. Vào giờ dùng cơm, Sư Phụ bảo nhà bếp khoan dọn, chờ khi chúng tôi đến nơi thì Sư Phụ mới bắt đầu dùng cơm. Mỗi lần đến Tây Lạc Viên, mẹ đều thưa với Sư Phụ lần sau sẽ đến vào giờ nào. Có vài lần, Sư Phụ bảo mẹ hãy đến trước một tiếng đồng hồ, thì ra một tiếng đồng hồ sau là trời đổ mưa to. Sư Phụ đều hay cho tôi ăn nấm Đông Cô, Sư Phụ còn nghiền nhuyễn nấm ra rồi mới cho tôi ăn.

38. Giông bão ẩn tích

Hòa Thượng ở Hồng Kông trong thời gian 13 năm, nhiều lần có tin khẩn báo gió bão, nhưng cứ mỗi lần gió bão sắp cuốn vào thì đột nhiên lại chuyển hướng đi nơi khác. Năm 1960, lúc Hòa Thượng rời Hồng Kông đi Úc Châu, thì cơn bão khốc liệt tấn công vào Hồng Kông gây tổn thất thảm...

Hòa Thượng kể: Tôi không có hù cho các vị sợ đâu, cũng không phải khoe khoang ta đây tài giỏi, nhưng Thiên Long Bát Bộ, tất cả quý Thần đều nghe lời tôi! Tôi ở Tây Lạc Viên trồng rất nhiều cây cối hoa lá, có đu đủ, có tre trúc và các thứ cây ăn trái. Khi đu đủ kết trái đều ăn rất ngọt. Có mùa Xuân năm nọ, tức năm thứ ba tôi ở Hồng Kông, đu đủ đang



chín rộ, khóm trúc cũng đang sanh sôi nảy nở sum suê, thì đột nhiên có một cơn giông bão kéo đến, khiến cây đu đủ, cây tùng, cây trúc, tất cả đều bị tàn phá bật lên cả gốc rễ, ngã sập tứ tung.

Tôi giận quá, đưa tay chỉ lên trời nói: “Ngọc Hoàng Đại Đế nếu cơn giông bão này mà ông có phần, tôi nói cho ông biết, ngày nào tôi còn ở Hồng Kông thì không cho phép ông gây ra giông bão nữa. Nếu Hồng Kông còn giông bão, tôi nói thật với ông là tôi đây không khách sáo đâu nhé! Nếu sau này tôi rời khỏi Hồng Kông rồi, tôi sẽ không lo chuyện này nữa!” Nói xong rồi, tôi lại nghĩ: “Ừa, tại sao mình lại như vậy chứ? Nổi giận luôn cả ông Trời, thiệt là không phải!” Tuy biết rằng không đúng, nhưng tôi đã lỡ thốt ra lời rồi.

Mà lạ thật, từ đó tôi ở tại Hồng Kông mười mấy năm, Hồng Kông không hề xảy ra giông bão nữa. Mỗi lần đài khí tượng nói là bão sẽ kéo tới Hồng Kông, chỉ cách Hồng Kông chừng 15, 20 miles thì đột nhiên lại chuyển hướng đi nơi khác, nó lạ như vậy đó. Đến chừng tôi sang Sydney, Úc châu một tháng, thì bão tố kéo bủa vào Hồng Kông, các tấm bảng hiệu tiệm quán bay đầy trời, và khá nhiều nhà cửa bị sập nát, tổn thất khó mà ước lượng. Năm 1962, tôi đến Mỹ, vào mùa hè ở Hồng Kông có một cơn giông bão lớn đến phá kỷ lục. Đất núi khu vực Sa Điền (Sha Tin District) cũng bị sạt lở, tuôn đổ xuống khiến cho hơn 150 người thiệt mạng. Tại sao lại xảy ra tình trạng này, mọi người không ai biết được. Đây là chuyện quá khứ, những gì tôi nói hoàn toàn là sự thật, tin hay không là tùy các người. Do vì tôi không nói dối, nên ông Trời cũng không thể phản đối lời nói của tôi. Đó chính là những trải nghiệm của tôi trong quá khứ. Hy vọng mọi người đều không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Nếu được vậy thì Thiên Long Bát Bộ, tất cả Thiện Thân Hộ Pháp đều phò hộ các vị, khiến cho tất cả đều được kiết tường như ý.

(*Ghi chú 1*) Theo Bách Khoa Toàn Thư (Wikipedia): Vào thời đại 60, Hồng Kông bị nhiều trận bão tàn phá mãnh liệt,

khiến tổn thất kinh tế nặng nề và người bị thương vong trầm trọng. Như đài thiên văn Hồng Kông báo tin có đến 6 trận bão cấp 10. Một trong những cơn bão vào tháng 6 năm 1960 là trận bão Mã Lệ (Mary) ập vào Hồng Kông, khiến 45 người chết, 127 người bị thương, thổi tan đi chừng 10 nghìn nhà cửa vườn tược. Vào năm 1962 có trận bão Ôn Đại (Wanda) thổi vào Hồng Kông gây cho 130 người chết, 72 nghìn người không nhà ở khiến Hồng Kông bị khí áp thấp nhất, tốc độ gió quân bình mỗi giờ là cao nhất và tốc độ gió của trận bão cũng chiếm kỷ lục cao nhất, đó là một trong những trận bão gây tai hại lớn nhất của Hồng Kông.

(*Ghi chú 2*) Theo tờ “Thành Báo” của Hồng Kông đăng ngay năm đó: Cơn bão Ôn Đại của ngày 1 tháng 9 năm 1962, theo như đài thiên văn báo tin, là cơn bão cấp 10 đạt kỷ lục sau Thế Chiến Thứ Hai. Trận bão thổi vào Hồng Kông mãnh liệt nhất đã phá hoại Hồng Kông rất nặng nề. Sau trận đó, ước tính có đến 183 người chết, 388 người bị thương, 108 người mất tích. Vào những năm ấy, có rất nhiều nhân dân thành phố ở những nhà chòi cùng nhà gỗ được xây cất mất thẩm mỹ trên các sân thượng, cũng đã bị trận bão này thổi phá đi, khiến cho 72 nghìn người không nhà ở. Trong đó, khu vực Sa Điền bị phá hủy nặng nề nhất, có khoảng 3 nghìn căn nhà chòi bị thổi sập, những mảnh vụn, dây kềm sắt, giàn giáo và các cửa sổ bị vỡ nát nằm rải rác khắp đường. Bão Ôn Đại cũng tạo nhiều mục kỷ lục về khí tượng, bao gồm kỷ lục tốc độ gió cao nhất và quân bình gió mỗi giờ có tốc độ cao nhất. Cho đến nay vẫn chưa có trận bão nào phá được kỷ lục đó.

Hòa Thượng kể: Có một năm, tôi về Hồng Kông giảng pháp 5 ngày tại một ngôi chùa nọ. Vì lâu lắm rồi, tôi không trở về Hồng Kông, nay quay về như gặp lại người thân vậy. Những chuyện ngày trước tôi không nói ra khi ở Hồng Kông, lần này tôi nghĩ nên thật lòng thổ lộ cùng với các vị phụ lão huynh đệ về chuyện tôi ở Hồng Kông mười mấy năm không hề xảy ra giông bão. Khi ấy, tôi thành thật nói ra tất cả chứ chẳng giả dối chút nào. Vậy mà có người tìm thấy một bài đăng trong tạp chí viết rằng, những điều tôi nói là không đúng.

Tôi xem qua chỉ cười thôi, nào ngờ đâu lời nói thật cũng bị hủy báng. Đây chẳng qua “Pháp là như vậy đó”, “Các pháp từ duyên sanh ra và các pháp cũng từ duyên mất đi, cho nên, tôi nghe như gió thổi qua tại thôi. Nhưng có một số đệ tử quy y trí thức, họ không vui, nên viết thư xin phép tôi cho họ khai bút chiến, viết chống trả lại những người này. Tôi bèn viết cho họ vài câu kệ tụng:

*Đúng sai cần gì cãi, thật giả lâu sẽ rõ;
Người trí thấy chân thật, kẻ ngu làm giả dối;
Người thiện học Bồ Tát, kẻ ác dám mắng Phật
Bình đẳng đại từ bi, phổ độ các chúng sanh.*

“*Đúng sai cần gì cãi*”, anh nói đúng, họ bảo sai; anh nói sai, họ lại bảo đúng. Đúng, sai không có cách gì để làm cho rõ ràng. Ngũ trược ác thế cứ như vậy rối loạn rùm beng lên, thiện ác trà trộn khó thấy biết được, nhất định phải có trạch pháp nhãn mới nhận biết ra thôi. Vì vậy, chúng ta không cần phải biện luận đúng hay sai.

“*Thật giả lâu sẽ rõ*”, không kể là thật hay giả, thời gian lâu ngày, mọi người tự nhiên cũng sẽ rõ biết là thật hoặc là giả. *Người trí thấy chân thật*”, người trí huệ thấy biết đều là sự việc chân thật của nó.

“*Kẻ ngu làm giả dối*”, kẻ ngu si vô tri, chỉ đi khắp nơi để gạt gẫm người, đến đâu cũng tự tuyên truyền về mình.

“*Người thiện học Bồ Tát*”, người hiền lành tuy không phải Bồ Tát, nhưng họ ưng chịu học hỏi theo tinh thần từ bi hỷ xả của Bồ Tát.

“*Kẻ ác dám mắng Phật*,” kẻ ác không những đứng trước bàn tăng mà đứng ngay trước mặt Phật, họ cũng dám mắng chửi luôn. Vì vậy, “*bình đẳng đại từ bi, phổ độ các chúng sanh*”, tức là chúng ta dùng tâm bình đẳng, tâm đại từ bi, tâm đại hỷ xả để nhiếp thọ tất cả hàm linh côn trùng và chúng sanh.

Sau khi tôi nói bài kệ này rồi, vô hình trung cuộc bút chiến đó cũng không còn nữa. Đây không phải là sợ, mà tại

sao phải gây ra các chuyện thị phi như vậy trong Phật Giáo chứ? Vì vậy, sau đó tôi rất ít về Hồng Kông để tránh sự ganh tị của người, lấy giả làm thật, cho thật là giả.

Tôi nói cho các vị biết, không ai được tán thán Sư Phụ, chỉ cần các vị không mắng chửi tôi, không nổi nóng với tôi là đủ rồi. Các vị không cần đưa tôi lên cao tận mây xanh, cũng không được khen ngợi thổi phồng tôi ra; vì tốt xấu gì tôi đều tự biết rõ, nên không cần ai phải nói, cũng không cần ai phải khen. Các vị khen một chút thì không sao nhưng có một số nhân sĩ Phật Giáo Hồng Kông sẽ viết bài lên mắng tôi, họ nói rằng: “Ông pháp sư này và các đệ tử của ông ở đó đóng kịch với nhau! Đệ tử ca tụng Sư Phụ, Sư Phụ cũng lại ở đó khen ngợi đệ tử, họ ngợi khen lẫn nhau, đóng kịch với nhau đấy!”

Hỏi: Lúc Pháp Sư ở Hồng Kông, quả nhiên có thể ngăn cản được giông bão tấn công vào Hồng Kông, vậy bây giờ Ngài có thể nào cản ngăn bão táp cho dân Hồng Kông nữa không?

Hòa Thượng: Ông nên cầu cho toàn dân Hồng Kông đều tránh khỏi cái chết!

Hỏi: Đa số người Hồng Kông đều bị hoang mang vì tương lai trước mắt. Hòa Thượng có thể nào an tâm cho họ không?

Hòa Thượng: Lo cho trước mắt không bằng lo cho sau này, phía sau có cái gì thì phía trước có cái nấy, và phía trước có cái gì thì phía sau cũng có cái nấy “Thiên hạ vốn vô sự nhưng người ta lại tự kiếm chuyện rắc rối.” “Người có đức được kiết tường, người không đức bị tai ương.”

39. Con Cua báo oán

Mùa hè năm Quý Tị (1953), cư sĩ Đồng Quả Kỳ cùng với Sư cô trụ trì ở Chí Liên Tịnh Uyển, Cửu Long (Kowloon), đồi Kim Cương (Diamond Hill), thỉnh mời Hòa Thượng giảng Kinh Địa Tạng. Khi ấy ngón tay Sư cô trụ trì

bị nổi nhọt như con cua, đau khổ không kể xiết, nên cầu xin Hòa Thượng cứu giúp...

Hòa Thượng kể: Ở Hồng Kông tôi có gặp qua một sự việc như vậy. Vào mùa hè năm 1953, tôi giảng Kinh Địa Tạng ở Chí Liên Tịnh Uyển, Cửu Long, đòi Kim Cương, Sư cô trụ trì là đệ tử của Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân, rất có công đức hộ pháp Ngài. Bất luận Lão Hòa Thượng ở nơi nào xây cất chùa chiền là Sư cô đều ở Hồng Kông giúp việc hóa duyên được rất nhiều tiền. Sư cô không biết chữ, nhưng biết cách nói chuyện nên được một số cư sĩ rất tin tưởng. Trước khi xuất gia, cô làm công cho người ta, lo việc nấu nướng, nên thường mua gà vịt về giết. Có một lần cô mua về một số cua càng để chuẩn bị làm thịt cho chủ ăn. Trong đó có một con cua càng kẹp chặt ngón tay giữa của cô không chịu nhả, cô liền chặt đứt nó ra, rồi đem nấu ăn. Không bao lâu, kỳ lạ thay, trên đầu ngón tay cô mọc ra cục thịt nhọt hình con cua, có đầu có càng đang hoàng, khiến cô đau nhức suốt cả ngày đêm, đến mức chỉ muốn chết đi!

Sau đó, cô dự lễ bái Thủy Sám bảy ngày ở núi Phù Dung, cái mụn con cua thịt tuy nhỏ đi một chút, nhưng vẫn còn sưng đau. Đợi đến khi tôi thuyết giảng Kinh Địa Tạng ở Chí Liên Tịnh Uyển và cô biết tôi không có tranh pháp duyên với cô, nên lúc đó không có tâm ganh tị đối với tôi. Sư cô



Năm 1953, trụ trì Ni Viện Chí Liên Tịnh Uyển mời Hòa Thượng Giảng Kinh Địa Tạng, ngày công đức Pháp hội viên mãn, Hòa thượng chụp ảnh cùng mọi

cho tôi biết nhân duyên cô giết con cua và cầu tôi giúp cô tìm cách giải oán. Cô hỏi tôi: “Tay tôi thường hay đau nhức, vậy

làm sao hết được?" Tôi nói: "Cô cứ đi lạy bái sám hối thì hết thôi!"

Sư cô đáp: "Tôi lạy cái Sám này, cũng bái cái Sám nọ, bái lạy nhiều Sám lắm rồi mà cũng chưa Sám rụng được đại ca càng cua này của tôi."

Cô kêu con cua là đại ca cua. Tuy vậy nhưng Đại ca cua của cô không chịu đi ra! Không có cách nào bệnh cô khỏi được.

Tôi nói: Bây giờ anh cua chịu rời khỏi cô rồi, cô hãy cho ảnh quy y là xong ngay.

Sư cô nghe vậy liền ghi danh quy y cho đại ca cua. Tôi cho anh cua pháp danh là Thánh Lủy. Từ đó về sau, anh chàng đại ca cua từ giã đi mất. Thế là tay sư cô cũng hết đau luôn. Sau khi bệnh càng cua của cô hết rồi, cô thấy tín chứng của cô đều tin tưởng tôi, nên bắt đầu nói lời bịa đặt phi báng tôi. Trong giới Phật Giáo là thế, cho nên không thể nào phát triển lên được.

Tuy là vậy, nhưng người này có chút Phật duyên và cũng có chút quỷ duyên. Tại sao tôi nói có chút Phật duyên và lại còn có chút quỷ duyên nữa? Nếu cô ta không có Phật duyên, tức không thể gặp Đại Lão Hư Vân, cũng không thể là một đại hộ pháp hộ trì Ngài được đâu.

Tại sao lại có chút quỷ duyên? Vì khi cô giúp việc nấu cơm cho người ta, cô đã đập chết một con mèo. Hồn con mèo cứ về kiếm cô đòi mạng, khiến toàn thân cô đau nhức từ trên xuống dưới, từ sáng đến tối đều bị bệnh, không chịu nổi. Cô không muốn chết nên nói: "Đại ca mèo à, anh làm cho tôi đau đớn chết rồi thì cái nợ này của chúng ta cũng không thể hết được, hay là anh phù hộ cho tôi trúng số đi. Trúng số có tiền, tôi sẽ cầu siêu cho anh được siêu thoát, như vậy thì càng tốt phải không?" Cô nói thế mà tên ma mèo cũng chịu nghe lời. Cô tới Ma Cao mua vé số và thật sự trúng được giải to, thế là cô phát tài. Ngày trước cô bán cháo trắng, sau đó mở một tiệm ăn chay ở Hồng Kông. Làm giàu rồi cô bèn đi tu, vì cô biểu

hiện khá đầy, nên mới được làm trụ trì tại Chí Liên Tịnh Uyển. Do đó, tôi mới nói rằng, cô có Phật duyên và cũng có quỷ duyên.

40. Xà Lê giải nạn

Hòa Thượng thường ngày rất tiết kiệm, không hề tiêu xài một đồng xu cho cá nhân, nhưng đối với Tỳ Kheo chân chánh tu hành gặp lúc nguy nan, Ngài ra tay cứu giúp không hề keo tiếc. Ngược lại, đối với Tỳ Kheo không phải chân tu đến xin xỏ, Ngài sẽ không khách sáo ...

Mùa Xuân năm Nhâm Thìn 1952, thầy Thân Giác ở Cửu Long, đời Kim Cương, mua một căn nhà, ở được hơn một năm, đột nhiên chủ đất buộc Thầy phải phá bỏ căn nhà và trả lại đất đai. Vì bị tổn thất quá lớn nên thầy rất u khổ não và xuống tinh thần một cách khác thường. Một đêm nọ, lúc 11 giờ khuya, ngay lúc thầy đọc Trung Quán Luận, phẩm Quán Tứ Đế:

*Nhân duyên sanh các pháp,
Ta nói tức là không,
Cũng gọi là giả danh,
Cũng là nghĩa Trung đạo,
Chưa từng có một pháp,
Không từ nhân duyên sanh,
Vì thế tất cả pháp,
Hết thấy đều là không.*

Thầy tư duy ý nghĩa này, đọc thầm tới lui đoạn kinh văn trên liền tỏ ngộ được đạo lý mà dứt trừ phiền não. Sau đó thầy ngủ thiếp đi lúc nào không hay, rồi lại thấy một giấc mộng.

Trong mộng, thầy thấy mình đi vào một khu rừng, đang trong khi hoang mang, bỗng nhiên gió lớn mưa to đổ xuống, trên không trung có tiếng gầm vang chát chúa, vang điếc cả tai. Trong lúc kinh sợ bàng hoàng, thầy thấy có một vị tăng toàn thân phát ánh hào quang màu vàng rực rỡ, từ trên bay xuống, mưa gió tức khắc tan biến mất. Ngay khi ấy, tất cả đều ngừng lặng, thầy Thân Giác ngỡ là Bồ Tát hiện thân nên liền

quỳ xuống lạy, đến khi vị Tăng đi đến gần, thầy mới nhận ra chính là vị Tôn Chứng A Xà Lê, pháp sư Độ Luân của mình khi thọ giới. Trong mộng Hòa Thượng bảo thầy rằng: “Thầy chớ nên lo lắng, tôi sẽ giúp thầy giải quyết tất cả khó khăn!” Thấy cảnh mộng đến lúc đó thì thầy giật mình thức giấc.

Không bao lâu sau, Thầy tìm được một mảnh đất, chuẩn bị xây cất lại một căn nhà mới, nhưng trong tay không có đủ tiền. Chính ngay lúc ấy, Hòa Thượng đang giảng Kinh Địa Tạng ở Chí Liên Tịnh Uyển, nghe nói như vậy, Ngài liền giúp cho thầy một nghìn rưỡi đồng để xây nhà mới có nơi tu hành.

Hòa Thượng kể: Đông Phổ Đà có một ông sư già, sư nói với người ta là sư đang nhập thất. Vậy mà sư cứ chạy ra ngoài, đi khắp nơi hóa duyên, rằng: Trong thất tôi không có dầu để thắp đèn, xin bố thí cho tôi chút ít dầu.” Lại nói: “Tôi hết nhang rồi, ông mua cho tôi một chút nhang, được không?”, “Xin thầy từ bi bố thí cho chút tiền để tôi mua ít gạo nấu cơm ăn!” Cứ vậy mà sư hóa duyên cũng được khá bọn tiền. Sư còn muốn đến Tây Lạc Viên để gạt tôi. Đến chỗ tôi, Sư mặc áo tràng đắp y, trải tọa cụ và đánh lễ tôi chín lạy, rồi chắp tay quỳ xuống thưa: “Pháp Sư, xin Ngài từ bi độ cho tôi, xin cho tôi được khai ngộ!” Tôi nói: “Tại sao thầy phải làm như vậy chứ?” Sư nói: “Tôi ở Đông Phổ Đà nhập thất, khi vừa ngồi thiền thì thấy pháp sư tới, Ngài phóng hào quang sáng chói, bay lơ lửng trên không trung và đáp xuống trước mặt tôi, rồi Ngài đánh tôi ba cây hương bản thì tôi khai ngộ ngay. Hôm nay tôi đến đây, đích thân trải tọa cụ, đánh lễ Ngài chín lạy, xin Ngài lại đập cho tôi thêm ba cây hương bản nữa, để cho tôi khai ngộ nhiều thêm một chút.”

Tại sao thầy ta làm như thế chứ? Chắc sư tưởng: “Pháp sư Độ Luân nhất định cũng thích người khác khen nịnh mà. Ai nói ông là Phật, chắc ông vui lắm, chắc chắn sẽ được ông thưởng cho chút đỉnh tiền đấy.” Nhưng sư đâu có ngờ rằng, lần này tôi thật là muốn cho sư ăn ba gậy thiệt. Tôi nói: Thầy hãy đi ngay cho tôi, thầy dám đến đây để phỉnh gạt tôi à!”

Tôi thấy sư này lớn tuổi hơn tôi, tóc đã bạc trắng, râu cũng bạc luôn, không biết sư ta đang suy nghĩ về tiền bạc “trước” hay tiền bạc “sau” (chữ (前) tiền có nghĩa là trước, cũng có cùng âm đọc với chữ tiền (錢), là tiền bạc), nhưng tôi biết sư ấy đã chẳng suy nghĩ gì về giây khắc hiện tại này rồi.

Sau đó, tôi móc trong túi ra 5 đồng và quăng xuống đất, nói: “Thầy muốn khai ngộ à? Thầy nào có muốn khai ngộ gì đâu, thầy chỉ muốn có tiền thôi! Vậy bây giờ tôi cho thầy khai một cái “ngộ” tiền nè! Nhiều thì không có, chỉ có 5 đồng cho thầy đi xe buýt thôi, thầy lấy tiền đi rồi dong cho lẹ, từ nay về sau đừng bèn mắng tôi đây nữa! Sư nhìn tôi lấm lét, lượm lấy 5 đồng rồi chạy mất.

Bởi vì sư nghe nói thầy Thân Giác mộng thấy tôi, bảo rằng tôi phóng hào quang như thế nào, thế nào đó, cho nên sư cũng bày đặt bắt chước theo, đâu biết rằng học theo kiểu này chỉ là vô dụng thôi. Về phần thầy Thân Giác nói như vậy, là lúc trước thầy đã hóa duyên xin tôi, thành thử tôi cho thầy một nghìn rưỡi tiền Hồng Kông. Lúc đó đồ đạc thật rẻ, nên một nghìn rưỡi rất có giá trị. Còn ông sư lớn tuổi này biết được chuyện, rồi cũng muốn bắt chước theo cách đó để gạt gẫm tôi. Tôi nào phải dễ cho người ta lừa gạt đâu, cho nên tôi mới đối xử với sư ấy như vậy để sư giác ngộ rằng: Với người tu hành là không được nói dối, nếu có thật thì nói thật, nếu giả thì bảo là giả.

(*Ghi chú*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Thầy Thân Giác gửi thơ đến, thầy nói với Sư Phụ chuyện này khoảng chín năm về trước là thầy đã nằm mộng thấy mình đi vào một nơi u tối. Khi ấy trời đang mưa to gió lớn, trong lòng sợ sệt hoảng hốt vô cùng. Đột nhiên thấy có vị Bồ Tát thân tướng trang nghiêm bảo thầy rằng: “Đừng sợ, có ta đây.” Thầy bèn nhìn kỹ lại, thì ra đó là Hòa Thượng!

41. Thương gia nuốt lời (1)

Vào tháng 6 năm Quý Tị (1953), có ông họ Trương bị mắc bệnh ung thư không trị nổi nên ông đến cầu xin Hòa

Thượng cứu mạng. Hòa Thượng cho biết, ông cần quy y Tam Bảo và khuyên ông nên bỏ thí thuốc men, vãi vóc v.v... cúng dường kết thiện duyên với các Tăng Ni để tiêu trừ tội chướng...

Hòa Thượng kể: Ở Hồng Kông, tôi có một đệ tử quy y xấu tánh. Tại sao bảo là xấu chớ? Người đệ tử quy y này đã từng hại người, ông ta họ Trương, nhà có mở một tiệm thuốc. Ông có nhiều tiền không biết bao nhiêu mà nói, nhiều đến nỗi không đếm xuể. Vậy tiền của y từ đâu đến? Chính do hại người mà có được. Sau khi quân Nhật đầu hàng, hầu như toàn Trung Quốc đều mắc phải bệnh truyền nhiễm ôn dịch ói mửa khắp nơi, bởi vì “sau khi chấm dứt chiến tranh tức sẽ có một năm tồi tệ”. Y hợp tác với một người rất có tiền, đầu tư thương mại ra nước ngoài mua thuốc Tây về Hồng Kông bán.

Y kiếm rất nhiều tiền, có tiền rồi, y lại tiếp tục mua thuốc và bán thuốc. Ngoài ra, y còn chế biến thuốc Tây bán cho Trung Quốc, từ đó phát tài to. Phát tài rồi, các vị biết sao không? Đại khái vì liên quan đến chuyện oan oan tương báo, nên y bị mắc bệnh ung thư. Lúc đó, tại Hồng Kông có sáu vị bác sĩ nổi tiếng, họ đều chắc chắn rằng y chỉ có thể sống được trong vòng một trăm ngày và quả quyết bệnh tình của y không còn cách gì cứu chữa. Y liền đăng báo công khai khẩn cầu cứu mạng, rằng ai có thể cứu cho y được thoát chết, y sẽ thưởng tặng hai trăm nghìn Mỹ kim. Thời đó hai trăm nghìn tiền Mỹ rất lớn, nhưng cũng chẳng có ai đến nhận lãnh, vì họ chẳng có phương pháp gì để vớt mạng y được.

Có người đến hỏi tôi, có cách gì không? Tôi nói chớ gặp được người đó hăng hay. Rồi ông Diệp dẫn ông Trương đến Tây Lạc Viên gặp tôi, hỏi tôi làm sao để trị cho y hết bệnh? Tôi bảo: “Nếu ông không muốn mất mạng thì rất dễ dàng, không có gì khó cả. Đối với thứ bệnh này, trước tiên là ông phải quy y Tam Bảo, rồi sau đó cúng dường Tam Bảo. Có như vậy, may ra bệnh của ông sẽ khỏi!” Lúc đó, y liền muốn quy y với tôi. Tôi nói: “Ông muốn quy y, tôi không có đức hạnh gì, nhưng chẳng qua vì ông muốn quy y, nên tôi đây cũng không

từ chối. Thế là vào ngày 18 tháng 5 âm lịch, ông đến quy y. Trong lúc làm lễ quy y, ông ta thấy Bồ Tát Quán Thế Âm rưới nước cam lồ trên đỉnh đầu, ông tức khắc cảm thấy thân thể khỏe ra rất nhiều. Khi ấy, ông còn quỳ ở trước Phật phát nguyện rằng, nếu trong một trăm ngày mà ông không chết, ông sẽ trao cho tôi hai trăm nghìn Mỹ kim để xây chùa. Sau đó, tôi bảo ông cúng dường Tam Bảo để kết thiện duyên. Bởi vì lúc bấy giờ có hai, ba nghìn Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni chạy nạn qua Hồng Kông, họ đều không có chỗ ở, quần áo cũng không đủ mặc. Tôi bảo y lặn cho mỗi người xuất gia một khúc vải Hoa Kỳ, để đủ cho họ may 2 bộ đồ, và cúng dường cho mỗi vị 20 đồng tiền Hồng Kông. Tôi nói: “Nếu ông làm được như vậy, tôi bảo đảm ông nhất định sẽ không chết đâu.” Lúc ấy, y bằng lòng ngay. Tại Hồng Kông có rất nhiều Hòa Thượng rất có danh vọng, nhất là có nhiều vị Lão Pháp Sư nghe tin ông Trương quy y tôi rồi, các vị Hòa Thượng này liền ra tay hiển bày thần thông.

Hiển bày thần thông gì? Nhờ bạn bè đi tìm bà con của ông Trương để bảo ông ấy nên đi qua chùa của họ làm công đức. Có một Lão Pháp Sư biết được vợ của đệ tử quy y mình là bà con của ông Trương, bèn nhờ bà này đi bắt mối thuyết phục ông, nói: “Ông thầy Độ Luân đó chẳng là cái gì, còn vị Lão Pháp Sư đây mới là Sư Phụ của ông đó, vậy tại sao ông không đi quy y với Sư Phụ của ông chứ?”

Ông Trương vừa nghe liền nghĩ: “Nếu là Sư Phụ của ông, đương nhiên là hay giỏi hơn ông rồi.” Cho nên ông đến chùa của Lão Pháp Sư đó làm công đức và cũng đến các chùa khác làm thêm chút công đức. Vị Lão Pháp Sư có danh vọng này từ nào tới giờ không hề cúng kiến siêu độ cho ai, giờ vì ông Trương cho năm nghìn đồng, nên pháp sư cử hành 49 ngày lễ Dược Sư Sám cho y.

Sáu vị bác sĩ giỏi đều chuẩn đoán ông Trương chắc chắn sẽ chết trong vòng 100 ngày, bây giờ qua 100 ngày rồi mà y vẫn không chết, nên các Lão Hòa Thượng nói: “Thấy chưa, tôi đã bái sám cho ông rất hiệu quả!” Vị Lão Pháp Sư khác lại

nói: “Tôi tụng Kinh cho ông linh lắm đó”. Thêm vị Lão Hòa Thượng khác lại tiếp: “Đó là nhờ chúng tôi bái sám cho ông hết bệnh đấy.” Lúc này mỗi vị pháp sư đều có công lao, chỉ có tôi là không có công trạng gì. Tôi cũng chẳng muốn nói với ông ta về sự việc đó là như thế nào nữa.

Đợi đến khi tôi xây chùa Từ Hưng, ông Trương bảo một công nhân mang đến 200 đồng cho tôi xây chùa. Tôi cầm 200 đồng, chẳng thèm nhìn bèn quăng ra cửa, nói: “Ông về nói lại với ông Trương, tôi không dùng đồng tiền dơ bẩn của y đâu, nó chẳng có chút gì trong sạch cả! Tôi không tùy tiện nhận bùa tiền của người ta đâu.” Sau việc đó, có một số Hòa Thượng hủy báng tôi: “Đâu có người tu nào như vậy, người ta cho tiền mà lại quăng nó ra ngoài cửa ngay trước mặt người ta, làm vậy là không đúng rồi.”

Ông Trương lại nhắn với Lão Pháp Sư “phan duyên” của y, rằng hãy nói cho tôi biết là y muốn cho tôi thêm một ít tiền nữa. Tôi nói: “Bây giờ tôi đã hoàn thành công trình xây cất rồi, nên không cần tiền nữa đâu. Ông ta có tiền thì có thể làm công đức ở nơi khác. Hiện có nhiều pháp sư, nhiều chùa chiền như thế, hễ ông thích cúng nơi nào thì cứ việc cúng dường nơi ấy đi.”

42. Đùm bọc Tăng Ni

Lúc trước ông Trương có hứa với Hòa Thượng là sẽ cúng dường Tăng Ni ở Hồng Kông, nhưng sau khi lành bệnh, ông nuốt lời hứa, giảm số lượng cúng dường, mỗi phần chỉ có 5 đồng với một xấp vải rẻ rẻ. Thấy ông Trương thất hứa như vậy, Hòa Thượng chẳng nói một lời...

Hòa Thượng kể: Ban đầu tôi bảo ông Trương cúng dường cho mỗi vị xuất gia 20 đồng, nhưng lại bị các Lão Pháp Sư phan duyên mất rồi. Do đó ông nuốt lời hứa, chỉ cúng cho mỗi vị tu sĩ 5 đồng và một xấp vải lại không phải là vải Hoa Kỳ. Bởi một xấp vải Hoa Kỳ có thể may đủ hai bộ áo tràng và 2 cái quần, nhưng y đã đổi lại cúng loại vải xám Đại Trần, Thượng Hải thì may không đủ vào đâu. Chẳng qua, vì tôi nói cúng vải

cho người xuất gia, mà không nói là dài rộng bao nhiêu, nên chuyện này vẫn còn có thể giải thích được đi.

Nhưng về việc tôi đã báo trước với các vị tu sĩ là mỗi người sẽ được cúng dường 20 đồng, bây giờ y chỉ cho 5 đồng, vậy làm sao đây? Từ trước tới nay, tôi làm việc không miễn cưỡng ai, y không xuất tiền ra thì thôi. Cho nên tôi phải đi mượn tiền người ta để được thêm 10 đồng cho mỗi vị. Ngoài ra, 2 công ty Đại Quang và Đại Minh, mỗi công ty xuất ra 25 xu, tức là 50 xu cho mỗi người. Cố gom góp lại, chỉ được 15 đồng rưỡi để cúng dường mỗi vị tu sĩ.

Có một số tu sĩ không biết tình huống bên trong như thế nào, lại bảo rằng tôi đã tự lấy bớt đi 4 đồng rưỡi của mỗi người. Bởi vậy, làm việc thật khó vô cùng! Trong khi tôi gom góp đưa ra 10 đồng cho mỗi vị, số tiền đó là do tôi vay mượn và phải từ từ trả nợ sau. Cho đến hôm nay cũng không ai biết được và câu chuyện đó cũng cho qua như thế thôi.

(*Ghi chú 1*) Hòa Thượng đích thân hướng dẫn phân phát phẩm vật. Đầu tiên Ngài thông báo cho các tùng lâm, tịnh thất ở Hồng Kông và Cửu Long để ghi danh số Tăng Ni, sau đó mua sắm số lượng vải vóc và thuốc men, như là dầu Vạn Kim, Thập Linh Đơn, bột chanh v.v... Mùng 9 tháng 6 âm lịch (ngày 19 tháng 7), đầu tiên Ngài chuyển phẩm vật đến Thuyền Loan phân phát. Trạm thứ nhất là Đông Phổ Đà Tự, Trúc Lâm Thiền Viện cùng Lộc Dã Uyển ở Cửu Long. Sáng ngày hôm sau thì đến phân phát ở Nam Thiên Trúc Đông Lâm Niệm Phật Đường cùng Tinh xá Hoàng Pháp. Ngày 11 tháng 6 âm lịch (ngày 21 tháng 7), đến Thanh Sơn Hải Triều Viện và những nơi ở Nguyên Lăng. Khu Nguyên Lăng có ít chùa nhưng nhiều tịnh thất, Hòa Thượng thông cáo cho các tự viện và tịnh thất tập hợp lại một nơi để phát, tính ra có Viện Thông Tự, Lăng Văn Tự thuộc vùng Tỳ Kheo Ni. Vài ngày sau lại đến Sa Điền, nơi đây các Tăng Ni tập trung ở Tinh xá Bát Nhã, gồm có Tây Lâm Tự, Pháp Thành Tự và tổng số Tăng Ni có 10 người. Nhân tiện đó, Ngài lại đến Hoàng Đại Tiên Đại Miếu, Cửu

Long cùng Chí Liên Tịnh Uyển, Kim Cương Sơn để phân phát.

Đến mỗi nơi, mỗi địa điểm phát quà, trước là triệu tập các tự viện Tăng Ni, sau đó y chiếu đọc tên theo trong danh sách để phát vật phẩm. Mỗi vị được một xấp vải, một bao thuốc và 5 đồng, cộng thêm 10 đồng của Hòa Thượng đã mượn cũng như dành dụm lúc bình thường được lì xì, Ngài xuất ra hết để kết thiện duyên với Tăng chúng cùng tham gia Hội Liên Nghi Tăng Già. Lại có cư sĩ Trần và cư sĩ Dương cũng tham gia việc thiện, nên tặng mỗi Tăng Ni thêm 50 xu. Mỗi lần phân phát xong, nếu có ai bị lọt tên hay quên ghi danh, họ đều có thể ghi danh lại, khi được xác nhận rồi thì lãnh bù sau. Đối với Đại Tự Sơn thuộc về tự viện sẽ tự phân phát lấy, nên Ngài giao cho thầy Phiệt Khả ở chùa Bảo Liên lo liệu. Như vậy, hầu như tất cả Tăng Ni ở Hồng Kông và Cửu Long đều được cúng dường. Hòa Thượng làm việc rất rõ ràng, có phương pháp đàng hoàng, lần này cùng các Tăng Ni kết thiện duyên, mọi người đều kính phục.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Nhớ có lần Sư Phụ phân phát vải vóc và tiền cho các nạn Tăng Đại Lục, trước tiên Hòa Thượng tổ chức nhóm người phân phát thuốc và phẩm vật, và Ngài còn sắp đặt nhóm người phụ may y phục. Khi ấy, Chí Liên Tịnh Uyển là trụ sở bố thí. Lần đó, Sư Phụ dẫn chúng tôi đến các chùa khác nhau và cũng dẫn cha mẹ tôi đến gặp phương trượng của các chùa đó.

(*Ghi chú 3*) Bối cảnh thời đại: Thời kỳ những năm 1920, nội địa Trung Hoa biến loạn không ngừng, đã có không ít các Hòa Thượng đạo cao đức trọng lần lượt sang Hồng Kông để hoằng dương Phật Pháp, và đã đóng góp rất lớn cho sự phát triển Phật Pháp Hồng Kông. Đến năm 1940, Hồng Kông đã mọc lên trên 100 ngôi chùa Phật Giáo. Năm 1941, sau khi Hồng Kông bị Nhật Bản chiếm lãnh, Hồng Kông bị ép buộc thi hành theo hệ thống Phật Giáo Nhật Bản, và áp chế sự phát triển của Phật Giáo Trung Hoa. Trong thời gian chống Nhật và Quốc Cộng nội chiến này, trong nước Trung Hoa động loạn

không ngừng. Đặc biệt đến năm 1949, Trung Quốc Đại Lục đã xảy ra sự biến đổi dữ dội trong lịch sử, khiến hàng chục nghìn người ào ạt chạy xuống phương Nam Hồng Kông. Tăng Ni Phật Giáo cũng từng đợt, từng đợt di cư về Nam Hồng Kông, rồi cứ tiếp tục như vậy cho đến thập niên 50.

Đối diện với tình cảnh khôn khổ Tăng Bắc Di Nam giới Phật Giáo ở Hồng Kông tuy lâm vào tình trạng kinh tế rất khó khăn, nhưng vẫn phải nhiệt tình tiếp nhận. Vì vậy, cả đến vùng ngoại ô Hồng Kông đã sớm kiến tạo các tự viện, am cốc, tinh xá, tịnh thất cùng các loại nhà gỗ, tất cả đều trở thành các nơi nương náu. Giới Phật Giáo Hồng Kông và các Phật tử Cửu Long, ai cũng tận lực làm tất cả mọi thứ để giúp đỡ như dựng gác tre, quyên góp lương thực dầu ăn, chia ngọt sẻ bùi để cùng vượt qua thời kỳ gian nan này. Thật đúng là Phật Giáo Hồng Kông cùng chịu khổ với các Tăng Ni đến từ nội địa và có trên 10 năm cùng nhau sáng lập Phật Giáo Hồng Kông ngõ hầu có được sự phát triển ổn định. Chùa chiền được kiến lập cũng giống như sau cơn mưa các mầm non mọc lên khắp nơi. (Trích từ Duy Cơ Bách Khoa cùng các tạp chí Phật Giáo Hồng Kông).

43. Quả Mật truyền kỳ (1)

Cha của Văn Quả Mật đã chết sớm, nhà chỉ có mình em là con trai, cũng là chín đời đích tôn. Từ nhỏ em đã mắc bệnh tim, nhất là vào tuổi 12, 13 bệnh tình rất nghiêm trọng cần phải tuân lời bác sĩ ở nhà tịnh dưỡng.

Một ngày nọ, em khám phá ra cái bí mật của người chị lớn hơn em bốn tuổi. Chị lén giấu các bà chị lớn đạo Cơ Đốc để đi quy y Phật Giáo, lại còn mang về một quyển Sự Tích Độ Luân Thiên Sư. Trong tâm em rất khâm phục vị thầy này, nên yêu cầu chị dẫn em đi gặp Sư Phụ của chị, nhưng bị chị từ chối nói rằng: “Đường núi phải leo hơn 300 bậc thang đá mới tới Tây Lạc Viên, rui bệnh tim của em phát lên cơn, chị không gánh nổi đâu!” Từ ngày đó trở đi, chú bé cứ âm thầm nhìn pháp tướng của Hòa Thượng trong quyển sự tích mà đánh lễ.

Ba tháng sau, một ngày nọ đang lúc em ở trong phòng lễ bái thì Hòa Thượng trong hình bỗng nhiên đi ra xoa đầu em.

Hòa Thượng kể: Khi chúng ta làm việc, vừa làm vừa niệm Phật, hoặc niệm Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát, hoặc niệm Nam mô A Di Đà Phật, hoặc là niệm Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chớ có niệm Nam mô Sư Phụ, đừng có bắt chước cái đệ tử stupid ngu si của tôi là Quả Địa, hễ gặp mặt Sư Phụ là niệm “Nam mô Sư Phụ”. Các vị “Nam mô Sư Phụ”, Sư Phụ lại “Nam mô đệ tử”, cứ “Nam Mô” qua lại như vậy làm mất hết thời giờ. Chẳng thà các vị cứ “Nam mô Bồ Tát, Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng, vậy là tốt hơn một chút rồi. Tại sao Quả Địa lại niệm “Nam mô Sư Phụ?” Vì ông ấy nghe tôi kể ngày trước có một người niệm “Nam mô Độ Luân Pháp Sư” thì y được hết bệnh. Nói tới đây, tôi lại kể thêm một chút chuyện thần thoại nữa nè!

Tôi ở Hồng Kông có một cậu học trò, lúc 6, 7 tuổi đã mắc chứng bệnh lớn tim. Bác sĩ bảo: “Bệnh này của em không dễ hết đâu, nếu em muốn cho hết bệnh thì không được đi học, không đi bộ, mỗi ngày nằm trên giường, ít nhất là 5 năm. Hơn nữa, em cũng không được đi bộ dù chỉ từ đầu giường đến cuối giường.” Cậu bé nghe bác sĩ căn dặn vậy thì cứ ở nhà nằm ngủ, nhưng ngủ một ngày, ba ngày, năm ngày thì được, còn mỗi ngày cứ phải ngủ nghỉ li bì thì ngủ sao cho nổi, và ngủ không được nên em khởi vọng tưởng. Vọng tưởng gì? Chú bé nghĩ: “Không được đi bộ, nếu như mình biết bay thì hay biết mấy!”

Em nằm hoài trên giường như vậy, đại khái cũng khoảng một, hai năm gì đó. Rồi một hôm nọ, cậu bé bắt gặp một quyển sách, trên sách có bức hình của một vị Tăng. Cậu hỏi người ta, người tu này là ai vậy? Có người bảo cậu bé, đó là một vị thiền sư tên là Độ Luân. Bà con thân thích và bạn bè của em, ai nấy đều niệm “Nam mô A Di Đà Phật, riêng cậu bé thì khác lạ, em lấy bức hình để ở đầu giường, rồi ngồi kiết già hướng về bức hình của vị Tăng trong quyển sách, chấp tay niệm: “Nam mô Độ Luân Pháp Sư, Nam mô Độ Luân Pháp Sư, Nam mô Độ

Luân Pháp Sư..., từ sáng đến tối cứ niệm vậy. Em cũng chưa từng gặp qua tôi, hiếm thấy có một đứa bé nào bền chí như vậy, mỗi ngày ngồi trên giường niệm “Nam mô Độ Luân Pháp Sư . Niệm hơn 70 ngày thì chuyện lạ xảy ra! Chuyện lạ như thế nào? Em thấy bức hình biến thành một người, rồi từ trong hình đi ra xoa đầu em, còn nói chuyện với em nữa. Từ đó về sau, bệnh tim của em khỏi hẳn. Khi em đến gặp bác sĩ, bác sĩ nói: “A! Hiện bệnh này của em đều khỏi cả rồi.” Nghe qua những lời này quả là thần thoại, nhưng đây là trải nghiệm của em. Chỉ cần sự thành tâm, một tấm hình thôi cũng đều có được cảm ứng.

Cậu bé gặp tôi lần đầu tiên tại Chí Liên Tịnh Uyển, khi đó tôi đang giảng kinh Địa Tạng. Nhìn thấy cậu bé, tôi cảm thấy rất quen thuộc. Còn cậu thấy tôi thì lập tức phát tâm quy y Tam Bảo, rồi từ đó trí huệ khai mở. Ngày trước, lúc chưa bị bệnh cậu bé học rất ngu, nhưng sau khi quy y, cậu học bất cứ sách gì, hễ nhìn qua đều không quên. Trong vòng ba năm, cậu học nhảy lên 5 lớp. Thí dụ, đáng lý cậu học lớp một thì nhảy lên lớp 2, từ lớp 2 lại nhảy lên lớp 4, rồi lớp 4 lên lớp 5. Tại sao cậu có thể nhảy lớp được chứ? Vì bài vở các lớp cao, cậu nghe qua là hiểu, cho nên các thầy cô giáo mới cho cậu bé nhảy lớp học.

Chú đệ tử nhỏ này của tôi thật rất lạ lùng, vì cứ thường muốn gặp tôi. Ở Hồng Kông, tôi không có dạy người ta tu thiền. Ai muốn tu thiền thì tự mình dụng công, những chú bé này lại ngồi thiền trong lúc người ta ham thích vui chơi. Chú ta chạy lên núi, leo lên tảng đá ngồi thiền, hoặc giống như tôn giả La Hầu La chạy vô cầu tiêu ngồi thiền. Cầu tiêu là nơi hôi thối mà chú ta cũng có thể vô đó ngồi thiền nhập định.

Hồi các vị thiện tri thức, đừng có nghe tôi kể chuyện này rồi mọi người đều lại niệm “Nam Mô Sư Phụ”, niệm cho tới nỗi cái ông Sư Phụ này cũng không còn cảm ứng nữa, bởi quá nhiều người niệm, thành ra tôi không biết phải nên giúp cho người nào đây. Các vị phải hiểu rằng, cảm ứng đạo giao là cảm ứng của một niệm chân thành. Nếu các vị làm theo được ở cái

lý Đệ Nhất Nghĩa Đệ, thấu đáo nghĩa lý này thì chắc chắn sẽ có cảm ứng. Như không ai bảo cậu bé này niệm như vậy, cậu cũng không nghe qua các chuyện của tôi, mà chính cậu ấy phát tâm nên mới có cảm ứng. Các vị nghe qua cũng bắt chước làm tức rơi vào Đệ Nhị Nghĩa rồi, nên chưa triệt để mà chỉ có phân nửa chân thật, phân nửa nghe lại. Cho nên nếu cậu ta niệm 70 ngày được cảm ứng, còn các vị phải niệm tới 7 năm may ra mới có chút thành tựu, không thì chẳng có cảm ứng gì đâu. Có người nói: “Tất cả chúng con hiện nay đều là phải học mới biết mà. Không sai, toàn bộ đều là phải học cả, nếu như có thể không học mà tự hiểu ra được, đó mới chính là khai ngộ, đạt đến giác ngộ rồi đấy!

(*Ghi chú 1*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Trước khi quy y Sư Phụ, tôi đã quen biết Quả Mật, cha cậu mất sớm, mẹ cũng đã lớn tuổi. Cậu là con trai duy nhất trong gia đình, sanh ra đã bị bệnh tim, các chị đều lo chăm sóc cậu ta. Cậu làm đệ tử của Sư Phụ, mới đầu không dám cho gia đình hay biết, nhưng sau đó khi cậu càng ngày càng khỏe mạnh thì mới nói. Cậu ta rất thông minh, có thể ngồi thiền thật lâu. Sư Phụ nói Quả Mật ngồi trong thiền định đã có được một số thành tích. Cậu không thường đến Tây Lạc Viên hoặc Phật Giáo Giảng Đường mà chỉ đến vào cuối tuần hoặc ngày lễ thôi, còn chị cậu (Quả Thù) thì thường tới. Cậu là một giảng viên nói rất hay, thường lên thuyết giảng trong những ngày pháp hội cuối tuần.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Tôi và cô bạn Margaret cùng lớp thường đi bơi và chạy xe đạp với nhau.

Thình lình qua một thời gian, cô bạn không tìm thấy tôi nữa và cô ta cũng không biết tôi đã đi đâu. Sau đó, cô biết tôi đã có Sư Phụ rồi, nên muốn tôi dẫn cô đi gặp Ngài, rồi cô cũng quy y Sư Phụ luôn. Cô có pháp danh là Quả Thù. Gia đình cô đều theo đạo Cơ Đốc, khi ấy họ đều không hay biết gì cả. Cô có người em trai là Văn Quả Mật (Văn Tung Di), bởi có bệnh tim nên phải nghỉ học một, hai năm. Người em biết được chuyện của chị Quả Thù và chị còn lấy quyền sự tích của Sư

Phụ cho em trai xem. Cậu em trai cứ mỗi ngày nhìn hình Sư Phụ mà lẽ lạy, không ngờ Sư Phụ trong bức hình hiện ra, từ đó bệnh tim của em không thuốc được lành.

Năm 1961, Sư Phụ ở Phật Giáo Giảng Đường đã từng nói: “Phải nói Quả Mật là người hộ pháp số 1 trong toàn giảng đường này!” Sư Phụ lại bảo tôi: “Sư Phụ nói những lời này, hy vọng con hãy lắng nghe với tâm chính trực, vì không phải Sư Phụ nói lời vô cớ, ngay cả Bồ Tát cũng đều công nhận lời nói này. Tại sao Quả Mật tu hành mau được thành tựu như vậy, đó cũng là có liên quan với kiếp trước của y. Lúc chưa quy y Sư Phụ, y tự một mình đã ngồi thiền rồi, vì thế cũng không phải hoàn toàn do Sư Phụ dạy y. Bởi vì nếu y không khế hợp căn cơ, dù Sư Phụ có dạy đến thế nào, y cũng không đạt được hiệu quả lớn lao và tiến bộ cũng có giới hạn.”

Tôi biết tại sao Sư Phụ lại nói những lời này với tôi, vì lúc đó tôi mới tin Phật không lâu, lại tự cho rằng ở trường học, mình là học sinh ưu tú, nên rất giận Sư Phụ đã không dạy cho tôi cách tu thiền định, tu thần thông. Bởi vậy, tôi kiếm cách giận hờn Sư Phụ. Tôi biết Sư Phụ rất mong muốn chúng ta tu hành tinh tấn, nhưng tôi cố ý làm ngược lại. Trong một, hai tháng tôi tham gia hội ban kịch, ban đêm lại đến trường học thêm lớp buổi tối, chẳng bao lâu cũng có bạn trai luôn. Sư Phụ biết được nên cho mẹ tôi hay, rồi mẹ và tôi cãi nhau âm ỉ. Sư Phụ căn dặn bạn học của tôi là Quả Thù, chuyển lời rằng, Sư Phụ không cho phép tôi đến chùa Tây Lạc Viên nữa. Khi đó tôi cũng đang trong thời kỳ sắp thi tốt nghiệp tú tài (high school), cho nên tôi nói với Quả Thù: “Không cho đi thì không đi thôi, vả lại tôi cũng không có thời giờ!”

Cuộc thi đã qua, tuy rằng trên bảng có tên, nhưng trong tâm tôi buồn bã quá, bạn trai cũng không bù đắp được nỗi bất an trong lòng, bởi tôi không có Sư Phụ. Vào buổi trưa nọ, tôi không chịu nổi nữa nên một mình chạy lên núi, đứng trước cửa hàng rào tre rồi lắc chuông reo. Sư huynh Quả Bình đi ra cửa, nhưng khi thấy tôi, bà liền quay đầu bỏ đi. Một hồi sau bà lại trở ra, khẽ giọng bảo tôi rằng: “Sư Phụ kêu cô quỳ trước Phật

đó!” Tôi cũng không biết mình đã quỳ được bao lâu. Trời đã sụp tối, khi những người đến chùa đều đã đi về cả rồi, tôi mới nghe tiếng Sư Phụ gọi tên mình. Tôi òa khóc sụt sướt, quỳ trước mặt Sư Phụ và trút ra hết các nỗi tâm tư trong lòng. Sư Phụ nói: “Trực tâm là Đạo Tràng” và dạy tôi các việc có liên quan đến đạo lý nhân quả.

(*Ghi chú 3*) Cư sĩ Văn Quả Thù thuật lại, trích từ "Tâm Pháp" Phần 3, vào tháng 7 năm 1956: Đại Lão Hòa Thượng thượng Độ hạ Luân là người tỉnh Kiết Lâm, Huyện Song Thành, (hiện là tỉnh Hắc Long Giang, thành phố Song Thành). Ngài là Sư Phụ của tôi và cũng là vị cha lành của pháp thân chúng tôi. Ngài khoảng 4, 50 tuổi (khi đó Hòa Thượng được 39 tuổi), thân hình rất cao, vóc dáng vừa vặn, Ngài có khuôn mặt hiền từ dễ mến, nhưng nghiêm nghị. Do có tướng hảo này mà mọi người thích được gần gũi Hòa Thượng. Giọng nói của Ngài lại vang ngân thanh thoát, pháp âm rõ ràng minh bạch, chẳng trách sao chúng tôi luôn muốn được thân cận Ngài.

Hiện nay giặc giã khắp nơi, dân chúng không biết sống nhờ vào đâu. Vì vậy, vị thầy đại từ đại bi của chúng ta quán sát về việc này, nên thường khai mở pháp hội Đạo Tràng cầu cho chiến tranh thế giới được tiêu trừ. Mỗi lần Ngài chủ trì Phật sự đều với mục đích cho “tam đồ, bát nạn đều khỏi khổ, tứ sanh cửu hữu được thấm ân. Thế giới an ninh, chấm dứt binh đao, mưa thuận gió hòa, dân chúng an lạc.” Vì vậy, Hòa Thượng suốt ngày làm việc hoàn toàn là cho thế giới hòa bình, nhân dân bình yên. Sư Phụ ngày ăn một bữa, tự đem phước phần của chính mình để hồi hướng cho chúng ta. Nếu mỗi người trên thế giới này đều có tư tưởng giống như Sư Phụ thì Phật Giáo nhất định sẽ được hưng thịnh, chiến tranh chắc chắn sẽ chấm dứt vĩnh viễn và ca khúc hòa bình sẽ được hát vang. Bởi vậy, Sư Phụ cũng chính là sứ giả của hòa bình.

Do đạo hạnh của Ngài đã cảm hóa được các thanh niên, học sinh quy y Tam Bảo nhiều không đếm xuể. Ngài dẫn dắt từ từ và khéo léo dạy bảo để mọi người trở thành Phật tử mẫu mực. Đúng với thanh danh lưu truyền là thân sĩ, Ngài dùng

đạo lực hóa độ được số người tin thờ Tam Bảo khó mà đếm hết. Hòa Thượng tận tình khuyên bảo, chỉ dạy chúng ta trở thành Phật tử chân thành. Bởi thế, mỗi lần Ngài đến đâu giảng kinh hoằng pháp đều là dìu đỡ người già, dẫn dắt trẻ em, hoan nghênh họ đến với Đạo. Qua những điểm này, cho thấy rằng Ngài chẳng phải là một vị Hòa Thượng bình thường.

Vả lại, tánh tình Sư Phụ thì trung hậu, đại công vô tư, Ngài không giống người ta đeo “kính râm”, lân la móc nối kẻ có tiền của, thế lực. Ngài chưa bao giờ nịnh bợ người giàu sang và cũng chưa từng ngoảnh mặt làm ngơ, bỏ rơi người nghèo khổ. Ngài ôm ấp tông chỉ công lý bình đẳng. Như nói về cá nhân tôi, tuy là đệ tử con nhà nghèo mà tôi cũng được ân huệ của Sư Phụ giống y như với người giàu có vậy. Đáng kính phục thay người cha từ bi, Sư Phụ lấy tông chỉ nhân ái hóa độ chúng sanh. Đôi khi, Ngài đối với đệ tử tuy rằng nghiêm nghị lại còn trách mắng, nhưng đó cũng bởi hết lòng hết dạ chỉ bảo, vì từ bi vốn là hoài bão của Ngài! Sư Phụ tự mình sống rất tận tụy, chỉ mặc một lớp vải thô, đôi chân gầy còm khăng khiu mang đôi giày bố rách. Ngài có bao nhiêu tiền thường là đem cứu giúp dân nghèo và dùng vào công việc lợi ích cho sự nghiệp Phật Giáo, như in Kinh, tạo tượng và các việc xây cất chùa chiền. Còn về cuộc sống của Ngài thì đơn giản đến nỗi không còn chỗ nào đơn giản hơn nữa. Tinh thần vĩ đại của Ngài, các đệ tử ở thế hệ chúng ta đây nên hướng về Ngài đánh lễ học theo, thật đáng lắm thay!

44. Đệ tử thiếu niên

Thời gian Hòa Thượng ở tại Hồng Kông, có mười mấy em thiếu niên thường quanh quần bên Ngài như: Văn Vĩ Bân (Quả Thù), Văn Tụng Di (Quả Mật), Đàm Mộ Trinh (Quả Chánh), Đàm Mộ Khiết (Quả Thức), Hoàng Khiết Mai (Quả Tùng), Hoàng Khả Thái, (Quả Quân), Thái Thục Khanh (Quả Túc), Hứa Swong Quân, Hứa Lệ Quân, Ngũ Tướng Tài, Ngũ Anh Tài (Quả Đống), Chung Mỹ Vi (Quả Ca)...

Hòa Thượng kể: Khi ở Đông Bắc tôi có rất nhiều đệ tử nhỏ khoảng tám, chín tuổi, cũng có các học sinh tiểu học và trung học. Nếu các em muốn quy y, trước tiên phải tuân theo điều kiện của tôi. Điều kiện đầu tiên của tôi là gì? Đó là phải hiếu thuận cha mẹ, cung kính Sư Trưởng. Quy y với tôi rồi, các đệ tử mỗi ngày phải lạy cha mẹ, nếu không chịu lạy cha mẹ, tôi sẽ không thu nhận. Vậy các em nhỏ có muốn quy y không? Các em phải làm người con hiếu thảo với cha mẹ, nếu không thực hành đạo hiếu, tôi sẽ không chấp nhận cho quy y, đây là điều kiện nhập môn của tôi. Đến khi tới Hồng Kông rồi, điều kiện này không còn thực hiện được nữa, bởi cái đất Hồng Kông đây, Tàu không ra Tàu, Tây không ra Tây; người ở nơi đây, về Hoa văn thì biết lơ mơ, một thì chỉ biết phân nửa, còn Anh văn thì hiểu lưng chừng nửa nạc nửa mỡ, hiểu một nửa, một nửa không. Họ muốn học theo một mới, lai Tây một tí, vì cho rằng tư tưởng Đông phương quá xưa, quá đần rôi.

Các vị dạy con họ lạy cha mẹ, cha mẹ chúng sẽ không hiểu trời đất gì: “Sao lại thế này, chắc con tui bị thần kinh rôi?” Thậm chí họ còn muốn dẫn con đi xem bác sĩ tâm lý nữa. Do đó, khi tới Hồng Kông tôi không thể thực hành quy lệ này. Đến Mỹ rồi, tôi lại càng không thể làm điều này được nữa. Nhất là vào thời kỳ bắt đầu khai mở cửa phương tiện, mình nên có sự dễ dàng. Quý vị muốn quy y à? Không có điều kiện gì, vì thế mới có rất nhiều người tốt trên thế giới này đến học Phật Pháp. Nếu ra điều kiện, e rằng người Tây phương khó mà chấp nhận.

(Ghi chú 1) Cư sĩ Hoàng Quả Quân thuật lại: Khi tôi học trung học tại trường Anh Văn Từ Ấu của Thiên Chúa Giáo ở Shau Kei Wan, vì trường cách Tây Lạc Viên không xa, nên mỗi bữa nghỉ trưa tôi đều chạy đến Tây Lạc Viên ăn cơm. Lúc ấy, Sư Phụ còn gọt vỏ trái táo rồi mới cho tôi ăn. Ăn cơm xong thì tôi ngồi thiền, Sư Phụ canh tới giờ kêu tôi xả thiền để trở về trường học.

(Ghi chú 2) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Chúng tôi hầu như mỗi ngày đều đi gặp Sư Phụ, chứ không phải chỉ

đi vào cuối tuần. Lớp Anh Văn mùa hè ở đây chỉ dạy có nửa ngày, đến một giờ trưa là tan học, cho nên trưa nào chúng tôi cũng đều chạy lên Tây Lạc Viên. Mặc dầu phải leo lên cả 300 mẫy nấc thang đá, nhưng chúng tôi vẫn vui vẻ, không hề mỏi chán. Sư Phụ bỏ ra nhiều thời giờ với chúng tôi, chúng tôi ngồi quanh bên Sư Phụ để chuyện trò, thậm chí còn xin Sư Phụ đồ ăn nữa. Chúng tôi rất thân mật với Sư Phụ và các đệ tử của Ngài, giống như một đại gia đình sống hài hòa sum hợp vui vẻ với nhau.

(*Ghi chú 3*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Quả Quân, Quả Mật và tôi, ba chúng tôi tuổi xấp xỉ như nhau. Tôi rất thích nói chuyện, Quả Mật cũng vậy, còn Quả Quân thì thông minh hơn, không thích nói nhiều, Hoa Văn của y cũng giỏi hơn tôi. Quả Mật thì thông minh lắm, nhưng không thường đến Tây Lạc Viên và Phật Giáo Giảng Đường, y chỉ đến vào ngày cuối tuần hay ngày lễ. Sư Phụ đã sửa đổi chúng tôi, nhất là tôi. Khi chưa biết Sư Phụ tôi ưa thích khóc, không phải vì thân thể không khỏe mà vì sợ gặp nhiều người nghèo, nên tôi thường hay khóc. Sư Phụ hỏi tại sao tôi cứ khóc hoài vậy? Tôi nói: “Con thấy thế giới này không có cái gì tốt đẹp để làm cho mình thích cả. Con người sao mà khổ sở quá đi!” Thế rồi Sư Phụ giảng dạy cho tôi rất nhiều, từ đó tôi cũng rất ít khi khóc nữa.

Nhớ có lần Sư Phụ bảo tôi là người rất cố chấp. Thật vậy, nếu không phải là Sư Phụ, không ai có thể sửa đổi được tôi, tôi cũng không chịu khuất phục một ai. Sư Phụ thật sự đã sửa đổi tôi rất nhiều! Sư Phụ kể chuyện Ngài đã từng lễ lạy cha mẹ, Phật, Bồ Tát và tất cả mọi người, nhờ thế tôi mới ý thức là phải nên tôn kính cha mẹ, rồi tôi về lễ lạy cha mẹ. Mẹ tôi hỏi: “Con làm gì thế?” Tôi nói: “Sư Phụ đánh lễ cha mẹ Ngài nhiều lạy lắm rồi, đây là bổn phận con cái nên làm, vì vậy con cũng muốn học theo.” Qua một lúc, mẹ tôi không chịu được nữa, nên bảo tôi hãy mau ngừng lại, không cần phải lạy lục nữa đâu. Bà bảo tôi nên đi lạy Phật và làm một đứa con ngoan biết nghe lời là đủ rồi.

(1) Nghe Pháp hoan hỉ

Hòa Thượng đặc biệt khuyên dạy các đệ tử trẻ không nên chỉ chú ý nghe người thuyết pháp hay, còn ai nói không hay thì lại chẳng để tâm vào...

Hòa Thượng đặc biệt dạy bảo các đệ tử, đối với bất cứ người nào mình cũng nên lưu tâm để ý đến mỗi một lời nói, hành vi, cử chỉ của họ, chứ đừng để lãng qua. Chúng ta nên dùng diệu quán sát trí, xem xét lời nói đó có đúng hay không đúng, hợp pháp hay không hợp pháp, chứ không dùng tâm thức để phân biệt, phỏng đoán. Vì nếu “đúng pháp thì tiến, còn phi pháp thì lùi, như vậy mới có chỗ đắc, mới khai mở trí huệ được.

Khai mở trí huệ không phải chỉ một bước là tới nơi được mà phải là sáng cũng vậy, chiều cũng vậy, từ sáng đến tối đều không ngừng học tập, được như vậy mới có thành tựu.

Hòa Thượng kể: Vì Nhị thừa là tiểu học, Bồ Tát thừa là trung học, Phật thừa là đại học, cho nên ở Hồng Kông tôi đã từng nói với người ta rằng: “Tôi dạy học sinh đại học, chớ không dạy học trò tiểu học”. Với bọn tiểu học, mình chỉ có thể kể chuyện, khiến chúng nó vui vẻ thì học hành mới có tiến bộ, còn học sinh trung học thì mình nói về các đạo lý cho chúng nghe. Nhưng đối với học sinh đại học, mình phải thật sự cho họ học được một chút gì đó, mới là hợp cách đúng tiêu chuẩn. Vốn dĩ không có Nhị Thừa nhưng Phật lập ra Nhị Thừa. Đáng lẽ cũng không cần có tiểu học, nhưng vì trẻ em còn nhỏ quá nên mới lập ra tiểu học, người lớn lên một chút thì lập ra trung học, khi đến 18 tuổi thì vào đại học. Sau đó, tùy vào học vị rồi phân ra các bằng cấp cử nhân, thạc sĩ, lại còn có tiến sĩ và bác sĩ nữa.

Vì vậy muốn thành Phật, chúng ta phải vào tiểu học trước, rồi sau đó mới vào trung học. Trung học là hành Bồ Tát đạo. Đại học tức là muốn thành Phật. Trong Phật Giáo, chủ yếu nhất là thành Phật, nhưng nếu đột nhiên mình nói với người ta, học Phật sẽ thành Phật thì họ sẽ lo âu, thắc mắc: Phật

là cái gì? Tại sao tôi phải thành Phật chứ? Đó cũng vì họ không hiểu thôi, giống như bỗng nhiên quý vị trao bằng cấp cao nhất là bác sĩ cho một em bé, mà em bé đó chẳng biết bác sĩ là gì, bởi vì tuổi nó còn quá nhỏ, nên trí lực nó vẫn chưa khai mở.

Về việc nghe giảng kinh cũng phải tùy vào mỗi cá nhân, xem vị đó có duyên với người ta hay không. Người có duyên, dù quý vị có mắng chửi họ, họ cũng hoan hỉ, Còn người không duyên, dù quý vị có tung bốc khen tặng hết lời, họ cũng chẳng ưa. Vì thế, cái “duyên” là điều quan trọng nhất.

Khi tôi ở Đông Bắc, Hồng Kông, những đệ tử quy y rất có lòng tin với tôi. Bất luận tôi nói lời gì họ cũng tin tưởng chẳng chút nghi ngờ. Thậm chí, tôi cố ý nói pháp không hợp lý, họ cũng tin luôn. Người mới quy y lần đầu thì chưa có lòng tin vững chắc, tức là quy y một đời, hai đời, ba đời, năm đời thì tín tâm cũng còn chưa sâu dày lắm. Phàm những người có tín tâm với tôi là do kiếp trước họ cũng đã từng quy y với tôi rồi, như Xà Quả Mãn đây vậy. Còn Quả Lợi này cũng có tín tâm với tôi, ví như bảo y chết thay cho Sư Phụ, y cũng sẵn sàng!

Khi đó, ở vài nơi khác có các pháp sư thuyết pháp, các đệ tử nhỏ này của tôi cũng rất kỳ lạ là đều không muốn đi nghe. Tôi bảo họ đi nghe, họ cũng không chịu. Tôi nói: “Các con đừng có biết là chỉ nghe Sư Phụ giảng kinh thôi, các pháp sư khác thuyết giảng còn hay hơn Sư Phụ nữa đó. Các con nên đi nghe xem sao!”

"Họ có giảng hay cỡ nào đi nữa, con cũng không đi nơi khác nghe đâu." Ngũ Quả Đổng là như vậy đó.

- Tại sao con phải nghe họ giảng chứ? Con giảng còn hay hơn họ nữa kìa.

- Con chớ nên cống cao quá thể nhé!

- Thật mà, đó không thể nào so sánh với đây được.

(*Ghi chú 1*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Khi ở Tây Lạc Viên, Sư Phụ cũng có tới các nơi khác để giảng kinh. Sư Phụ thường được mời đến Chí Liên Tịnh Uyển và Đông Liên Giác Uyển giảng kinh. Vị sáng lập Đông Liên Giác Uyển không phải là người xuất gia, nhưng đã lập ra một đạo tràng ni chúng, đồng thời cũng xây dựng lên một trường học Phật Giáo cho người nghèo. Sư Phụ cũng được mời đến Thông Thiện Đàn giảng kinh. Tôi nhớ là Sư Phụ không phải chỉ đi một lần. Ở Hồng Kông có những pháp sư giảng kinh, họ đều giải giảng y theo chữ nghĩa sách vở, còn Sư Phụ thì khác.

Sư Phụ giảng kinh có xen kẽ vào những câu chuyện, khi thì cổ tích trong kinh điển, có khi về kinh nghiệm bản thân Ngài và còn thêm một số chuyện Sư Phụ đã nghe được. Vì vậy, mỗi lần Sư Phụ thuyết giảng đều có rất nhiều người đến nghe. Sư Phụ lại rất hài hước, nên khi ở Mỹ, nhiều người ưa thích đến nghe những lớp giảng của Ngài, nhất là bọn trẻ tuổi.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Ngũ Tướng Tài (con trai lớn của Quả Sâm) đã làm lễ Rửa Tội có



trên 10 năm, nhưng sau khi gặp Sư Phụ thì quy y Ngài. Ngày trước, y có nhiều vấn đề không thể giải đáp. Sau khi biết được Sư Phụ và Sư Phụ đã giải đáp cho y từng vấn đề một cách ôn

thỏa, nên từ đó trở đi, lòng tin của y càng vững chắc hơn. Ngũ Tướng Tài chờ Sư Phụ từ Úc trở về rồi, y mới đi nước Anh du học. Trước khi y đi nước ngoài, Sư Phụ dành ra nhiều ngày từ sáng sớm 6 giờ máy để đặc biệt giảng giải bộ Lục Tổ Đàn

Kinh cho y. Sư Phụ vì pháp quên thân, dạy dỗ đệ tử thật tỉ mỉ tận tường.

Khi Ngũ Tướng Tài đến nước Anh, mỗi ngày đều xem Lục Tổ Đàn Kinh và Sự Tích của Thiền Sư Độ Luân. Sư Phụ nói: “Bên nước Anh trời lạnh, tuyết rơi dày, nhưng Tướng Tài nói ở ngay chỗ y phát nóng nên không cảm thấy lạnh. Đó là bởi y thường ngồi thiền và đọc Lục Tổ Đàn Kinh.” Sư Phụ xúc động nói: “Xem ra y cũng có chút cảm ứng đấy.” Sư Phụ chỉ dạy y trong ba tháng thôi, mà y rất tinh tấn, nên mới có sự tiến bộ thần tốc như thế.

(2) Nghiêm Sư giáo hóa

Rất nhiều đệ tử đã đích thân trải nghiệm được sự dạy dỗ của Hòa Thượng. Hòa Thượng có thể tùy cơ, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, đột xuất cho đệ tử một cú bất ngờ...

Hòa Thượng đối với đệ tử hoặc trách mắng, hay nhắc nhở cốt là muốn cho đệ tử sửa đổi tu chỉnh lại những tập khí xấu của họ. Thường những đệ tử bị khiển trách đều có cảm giác thanh lương mát mẻ trong khi sám hối và phản tỉnh. Càng quan trọng hơn nữa là sự dạy dỗ vô giá này đã trợ lực thông phá những tác nghẽn làm trở ngại trong sự tu hành hầu khai mở một bước ngoặt cho con đường huệ mạng của họ. Đây cũng chính phương pháp giáo hóa của Hòa Thượng, thể hiện qua các phương tiện khéo léo đại trí đại từ.

Hòa Thượng kể: Các vị chưa thấy tôi nổi cơn lôi đình đâu, các vị mà thấy qua rồi thì sẽ không dám buông thả như thế này, hoặc không theo quy tắc như thế kia! Ở Đông Bắc và Hồng Kông tôi là một ông Sư Phụ rất có uy thế. Đừng nói là bảo các vị làm, tôi đây không cần phải nói, chỉ ra hiệu mà các vị không làm là tôi không vui rồi! Tôi là vậy đó, các đệ tử không dám tùy tiện nói chuyện ở trước mặt tôi, họ rất sợ tôi. Có khi các trẻ em nghịch ngợm, không giữ quy tắc, tôi mắng cho chúng một trận, thậm chí còn cho chúng một trận đòn nữa. Ở Hồng Kông, tôi đã cho đệ tử ăn roi mây thiệt đó, không phải đánh giả đâu nhé, họ bị tôi đánh đòn sưng mình luôn đấy.

Có người nói: “ Sư Phụ, xin Ngài đừng có giận chúng con nhé” Tôi không có giận các vị đâu, dù ai có vâng lời hay không, tôi cũng chẳng giận hờn gì cả. Tại sao? Các vị hít thở không khí của các vị, tôi hít thở không khí của tôi, vậy tại sao tôi phải lấy cái khí sân của các vị chứ?

Mặc dù tất cả đều là giả tạm, tất cả chỉ là hư vọng thôi, nhưng có khi tôi phải dùng pháp phương tiện để giáo hóa các người. Các vị đáng giận thật, nếu tôi không nổi nóng lên, các vị sẽ không chịu tinh tấn, cứ lười biếng, rồi cứ ở đó nghĩ rằng ngày mai mình sẽ tu hành, đợi đến mai sẽ tu, đợi đến mai rồi mình sẽ tu... Ôi! Chờ riết, chờ đến già thôi, thậm chí chờ đến chết rồi cũng chưa chịu tu. Vì vậy tôi phải nổi cơn thịnh nộ, đến nỗi phải cho các vị một trận đòn luôn. Ở Hồng Kông tôi thường hay cho đệ tử ăn đòn lắm đấy.

Bây giờ báo cho các vị biết thêm là tôi đây rất dữ dằn, có lúc tôi mắng chửi người một cách vô lý, đánh người cũng chẳng cần lý do. Nhưng không phải với ai, tôi cũng tùy tiện vô lý như thế cả, phải là người có đủ trình độ mới được. Nếu các vị không đủ trình độ, tôi sẽ nói chuyện có lý lẽ. Các vị phải đủ trình độ thì tôi mới có thể không nói lý lẽ. Giáo hóa chúng sanh có những lúc nên nói đạo lý, lại có khi không cần phải nói lý lẽ gì hết. Mắng chửi cũng là nói đạo lý, nhưng cũng là không nói đạo lý. Đánh cũng là nói lý lẽ, lại cũng là không nói lý lẽ. Nếu các vị thật sự có đủ trình độ rồi thì vốn chẳng có đạo lý gì để có thể nói! Phật Pháp là không thể suy lường được như thế đấy, các vị thấy nó lại thế này, lại thế nọ, lại không phải thế này, cũng không phải thế kia, thật khiến cho các vị hồ đồ, mù mờ đến cực điểm luôn. Nhưng đó chính là lúc các vị có tin tốt đến đấy. Bởi vì trong lúc hồ đồ mà các vị vẫn không bị mù mờ, vậy đó cũng là một tin vui.

(Ghi chú 1) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ nói: “Quả Mật thường niệm Nam Mô Độ Luân Pháp Sư, thật có lòng tin tôi nên khiến tôi cảm động. Ngày xưa các Tổ Sư thường hay hành hạ các đệ tử để thử lòng tin thật sự của họ. Tôi đây cũng có vài lần thử nghiệm Quả Mật. Có lần y leo núi

với Quả Quân, tôi phạt y quỳ gối 4 tiếng đồng hồ, quỳ lâu đến nỗi y không đứng lên được. Quả Thù (chị Quả Mật) thấy vậy cũng không dám lên tiếng, chỉ khóc thầm. Lại có một lần ở chùa Từ Hưng, chỉ vì một chuyện nhỏ nhặt, nhưng tôi cố ý đuổi y xuống núi. Tôi bảo: “Tôi nay con xuống nhà khách ngủ đi!” Thế là y đành phải vào phòng lấy gối đi xuống phòng khách ngủ. Có người hỏi tại sao y tới đây ngủ vậy? Quả Mật chỉ thở dài nói: ‘Ngày mai tôi phải xuống núi rồi!’ Qua khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, tôi mới cho gọi y trở về phòng.

Năm 1991, ngày 17 tháng 11 âm lịch, Sư Phụ nói: “Nguyện lực của tôi là chịu khổ thay cho chúng sanh. Nhất là những năm gần đây, tôi muốn chịu khổ thế cho chúng sanh. Tôi có rất nhiều tội, nhưng bây giờ đây tất cả tội đã hết rồi, bởi vì: Tội có tà trời, một sám liền tiêu.” Tôi không hiểu nên hỏi: “Tại sao Sư Phụ bảo mình có rất nhiều tội vậy?”

- Tôi thường hay la mắng người ta nên mới gánh tội của chúng sanh vào thân mình, và cũng vì những người tôi mắng toàn là người hiền lành, chứ không phải người xấu ác.

(*Ghi chú 2*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Mấy huynh đệ chúng tôi với lứa tuổi tương đương với nhau cùng theo quanh quần bên Sư Phụ thật là vui vẻ, hạnh phúc vì Sư Phụ thường hay cho chúng tôi những vị “ngọt bùi” lợi ích. Tuy không được theo các bạn bè khác ăn uống vui chơi nhưng như vậy cũng rất đáng giá. Đệ tử chúng tôi có lúc hơi giải đãi hay phạm lỗi sai lầm, nhưng tất cả đều không qua mắt Sư Phụ được. Nhờ vậy chúng tôi đều mau chóng học trở lại làm đứa con ngoan. Đối với mỗi sự việc, chúng tôi đều phải trình báo trước với Sư Phụ, rồi mới dám làm. Đôi khi chúng tôi làm sai việc gì đó, Sư Phụ khiển trách chúng tôi, thậm chí Ngài còn dùng cây hương bản trừng trị chúng tôi trước mặt đại chúng. Tôi là người duy nhất chưa từng ném qua cây hương bản của Sư Phụ, có lẽ Sư Phụ biết tôi là đứa rất nhạy cảm.

(*Ghi chú 3*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ bảo tôi: “A Anh (Ngũ Anh Tài, pháp danh Quả Đổng, là người con trai thứ của Quả Sâm) ở nhà anh ta không ngăn ai

hết, chỉ có tôi la mắng y, y mới không dám cãi lại thôi. Y nói với mẹ y rằng: “*Sư Phụ* có mắng chửi con, con cũng vui lòng nhận chịu!” Nghe vậy tôi phì cười rồi nói: “Đánh là thương, mắng cũng là thương.” *Sư Phụ* nói: “Nếu có một ngày nào đó *Sư Phụ* đánh con, không phải đánh nhẹ nhàng, mà là đánh đòn thật mạnh, con có sợ hay không?” Tôi không biết nói gì. *Sư Phụ* nói: “Nếu người đã tin tôi rồi, cho dù bị tôi giết chết, y cũng sẽ nói đó là giải thoát đây.”

(Ghi chú 4) *Cư sĩ* Hoàng Quả Quân thuật lại: *Sư Phụ* có phương pháp quán xét tùy theo căn cơ mỗi người mà giáo hóa rất đặc biệt! Khi ấy tôi học trường Thiên Chúa, mà các trường tốt ở Hồng Kông, nếu không phải trường Thiên Chúa Giáo thì cũng là trường Cơ Đốc Giáo. Còn trường tốt về Phật Giáo rất hiếm như lông phụng, sừng lân. Vào thời đó tôi mới 10 tuổi, có một hôm, tôi thưa với *Sư Phụ*: “Nếu con có tiền, sau này lớn lên con sẽ mở một ngôi trường Phật Giáo.” *Sư Phụ* nói: “Tốt lắm! Con có thể phát nguyện được như vậy thì hay quá.” Qua mấy tháng sau, *Sư Phụ* nói với tôi rằng: “Bây giờ *Sư Phụ* có một pháp môn, con chỉ cần tu bảy ngày là có thể đi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc ngay.” Tôi tức khắc quỳ xuống nói: “*Sư Phụ*, xin *Sư Phụ* chỉ dạy cho con pháp môn đó đi.

- Vậy còn trường học của con thì sao?

Sư Phụ chỉ mới dò thử một cái như vậy là đã vạch trần bộ mặt phát nguyện giả tạo của tôi rồi. Vì tôi không có phát nguyện chân thành tha thiết, nên chuyện mở trường học của tôi đã không thành mà cũng không đi được thế giới Cực Lạc. Mọi người đều biết *Sư Phụ* có năng lực biết trước được những chuyện sắp đến, cho nên lúc 15, 16 tuổi, tôi đã từng hỏi *Sư Phụ*: “*Sư Phụ*, sau này con sẽ ra sao?” *Sư Phụ* nhìn tôi và nói một câu rất ngắn gọn: “Chỉ cần từ tâm!” Rồi Ngài không nói tiếp nữa, tôi cũng không hỏi thêm. Chỉ bốn chữ vồn vện đó thôi, nhưng nó đã trở thành câu phương châm cho cả một đời tôi vậy.

(Ghi chú 5) Từ nhật ký của *cư sĩ* Đàm Quả Chánh: Ngũ Anh Tài là em của Ngũ Tướng Tài, chúng tôi đều gọi anh là

"A Anh". Anh ấy và mẹ sớm đã quy y rồi. Sư Phụ nói với tôi, A Anh đáng lẽ mỗi tối đều đến nghe giảng kinh và sáng sớm 7 giờ sẽ đến Giảng Đường lạy Phật xong xuôi rồi mới đi làm. Mùa Giáng Sinh là ngày xã giao của giới thanh niên, vì y tham gia các buổi tiệc dạ vũ nên nhiều ngày qua y không có đến Giảng Đường. Sư Phụ lo ngại không biết y có đổi dời nhà hay là có chuyện gì bất ngờ xảy ra, nên Ngài cho người đi xem xét. Qua ngày hôm sau, A Anh đến giảng đường, Sư Phụ nghiêm mặt nói: "Các đệ tử trẻ của tôi không có ai ăn mừng Giáng Sinh hết. Vì nếu ai cũng giống chú em đây thì sẽ không có người hộ pháp cho tôi rồi, phải không?"

A Anh xấu hổ quá, không biết trốn đi đằng nào, thế là anh ta xin Sư Phụ đánh đòn mình. Sư Phụ thờ ơ nói: "Tôi không đánh con đâu, tại sao phải đánh con chứ?" Anh Tài càng cảm thấy buồn hơn, rồi tự anh tát vào má mình đến sung húp cả mặt và năn nỉ xin Sư Phụ tha lỗi cho anh.

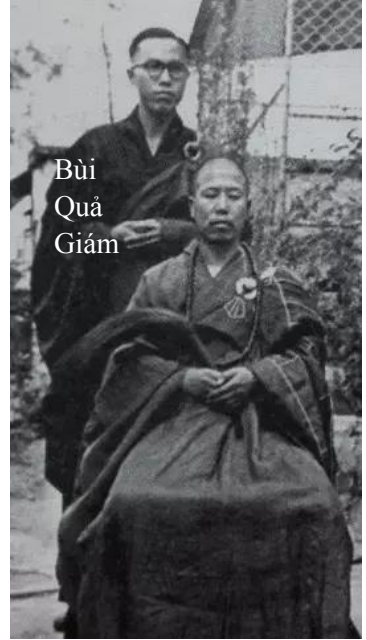
(3) Thường theo Thầy học

Hòa Thượng trí huệ thâm sâu, thông hiểu nhiều về lịch sử cổ đại Trung Quốc, văn học, thi thơ, viết thư pháp, cho nên vào mỗi cuối tuần là bọn đệ tử trẻ lên núi, tất cả đều được Hòa Thượng dạy học Cổ Văn...

Hòa Thượng kể: Chúng ta học văn học Trung Quốc, phải tập luyện chữ, phải viết chữ cho ngay ngắn. Do đó "một nét cũng không cấu thả, không được qua loa lấy lệ, viết một cái cho là xong, điều này không thể ẩu tả được. Ở Trung Quốc, văn chương của các vị dù có hay cỡ nào đi nữa, nếu nét chữ viết không đẹp, các vị vẫn không thi đậu Trạng Nguyên được đâu! Cho nên, chữ Hoa nhất định phải viết cho thật đẹp. Cây bút lông có cỡ nhỏ, có cỡ lớn; cỡ lớn thì viết chữ lớn, cỡ nhỏ thì viết chữ nhỏ. "Chữ nhỏ như đầu con ruồi" là mỗi chữ nhỏ xíu giống như cái đầu con ruồi vậy. Nhưng mỗi chữ đều không được viết ẩu, mà phải viết cho rõ ràng minh bạch. Tôi cũng thích các vị học thêm nhiều thứ ngôn ngữ văn tự khác nữa, vì tôi không biết nhiều thứ ngôn ngữ, thành thử đi đến đâu cũng bị ăn hiếp. Lúc đến Úc Châu thì bị trẻ con Úc Châu

bất nạt, khi đến Mỹ thì bị lũ trẻ nhỏ của các vị đây bắt nạt. Đi đến nơi nào cũng đều bị ăn hiếp vì tôi không biết ngôn ngữ của họ, đây là một việc đáng tiếc vô cùng!

(*Ghi chú 1*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ dạy chúng tôi học các cổ văn trong “Mạnh Tử”, “Lão Tử” vào cuối tuần, nếu ai không chú tâm học, Sư Phụ sẽ viết lên bảng đen một bài thơ ngắn. Người đó nhìn lên là biết ngay Sư Phụ đang nói về mình. Học thuộc lòng thơ và đọc thơ là chuyện không giống nhau. Học thuộc lòng thơ thì giống như xướng ca một bài thơ vậy. Khi xưa ở trường, thầy giáo ngâm thơ thường hay lắc lư đầu cổ. Riêng Sư Phụ không làm vậy, nhưng giọng điệu Ngài rất giống. Sau này Sư Phụ cũng không còn ngâm thơ như vậy nữa. Mỗi lần gặp Sư Phụ, Ngài đều cho tôi một quyển sách mang về đọc, đa số là sách Phật Giáo, nhưng cũng không phải hoàn toàn là vậy. Tôi nhớ quyển đầu tiên Sư Phụ cho tôi là Nghĩ Hàn Sơn Thi Tập của cư sĩ Trương Thủ Ước, hiệu Mai Thôn. Sư Phụ thường hay tùy hứng viết lên giấy báo cũ những câu văn thơ và chúng tôi học viết theo Ngài. Cho đến nay tôi vẫn còn cất giữ những bài văn thơ mà Sư Phụ đã viết trên mấy tờ báo đó. Có ngày nọ, Sư Phụ viết bài kệ như dưới đây:



Bùi
Quả
Giám

*Tánh định ma phục ngày ngày vui,
Vọng niệm không khởi nơi nơi an;
Hoa đẹp, trăng tròn người không già,
Ý định, thần đủ thân càng mạnh.
Vội lấy vàng trắng tận chân trời,
Nhắm mắt nhìn thấu trời trong nước,
Hương chổ không người ngâm thơ hay,
Chân tâm hiển lộ lúc chưa sanh.*

(Ghi chú 2) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Vì thứ Bảy ở chùa không giống như ngày Chủ Nhật có pháp hội một ngày cộng tu, nên mỗi thứ Bảy chúng tôi được học cổ văn, Nhật vấn và thư pháp. Lúc còn trẻ Sư Phụ viết thư pháp rất đẹp, Ngài viết trên bảng đen trước, rồi dạy Quả Thù, Quả Tùng, Quả Quân và tôi cầm bút viết như thế nào. Chị tôi giỏi chữ Hoa, bởi cha tôi có mời thầy giáo tư đến dạy thêm cho anh và chị tôi học cổ văn, nhờ vậy họ viết thư pháp đều khá giỏi. Còn tôi học ở trường Cơ Đốc Giáo chú trọng về Anh văn, nên học chữ Hoa không nhiều lắm. Chúng tôi cũng có học chữ Nhật do thầy Bùi Quả Giám dạy, là một vị đệ tử ở Đông Bắc của Sư Phụ. Trước khi đi Mỹ, chị tôi cũng có học chữ Nhật với thầy một thời gian.

(Ghi chú 3) Cư sĩ Đàm Quả Chánh thuật lại vào năm 1995: Sư Phụ bỏ ra rất nhiều tâm huyết tìm phương nghĩ kế, không ghét không cầu hoặc đòi hỏi này nọ để dạy dỗ bọn trẻ lâu la khó dạy mười mấy tuổi như chúng tôi, với lòng trông mong sẽ đem đến cho xã hội những công dân có tư tưởng phẩm hạnh tốt và đạo đức lương thiện. Sư Phụ còn bố thí sự giáo dục cho người, Ngài chọn ra phương pháp dạy dỗ khác nhau đối với từng cá nhân, khiến cho chúng tôi ở trong cái xã hội Hồng Kông xa hoa hưởng lạc này vẫn giữ tâm không bị lay động, ý không thoái chuyển, vững lòng tin cương quyết tự mình học Phật. Đây thật là chuyện không dễ làm chút nào.

Sư Phụ vì lo bồi dưỡng cho lớp đệ tử trẻ của Phật Giáo mà lao tâm tổn sức. Sư Phụ đã từng thức suốt đêm để cùng chúng tôi chuyện trò, đã từng để dành những hạt tùng ngon nhất cho chúng tôi ăn. Ngài cũng đã từng vì lo giảng giải các công án cho chúng tôi nghe mà thờ ơ với các vị thượng khách. Vì muốn cho chúng tôi tuân theo nề nếp quy tắc, có khi Sư Phụ với sắc mặt nghiêm nghị và cả ngày không ăn không uống, Ngài cũng đã từng xử phạt thật nghiêm khắc khi chúng tôi mắc phải sai lầm hay đi lạc lối. Cho đến bây giờ chúng tôi mới thật sự hiểu rõ nỗi vất vả hao tổn tâm sức của vị cha già.

Bất luận Sư Phụ đi tới nơi đâu, thế nào cũng có một đám trẻ con đi theo Ngài. Ông già lo bồi dưỡng dạy dỗ lớp trẻ cho thế hệ mai sau, mà không hề kể lể công lao. Cho dù trong số 10 người, có đến 9 người không giỏi giang xuất chúng, Ngài cũng không quan tâm. Bởi Ngài hy vọng sẽ truyền bá rộng rãi nghĩa lý và phần tinh túy của Phật Pháp, cho nên dù chỉ một người có khả năng trở thành pháp khí, vậy cũng có thể đời đời tiếp tục truyền thừa, khiến Phật Pháp phát dương rộng lớn. Sư Phụ yêu cầu các đệ tử, bất luận về giới luật hay về sự tu trì, tất cả đều phải dốc lòng thực hành, không được làm qua loa cho có lệ, mà phải biết kiến lập cho mình một trực tâm là đạo tràng.

4. Biểu diễn tiết mục

Hòa Thượng khuyến khích các đệ tử nên tham khảo tìm tòi để khám phá ra chân lý và ứng dụng Phật Pháp vào trong cuộc sống đạo đức luân thường hằng ngày. Như thế sẽ lãnh ngộ được Chân Đế của Phật Pháp, rồi tự mình thể hội được đâu là đúng, đâu là sai. Hòa Thượng thật đã từ bi mở đường dẫn dắt giúp cho chúng đệ tử...

(Ghi chú 1) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Người Hoa nghĩ rằng Bồ Tát Quán Thế Âm là công chúa Diệu Thiện, con gái của vua Diệu Trang. Bởi muốn xuất gia, nàng đã phải trải qua rất nhiều gian nan, rồi cuối cùng cũng thành đạo. Nhưng nguyên gốc câu chuyện này không phải từ trong kinh Phật. Như chúng ta đã biết câu chuyện thật sự Bồ Tát Quán Thế Âm thành đạo là từ trong Kinh Lăng Nghiêm và Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni. Bởi không hiểu biết nên lúc đó chúng tôi đã diễn hết một màn kịch ấy. Tôi nghĩ đó là chủ ý của tôi, nhưng Sư Phụ đã không bảo rằng chúng tôi làm sai, Ngài hy vọng chúng tôi tự suy xét cái nào đúng, cái nào sai. Tôi còn làm rất nhiều chuyện ngu xuẩn như vậy, đến bây giờ mới biết được mình đã làm sai rồi. Giống như khi ở San Francisco, tôi phụ giúp làm báo chí cho chùa Kim Sơn, có một lần tôi thử giảng giải lại bài kệ của Sư Phụ khi Ngài Thượng Đường thuyết pháp. Sau khi bài báo được in ra, tôi đem trình lên Sư Phụ. Sư

Phụ bảo tôi: “Thượng Đường thuyết pháp là nói những câu kệ có ý Thiền trong đó, cốt cho người nghe tự mình tìm hiểu lấy, chứ không cần phải giải thích. Người có trí huệ chỉ cần nghe được một chữ hay một câu là cũng có thể khai ngộ liền.”

(Ghi chú 2) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Chúng tôi đều rất gần gũi với Sư Phụ, Ngài giống như một người cha hiền luôn dạy dỗ chúng tôi đủ điều, lại cùng chúng tôi vui đùa. Đến phần cuối, khi pháp hội sắp kết thúc, chúng tôi bèn biểu diễn một màn kịch. Những tiết mục này đều có liên quan đến Phật Giáo. Tôi nhớ màn thoại kịch đầu tiên là nói về những trải nghiệm của Sư Phụ. Vì chị tôi giỏi Hoa văn, nên chị đã bỏ ra rất nhiều công sức để viết kịch bản và chuẩn bị, phần lớn các tiết mục đều do chị tận tâm tận sức biên soạn và tổ chức.

(5). Đội binh nhỏ phiên dịch

Hòa Thượng khuyến khích các đệ tử trẻ tham gia pháp hội, góp phần vào việc phiên dịch kinh điển và các bài giảng khai thị. Ngài muốn giáo huấn họ trong khi phiên dịch, cũng như chỉ dẫn cách thức để họ không sa ngã trước những cám dỗ...

Hòa Thượng kể:
Phiên dịch kinh điển à, bây giờ các vị ít nhiều gì cũng đều học qua hết rồi. Vậy các vị học được cái gì? Học được rằng: Anh nói tôi phiên dịch không đúng, tôi nói anh phiên dịch không hay, phải không? Thế nào gọi là hay? Thế nào gọi là không hay? Các vị phiên dịch hay



Quả Mật dịch lời Hòa Thượng
Sang tiếng Quảng Đông

thì cứ theo cái đã hay đó mà đi lên, người khác phiên dịch không hay, rồi họ từ từ cũng sẽ trở thành hay. Bất cứ ai làm thông dịch, họ cũng đều cố gắng tận lực làm tốt trong công

việc phiên dịch của mình. Vì vậy, các vị không cần phải nghe người ta khen giỏi một tiếng thì vui mừng không thể tưởng, còn bị người ta chê dở một tiếng thì sanh phiền não ngay.

(*Ghi chú 1*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Khi tôi còn nhỏ, lúc trò chuyện với Sư Phụ chúng tôi đều nói tiếng Quảng vì Ngài nghe được tiếng Quảng Đông. Đến Mỹ rồi, chúng tôi mới dùng tiếng Phổ Thông với Sư Phụ. Nhớ có lần Sư Phụ bảo tôi phiên dịch từ tiếng Phổ Thông ra tiếng Quảng, vì lúc đó không có máy ghi âm và phải chú tâm nghe rồi ghi chép, nên không ai chịu làm việc này, bởi vậy phải “bốc thăm” để chỉ định người thông dịch. Mỗi tối ở Tây Lạc Viên Sư Phụ đều giảng kinh, tôi thường làm thông dịch viên, Sư Phụ nói tiếng Phổ Thông rất dễ hiểu, còn các pháp sư khác có giọng địa phương nên rất khó hiểu, đặc biệt là pháp sư Minh Quán. Sau khi sư đến Hồng Kông, Sư Phụ thường mời sư đến Tây Lạc Viên thuyết pháp. Lúc đầu là do anh đệ tử Đông Bắc của Sư Phụ giúp việc phiên dịch, không hiểu tại sao sư cho rằng anh phiên dịch không đúng, nên có chút không vui và bảo anh ta rằng: “Thôi thôi cậu đi xuống đi!” Rồi sư chỉ vào tôi, nói: “Cô lại đây thông dịch cho tôi.” Tôi nói với Sư Phụ: “Con vốn nghe chẳng hiểu pháp sư Minh Quán nói cái gì, con không làm được việc này đâu. Sư Phụ nói: “Đừng lo, con hãy nhớ là có Sư Phụ đứng sau lưng con”. Tôi chỉ biết ôm đầu leo lên đài thôi, không ngờ thế mà tôi lại nghe hiểu được pháp sư Minh Quán nói. Xong việc, tôi nói với Sư Phụ là mình hiểu được như vậy. Sư Phụ bảo: “Sư Phụ đã nói là Sư Phụ đứng phía sau con mà!” Từ đó trở đi Sư Phụ huấn luyện chúng tôi giảng kinh và phiên dịch các bài giảng khai thị.

(*Ghi chú 2*) Cư sĩ Đàm Quả Chánh thuật lại vào năm 1995: Nhớ lúc còn trẻ ở Hồng Kông, Sư Phụ yêu cầu bọn trẻ huynh đệ chúng tôi thay phiên nhau thông dịch các kinh điển mà Ngài đã thuyết giảng thành ra tiếng Quảng Đông. Lúc đầu vì chưa quen ra trước đại chúng nên ai nấy đều nhút nhát khiếp sợ, lúc phiên dịch sợ quá đến nỗi bàn tay cứ phát run lẩy bẩy, cả ghi chép cũng không nhớ rõ. Nhưng vì khó cãi lại lệnh của Sư Phụ, nên chúng tôi chỉ còn cách gồng mình ráng làm thôi.

Sau khi trải qua sự huấn luyện này, thật là lợi ích vô cùng, vì đã bồi đắp nền tảng cho sự nghiệp giáo dục của tôi sau này.

(6) Bí quyết trọng yếu của tinh tọa

Ý nghĩa tuyệt diệu của Thiền là ở đâu? Ngồi là Thiền phải không? Như thế nào là Tu Thiền Tinh Tọa? Các đệ tử nhỏ đã từng thỉnh Hòa Thượng chỉ dạy về bí quyết quan trọng của Tinh Tọa...

Hòa Thượng kể: Việc ngồi Thiền này, các con phải ưa thích mới ngồi được, còn ngược lại thì cũng không có lợi ích gì. Ngồi Thiền có thể đạt được định lực. Vậy Thiền là ngồi phải không? Đúng là ngồi, mà cũng không phải ngồi. Khi con chưa ngồi, không phải là ngồi; mà sau khi ngồi xong, cũng không phải là ngồi. Chỉ ngay trong lúc ngồi Thiền, đó mới là ngồi. Thiền này trên thực tế, các con đứng cũng là Thiền, ngồi cũng là Thiền, đi bộ cũng là Thiền, ngủ cũng là Thiền. Nếu con hiểu được cái “Thiền” này rồi, vậy thì đi đứng nằm ngồi đều là Thiền. Bất quá khi con chưa hiểu rõ được cái Thiền này, trước tiên là con phải nên ngồi Thiền. Khi con đã đạt được Thiền rồi, con sẽ không thể tách rời cái Thiền, ngay cả khi đi, đứng, nằm, ngồi; cái thiền này là con và con cũng tức là thiền. Thiền cũng đi theo con, con cũng đi theo Thiền như hình với bóng, dù có muốn rời cũng không thể rời ra được! Đó là cái định lực, tức là ngồi Thiền.

Cứ nói tới nói lui, vậy “Thiền” là cái gì? Cũng chẳng là cái gì. Nếu con còn nghĩ nó là cái gì, tức là có chỗ trụ rồi! Cho nên nó không phải là gì cả, tức là vô sở trụ, không có trụ vào chỗ nào. Như nói: “Đó là không có biên giới!” Đương nhiên, nếu có biên giới tức không phải là Thiền! Thiền là không có biên giới, cũng là một cái không, cái không này sẽ sanh ra định lực cho các vị, rồi sẽ sanh ra cái Tam muội.

Thiền chỉ là một nửa của tiếng Phạn, gọi đầy đủ là “Thiền Na”. “Thiền Na” là tiếng Phạn, nghĩa là “Tu Duy Tu”, cũng gọi là “Tĩnh lự”, nó có nghĩa là ngồi yên lặng nơi đây để tu hành tư duy. Nếu con không biết dụng công, vậy thì ngồi đó

mà tha hồ vọng tưởng. Còn nếu biết dụng công, có lẽ con sẽ đánh cho vọng tưởng chạy mất hết, tức sẽ không còn vọng tưởng nữa.

Con đừng nghĩ rằng danh từ “đánh vọng tưởng” là xấu, vì đánh được “vọng tưởng” là tốt đấy. Con có thể đánh cho vọng tưởng bỏ chạy, chiến đấu với nó; như vọng tưởng đó vừa lộ hiện, con liền lấy cây gậy đánh ma ra đập cho nó một phát, cho vọng tưởng chết tiệt luôn. Đập chết rồi, đợi một lúc sau nó lại sanh thêm một cái khác, con lại dùng gậy đánh ma đập chết nữa, hễ cứ sanh ra một cái nữa, con lại lấy gậy đánh ma đập chết nó. Thế nhưng dùng cây gậy đánh ma, có lúc đập chết rồi, nó sống trở lại nữa, như vậy phải làm sao đây? Thì lấy thanh gươm chém ma ra, thấy vọng tưởng vừa đến, cứ rút gươm ra chém một cái là đứt lia, thì nó sẽ không thể nào sống lại được nữa! Bởi vậy, thanh gươm chém ma lợi hại lắm. Khi con chém chết vọng tưởng rồi, trí huệ của con sẽ khai mở. Trí huệ tức là thanh gươm chém ma đó. Có trí huệ, tức là con có thanh gươm chém ma; nếu không có trí huệ, tức là con không có thanh gươm chém ma. Vậy cây gậy đập ma là cái gì? Nó chính là định lực của con. Con có được định lực, tức có được cây gậy đánh ma; không có định lực, thì không có gậy đập. Bây giờ con đã hiểu rõ chưa? Con ngồi Thiền sẽ sanh ra định lực, có định lực mới đánh chết được vọng tưởng. Con lại tiếp tục ngồi Thiền nữa thì sẽ sanh ra huệ lực, tức là trí huệ lực, nó cũng sẽ giết chết hết các vọng tưởng.

Ai đã biết Thiền rồi thì: “Đi cũng thiên, ngồi cũng thiên, nói nín, động tĩnh thể an nhiên”; “Trong mộng rõ ràng có Sáu Thú, tỉnh rồi trống rỗng không Đại Thiên!” Nếu con đã giác ngộ rồi thì đại thiên thế giới này cũng đều không có, hà huống chi những thứ khác? Nếu không chịu Tham Thiền, không ngồi thiền thì: Sanh từ đâu đến? Chết đi về đâu? Không biết. Nếu không biết thì sẽ sanh ra hồ đồ, rồi lại hồ đồ chết đi, cứ hết một đời như vậy, thật đáng thương thay! Người dụng công tham Thiền, lúc khai ngộ rồi sẽ biết được bản lai diện mục của mình trước khi cha mẹ sanh ra và hốt nhiên thông suốt khắp cả vạn vật vũ trụ từ trong ra ngoài, từ thô sơ tới vi tế, không chi

chẳng rõ và tâm ta toàn thể đại diệu dụng, không gì không biết. Đắc được cảnh giới Đại Tạo Đại Hóa, tương lai sẽ thành tựu Quả Phật, đạt đến địa vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

(*Ghi chú 1*) Trong quyển “Hòa Thượng Hư Vân ấn tượng ký”, pháp sư Lạc Quán có thuật lại rằng: Nhớ lại vào năm đó, Lão Hòa Thượng Hư Vân cùng chúng tôi dự khóa Thiền Thất mùa Đông rồi mới đi Trùng Khánh.

Trong khóa Thiền Thất, có một lần giảng khai thị, Lão Hòa Thượng đã nói một đoạn khiến người nghe đều phải bật cười. Ngài nói: “Tham ‘Thiền’ là phải cố gắng hết sức lực mà Tham thì mới có ‘Thiền’. Học ‘Giáo’ cũng phải học thật nghiêm túc mới thông đạt được ‘Giáo’ lý. Tôi thường thấy có số người Tham Thiền, khi cao hứng thì tréo chân ngồi xếp bằng Tham cứu cho một chặp, đến khi hết hứng thì chân căng lại buông xuôi, giống như ‘bệnh sốt rét’, chợt lạnh, chợt nóng, lúc giãn, lúc căng. Tham Thiền kiểu đó, tính ra như họ cũng có chỗ đắc, nhưng chẳng qua là được cái Thiền (蟬), mà thiền này có nghĩa là con Ve, là con Ve sâu trên cây đó thôi!

Người học ‘Giáo’ cũng vậy, lúc hăng say, tinh thần phấn khởi, từ sáng đến tối cứ lo vùi đầu găm sách, đến chừng cơn làm biếng nổi lên, kinh sách gì cũng quăng trên giường để kê làm gối nằm, đôi khi còn cất trên gác cao để cho sanh mọt. Đến khi gấp rút đến nỗi đánh rắm, tè ra trong quần cũng mặc kệ, ân hận vì mình không được ngộ nhập Tri Kiến Phật ngay tức khắc. Đến lúc buông thả thì giống như cái bánh cháo quẩy. Học ‘Giáo’ kiểu này, nếu họ có học đến 10 năm, 8 thuở, có thể giảng đạo, cũng bất quá là học giống như con gà ‘Gáy’ đó thôi!” Lời nói này có vẻ như khôi hài đấy, nhưng có ngụ ý thâm sâu đáng được nghiền ngẫm.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ gọi điện đến, tôi và Sư Phụ cũng đã nói về việc tỉnh tọa. Ngài bảo: “Tâm lặng như trong nước có trăng, ý định như trời trong không mây. Lục Tổ nói: “Không nghĩ Thiện, không nghĩ Ác.” Tôi nhớ Sư Phụ đã từng nói: “Người tu không nên có tâm hoài nghi, nếu khởi tâm hoài nghi sẽ đi lạc đường ngay.” Ngài

lại nói: “Có tâm là vọng tưởng, vô tâm là cảm ứng.” Sư Phụ nhấn mạnh rằng: “Người tu chỉ có một tâm, nếu có hai tâm thì không thể được.”

(7) Đệ tử Khai Nhãn

Trong cuộc sống thực tế, chúng ta thường thấy có người mù mắt, nhưng có người lại có thể thấy Phật Bồ Tát, Thần Quỷ, biết được các tiền kiếp, những cảnh giới khác nhau của phàm Thánh. Có thật như vậy sao...

Hòa Thượng kể: Ở Đông Bắc tôi có mười mấy đệ tử đều có thể nhìn thấy Phật, Bồ Tát, Quỷ Thần; ở Hồng Kông cũng vậy, nhưng rất ít khi tôi bảo họ nói cho mọi người biết. Tại sao? Vì Hồng Kông là một nơi rất phức tạp, phần đông người ta không tin vào sự thật mà rất ưa thích chạy theo các sự giả dối. Mình nói sự thật, họ cho là giả; mình nói giả, họ cho là thật, họ không phân biệt được rõ ràng thật giả. Nhất là những người tự cho mình là thông minh, lại càng là người điên đảo thị phi.

Tại sao có người mù mắt? Tại sao có người sáng mắt? Tại sao lại có người thấy được cảnh giới phàm Thánh không giống nhau? Đó đều là do ở sự tu hành trong đời quá khứ. Người có thể thấy cảnh giới khác nhau của phàm thánh này, đa số là trong kiếp trước, hoặc kiếp trước đó nữa, họ đã từng tu 42 Thủ Nhân vậy. Bởi tu 42 Thủ Nhân họ mới có được nghìn tay nghìn mắt. Tuy không phải đích thực có được nghìn tay nghìn mắt, nhưng họ cũng có thể thấy được cảnh giới khác nhau của phàm Thánh. Và tại sao có đôi mắt tốt? Do tiền kiếp đã dâng hương hoa, thắp đèn cúng Phật nên mới có được đôi mắt sáng ngời. Tại sao có đôi mắt mù? Đó cũng là do không tin cái gì hết. Như khi người ta nói thấy cái gì đó đó, y bảo:

- Cái đó là giả, làm gì có chuyện như vậy chứ!

Bởi thế về sau cái gì y cũng không thấy được, quả báo này thật không thể nghĩ bàn.

(*Ghi chú*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Thái Quả Túc thật có thiện căn, cũng có thể là do sự tu hành ở kiếp trước của cô ta.

Cô có thể nhập định. Một hôm chúng tôi dự Phật thất, khi ngồi xuống niệm Phật được 10 đến 15 phút, sau đó thì tĩnh tọa niệm thầm, cho đến khi pháp sư gõ khánh, mọi người đều đứng dậy đi kinh hành. Lúc ấy, Quả Túc không đứng dậy, có người muốn đến lay động cô. Sư Phụ nói: “Đừng lay động cô ấy, đừng đụng đến cô ta.”

Cô nhập định có khoảng nửa tiếng đồng hồ, nếu Sư Phụ không gõ khánh, cô có thể ngồi luôn trong định. Quả Túc có thể thấy được những tình huống trong kiếp quá khứ. Đôi khi Sư Phụ cho phép cô ta nói về kinh nghiệm của cô, cũng có khi cho phép cô nhập định để quan sát về các việc của người khác.

45. Huấn luyện giảng Pháp

Sư Phụ lấy Pháp bố thí cho người, đó là sở trường độc đáo riêng biệt nhất, là vị xuất gia thuyết pháp mẫu mực. Không những giảng kinh khai thị, đem tư tưởng tinh túy của Phật Đà truyền trao cho đệ tử quy y và tin chúng, Ngài còn huấn luyện cho các đệ tử giảng kinh thuyết pháp với cả tâm lòng từ bi khẩn thiết...

Hòa Thượng thường ban dạy giáo pháp cho người, Ngài cổ động các đệ tử trẻ có văn hóa nên nghiên cứu Phật học, hiểu lý ngộ Đạo hầu trở thành nhân tài tiếp nối sự nghiệp hoàng dương Phật Pháp. Còn đối với cư sĩ lớn tuổi không có văn hóa, cũng y vậy, Ngài khuyến khích họ học tập Phật Pháp, chia sẻ cảm tưởng, cho dù chỉ là một việc hay một câu nói.

Hòa Thượng kể: Thông thường khi các pháp sư thuyết pháp, chỉ có một người giảng cho đại chúng nghe. Còn tôi giảng kinh lại thường dẫn theo hai người giúp đỡ. Trước khi giảng, tôi bảo họ lên giảng khoảng 3 đến 5 phút. Tại sao phải như vậy? Vì tông chỉ của tôi là diu dắt giới trẻ nhân tài ra hoàng dương Phật Pháp, cho nên tôi tình nguyện vun bồi lớp

người mới cũng như sẵn sàng đào tạo lớp người trẻ cho Phật Giáo. Chúng ta muốn bồi dưỡng một lớp người tu hành chân chánh, muốn giáo hóa một nhóm người có khả năng diễn giảng hay nhất. Ai thích diễn giảng thì có thể luyện tập trước, chờ đến khi có pháp hội sẽ đứng ra trước đại chúng công khai thuyết giảng. Chớ không nên quen theo thói, anh cũng không dám giảng, tôi cũng không dám nói, thậm chí cũng không muốn người khác ra nói, chỉ giỏi việc núp sau lưng người ta để nói chuyện thị phi. Đây chính là mắc lỗi lớn, thật quá sai lầm.

Khi chúng ta dùng Pháp cúng dường đại chúng, đó là bố thí Pháp! Bất cứ người nào nói pháp, tôi đều tùy hỷ khen ngợi. Tông chỉ của tôi là chỉ cần anh chịu nói, nói sai cũng không sao. Nếu nói sai có tội, vậy đó là tội của tôi. Đức Phật từ bi, các vị có lỗi mà biết sửa đổi, Ngài đều tha thứ hết, hướng chỉ không phải là các vị cố ý nói sai. Như tôi giảng kinh đây, tôi không sợ bị người ta phê bình, nếu tôi nói không đúng, vậy các vị hãy lên nói đi, đó là tông chỉ của tôi. Khi lên diễn giảng, mình coi như trước mắt không có ai cả, không thấy người nào hết, cũng không sợ thiên hạ cười, cũng không sợ ai nói gì, chỉ cần mình nói có Đạo Lý là được rồi. Có một số người đầu óc không rõ ràng, bảo rằng: “Đừng nói, rùi nói sai là có tội đó!” Dù có nói sai nhưng còn đỡ hơn là không nói, vì nếu không nói, rốt cuộc cũng không biết mình có sai hay không, cũng không ai biết luôn. Mọi người ở đây đều là cùng nhau nghiên cứu học Phật Pháp, giống như lúc nãy có người giảng sai thì có người biết được liền giúp người đó sửa đổi lại.

Các vị luyện tập giảng kinh tức phải có tâm cung kính đối với các bậc tiền bối, cho nên không được trực tiếp gọi tên Tổ Sư hay tiền bối, như khi nói đến Lục Tổ Đại Sư, các vị không nên gọi thẳng “Huệ Năng”, mà nhất định phải thêm vào hai tiếng “Đại Sư”. “Đại Sư” là một tôn xưng, một cách gọi cung kính, chúng ta không nên vừa học Phật Pháp lại vừa tạo tội nghiệp. Chúng ta là phàm phu mà kêu thẳng tên Tổ Sư, đó thật là điều bất kính nhất, là hành vi vô lễ nhất, cho thấy rằng mình chưa thật sự hiểu rõ Phật Pháp.

Bây giờ tôi giảng cho quý vị nghe, sau này quý vị hiểu rõ đạo lý kinh điển rồi, không nhất định phải y theo cách giảng của tôi nữa. Quý vị có thể giảng theo đạo lý mà tự mình đã liễu ngộ được. Chúng ta nói pháp tất phải nắm gọn điểm trọng yếu, một chữ cũng không dư, một chữ cũng không thiếu, không cần phải văn hoa bóng bẩy, cũng không nên dài dòng văn tự. Khi giảng nói không nên quá nhanh, cũng đừng quá chậm, không nói quá rộng, cũng không nói quá hẹp. Lúc giảng kinh mình nên nói sao cho mọi người đều hiểu, phải bình dân, khiến cho mọi người nghe đều hiểu thấu mới có lợi ích. Nếu quý vị giảng nói thâm sâu quá, khiến người nghe khó hiểu, vậy cũng chẳng được lợi ích gì nhiều.

(*Ghi chú 1*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Khi Tây Lạc Viên được xây xong, mỗi cuối tuần đều có pháp hội niệm Phật và Sư Phụ khai thị. Sư Phụ cũng muốn cho chúng tôi mỗi người thay phiên nhau nói pháp. Người lớn lên nói trước, kế đó tới phiên bọn trẻ chúng tôi. Thật ra, nói cái gì cũng không sao, thậm chí, lên nói tên của mình thôi, cũng được luôn. Sư Phụ đều nhớ rõ là tuần này tới phiên ai lên nói, rồi tuần sau sẽ đến phiên ai. Ngài không cho chúng tôi chuẩn bị trước, vì muốn chúng tôi cứ nghĩ sao nói vậy. Đó là cách Sư Phụ dạy chúng tôi nói pháp. Ngài bảo chúng tôi rằng: “Các con không nên lo sợ, khi lên đài, mình nghĩ gì thì nói đó, thế là đủ rồi!”

Lúc ấy, tôi không hề sợ lên đài diễn giảng, vì ở trường học tôi thường hay tham gia các cuộc thi biện luận nên đối diện với nhiều người còn hơn là ở Tây Lạc Viên, nhưng tôi lại không biết nên nói cái gì. Sư Phụ bảo tôi: “Đừng lo! Chỉ cần nói ra điều suy nghĩ của con, hay nói các sự việc trong đầu mình là đủ rồi!” Tôi không nhớ rõ lần đầu tiên tôi đã nói gì, nhưng mọi người đều cho là tôi nói không tệ lắm. Tôi nhớ có vị cư sĩ già 6, 70 tuổi không biết chữ, nhưng mỗi ngày bà đều tinh tâm niệm Phật. Sư Phụ cũng muốn bà lên thuyết pháp. Bà nói: “Sư Phụ từ bi, con không biết nên nói cái gì, con chỉ biết niệm Nam Mô A Di Đà Phật mà thôi!” Sư Phụ bảo: “Vậy là được rồi!”

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ thường muốn chúng tôi đi lên thuyết giảng, nhưng chúng

tôi lại không biết khi nào mới bị Sư Phụ điểm trúng tên mình, đó là cách huấn luyện của Ngài. Sư Phụ không những luyện

tập người trẻ tuổi nói pháp, Ngài cũng khuyến khích cư sĩ lớn tuổi nghiên cứu học Phật pháp. Sư Phụ thật hy vọng mọi người đều có thể nói pháp. Đã từng có một vị lão cư sĩ, mỗi tuần đều lên đọc y chang một bài kệ chỉ có bốn câu đó hoài. Nhưng Sư Phụ nói có sao đâu, chỉ cần chúng ta chịu há miệng ra nói là được rồi.

Nhớ có lần Sư Phụ khai thị:

“Sau khi nhìn thấu rồi, còn phải buông xả nữa.” Tiết Quả Phụng lập lại điểm quan trọng trong lời khai thị của Sư Phụ. Quả Sanh giảng giải “Tam Vô Lậu Học: Giới, Định, Huệ”. Cũng như Diệp Quả Khánh và Xà Quả Mãn tuổi trên năm mươi, họ nói pháp với đầy lòng tin tưởng đối với Sư Phụ. Tiếp đến là Diệp Quả Khánh nói về bài “Hám Sơn Đại Sư Phí Nhàn Ca rằng: “Tu hành thì dễ, gặp minh sư khó; không gặp minh sư, cứ mãi lông nhông.” Và Xà Quả Mãn nói: “Sư Phụ thường khuyên chúng ta niệm Phật, tôi chỉ có việc niệm Phật chứ không làm gì khác hơn, kể đến tâm địa chúng ta phải quang minh, tâm địa mà quang minh rồi, đi đến đâu cũng đều quang minh.”

Từ 36 đến 39 tuổi (1953 - 1956)

Chương Ba

Từ Hưng và An Tăng

46. Thiên Tự Từ Hưng

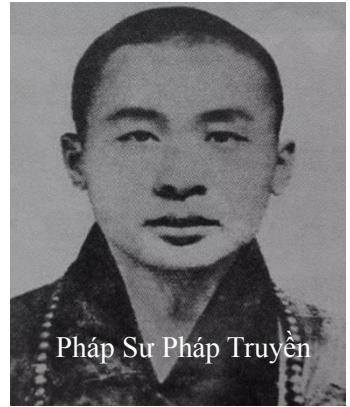
Sau khi thành lập Tây Lạc Viên xong, Hòa Thượng phát nguyện xây dựng thêm một đạo tràng lớn hơn hầu có thể dung nạp được nhiều tăng chúng đến dụng công tu đạo. Lúc bấy giờ, thời cuộc đang trong tình thế hỗn loạn nên có rất nhiều Tăng Ni từ nội địa Trung Quốc lưu lạc đến Hồng Kông, vì không có nơi an trú thích hợp nên đạo nghiệp cũng dễ bị bỏ phế...

Hòa Thượng quán xét điều đó và nhận thấy việc lập đạo tràng Phật Giáo tại Hồng Kông là vấn đề cấp bách không thể chần chờ. Phần vì chung quanh chùa Tây Lạc Viên quá ồn ào, chùa lại nhỏ hẹp nên không có dư chỗ cho Tăng chúng chạy nạn tạm trú. Tuy Ngài có thừa tâm quyết nhưng lại không đủ sức lực.

Cho đến mùa Thu năm Quý Tỵ (1953), sau khi cư sĩ Đông Quả Kỳ quy y với Hòa Thượng, ông liền phát tâm hiến tặng tòa biệt thự tường đá hai tầng tọa lạc nơi nửa phần đồi núi phía Tây Nam thác Vạn Trượng, Linh Hội Sơn, Đại Tự Sơn, Tân Giới để làm đạo tràng Phật Giáo. Cuối cùng rồi nhân duyên kiến lập đạo tràng cũng được thành tựu.

Thật là một sự trùng hợp ngẫu nhiên vì sát bên phải của tòa biệt thự này là ngôi thiền viện Quốc Thanh đã bị bỏ hoang, vốn trước kia do pháp sư Pháp Truyền sáng lập vào năm 1930. Trong lúc lửa đạn của cuộc chiến Thái Bình Dương lan tràn tới đảo Đại Tự, thiền viện Quốc Thanh bị quân đội Nhật Bản bắn phá, khiến cho vị trụ trì là pháp sư Pháp Truyền bị tử nạn. Từ đó tăng chúng phân tán mọi nơi, chùa chỉ còn sót lại đồng gạch vụn chôn vùi dưới bức tường đổ nát.

(Ghi chú): Vào ngày 7 tháng 12 năm 1941, Nhật Bản phát động chiến tranh Thái Bình Dương; ngày 8 tháng 12 tấn công sân bay Kai Tak, Hồng Kông; ngày 25 tháng 12 đánh chiếm Hồng Kông. Đại đội Cửu Long (Kowloon), Hồng Kông vẫn tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh du kích với quân Nhật. Tháng 6 năm 1942, theo chiến dịch qua đường đảo, quân Mỹ đánh bại quân Nhật, giành lại quyền kiểm soát vùng hàng hải và hàng không Thái Bình Dương. Đương thời, khối Đồng Minh đưa ra kế hoạch đổ bộ lên các khu ven biển của Trung Hoa để tiêu diệt lực lượng nòng cốt của quân Nhật. Đảo Đại Tự ở địa thế cao là nơi thành lập bãi trận địa tốt nhất. Do vậy khối Đồng Minh nhanh chóng tổ chức thành đội du kích ở đảo Đại Tự, mở ra một chiến trường tại đó. Thiên viện Quốc Thanh là một trong những vùng căn cứ tác chiến của đội du kích Cửu Long, Hồng Kông. Quân đội Nhật đã giết rất nhiều người trên chiến trường Đại Tự Sơn.)



Thiên viện Quốc Thanh do nhiều năm không được tu sửa nên cỏ hoang mọc đầy, trước mắt là cả một đồng ngói gạch bể nát điêu tàn, cửa nẻo chẳng có, mái nhà trống không, đến bốn tường vách cũng đều sụp đổ không chống đỡ nổi. Với cảnh trạng hoang tàn thể lương này khiến cho không ai muốn nhìn. Hòa Thượng đối trước cảnh tượng tan nát như vậy đã không ngăn được lòng đau xót bị ai, nên than thầm: “Đây đã từng là nơi đệ tử Phật Thích Ca tu hành, sao lại bị bỏ phế qua thời gian lâu dài như thế này ư?” Sau đó qua sự đồng ý của các nhân sĩ có liên quan với thiên viện Quốc Thanh là bàn giao thiên viện bị bỏ phế ấy cho Hòa Thượng xử lý.

Thật ra thác Vạn Trượng cũng gọi là Vạn Trượng Bồ ở Linh Hội Sơn. Đó là vùng thâm sơn, chim muôn ca hát, núi non chập chùng, khí thể hùng tráng. Nhưng vì đường núi gập ghềnh, hang hốc hiểm trở rất khó đi, cho nên vắng bóng người qua lại. Nếu cảnh vật thiên nhiên ẩn tàng không bày lộ ra, tức



sẽ không đến nỗi bị con người phá hoại. Thiền viện Quốc Thanh thật đúng là nơi hội tụ núi đồi với nhiều tảng đá kỳ lạ gồ ghề được che lấp trong khu rừng xanh vắng vẻ. Hòa Thượng rất vui mừng khi nhận

được vùng đất thánh, Ngài bèn duyên theo địa hình dốc núi, đặt kế hoạch kết hợp chỗ thiền viện với ngôi biệt thự thành một cơ sở, rồi tiến hành việc sửa sang và xây dựng lên một tùng lâm cho người xuất gia dụng công tu hành.

Tòa biệt thự của cư sĩ Đông tuy đã được thành lập sau cuộc chiến, nhưng vì bị bỏ phế khá lâu nên các cửa nẻo cũng đều hư hoại. Tuy vậy, so với thiền viện Quốc Thanh, tòa biệt thự ấy vẫn còn đứng vững hơn một chút vì nóc nhà chưa có thông với ông trời thôi! Tòa nhà tàn tạ thế đó cũng chẳng khác gì đồ phế thải. Vậy Hòa Thượng phải làm thế nào để tu sửa lại đây? Vì tiền của và sức lực có hạn nên Hòa Thượng quyết định tu sửa phần biệt thự trước để tạm dùng làm chánh điện, tức sau này là viện cánh tả của Thiền Tự Từ Hưng. Mùa Xuân năm Giáp Ngọ (1954), ngôi biệt thự và nhà khách đã được tu sửa hoàn tất, lấy tên là Đạo Tràng Linh Sơn Thiền Tự Từ Hưng. Thiền viện phân ra Đông Tây, Đông viện là di tích của Thiền Viện Quốc Thanh dùng làm nơi cho nam chúng tu hành. Tây viện là chỗ của tòa biệt thự, dùng làm nơi tu hành của phái nữ. Ngoại trừ chánh điện, viện cánh trái và nhà khách, Hòa Thượng lại tu sửa thêm ra trai đường, phòng tham quan, và một am thất. Vì lo việc xây dựng thiền tự Từ Hưng, Hòa Thượng ngày quên ăn, đêm quên ngủ, chạy đôn chạy đáo, vừa lo việc mướn thợ, mua vật liệu, vừa lo việc tạo tượng và luôn

cả lương thực nữa. Tất cả đều do chính công sức của Hòa Thượng quán xuyên.

Hòa Thượng đã làm bài kệ:

Màn đêm buông xuống núi Linh Hội, Bước ra bên ngoài
chùa Từ Hưng,

*Vàng trắng đơn độc rọi bàn tăng,
Đám sao vây quanh ngôi Bắc đẩu.
Thế sự nhân gian như mộng ảo,
Than ôi! Kẻ trí có mấy ai.
Chớ lay chuyển bởi bụi phù trần,
Rồi người sẽ sáu căn hợp nhất.*

Trong thời kỳ đầu, mọi việc đều khó khăn, Hòa Thượng mỗi lần ngồi tàu đến Đại Tự Sơn, Ngài đều vác lên núi nào là gạo, bột, dầu, muối nặng cũng khoảng 2, 30 ký lô; mãi đến khi sư cô Hằng Ích khai khẩn canh tác mới không phải đi mua gạo nữa. Lúc đầu trong chùa chỉ có sư cô Hằng Ích, bà Thang Quả Vân và một vị cư sĩ già là Quả Toàn thường trú thôi. Sau đó tiếp tục có người đến giúp, gồm ba người làm bếp, bốn người trồng trọt và hai người quét dọn.

Hòa Thượng kể: Tôi là ông Sư Phụ, nhưng cũng là công nhân khổ cực, tự mình khiêng vác vật liệu. Có người nói:

- Bộ Thầy thích làm việc lắm hả?

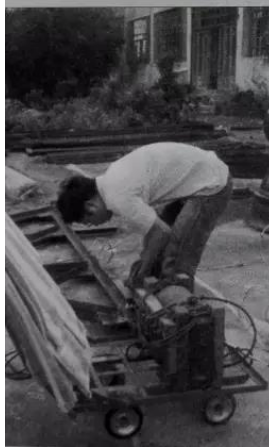
Không phải thế! Tôi cũng giống như quý vị thôi, có ai thích làm việc đâu; vì khi làm việc chúng ta đều cảm thấy rất mệt mỏi, nhưng vì xây dựng đạo tràng nên tôi không ngại cực khổ. Trong thời gian lo việc tu sửa Đại Tự Sơn tôi đã tiêu hao tâm thần khí lực, đến nỗi đầu tóc cũng bạc phơ luôn! Khi ấy không có đệ tử nào phụ giúp, nên tôi đành phải mượn nhân công thôi.

Từ Hồng Kông tôi vác gạo, dầu, muối đáp chuyến tàu 2 giờ trưa đến Tại O (Đại Áo) là 5 giờ chiều, rồi tiếp tục vác 2, 30 ký lương thực đó leo lên núi thêm 2 tiếng đồng hồ nữa. Vì trên núi có nhiều công nhân làm việc, nên tôi phải mang vác

thức ăn cho họ dùng. Đến khoảng 7 giờ tối, tôi mới lên tới núi. Rồi 3 giờ sáng ngày hôm sau, tôi lại mò xuống núi cho kịp giờ đến Tây Lạc Viên ở Hồng Kông để giảng Kinh. Tuy rằng có thể mượn người khiêng vác cho, nhưng phải tốn tiền, phần vì dù một đồng xu tôi cũng muốn giữ lại để mua vật liệu xây cất, tôi không muốn lãng phí các bạc nào hết! Cứ như thế, trong khoảng hơn hai năm rưỡi, tôi đã xây xong ba nơi chốn. Tại sao chỉ có hai năm rưỡi thôi mà có được thành tựu như thế? Bởi do tôi chịu làm việc cực khổ, không ngại khó khăn, tự mình lo làm lấy cả.

Tại Vân Môn Sơn, ở chùa Đại Giác có cối giã gạo dùng bằng sức nước, chỉ giã gạo đủ cho chùa dùng, dân làng quê ở gần đó cũng đến giã gạo. Ở Đại Tự Sơn cũng có cối giã gạo, tôi cũng có giã gạo qua nhưng không thường lắm, đôi khi giã được một, hai tiếng đồng hồ thì có người đến thay thế. Thời đó, Đại Tự Sơn rất nhiều cỏ hoang, cỏ mọc cao hơn cả đầu người. Tôi lại thấy có con rít dài 3, 4 tấc và ở Tây Lạc Viên tôi cũng đã thấy qua. Trước đó, tôi chưa từng gặp con rít nào dài và lớn đến thế.

Lúc bấy giờ, có nhiều ngói hư bể và gạch đá vụn bỏ phế chất đống ngay trên địa điểm dự định xây chánh điện. Nếu muốn xây chánh điện, trước tiên phải



Trùng tu lại Từ Hưng Tự, năm 1982. Công việc đều do tình nguyện viên làm



dọn sạch đống phế thải đó. Khi ấy, Quả Lợi (sư cô Hằng Ích) làm công quả chăm lo ruộng rẫy, coi sóc mọi việc ở đây. Tôi bảo cô dọn đống đá gạch ngói bể đó đi, bảo cô ta đến ba lần mà cũng chẳng thấy nhúc nhích gì, cho nên tôi phải tự mình ra tay. Chỗ đó không có xe đẩy, tôi phải dùng hai cái thùng tre rồi gánh trên vai tới lui đi đổ. Tôi thường phải vác gạo, vác

bột, vác dầu, nên ít khi làm việc trên núi, khi đám bọn của Quả Lợi trông thấy tôi làm thì quính quáng lên, rồi mọi người đều lẹ làng chạy đến cùng nhau thanh toán chỗ đó. Nếu bảo họ làm, thì năm ngày cũng chưa xong, còn có tôi hướng dẫn, các vị biết sao không? Chỉ trong nửa ngày, lập tức xong xuôi công việc.

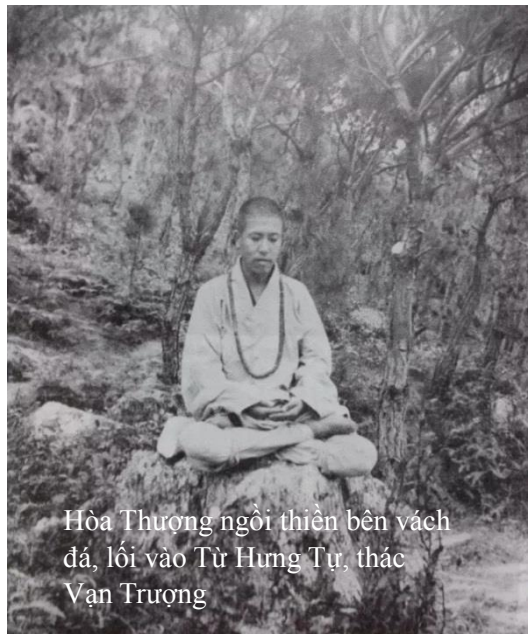
(*Ghi chú 1*) Sư cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 7 tháng 1 năm 2001: Lúc vừa tiếp nhận Từ Hưng Tự, tôi vẫn còn là cư sĩ tại gia nhưng đã ở trên núi, ban ngày tôi giúp việc trồng trọt, chiều tối về lễ Phật tu hành. Sư Phụ cứ hai, ba ngày mới trở về chùa một lần và đều về vào lúc rất khuya. Cuộc sống của Sư Phụ vào lúc đầu ở Đại Tự Sơn vô cùng gian khổ, như ở đó không có lò bếp nấu mà phải kê gạch làm lò nấu cơm và cũng không có giường để ngủ nghỉ. Có thể biết được sự khó nhọc ở đó là hiển nhiên chưa từng thấy. Mỗi lần về chùa Sư Phụ đều vác theo một số thực phẩm, bình thường chùa không có thức ăn gì ngon, đều là ăn cháo, nếu ngày nào có rong biển thì coi như là được một bữa ăn ngon đấy.

Một ngày nọ, khi trời sắp tối, tôi cùng Quả Vân vẫn còn làm việc ở trên đồng. Xa xa chúng tôi trông thấy có một dáng người, khi đi đến gần, ồ thì ra là Sư Phụ! Sư Phụ vác một bao xi măng lớn mà vừa đi vừa lạy, ba bước một lạy. Mỗi ngày Sư Phụ làm rất nhiều công khóa, và khoảng 3 giờ khuya thì xuống núi. (Cư sĩ Đàm Quả Chánh nói, hầu như Sư Phụ mỗi tối đều không ngủ, mà ngồi thiền dụng công và không ai biết được cách thức tu hành của Ngài).

(*Ghi chú 2*) Sư cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 25 tháng 9 năm 2000: Chùa Tây Lạc Viên được xây cất trước chùa Từ Hưng. Sau khi khai quang chùa Tây Lạc Viên, vào ngày lễ đàn sanh Quán Âm có một ông tới nói là ông muốn cúng một khoảnh đất cho Sư Phụ, tức Từ Hưng Tự như ngày nay. Trong thời kỳ loạn lạc, ngay tiền thân của Từ Hưng Tự, là Quốc Thanh Tự mà người Nhật đã giết chết rất nhiều người ở đó, cho nên đang lúc trùng tu Từ Hưng Tự, có rất nhiều hài cốt đã bị đào quật lên.

Tôi nhớ vào năm Sư Phụ muốn kiến tạo Từ Hưng Tự, tôi thưa với Sư Phụ rằng: “Sư Phụ, chúng ta phải cất nhà ở đây sao, nơi này cao như vậy lại không nước, không cát, không đá, thì làm sao xây dựng nhà cửa chớ?” Dù thế, Sư Phụ vẫn muốn cất chùa ở đây, chúng tôi chỉ có nước là tự đi móc bùn đào đá và khiêng xi măng. Lúc bấy giờ, một bao xi măng trị giá 25 xu một bao, nếu muốn thợ khiêng thì đắt tới 60 xu một bao lận, thành ra để tiết kiệm tiền nên tự mình phải đi khiêng thôi! Trải qua khoảng gần 3 năm thì trùng tu được hai chỗ, trước là Tây Phương Tam Thánh, sau khi khai quang Tây Phương Tam Thánh xong thì xây dựng Đại Hùng Bảo Điện. Lúc đó, chúng tôi dùng những tảng đá lớn để xây Đại Hùng Bảo Điện và chỗ nào không đủ bê tông bèn đổ bằng phân ngựa bùn. Thời gian đầu, còn chưa có người cúng dường, nên chỉ có nước tự canh điền. Mới bắt đầu chỉ có tôi và một bà già. Sau đó có thêm 9 người tới phụ giúp, gồm ba người làm bếp, bốn người làm ruộng và hai người dọn dẹp.

Sau khi Từ Hưng Tự được xây cất xong, mỗi năm đều có khóa đá thiên thất, ít nhất là 10 thất, còn nhiều nhất là 20 thiên thất. Vào năm đảng Cộng Sản giải phóng Đại Lục đã có nhiều tu sĩ rời khỏi Trung Quốc và trú ngụ tại Từ Hưng Tự. Năm đó Sư Phụ mỗi ngày 4 giờ sáng ra khỏi chùa (Hồng Kông), ngồi tàu đến Đại Tự Sơn, trên thân còn mang vác rất nhiều trái cây, rau cải, nước tương các thứ. Khi đến chùa Từ Hưng đã hơn 9 giờ trưa, những thứ Sư Phụ mang đi theo đều là để cho các Thầy trên núi dùng. Các vị nói Sư Phụ có cực khổ hay không chớ? Còn chúng tôi làm ruộng đến trời tối.



Hòa Thượng ngồi thiền bên vách đá, lối vào Từ Hưng Tự, thác Vạn Trường

Lúc đó cũng là nhân duyên thành thực để Sư Phụ đi Mỹ hoằng pháp. Thời gian đầu tôi trú ngụ tại Từ Hưng Tự và trồng trọt để sinh sống. Sau đó tôi đến ở tại Phật Giáo Giảng Đường, chỗ gần trường đua ngựa. Thấm thoát đã trải qua 10 mấy năm, Sư Phụ đi Mỹ cũng qua 10 mấy năm mới trở về Hồng Kông. Tôi gọi điện thoại cho Sư Phụ xin Ngài cho tôi quay về Từ Hưng Tự vì tôi không thể ở Hồng Kông được nữa, nếu không, chắc tôi chết mất. Sư Phụ đi khỏi 11 năm, tôi lại trở về núi ở.

(*Ghi chú 3*) Tỳ Kheo Hằng Hưng thuật lại vào ngày 25 tháng 9 năm 2000: Vì Từ Hưng Tự tọa lạc tại Bắc phần của Đại Tự Sơn, ở phía Nam hướng về Tây Bắc nhằm ngay chiều gió thổi, nên mỗi lần có giông bão rất tai hại. Bình thường không có gì thì tốt, còn gặp lúc bão tới thì thổi tạt lên cả mái hiên, làm hư hại hành lang và mái hiên. Thậm chí nóc nhà bếp cũng bị tốc lên, nhưng lại lắp về chỗ cũ, không bị tổn hoại, rồi sau nhiều lần đập và cũng tạm ổn. Bởi mái chùa là gạch ngói nên rất khó đập bể, nhưng khi vừa tu bổ xong lại bị đột tiếp nữa. Kết quả, nguyên cả tuần đều bị đột ướt, chúng tôi vừa ăn cơm vừa bị đột nước, bên ngoài trời mưa, bên trong cũng bị mưa luôn.

Tiền thân của Từ Hưng Tự là Quốc Thanh Tự. Chỗ Tây Phương Tam Thánh (biệt thự) là do vị cư sĩ họ Đồng cúng hiến cho Sư Phụ. Lúc xây cất điện Tây Phương Tam Thánh, Quốc Thanh Tự ở sát bên phải là một nơi hoàn toàn đổ nát. Sư Phụ thấy đây là chỗ tốt nên không muốn bỏ phí, bèn đề nghị việc trùng tu với các vị nhân sĩ quản lý đương thời có liên quan đến vùng địa phương đó, như lợi dụng nền móng của chùa Quốc Thanh mà xây dựng nên Từ Hưng Tự như ngày nay.

Hiện Từ Hưng Tự bao gồm hai bộ phận, đại khái có 6 tòa nhà nhưng diện tích đất không được rộng lắm.

Theo như sư cô Hằng Ích nói, lúc kiến tạo Từ Hưng Tự và Tây Phương Tam Thánh đều rất khó khăn. Khi ấy tường vách đều được dựng bằng những phiến đá lớn. Vậy những phiến đá ấy từ đâu đến? Nguyên là đào lấy từ trên núi, rồi phải

mướn thợ đập ra thành từng miếng hình chữ nhật. Lúc đó tiền công đập mỗi miếng là 25 xu, mỗi miếng nặng từ 30 đến 40 ký lô. Vì tự mình không biết đập đá nên phải mướn thợ đập, nhưng chỗ đập đá không phải ngay tại chỗ xây cất, vậy phải làm sao đây? Chỉ còn cách là tự người mình đi khiêng, dùng vai vác về thôi. Các vị thử tưởng tượng xem một phiến đá nặng 30 đến 40 ký lô mà vác hai miếng cũng hơn cả 50 ký, còn phải đi một đoạn đường thật dài, lại phải băng núi xuyên đồi, qua hai dãy núi hoặc hai hang hồ núi mới vác được về tới Từ Hưng Tự. Lúc bấy giờ, họ làm việc thật cực khổ gian nan, vì xi măng không phải mua ở dưới núi, không giống ngày nay mua từng xe, từng xe. Thế thì họ xây bằng cách nào? Họ phải đi đãi lấy cát ở hang núi, bờ lạch đê, giống như cách người ta đi sàng lọc đãi vàng vậy. Cho nên cát này rất quý giá, vì không có nó thì không sao cất nhà được.

Hơn nữa, ở đó lại không có xi măng, chỉ có bùn vàng. Xi măng rất đắt giá vì phải mướn người khuân vác lên núi. Bình thường tay không đi lên núi đã mất vài tiếng đồng hồ mà xi măng từ đó giờ đều phải khiêng lên núi. Mãi đến lúc tôi đến Từ Hưng Tự vẫn còn phải vác lên núi như thế. Tuy sau này Từ Hưng Tự có xe nhưng cũng phải đi bộ qua một con đường xấu. Nếu thuê mướn người vác lên, tốn tiền rất mắc, nên như tục ngữ nói: “Tớ gái còn tí mĩ hơn bà chủ.” Do vậy kiến tạo Từ Hưng Tự thật là gian khổ cho nên Sư Phụ rất lo âu.

Khi Sư Phụ giảng kinh Lăng Nghiêm có nói qua là lúc xây cất Từ Hưng Tự, Ngài lo lắng đến nổi bạc đầu. Sau đó Ngài buông xả thì tóc đen trở lại, cho nên khó tưởng tượng được những năm đó Sư Phụ hao tổn biết bao nhiêu là tâm huyết. Vì không biết công trình xây cất có được thuận lợi hoàn tất hay không, nên Sư Phụ phát nguyện đốt ngón tay cúng Phật, hy vọng công trình xây dựng trùng tu sớm được hoàn thành.

Lúc đó có rất nhiều pháp sư từ Đại Lục đến Hồng Kông không có chỗ trú ngụ nên có nhiều vị phải đi khất thực. Đương thời, trụ trì chùa Đông Phổ Đà là Lão Hòa Thượng Mậu

Phong, Ngài rất từ bi, ngay bốn tự còn không có đủ lương thực, nhưng thấy tăng chúng khổ cực như vậy, Ngài bèn mở rộng cửa chùa đón nhận các vị xuất gia đến Hồng Kông tỵ nạn. Đây chính là: “Có cháo ăn cháo, có cơm ăn cơm, có bữa nào thì ăn bữa nấy.” Vì vậy, tu sĩ Hồng Kông đều xưng gọi Lão Hòa Thượng Mậu Phong là Vua Từ Bi. Lúc đó Sư Phụ cũng đã từng ở trọ tại chùa Đông Phổ Đà.

Quay về chuyện Từ Hưng Tự. Lúc bấy giờ, Sư Phụ rất muốn xây dựng Từ Hưng Tự sớm một chút để cho người xuất gia có chỗ định cư. Vì vậy Sư Phụ phát nguyện đốt ngón tay cúng Phật, hy vọng công trình xây cất Từ Hưng Tự mau sớm thành tựu. Sư Phụ thỉnh một vị pháp sư chuẩn bị buộc ngón tay cho Ngài để đốt. Nào ngờ chúng đệ tử biết được, họ sợ cuồng quít lên. Vì công trình trung kiến cất chùa này lại thật cấp bách, cho nên họ thưa với Sư Phụ: “Sư Phụ! Nếu Ngài đốt tay sẽ tổn hại đến thân thể thì làm sao hoàn thành công trình cho được, như vậy sẽ kéo dài thời gian thêm thôi!”

Mọi người bèn quỳ xuống cầu xin Sư Phụ đừng đốt tay. Sư Phụ mềm lòng, đáp ứng thỉnh cầu của chúng đệ tử, hằng thuận chúng sanh không đốt tay nữa. Lúc đó Sư Phụ ngấn nước mắt, xin pháp sư tháo băng vải trên ngón tay, rồi Ngài viết hai chữ ‘đã chết!’ thật to trên trần nhà ngay nơi đầu giường.

Sau đó, vì muốn cho công trình xây cất Từ Hưng Tự sớm xong, Sư Phụ bèn nghĩ ra một cách khác, là sẽ lên tàu từ Aberdeen (Hong Kong Chai hay Hồng Kông Tử. Lúc bấy giờ chưa có phà Thiên Tinh hay cầu lớn Thanh Mã Đại Kiều), ngồi tàu đánh cá từ Aberdeen đến bến cảng Tai O, rồi từ bên này Ngài bắt đầu ba bước một lạy, lạy miết cho đến Từ Hưng Tự. Nếu đi bộ bình thường từ cảng Tai O đến Từ Hưng Tự cũng phải mất hai, ba tiếng đồng hồ, hà huống là tam bộ nhất bái! Kết quả cuối cùng Ngài được như nguyện, Từ Hưng Tự đã được hoàn thành.

Được biết từ sư cô Hằng Ích là Từ Hưng Tự lúc đó đều bị đó nát thê thảm, lại có rất nhiều hài cốt, vì đội du kích đã lấy

chùa Quốc Thanh làm căn cứ địa trong thời Đệ Nhị Đại Chiến. Do quân Nhật từ cảng Tai O đánh vào Quốc Thanh Tự, giao chiến với đội du kích, cho nên để lại rất nhiều hài cốt và trở thành di tích. Sau cuộc chiến, trải qua thời gian lâu dài như thế cũng chẳng ai quản lý, mãi cho đến khi trùng tu Từ Hưng Tự mới tháo dỡ. Nhớ lại vào khoảng năm 1982, 1983, vì Từ Hưng Tự lại cần phải trùng tu, nên tôi thấy trên tường Từ Hưng Tự còn có dấu vết súng đạn. Trong quá trình tu sửa chúng tôi đã lấp đất bùn vào những chỗ hũng vì pháo đạn đó.

Trong năm tu sửa chùa, Sư Phụ đã dùng rất nhiều thời giờ để siêu độ cho các vị trận vong tử nạn. Đồng thời, các cư sĩ cư trú tại Từ Hưng Tự cũng thường thấy ma. Từ Hưng Tự rất thường bị ma quỷ quấy rầy và chúng hay chế riễu các vị trong chùa. Chúng chọc giỡn ra sao? Có vị lúc nấu cơm (trước đó dùng dầu lửa hay than đá để nấu cơm) thường ngay lúc mỗi lửa thì bị nó thổi tắt, trong lúc bốn phía chung quanh không có ai, cho nên nấu một bữa cơm tốn rất nhiều thời giờ. Sư Phụ ở Từ Hưng Tự thường hay hướng về một phía mà trì chú, thông thường nếu thấy Sư Phụ không nói chuyện là biết Sư Phụ đang siêu độ cho họ.

Sư cô Hằng Ích cũng có nói qua, thời gian Sư Phụ ở tại Từ Hưng Tự không nhiều, mỗi tuần Ngài mới về một lần. Sư Phụ ở Tây Lạc Viên nhiều hơn. Sư Phụ trú tại Tây Lạc Viên hoặc Phật Giáo Giảng Đường, chỗ trường đua để giảng kinh, vì Giảng Đường thuộc về nơi tiếp dẫn chúng sanh, còn Từ Hưng Tự thuộc về chỗ tu hành. Cho nên, ai muốn tu hành thì trú ngụ tại Từ Hưng Tự, lúc bấy giờ có khoảng 20 vị ở đó.

Từ Phật Giáo Giảng Đường đến Aberdeen ngồi tàu đánh cá, khoảng 5 tiếng đồng hồ mới tới cảng Tại O. Đến bờ rồi còn phải đi bộ 2, 3 tiếng đồng hồ nữa mới tới được Từ Hưng Tự. Mỗi lần đi Sư Phụ còn mang vác thêm nhiều trái cây, rau cải, nước tương các thứ lên núi, về sau thì không cần đem gạo nữa, vì trên đó có trồng lúa.

Lúc đó, có vị thuyền gia nói với một cư sĩ rằng: Sư Phụ của ông rất đặc biệt. Có một lần ởng ngồi tàu, gặp lúc trời mưa

lớn, mọi người đều chạy vào trong tàu nấp mưa, chỉ có một mình Sư Phụ ngồi ở đầu thuyền chịu trận, lãnh mưa cho đến khi lên núi.

Có lần nọ, Sư Phụ xuống núi vào lúc 2 giờ khuya, có người muốn đưa cho Sư Phụ đèn pin để rọi đường, nhưng Sư Phụ không muốn. Trong số đó, có người nói: “Sư Phụ không muốn lấy đèn pin đâu vì ở tay chân Ngài đều có mắt đấy!” Lúc bấy giờ trời đổ mưa lớn, Sư Phụ đội mưa đến cảng Tại O, khi lên tàu, Ngài lại ngồi thiền dầm mưa một mạch luôn cho đến Hồng Kông. Về tới Tây Lạc Viên, vị thị giả đau lòng khôn xiết khi nhìn thấy Sư Phụ như thế, lúc đó cũng đã 7 giờ sáng rồi.

(*Ghi chú 4*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Mỗi lần đi Tây Lạc Viên, phần nhiều tôi đều thấy Sư Phụ ngồi kiết già. Có một hôm, phát hiện Sư Phụ có tướng đi khác lạ, tôi hỏi Ngài:

- Sư Phụ bị bệnh hả?

Sư Phụ nói, đâu có và Ngài cũng chẳng nói gì thêm. Rồi tôi đột nhiên phát hiện nơi đầu gối Sư Phụ bị chảy máu. Tôi hỏi: “Sư Phụ à, Sư Phụ sao vậy?” Sư Phụ nói: “Vì Sư Phụ không cẩn thận mới bị thương đó thôi!” Sau đó tôi hỏi lão thị giả Quả Bình, bà nói: “Cô không biết mỗi đêm Sư Phụ đều đi Đại Tự Sơn sao?” Tôi nói: “Biết chứ, nhưng sao thế?” Bà nói là Sư Phụ phát nguyện khi trùng tu xây chùa xong thì mỗi tối Sư Phụ đều tam bộ nhất bái từ chân núi lên đến đỉnh núi, vì đoạn đường đó đều là đá vụn nên dẫm vào đầu gối làm tổn thương. Sư Phụ ba bước một lạy trong khoảng thời gian lâu dài như vậy mà đến bây giờ chúng tôi mới biết được.

Có một lần kia, chúng tôi đi với Sư Phụ đến Từ Hưng Tự. Từ Hồng Kông ngồi thuyền phải mất 3 tiếng đồng hồ, rồi phải đi qua núi Cây Tùng (ở núi đó có rất nhiều cây tùng, nên chúng tôi đặt tên là núi Cây Tùng). Sau đó còn phải đi bộ thêm 2, 3 tiếng đồng hồ nữa trên con đường núi ngoằn ngoèo mới tới Từ Hưng Tự. Dọc đường phải đi ngang qua vực sâu thăm Vạn Trượng, và khi đứng trên đỉnh cao này nhìn xuống thì sâu

thăm thăm không thấy đáy. Mỗi khi đi xuyên qua nơi đó, chúng tôi phải xếp hàng một, bởi con đường rất nhỏ hẹp, chỉ vừa đủ chỗ cho một người đi qua. Nếu hai người đi cùng một lúc thì không thể được. Chúng tôi cầm đèn pin để soi đường đi, vậy mà vẫn đi thua Sư Phụ, Ngài chẳng có đèn đuốc gì hết. Tôi còn nhớ Sư Phụ đã đạt kỷ lục đi tới Từ Hưng Tự không đến hai tiếng đồng hồ.

Khi Sư Phụ quyết tâm trùng tu Thiên Tự Quốc Thanh, nhưng lúc đầu không có ai chịu đi vác gạch, vác cây. Đây không phải là vấn đề tiền bạc, mà vì họ thấy đó là một việc không thể nào thực hiện nổi, bởi lối đi nhỏ hẹp, lại phải dùng vai khuân vác vật liệu xây cất, rồi phải lội bộ thêm 3 tiếng đồng hồ trên đường núi, do đó không ai chịu làm.

Có một vị đệ tử là thợ kiến tạo. Ông nói, không có một công nhân nào chịu lên đó làm việc, phần vì ở trên núi không có thức ăn, và cuộc sống lại thật khô khan, khổ cực. Sư cô Hằng Ích lúc đó chưa xuất gia nhưng cô đã ở trên núi để giúp Sư Phụ chăm lo coi sóc chùa.

May thay có một lão cư sĩ họ Diệp (Quả Khánh) làm việc cho công ty xây cất, khi ông đến Đại Tự Sơn để thăm dò địa thế đã tìm ra được một lối đi khác. Vì phía sau núi Đại Tự là biển, nên những vật liệu kiến trúc nặng nề có thể vận chuyển bằng đường thủy. Rồi chỉ cần mướn người mang vật liệu lên núi thôi! Mỗi lần chúng tôi lên núi cũng tiện thể vác lên thêm một ít vật liệu. Số còn lại thì thuê dân làng giúp đỡ mang lên giùm. Những thứ này nếu so với xi măng, cột gỗ là đã nhẹ hơn nhiều lắm rồi. Đây là lịch sử xây dựng Từ Hưng Tự, đều do lòng chân thành và tâm kiên quyết của Sư Phụ, nên cuối cùng chùa cũng được trùng tu xong.

(*Ghi chú 5*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Ngày trước, con đường duy nhất từ Hồng Kông đến Từ Hưng Tự thì vất vả khó khăn hơn nhiều so với con đường đi phà ferry Mui Wo hiện nay. Lúc đó phải ngồi tàu từ Hồng Kông đến Tại O và mỗi ngày chỉ có hai chuyến đò, rồi lại lội bộ trèo lên núi Cây Tùng rất cao, phải đi ít nhất ba tiếng đồng hồ, xuyên qua

thác Vạn Trượng (Man Cheung Po) mới tới được Từ Hưng Tự. Cha tôi chỉ ngồi kiệu mướn (ngồi ghế do hai người dùng cây tre khiêng) đi lên núi thối.

(Ghi chú 6) Cư sĩ Bùi Quả Giám thuật lại, trích từ tạp chí Tâm Pháp: Sư Ông Hòa Thượng Độ Luân vì muốn phục hưng Từ Hưng Thiền Viện đã biết bao lần không ngủ, quên ăn, hứng gió, phơi sương, dầm mưa, dãi nắng để mang vác vật liệu xây cất chùa tạo tượng và thực phẩm lên núi. Mọi thứ Ngài đều phải tự ra công sức làm lấy.

Tuy tín chúng cũng phát tâm, nhưng nếu không có nguyện lực và lòng kiên quyết của Sư Ông, có lẽ chúng ta đã không có được Thiền Tự Từ Hưng, một đại đạo tràng có khí thế hùng tráng, quy mô và hùng vĩ như ngày hôm nay.

(Ghi chú 7) Cư sĩ Lưu Miển Trai thuật lại, trích từ tạp chí Tâm Pháp: Dây núi ở Đại Tư Sơn, Tân Giới với đồi núi nối liền chập chồng bên nhau đặc biệt cao ngất trong mây mù mông lung xanh biếc như bức tường bích thạch đứng sừng giữa hư không cao vòi vọi. Trên có dãy núi La Phù trải dọc theo năm đỉnh núi, dưới là sóng vỗ ào ạt chảy ra bốn biển, và trọn cảnh Cửu Long, Hồng Kông, Ma Cao và Quảng Đông được nhìn thấy trong tầm mắt. Sự kiến tạo với cả tư thế đầy đủ và trang nghiêm của một rừng thiên nhiên với dáng vóc sừng sững rậm rạp trong sương khói lan mờ. Nơi đó giống như có người quân tử đầy đức độ thủ đạo, không cầu danh tiếng, lia bỏ thế tục, sống độc cư; người không có huệ nhãn, không thấy được sự khác biệt này.

Khi đến đây tham viếng, Hòa Thượng Độ Luân vừa nhìn đã tán thán là nơi tràn đầy linh khí, rất tốt cho những Phật tử thành tâm tu hành. Do ngọn núi này đặc biệt hơn tất cả các ngọn núi khác trong dãy núi Đại Tự, nên Ngài đặt tên là Linh Hội Sơn, hiệu Trang Nghiêm Phong. Đương nhiên, vị đức độ ở đâu thì nơi đó trở nên thịnh vượng, vùng đất được linh thiêng chính nơi xuất hiện các bậc hiền tài. Linh Hội Sơn đây đã gặp được Hòa Thượng khai mở, phải chăng là một điều xảy ra mà không có duyên cớ hay sao?

(Ghi chú 8) Tỳ Kheo Ni Hằng Ích thuật lại vào ngày 25 tháng 9 năm 2000: Vào thời đại 1980, Từ Hưng Tự lại phải trùng tu. vì chùa có rất nhiều chỗ bị đổ nát, không thể tu sửa nữa rồi bèn gọi điện thưa cùng Sư Phụ:

- Sư Phụ ơi, thật phiền quá đi! Từ Hưng Tự lại cần phải trùng tu nữa rồi!

- Phiền phức cái gì? Buông xả nó đi!

- Làm sao để buông đây, Sư Phụ.

-Tôi ở Vạn Phật còn buông xả được, vậy tại sao cô không buông xả được chứ!

- Con buông xả thì sẽ ở đâu đây?

- Ở đâu cũng đều là đạo tràng hết!

Trong lần trùng tu Từ Hưng Tự đó, một ngày nọ tôi đang vác xi măng lên núi, gặp một vị Cư Khách Bình (Ghi chú: Trước năm 1997, người Hồng Kông gọi quân đội Anh đóng đô tại Hồng Kông là Cư Khách Bình). Lúc ấy, một bao xi măng giá 20 đồng, nếu mướn thợ khuân vác lên núi thì là 40 đồng một bao. Ông ta thấy tôi mang vác khổ sở, liền chạy đi nói với ông Đội Trưởng, rồi họ bỏ ra hai ngày để giúp chúng tôi vận chuyển 100 bao xi măng và cả trăm tấn cốt sắt lên Từ Hưng Tự. Họ thật là phát tâm từ bi.

Về sau có một vị ký giả hỏi tôi: “Ồ trên đó cao như thế, nếu bệnh hoạn thì làm sao!”

- Bệnh thì cứ bệnh thôi, cũng không có cách nào hết.

- Rủi chết rồi làm sao?

Chết thì xong chuyện, cũng không cần suy nghĩ chi cho nhiều. Có ăn thì ăn, không có thì cũng không có cách gì hết.

- Còn muốn lắp điện thoại thì sao?

- Điện thoại à, đắt lắm, làm sao có đủ tiền chứ! Phải tốn cả chục nghìn đồng lận.

- Sư cô không cần phải trả tiền.

- Chắc ông nói giỡn chơi quá!

Qua vài tháng sau, vị ký giả đó đi khắp nơi tìm tôi. Kết quả y tìm tới Phật Giáo Giảng Đường. Ông bèn hỏi tôi: “Tôi đã cho dựng lên hơn 80 cột trụ rồi, tại sao không thấy Sư cô tới đăng ký lắp điện thoại?”

- Tôi tưởng là ông nói chơi thôi!

- Sư cô không cần tốn nhiều tiền, chỉ cần trả 350 đồng cho tiền lắp điện thoại là được rồi!

Kể đó, tôi khai mở đường lộ, có nhiều người nói với tôi rằng: “Sư cô làm thế không hợp lệ đâu, chánh phủ sẽ tìm Sư cô cho coi.” Tôi nói: “Tôi không còn cách nào hơn, ở đây phải có đường cho xe chạy chớ.” Thế rồi sau đó có một số người cùng phát tâm tới giúp tôi khai mở đường lộ.

Từ Hưng Tự là nơi tu hành, giống như thầy Hằng Hưng vốn muốn tìm một đạo tràng thanh tịnh để tu nên tìm tới Từ Hưng Tự. Lúc mới đến, Thầy hỏi tôi có biết ở đâu có đạo tràng thanh tịnh để tu hành không? Tôi bảo Thầy, thì cứ tới Từ Hưng Tự tu hành đi.

(*Ghi chú 9*) Đại Tự Sơn: Căn cứ theo lúc xưa, nội cảnh của Đại Tự Sơn tính ra có ít nhất 3000 ngôi thiền viện, tu viện, và tinh xá lớn nhỏ. Những ngôi chùa này hầu như đều tập trung tại năm điểm danh lam thắng cảnh: Ngang Bình, Lộc Hồ, Khương Sơn, Địa Đường Tử (Tào Khê) và Linh Hội Sơn (Vạn Trượng Bộc). Vì vậy, năm chỗ này được gọi là Ngũ Đại Thiền Lâm của Đại Tự Sơn.

Tại sao Đại Tự Sơn lại có nhiều thiền lâm, tự viện thế? Nghe nói, địa thế của Đại Tự Sơn có hình dáng giống như con Voi lớn. Cách đó không xa là đảo Xích Liệp Giác (Chek Lap Kok Island) có dáng giống như cái vòi của con voi ngâm trong nước vừa nhô khỏi mặt nước. Cũng như thế, phía Bắc của Đại Tự Sơn là đảo Thanh Y (Tsing Yi Island) có hình dáng giống như con voi con và ở gần đảo Thanh Y là đảo Mã Loan trông

giống như cái vòi của voi con. Tình và cảnh này thật đúng là “voi lớn dẫn voi con” đi tản bộ trong biển cả. Bởi vì Đại Tự Sơn là một nơi “Thời đại xuất Thầy Tu,” cho nên các chùa chiền đều tập trung nơi đây vậy.

Dĩ nhiên đây chỉ là lời truyền miệng, chỉ để tán gẫu sau bữa ăn, uống trà mà thôi. Nhưng nói rõ ra, đó là năm đại thiên lâm của Đại Tự Sơn. Nếu bàn về danh khí, nổi tiếng nhất phải là Ngang Bình Cốc. Nói về lịch sử lâu dài có Khương Sơn xa xưa. Còn về địa vị đủ sức ảnh hưởng quốc tế thì phải là Linh Hội Sơn (Từ Hưng Tự). Luận về tu hành tinh cần khổ hạnh, phải đúng là Địa Đường Tử. Như bàn luận về hoàn cảnh ẩn tàng thâm sâu nhất, đó là Lộc Hồ.

Lại nói về một nghìn tự viện ở Đại Tự Sơn. Nổi tiếng vang lừng là thiên viện Bảo Liên. Có lịch sử lâu dài là tinh xá Lộc Hồ. Các thiên tự được quốc tế biết đến và có nhiều tiếng tăm nhất ngày nay, kế sau thiên tự Phổ Tế, là Từ Hưng Tự. (Bản văn trích từ Trần Vĩnh Khanh, Lê Dân Khanh soạn Đại Tự Sơn Thám Thắng Du).

(*Ghi chú 10*) Thác Vạn Trượng (Vạn Trượng Bộc, Man Cheung Po): Tại Đông Bắc, Yi O (Nhị Áo) do bởi ở núi cao trên nghìn thước chảy dốc xuống một dòng thác vãi (bô) rộng dài, cái thác vãi nước nghe ào ào này cũng gọi là Vạn Trượng Bô (vãi), hoặc là Vạn Trượng Bộc (thác). Thậm chí là thác suối nước tung bay trải dài nhất của dãy núi Đại Tự, cao trên 100 thước chồng chất lên nhau, trông thật quanh co liên tục không dứt, tạo thành nhiều đầm nước nhỏ.

Trên núi có ngôi chùa Từ Hưng, nguyên là Thiên Tự Quốc Thanh do Đại sư Pháp Truyền sáng lập vào năm Dân Quốc thứ 19 (1930). Sau chiến tranh, pháp sư Độ Luân đã trùng tu chùa. Chỗ thấp nhất có hố sâu, dẫn nước ra đến Tai O, Hồ Sơn.

Nguyên ở hố sâu có tượng một cặp vịt đá thiên nhiên như đang bơi lội trong nước. Nghe nói tượng đó đã bị người ngoại quốc lấy đi, nên rất tiếc là đến nay không còn nữa.

Bản văn trích từ “Đại Tự Sơn Chỉ” Bảo Liên Thiền Tự.

(*Ghi chú 11*) Tỳ Kheo Cận Nham thuật lại: Lúc Hòa Thượng ở Hồng Kông đã khắc phục biết bao gian khổ để trùng hưng Từ Hưng Tự. Từ Hưng Tự tại Đại Tự Sơn thật là nơi yên tĩnh tách biệt vô cùng. Chúng ta chú ý xem một chút sẽ phát hiện tại Đại Tự Sơn, Hồng Kông có rất nhiều chùa chiền, tinh xá và am thất. Đây khởi đầu từ Tăng chúng Đại Lục tỵ nạn chiến tranh di cư về phía Nam. Rốt cuộc không hay, không biết, họ đều vân tập về địa điểm Đại Tự Sơn này. Do vậy ở đó có trên cả 100 am thất. Các thất lớn, sau chuyển dần thành chùa nên cũng có khoảng 70 ngôi.

Đại khái đó là nguyên do các vị tu hành tụ tập nơi đây. Chúng ta vừa đi lên Đại Tự Sơn cảm thấy có khí chất khác lạ với phong cảnh lặng yên, cây cối um tùm, nước chảy trong suốt. Chỗ hồ nước xa kia như miếng ngọc xanh biếc, kề gần là thác Vạn Trượng nước chảy bay thẳng xuống. Qua đó, tựa hồ như là mình đang đứng trong cõi thần tiên vậy.

(*Ghi chú 12*) Phật Giáo Giảng Đường San Francisco truy điệu cư sĩ Đồng Quả Kì.

Nhân sĩ Phật Giáo Giảng Đường San Francisco, Mỹ Quốc truy điệu cư sĩ Đồng Trọng Vĩ. Ông là vị có tiếng tăm trong xã hội Hồng Kông, trong giới nghiệp ngân hàng to lớn, là Tổng Giám Đốc kiêm Tổng Quản Lý ngân hàng Đạo Hạnh, là vị thủ nhiệm hộ pháp đầu tiên ủy viên hội chủ tịch Từ Hưng Tự, Đại Tự Sơn. Ông cũng là vị thường niên hộ pháp Phật Giáo Giảng Đường, Hồng Kông. Vào năm Nhâm Thìn, cả gia đình ông đã quy y với Phật Giáo Hồng Kông, tôn túc Lão Pháp Sư thượng An hạ Từ (Hòa Thượng Tuyên Hóa), pháp danh ông là Quả Kì, cũng là vị đã quyên hiến ngôi tòa biệt thự hai tầng tự xây bằng bê tông cốt sắt tọa lạc tại Đại Tự Sơn cho Phật Giáo. Tước sĩ Đồng Trọng Vĩ không may đã qua đời vào ngày 12 tháng 2 năm 1968. Đại chúng Phật Giáo Giảng Đường San Francisco, nghe tin thương tiếc vô cùng. Từ ngày đó trở đi, chùa đặc biệt tổ chức lễ truy điệu ủy viên hội, cử hành pháp

hội 49 ngày, tuyên dương đức hạnh lão cư sĩ Đồng lúc sanh tiền, và tán thán công hạnh thiện lành của ông.

Vào Chủ Nhật ngày 19 tháng 3, lúc 12 giờ rưỡi trưa (tức mùng 9 tháng 2 âm lịch), nhằm ngày tuần thất thứ năm của ông, chùa sẽ cử hành pháp hội truy điệu.

47. Thần Rồng sống động

Mùa Thu năm 1953, thời gian đầu xây sửa lại Từ Hưng Tự đã xảy ra một chuyện li kì. Vốn là thường hay có một con rắn độc, đầu màu đỏ, thân màu xanh, xuất hiện rồi biến mất. Đại chúng ở đó thấy được, liền bắt chú rắn bỏ vào thùng thiếc lớn rồi đem phóng sanh ở một nơi rất xa nhiều dặm đường

Nhưng kỳ lạ thay, khi người đưa chú rắn đi chưa kịp trở về thì chú rắn độc đã bò về trước rồi. Nó lại còn xuất hiện ở nơi đông người, chỗ mà mọi người có thể nhìn thấy, cứ như ra điếu bộ: Sao, mấy người làm gì được tôi chứ? Người ta lại bắt nó đem đi, rồi nó lại quay trở về, và xảy ra nhiều lần như thế. Điều quái dị hơn nữa là có lần đem chú ta đi đến nơi thật xa để phóng sanh, nhưng khi vừa mở thùng ra thì phát hiện rắn độc này đã chuồn biến đâu mất rồi. Thế nhưng lúc lật úp và gõ nhẹ vào thùng thì đột nhiên thấy có nửa phần con rắn lọt ra ngoài. Đến chừng người mang thùng về thì nó lại biến ra nguyên hình dạng con rắn độc. Nó còn ngẩng đầu lên và thè lưỡi ra, rồi rắn ta bò quanh trước chánh điện.

Vì rắn thuộc về giống loại của rồng, nên chỉ có rồng mới thật sự khống chế được rắn độc. Hòa Thượng ngắm xem địa thế của thác Vạn Trượng, Linh Hội Sơn mà Từ Hưng Tự thuộc ở phần đầu của thác Vạn Trượng. Gần đó lại có suối rạch đầm thác lối liền nhau. Khí thế cầu vồng cao ngất trắng lệt, nhìn xa xa giống như tấm vải trắng ngần trải dài Vạn Trượng từ trên trời rơi xuống. Với cảnh thù thắng này, Hòa Thượng chọn Hàng Long Thạch tức ba khối đá núi cao chót vót, dựng đứng ở phía trái sau chùa Từ Hưng, rồi bảo cư sĩ Trần Quả Thăng, lợi dụng địa thế thiên nhiên tạc tạo một con rồng vàng trên đó.

Rồng này dài khoảng 4 mét nghển đầu, trợn mắt uyển chuyển ngồi nằm trên đỉnh phiến đá sậm rậm, lông vẩy lượn múa, vũ điệu móng vuốt bay lung lay, bảy màu lốm đốm rực rỡ và phát phối sinh động như thật. Sau khi đã tạc xong Kim Long, Hòa Thượng trì chú Lăng Nghiêm trong bảy ngày. Từ đó rắn độc không còn xuất hiện nữa. Đây cho thấy đức hạnh có thể nhiếp phục ma quái, quả thật không hư vọng.

Sau khi tạc xong Kim Long, phía sau chùa, trong một khe núi tuôn ra một nguồn nước suối. Dòng suối này chảy quanh năm không ngừng, dầu cho trời hạn hán, nước cũng không bị khô cạn. Hòa Thượng



bảo, đó là “nước miếng của rồng”, đã có nhà nghiên cứu thí nghiệm về chất lượng nước này, mới biết rằng dòng nước này thật thanh khiết không chút tạp chất. (Ghi chú: Rồng Vàng, Kim Long này đã trở thành một trong những thắng cảnh của Đại Tự Sơn).

Hòa Thượng kể: Anh thợ tạo rồng ở Đại Tự Sơn Hồng Kông cũng chính là người tạo tạc cho vườn hoa Hồ Văn Hồ. Tôi hy vọng người này có thể đến Mỹ, không biết anh ta có đến được hay không? Anh ta nói, nếu đến đây được, anh ta sẽ vui lòng tạc tạo tôn tượng Quán Thế Âm cao khoảng 36 thước ngay trên khu đất trống của chùa.



(*Ghi chú 1*) Cư sĩ Bùi Chứng Huệ thuật lại, trích từ tạp chí Tâm Pháp: Từ Hưng Tự ngày nay (1956), ngoại trừ chánh

điện, viện bên trái và nhà khách ra, chùa đã xây cất thêm trai đường, phòng tham quan và một am thất nhỏ. Bên phía trái có Hàng Long Thạch, bên tay mặt có Phục Hồ Khê, bày ra cốt cách mỗi nơi một vẻ đẹp thù thắng tinh kỳ. Hơn nữa, tường trắng cột đỏ của chùa được đặt bày bao quanh bởi các đồi núi. Thật có thể cho rằng không thua gì linh khí của trời đất và hơn cả tạo hóa của thiên cơ, cũng không kém thắng cảnh của Tứ Đại Danh Sơn hay Bát Đại Tiểu Sơn của Trung Quốc, tức so với đạo tràng của Lục Tổ ở Nam Hoa cũng không kém chi!

(*Ghi chú 2*) Cư sĩ Lưu Miển Trai thuật lại, trích từ tạp chí Tâm Pháp: Núi Trang Nghiêm phía trái kẹp đỉnh núi Thanh Long, đỉnh chông chắt Hàng Long Thạch, trên đó có tạo tạc Kim Long. Do Hòa Thượng ra lệnh cho thợ điêu khắc, tạc rồng vươn vẫy vuốt bay lượn, sống động như thật, tia chớp như đổi điệu, sấm sét đánh vang dội như quát thét, hầu uy nhiếp võng lượng yêu quái, thần trừ tà ma. Quả nhiên đã có “Long Phấn Tấn Tam Muội” vậy.

(*Ghi chú 3*) Tỳ Kheo Hằng Hưng thuật lại vào ngày 25 tháng 9 năm 2009: Tượng Rồng đá đỏ là do một vị cư sĩ tạc tạo. Tuy Từ Hưng Tự có địa điểm rất tốt là đất Phật, nhưng cũng có một khuyết điểm. Là khuyết điểm gì?

Theo phong thủy, nếu bên trái là thanh long Rồng xanh, thì bên phải là bạch hổ, Cọp trắng. Cọp trắng mà đứng chỗ cao hơn Rồng xanh, như vậy sẽ làm thương tổn cho người và vật. Nếu ở về phía đó, dễ bị tổn hại hoặc bị tai nạn, người ta khó an trú được. Cho nên Hòa Thượng muốn tạc một con rồng ngay trên đỉnh thanh long thạch đỏ. Như vậy, vị trí rồng xanh sẽ cao bằng cọp trắng. Tạc rồng xong, Sư Phụ bảo mọi người có thể an tâm ở lại đây. Cũng chính là nhân duyên này, nên mới có tượng rồng đá. Chúng ta cũng có thể ngồi thiền trên tảng đá phía dưới tượng rồng.

(*Ghi chú 4*) Cư sĩ Hoàng Khả Thái thuật lại: Tượng Rồng này được tạc trên sườn núi của Từ Hưng Tự, Đại Tự Sơn. Tạc Rồng xong thì ngay nơi miệng Rồng, chỗ hướng xuống phía dưới sườn núi liền xuất hiện một đầm nước, việc này thật

không phải là chuyện tầm thường. Do đây có thể biết được, các sự việc về Sư Phụ có Thiên Long hộ pháp là xác thực vậy.

(Ghi chú 5) Vào cuối tháng 7 năm 2006, có một vị học ngành mỹ thuật từ Đại Lục, nhân đọc được quyển Sự Tích Hòa Thượng Tuyên Hóa, nên anh đặc biệt đến Hồng Kông tham viếng Từ Hưng Tự. Đến nơi anh ta thấy đầu của Rồng bị hư hoại vì ở ngoài mưa nắng sương gió lâu năm, cho nên anh với 6 vị hiện có mặt ở đó cùng nhau phát tâm và 7 người họ đã góp công tu bổ, sơn sửa tượng qua 7 ngày trời mới xong.



48. Thần tính 100 bàn

Mùa Xuân năm Giáp Ngọ (1954), bên trái Từ Hưng Thiên Tự là biệt thự và nhà khách đã sửa cất xong, nên chuẩn bị vào ngày 16 tháng 3 âm lịch (tức ngày 14 tháng 4) là ngày dẫn sanh Bồ Tát Chuẩn Đề sẽ cử hành lễ Khai Quang Tây Phương Tam Thánh...

Từ ngày 13 tháng 3 trở đi, đại chúng liên tục bái lạy 3 ngày Đại Bi Sám và tối đêm ngày 15, ba vị đại sư bắt đầu cúng Diệm Khẩu. Khi đó đúng vào cuối



Xuân, đầu Hạ nên trời cứ mưa liên miên tầm tã, mặt đất giống như được trải lên một lớp lụa trắng. Ngoài đường, chỉ cần cách xa 10 bước là người ta đã thấy lờ mờ không rõ ràng. Liên tiếp

nhiều ngày mây đen kéo kín mít, dường như mưa mây hãy còn muốn rơi thêm một trận nữa. Đại chúng đều rất lo sợ bị mưa vào dịp đại lễ này. Ngờ đâu vào tối ngày 15 thì đột nhiên mây tan mưa tạnh. Ngay ngày lễ Khai Quang, trời không mưa cũng không nắng, lại thoáng có gió nhẹ khiến không khí trở nên mát mẻ, thoải mái dễ chịu vô cùng.

Ngày đó, từ sáng sớm đến trưa, người ta từ Đại Tự Sơn, Thanh Sơn, Thuyền Loan và cả đến Hồng Kông Cửu Long nối nhau đến tham dự pháp hội thật nhộn nhịp. Từng nhóm, từng nhóm đến gồm các giới thương gia địa phương, đoàn thể học đường, ngư nông, tiểu phu, lái buôn. Thiện tín trong các ngành nghề có khoảng 1000 khách đến tham dự buổi lễ Khai Quang. Vì thế 100 bàn tiệc đã được chuẩn bị đầy đủ và đã có người ngồi vào cả rồi.

Vào 10 giờ sáng là khóa lễ Phật, đến đúng 12 giờ thì cử hành lễ Khai Quang. Tại Chánh Điện đều thấy đầu người chen chúc đông nghẹt. Dân địa phương cho rằng, Từ Hưng Tự đã phá kỷ lục về số người đến tham dự pháp hội nhiều nhất trong vòng 10 năm qua trong bất cứ buổi lễ khánh thành nào ở đảo Đại Tự.

Hòa Thượng kể: Từ xưa đến nay, tôi không có duyên với người, nhưng vẫn còn có chút duyên với trời. Tại Hồng Kông khi khai quang Từ Hưng Tự, Đại Tự Sơn được chuẩn bị vào ngày 16 tháng 3 âm lịch, nhưng trong ngày 14, 15 tháng 3, trời mưa thật khủng khiếp, trời mưa dữ dội liên tục suốt mấy ngày. Chỗ này cũng rất ẩm ướt, người mặc quần áo đều bị ướt nhem như mặc đồ mới giặt. Trước một ngày khai quang, tôi chuẩn bị cho 100 bàn tiệc chay. Lương Quả Tiểu nói với tôi: “Thưa Sư Phụ, mấy ngày nay trời đổ mưa quá chùng, Sư Phụ chuẩn bị nhiều bàn như vậy, nếu không có người tới thì làm sao đây? Vì trời mưa nên không có ai đến, thức ăn sẽ bị thiu hôi, rồi sẽ bị dư thừa...” Cô ta nói xong, bị tôi giũa cho một trận. Tôi bảo: “Cô là người không biết chuyện gì hết! Hư thối cái gì, dù có hư thối đi nữa cũng không ai bảo cô ăn đâu! Cô lo hư thối hay không hư thối để làm cái gì? Tại sao cô phải nhiều chuyện đến

thế hả!” Tôi la rầy đến nỗi cô ta phải im re luôn. Đây đúng như câu: “Pháp không tự khởi, do cảnh mà ra.”

Có một đệ tử đến yêu cầu tôi tìm cách cho trời ngưng mưa! Tôi ngồi ở đó kêu mấy ông đệ tử Rồng: “Các đệ tử Rồng ơi, hãy mau mau ngừng mưa đi, Sư Phụ ở đây cần phải khai quang rồi. Các người mà mưa hoài như thế này, làm sao người ta đến dự lễ cho được chứ!” Rồi tôi ngồi thiền tiếp. Sau đó, họ nhìn ra ngoài, quả nhiên thấy đường khô ráo, không còn nước trên mặt đất nữa, thế là mưa đã tạnh hẳn. Đó là đêm 15, đến ngày mai là ngày 16, trời không nắng cũng không mưa, thành ra người ta có lên núi hay xuống núi gì cũng không bị đổ mồ hôi nhiều.

Từ Hồng Kông ngồi thuyền đến Đại Tự Sơn, người ta vốn phải lên thuyền vào lúc 6 giờ sáng. Vậy mà đến trưa Ngọ ngày đó, không biết đã có bao nhiêu người đến rồi. Chúng tôi bày ra 97 bàn, mỗi bàn ngồi được 12 người, đại khái có hơn 1000 khách dự. Sau khi kết thúc pháp hội, người ta kéo nhau ra về.

Kỳ lạ thay, khi họ vừa lên thuyền xong xuôi thì trời lại đổ mưa, rồi trời lại kéo mưa liên tiếp thêm vài ngày luôn. Phần 3 bàn tiệc còn dư lại thì dùng làm bữa cơm chiều cho 5,



60 người lưu lại trên núi. Vậy số thức ăn tôi dự tính đó đều được ăn hết sạch sẽ. Nói về việc này, thật là chuyện không thể nghĩ bàn.

(Ghi chú 1) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Vì đường sá xa xôi nên người tham dự pháp hội tại Đại Tự Sơn phải ngủ lại chùa. Hơn nữa, có nhiều người phải ngủ ngồi ở

chánh điện vì không đủ phòng xá và giường chiếu. Nhớ lại vào năm 1954, khi pháp hội khai quang viện cánh trái Từ Hưng Tự có rất nhiều huynh đệ ngủ lại chùa, và các cô trẻ ở chung một phòng. Sáng sớm có người đánh bản chạy đến phòng để đánh thức mấy cô. Không lâu có tiếng chuông từ chánh điện vang ngân bên tai. Có một cô trẻ tuổi nói: “Tôi dậy không nổi, các người đi tụng công phu khuya đi!” Rồi trùm trong chăn êm nệm ấm. Vì đã có người mở lời nên ai nấy cũng hùa theo, cũng muốn làm biếng một tí, thoải mái một chút, thế rồi không ai chịu thức dậy để chuẩn bị cho khóa công phu khuya.

Thình lình sư huynh thường trú Quả Bình hốt hải chạy xông vào phòng mấy cô la nhỏ rằng: “Các chị em ơi hãy mau thức dậy đi! Sư Phụ đang nổi giận đấy. Sư Phụ nói, ai mà không dậy tụng công phu khuya thì Sư Phụ sẽ đuổi xuống núi ngay! Sư Phụ còn bảo: “Đệ tử tốt chỉ cần một người cũng đủ rồi!” Thế là không đầy 10 phút, mọi người trong phòng đều có mặt tại chánh điện với y áo chỉnh tề. Từ đấy trở đi, tôi sợ bị Sư Phụ đuổi khỏi chùa, nên không dám bỏ khóa công phu khuya.

Khu dưới núi Từ Hưng Tự có một nơi để cắm trại, nên thường hay có người đến dạo chơi ngắm cảnh. Một đêm nọ, vào nửa đêm, có người cắm trại ở trong túp lều nghe có tiếng thổi Từ Và, nên sáng hôm sau, người đó lên núi tìm hỏi. Tại sao phải thổi tù và quá sớm như vậy?

Có người trả lời: “Đâu có ai thổi Từ Và, mà chúng tôi cũng chẳng có Từ Và gì hết.” Nghe nói đó là Sơn Thần thổi Từ Và để tụ họp các quyến thuộc họ đến tụng công phu khuya đấy.

(*Ghi chú 2*) Tỳ Kheo Hằng Định thuật lại: Lúc Sư Phụ mời pháp sư Húc Lãng cử hành lễ phóng Diệm Khẩu, thì nghe có tiếng nói chuyện của ma quỷ, có cả đàn ông, đàn bà, trai gái hỏi hỏi tới nơi để kịp giờ thọ thực.

(*Ghi chú 3*) Tỳ Kheo Hằng Hưng thuật lại vào ngày 26 tháng 9 năm 2000: Bên dưới, phía trước của Từ Hưng Tự có một chỗ cắm trại, nên thường có người tới cắm trại thường

ngoạn phong cảnh. Có một bữa tối nọ, các người cắm trại đó nghe có tiếng thổi Tù Và vào khoảng 3 giờ khuya. Qua ngày sau họ lên núi hỏi tại sao thổi Tù Và sớm quá thế? Thầy Quả Dật nói, chẳng có ai thổi Tù Và mà chúng tôi cũng chẳng có Tù Và gì hết. Nghe nói là các Thần Núi thổi Tù Và để tập họp quyến thuộc, thủ hạ tới để tham gia khóa lễ công phu khuya.

Sau khi Hòa Thượng viên tịch được hai năm (1996), chúng tôi cung thỉnh Xá lợi của Sư Phụ về Hồng Kông, trước là đền Phật Giáo Giảng Đường, rồi sau mới tới Từ Hưng Tự. Lúc chúng tôi đến chân núi của Từ Hưng Tự, tôi và thầy Hằng Tường với một vị cư sĩ nữa cùng lái xe lên núi. Chúng tôi lên núi cùng một lúc, nhưng ở Từ Hưng Tự có một vị lão cư sĩ ở trên dốc cao nhìn xuống thấy có rất nhiều người cầm cờ ngũ sắc lớn và khiêng kiệu tới nghinh tiếp Sư Phụ. Thì ra Sư Phụ đã về đến Từ Hưng Tự trước hơn chúng tôi. Vị cư sĩ ấy sau đó mới nói cho chúng tôi nghe rằng, có lẽ các vị đó là Sơn Thần đấy.

49. Thánh duyên Ất Mùi

Hòa Thượng tu sửa viện cánh phải của Từ Hưng Tự ở Đại Tự Sơn vào năm Ất Mùi (1955) và hoàn thành vào khoảng cuối năm. Rồi Ngài tiến hành tu sửa phía trong, đặt thêm tượng Phật và Phật cụ. Đại Tự Sơn ở chỗ yên tĩnh hẻo lánh, phải vượt núi qua đèo mới tới nơi, phong cảnh thật tuyệt vời, quyết chắc là thắng địa tu hành...

Chùa Quốc Thanh tuy bị quân Nhật chiếm đóng và bị tàn phá thê thảm, nay đã được phục hưng, nên cũng được coi như là một Thánh duyên. Do đây, Hòa Thượng làm bài kệ tụng vào mùa Xuân năm Ất Mùi:

*Mừng đón kếp tới năm Ất Mùi.
Nghìn kiết tường đến, vạn chúng vui.
Chuông trống ngân vang, thông tâm địa,
Diều bay cá nhảy thấy tánh Thiên.
Bom đạn nguyên tử thêm tai họa,
Thuyền biên, xe pháp cứu nữ nam.*

*Thành trụ hoại không, chẳng chi lạ,
Từ bi hỷ xả có Thánh Duyên.*

50. Bảo điện trùng quang

Mùa Hè năm Bính Thân (1956) là lễ Khai Quang viện cánh hữu đại hùng bảo điện Từ Hưng Thiền Tự. Ngày 19 tháng 6 âm lịch (ngày 26 tháng 7) nhằm ngày Bồ Tát Quán Âm Thành Đạo, chùa cử hành lễ Khai Quang Bảo Điện cùng ba tượng kim thân Như Lai...

Sau khi viện cánh tả chánh điện Tây Phương Tam Thánh Khai Quang viên mãn, ngay tại Linh Sơn Hội non nước hữu tình này, Hòa Thượng lại nỗ lực gian khổ thêm hai năm nữa.

Ngài đã tự ra họa đồ xây cất, lựa chọn vật liệu gỗ đá, liên tiếp không ngừng để hoàn thành việc tu sửa viện cánh hữu (chỗ nền móng của Quốc Thanh Thiền Viện để lại). Tầng dưới là Đại Hùng Bảo Điện và nhà Tổ, tầng hai là lầu Kinh Tạng và phòng xá cùng từng bước sửa sang thêm một số thiết bị khác. Đại Hùng Bảo Điện tuy không hùng vĩ quy mô nhưng hiển hiện khí phách đặc biệt, nhất là kim thân tượng Phật trang nghiêm, âm thanh chuông trống diệu màu, trụ cột cao vợi lạ kỳ. Đây đều do đức hạnh đầy đủ của Hòa Thượng hiển bày sự trang nghiêm.

Hôm đó, ánh sáng Phật Giáo thêm huy hoàng, ngôi chùa cổ lại tỏa sáng thêm một lần nữa vào ngày Bồ Tát

Quán Âm Thành Đạo, cũng là ngày Đại Tự Sơn đại thiện lành. Chung quanh khu vực phường làng ngõ xóm, xa đến khu Cửu Long, Hồng Kông chùa chiền, các bậc trưởng lão, vô số đàn



Hình ảnh chụp sau lễ Khai Quang

việt tín chúng, thậm chí đại diện cơ quan cảnh sát từ Tai O, nghe tin mà đến. Họ biểu tặng thư pháp, biếu thư pháp lồng kính chúc mừng rồi cùng tham gia nghi lễ khai quang kim thân Tam Thánh Như Lai. Hòa Thượng mời các vị trưởng lão trụ trì, trai chủ làm Lễ Sái Tịnh, Nghi Thức Khai Quang và Lễ Phóng Sanh đều cùng chúc cho mưa gió thuận hòa, quốc thái dân an, ngũ cốc dồi dào, kiết tường như ý. Pháp sư Húc Lăng Phạm âm cao xướng, pháp sư pháp chủ dâng hương sái tịnh, cầm kính điếm nhân khai quang. Phật tử mười phương đều cùng chứng kiến cảnh Bảo Điện một lần nữa tỏa chiếu ánh quang minh sáng ngời.

(*Ghi chú 1*) Sư cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 25 tháng 9 năm 2000: Sau khi khai quang Từ Hưng Tự, Đại Tự Sơn là bắt đầu các khóa Quán Âm Thất, Di Đà Thất. Mỗi lần đả thất đều có hơn 100 người, chiều tối có thời thuyết pháp đến 10 giờ. Thính chúng mỗi lần đến đều phải leo cả trăm bậc thang đá lên núi để nghe pháp. Lúc đó có khoảng 4, 50 vị đến nghe kinh.

Mỗi ngày Phật sự xong, tôi đều chạy tới lui coi sóc hai bên: Phật Giáo Giảng Đường, chỗ trường đua và Từ Hưng Tự. Mỗi ngày 4 giờ chiều là tôi lên núi, rồi ở đó cho đến 2 giờ khuya thì bắt đầu xuống núi, mỗi ngày đều như thế.

(*Ghi chú 2*) Từ Hưng Tự (trích từ Hương Giang Phạm Vũ)

Về phía Tây Nam Đại Tự Sơn, thác Vạn Trượng, Từ Hưng Tự là một ngôi chùa cổ. Chùa này kiến tạo vào năm 1930. Do đại sư Pháp Truyền tự dựng lên, tên xưa là Quốc Thanh Tự. Tiếc rằng vào thời Hồng Kông bị đánh chiếm loạn lạc và bị quân Nhật đốt cháy, Đại sư Pháp Truyền đã bị tử nạn. Đến mùa Thu năm 1953, vị cư sĩ nhiệt tâm với Phật Giáo là Đồng Quả Kỳ đã hiến tặng cho pháp sư Độ Luân một tòa biệt thự hai tầng do ông kiến tạo bên cánh trái của Quốc Thanh Tự, làm chỗ cung phụng Phật Đà.

Nhân cơ duyên này, pháp sư và các vị có liên quan với Quốc Thanh Tự đã mở cuộc hội nghị. Sau khi được sự đồng ý, thì chùa cổ và biệt thự được nhập lại cùng chung tu sửa, và tòa biệt



thự, cánh tả của Từ Hưng Tự được sửa sang trước tiên. Hôm nay nội viện thờ phụng Tam Bảo, hoàn hảo không thiếu sót. Sau đó pháp sư Độ Luân lại gây quỹ xây thành Đại Hùng Bảo Điện như ngày nay. Nguyên Lão Quốc Dân Đảng, Vu Hữu Nhậm (Yu Yu Jen) đặc biệt viết tám biển Đại Hùng Bảo Điện biếu tặng pháp sư Độ Luân.

Năm 1962, pháp sư Độ Luân đến Mỹ hoằng dương Phật Pháp và thành lập Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới. Trong thời gian pháp sư rời Hồng Kông, Ngài ủy thác pháp sư Pháp Tạng làm trụ trì Từ Hưng Tự, còn chỗ của nữ chúng thì do Thích Quả Lợi và Thích Quả Nhẫn (tức sư cô Hằng Ích và sư cô Hằng Khởi) trụ trì. Pháp sư Pháp Tạng là vị thừa kế của đại đức Lão Hòa Thượng Đàm Hư thuộc tông Thiên Thai. Pháp sư Pháp Tạng trùng tu tự viện hơn một năm, đã khai quang phòng xá, nhà khách và Đàm Lão đích thân viết tám biển “Tịnh Lạc Cư”, mãi đến nay vẫn còn. Tứ chúng trùng tu chánh điện xong mới bắt đầu lợp mái nhà kiếng đầy khí phách trang nghiêm.

Tại Hoa Kỳ, pháp sư Độ Luân thâm nạp không ít đệ tử xuất gia người Mỹ. Cuối năm 1972, ba vị đệ tử xuất gia người Mỹ của Ngài đã đến Từ Hưng Tự và tiến hành công việc phiên dịch Kinh Pháp Hoa ra tiếng Anh. Từ Hưng Tự cũng trở thành ngôi chùa đầu tiên ở Hồng Kông có Tăng chúng người ngoại quốc. Pháp sư Pháp Tạng rời Từ Hưng Tự vào năm 1974. Sau khi pháp sư Độ Luân viên tịch, hỏa táng xong đã lưu lại vô số xá lợi mà một phần xá lợi đó đặc biệt được phân phối trở về Từ Hưng Tự thờ phụng.

Hòa Thượng làm thơ khuyến khích thiền nhân Hằng Bách giúp đỡ phiên dịch Kinh Pháp Hoa ngày 22 tháng 5 năm 1972.

**Gieo duyên trước kia, quả nay thành,
Đòng thuyền cùng té độ chúng mê.
Sóng cuộn xung thiên, thuyền vẫn ổn,
Giông bão cuốn xoáy chẳng hãi kinh.
Trọng trách đi xa tuyên giáo hóa,
Trì giới chăm thiền thực hành luật,
Ngày phiên dịch Diệu Pháp viên mãn,
Đại hội Long Hoa xướng công lao.
*Trời sanh tánh thiện, duyên nhiễm chưa sâu,
Sớm gặp bạn lành, nhảy khỏi chốn mê.
Khinh tài trọng nghĩa, cương quyết ly trần,
Giữ giới không tiền, phá tâm tham sân.
Phụ dịch Pháp Hoa, nhuận sắc cầu chân,
Khoác áo tinh tấn, che chở chúng sanh.
Lên vị bất thoái, sớm gần Thế Tôn,
Cố gắng, cố gắng, chớ phụ lời tôi.*

Hòa Thượng làm thơ kỷ niệm, khuyến khích thiền nhân Hằng Tĩnh đến Đài Loan và Hồng Kông hoằng pháp vào ngày 12 tháng 12, năm 1971.

*Hư không chánh pháp ứng pháp hưng, vì giáo vinh quang
không từ nan,*

*Nguyên thừa Đông Tây không ngoại truyền. Sáu căn
chưa thoát phân Nam Bắc.*

*Tâm Phật, chúng sanh không sai khác, tính giác hàm linh
có cạn sâu.*

*Nhẫn nhục, tinh tấn, Bát Nhã độ, giới luật thiền định luôn
tinh cần.*

Hòa Thượng làm thơ khuyến khích Tỳ Kheo Hằng Thọ đáp lời mời đến Hồng Kông hoằng pháp vào ngày 3 tháng 11, năm 1972.

*Tu phước tu huệ, tu thiền quán,
Trông nhiều nhân lành, ít kết oán,
Từ bi Hằng truyền Thọ ba đời,*

*Giáo hóa quả nhiên trước sáu triều.
Tâm duy hiện Ta Bà, Cực Lạc,
Pháp giới gồm địa ngục, thiên đàng.
Vô niệm, vô sanh thường tự tại,
Ma Ni bảo châu vốn viên tròn.*

(*Ghi chú*) Khoảng núi phía sau Từ Hưng Tự có bày ra 3 tảng đá to. Có một cư sĩ tên Quả Thăng đã vận dụng địa thế thiên nhiên, tạc tạo một con rồng bay bằng bê tông cốt sắt trên đó. Rồng dài khoảng 4 mét, nhe răng nanh vung móng vuốt, hình dáng sống động, đầy màu sắc lốm đốm tươi sáng rực rỡ đã trở thành thắng cảnh của phía Tây Đại Tự Sơn. Tiếc rằng ngày nay đường núi đã bị cỏ hoang dây leo che lấp, nên chỉ có thể từ xa ngắm nhìn mà không thể tới gần để chiêm ngưỡng. Phía sau chùa có một nguồn suối từ khe núi, nước chảy quanh năm, dù trời hạn hán cũng không khô cạn, thật không thể nghĩ bàn. Pháp sư Độ Luân đã cho đó là nước miếng của Rồng, và nhà học gia thủy chất hóa nghiệm nước suối này đã phát giác là nguồn nước tinh khiết không chút tạp chất.

Từ Hưng Tự là ngôi chùa không mở cửa nhiều cho công chúng. Hiện tại chùa thuộc về Tăng, quản lý bởi thầy Hằng Hưng và các thầy khác được Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới phái đến. Chùa hiện vẫn bảo trì nội quy, ngày ăn một bữa.

51. Bát Tăng điều phục Rồng

Khi Từ Hưng Tự được sửa cất không lâu, thường hay xuất hiện một con rắn màu xanh, không lớn cũng không nhỏ. Vì không muốn nó gây kinh sợ, nhiều loạn đại chúng, nên người ta đem nó đi phóng sanh ở nơi thật xa, nhưng khi chuyển nó đi thì nó lại bò về. Ngày nọ, nó lại xuất hiện, mọi người chỉ thấy Hòa Thượng đặt bát xuống đất...

Từ Hưng Tự được khai quang không lâu, có một số nữ cư sĩ tiếp nối xuất gia. Hòa Thượng cho phép sư cô Hằng Ích và cư sĩ Thang Quả Vân canh tác trên miếng ruộng chùa, di sản phế bỏ của Thiền Viện Quốc Thanh hầu giảm nhẹ gánh nặng lương thực cho thường trụ. Họ làm việc mỗi ngày từ mặt trời

mọc cho đến mặt trời lặn mới ngừng nghỉ. Khi trở về chùa, họ còn phải niệm danh hiệu Phật 10 nghìn câu và tụng 49 biến chú Đại Bi. Ban đêm họ đi ngủ rất khuya và thức dậy vào lúc 3 giờ sáng.

Một ngày nọ, họ trở về chùa lúc chiều tối, đột nhiên thấy có một con rắn màu xanh đang bò trên khoảnh đất trống phía trước phòng ngủ của khu nữ chúng, mọi người thấy nó đều hú hồn hú vía. Không ngờ mấy ngày sau đó, nó lại xuất hiện lần nữa, sư cô Hằng Ích dùng bao vải bắt nó vào và đem nó đi phóng sanh ở vùng ngoại ô.

Không ngờ, khi trở về, sư cô vừa bước vào cửa chánh điện là đã thấy con rắn đó đang bò ở dưới đường. Lần này sư cô lại bắt nó, rồi bỏ nó vào một hộp sắt đậy nắp thật kín, rồi đem nó đi thật xa, nhưng khi đến nơi, sư cô gỡ nắp để thả nó ra thì con rắn đã mất tung tích không biết đi đâu nữa.

Rõ ràng nó đã ở trong thùng sắt kia mà, tại sao lại không có nó trong đó vậy? Thì ra con rắn này lại quay trở về chùa nữa rồi. Cứ thế một, hai, ba lần thả nó, nhưng con rắn vẫn không chịu đi, nên trong lòng ai cũng lo sợ, hồi hộp. Không còn cách nào nữa rồi, họ chỉ còn chờ đến khi Hòa Thượng về núi để thưa trình lại sự việc. Sau đó Hòa Thượng bảo: “Nếu nó còn trở lại đây phá đám mọi người nữa, các vị hãy bỏ nó vào bát của tôi, rồi đem đi phóng sanh ở Trà Quả Lĩnh (Cha Kwo Ling, Hồng Kông).”

Hôm ấy, Sư Phụ đang ở Từ Hưng Tự, con rắn lại xuất hiện, mọi người chỉ thấy Sư Phụ đặt cái bát xuống đất, tay kết ấn, và niệm vài biến chú ngữ. Chẳng bao lâu, con rắn bò vào nằm cuộn tròn ngoan ngoãn trong bát không nhúc nhích động đậy gì. Song sư cô Hằng Ích đặt bát đó vào bao vải, rồi cùng với một cư sĩ đem nó xuống núi thả ở một nơi rất xa, từ đó trở đi, không còn thấy bóng dáng nó nữa.

(*Ghi chú*) Rắn đến nghe pháp - Hòa Thượng Tuyên Hóa Khai Thị Quyển 2)

52. Quả Mãn quy y

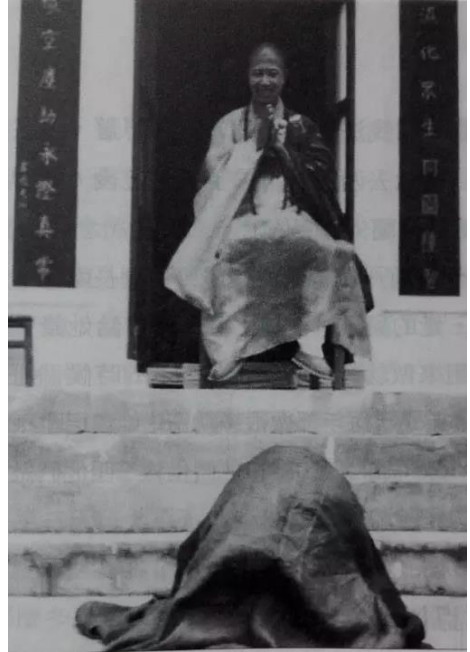
Vào năm 1956, khi cư sĩ Xà Quả Mãn bị trật xương tay, bác sĩ chỉnh xương cho toa phải dùng xương rắn làm thuốc trị liệu. Quả Mãn nói: “Tôi ăn chay, nên không thể dùng thuốc này được!” Cư sĩ Diêu Quả Bạch ở kế bên nghe vậy liền hỏi: “*Sư Phụ của bà là ai thế?*”...

“Tôi còn chưa quy y, nhưng đã từng gặp qua một vị pháp sư tu hành chân chánh ở động Quán Âm, núi Phù Dung. Hiện nay tôi không cách nào tìm được Ngài.” Xà Quả Mãn trả lời.

- Thầy đó là ai?

- Trên thân Thầy ấy có dấu đốt hương, chấm thành một xâu chuỗi niệm Phật và một chữ Vạn.

- A! Ông chính là Sư Phụ của tôi đó!



Xà Quả Mãn nghe xong hết sức vui mừng, tuy bà là người mập mạp, nhưng vẫn không ngại trèo lên hơn 300 bậc thang đá để mau tới Tây Lạc Viên bái kiến Hòa Thượng cầu xin quy y.

Hòa Thượng kể: Lúc tôi rời động Quán Âm ở núi Phù Dung, Xà Quả Mãn tìm tôi khắp nơi, gặp người nào bà ta cũng hỏi thăm. Có người biết tôi ở đâu, nhưng họ cũng không nói cho bà hay. Tại sao? Vì họ ganh tị với bà nên không nói cho bà biết chỗ tôi ở. Xà Quả Mãn tìm kiếm qua hai năm trời mới gặp được tôi, bà rất đổi vui mừng nói: “Con đi tìm thầy khắp nơi, trải qua hai năm vẫn chưa gặp, giờ thì đã tìm ra rồi!” Từ đó, bà đi Tây Lạc Viên được vài lần, rồi cùng con trai và con dâu là Tiết Bội Lan, tất cả đều quy y Tam Bảo.

Bà này có cái tốt đặc biệt, là ưu điểm gì? Bản thân bà ta không xài tiền, nhưng khi con trai con gái, các cháu cho bà tiền, bà đều lấy tiền đó làm công đức. Vì vậy, khi tôi ở Hồng Kông, bà là vị đệ tử rất phát tâm, mỗi năm đều làm rất nhiều công đức. Bà không cần ra tiền, nhưng hề coi cháu trai, cháu gái nào có tiền là bà hóa duyên bảo chúng làm. Đây là cách làm quá hay của bà ta.

53. Bọn Sâu dọn nhà

Chùa Tây Lạc Viên có một cây đào, trên cây đầy nghẹt sâu bọ và chúng bò leo tứ tung, nhiều không thể kể. Bà Xà Quả Mãn nói, chắc bà không dám đến chùa nữa rồi, bởi khi nhìn thấy sâu là bà bước đi không muốn nổi ...

Hòa Thượng kể: Sau khi quy y, ngày 19 tháng 6 Xà Quả Mãn đến Tây Lạc Viên thăm tôi. Bà nhìn thấy một cây đào ở Tây Lạc Viên có quá nhiều sâu bọ, trên mỗi một lá có chừng 3, 4 con đang bò ngo ngoe, khiến cho bà ta thất kinh hồn vía... Trong đời bà, bà sợ tu sĩ và cũng sợ sâu nữa. Vừa nhìn thấy sâu là tay chân bà bủn rủn, bước đi không nổi rồi. Bà ta thích niệm Phật. Tôi nói với bà rằng: “Bà đã tìm ra tôi rồi, vậy bà có thể tới chùa lạy Phật thường xuyên đó.” Bà nói: “Sur Phụ à, con rất vui khi đến đây lạy Phật, nhưng mà con sợ sâu quá đi. Mỗi lá trên cây đào của Sur Phụ đều có chừng 3, 4 con sâu đang bò, vậy là có cả nghìn nghìn vạn vạn con sâu rồi, làm con sợ chết điếng luôn! Con sợ nhất là cái thứ này, có nhiều sâu như thế, làm sao con dám đến chứ?” Khi đó tôi bảo bà: “Bà đừng có sợ! Ngày mai sẽ không còn sâu nữa đâu.” Ngày hôm sau, vì rất tin tưởng tôi nên bà lại tới chùa, quả nhiên bà không còn thấy một con sâu nào hết. Một thân cây cao to lớn bằng hai người nhập lại, có nghìn vạn sâu nhiều như vậy mà trong một ngày, bọn chúng đã dọn nhà đi mất tiêu, không biết chúng đã dọn tới nơi phương trời nào rồi. Từ đó lòng tin của bà càng sâu dày hơn.

Chắc các vị đều cho rằng: “Ồ! Tôi biết rồi, nhất định là Sur Phụ rải thuốc trừ sâu thôi, nên chúng mới chết hết chớ gì. Ha ha! Tôi cũng muốn dùng thuốc trừ sâu đấy, nhưng vì không

có tiền mua, nên tôi chỉ thối vài hơi ‘Phù! Phù! Phù’ là chúng nó bỏ chạy mất ráo mà chẳng biết bọn chúng dọn đi đâu. Nếu tôi không nói, các vị đều không biết, các vị xem có quá nhiều sâu thế kia, thật ra đó không phải là sâu mà đều là đệ tử Ròng quy y của tôi. Họ đến chùa để lạy Phật, nếu không thì tại sao tôi chỉ cần nói một câu: ‘Ngày mai đừng đến đây nữa nhé!’ Thế là bọn họ liền không có mặt nữa chớ? Những sâu bọ này cũng là Thiên Long Bát Bộ thị hiện để hiển lộ sự linh nghiệm. Do vậy mới biết được Thiên Long Bát Bộ lúc nào cũng có mặt, chẳng qua người ta nhìn thấy cũng chẳng hay biết, vì không ai nói ra thì nào ai biết được. Hôm nay tôi nói rõ ràng cho quý vị nghe, nếu không, quý vị chẳng biết trời trăng gì cả.

Lần nọ, có một vị đồng hương ở Đông Bắc đến thăm tôi. Ông cũng là đệ tử quy y của tôi ngày xưa, chúng tôi hết sức vui mừng khi gặp lại nhau nơi xứ lạ này. Lúc sắp ra về, tôi bảo ông về sau nên thường đến viếng thăm đạo tràng. Ông nói: “Sau này chắc tôi không dám đến nữa rồi. Sư Phụ xem coi, trước cửa chùa, sao cành lá của cây đào có nhiều sâu quá thế, thấy hết hồn luôn!” Tôi nói với ông: “Ròng rần lẩn lộn đấy! Nếu ông sợ chúng thì tôi sẽ bảo chúng nó đi thôi. Bảo đảm ngày mai, khi ông trở lại sẽ chẳng còn một con nào.” Kết quả là ngày sau đó, khi ông ta đến dự pháp hội thì đúng y, không còn thấy một con sâu nào hết. Thật ra, bọn sâu bọ đó chỉ thị hiện ra cái tướng như thế để cho quý vị nhìn xem vậy thôi!

54. Chú Chồn quy y

Không bao lâu sau, hễ nghe tiếng trống của khóa lễ bái sám là bà Xà Quả Mãn bị nhức đầu. Dù cho bất cứ ai đánh trống đi nữa, đầu bà đều nhức nhói như muốn nổ tung mà trong lòng lại thấy sợ sệt dữ dội, nhất là sợ gặp người lạ, bệnh của bà khiến bác sĩ cũng bó tay luôn...

Hòa Thượng kể: Bệnh của bà thật quái gở, chỉ là sợ, sợ cái gì chứ? Sợ người lạ và rất nhút nhát, bất cứ ở đâu, bà thường chạy vào xó kẹt ngồi để không ai nhìn thấy vì sợ người ta, sợ đến chết được! Tánh bà nóng nảy hay nổi cáu, lại sợ âm

thanh tiếng động, nhất là rất ngán sợ tôi và cũng không dám nhìn tôi.

Bệnh này của bà, bác sĩ trị một, hai tháng vẫn không hết. Một ngày nọ, bà nói với tôi: “Thưa Sư Phụ, con vốn rất tin tưởng Sư Phụ, nhưng bây giờ không hiểu sao con lại sợ Sư Phụ kinh khủng, cái bệnh này của con Đông y, Tây y gì cũng trị không hết, vậy là sao chứ?”

Bây giờ tôi kể cho quý vị nghe tại sao cái gì cũng khiến cho bà ta sợ hãi quá thế. Bởi vì bà bị một con chồn tác quái, mà con chồn này lại muốn quy y Tam Bảo. Ngay từ lúc đầu bà nói với tôi, nhưng tôi thấy nhân duyên chưa tới lúc, vì bà vốn phải mắc bệnh này tới 100 ngày. Khi ấy, chỉ mới có ba mươi mấy ngày thôi, nên tôi nói: “Bà chờ thêm một ít lâu nữa thì bệnh của bà từ từ sẽ hết ngay! Nếu bệnh của bà phải qua 100 ngày mới hết, mà bà bệnh đã đến 80 ngày rồi thì tôi có thể giúp bà lành được, vì chỉ xê xích 20 ngày, thì không sao. Còn đặng này thời gian bà bị bệnh chênh lệnh cả một nửa, nên không thể được.”

Chiều ngày 14 tháng 2 âm lịch, tôi thấy bà liền bảo: ‘Quả Mãn, hôm nay bà sẽ hết bệnh đó. Bà hãy tới bàn thờ Phật lay Phật đi, khi nào tôi bảo ngưng thì bà mới được ngừng!’ Rồi thì bà ta cứ lay, lay, lay... qua khoảng chừng nửa tiếng đồng hồ, sau khi con chồn này đã được quy y xong, tôi nói: “Bây giờ bà hết bệnh rồi đó, không có chuyện gì nữa đâu!” Thế đấy, chỉ một câu nói đó thôi là bà tức khắc không còn sợ sệt gì nữa và chẳng còn bệnh hoạn chi. Từ đó về sau, bà càng tin tưởng thâm sâu trọn vẹn và không hề nghi ngờ tôi.

(*Ghi chú 1*) Xà Quả Mãn tên là Xà Thiệu Thần, sanh năm 1906 tại Thượng Hải, Trung Hoa trong một gia đình Phật Giáo. Cha của bà suốt năm trường chay, những Quả Mãn đến 41 tuổi mới ăn chay. Bởi sanh ra trong một gia phong thuần hậu nhân thiện, nên Quả Mãn rất thích làm việc thiện giúp người. Bà cũng dạy bảo con cái phải ra công sức mới có thu hoạch. Vào những năm chiến tranh, thực phẩm có được đều theo quy định, tuy bị hạn chế nhưng Quả Mãn vẫn y nhiên

phân phát thực phẩm cho những người không được may mắn. Vào lúc đầu, khi Sư Phụ đến Hồng Kông, Quả Mãn đã gặp qua Sư Phụ tại núi Phù Dung và không ngừng cúng dường Hòa Thượng y, áo mới và thức ăn. Sau khi quy y, bà thường đến Tây Lạc Viên tham gia pháp hội cùng tu và nghe thuyết giảng Phật Pháp.

Gia đình Quả Mãn đều tin sâu Phật Pháp là đệ tử trung thành của Hòa Thượng và họ đã trải qua nhiều chuyện không thể nghĩ bàn. Sau khi Quả Mãn quy y được 6 năm, mỗi khi đến mừng 1 và rằm bà đều tuyệt thực chỉ uống nước lã. Có một lần, ngay ngày trai giới, bà lại định đến Tây Lạc Viên, con trai của bà là Quả Hưng khuyên bà đừng đi, vì lo ngại cho bà tuổi lớn lại không ăn uống gì thì làm sao có sức để lặn lội đường xa, leo lên núi cao cho được! Nghe lời con trai, Quả Mãn quay đầu trở về nhà. Nhà bà ở tầng lầu sáu, bởi không có thang máy nên bà phải đi bộ lên cầu thang. Hôm đó, khi bà vừa bước vào bên trong chung cư thì phát giác ra, mình đã không đi lên lầu thang, vậy mà sao đã tới tầng lầu sáu rồi? Bà cảm thấy thật kỳ lạ, bèn mau chạy xuống lầu và đi thẳng đến Tây Lạc Viên.

Có một lần, con dâu bà mắc bệnh lao thời kỳ thứ ba, hầu như không có thuốc gì để chữa trị. Con trai và con dâu bà tuy là tín đồ Thiên Chúa Giáo, nhưng cũng phải tìm mẹ để cầu xin Sư Phụ cứu giúp. Hòa Thượng bảo: “Tuy rằng cây bị mắc phải bệnh đày, nhưng nó vẫn có thể khai hoa.” Không lâu sau, con dâu bà được bình phục, sau đó cô còn sanh được ba đứa con nữa, do vậy họ cũng tin theo Phật Giáo luôn.

(Ghi chú 2) Từ nhật ký của Quả Chánh: Sư Phụ hy vọng mọi người không nói chuyện trong khi ăn cơm, nên luôn vào lúc dùng cơm trưa Ngài thường giảng pháp cho đại chúng nghe, có lúc do Văn Quả Mật hoặc Hoàng Quả Quân thay Sư Phụ giảng nói ra tâm ý của Ngài. Có lần nọ, Tiết Quả Phụng (con dâu của Xà Quả Mãn) nghe Sư Phụ nói pháp xong bèn nói với Sư Phụ rằng: “Con cảm thấy lời nói của Sư Phụ từng chữ, từng câu đều là Thánh ngôn, rất tiếc thỉnh chúng ngồi nghe chưa chắc đã có người nào là tri âm mà thấu hiểu

hết được.” Sư Phụ cười nói: “Con đã biết ý nghĩa này, vậy không phải con đã là tri âm rồi sao?”

55. Chuyện lạ trong Thiền Thất

Sau khi Từ Hưng Tự khai quang, mỗi lần pháp hội Quán Âm thất, Phật thất đều có thời thuyết giảng đến 10 giờ tối và có trên trăm người đến tham gia. Những người đến nghe pháp đều là cư sĩ 4, 50 tuổi trở lên và họ phải đi đường xá xa xôi mới đến được núi này...

Mỗi năm chùa Từ Hưng có ít nhất 10 thiền thất, nhiều nhất là 20 thiền thất và có rất nhiều pháp sư từ Đại Lục chạy nạn qua Hồng Kông cũng đến tham dự khóa thiền. Trong thời gian đả thất, Hòa Thượng rất nghiêm khắc, ngoại trừ việc dùng nhà vệ sinh ra thì không được rời khỏi thiền đường một bước.

Hòa Thượng kể: Tôi ở Hồng Kông có một đệ tử già quy y. Bà dụng công rất là đặc biệt. Đặc biệt ra làm sao? Mọi người tham câu thoại đầu “Ai là người niệm Phật?” Và bà ta cũng tham thoại đầu, vậy bà tham câu gì? Bà tham câu “84 tuổi, 84 tuổi”. Bà bảo là bà muốn sống đến 84 tuổi.

(Ghi chú 1) Sư cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 27 tháng 9 năm 2000: Có một vị chín mươi mấy tuổi đệ tử lâu năm của Sư Phụ, hiện vẫn còn sống. Đời này ông giàu có, ông tu hành kiêu là mãi ghi nhớ trong lòng, tâm trí không ra khỏi việc xây ngôi nhà lớn cho mình ở, khi bệnh hoạn thì muốn ăn tổ yến. Bởi ông thường sanh bệnh nên Sư Phụ muốn ông phát nguyện, nhưng ông ta không dám phát nguyện. Có một lần, Từ Hưng Tự có khóa thiền thất. Vào cây nhang thứ 3, cả đại chúng nam, nữ đều nghe có tiếng xiềng xích, cũng nghe có tiếng quỷ Vô Thường réo gọi tên ông (Lương Quế Tiên), tiếp theo là nghe tiếng ông la hét. Vì kiếp trước, có người không trả tiền ông, nên ông đã giết chết người đó. Sư Phụ muốn ông sám hối, phát nguyện hộ trì đạo tràng tức mới được vô sự.

(Ghi chú 2) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Tất cả Phật thất, lễ lớn hoặc pháp hội tụng niệm đều được cử hành tại Phật Giáo Giảng Đường, khi chưa có Phật Giáo Giảng Đường thì tổ chức

tại Tây Lạc Viên. Từ nào tới giờ, chúng tôi chưa từng cử hành thiền thất tại Tây Lạc Viên hay Phật Giáo Giảng Đường. Các khóa thiền thất đều được cử hành tại Từ Hưng Tự. Sư Phụ thường mời các vị thiền sư có danh tiếng đương thời mà tôi chỉ nhớ ra là thiền sư Minh Quán, Ngài trụ trì thiền thất tại đó cũng được mấy lần rồi. Khi vào khóa thiền, hành giả không được nói chuyện cũng không được đi xiêu vẹo lắc lư, ai ngồi thiền mà ngủ gục sẽ bị pháp sư đánh cây hương bản. Ngày nay các vị đến Từ Hưng Tự vẫn còn thấy có nhiều cây hương bản đã được sử dụng vào các khóa thiền thất lúc bấy giờ.

Thiền thất bắt đầu từ sáng sớm cho đến tối. Mỗi ngày Sư Phụ khai thị hai lần vào buổi chiều và buổi tối, thỉnh thoảng Sư Phụ bảo đệ tử lên nói chút ít. Sư Phụ bảo chúng tôi rằng, khi thiền đừng nhắm mắt hoàn toàn, mắt nên nhìn vào đầu mũi, mắt quán mũi, mũi quán tâm, như thế mới không bị ngủ gục. Sư Phụ còn nói phải tập trung tư tưởng vào một sự việc - tham thoại đầu, như tham câu: “Ai là người niệm Phật.”



Khóa
thiền 10
tuần, Từ
Hưng Tự
1956

Bởi vì đệ tử ở Hồng Kông đa số là người già, nội trợ và những người không có học thức nhiều, cho nên Sư Phụ nói, những người này, nếu họ không muốn theo đúng cách của thiền tông thì cứ ngồi niệm thầm Nam Mô A Di Đà Phật cũng được. Lần đầu gặp Sư Phụ, Ngài đã chỉ dạy cho tôi cách ngồi kiết già. Với người lớn tuổi, đừng nói là kiết già, ngồi bán già cũng đã thấy khó khăn lắm rồi, còn đối với bọn trẻ chúng tôi thì không thành vấn đề.

Tôi được tham dự khóa Thiền thất cuối năm vì nhằm ngay lúc tôi nghỉ học mùa Đông. Mỗi ngày chúng tôi thức dậy

3 giờ rưỡi, 4 giờ công phu khuya, sau đó là dùng điểm tâm cháo trắng với cải muối, kể lại mới bắt đầu vào thiền. Trong khóa Thiền đáng lý không dùng cơm chiều, nhưng Sư Phụ từ bi bảo nhà bếp chuẩn bị cho đệ tử tại gia bữa cơm chiều vậy.

Nhớ có lần Phật thất, mọi người niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” thì có bà La là một người rất giàu có, tuy không biết chữ nhưng bà thật siêng năng dụng công, nên mỗi lần có pháp hội bà đều đến tham dự. Lần Phật thất đó, tôi làm Duy Na dẫn khóa lễ, Quả Tùng gõ mõ. Khi nhiều Phật, Quả Tùng đột nhiên cười và hỏi tôi: “Bồ nghe có cái tiếng gì đặc biệt không?” Tôi nói: “Cái gì?” Cô nói: “Bồ nghe thử đi!” Tôi lần theo âm thanh của đại chúng để tìm dò, rồi cũng không nhận được, vì người ta thì niệm danh hiệu Phật, còn bà La lại niệm ‘84 tuổi, 84 tuổi, 84 tuổi, 84 tuổi...’ Sau pháp hội, tôi kể chuyện của bà La cho Sư Phụ nghe là bà niệm 84 tuổi không ngừng, có phải là bà chỉ sống đến 84 tuổi không? Sư Phụ cũng phì cười luôn.

(*Ghi chú 3*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Hôm nay (ngày 25 tháng 12 năm 1961) khoảng 3 giờ chiều tôi đi với mẹ tới Giảng Đường. Sư Phụ lặp lại lời dạy chúng tôi về câu chuyện niệm Án Ma Ni Bát Di Hồng và kể câu chuyện như thế này: Có một người không biết chữ Hồng cho nên niệm chữ Hồng đó thành ra chữ Ngưu (trâu). Nhưng vì người này rất dụng công, nên tuy y sống ở nơi núi cao khô cằn, vậy mà cây cối ở đó lại nở đầy bông hoa tươi thắm. Ngày nọ, có một Thầy tu đi ngang qua đỉnh núi, nhìn thấy cảnh tượng này cảm thấy kỳ lạ. Sau khi hỏi ra mới biết sự việc, thầy bèn dạy y đọc lại cho đúng âm. Nhưng kể từ ngày đó trở đi, y dụng công thế nào đi nữa, cũng chẳng linh nghiệm và bông hoa tươi đẹp cũng không còn nữa rồi.

Sư Phụ bảo, một niệm chí thành rất ư quan trọng, vì sau này khởi lòng nghi là mình đã niệm chú sai âm điệu, nên tâm ý đầy đầy tạp niệm, do đó không còn linh ứng nữa. Sư Phụ nói công án này vì Quả Tùng kể chuyện của bà cụ La, đem câu thoại đầu “Ai là người niệm Phật” mà niệm thành “84 tuổi.”

56. Chờ người đã lâu

Hòa Thượng dùng huệ nhãn quán sát nhân duyên của chúng sanh, từ bi dẫn dắt những lãng tử lầm mê, mau sớm giác tỉnh trở về nhà người cha lành Phật Đà. Một khi cơ duyên chín muồi, Hòa Thượng bèn dùng phương tiện thiện xảo để tiếp nạp họ...

Cư sĩ Đàm Tú Trân (Đàm Quả Dĩ) thuật lại tại Phật Giáo Giảng Đường vào ngày 12 tháng 1 năm 2001: Khi ấy tôi được 20 mấy tuổi (hiện nay 71 tuổi) cùng ở một tầng lầu với Quả Sấn. Tôi thấy cô có một bức ảnh của Sư Phụ, trên đó viết: “Nhân gian sanh Phật,” tôi liền hỏi cô ta: Tại sao pháp sư này nói “Nhân gian sanh Phật” vậy? Quả Sấn nói: “Cảm ứng ghê lắm, tôi dẫn cô đi lạy Phật nhé!” Khi đó con tôi còn nhỏ, Tây Lạc Viên thì quá cao, nếu dẫn con đi thật không tiện chút nào, cho nên tôi chỉ đi lạy Phật vào ngày rằm và mừng một mà thôi. Tôi thấy nơi đó chỉ có một mình Sư Phụ là người xuất gia, buổi tối Sư Phụ giảng kinh, còn vào dịp lễ pháp hội Quán Âm Thất và Di Đà Thất đều do cư sĩ dẫn chúng.

Vào năm 1954, tự nhiên trên thân của đứa con trai tôi nổi lên một mụn gì đó, tôi dẫn nó đi bác sĩ chụp X-quang cũng không biết là gì. Quả Sấn bảo tôi rằng: “Hay là chị hãy nhờ Sư Phụ giúp đi!” Tôi liền đến nơi Sư Phụ, quỳ xuống cầu xin Ngài giúp đỡ. Sư Phụ rằng:

- Tại sao cô quỳ ở đây?
- Trên thân con trai của con mọc ra một cái mụn nhọn, mỗi lần tắm cho nó, con đều bị đâm trúng tay.
- Tôi không biết chữa bệnh.
- Ngài biết mà, cả nhà Quả Sấn, họ đều nói là Ngài biết chữa bệnh mà.
- Cô tin tưởng tôi dữ vậy sao?
- Dạ, con rất tin tưởng Ngài.
- Tốt lắm! Vậy cô hãy quy y đi!

- Con không có tiền, làm sao mà quy y đây!
- Cần phải có tiền để quy y sao?
- Không tiền thì làm sao quy y chớ?
- Không cần tiền đâu, tôi đợi cô lâu rồi, mà cô mãi không quay đầu về!
- Con không có tiền, còn trẻ tuổi, lại không biết chuyện.
- Không cần hiểu biết gì đâu, chỉ nên biết trở về lay Phật là được rồi.

Quy y xong, pháp danh của tôi là Quả Dĩ. Sau đó, Sư Phụ bảo tôi bồng con đến để Ngài gia trì cho nó. Rồi trải qua không tới một tuần lễ sau là cái mụn trên thân nó đã hoàn toàn không còn nữa.

57. Bình đẳng quy y

Vì đọc được cuốn Sự Tích của Hòa Thượng mà Quả Lệ quy y với Ngài. Bà cũng muốn cầu xin Hòa Thượng trị bệnh cho chồng bà, rồi lại muốn cầu phước, cầu huệ cho con cái của bà. Bà dẫn các con ruột của mình đi quy y Hòa Thượng, trong khi mấy đứa con riêng của chồng thì không có cơ duyên thân cận Ngài...

Cư sĩ Quả Lệ thuật lại tại Phật Giáo Giảng Đường, Hồng Kông vào ngày 12 tháng 1 năm 2001: Tôi quy y Sư Phụ lúc 20 mấy tuổi, bây giờ đã 75 tuổi rồi. Tôi quy y tại chùa Tây Lạc Viên nhờ một ông thợ của tôi là đệ tử của Sư Phụ. Ông ấy đã cho tôi xem quyển Sự Tích của Sư Phụ. Khi đó chồng tôi bị bệnh, vì trong cuốn Sự Tích kể lại Sư Phụ đã cứu người thật và việc thật, nên tôi cũng muốn đi quy y để cầu Sư Phụ cứu giúp. Từ con đường Thái Tử, tôi vừa đi vừa hỏi đường, và đi rất xa mới tìm tới được Tây Lạc Viên.

Khi gặp được Sư Phụ, tôi nói tôi muốn cùng chồng quy y. Sư Phụ bảo: “Vậy cô đợi khi nào ông chồng cô muốn quy y thì hãy tính.” Vừa nghe vậy, tôi định đi về liền, nhưng có một cư sĩ giúp làm bếp bảo tôi: “Cô tự mình quy y trước đi, rồi dẫn

ông đến quy y sau vậy.” Thế là tôi quy y ngay ngày hôm ấy. Vì tôi ưa thích chung diện làm đẹp, nên có pháp danh là Quả Lệ. Quy y xong, Sư Phụ nói chuyện với tôi, tôi đều quý đó nghe, nhưng không hiểu Sư Phụ nói gì. Sau đó, do vì tôi ở rất xa, đường đi lại hẻo lánh, nên từ từ tôi cũng ít đến Tây Lạc Viên.

Năm 1956, chồng tôi không còn nữa, khi đó tôi còn quá trẻ, lại cưu mang cái đại gia đình phức tạp thế này, cho nên cũng ít đến Tây Lạc Viên. Mãi đến khi chuyện di sản được ổn định và vì muốn cầu cho con cái được phước huệ, nên tôi trở lại Phật Giáo Giảng Đường. Tôi tới đó giúp làm công quả và tham gia pháp hội tụng Kinh Địa Tạng.

Tôi vốn là vợ kế, hai đứa con ruột của tôi đã quy y Sư Phụ rồi, còn chồng tôi có 5 trai, 2 gái với vợ lớn mà tôi đã không dắt chúng nó đến quy y. Sư Phụ đã nói với tôi: “Cô nên dẫn tất cả con cái đều đến quy y mới phải, chớ nên chỉ lo cho con riêng của mình được quy y thôi. Tự mình đã không làm chủ mà cứ nghe theo lời thiên hạ đồn đãi này nọ ...” Nhớ đến lời dạy của Sư Phụ, trong tâm ray rức quá, tôi cảm thấy mình thật là ích kỷ, nên thường lạy Phật sám hối về việc này.

58. U Minh vui mừng

Sau lễ hội Vu Lan, Hòa Thượng đáp ứng lời yêu cầu, không nề lao nhọc cử hành pháp hội U Minh Giới. Chúng đệ tử xuất gia, tại gia đại diện lãnh thọ giới U Minh cho người thân hay bạn bè đã qua đời, thay thế họ gieo trồng xuống hạt giống Kim Cang Bảo Giới, cũng là một nghĩa cử đại hiếu, đại từ...

Ngày Rằm tháng 7 năm Giáp Ngọ (1954) cũng là ngày Phật Hoan Hỷ, Hòa Thượng cử hành 3 ngày lễ hội Vu Lan (ngày 13, 14, 15 tháng 7) tại Từ Hưng Tự, Đại Tự Sơn. Tăng chúng và thiện tín đều đến tham dự khá đông. Những người tham gia pháp hội không ai mà không muốn nương nhờ công đức này để giúp ích cho người thân của mình. Phần người sống được thiện căn tăng trưởng, tiêu trừ nghiệp chướng, còn

người quá cố được vãng sanh về chốn tốt lành. Khi đó, Thầy Hằng Việt và các cư sĩ Quả Căn, Quả Toàn trên 30 người thỉnh cầu, hy vọng Hòa Thượng sẽ truyền giới U Minh sau ngày lễ Vu Lan viên mãn. Những người này, có người vì cha mẹ, người vì anh chị em, người vì vợ chồng, người vì bạn bè quyến thuộc cầu giới U Minh mong giúp cho người thân của mình thoát khỏi nỗi khổ địa ngục, ngạ quỷ.

Hòa Thượng đáp ứng lời yêu cầu của họ, nên vào đêm rằm 15 lúc 9 giờ rưỡi tối, đàn truyền giới U Minh được sắp đặt ở nhà khách, tầng lầu dưới của chùa. Khoảng 10 giờ tối, khi thỉnh Thánh chúng xong, ngay sát na Hòa Thượng ngồi vào tòa, xung quanh giới đàn bỗng nhiên có nhiều tiếng người lao xao ồn ào. Thầy Hằng Việt cảm bài vị của cha, quỳ trước giới đàn, đột nhiên thấy phụ thân xuất hiện trước mặt mình.

Khi đó Đàm Quả Chánh và Văn Quả Thù vì phải xuống núi về Hồng Kông vào 4 giờ sáng ngày hôm sau, nên họ về phòng nghỉ sớm. Nhưng lúc vừa nằm xuống, họ bỗng nghe có tiếng



người huyền não tới lui tấp nập ở ngoài hành lang, hình như có nhiều người đi qua lại. Họ liền mở cửa ra xem thì chẳng thấy người nào, nhưng khi đóng cửa thì lại nghe tiếng bước chân đi lại náo động, khiến cho họ rợn người nổi cả da gà.

Thầy Hằng Định tịnh tu trong thất gần bên lễ đường, cách chánh điện khoảng vài trăm mét. Nếu ai muốn đi đường tắt xuống núi, nhất định phải đi ngang qua mặt tiền của căn thất này. Tối hôm đó, khoảng 10 giờ rưỡi, Thầy ở trong thất nghe có tiếng chân của nhiều người đi xuống núi, họ vừa đi vừa nói chuyện, đôi khi còn phát tiếng cười to, như hiển hiện cả một

cảnh ồn ào náo nhiệt. Sáng ngày hôm sau, thầy Hằng Định và 2 vị cư sĩ trên kể lại cảnh trạng họ trải nghiệm vừa qua, đại chúng không ngừng nói, thật là điều kỳ lạ.

(Ghi chú 1) Sư cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 26 tháng 9 năm 2000: Trước giờ Từ Hưng Tự đều là nơi có nhiều ma. Có lần nọ, Sư Phụ bảo tôi lập bài vị. Tôi nói: “Trong nhà con gần đây không có người chết, vậy con nên lập bài vị cho ai?” Thế rồi trong khoảng thời gian đó, tôi cứ vô cơ bị té hoài, đi đường cũng té, lên cầu thang cũng té. Sư Phụ nói có một con quỷ thân hình to lớn đang bám theo phía sau tôi. Nhưng tôi vẫn không nghĩ ra quỷ đó là ai. Sau 3 ngày Phật thất, nhờ sự gia trì của Sư Phụ, tôi mới biết được, đó là người anh cùng họ với tôi, anh đến Hồng Kông không bao lâu thì bị nhiễm bệnh mà qua đời. Sư Phụ cũng nói là chùa Từ Hưng có nhiều ma, nhưng hề thấy tôi là chúng nó hoảng sợ, bỏ chạy hết rồi.

(Ghi chú 2) Tỳ Kheo Hằng Hưng thuật lại vào ngày 26 tháng 9 năm 2000: Một lần nọ, Từ Hưng Tự có khóa Phật thất và truyền giới U Minh. Ba ngày sau cùng, sư cô Hằng Ích vô duyên vô cơ thường bị trượt té, đang đi cũng bị té mà lên cầu thang cũng té. Sư Phụ bảo cô lập bài vị, nhưng cô không làm sao nghĩ ra là người thân nào của cô đã mới qua đời. Lúc bấy giờ cô vẫn còn là người tại gia. Sau đó, Sư Phụ bảo cô vào chánh điện quán tưởng, cô mới biết ra là có một người anh bà con bị bệnh truyền nhiễm chết, cho nên cô lập tức viết bài vị cầu siêu độ cho người đó. Sư Phụ từng nói, bọn ma đều sợ sư cô Hằng Ích. Từ trước tới giờ, Từ Hưng Tự có nhiều ma và mọi người cũng đều thấy qua, duy chỉ có sư cô là không thấy ma mà thôi!

(Ghi chú 3) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Có rất nhiều chúng sanh ở cõi âm đó hy vọng Từ Hưng Tự có thể giúp cho chúng giải thoát. Chị tôi là Quả Chánh và 2 chị em Quả Thù, Quả Mật đều thấy cả. Họ còn nghe có tiếng nói: “Đến Từ Hưng Tự sẽ được siêu độ đó!” Đêm thứ hai của pháp hội Vu Lan, pháp sư Húc Lăng cúng Diệm Khẩu rất trịnh trọng và chu đáo, vì vậy Sư Phụ mới mời pháp sư phụ trách pháp đàn này.

Hôm đó tôi và em trai cùng với em trai bà con, 3 đứa tôi đứng quạt phía sau pháp sư. Bởi vì ở đó không có điện, nên chúng tôi mới quạt cho bớt nóng.

Tôi hôm đó, chị tôi và Quả Thù ở trên lầu hai của ngôi biệt thự, đột nhiên họ nghe có nhiều tiếng nói. Chị tôi hỏi Quả Thù: “Bồ nói cái gì với mình vậy?” Quả Thù nói: “Mình lại tưởng bồ nói cái gì với mình chứ?” Chị tôi nói: “Bồ cũng nghe có tiếng gì phải không?” Quả Thù đáp: “Ồ, nghe rồi!”

Họ đều nghe có “người” đang nói chuyện với nhau, rằng: “Lẹ lên, lẹ lên! Chúng ta hãy mau đến đó để cầu cho được siêu thoát đi! Lúc này hai người mới chợt hiểu ra, đó không phải là người nói chuyện, nên họ đều run rẩy, sợ đến mặt tái mét rồi bỏ chạy xuống lầu. Sau này, chị nói với tôi: “Bọn chị còn nghe có tiếng người nói: ‘Lại đây, tới đây, mau lên đi!’ Không chỉ là họ mà cả 2 thầy Hằng Định và thầy Hằng Việt đang ở trong cái thất bên lề đường cũng nghe được luôn.

59. Nỗi niềm hoằng Pháp

Mặc dù đã xây cất Tây Lạc Viên rồi, nhưng lúc đó thành phần trí thức tin Phật rất ít ỏi và người ta thường cho Phật Giáo là mê tín. Lại đúng lúc trời đổ mưa lớn liên tục, nóc chùa Tây Lạc Viên lại bể nứt đột nước mưa xuống, nên chánh điện trở thành ra vùng ngập lụt...

Hòa Thượng than thở rằng Phật tử Hồng Kông ủy mị không phân chân và với lòng khẩn thiết hoằng pháp, Ngài đã làm bài thơ hiện rõ ý chí này:

*Hồng Kông năm Thu lại rỗng qua,
Đạo người vui thế, đạo ta buồn.
Nạp y một chiếc vẫn cứ mặc,
Tọa thiền thất tệ, càng âu lo.
Chánh điện lư hương, mưa đột ướt,
Nhà khách băng ghế như đi thuyền.
Thiện tín đệ tử, ai biết đến,
Mặc tình hộ pháp, ở hay đi.*

Hòa Thượng kể: Nói cho quý vị biết là tôi ở Tây Lạc Viên, Hồng Kông, nơi giường ngủ đã có sáu chỗ dột ướt rồi, quý vị thấy khổ chưa? Tuy khổ thiệt, tôi vẫn không lo sửa chữa, mặc kệ nhà dột cho nó dột. Nếu có tiền, tôi vui lòng đem giúp hết cho người ta. Vậy quý vị thấy tôi có ngu lắm không?

Có một ngôi chùa cần tạo tượng Phật, tôi ủng hộ cho họ hơn 1500 đồng Hồng Kông. Trong khi chỉ cần 200 đồng là có thể sửa nhà được rồi, nhưng tôi không dám xài số tiền đó mà lại đem đi giúp cho người ta tạo tượng Phật, dùng trên 1500 đồng mà không hề xót dạ. Ở Hồng Kông trước sau, tôi đã tạo 100 tượng Phật, sau đó đem tặng người ta, như tượng Tây Phương Tam Thánh của hội Phật Giáo Trung Hoa ở Honolulu, Hawaii là do tôi biểu tặng.

Có một Lão pháp sư thường hay đến Tây Lạc Viên tặng lễ vật cho tôi như bánh Tây, sữa và sữa bột. Vốn là do ngày xưa, khi sư này xây cất Phật Đường, tôi đã quyên mấy nghìn đồng cho sư. Khi Phật Đường bị nước ngập, sư tạo tượng Phật mới, tôi lại tặng thêm một tượng Phật A Di Đà. Vào ngày mùng 7 tháng Giêng, vị sư đó đến Tây Lạc Viên nói với tôi:

- Tôi mong đợi thầy đến cúng lễ đầu năm cho Phật A Di Đà, chờ đến hôm nay vẫn chẳng thấy, cho nên tôi qua đây thăm thầy nè!

- Phật A Di Đà ở đâu?

- Tôn tượng Phật A Di Đà mà thầy tặng cho chúng tôi thờ ở Phật Đường đó.

- Thì là tượng Phật do tôi tạo ra, nhưng đã do tôi tạo, vậy tôi lại lễ bái tượng đó nữa để làm gì? Ở đây tôi cũng có Phật A Di Đà và Phật này với Phật A Di Đà đó không có phân biệt là hai. Tại sao sư lại bảo tôi bỏ cái gần để cầu cái xa chứ? Tôi hỏi đến sư không thể trả lời luôn.

Kể đó sư ấy lại dùng cảm tình ve vãn:

- Tôi ngày nào cũng nhớ nghĩ đến thầy, thầy có nhớ đến tôi không?

- Tôi à! Tôi không biết nhớ, cũng chẳng biết nghĩ ngợi gì. Sư nhìn nhìn tôi rồi nói: “Thầy nói pháp cao hơn tôi đấy!”

- Tại sao tôi không nhớ, không nghĩ? Bởi vì tôi đã vô tri vô thức rồi.

- Thầy nói pháp càng lúc càng cao đó!

- Kinh Kim Cang nói: “Pháp là bình đẳng, không có cao thấp.” Pháp sư, tại sao hôm nay pháp sư lại nói ra cái chữ “Cao” đó làm chi?

Rốt cuộc sư nít bật chẳng thốt lời nào, rồi quay qua nói với vị đi cùng rằng: “Thầy này lợi hại thiệt!” Vị đi cùng sư là thầy nghiên cứu giới luật, nhưng trên thực tế giới luật gì cũng không biết và cũng không trì giữ giới luật gì.

Sư biếu tặng tôi bánh trái, sữa, sữa bột vì biết con người tôi rất ngu xuẩn, rất ngu si. Sư tặng quà tôi, hy vọng rằng về sau tôi sẽ giúp sư nữa. Nhưng con người tôi đại khái chẳng biết tính toán gì. Bởi chẳng phân biệt rõ ràng chuyện người ta và chuyện của mình, thành thử thường lấy việc thiên hạ làm việc của mình. Cho nên tôi, con người nghèo nàn này vẫn tiếp tục ở trong căn nhà dột nát như vậy đó.

(Ghi chú 1) Trích từ tạp chí Tâm Pháp: Hòa Thượng Độ Công vì cầu nguyện cho Phật Pháp ở Mỹ được phát dương quang đại đã tặng ba tượng Tây Phương Tam Thánh cho Hội Phật Giáo Honolulu, Hoa Kỳ. Bởi vì chính phủ Mỹ theo chính sách cấm vận nên việc vận chuyển các tượng Phật có phần khó khăn, hiện Hội Phật Giáo Honolulu, Hawaii đang nhờ người tại, Hồng Kông lo thủ tục chuyển vận các tượng Phật đó đến Mỹ.

(Ghi chú 2) Trích từ “Nguyên nhân và quá trình kiến lập Niệm Phật Đường Đông Lâm”, thầy Thích Khoan Vận thuật lại: Mùng 5 tháng 8 năm 1952, Tinh xá Đông Lâm bị nước lũ hủy hoại gần phân nửa. Sau thiên tai đó pháp sư Độ Luân, pháp sư Húc Lăng, cư sĩ Triệu Nhẫn Am v.v... đã tài trợ cho tượng Tây Phương Tam Thánh và làm lễ khai quang ngay vào

ngày lễ vía Phật A Di Đà. Ngày 17 tháng Giêng năm sau, Tỉnh Xá Đông Lâm đổi tên thành Niệm Phật Đường Đông Lâm.

60. Đạo tiếp nối mạng

Vào ngày mùng 10 tháng 8 âm lịch năm 1954. Cư sĩ Trần Thụy Xương dẫn bạn đến Tây Lạc Viên bái kiến Hòa Thượng. Ông bạn này là y sĩ chuyên về xương khớp, giỏi về việc ghép nối xương gãy. Hòa Thượng quán xét cơ duyên nói pháp, khai thị cho vị này...

Hòa Thượng kể: Gãy xương có thể nối lại, cái mạng mà bị đứt rồi có thể nào kéo dài được không? Không thể nào, phải không? Ngày xưa cánh tay của Quan Công bị bắn trúng mũi tên độc, sanh mạng thật mong manh, sau nhờ Hoa Đà giải phẫu xương trị liệu cứu ông thoát chết. Cho nên sanh mạng ông được tiếp tục kéo dài thêm, nhưng cách kéo dài này vẫn không phải là con đường cứu cánh. Bây giờ tôi dạy cho ông con đường cứu cánh để kéo dài sanh mạng nhé, chịu không?

Cách kéo dài sanh mạng này là mình phải minh tâm kiến tánh, liễu sanh thoát tử, ra khỏi sáu đường luân hồi hầu trở về với cái bản lai diện mục cùng với Phật không có khác biệt. Muốn được minh tâm kiến tánh, chúng ta phải chân thật tham cứu và thật chứng. Phương pháp “chân tham thật chứng này giống như gà ấp trứng, mèo rình chuột, miên mật liên tục không thể lơ là, cũng không rời tâm khảm. Một khi khai ngộ tức có thể chứng được thật tướng của sanh mạng.

Phương pháp tham thiền và niệm Phật vốn không giống nhau. Tham thiền cần phải tham thoại đầu, tham đến sơn cùng thủy tận, liễu ám hoa minh, nghĩa là tưởng chừng đã hết đường nhưng nhất định sẽ tìm ra lối thoát. Sanh mạng được nắm trong bàn tay của mình, như Lão Hòa Thượng Hư Vân đã trên 110 tuổi, hiện nay vẫn còn sống trên thế gian này. Chính Ngài là bậc cao tăng, vị thâm hiểu thâm sâu nhất về cái đạo kéo dài sanh mạng!

61. Thật có chuyện này

Có người vô duyên vô cớ mắc phải chứng bệnh quái lạ. Họ dùng phương thức bí truyền với nhiều thứ thuốc nhưng chẳng có tác dụng gì và bác sĩ Đông Tây cũng đều chịu thua. Khi đã đến con đường cùng, họ hốt hải chạy đến cầu cứu Hòa Thượng ...

Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Tôi nghe có người yêu cầu Sư Phụ đánh y: “Ngài đánh con đi, Ngài đánh con đi thì con sẽ mạnh khỏe liền!” Khi Sư Phụ ở Đông Bắc và Hồng Kông đã trị qua nhiều thứ bệnh kỳ quái. Sư Phụ đã phát thệ rằng, nếu ai bị quỷ quái làm cho bệnh hoạn, Sư Phụ nguyện sẽ hóa giải cho người đó. Do vậy, Sư Phụ chuốc lấy rất nhiều các loài, các thứ quỷ đầu pháp với Ngài. Tôi rất thích nói chuyện với Sư Phụ, vì tôi rất thích nghe những câu chuyện như thế. Tôi hoàn toàn tin những chuyện mà Sư Phụ kể về Rồng, Quỷ đều là sự thật, việc thật. Trên thực tế, có mấy lần Sư Phụ gặp quỷ quái ấy, tôi cũng có mặt ngay đó.

Một ngày nọ, tôi đến Tây Lạc Viên, thấy Sư Phụ ngồi kiết già nghiêm chỉnh. Quả Tùng cũng ngồi kiết già, cô nói với tôi với giọng nghiêm túc rằng: “Mau ngồi xuống đây niệm (chú Lăng Nghiêm) cái phần này nè.” Tôi hỏi: “Sao vậy?”

- Sư Phụ bảo chúng ta hãy niệm đoạn chú ngữ này, tiếp giúp Sư Phụ hàng phục yêu ma.

Đó là lần đầu tiên ở Tây Lạc Viên tôi thấy Sư Phụ gặp qua quỷ quái. Sau cùng Sư Phụ cũng điều phục được con quỷ quái đó mà nó ra làm sao thì tôi không biết. Qua một lát, Sư Phụ mới đứng lên, nói: "Xong rồi!" và Sư Phụ kể cho chúng tôi nghe là có một con quỷ hung ác dữ tợn, nó đánh lén Sư Phụ, muốn phá hoại sự tu hành của Ngài.

Hòa Thượng kể: Một số người bị bệnh là do nghiệp chướng hoặc ma chướng. Nếu quý vị muốn giúp người hết bệnh nghiệp chướng cũng không phải là vấn đề khó lắm. Nhưng nếu người bị bệnh ma chướng, mà quý vị muốn giúp y hết bệnh thì ma đó sẽ đến đầu pháp với quý vị. Nếu quý vị

không đủ đạo lực hoặc là không có đạo lực gì, tức sẽ bị lâm vào cảnh giới của ma vương. Còn như quý vị có đạo lực đi nữa, cũng sẽ kết oán với loài ma và nó sẽ luôn tìm cơ hội để đánh bại quý vị.

Khi tôi gần 20 tuổi đã trị bệnh cho người ta. Ai có bệnh gì, tôi phải trị cho bằng được. Nếu y không hết bệnh, dầu tôi không có đủ áo quần, không cơm nước, hoặc không ngủ nghỉ đi nữa, tôi cũng muốn trị cho dứt cái bệnh đó. Bất cứ yêu ma quỷ quái gì tôi cũng phải điều phục, chế ngự cho tới nơi. Tôi đã gặp loại ma chướng rất lợi hại, nhiều không kể xiết! Thí dụ như có một người ở trong nhà, thấy tách trà tự động bay lên trên không, lượn qua lượn lại, mà nước trong tách không bị đổ ra ngoài. Lại cũng giống như quyển sách này đây, vô duyên vô cớ tự nó phát lửa cháy... Những loạt chuyện như thế đó, tôi đều gặp qua, ghê gớm như thế đấy, tin hay không là chuyện của các người thôi!

Vì tôi tận lực chữa bệnh cho người ta nên mới bị mịch lòng với rất nhiều loài sơn yêu thủy quái, tà ma ngoại đạo. Chúng muốn đối chọi với tôi như địch thủ, nhưng cũng đều vô phương, bởi vì mỗi một hành vi, mỗi một cử chỉ của tôi chẳng có chút gì sai trái.

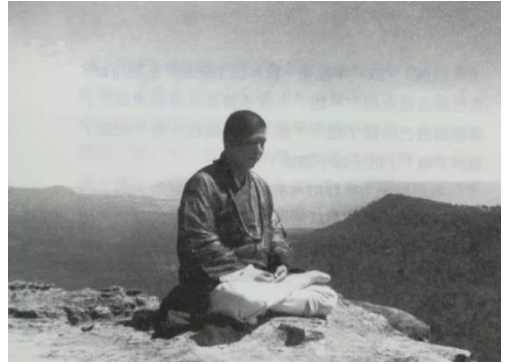
62. Quỷ Đói trong bụng

Có câu “Muốn làm tốt, oan gia tìm, muốn thành Phật trước bị ma khảo.” Lão cư sĩ Lưu Quả Quyên mắc phải căn bệnh quái lạ. Mỗi ngày bà phải ăn mười mấy bữa, nếu không thì bị đói cồn cào không chịu nổi. Tại sao thế?...

Hòa Thượng kể: Bây giờ tôi sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện. Có lẽ có nhiều người nghe sẽ không tin, nhưng đây là câu chuyện đích xác, thật sự đã xảy ra. Bà Lưu Quả Quyên kiếp trước cũng từng gặp một sự việc mà bà không chịu tin, thành ra kiếp này bà phải trả giá cho món quả báo hoài nghi đó. Vì vậy, đệ tử Phật phải nên chú ý về nhân quả, cần phải hết sức thận trọng và không nên tùy tiện phỉ báng người khác.

Bà Lưu Quả Quyên vừa trị xong bệnh điếc tai, nhưng vẫn chưa hết chuyện vì bà lại vướng thêm cái bệnh quái lạ thật đặc biệt. Là bệnh kỳ quái gì? Bệnh này nói ra chắc không ai tin. Tại vì nó thật lạ lùng. Kỳ lạ như sao? Có một đêm nọ, bà như đang nằm mộng mà cũng không giống như nằm mộng, mơ màng thấy có ba đứa con nít bụng bầm tròn trịa, chui vào bụng bà ta. Rồi từ đó trở đi mỗi ngày bà phải ăn 10 mấy bữa, cách mỗi giờ là bà phải ăn một bữa cơm thật nhiều nhưng vẫn không thấy no. Nếu không ăn, bà cảm thấy bụng đói cồn cào đến không sao chịu nổi.

Tôi cho quý vị biết, tại sao bà bị đói như thế? Vì loại bệnh này, tuy bà là một người nhưng trong bụng có tới ba con quỷ đói, cho nên thức ăn vào là do ba con quỷ đói ấy ăn hết.



Bà cảm thấy bệnh này lạ lùng quá, nên đi coi bác sĩ. Tây y kiểm tra xong, nói bà không có bệnh gì. Bà đi xem Đông y cũng không biết là cái thứ bệnh chi. Họ đều khám không ra bệnh, nên bảo là bà không có bệnh. Ấy thế, bác sĩ cũng phải cho thuốc, nhưng bà uống thuốc gì cũng đều không khỏi.

Bà chịu đựng như vậy qua 2, 3 năm liền. Lúc đó bà đã nghe được rồi và vẫn đi nghe thuyết Pháp đều đặn. Tôi giảng kinh 2 tiếng đồng hồ, nhưng nghe đến nửa chừng là bà phải chạy vào nhà bếp khuấy nước sôi để ăn bánh Tây mới chịu nổi. Nhờ vậy tôi biết bà mắc phải thứ bệnh này. Nhưng tôi chưa muốn xen vào những chuyện không đâu. Mỗi khi tôi không có mặt ở Tây Lạc Viên, bà lão Quả Bình đều tìm bà Quả Quyên đến phụ giúp giữ chùa. Vào mùng 7 tháng 2, tôi từ Đại Tự Sơn về, khoảng 10 giờ rưỡi sáng, bà Lưu Quả Quyên nói với tôi: “Thưa Sư Phụ, trong bụng con có người nói chuyện đó.”

- Làm sao mà trong bụng bà lại có người nói chuyện kia, có phải là bà đã có mang rồi chăng? Bà đã trên 60 tuổi rồi mà còn sanh con nữa sao? Mà nó nói cái gì vậy?

Bà nói, bà nghe rõ ràng đàng hoàng là trong bụng bà thật có cái thứ gì đó, nó còn biết nói chuyện! “Sáng sớm thức dậy, làm bánh nếp xong, con định ăn thì trong bụng con nói: ‘Tôi không thích ăn cái thứ này đâu!’ Con liền nói với cái bụng mình: ‘Người không ăn cái này thì ăn cái gì? Ăn no bụng là được rồi nha!’ Vậy là nó không nói nữa!”

- Được rồi, đừng lo! Đứa bé trong bụng bà đã nói chuyện được, vậy cũng đến lúc bà nên sanh nó ra, tôi nói là đêm nay bà phải hết bệnh đó. Khi trở về nhà, tối đến bà nhớ vào lúc nửa đêm 12 giờ khuya, thắp một cây nhang trước bàn thờ Phật, rồi ngồi ngay đó niệm Phật, xem xét tình hình ra sao.

Đêm hôm ấy, bà y theo lời tôi dạy, vào lúc nửa đêm 12 giờ, thắp một cây nhang trên bàn Phật xong rồi ở đó niệm Phật, niệm đến lúc ngủ thiếp đi và mơ màng như nằm mộng. Đột nhiên bà thấy Ngai hộ pháp Vi Đà bung một bát mì nóng bốc hơi nghi ngút, hương vị rất thơm ngon, đặt trước đầu giường của bà. Sau đó có ba đứa con nít mập mạp trắng trẻo, khoảng 4, 5, 6 tuổi cũng là ba đứa nhỏ mà bà thấy được lúc chưa bị bệnh. Chúng nó lập tức chui ra khỏi bụng bà để giành giựt nhau ăn mì. Trong giây khắc chúng tranh ăn với nhau, Bồ Tát Vi Đà bèn xách tai chúng nó lôi đi.

Sau khi chúng bị kéo đi rồi, bà cảm thấy trong bụng nhẹ nhõm như ngày trước. Từ đấy, bà Lưu Quả Quyên như trút bỏ được gánh nặng trong bụng và bà không còn bị đói, cũng không cần phải ăn nhiều bữa nữa.

Trong bụng bà có ba quái vật gì? Tôi nói cho quý vị biết, đó là hai con tắc kè và một con ếch lớn. Tình trạng này của bà, đừng nói chỉ người ngoại quốc không tin mà ngay cả người Hoa cũng không tin nổi. Nhưng quý vị nên biết, tại sao bà mắc phải cái chứng bệnh này. Vì trong kiếp xưa kia, bà đã từng thấy qua một người cũng mắc bệnh như vậy. Sau đó người ấy

gặp được một vị pháp sư chữa trị cho hết, rồi kể cho bà nghe. Nghe xong bà nói rằng bà không tin. Bởi vì nói lời không tin mà kiếp này bà phải mắc bệnh đó để thử coi bà có tin hay không. Cho nên đạo luật nhân quả đáng sợ thật! May thay đời này bà đã thành tâm nghe giảng kinh, nên có được cảm ứng mới tiêu trừ được cái kiếp nạn ấy.

(*Ghi chú*) Sư cô Hằng Quý thuật lại vào ngày 10 tháng 3, năm 2013 tại Hội In Kinh Phật Giáo Đài Bắc (chi nhánh Vạn Phật Thánh Thành): Câu chuyện này chính Sư Phụ đương thời nói cho tôi nghe. Trải qua một thời gian hết điếc, bà Lưu Quả Quyên lại thường bị đói bụng nên mỗi lần đi nghe thuyết Pháp, bà đều mang theo nào bánh mì, bánh Tây để chốc lát đói là phải chạy ra ngoài nhai ngón vài ba miếng rồi lại trở vào, và bà ta cứ chạy ra, chạy vào như thế. Sau này khi bà vừa tính ăn bánh thì trong bụng có tiếng nói: “Tôi không thích ăn cái thứ này đâu!”

Vì bà đã hết cách rồi, nên đành phải trình cho Sư Phụ biết. Sau đó bà làm y theo lời Sư Phụ dạy mới giải quyết được vấn đề. Khi ấy tôi nghe rồi bèn hỏi: “Thưa Sư Phụ, tại sao bà ta mắc phải bệnh này vậy?” Sư Phụ nói vì kiếp trước bà có một người bạn bị bệnh đó, sau được một vị tu sĩ trị cho hết bệnh. Người bạn này mới nói cho bà biết: “Ông thầy đó đã trị lành bệnh cho tôi rồi.” Lúc bấy giờ, bà Quả Quyên đã không hiểu nhân quả nên nói sai một lời rằng: “Làm gì có chuyện này, chị bị gạt rồi đó!” Chính vì một câu nói như vậy mà đời nay bà phải tự nếm thử cái bệnh đói ấy. Rồi tôi hỏi Sư Phụ: “Thưa Sư Phụ, vậy người xuất gia đó là ai vậy?”

Sư Phụ cười cười bảo: “Chắc là Sư Phụ quá!”

63. Tiếp phần Sự Tích

Đệ tử Đàm Quả Chánh, Quả Giác cùng các cư sĩ cảm phục thâm sâu về quyền sự tích của Hòa Thượng. Với hy vọng độc giả cũng đồng cảm nhận như họ, hầu tăng sức cho việc hoằng dương Phật Pháp, lợi ích cho mọi người. Do

đó họ hợp sức cùng nhau ghi tiếp thêm sự tích của Hòa Thượng...

*“Lạnh chết cũng đứng trước gió,
Đói chết cũng ngưỡng bụng chịu.
Phải làm ngọn nến không tắt trước gió,
Phải làm vàng thật trước ngọn lửa hồng.”*

Núi Trường Bạch, sông Hắc Thủy của Hắc Long Giang đã rèn luyện lòng kiên quyết đầy nghị lực của Hòa Thượng. Hòa Thượng sanh ra trong một xã hội động loạn. Nhật Bản xâm chiếm Trung Hoa, Trung Cộng chiến tranh động thể. Ngài đã trải qua bao thứ khổ sở của cảnh cơ hàn, thọ tang mẹ v.v... Khi Đông Bắc bị quân Nhật đánh chiếm, Hòa Thượng đang vào thời thiếu niên. Tuy chưa tròn ước nguyện tòng quân báo quốc, nhưng bằng cách nhận ra ý nghĩa chân thật của cuộc sống, Ngài đánh thức mọi người giác ngộ khỏi cơn mê mộng để trực thẳng vào tâm địa, cho đến kiến tánh thành Phật.

Khi Hòa Thượng ở Hồng Kông, dù tuổi trên 30, nhưng mỗi cử chỉ, mỗi hành động của Ngài đều được nhiều người cảm phục và người trời kính ngưỡng. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, Hòa Thượng vẫn trước sau tinh tấn như một đẽ làm gương cho đệ tử noi theo tu hành. Hòa Thượng đã dùng lời nói hoặc qua hành động và với các câu chuyện đức hạnh để giáo hóa hầu cảm hóa lòng người, thậm chí gây đủ sức mạnh diệu dụng để cứu nguy nhân thế.

Ông Đàm Quả Phác ghi lại trong Từ khi tham khảo học Kinh Phật vào tháng 5 năm Ất Mùi (1955): Một ngày ngẫu nhiên tôi được quyền “Sự Tích Pháp Sư Độ Luân”, trong đó đề từ Ngài là Quả Giác kính thuật rằng: “Sư Phụ là người Đông Bắc, tỉnh Tùng Giang, từ nhỏ đã nhập Đạo, Ngài từng lặn lội đường xa đến chùa Nam Hoa, Trung Quốc và đi triều bái ở Thái Lan khiến tôi cảm động vô cùng. Đồng thời tôi biết được Sư Phụ cũng đã săn sóc cha mẹ làm tròn đạo hiếu thế gian. Sư Phụ cứu người thị hiện Bồ Tát hạnh với chí nguyện như hư không dung chứa hết thảy. Sư Phụ như bậc hiền minh, trải qua năm tháng thấy biết rõ ràng, chí nguyện lời nói làm mẫu mực

cho người, cử chỉ đức hạnh Ngài đủ chấn chỉnh tông phong. Tôi đã lớn tuổi, lại ít học, chữ nghĩa không hay, nên thật xấu hổ vì chưa thể đem sự tích của Sư Phụ viết thành sách để làm lợi ích cho tâm tánh người đời.”

Hôm nay được các vị cư sĩ ở đây đồng lòng, vậy chúng ta hãy cùng hợp sức tiếp tục biên soạn sự tích của Sư Phụ và bổ sung vào chỗ sai sót cho hoàn chỉnh. Hy vọng sách này sẽ chu tất với hình ảnh ấn tượng khiến người ngưỡng mộ. Ngặt nỗi là chữ Hoa với từ vựng thâm sâu, không dễ hiểu cho người ngoại quốc, do đó nhờ người trí thức dịch qua Anh ngữ, nhưng vì không tinh tế nghiên cứu ngôn từ nên thành ra ngộ nghĩnh. Vì vậy quyển sự tích này ra đời không phải để biểu dương danh vọng mà chỉ để lưu truyền mà thôi. Thật ra, ngẫm đọc sự tích của Ngài cũng đã đủ sức mạnh để tuyên dương Phật Pháp và cứu nguy thế gian. Nguyện các Phật tử Đông Tây, các cư sĩ thiện tín hãy lưu ý đón xem.

(Ghi chú 1) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Có một ngày, Sư Phụ trao cho tôi quyển truyền ký của Ngài đã in theo kích thước nhỏ nhỏ dài dài thời xưa, chỉ gồm có 10, 15 trang. Sau khi nhận sách, tôi đã thử ghi vào thêm những chuyện đã được thấy nghe ở Hồng Kông, rồi cũng hoàn tất thành một quyển sách nhỏ.

(Ghi chú 2) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Lúc đầu quyển sự tích của Sư Phụ có rất nhiều chỗ mà chị tôi đã dựa theo nguyên bản của quyển truyền ký. Sau đó chị lại soạn thêm vào những sự thấy nghe ở Hồng Kông và cũng có một số đệ tử của Sư Phụ như cư sĩ Bùi Quả Giám phụ giúp.

64. Sáng lập “Tâm Pháp”

Vào tháng 3 năm 1956, Hòa Thượng sáng lập tạp chí “Tâm Pháp” hầu hoàng pháp lợi sanh và cũng góp phần cổ động đệ tử phát biểu văn chương phản quang tự chiếu. Hòa Thượng khuyến khích các đệ tử viết lại những đạo lý đã được nghe thấy qua hình thức văn chương, thơ kệ khiến cho nhiều người hiểu rõ Phật Giáo...

Lời nói đầu của tạp chí “Tâm Pháp,” số báo đầu tiên: Giáo hóa Phật Pháp là lấy tất cả chúng sanh làm đối tượng, bình đẳng cứu độ, không phân biệt kỳ thị cao thấp lớn nhỏ, đây là chỗ vĩ đại của Phật Đà. Đến ngày hôm nay, thời đại khoa học phát triển, Phật Giáo vốn cũng muốn sánh vai với khoa học cùng tiến bước, nhưng tại sao người ta vẫn hiểu lầm, còn có ác cảm với Phật Giáo? Nguyên do này, chính phải quy lỗi về các Phật tử chúng ta. Vì bởi chúng ta đã không tuyên dương, đã không hết lòng làm tròn trách nhiệm của mình.

Các bạn đồng Đạo, tất cả chúng ta hãy nhất trí hăng hái cùng nhau tiến lên! Hãy vì Phật Giáo vĩ đại vinh quang của



chúng ta và vì người đời dần dần coi thường tinh thần phấn đấu cương quyết của Phật Giáo. “Tâm Pháp” cũng mang lấy trách nhiệm này mà ra đời. Bốn Đại Tông Chỉ của Tâm Pháp đã được nêu ra ở trước bìa rồi. Tuy tạp chí này chưa gây tiếng vang lớn, nhưng chúng ta vẫn tiến bước theo mục tiêu vốn đã đặt ra.

Chúng ta nhất định khắc phục mọi khó khăn không lùi bước và dốc toàn tâm toàn ý tuyên dương giáo lý cao cả hoàn thiện của Phật Giáo. Hy vọng các vị đồng đạo hết lòng ủng hộ mà không dừng viết về những đạo lý cao cả cùng trợ giúp ấn tống. Qua hành động ái hộ “Tâm Pháp” cụ thể của đồng đạo ở khắp nơi đã khiến chúng tôi cảm kích vô cùng cũng như tăng thêm không ít tin tâm và dũng khí cho chúng tôi.

Hiện nay trong thời đại mạt pháp, thật khó gặp được cây tươi tốt lạ vừa đâm chồi non. Đây chúng tôi không phải tự cao tự đại, nhưng thật hy vọng Tâm Pháp có thể mọc lên vững vàng. Chúng tôi tin chắc, phàm là đệ tử Phật và những người không muốn vận mạng Phật Giáo bị suy đồi thì hãy cùng nhau

hỗ trợ Tâm Pháp được phát dương sáng ngời. Cùng với ý nguyện đem giáo lý vô thượng viên dung vi diệu này phát triển rộng lớn khắp nơi, thậm chí đến tận mọi ngõ ngách trong nhân gian.

Hy vọng đồng đạo mọi nơi, chớ bỏ qua lời kêu gọi này, mà phân khởi cùng nhau góp sức ủng hộ cho niềm mong cầu được thành đạt!

Hòa Thượng kể: Ở Hồng Kông tôi có cho ra một tạp chí gọi là Tâm Pháp, mỗi tháng một kỳ, xuất bản được 3 kỳ, đều để kết duyên Phật Pháp, tặng miễn phí cho người đọc, không lấy của ai đồng xu nào. Về sau vì vấn đề kinh tế và nhân sự nên không còn xuất bản nữa. Mỗi người nên phải tập viết văn, viết văn chữ Hoa hoặc viết văn tiếng Anh. Chúng ta cần phải luyện viết văn nhiều thì văn chương mình mới hay được. Quý vị có thể đem những đạo lý đã nghe được, rồi tùy ý viết thành một bài văn, một bản nhạc, hay một bài thơ để tuyên dương Phật Giáo rồi gửi đến các nơi phát hành tạp san báo chí. Bất luận các vị biểu đạt cái gì cũng được, miễn là khiến cho thế giới này có thêm người hiểu rõ Phật Giáo, đánh thức cái bệnh ngủ mê của mọi người thì công đức vô lượng vậy. Quý vị đây nên hiểu rõ ý tôi muốn nói mà chớ đừng thối lui, đệ tử Phật nên có tinh thần dũng mãnh tiến tới, chớ không phải thụt lùi mãi.

(Ghi chú) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Tạp chí “Tâm Pháp” của Sư Phụ là do chị tôi và cư sĩ Bùi Quả Giám hợp tác biên soạn. Bùi Quả Giám là người Đông Bắc cũng là đệ tử của Sư Phụ. Sư Phụ còn muốn Quả Giám dạy chữ Nhật cho chúng tôi nữa.

Tạp chí “Tâm Pháp” đã đăng tải văn chương của chúng tôi: Quả Tùng, Quả Quân, chị tôi và tôi. Tôi nhớ, tôi đã phát biểu qua một bài văn, trong đó còn có một bài thơ mà Sư Phụ đã sửa lại cho tôi. Trên văn chương, chúng tôi lấy tên pháp danh hoặc dùng giới danh. Lúc chúng tôi thọ Ngũ Giới, Sư Phụ đặt giới danh cho chúng tôi bắt đầu bằng chữ “Chúng.”

Giới danh tôi là Chứng Hòa, chị tôi là Chứng Ngộ, và Hoàng Quả Quân là Chứng Nhân (tử).

65. Bát Chu Ma cảnh

Có một hôm, bỗng nhiên Hòa Thượng nghe tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật thật lớn thật thanh của vị sư cháu đến từ Đông Bắc là thầy Hằng Việt. Tiếng niệm Phật của thầy càng lúc càng gấp với hơi thở hỗn hển. Trong thâm tâm Hòa Thượng đã rõ biết, nên Ngài lập tức đi về hướng cái thất đó...

Hồng Kông là nơi dân cư đông đúc, đa số đều là chôn xa hoa trụy lạc. Có rất nhiều vị xuất gia trẻ tuổi chưa đủ định lực, sau khi đến Hồng Kông phồn hoa đô thị này, bắt đầu trở thành giải đãi lúc nào cũng không hay, không biết, thậm chí họ còn biến chất, quên mất cả chí nguyện xuất gia của mình.

Hòa Thượng có người sư cháu đến từ Đông Bắc, mặc dù đã cáo đầu xuất gia, nhưng bình thường thầy không nghiêm túc tu hành, cũng chẳng nghiêm trì giới luật. Hòa Thượng thường hay khuyên răn thầy ấy. Lần này, thầy quyết tâm sửa đổi lỗi lầm đã qua và cầu xin Hòa Thượng cho phép nhập Bát Chu Thất. Hòa Thượng rất vui mừng khi thấy có vị tu sĩ chịu dụng công, cho nên đặc biệt cất cho thầy cái thất gần bên Từ Hưng Tự. Rồi thầy nhập thất từ ngày 30 tháng 3 (ngày 19 tháng 2 âm lịch), bắt đầu hành trì pháp môn Bát Chu Tam Muội trong 90 ngày.

Hòa Thượng kể: Hằng Việt lúc đầu đến Hồng Kông không lo tu hành, thầy hút thuốc lại có các tật bệnh khác nữa. Tôi đã không thèm nói tới, thầy cũng không dám đến gặp tôi. Lúc đó vì thầy không có nơi nào để ở nên mới phát tâm tu đạo nói với tôi rằng thầy muốn tới Đại Tự Sơn đả Bát Chu Thất.

Bát Chu Tam Muội là gì? Bát Chu là tiếng Phạn tức Phật Đứng, cũng gọi là Phật Đứng Tam Muội. Tu công phu này, hành giả ở trong phòng cứ phải đứng đi suốt, nên cũng gọi là Thường Hành Tam Muội.

Hành giả không được ngồi cũng không được nằm cho đến bao lâu? Đây đủ 90 ngày đây. Hành giả chỉ đi trong phòng, không được ngồi xuống, ngoại trừ ăn cơm và tiểu tiện, cũng không được ngủ. Đây là pháp môn chuyên trị ma ngủ đó. Có khi hành giả đi đứng, đến nỗi bàn chân sưng húp, đùi căng cũng sưng phù, các thứ bệnh gì cũng đều tuôn ra hết. Dù thế nhưng hành giả vẫn phải đi, mà không được té ngã. Nếu té ngã là bị bẽ mặt, không đắc được Bát Chu Tam Muội. Quý vị thấy không, trong Phật Giáo có cái pháp môn tu hành dũng mãnh tinh tấn như thế.

Hiện nay chúng ta đã Phật thất ở đây, khi ngồi ngồi, lúc đi đi, rồi niệm niệm ra tiếng, hay niệm thầm. Sáng sớm 3 giờ rưỡi dậy, tới đến 10 giờ nghỉ ngơi, như thế này thì chẳng có gì cho là cực khổ cả!

Lúc bấy giờ (tháng 2 năm 1956), tôi có xây một cái thất cho thầy ấy, phòng rộng khoảng chừng 6m x 9m để giúp thầy ta tu Bát Chu Tam Muội. Tôi lại tìm người hộ thất, nấu nước dâng cơm, ở nơi đó hộ trì thầy. Thầy Hằng Việt niệm Phật, niệm đến thấy Phật A Di Đà! Nhưng thầy chạy bán mạng theo, và niệm bỏ mạng Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật... càng niệm, càng lớn tiếng, càng niệm càng lớn tiếng thêm. Tôi ở phía trên dốc núi, thầy ở phía dưới, cách xa tôi khoảng 200 bước, vậy mà tôi vẫn nghe được tiếng niệm lớn của thầy và biết là thầy đã bị lọt vào cảnh giới ma rồi. Tôi liền tới xem thì thấy thầy ở trong phòng chạy rất nhanh, vừa chạy vừa niệm Phật, chạy nhanh vô cùng, chạy như phát điên.

Quý vị có biết là chuyện gì không? Tỳ Kheo này kiếp trước là con trâu, bởi trâu cày ruộng giúp chùa, nên kiếp này được làm người, lại làm thầy tu nhưng không thay đổi tánh khí con trâu và thường hay nóng giận. Tại sao thầy chạy như vậy? Vì thầy trông thấy Phật A Di Đà đến, nên mới rượt theo Phật.

Thật ra là sao? Thầy đã bị nhập cảnh giới ma. Số là dưới biển có một con trâu nước, là con hải quái đó đến đây! Con trâu này chạy ở phía trước, thầy lại tưởng là Phật A Di Đà tới

rồi, nên chạy rượt đuổi theo ở phía sau. Con trâu đã dụ hoặc thầy, muốn kéo thầy đi làm quyến thuộc của nó. Con tinh trâu này, làm sao mà biến thành Phật A Di Đà như thế? Không những con tinh này giả tướng Phật A Di Đà mà tất cả thiên ma ngoại đạo đều có cái loại thần thông ấy. Nếu quý vị không nhận ra được, tức lúc đó sẽ không còn định lực nữa.

Chùng tới nơi của thầy rồi, tôi liền dùng pháp lực để đánh tan cảnh giới ma này. Thầy nói: “Con vừa thấy Phật A Di Đà đến rước con mà, giờ Phật A Di Đà đi đâu mất rồi?”

- Thầy hãy bình tĩnh lại đi, không nên hoảng hốt như vậy? Thầy quính quáng như thế để làm cái gì? Thầy phải niệm Phật cho đúng như pháp thì mới được.

- Con vừa nhìn thấy Phật A Di Đà tới rước con mà.

- Bây giờ thì sao?

- Hòa Thượng vào tới là Phật A Di Đà bỏ chạy mất tiêu rồi! -Thầy đã nhận lầm rồi, chẳng có Phật A Di Đà nào cả, mà đó chính là cảnh giới ma đến quyến dụ thầy đó thôi!

Thế là coi như thầy đã thoát ra khỏi cái cảnh giới đó. Nếu tôi không đến, thầy đã bị tẩu hỏa nhập ma rồi. Cho nên niệm Phật cũng có lúc bị ma nhập. Nói tóm lại, tu hành phải có đức hạnh, phải có đạo đức, nếu không có đạo đức, dù cho quý vị có niệm Phật đi nữa cũng có thể bị ma chướng như thường.

Thầy Hằng Việt nhập thất Bát Chu Tam Muội xong thì sao? Thầy ta không chịu tu hành nữa rồi, suốt ngày cứ muốn ăn, mỗi ngày ăn ba bữa và ăn rất nhiều, cho đến mập ú, gàn như đi không muốn nổi. Vì ăn uống quá độ nên thầy cứ đi cầu hoài, không ngờ ở trong đó mà “ô hô” từ già trần gian, thật đáng buồn thay! Thầy chết khi tuổi còn chưa đến 40. Đây là một bằng chứng của một người tu hành mà lại không lo tu hành.

(*Ghi chú 1*) Trích từ Tạp chí Tâm Pháp: Bát Chu là tiếng Phạn tức là Phật lập (đứng). Phật lập có ba nghĩa: Phật oai lực, Tam muội lực, và Bản thân hành giả công đức lực. Trong 90

ngày Bát Chu, hành giả rảo bước trong phòng ngày đêm không ngủ, không nghỉ, và miệng luôn trì niệm sáu tiếng hồng danh. Trong phòng không có giường, bàn ghế hay vật dụng gì để nương dựa cả. Người tu pháp môn khổ hạnh này, lúc cảm thấy hôn trầm có thể đứng lại một chút, giơ tay nắm lấy tấm vải treo trên không để nghỉ ngơi trong khoảnh khắc, rồi lại tiếp tục đi trong phòng. Hành giả phải tinh tấn, tu hành ba nghiệp tương ưng như thế đó mới có thể thấy thập phương chư Phật ở trong định, gặp Phật rồi mới minh tâm kiến tánh và khai mở được trí huệ giác ngộ.

(Ghi chú 2) Thầy Hằng Định thuật lại: Ở Đại Tự Sơn có xây một cái thất để cho thầy Hằng Việt nhập thất Bát Chu Tam Muội. Khi đó thầy ấy thấy rất nhiều cảnh giới chớ không phải chỉ có thấy Phật A Di Đà thôi đâu!

(Ghi chú 3) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Sư Phụ rất tôn kính các vị chân chánh tu hành và các bậc trưởng lão trong tăng chúng, nhưng tăng chúng có ai làm điều gì không đúng pháp, Sư Phụ cũng vẫn chỉ trách như thường. Tôi nhớ Sư Phụ la rầy thầy Hằng Việt nhiều nhất. Thầy Hằng Việt và thầy Hằng Trí là hai vị sư cháu của Sư Phụ. Khi vừa đến Hồng Kông, phần nhiều hai thầy ở Tây Lạc Viên. Tây Lạc Viên vốn là một căn nhà nhỏ, nhưng đã xây thêm ra một phòng nữa cho hai thầy ở. Trong chùa, Sư Phụ không cho phép chúng tôi ngồi tán dóc với nhau. Đối với tăng chúng cũng vậy, các thầy không được tùy tiện trò chuyện với người tại gia, đặc biệt không được nói

chuyện với nữ chúng, ngoại trừ khai thị cho họ. Thầy Hằng Trí thường ngồi kiết già lần chuỗi tràng niệm Phật, còn thầy Hằng Việt thường hay nói chuyện với chúng tôi, đôi khi cũng nói chuyện với các người khác. Vào năm 1993, lúc Sư Phụ về Hồng Kông, thầy Hằng Trí đã đến thăm viếng Sư Phụ.

66. Thừa Pháp Quy Ngưỡng

Vào năm 1946, Hòa Thượng từ Đông Bắc lặn lội gian khổ hơn 3000 dặm, mãi tới năm 1948 mới đến được Nam

Hoa Tự, Tào Khê tỉnh Quảng Đông để bái kiến Lão Hòa Thượng Hư Vân. Khi ấy Hư Lão đã 109 tuổi. Vừa nhìn thấy Hòa Thượng, Ngài liền ấn chứng rằng: “Nhu thị! Nhu thị!”...

Vào ngày 18 tháng 5 năm 1956 (mùng 9 tháng 4 âm lịch) Lão Hòa Thượng Hư Vân tại Pháp Đường Vân Cư truyền phó cho Hòa Thượng là vị thừa tự đời thứ | 9 tông Quy Ngưỡng, ban tên "Tuyên Hóa" và đặc biệt gửi bản nguyên lưu mạch mạng tổ tông Quy Ngưỡng từ Vân Cư Sơn đến cho Hòa Thượng.

Ngài còn viết kèm theo một bài “Kệ Biểu Tín”:



***Tuyên Quy Ngưỡng diêu nghĩa nơi nơi,
Hóa thừa linh nhạc đạo pháp thịnh.
Độ truyền tâm ấn đời bốn sáu,
Luân chuyển không ngừng cứu quần
sinh.***

Lão Hòa Thượng Hư Vân truyền pháp cho Hòa Thượng theo Tây độ (Ấn Độ) là đời thứ 45, theo Đông độ là pháp thừa tông Quy Ngưỡng đời thứ 9. Chẳng qua đệ tử xuất gia và tại gia của Hòa Thượng vẫn tiếp tục truyền thừa pháp mạch phái Thiên tông “Kim Đỉnh Tỳ Lô.” Vào năm 1962, sau khi đến Mỹ, Hòa Thượng mới dùng tên Tuyên Hóa ngũ hầu hoàng dương Phật Pháp rộng lớn.

Vào năm 1956, Hòa Thượng nhận được quyền truyền pháp “Chánh Pháp Nhân Tạng, Phật Tổ Nguyên Lưu,” của Hư Lão, liệt kê ra từ đời đức Phật Thích Ca cho đến lịch đại tổ sư tông Quy Ngưỡng, trong đó ghi là: Truyền Quy Ngưỡng Chánh Tông đời thứ 8 Đức Thanh, Hư Vân Lão Nhân nay sẽ phó thác Chánh Pháp Nhân Tạng cho đời thứ 9 là Thiên nhân Tuyên Hóa, Độ Luân, tự hộ trì tốt lành.

Năm 1958, Hư Lão gửi cho Hòa Thượng bộ “Tặng Đỉnh Phật Tổ Đạo Ảnh” đã được tu bổ kèm theo một bức thư. Sau đó Hòa Thượng viết thêm kệ tụng vào cuối trang của mỗi vị tổ sư. Rồi Ngài tiếp tục tặng gia thêm 10 vị cận đại cao tăng vào phía sau chương Bốn để thành “Tái Tặng Đỉnh Phật Tổ Đạo Ảnh” cũng là quyển được lưu thông sau này.

Hòa Thượng kể: Tu sửa chùa Từ Hưng Tự, tạc tượng sống của Lão Hòa Thượng Hư Vân hầu mong biểu hiện lòng thành tôn kính. Trong thư Ngài Hư Vân viết: “Thâm trao Chánh Pháp Nhân Tạng, lưu truyền nguyên gốc Phật tổ, lấy tâm ấn tâm, giáo ngoại biệt truyền, Niết Bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp Chân Không bất không, trên thừa ý Tổ, dưới hóa độ chúng sanh, pháp nhũ thâm ân như vậy, luôn luôn nhớ nghĩ.”

(*Ghi chú 1*) Quy Ngưỡng là một trong năm phái thiền tông: Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn và Pháp Nhãn. Bắt đầu từ tôn giả Ca Diếp truyền đến tổ sư Bồ Đề Đạt Ma đời thứ 28 theo Tây thiên (Ấn Độ), cũng là Sơ Tổ theo Đông Độ (Trung Hoa). Sơ Tổ truyền qua năm đời cho đến đại sư Huệ Năng làm Lục tổ. Đại sư Huệ Năng truyền lại cho Nam Nhạc, Hoài Nhượng. Thiền sư Hoài Nhượng truyền cho Mã Tổ Đạo Nhất. Thiền sư Đạo Nhất truyền trao lại cho Bách Trượng Hoài Hải. Thiền sư Hoài Hải truyền cho thiền sư Quy Sơn Linh Hựu cũng thuộc đời thứ 37 theo Tây Độ. Sau đó thiền sư Quy Sơn Linh Hựu truyền cho Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Lúc này pháp duyên rất thịnh hành, theo đó trở thành phái Quy Ngưỡng thiền tông. Từ tổ sư đời thứ nhất của phái thiền tông Quy Ngưỡng là thiền sư Quy Sơn Linh Hựu. Đời thứ hai là thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Đời thứ ba là thiền sư Tây Tháp Quang Mục. Đời thứ tư là thiền sư Tư Phước Như Bảo. Đời thứ năm là thiền sư Báo Từ Đức Thiệu. Đời thứ sáu là thiền sư Tam Giác Chí Khiêm. Đời thứ bảy là thiền sư Hưng Dương Từ Đạc. Đến Lão Hòa Thượng Hư Vân là tổ sư đời thứ 8 của tông Quy Ngưỡng.

Về sau Lão Hòa Thượng Hư Vân truyền pháp lại cho Hòa Thượng Tuyên Hóa, theo Tây Độ là đời thứ 45, theo Đông Độ là đời thứ 9 thuộc pháp thừa, tông Quy Ngưỡng.

(*Ghi chú 2*) Ngài Hư Vân đã ghi lại trong “Hư Vân Lão Hòa Thượng Pháp Vị” Quyển 8, Thiền Tông Ngũ Phái Nguyên Lưu rằng, Hư Vân Đức Thanh kính ghi: Tôi ở Nam Hoa vào mùa Hè năm Giáp Tuất. Cư sĩ Quách Hàm Trai, hiệu Khoan Huệ ở Trường Sa, trưởng lão Bảo Sanh ở Nam Nhạc cùng Liễu Chiêu ở Cửu Thành, các vị chấp sự tương tục từ Đại Quy Sơn tới khẩn thỉnh chân hưng Đại Quy, là tông lớn nhất trong 5 tông. Tiếc rằng không người kế thừa tông Quy Ngưỡng, khiến cho Tổ đình tắt khói, nên hiện thời hợp cùng với tông Lâm Tế. Lần này chùa lại bị bọn cướp đốt phá cháy rụi ra tro, nên ra nghị quyết khôi phục Quy Ngưỡng thành riêng một phái. Đại chúng nghĩ tưởng tuổi đời và tuổi đạo của tôi dài lâu và các bậc đại lão sư cũng kính tin, bèn mời tôi tiếp tục chân chính tông phái Quy Ngưỡng. Vì không thể không có trách nhiệm với chùa Nam Hoa, lại không thể từ chối, nên tôi cố gắng theo thứ tự để ghi lại.

Xét ra tông này từ tổ sư Linh Hựu truyền bốn đời đến tổ Ba Tiêu Huệ Thanh. Rồi đệ tử là Kế Triệt làm Kệ Tiếp Diễn gồm 20 chữ và sau chữ “Kế” là chữ “Diệu” mà thuận theo thứ lớp giới thiệu tiên tông. Nhưng sách chỉ ghi chép đến hai tổ Tam Giác Chí Khiêm và Hưng Dương Tử Đạc là ngưng. Có thuyết nói rằng, hai tổ đó là anh em cùng thừa tự từ tổ Báo Tử Đức Thiệu làm đời thứ 6. Còn thuyết khác nói, tổ Chí Khiêm là đời thứ 6 và tổ Tử Đạc là đời thứ 7. Nhưng nay vì tông truyền thừa quá ít, cho nên cả hai đều được thừa nhận, tức là Hưng Dương Tử Đạc kế thừa tổ Tam Giác Chí Khiêm làm tổ đời thứ 7. Sau này thì không có khảo chứng nữa.

Ngài Tử Công và tôi (Đức Thanh, Hư Vân), mỗi người trích ra một chữ của bài Kệ Tiếp Diễn gồm 56 chữ rồi giao lại cho các vị hiền nhân hậu này tiếp nối tông phái không ngừng. Kệ rằng:

*Từ Đức Tuyên diễn đạo đại hưng,
Giới đỉnh khánh biến ngũ phân tân,
Huệ diệm di bố châu sa giới,
Hương vân phổ âm sáng cổ kim.
Từ bi tế thế nguyện vô tận,
Quang triệu nhật nguyệt lãng thái thanh,
Chấn khai niêm hoa hồng quy thượng,
Viên tướng tâm đặng vĩnh xương minh.*

(Ghi chú 3) Từ nhật ký của Đàm Quả Chánh: Sư Phụ đã từng cho tôi xem bản pháp truyền mà Lão Hòa Thượng Hư Vân đã trao cho Ngài như vị truyền thừa của phái Quy Ngưỡng đời thứ 9. Sư Phụ còn có cả cây gậy và đôi đũa của Lão Hòa Thượng thường hay dùng lúc còn tại thế. Tác phong mẫu mực của bậc đức hạnh cao dày luôn ở trong tâm chúng ta.

(Ghi chú 4) “Tăng Đỉnh Phật Tổ Đạo Ảnh” trùng tăng phụ ký: Mùa Hè năm Ất Hợi, Vân tôi do nhiều năm trung cầu thu thập mới kết tập lại được 69 chư vị tổ sư đạo hạnh và hình ảnh của các ngài hầu để lưu truyền tán thán. Sau khi bổ sung thêm Phật Tổ Đạo Ảnh mà các bậc tiên đức đã đính hiệu gọi là Tăng Đỉnh Phật Tổ Đạo Ảnh, liền cho ấn hành lưu thông bản mới tại Cổ Sơn, cách nay đã 20 năm. Trong đó lại kết tập thêm 27 vị tôn giả để truyền khen, rồi lại thêm vào mà tăng lên, tổng số đạo ảnh gồm có 330 vị tôn giả. Và các diện mục Tổ sư cũng không chỉ có vậy đâu. Vì khi xưa thiền sư Văn Hỷ hỏi thị hiện Bồ Tát Văn Thù là có bao nhiêu chúng? Bồ Tát Văn Thù đáp: “Trước ba ba, sau ba ba”. Vân tôi, nay đã tăng thêm và lại còn tăng số lên thêm nữa để tròn thành số ba ba ở trước. Còn số ba ba phía sau sẽ đợi các vị hiền triết để tăng số lên mãi không ngừng. Đó là sổ ghi tính của tôi vậy.

Phật lịch 2982 Ất Mùi - Ngày 9 tháng 9 âm lịch - Hư Vân viết tại Am thất Vân Cư lúc 117 tuổi.

(Ghi chú 5) Tựa bài “Tái Tăng Đỉnh Phật Tổ Đạo Ảnh”

Đạo vốn không ảnh, vì có ảnh không phải đạo. Phật tổ vô tướng, nếu có tướng cũng chẳng là Phật tổ. Chúng sanh vì chấp trước nên vốn không ảnh mà hiện ảnh, không tướng lại hiện tướng. Nếu có thể, tức ngay tướng rời tướng, ngay ảnh bỏ ảnh, đó là nguyên do Tái Tăng Đính Phật Tổ Đạo Ảnh này vậy. Sau lại tăng thêm 10 vị cao tăng đại đức cận đại. Cho nên, thấy hiện nhân tề chỉnh lấy mình, noi theo gương mẫu mực, tựa hồ như tông chỉ vô ảnh vô tướng, tức sẽ gần đây!

*Ngày 28 tháng 11 năm 1985 Trường Bạch Sơn Tăng Viết
Lời mở đầu tại Vạn Phật Thánh Thành*

(Ghi chú 6) Giảng giải Phật Tổ Đạo Ảnh: Phật Tổ Đạo Ảnh, là quyển sách vốn thấy tên mà biết nội dung. Sách ghi lại đạo hạnh và pháp tướng của lịch đại tổ sư Tây thiên, Đông độ, cũng để lưu truyền trong và ngoài nước làm quy tắc mẫu mực cho người tu hành sau này, có tác dụng thấy bậc hiền nhân, tài đức mà noi gương theo.

Nhằm tiếp nối ánh sáng tâm Phật, Hòa Thượng lại tăng thêm các vị Tổ sư Tông Tịnh Độ và cao tăng cận đại, với tựa là “Tái Tăng Đính Phật Tổ Đạo Ảnh”, kết đóng 4 chương làm một bộ mà nguyên văn được xuất bản trước tiên vào năm 1986. Sách có giá trị sâu sắc trong việc nghiên cứu lịch sử thiên tông.

Vì bản nguyên văn thuộc thể cổ văn, nên khiến người ngày nay khó thấu hiểu được đức hạnh và các cảnh giới khai ngộ thâm mật của các đại đức cổ xưa. Quyển Phật Tổ Đạo Ảnh giảng giải này do Hòa Thượng đã tuyên giảng tổng cộng 346 lần suốt 13 năm, từ năm 1972 đến năm 1985. Sau khi Hòa Thượng viên tịch, các đệ tử của Ngài cảm nhận nỗi khổ công lưu giữ thánh giáo của bậc tiền bối, cho nên dựa theo những năm Hòa Thượng đã giảng giải ấy, rồi từng bước thu thập, sao chép, sắp xếp chỉnh đốn và phân phó chương tự thành sách.

Ngày 11 tháng 3 năm 2004, Ban phiên dịch kinh Phật.

67. Người Mê, Mê Mộng

Hồng Kông là chốn phồn hoa, tuy có một số thanh niên theo Hòa Thượng, nhưng họ đa số đều tiếp thu nền giáo dục Tây hóa. Hòa Thượng đã tận hết tâm sức để dạy bảo họ và vì cảm thương những lãng tử trong xã hội, Ngài đã sáng tác Bài Ca Thật...

*Mạt pháp chúng sanh, phước mỏng nghiệp nặng,
Tâm nhiễm rất mau, tịnh đức khó thành.
Vô minh vọng động, do nghiệp dẫn dắt,
Trôi lăn sanh tử, hoặc nổi hoặc chìm,
Lấy khổ làm vui, nhận giặc làm con,
Không xét tạt xấu, mê say vô giác.
Tự do Âu hóa, mắt bị mê mờ,
Tranh theo cảnh giả, thật ra là mộng.
Xã giao bất chánh, ngang ngược lạ kỳ,
Mây bịp tạo trá, trở các mảnh khố,
Nam nữ quyến rũ, mưu kế thâm sâu,
Không tiếc tiền bạc, lấy lòng đối phương,
Khi thành công rồi, vợ chồng ân oán,
Chẳng vui thú gì, kết quả thê lương.
Chúng sanh điên đảo, thật quá tội nghiệp.
Đau lòng biết bao!*

Khi chưa xuất gia, Hòa Thượng đọc duyệt rất nhiều sách vở và nhuận nhuận kinh sách điển tịch Đạo Giáo. Khi giảng kinh thuyết Pháp, Hòa Thượng thường dẫn dụng kinh văn, nghĩa lý của Lão Tử trong Đạo Đức Kinh và Thái Thượng Thanh Tịnh Kinh.

Kể là bài Kệ Tu Đạo, Ngài sáng tác vào mùng 6 tháng 9 âm lịch năm 1956 dựa theo các câu chuyện trong “Thất Chân Truyền” của Đạo Giáo để khuyến khích đệ tử học theo đạo tâm kiên thành, xả tục tu đạo.

*Đốt đèn từ chức vào núi non,
Bất Nhị đến Lạc Dương tu đạo,
Tướng Hán Chung Ly phong soái ấn,
Triều Thương Lão Tử bỏ hồng trần.*

(*Ghi chú*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Nhớ lúc ở Hồng Kông, Hòa Thượng thường giảng dạy Phật Pháp cho chúng tôi nghe. Ngài không những giải thích cho chúng tôi am hiểu Tam Bảo là gì mà còn giảng về Đạo Giáo “Thất Chân Truyện” (7 vị đạo sĩ). Trong đó có Khưu Trường Xuân, tuy thông minh nhưng ngộ nhận sự việc một cách sai lầm và câu chuyện hủy hoại dung nhan của mình để học đạo của bà Tôn Bất Nhị v.v... để chúng tôi noi gương tu hành.

Từ 39 đến 45 tuổi (1956 - 1962)

Chương Bốn

Giảng Đường và Độ Chúng

68. Phật Giáo Giảng Đường

Trong thời gian đến Hồng Kông vài năm, Hòa Thượng đã liên tiếp xây dựng hai ngôi chùa Tây Lạc Viên và Từ Hưng Thiên Tự. Chẳng qua, vì hai đạo tràng này không thuận lợi cho việc giao thông, tới lui mất nhiều thời giờ, khó tiếp dẫn thêm nhiều tín chúng, cho nên các vị cư sĩ phát tâm...

Khi có chùa Tây Lạc Viên và Từ Hưng Thiên Tự, Hòa Thượng đã có đệ tử quy y ở khắp đảo Hồng Kông, Cửu Long và khu Tân Giới. Chùa Tây Lạc Viên ở rặng núi của làng Mã Sơn, ở Shau Kei Wan, Hồng Kông, đường núi dốc cong, tòi tàn chật hẹp, thêm nữa phải lên xuống ba trăm mấy bậc thang đá. Còn Từ Hưng Thiên Tự lại cách quá xa khu Hồng Kông, chùa tọa lạc ở nửa dốc núi, thác Vạn Trượng, Đại Tự Sơn, nên chuyên đi và về cần phải băng đèo lội suối mất nhiều thời gian. Vì muốn giúp Hòa Thượng phát dương Phật Pháp quảng đại, tạo cơ hội thuận lợi cho tín chúng tiếp cận đạo tràng, nghe Pháp tu hành, bà Xà Quả Mãn và một số cư sĩ phát tâm mua một tầng lầu tại trường đua ngựa (Happy Valley), Hồng Kông vào năm 1956. Nhân đó Hòa Thượng bèn kiên lập một đạo tràng khác gọi là Phật Giáo Giảng Đường,

Hòa Thượng kể: Lúc đó căn chùa ở Tây Lạc Viên đã bị dột nát hết, như chỗ cái giường đã có 6 nơi dột rồi. Xà Quả Mãn nói: “ Sư Phụ, Ngài chịu khổ như vậy, làm sao mà ở nổi chứ? Con sẽ mua một tầng lầu ngay chỗ trường đua ngựa cho Sư Phụ, rồi Sư Phụ dời về đó ở là được rồi!”

- Bà muốn mua thì mua đi!”

Bà về nhà bàn với con trai bà và sau đó mua một tầng lầu làm chùa. Giá tầng lầu này vốn là 45 nghìn đồng, tiền Hồng Kông, bà mang tới 40 nghìn đồng, tôi và các người khác bù

vào cho đủ khoản tiền đó. Đồng thời chúng tôi còn mua luôn một căn kế bên nữa. Lúc ở Tây Lạc Viên, tôi rất gầy ốm, đến chừng dọn về chỗ trường đua này thì mập mập ra. Hiện ở Mỹ đây, tôi lại ốm bớt đi, mất cũng hơn 20 pounds (khoảng 9 kg).

Lúc sắp đi Mỹ, tôi không có tiền nên muốn bán một căn lầu để kiến lập đạo tràng ở Mỹ. Xà Quả Mãn nói: “*Sư Phụ, Sư Phụ đừng có bán tầng lầu này cho người khác nhé, bởi vì sau này nếu muốn mua lại sẽ không được đâu!*” Tôi nói: “*Tôi cũng chẳng muốn mua trở lại làm gì! Vì không có tiền, nên tôi muốn đem theo một chút qua Mỹ đó mà.*” “*A! Vậy thì để con mua cho!*” Rồi bà bảo con trai đưa ra khoảng 60 nghìn đồng để mua lại tầng lầu. Bà nói: “*Sư Phụ đừng có lo, lúc nào Sư Phụ trở về, con sẽ trả nhà lại cho Sư Phụ. Hiện giờ Ngài cứ dùng tiền này đi! Qua vài năm sau, khi Sư Phụ trở về, con sẽ giao lại cho Sư Phụ.*” Tôi nói: “*Vậy thì tùy ý bà!*” Như thế là tôi từ Hồng Kông đi đến nước Mỹ.

(*Ghi chú*) Do Xà Quả Mãn rất tin tưởng Hòa Thượng, nên mấy lần từ Hồng Kông đến Mỹ, bà đều ghé San Francisco thăm viếng Ngài. Năm 1973, bà đến San Francisco phát tâm muốn xuất gia và được Hòa Thượng từ bi chấp nhận. Cho nên vào ngày 27 tháng 11, bà cùng với 5 vị đệ tử người Mỹ xuống tóc tại Kim Sơn Tự. Hòa Thượng ban cho bà pháp danh Quả Mãn, hiệu Hằng Phước.



Lúc bấy giờ bà đã 67 tuổi, tánh bà đơn giản và bà thích niệm Phật nhất, nhưng vì tuổi cao nên niệm niệm một hồi là ngủ liền. Hòa Thượng nói: Quả Mãn lớn tuổi như vậy, vẫn muốn xuất gia, xuất gia rồi mà vẫn thành tâm như vậy. Các vị

thấy bà ta như thế, chớ chư Phật thường gia trì cho bà, gia hộ cho bà ngủ nhiều thêm một chút, cho bà ăn no và ngủ ngon, nên bà vừa nằm xuống là ngủ khò. Đó là vì bà ta không có vọng tưởng mới được như thế, nếu nghĩ ngợi lung tung sẽ không ngủ được. Giống như lúc bà ở Hồng Kông tới Mỹ đã hai ngày không ngủ được. Đương nhiên bà nghĩ: “Chừng nào đến Mỹ đây? Ngồi trên máy bay không biết ra sao nữa? Khi nào mới gặp được Sư Phụ cà?” Tối ngày bà cứ lớn vồn các thứ vọng tưởng này, nên mới không ngủ được. Tối qua đến đây rồi, bà vừa nằm xuống là ngủ liền, cũng vì bà đã ngừng vọng tưởng, cho nên mới ngủ ngon như vậy.

Xà Quả Mãn xuất gia rồi, Hòa Thượng đều dành cho người cao niên phương tiện thuận lợi, nhất là khi họ ở chánh điện. Hòa Thượng nói:

- Các vị chớ bảo người lớn tuổi lạy nhiều như vậy! Vì khi đứng lên, quỳ xuống họ rất mệt nhọc. Lúc bà tự động lễ lạy thì bà sẽ cẩn thận, nhưng theo đại chúng thì rất hấp tấp, thấy tụi thanh niên mau lẹ, lễ Phật gọn gàng lanh lợi thì bà ta thật căng thẳng. Cho nên các vị nên chú ý điểm này, đừng để cho người già cảm thấy sốt ruột. Đặc biệt về việc lạy Phật, các vị nên lấy bực lạy cho họ lạy. Giống như Quả Mãn, tôi bảo bà lạy trên bực để cho tiện lợi hơn một chút, bởi vì chân của bà lại mọc mụn nhọt, nên quỳ xuống đất không tiện chút nào. Người trẻ tuổi thì nhanh nhẹn, tay chân cũng lanh lợi, quỳ nơi đó dù có té ngã lộn nhào cũng không sao, cũng không hề hấn gì. Còn người lớn tuổi, một khi trượt té rất phiền phức, vì xương cốt người già đã lão hóa yếu mềm không đủ mạnh, đó là điều chúng ta cần phải biết vậy!

Hòa Thượng kể: Đáng lẽ Quả Mãn đã xuất gia lâu rồi, nhưng vì có 3 người con trai, mà người con lớn thì hiếu thảo vô cùng. Mỗi lần về Hồng Kông, cậu ta mua đủ các thức ăn ngon, lại sắm quần áo, còn cho tiền bà nữa, cho nên tiền mà bà ta xuất ra đều là do các con bà cho. Cả nhà bà đều quy y tôi. Hiện bà muốn xuất gia, tôi rất vui mừng, vì bà sẽ dụng công hơn mà không khởi vọng tưởng và công phu niệm Phật của bà

sau này sẽ có kết quả hơn. Lúc trước có người hỏi tôi: “Tại sao Quả Mãn không xuất gia vậy?”

Đây là chuyện phải đợi đến lúc mới được! Khi đã đến giờ rồi thì không xuất gia cũng phải xuất gia thôi. Còn chưa phải lúc, dù có bảo bà xuất gia đi nữa cũng không thể được, huống chi xuất gia rồi có khi còn hối hận nữa đây! Quả Mãn đã lớn tuổi nên không có vấn đề nam nữ rắc rối. Tuy bà giàu có, người nhà lại đông, gồm có chồng, ba con trai, còn có 3, 4 cô con gái, các con dâu, con cháu, họ đều đối xử với bà rất tốt, nhưng bà xuất gia được tức là bà đã thật sự buông xả tất cả! Tôi nói lời này không phải giảng cho người khác, mà cốt ý nói cho các vị nghe đó!



69. Thực hành vẫn hơn

Phật Giáo Giảng Đường thành lập xong, thật xứng với danh gọi. Hòa Thượng thường thường giảng kinh thuyết pháp ở đó. Mỗi lần cuối tuần Hòa Thượng huấn luyện các đệ tử luân phiên nói Pháp, các đệ tử trẻ tuổi thường kể bên Hòa Thượng tiếp nhận sự luyện tập thì không cần phải nói nhiều, ngay cả...

Có bà lão Hồ Quả Vi 60 mấy tuổi, mỗi khi chùa có pháp hội bà đều đến tham gia. Bà đã từng nói trước đại chúng một bài thơ Tịnh Độ như:

Xa chỉ Tây phương, phía trời lặn, một đường thẳng đến như dây đàn,

Lúc đi không cần mang giày dép, mỗi bước sen nở, đỡ gót chân.

Vị lão cư sĩ này là mẹ của Lý Quả Viễn (Chuyện lạ cứu người #2), từ khi quy y Hòa Thượng, tay bà không rời chuỗi tràng. Vào những ngày cuối năm 1962, bà đột nhiên có ý nghĩ lạ kỳ là muốn đi tứ xứ thăm viếng bà con bạn bè đã lâu không gặp mặt. Rồi ba ngày sau đó, bà an tường vãng sanh tại nhà. Hòa Thượng từng nói: “Biết giảng thì không bằng biết nghe, biết nghe thì không bằng biết thực hành.” Bà lão này chính là người đáng cho chúng ta học theo!

Hòa Thượng kể: Lấy việc nghe pháp ra nói, tuy là nghe rất nhiều đấy, nhưng hiểu rõ thì rất ít, hoặc minh bạch rất nhiều, nhưng thực hành thì rất ít. Cho nên tôi thường nói: “Người biết nói pháp, không bằng người biết nghe; người biết nghe lại không bằng người biết thực hành và người biết thực hành thì không bằng người được chứng ngộ. Dù người đó có nói hay, nói đến trời rải mưa hoa, đất mọc sen vàng mà y không thực hành, không đích thực hành trì, đó gọi là "chỉ nói tên các món ăn (mà không được ăn) hoặc là đếm tiền cho thiên hạ (chớ không phải của mình)." Hay cũng giống như người đá biết nói chuyện nhưng không thể đi lại, bởi vì đó là đá sỏi. Cho nên nói: “Nói rất hay, nói rất tuyệt, làm không được tức không phải là Đạo.”

Người biết nghe thì làm sao để nghe Pháp đây? Họ nghe “lời thô và câu vi tế đều quy về Đệ Nhất Nghĩa.

(*Ghi chú 1*) Trưởng Lão Tỳ Kheo Tri Định ghi lại trong cuốn Truy Niệm Trưởng Lão Độ Luân:

Sau khi Độ Lão từ Thái Lan về Hồng Kông định cư, Ngài đã tích cực phát triển công việc hoằng pháp lợi ích chúng sanh Trước tiên tại Tây Loan Hà, Hồng Kông, Ngài kiến lập chùa Tây Lạc Viên, mở rộng pháp môn niệm Phật cho cả ba căn: thượng, trung và hạ hầu tiếp dẫn người sơ cơ. Về sau Ngài kiến lập Phật Giáo Giảng Đường, tầng lầu 12 tại trường đua ngựa, Hồng Kông mà nghe qua tên cũng đủ biết ý nghĩa. Đó là nơi hoằng dương Kinh điển Đại Thừa, lợi ích cho hàng thượng căn lợi trí, cũng bao hàm tất cả đại chúng. Hơn nữa cũng là có thêm một đạo tràng cho tăng chúng trú ngụ. Ngoài việc xây

chùa tiếp dẫn chúng sanh hoàng dương giáo Pháp tại Hồng Kông, Ngài còn ấn tống Kinh điển, lưu thông Pháp bảo.

(*Ghi chú 2*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Lão cư sĩ Hồ Quả Vi tuy không biết chữ, nhưng từ lúc quy y, bà không hề gián đoạn tham gia mọi pháp hội hoặc nghe giảng Kinh tại chùa Tây Lạc Viên. Mỗi khi tới giờ nghỉ ngơi, bà thường ngồi một bên, tay lần chuỗi, miệng niệm Phật. Mỗi lần tôi chào bà, bà đều vui cười đáp lại. Chùa có pháp hội vào cuối tuần mà mỗi khi Sư Phụ kêu bà lên đài nói pháp, bà già chỉ nói: “Tôi tên là Hồ Quả Vi, tôi không biết nói chuyện, A Di Đà Phật!” rồi cười hi hi mà đi xuống. Một ngày nọ, bà lại đột nhiên nói ra một bài thơ (như trên), khiến ai nấy cũng đều ngạc nhiên.

Theo lời con dâu của bà, trước 3 ngày lâm chung, bà đã đi các nơi để thăm hỏi bà con bạn bè thân thiết. Vào buổi sáng trước lúc ra đi, bà tắm gội xong, thay áo tràng đắp y rồi ngồi kiết già trên giường niệm Phật mà vãng sanh! Đến bữa cơm trưa, con dâu đến tìm, mới phát hiện là bà đã ra đi rồi.

(*Ghi chú 3*) Năm 1995, Đàm Quả Chánh thuật lại: Chúng ta muốn truyền bá Phật Giáo, nhất định phải giảng Kinh thuyết Pháp. Mỗi cuối tuần, Phật Giáo Giảng Đường Hồng Kông đều có thuyết Pháp. Phật Giáo Giảng Đường được thiết lập không những dành cho các đại pháp sư, mà cũng là nơi rèn luyện cho các pháp sư trẻ trong tương lai. Hòa Thượng yêu cầu các đệ tử Ngài, bất luận nam nữ già trẻ đều phải nói pháp. Ngay cả bà lão hơn 60 tuổi Hồ Quả Vi, mỗi lần lên đài đều đọc lại y chang bài thơ đó mà cũng phải lên đài nói. Lúc lên đài, không được đem theo sổ ghi chép mà nói Phật Pháp thẳng từ tâm ra. Đây là cách huấn luyện các đệ tử thuyết Pháp rất đặc thù của Hòa Thượng, cũng là phương thức vẫn mãi tiếp tục cho đến ngày nay.

(*Ghi chú 4*) Thứ Hai ngày 10 tháng 11 năm 1958, năm Mậu Tuất từ Nhật Báo Tự Nhiên: Phật Giáo Giảng Đường, Giảng Pháp Đại Thừa. Happy Valley (trường đua ngựa) tại Hồng Kông, đường Thành Hòa (Sing Woo Road), số 1, đỉnh lầu A, Phật Giáo Giảng Đường Hồng Kông ngày hôm qua

(Chủ Nhật) đã cử hành Đại Hội Diễn Giảng, do cao tăng pháp sư Độ Luân chủ trì, thỉnh chúng hoan hỉ đến nghe. Pháp sư Độ Luân trước đã từng nhậm chức Giám Học Phật Học Viện Nam Hoa. Sau khi đến Hồng Kông, trước sau đã kiến lập chùa Tây Lạc Viên, Từ Hưng Thiền Tự và đạo tràng thứ ba hiện là Phật Giáo Giảng Đường. Đệ tử quy y của Ngài ở khắp cả Tân Giới, Hồng Kông và Cửu Long. Từ nay về sau vào mỗi Chủ Nhật từ 2 giờ đến 5 giờ chiều, pháp sư Độ Luân giảng diễn Kinh Pháp Đại Thừa, hóa độ thế nhân. Hoan nghinh thiện nam tín nữ đến tham gia nghe thuyết Pháp.

70. Đến Miến Điện triều bái

Vào tháng 7 năm 1957, Đại sứ Miến Điện, Trần Chân Phú và Chánh án Dư Trần Đông, thỉnh mời Hòa Thượng đến Miến Điện tham gia buổi lễ Khai Quang Tháp Hòa Bình. Chí nguyện từ lâu của Ngài là hợp nhất Phật Giáo Đại Tiểu Thừa...



Hòa Thượng dẫn theo Văn Quả Mật đến Miến Điện, sau đó tham quan trường Đại Học Phật Giáo ở Bago, triều bái Đại Kim Tháp Shwedagon Pagoda tại Yangon (Ngưỡng Quang). Ngài đã hướng dẫn vài trăm vị Phật tử Yangon

nhiều tháp niệm Phật. Đồng thời Ngài cùng với các vị Tỳ Kheo Miến Điện tại Thụy Phật Tự (chùa Phật Ngủ) tĩnh tọa, tham thiền tu học. Hòa Thượng đứng ra làm gương, dẫn dắt các vị thuộc Đại Tiểu Thừa cùng tu cùng tiến, cùng nhau phát triển, hy vọng Phật Giáo được đoàn kết nhất trí trên thế giới và không còn tồn tại ý thức phân biệt Đại Tiểu Thừa nữa.

Trong thời gian ở Miến Điện, Hòa Thượng trú ngụ tại hội Phật Giáo Thế Giới, khi pháp hội viên mãn, Ngài từ Yangon đến Penang, Malaysia ở tại chùa Cực Lạc, sau đó lại đến Singapore. Lúc rời Miến Điện, các cư sĩ đã không cầm được nước mắt, quỳ tiễn Ngài tại phi trường. Tuy Ngài ở đó chỉ một thời gian ngắn, nhưng họ đã cảm nhận được đức hạnh và tác phong của người tu hành chân chánh.

Hòa Thượng kể: Phật Giáo phát nguyên từ Ấn Độ, sau đó truyền đến mỗi một quốc gia, rồi một số quốc gia tự cho Phật Giáo là của riêng họ. Miến Điện có Phật Giáo Miến Điện, Cao Miên (Khmer) có Phật Giáo Cao Miên, Việt Nam có Phật Giáo Việt Nam, Thái Lan có Phật Giáo Thái Lan, Trung Quốc có Phật Giáo Trung Quốc, Nhật Bản có Phật Giáo Nhật Bản, Đại Hàn có Phật Giáo Đại Hàn. Lúc ban sơ Phật thuyết pháp, có phải Ngài chỉ nói cho một quốc gia nào đó chăng? Không phải thế, Phật đã quán sát căn cơ mà giáo hóa Phật Pháp đối với mỗi một công dân của quốc gia đó đều có sự tương hợp. Bản chất của Phật Pháp không có phân chia Phật Giáo cho riêng một quốc gia nào, nhưng có nhiều quốc gia tự không muốn cho Phật Pháp phát dương quang đại, vì vậy mới coi như là của riêng họ, rồi nói đây là Phật Giáo của nước mình.

Do nhân duyên này, cho nên khoảng mười mấy năm về trước (1957), khi tôi qua Miến Điện, đến một đạo tràng Phật Giáo, họ đem ra một cuốn sổ ký tên lưu niệm, muốn tôi viết vài dòng. Tôi nói: “Đưa mắt nhìn toàn thế giới, nên mở tâm lượng bao gồm cả tánh pháp giới, thúc đẩy các sự thành công sẵn có cụ thể trong Phật Giáo, khiến thống nhất giáo thừa, Đại Tiểu quy nguyên. Nguyên mọi người đồng chứng bỉ ngạn, ai nấy đều kiến tánh thành Phật.” Đó là nguyên do tôi nói vài câu như vậy. Ý nói nếu muốn phát dương Phật Giáo rộng lớn, chúng ta phải có tầm mắt nhìn xa, đẩy mạnh Phật Giáo đến mỗi một quốc gia, mỗi một ngõ hẻm, thậm chí tại mỗi một hạt bụi, đều muốn chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sanh, khiến cho mọi người xa rời khổ não được an vui, và dứt trừ sanh tử. Cho nên tôi mới cả gan nói: “Phật Giáo này, không phải là Phật Giáo thuộc riêng về một quốc gia nào hết. Đây là

Phật Giáo của toàn thể nhân loại, là Phật Giáo của tất cả chúng sanh. Chúng ta không nên đem Phật Giáo làm kho tàng bảo quý cho riêng mình, mà nên sung vào của công chúng thế giới và có thể làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu.”

Chú Lăng Nghiêm có pháp trừ tai nạn, thí dụ như rõ ràng thấy có sự việc xảy ra ngoài ý muốn, tức có thể khiến nó trở thành ra chuyện nhỏ rồi từ nhỏ đó hóa ra không còn, và đa số các việc dù có kinh sợ nhưng không hề nguy hại. Đáng lẽ bị rơi xuống biển chết chìm, nhất tâm niệm chú Lăng Nghiêm nên dù chìm mà không chết, thuyền bè cũng không chìm được. Hoặ là ngồi tàu bè, đáng lẽ tàu chìm, các vị niệm chú này, tàu sẽ không bị chìm. Hoặ là ngồi phi cơ, chuyến bay đó đáng lẽ bị nổ tung trên không, các vị niệm chú này, nó sẽ không nổ được, thật là thần kỳ, thần biến! Từ Miến Điện đến Thái Lan, cuộc hành trình của chúng tôi rất nguy hiểm, nhưng ngồi chuyến bay đó cũng không bị lay động, cũng không lắc lư, ngay cả phi công còn không hiểu tại sao lần này phi cơ lại bay vững vàng như vậy. Ông đâu biết rằng lúc đó đã được các Thiên Long Bát Bộ, chư Phật Bồ Tát đều hộ trì tứ phía phải trái trước sau.

Các vị tu sĩ ở quốc gia Nam Truyền Phật Giáo như Xiêm La (Thái Lan), Miến Điện, Tích Lan đều đi bát khất thực, duy chỉ có Trung Quốc là tự nấu ăn ở trong chùa. Tại Thái Lan, Miến Điện, khi các sư khất thực đến nhà, thí chủ đều quỳ xuống dâng bát thức ăn lên ngang đầu, rồi mới sót vào trong bát của các sư. Sau đó họ còn lễ 3 lạy mà thành tâm cúng dường Tam Bảo như thế. Mỗi nhà trai chủ đều cúng dường Tam Bảo giống như vậy.

Tôi thấy các sư Thái Lan, Miến Điện mang bình bát rất lớn, nếu đựng đầy cũng đủ cho vài người ăn. Các vị sư ăn cơm dùng tay bốc thức ăn chớ không dùng muỗng, cũng không dùng đũa, đây gọi là đoàn thực (vo tròn thức ăn). Cho rằng ăn như vậy có hương vị ư, rốt cuộc có hay không có mùi vị? Tôi không có thói quen này và cũng không có thử qua.

Người Miến Điện có thói quen là để hành tỏi đã nấu chín trên bàn, những mùi này sẽ được hít vào trong bụng. Vì thế cả ngày tôi cảm thấy trong bụng trong ruột đều có cái mùi này. Hành tỏi là một trong năm loại rau tanh cay, ngũ tân. Ngũ tân là hành, tỏi, họ, kiệu và hưng cử, nếu ăn vào sẽ có mùi hôi, ngửi thấy khó chịu, cho nên người ăn chay nên kiêng cử.

Cho đến nay, Ấn Độ, Thái Lan, Miến Điện và Tích Lan vẫn một mực noi theo nếp cũ là đắp y cà sa như lúc Phật trụ thế. Tu sĩ đều đắp y màu vàng, không có móc cài. Tại sao cà sa của Trung Quốc lại có móc cài? Đó là hiểu rõ về lẽ quyền biến trong đời và tự chế biến ra cho linh hoạt. Tu sĩ người Hoa đắp y cũng để lộ vai mặt, y chiếu theo quy chế của Phật. Nhưng vì thời tiết ở Trung Quốc có phần lạnh hơn, buộc phải mặc y phục bằng vải sợi bông cotton, rồi mới đắp y phủ lên, cho nên cà sa có trượt ra họ cũng không hay biết và rất dễ bị thất lạc. Tổ sư Đạt Ma rất am tường, hơn nữa lại là một nhà phát minh, sáng kiến ra móc cài trên cà sa. Dùng móc cài như vậy vừa bảo trì điều Phật chế vừa thấu rõ lý lẽ quyền biến khéo léo trong đời, đó là nhân duyên của câu móc trên y cà sa Trung Quốc.

Sau khi xuất gia, tôi từng hỏi rất nhiều lão pháp sư có liên quan đến vấn đề câu móc cà sa, nhưng các lão hòa thượng này đều lắc đầu không biết. Có lẽ vì là vấn đề nhỏ nhoi, cho nên không ai biết. Vậy rốt cuộc rồi, ai nói cho tôi biết đây? Không ai hết. Tôi bèn so sánh khí hậu ở Trung Quốc và các nước Ấn Độ, Thái Lan, Miến Điện, biết được tổ đầu tiên đến Trung Quốc vì thời tiết lạnh nên cũng mặc y phục bên trong. Sau đó lại nghiên cứu dùng câu móc như vậy thì đắp cà sa trên thân sẽ không bị lỏng lẻo, không dễ bị tuột mất. Song tôi đề ra lý do này với một số lão pháp sư và các vị đều nói thì là như vậy đó.

(Ghi chú 1) Pháp sư Lạc Quán ghi lại trong cuốn Lão Hòa Thượng Hư Vân Ấn Tượng Ký:

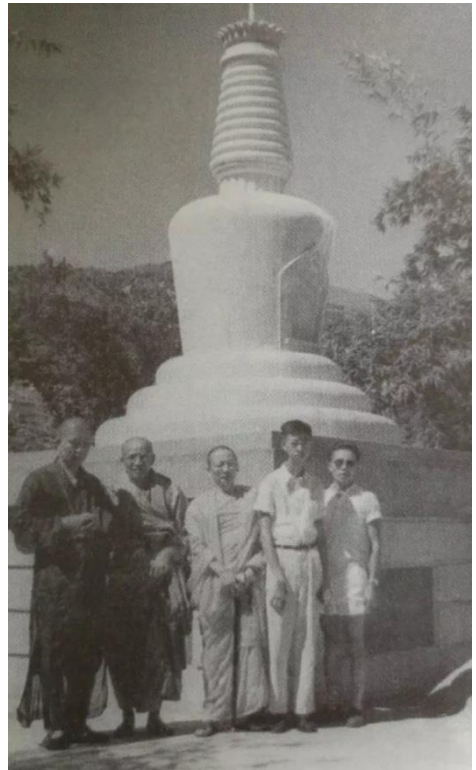
Hư Lão hỏi tôi: “Thầy đã tới chỗ thường trụ này rồi, vậy thầy sẽ ở lại chùa hay chỉ là ghé ngang qua đây thôi?”

- Con cốt ý đến đánh lễ Lão Hòa Thượng, rồi con phải đi Quảng Châu liền.

- Thầy từ nơi xa xôi đến đây thăm ta, sao không ở lại thêm một chút cho ta yên tâm. Chẳng qua ở đây cuộc sống thanh đạm, nên không có trà thơm và thức ăn ngon để cúng dường thôi!

- Lão Hòa Thượng từ bi, con rất cảm tạ, con cũng muốn ở lại thân cận Ngài lâu hơn, nhưng đáng tiếc là con không có đem theo cà sa bên mình, nên ở lại thường trụ thật không tiện lợi.

- Trong thời buổi chiến loạn, không nên quan trọng quá về vấn đề này. Bình thường tu sĩ người Hoa chúng ta mặc y phục cổ tròn, nhưng y theo giới luật mà nói, đó không phải là y phục của người tu. Duy chỉ có chiếc cà sa, mới là y phục chân chánh của người xuất gia. Nếu thầy thấy bất tiện thì đừng theo đại chúng lên chánh điện hay vào trai đường, mà mỗi ngày cứ dùng trai ở nhà khách là được rồi.



(Ghi chú 2) Tháp Thế Giới Hòa Bình (Kaba Aye Pagoda) tọa lạc tại phía Bắc Yangon Miến Điện trong thành phố Yangon, nơi nổi danh về kiến trúc Phật Giáo. Năm 1954, chánh phủ Miến Điện khai mở đại hội Kết Tập lần thứ 6 ngay chỗ này (Kiết Tường Sơn) và cử hành đại hội thế giới Kết Tập Kinh Phật trong thời gian 2 năm. Dưới núi Kiết Tường là một hang đá, xưng là Đại Thánh Quật có thể dung chứa hơn 10 nghìn Tỳ Kheo. Hang động có 6 cửa, 6 trụ cột đá, trên tường có chạm trổ 6 hình nổi Pháp Luân,

trên đài có đặt 6 cây nến hình ngọn đuốc điện, đó đều là tượng trưng cho lần Kết Tập thứ 6. Tháp Thế Giới Hòa Bình ở ngay phía bên phải của núi Kiệt Tường.

Kiến trúc của tháp Thế Giới Hòa Bình cũng hiển lộ dấu hiệu đại hội thế giới Phật Giáo lần thứ 6: tháp cao 35 mét, chu vi cơ sở dài 35 mét, thân tháp trống rỗng. Toàn tòa tháp có 6 cột trụ lớn chống đỡ, gồm 6 cửa, mỗi cửa ra vào có tạc một tôn tượng Phật to lớn. Đó đều biểu tượng cho lần thứ 6 kết tập kinh Phật. Ngay trung tâm của tháp có một kho tàng nhỏ. Khang xá lợi Phật phụng thờ một tôn tượng Phật đúc bằng bạc nặng gần một tấn, cũng là pho tượng trọng yếu trân quý nhất nơi đó. Ngoài ra cũng là nơi thờ phụng xá lợi của hai vị đại đệ tử của Phật: ngài Xá Lợi Phất và tôn giả Mục Kiền Liên. Trong tháp còn có đền thần hình trụ tròn, trên có 28 tượng Phật nhỏ. Bên trong tháp còn thiết bị một viện bảo tàng nghệ thuật Phật Giáo với các bức tượng Phật, Kinh Phật đã sưu tập từ khắp nơi trên thế giới, được thu giữ từ năm 1955, do đoàn đại biểu Phật Giáo Trung Hoa hiến tặng hai viên xá lợi vốn cúng phụng tại cung điện Potala ở Tây Tạng. Ngoài ra còn có một bản sao chụp Tạng Kinh tiếng Hoa trải qua 800 năm về trước và Hán Tạng tạng y, bát, tích trượng v.v... được an trí tại đền thờ, liệt bày trong tủ. Tuy Tháp Thế Giới Hòa Bình là một tháp Phật mới nhất tại Yangon, nhưng chiếm vị trí quan trọng trong lịch sử văn hóa Phật Giáo, cũng là trung tâm văn hóa Phật Giáo của nước Miến Điện.

(*Ghi chú 3*) Văn Quả Mật thuật lại ngày 13 tháng 9 năm 2010: Vào tháng 7 năm 1957, Sư Phụ ứng lời mời của vị chánh án Yangon đến Yangon, Miến Điện. Thư mời này từ Miến Điện gửi đến thông qua đại sứ Miến Điện tại Hồng Kông là Trần Chân Phúc trao lại. Lúc đến Yangon, Phật tử địa phương người Hoa đã thành tâm tới phi trường tiếp đón chúng tôi.

Sư Phụ trú tại hậu viện của Bảo Tháp Thế Giới Hòa Bình. Ban ngày Sư Phụ tham gia hội nghị cùng người địa phương, và các vị ở nước láng giềng để cùng thảo luận về sự phát triển của Phật Giáo trên các lãnh vực khác nhau. Vào buổi tối, Sư Phụ

khai thị cho Phật tử địa phương tại một ngôi chùa người Hoa phụ cận, thỉnh chúng ở đó rất cung kính Sư Phụ. Chúng tôi ở tại Yangon khoảng 2 tuần lễ, rồi đến địa điểm kế tiếp là Penang, Malaysia.

Chúng tôi đi máy bay có hai động cơ, cất cánh không lâu bỗng gặp phải cơn giông bão, phi cơ lắc lư dữ dội, đồng thời hạ độ cao đột ngột khiến các thứ trên phi cơ kêu lạch cạch. Mọi người đều kinh hãi hết hồn. Sư Phụ bắt đầu ngò thiền cầu nguyện Thiên Long Bát Bộ hộ trì cho chuyến bay bình yên, tôi cũng làm theo Sư Phụ. Vài phút sau, phi cơ ổn định trở lại rồi bay êm xuôi đến nơi.

Sư Phụ trú tại Chùa Cực Lạc (Kek Lok Si Temple), là ngôi chùa rất nổi tiếng ở Penang, Malaysia, và đã được vị phương trượng sáng lập chùa cùng các sư tăng nghinh tiếp nhiệt liệt. Sư Phụ cũng họp mặt với tín chúng Phật tử địa phương, trong số đó có nhiều học sinh. Sư Phụ lưu lại ở Penang một tuần lễ, rồi tiếp tục cuộc hành trình và Singapore là trạm cuối trước khi trở về Hồng Kông. Hội Trưởng Hội Phật Giáo Hiệp Hội Singapore, bà Tất Tuần Huy là một Phật tử thuần thành đã tiếp đãi chúng tôi, bà ta rất cung kính Sư Phụ. Trong thời gian ở Singapore, Sư Phụ đã hội họp với Hội Phật Giáo Hiệp Hội đó vài lần, đồng thời cũng khai thị cho các em học sinh trường Tiểu Học Bồ Đề ở đó.

(Ghi chú 4) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ tán thán Quả Mật rằng: “Lúc Quả Mật đi Miến Điện với tôi, chú mới 16 tuổi. Chú ta phụ giúp các việc và phiên dịch cực kỳ lưu loát.” Quả Mật vốn bị bệnh tim, lúc trước không dám đi máy bay. Nhưng khi Quả Mật đi Miến Điện với Sư Phụ, cuộc hành trình từ Miến Điện tới Penang, phi cơ gặp sự bất ổn, chao đảo lên xuống, vậy mà chú ấy vẫn bình an vô sự. Chú ta tin rằng, đó là do Bồ Tát phù hộ. Sau khi Quả Mật trở về Hồng Kông, bác sĩ khám xét và chứng nhận tim mạch của chú thật bình thường không hề gì! Lúc chú đi Miến Điện với Sư Phụ thì tướng người còn nhỏ thấp, không lâu sau trở về thì cao lớn hẳn lên, thật ra còn cao hơn cả Sư Phụ nữa!

71. Quả Mật truyền kỳ (2)

Lần nọ lúc Hòa Thượng giảng Kinh tại Phật Giáo Giảng Đường, suốt buổi trên pháp tòa Hòa Thượng không nói một lời nào, chỉ có Quả Mật diễn giảng. Mọi người kẻ đầu nhau xầm xì, trong tâm không phục. Ai nấy nghĩ rằng: “Chúng tôi đến để nghe Hòa Thượng thuyết pháp, làm sao chịu nổi tên nhóc tí mười mấy tuổi này nói quàng bá láp chứ!”...

Mọi người đều nghĩ ngợi tung lung, đợi giảng kinh xong, Hòa Thượng nói ra lời thăm thía rằng: “Thông thường chúng ta dễ chấp vào hình tướng bên ngoài, vừa thấy không phải là pháp sư thuyết pháp thì bất luận người đó giảng kinh văn có đúng hay không, là lập tức sanh tâm phân biệt. Quả Mật giảng đây cũng là những gì tôi muốn nói, chú ta y chiếu những gì trong tâm tôi muốn nói mà phát ra từ miệng của chú đấy.”



Hòa Thượng kể: Đứa đệ tử này không cao, nhưng lại giỏi tiếng Anh. Lúc ở Hồng Kông, hễ khi nào có người Tây phương đến gặp tôi, chú ta đều làm thông dịch viên. Nhưng người ngoại quốc thấy tướng chú ấy nhỏ bé như vậy, nên không coi trọng cho mấy những gì chú ta nói. Tôi bèn bảo chú rằng: “Con hãy mau cao lớn lên nào! Con lùn thấp như vậy, dù con nói có hay cơ nào đi nữa, người ta cũng đều coi con như là một đứa con nít, nên khó khiến cho họ sanh tín tâm!”

Chú ta rất nghe lời, chỉ qua một tuần lễ thì cao lên thêm 3 tấc, hiện so ra còn cao hơn tôi nữa, thật cũng là một điều không thể nghĩ bàn! Chú là đệ tử tôi quý mến nhất ở Hồng Kông. Mới đầu chú ta hứa với tôi sẽ xuất gia, nhưng bây giờ cũng không biết là chú ấy có còn muốn xuất gia hay không nữa?

Trải qua thời gian khoảng chừng một năm, chú ấy khai nhãn, thấy mọi sự việc thật rõ ràng không thể ngờ, lại minh bạch Phật pháp rất nhiều và hết lòng tin tưởng tôi. Tôi giảng Kinh tại Hồng Kông, chú ta phiên dịch ra tiếng Quảng Đông, tôi muốn nói gì, tôi chỉ cần nói một câu, không cần tôi dứt lời, là chú ấy có thể nói ra hết ý của tôi, và nói các đạo lý rất hoàn chỉnh. Có người phản đối nói: “*Sư Phụ không có nói cái này, sao chú ta lại nói nhiều như thế?*” Thật ra chú ta nói nhiều như vậy là do tôi bảo chú nói đó. Vì chú ta đã khai nhãn nên biết được tôi muốn chú nói nhiều thêm một chút. Tại sao tôi lại bảo chú nói nhiều thêm như vậy? Bởi lời chú nói và những gì tôi nói đều giống nhau, cho nên tôi muốn lười biếng hưởng nhàn mới bảo chú ta nói nhiều thêm một chút! Cũng vì chú ta thông minh như vậy nên có một số người vô tri rất ganh tị với chú, thậm chí cũng giống như Thần Tú muốn hạ sát đại sư Lục Tổ, thật ghê gớm thế đấy.

(Ghi chú 1) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Có một lần *Sư Phụ* cùng các đệ tử ngồi thuyền Tại O đến Đại Tự Sơn, Quả Mật cũng cùng đi. Trên thuyền có ba trăm mấy người mà hơn phân nửa là người tin Phật, cho nên *Sư Phụ* ra lệnh cho Quả Mật thuyết pháp trên thuyền. *Sư Phụ* ra chủ đề là: “*Một hai ba bốn năm sáu bảy tám chín mười.*” Quả Mật y giáo phụng hành, biện tài vô ngại, thính giả nghe đều tấm tắc khen ngợi. Sau đó *Sư Phụ* nói với Quả Mật rằng: “*Con nói rất hay, nhưng đáng tiếc là con có cái tướng lùn thấp, nên chưa thể khiến cho người ta chú ý và coi trọng những điều con nói, nếu như con cao lên thêm một chút nữa thì được quá!*” *Sư Phụ* nói lời này xong, quả nhiên trong một tuần lễ, Quả Mật liền cao lên được 3 tấc.

(Ghi chú 2) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Tôi đến nước Mỹ vào cuối năm 1957. Trước khi đi, tôi chuyển đến một trường Thiên Chúa Giáo và học cùng lớp với Quả Mật, lúc đó Quả Mật rất lùn. Vào thập niên 70, *Sư Phụ* lần đầu từ Mỹ trở về Hồng Kông, tôi cũng cùng đi về. Khi ấy tôi thấy chú ta còn cao hơn *Sư Phụ*, lúc đó chú ta làm việc trên chuyến tàu du lịch giữa Hồng Kông và Úc Châu.

72. Ân đức khó quên

Vào thời động loạn, tuy Hòa Thượng chưa thể trở về Vân Môn để tiếp tục thân cận Hư Lão, nhưng vẫn thường thư tín qua lại với Ngài, đồng thời còn tận tâm tận sức hộ trì Hư Lão. (Các thư qua lại của hai Ngài trong Cuộc Đời và Đạo Nghiệp của Hòa Thượng, giai đoạn ở Trung Quốc).

73. Đầu Đà á khẩu

Lần nọ, có một vị sư tóc dài đến vai, đốt ngón tay tu hạnh Đầu Đà đến Phật Giáo Giảng Đường thăm viếng Hòa Thượng. Hòa Thượng nói với vị sư đó rằng: “Pháp sư, tôi có một câu đối liền, nếu sư đối được, tôi sẽ gọi sư là Lão Tu Hành.”...

Hòa Thượng nói tiếp: “Nếu như Sư không đối lại được, tôi sẽ kêu là Lão Ma Vương. Sư nghe đây, “Bạch thủy tuyền trung nhất đại thiên.” Nửa giờ sau, Lão Đầu Đà gãi đầu, gãi tai vẫn chưa đối lại được. Hòa Thượng bèn nói một bài kệ tụng để giáo huấn Sư đó. (Ghi chú: Nguyên văn đã mất, nay tạm dịch ý từ tiếng Anh):

Tóc bông, mặt bản Lão Ma Vương, đi khắp nơi đồn lời tốt xấu. Rốt cuộc có buông xả được chưa.

Tại sao Hòa Thượng muốn làm khó Sư ấy như vậy? Bởi vì vị Đầu Đà này khi mới đến Hồng Kông đã đi tứ xứ tuyên truyền mình là Sư Phụ của Lão Hòa Thượng Hư Vân. Do đó có rất nhiều đệ tử của Hư Lão tưởng là thật nên hộ pháp và cúng dường Sư.

Hòa Thượng kể: Có một người đến Hồng Kông để tóc dài dài, râu dài dài, tướng tá lôi thôi lếch thếch. Nếu người ta nói: “Tôi quy y Lão Hòa Thượng Hư Vân”, thì Sư ấy nói: “Ồ! Ông là đệ tử của tôi đó”. Đợi đến lúc Hư Lão tới Hồng Kông, đệ tử quy y Ngài hỏi: “Sư Ông của chúng con hiện nay....” Hư Lão nói: “Ai là Sư Ông của các người thế?”, “Người đó đó, ông ta nói ông là Sư Phụ của Ngài đấy!” Hư Lão chỉ cười cười chớ không nói gì hết. Ở Hồng Kông cũng có người mạo danh là Sư Phụ của tôi mà tôi chẳng hề quen biết ông ta, cho nên trong

Phật Giáo này, có vô số kể người kỳ quái với những chuyện quái kỳ.

(*Ghi chú 1*) Nếu muốn đối đúng với câu đối liền tất nhiên không dễ chút nào. Nhưng muốn ra một câu để đối lại thì càng khó hơn. Giống như câu đối: “Bạch thủy tuyên trung nhất đại thiên” là cách tháo ráp chữ, bên trong càng ẩn chứa vị thiên cơ. Như ráp hai chữ đầu “Bạch thủy” (白水) lại để thành ra chữ Tuyên (泉) thứ ba. Còn phải hợp hai chữ Nhất Đại (一大) thứ 6, thứ 7 với nhau để thành ra chữ Thiên (天) cuối cùng.

(*Ghi chú 2*) Giáo sư Dương Phú Sâm thuật lại vào ngày 14 tháng 8 năm 1995: Có một lần trên lớp đối liền, Hòa Thượng nói: “Tôi ra một câu đối cho các vị, thử xem ai có thể đối lại được câu đó.”

Tôi gật đầu đồng ý. Sư Phụ nói, câu ở về trên là:



Bạch thủy tuyên trung nhất đại thiên. 白水泉中一大天

Tôi lập tức hiểu ra, chỗ tuyệt diệu của câu đối phía trên này là dùng hai chữ Tuyên (泉) và Thiên (天), nếu tách chúng ra, lại thành một câu. Tôi nhớ có một cặp đối liền mà về trên cũng giống như câu Sư Phụ đề ra. Cặp đối liền đó là:

Bạch thủy tuyên biên nữ tử hảo, thiếu nữ cánh diệu,

Sơn thạch nham hạ cổ mộc khô, thử mộc thành sài

(Cô gái đẹp bên suối nước trong, trẻ tuổi càng tuyệt,

Cây gỗ khô dưới động hang đá, cây này thành củi.)

Vì câu ở về trên lấy ba chữ Tuyên (天), Hảo (好) và Diệu (妙), nên câu về dưới nên dùng ba chữ Nham (岩), Khô (枯) và Sài (柴), rồi tách các chữ này ra sẽ thành ra một câu khác. Do vậy tôi bèn viết xuống bốn chữ, Sơn Thạch Nham Hạ (山

石山下) thành phân nửa câu để đối lại câu đối phía trước là Bạch Thủy Tuyên Trung. Còn để đối với chữ Nhất (一), tôi nghĩ đến chữ Nhị (二) từ về số mục, tiếp theo tôi bỗng dung nghĩ ra chữ Phu (夫), vì chữ Phu (夫) và chữ Thiên có số nét giống nhau. Chữ Thiên là do chữ Nhất (一) và Đại (大) hợp lại. Chữ Phu (夫) do bởi chữ Nhị (二) và chữ Nhân (人) ráp lại thành. Nhưng làm sao mới có thể đối lại được câu Nhất Đại Thiên đây?

Ngay lúc tôi cố hết sức suy tính đắn đo không kể gì thời gian, Sư Phụ ở kế bên thấy biết tôi đang gặp khó khăn, Ngài không nhẫn được, bảo tôi rằng: “Không phải là Nhị Nhân Phu đã thành ra rồi đó sao?” A! Tôi chợt đại ngộ, vì vậy tôi là người đầu tiên nộp bài trong lớp, cặp đối liền như sau:

Bạch thủy tuyên trung, nhất đại thiên, 白水泉中一大天

Sơn thạch nham hạ, nhị nhân phu. 山石岩下二人夫

Sư Phụ nhìn rồi gật đầu mỉm cười mà không nói gì.

74. Trùng Trùng Phạm Vững

Vào năm 1958, Hòa Thượng mời pháp sư Thánh Nhất giảng Kinh Phạm Vững Bồ Tát Giới và Kinh Kim Cang trong thời gian ba tháng tại Phật Giáo Giảng Đường. Trong Phật Giáo Giảng Đường có cặp đối liền:

Phạm Vững trùng trùng thập phương chư Phật truyền tâm địa, Âm thanh liễu liễu nhất thiết chúng sanh ngộ tánh thiên.

- Tỳ Kheo Độ Luân sáng tác

(Ghi chú) Báo chiều Hoa Kiều đăng vào thứ Sáu ngày 2 tháng 1 năm 1959: Phật Giáo Giảng Đường tại tầng lầu thứ 12 của tòa Race View Apartments, trường đua ngựa (Happy Valley), trụ trì pháp sư Độ Luân và các thiện tín Phật Giáo cùng phát lòng thành cung thỉnh pháp sư Thánh Nhất xuống núi đến Phật Giáo Giảng Đường tuyên giảng toàn bộ Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Khóa giảng bắt đầu vào ngày

19 tháng Giêng âm lịch, mỗi tối từ 7 giờ 30 đến 9 giờ. Hoan nghênh các giới nhân sĩ đến nghe đồng triêm pháp ích.

75. Sư Cô Hằng Ích

Tỳ Kheo Ni Hằng Ích (pháp danh Quả Lợi) sanh năm 1924, là người tỉnh Quảng Đông, huyện Thuận Đức. Năm 1954, cô đến Từ Hưng Tự, Đại Tự Sơn học tập Phật Pháp. Từ khi quy y Hòa Thượng, cô nỗ lực khai khẩn ruộng đất, trồng trọt cây cấy...

Năm 1961 do chùa không đủ người làm việc, cô luôn khổ não bèn chuẩn bị dầu lửa cở rơm, tính tự thiêu vào ngày thánh đàn Phật Di Đà. May thay, Hòa Thượng quán sát biết được nên bảo cô xuống núi trước lễ thánh đàn một ngày. Hòa Thượng hỏi cô: “Lúc đốt thân, cô có chạy ra không?” Cô đáp: “Có Trời mới biết thôi, vì con chưa bị đốt thân qua.” Sau đó Hòa Thượng bảo cô buông xả để niệm Phật, và đừng làm ruộng nữa.

Một ngày nọ, cô vô tình thấy quyển luận Kim Cang Tâm Tổng Trì do thiền sư Tổ Nguyên viết về Thập Ma Loạn Chánh, mới phát giác ra được ma chướng của mình. Sau đó cô quyết định vào ngày thánh đàn Di Đà, tại Tây Lạc Viên xuống tóc xuất gia. Thời gian đầu, mới xuất gia, cô hằng tưởng nhớ đến người cha của mình, Hòa Thượng khai thị nói: “Phật A Di Đà là cha của cô đó!” Chỉ là một lời dạy từ bậc thầy hiền đức đã khiến cô như vừa tỉnh mộng, hốt nhiên giác ngộ và từ đó trở đi, cô một lòng luôn nhớ nghĩ về pháp thân quyến thuộc và hộ trì đạo tràng suốt cả cuộc đời. Vào tháng 9 năm 1963, Bảo Liên Thiền Tự cử hành Tam Đàn Đại Giới, Hòa Thượng bảo cô đến đó thọ giới Tỳ Kheo Ni.

Sư Cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 25 tháng 9 năm 2000: Tôi trú ở Từ Hưng Tự lâu như vậy cũng không biết là nên xuất gia, mà chỉ lo phụ giúp Sư Phụ làm các việc. Chính Sư Phụ đã độ cho tôi xuất gia. Khi Sư Phụ bảo tôi xuất gia, tôi cũng không biết là Sư Phụ muốn tôi xuất gia. Lúc bấy giờ tôi thật phiền não, đợi đến khi xem cuốn luận Kim Cang Tâm Tổng

Trì về 10 ma chướng, mới biết được cái chướng của tôi là một thứ ma chướng, nên tôi mới có ý muốn xuất gia. Sư Phụ nói: “Tôi cũng không biết là cô muốn xuất gia đó.” Tôi nói: “Ngài làm Sư Phụ mà cũng không biết con muốn xuất gia à? Vậy con bái Ngài làm Sư Phụ để làm gì?” Sư Phụ hỏi: “Cô muốn xuất gia vào lúc nào? Cho cô chọn ba thời điểm là vào ngày đản sanh Phật A Di Đà, ngày đản sanh Bồ Tát Quán Âm hay là ngày đản sanh Phật Thích Ca Mâu Ni.”

Tôi xuất gia năm 37 tuổi, 39 tuổi thọ giới Cụ Túc (tháng 9). Sau khi xuất gia, tôi không làm ruộng nữa mà niệm Phật. Xuất gia đến năm thứ hai, vào tháng 2 là Sư Phụ đi qua Mỹ. Sư Phụ phái tôi tới Phật Giáo Giảng Đường và không cho phép tôi trở về Từ Hưng Tự, Ngài muốn tôi ở lại Phật Giáo Giảng Đường.

Tôi cũng không biết là tôi vừa xuất gia, Sư Phụ vốn đã muốn đi rồi. Vào năm Sư Phụ rời Hồng Kông đến Mỹ, tôi khóc gần như muốn ngất xỉu luôn. Lúc đó Sư Phụ nói với tôi rằng: “Cô xuất gia, mà Sư Phụ phải đi xa, Sư Phụ chỉ sợ khi Sư Phụ đi rồi, cô sẽ thoái tâm không muốn xuất gia nữa.” Tôi nói với Sư Phụ: “Con sẽ không đổi ý, con còn phải báo ân, con muốn báo ân Phật, báo ân Thầy, con còn phải báo ân Sư Phụ nữa đó mà!” Chúng tôi trên đường tiễn Sư Phụ đến phi trường, trên đường đi, Sư Phụ cũng nói là sợ chúng tôi sẽ thay đổi ý chí. Bởi vì còn có một vị khác cũng xuất gia với Sư Phụ, mà lúc ấy y vẫn còn rất trẻ. Sư Phụ đi Mỹ như vậy suốt luôn 10 mấy năm trời và đến 10 mấy năm sau mới trở về Hồng Kông.

Đương thời Sư Phụ kiến lập đạo tràng ở Mỹ thật khô nhọc, cái gì cũng không có, tôi bèn lưu trữ các vật liệu rồi gửi qua Mỹ cho Sư Phụ. Hiện nay, Sư Phụ đã thành lập ra nhiều đạo tràng như thế, chúng ta nên phát tâm hộ trì đạo tràng! Chớ có sợ khô! Chớ cô phụ một phen tâm huyết của Ngài.

Sư Cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 26 tháng 9 năm 2000: Vào năm tôi khai khẩn đất ruộng ở Từ Hưng Tự, không cẩn thận đã đào cuộc chết rất nhiều trùn, giun đất. Có một ngày, tôi thấy có rất nhiều giun đất tới đòi mạng với tôi. Tôi nói với

chúng rằng: “Không phải tôi cố ý làm chết các vị, tôi không thấy các vị mà, nếu nay các vị muốn đòi mạng thì hãy tới đây, nhưng xin cho tôi đi báo với các bạn tu của tôi, khi tôi trở lại, thì các vị cứ tới mà đòi mạng!” Tôi bèn đem chuyện này nói với các vị đồng tu, rồi quay về nói với các trùng đòi mạng đó: “Tới đây đi!” Tức thời tôi thấy toàn thân chúng phát quang và quay ba vòng trên đỉnh đầu tôi, sau đó chúng bay ra cửa sổ đi mất.

Lại nữa, có một loại sâu lá chuyên ăn hoa, vì đầu nó màu đỏ, thân màu đen, cho nên gọi là con Quân Đầu Đỏ. Chúng nó thường hay tới ăn hoa, ăn lá. Dù chúng tôi bắt chúng đem bỏ đi thật xa đến vài đồi núi, nhưng chúng nó cũng lại quay về và luôn là như vậy. Mỗi lần đem chúng đi phóng sanh, chúng tôi đều bỏ chúng trong các lọ kẹo, hộp đựng bánh. Sư Phụ từng dạy chúng tôi niệm chú Đại Bi bảo chúng đừng tới, nhưng cũng không hiệu quả vì chúng vẫn trở về. Chúng nó mặc kệ các vị, chỉ cần có cái ăn là không chịu rời ra. Sau đó Sư Phụ trở về Từ Hưng Tự, bảo tôi dẫn Ngài đi coi bốn phía đất ruộng. Đến bên bờ ruộng, Sư Phụ lấy chân đạp đậy các lọ hũ ở bờ ruộng hỏi tôi là cái gì? Tôi nói là Quân Đầu Đỏ. Sư Phụ mở ra xem, thấy toàn bộ chúng Quân Đầu Đỏ đều chết queo trong đó. Sư Phụ hỏi tại sao không phóng sanh chúng nó? Tôi đáp là vì có lúc bận quá nên quên mất. Sư Phụ nói:

- Mấy đêm trước đã có hàng vạn con Quân Đầu Đỏ tới khóc ở đầu giường tôi, nói là các người đã sát hại chúng nó đó.

Song Sư Phụ bảo chúng tôi quỳ trước tượng Quán Thế Âm cầu sám hối do vì có tâm phạm lỗi. Lúc sám hối tôi thấy hiện ra rất nhiều con Quân Đầu Đỏ và các giun trùn, kiến nữa. Chú tôi thành khẩn cầu xin Quán Thế Âm Bồ Tát siêu độ cho chúng nó.

(Ghi chú 1) Thầy Hằng Hưng bỏ sung vào ngày 26 tháng 9 năm 2000: Lúc làm ruộng, Sư cô Hằng Ích gom một đồng rom lớn để đốt lấy tro làm phân bón. Ai ngờ khi lửa phụt mạnh, sư Quả Lễ không coi xuê, không dập tắt được. Rốt cuộc

thieu cháy đến vài khu đồi núi, còn đốt chết nhiều động vật, côn trùng. Sư Phụ biết được liền nói: “Các người lại gây tội nữa rồi!”

Sư cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 26 tháng 9 năm 2000: Nhớ lúc còn nhỏ, có một lần, tôi đuổi một con mèo đi, kết quả là nó không cẩn thận, nên từ lầu hai té xuống chết. Từ khi quy y, tôi có rất nhiều cảm ứng, và quy y không lâu sau, tôi thấy đau nhói ở nơi ngực. Sau đó Sư Phụ thấy có một con mèo trên thân phát sáng và còn lấy móng vuốt cào cào cầu trên ngực tôi.

Sư Phụ hỏi tôi có giết chết con mèo nào không? Tôi nói không có, nhưng nhớ là có đuổi đi một con mèo, lúc đó nó bị té từ lầu hai xuống mà chết. Sau đó Sư Phụ siêu độ cho nó.

Sư cô Hằng Ích thuật lại vào ngày 7 tháng Giêng năm 2001: Sau khi tôi xuất gia, có một con rắn đến muốn đòi nợ tôi. Vì lúc trước làm ruộng, tôi đã đào trúng một ổ rắn và do không cẩn thận nên đã cắt một con ra làm ba mà chết. Lúc tôi ngồi thiền, thấy rắn phóng quang quay 3 vòng ở bên tôi để đòi nợ. Tôi bèn giải thích với nó là lúc đó làm ruộng vì vô ý mới làm thương tổn nó, rồi tôi sám hối với nó, nên nó mới bỏ đi.

Thêm nữa, có một lần Sư Phụ bảo tôi, năm mới tới rồi, đừng có đánh con bò nữa. Tôi nói, nếu không đánh thì nó cứ lì ra đó không chịu đi! Sư Phụ nói, cô chớ có đánh nó, trước kia nó làm quan, nay lại đi cày bừa, cô thấy có lúc nó còn quỳ xuống bằng một chân không, nó đã sám hối



Sư Cô
Hằng
Ích

rồi, cô chớ nên đánh nó nữa. Tôi bèn giải thích với bò: Ai bảo người không chịu đi chi, nên tôi mới đánh người, và chúng tôi

cần cày ruộng trồng rau để có thực vật dùng, chứ không phải cố ý muốn đánh người làm gì. Tôi nói như vậy đó, nó mới phục tùng.

(*Ghi chú 2*) Sư cô Hằng Ích an tường vãng sanh vào ngày 17 tháng 11 âm lịch. nhằm ngày Thánh Đản Phật A Di Đà. Sư cô là vị nữ đệ tử đầu tiên của Hòa Thượng thọ giới Cụ Túc, pháp danh Quả Lợi, pháp hiệu Hằng Ích. Do vậy, sau khi Hòa Thượng đến nước Mỹ thu nạp nữ chúng đệ tử xuất gia, họ đề tôn trọng sư cô là đại sư huynh.

76. Tám năm thành tựu

Chùa Tây Lạc Viên được hoàn thành vào cuối năm 1951, sang năm 1952 chùa làm lễ khai quang vào ngày Phật Đản Sanh. Từ đó về sau, Hòa Thượng mỗi ngày đều giảng Kinh thuyết Pháp và cử hành nhiều khóa lễ hội, đồng thời truyền thọ Tam Quy, Ngũ Giới, U Minh Giới như phương tiện thiện xảo hầu tiếp dẫn chúng sanh. Trong pháp hội Quán Thế Âm vào năm 1958...

Hòa Thượng khai thị trong khóa Quán Âm Thất tại Tây Lạc Viên. Sáng ngày 13 tháng 6 âm lịch năm Mậu Tuất (trích lục):

Từ trước tới giờ, tông chỉ của Tây Lạc Viên là đề xướng pháp môn Tịnh Độ, chủ trương mọi người tinh tấn niệm Phật. Cho nên mỗi năm vào ngày 19 tháng 6 và ngày 17 tháng 11 âm lịch đều theo thông lệ cử hành khóa Quán Âm Thất, pháp hội niệm Phật và Phật Thất. Nhưng mọi người không thể cũng y theo thông lệ tham gia, rồi đến qua loa nhá qua nhá lại một chút cho xong. Mỗi năm chúng ta phải nên tinh tấn hơn, phải luôn sống trong giây phút hiện tại, trong 7 ngày này, mỗi nơi, mỗi khắc đều nên chuyên cần niệm danh hiệu Bồ Tát không thể biếng lười.

Chúng ta nên nhớ niệm Bồ Tát, chứ không phải muốn Bồ Tát nhớ niệm mình. Tại sao? Bởi vì trong thời gian đã thất này, nếu như mang danh đến đã thất mà vọng khởi tạp niệm lung tung, cũng không tinh cần xưng niệm hồng danh, thì Bồ

Tát Đại Từ Đại Bi nhất định sẽ thương xót cho đấng chúng sanh tội nghiệp này, và rất sốt ruột vì các vị đã không thành tâm. Do đó, mọi người nên niệm một cách chí thành khẩn thiết, và lại còn phải tiến bộ hơn một bước nữa để có được một chút tâm từ bi hỷ xả. Nếu đều được như thế, tôi dám khẳng định một câu là Bồ Tát tuyệt đối sẽ gia trì cho các vị.

Từ trước tới nay, chùa Tây Lạc Viên đã không giới thiệu mời bất cứ một ai, mọi người đều phát tâm tới tham gia đả thất, cho nên biết rằng mọi người đây không phải là không thành tâm nên rất đáng được khen ngợi. Dù vậy, chúng ta càng không nên để cho tâm thành này uổng phí vô ích mà nên phát nguyện niệm cho đến “nước cạn, đá hiện” hầu có ngày lộ ra chân tướng sự việc, và niệm cho đến khi Bồ Tát hiện thân thuyết Pháp mới không uổng phí thời gian tham gia lần đả thất này. Hôm nay là ngày đầu tiên đả thất, ngay lúc bắt đầu vào khóa lễ, tôi ước mong năm nay các vị sẽ có chỗ thành tựu, nếu không tôi sẽ tính sổ với các người, nếu các vị làm không xong thì chớ có hối tiếc! Vì vậy, những lời tán dóc không nên nói nhiều, vẫn tốt hơn là niệm thêm vài tiếng Bồ Tát vậy.

Trưa ngày 13 tháng 6 âm lịch (trích lục): Trong lúc thời tiết nóng nực này mà mọi người không sợ oi bức, cũng chẳng ngại núi cao đường xa, đều hăm hở đến tham gia đả thất, vậy rốt cuộc có lợi ích gì? Sự ích lợi này thật không nói ra được, vì ví như người uống nước, nóng lạnh tự biết, duy người thành tâm, tự nhiên sẽ lãnh hội được sự diệu mầu.

Làm sao để được sự lợi ích này? Không có gì khác hơn điều tôi vừa mới nói đó, là chỉ cần chân thành niệm danh hiệu Bồ Tát. Chân tâm nói cách khác là chuyên tâm, cho nên nói “Chuyên nhất tất linh ứng, phân tán tất che lấp.” Vậy nếu có thể chuyên nhất thì tự nhiên sẽ được cảm ứng đạo giao hết sức linh thiêng không thể nghĩ bàn, nhưng đều phải do tự mình dụng công, người khác không thể làm thay cho mình, lại càng không thể cầu may được.

Trong thời gian đả thất 7 ngày này, chúng ta niệm chú Đại Bi. Công đức của chú Đại Bi thật không thể nghĩ bàn, nếu

như không có thiện căn thì ngay 3 chữ Chú Đại Bi cũng không dễ gì nghe đến. Hiện nay mọi người không những nghe danh, còn thọ trì đọc tụng được nữa. Đó cũng đủ biết các vị có đầy đủ thiện căn, từng đã trồng các căn lành ở trong thời chư Phật. Dù đã có đại thiện căn, nhưng mọi người càng không nên xao lãng xem thường.

Nhớ lại lúc ban đầu dự khóa đả thất ở Tây Lạc Viên, trong số 10 người đã có 8, 9 vị không biết niệm chú Đại Bi. Nhưng cho đến ngày nay, trong số 10 người đã có trên 8 người niệm được, đây đã chứng tỏ được sự tiến bộ của các vị rồi.

Trong Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni nói: “Người tụng trì chú Đại Bi, có thể tiêu trừ các tai nạn, gặp lửa không cháy, gặp nước không chìm.” Cho nên tôi khuyên các vị cư sĩ đã biết niệm rồi, mỗi ngày ít nhất nên tụng trì 3 biến, còn người không biết niệm, cũng nên mau mau học tập. Công đức tụng trì chú Đại Bi không những đẩy lùi bọn cướp, cũng có thể tiêu trừ bệnh tật và bình yên các nạn ma, vì thế chúng ta nên thành tâm tụng trì. Chúng ta bắt đầu đả thất trong bầu không khí phấn khởi rất long trọng này, tôi hy vọng các vị lại tiếp tục nỗ lực hơn nữa, càng gia tăng thêm sự tinh tấn!

Sáng ngày 19 tháng 6 âm lịch (trích lục): Hôm nay là ngày Quán Thế Âm Bồ Tát Thành Đạo, tuy Tây Lạc Viên được kiến lập trên núi cao hơn 300 bậc thang đá, nhưng các người vẫn hăng hái đến tham dự, đủ thấy mỗi khi các người đến tham gia pháp hội đều hội đủ tâm chân thật, hơn nữa lại còn dũng mãnh tinh tấn. Từ số lượng người đến đây, cho thấy số người đến tham gia đả thất qua 8 năm nay, mỗi năm một đông thêm.

Và lại có nhiều người đến đây lễ Phật, họ đều nói là mọi việc của họ đều thuận lợi hơn so với lúc trước. Thí dụ như cư sĩ Viên Quả Lâm từ lúc tới Tây Lạc Viên, công việc làm ăn của bà rất phát đạt. Cư sĩ Đàm Quả Phác quy y rồi cũng được tăng phước thọ, năm nay hơn 80 tuổi rồi, nhưng ông vẫn còn khoẻ mạnh. Lại có một đứa bé bị tật ở chân từ 4 tuổi đến 9 tuổi không thể đi được, nhưng sau khi lạy Phật ở đây, bé có thể đi

đúng được. Ngoài ra, con gái của cư sĩ Lý Quả Viễn, lúc té chân bị thương tích, bác sĩ Đông Tây và y sĩ về xương cốt đều trị không hết, cũng là sau khi lạy Phật được lành bệnh. Cho nên có người đồn là tôi biết trị bệnh, thật ra đó chẳng qua là do công đức lạy Phật của họ hiển bày sự linh cảm mà thôi!

Hôm nay, mọi người đều vui mừng nô nức, tuy rằng chúng ta không thường có các pháp hội như vậy, vì lại phải đợi đến năm sau mới cử hành tiếp. Qua năm sau, nếu mọi người muốn tham dự khóa Quán Âm Thất, xin hãy đến sớm một chút. Và lại, các vị càng nên phát nguyện tham gia trọn vẹn luôn một tuần thất. Hơn nữa, vào tháng 11 âm lịch tới là thất A Di Đà Phật, mọi người cũng nên dũng mãnh tinh tấn, chớ nên giải đãi buông lung.

77. Khó ra “mê hồn trận”

Thời gian tại Hồng Kông, Hòa Thượng đã từng tận tâm tận lực điều phục giáo hóa một nhóm đệ tử thiếu niên mười mấy tuổi. Ngoài giờ học và ngày nghỉ ở trường, Ngài dạy bảo họ về văn hóa lịch sử, học Kinh, trì Chú, ngồi thiền, tham cứu thiền quán, phiên dịch Kinh điển, bất cứ là...

Về diệu lý Kinh Phật, tu dưỡng đạo đức, cũng như y theo quy củ và các sanh hoạt vụn vặt trong cuộc sống, không gì mà Hòa Thượng không dốc hết tâm sức và phương tiện dẫn dụ họ. Lúc bấy giờ, Hòa Thượng tận tình khuyên bảo, lúc nghiêm nghị, khi từ bi để hướng dẫn một số đệ tử có tiềm năng tu hành và có trí huệ thông đạt hầu trở thành những người có khả năng nối tiếp gánh vác truyền thừa của Phật Giáo. Tuy nhiên trước cảnh phồn hoa Hồng Kông và ảnh hưởng của nền văn hóa Tây phương, thử hỏi có bao nhiêu thiếu niên thật sự lãnh ngộ chân lý của đời người mà không bị thế sự phù hoa quyến rũ để sẵn sàng xả bỏ trần huyễn hầu trở về bản chất mộc mạc chất phác?

Có một vị đệ tử khoảng 14, 15 tuổi quy y với Hòa Thượng. Cô có thiện căn sâu dày, thêm sự tu hành chân thật, cho nên tiến bộ thần tốc, thường đạt cảnh giới vượt người. Đương lúc cô sắp kết hôn, Hòa Thượng cảm thán chúng sanh

khó độ và đã làm hai hàng kệ vào tối ngày 16 tháng 6 âm lịch, năm 1958:

Thức khuya, dậy sớm bận vì ai? Chúng sanh khó độ thật đáng thương. Mê mẩn trần lao tánh điên đảo. Kề tai bảo mãi cũng vô phương.

Trong mộng vinh hoa đáng giá gì, trước mắt phú quý có thật chi. Có sao người ngu luôn mê muội. Sống say, mộng chết, tội nghiệp thay!

Hòa Thượng kể: Có một người, lúc trước là cư sĩ nhỏ tuổi, hiện nay (1971) đã trở thành một cư sĩ lớn tuổi. Lúc học tiểu học, chú ta đã quy y tôi, sau đó luôn tưởng muốn gặp Sư Phụ. Nếu như mẹ chú không dẫn chú đi gặp tôi, chú ta ở nhà nổi giận khóc la. Vị cư sĩ này nếu năm đó không quy y Tam Bảo, sau này lớn lên chắc sẽ làm ăn cướp, vì chú ta quy y Tam Bảo mới không có làm đạo tặc đó. Tôi có một đệ tử xuất gia người Mỹ, nói: “Con xuất gia đã hơn 2 năm rồi mà chẳng có thành tựu gì.” Tôi nói: “Chú nhìn xem người đệ tử này của tôi, từ nhỏ y đã quy y, lúc đầu muốn xuất gia, qua mười mấy năm rồi cũng không được tích sự chi, nếu so sánh với chú thì sao? Hoặc có lẽ, y thấy các vị người Mỹ nhiều như vậy mà không có ai xuất gia nên nói ‘Tôi muốn đợi các vị đó!’ Vì thế cho đến bây giờ y vẫn chưa xuất gia để nhường cho các vị xuất gia trước đây!

Tôi có một đệ tử từ Hồng Kông đến, y biết cờ bạc là không đúng, chắc sau khi kết hôn không có đủ tiền xài mới chạy tới sông bài Reno ở Mỹ cờ bạc, muốn thắng một chút tiền. Kết quả, không những không ăn được đồng nào lại còn hao tổn tinh thần. Trở về nhà, y lăn ra ngủ hết một ngày, cho nên hôm nay cũng không thể tới nghe thuyết Pháp. Y rất thông minh, nhưng lại làm chuyện hồ đồ như vậy. Lúc trước y nói kết hôn thật phiền hà, vốn muốn đồng chân tu hành, chớ không muốn lập gia đình.

Hiện y đã có vợ, rồi tự mình còn chạy vào chỗ mê hồn trận, các vị nói có phải là ngu si không hả? Nếu biết là điều

không đúng thì đừng làm, đó mới là trí huệ. Còn như biết rõ là việc sai trái mà vẫn làm thì là ngu si, như thế tức không dễ gì khai mở Ngũ Nhân. Muốn có được nhân duyên khai Ngũ Nhân, các vị phải làm việc rất minh bạch rõ ràng, và hết sức chân thật, chớ không thể tùy tiện, làm qua loa cho có lệ.

(Ghi chú 1) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Lúc thọ Ngũ Giới, Sư Phụ thỉnh pháp sư Thánh Hoài dạy chúng tôi cách quỳ lạy, đắp y, trải tọa cụ. Bởi vì chúng tôi thọ giới rồi nên đều có đủ y, áo, tọa cụ. Tọa cụ của chúng tôi thì giống như của người xuất gia, chỉ có y, áo tràng là không giống. Mỗi năm khánh tuê Sư Phụ, các đệ tử đều trải dài tọa cụ làm đại lễ, đánh lễ Ngài 9 lạy. Cho nên rất nhiều đệ tử Hồng Kông thọ giới xong, đều biết cách trải tọa cụ. Bọn trẻ tuổi chúng tôi nhờ vậy mà ưa thích học Phật Pháp. Có người hỏi chúng tôi: “Các em có muốn xuất gia không?” Mấy đứa tôi đều nói: “Tụi em sau này đều sẽ xuất gia!” Tôi cũng nói: “Đúng đó, tôi cũng vậy!”



Một ngày nọ, Quả Tùng hỏi Sư Phụ về chuyện tương lai của cô. Sư Phụ nói, cô ta sẽ trở thành người rất giàu. Vài năm sau, cô kết hôn và cô quả thật là giàu sang. Lúc bấy giờ, tôi cũng hỏi về tương lai của mình, Hòa Thượng bảo rằng, tôi sẽ hưởng phước, không cần phải nhọc tâm về việc sinh sống, nhưng không có tiền bằng Quả Tùng. Khi đó chị tôi và Quả Thù cũng hỏi, nhưng Sư Phụ không có nói gì nhiều hơn là: "Chẳng lẽ các người không có vấn đề gì khác để hỏi sao?"

Quả Thức lớn hơn tôi vài tuổi, rất có thiện căn, thường nhập định thấy được một số sự việc, tiếc thay cô đã không xuất gia. Nhà cô rất nghèo, cô không có bạn bè gì, nhưng rất thân với tôi. Sau khi đi Mỹ rồi, tôi không có liên lạc với cô ta. Vào

thời đại năm 60, lúc tôi trở về Hồng Kông, cô đã qua đời. Tôi cũng đã lập bài vị siêu độ cho cô. Mẹ cô nói, cô có chồng không lâu rồi sanh một đứa con gái và không bao lâu sau thì vắng sanh.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sau khi học Đại Học ở Mỹ, tôi thấy mười mấy vị huynh đệ trẻ chúng tôi có tuổi tác xấp xỉ nhau, về sau mỗi người đều theo đuổi trên bước đường tương lai của mình. Hoàng Quả Quân và chị của y đã đi Phi Châu, Văn Quả Thù và Văn Quả Mật thì đi Úc Châu. Lúc trước, mười mấy đệ tử trẻ tuổi này sống quây quần bên Sư Phụ, cuối cùng đều lập gia đình cả. Tôi nhớ Sư Phụ từng giải thích 12 nhân duyên cho tôi nghe:

Vô Minh tức là ái dục, do niệm ái dục mới sanh ra Hành động. Từ hành động mà có giác tri Thức và bắt đầu từ chỗ chưa thành hình cái thể Danh Sắc thì sanh ra Lục Nhập: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Có lục nhập bèn có cơ hội tiếp Xúc, có tiếp xúc mới sanh cảm Thọ được dục lạc. Do cảm thọ cái vui đó liền sanh ra tương Ái. Có khởi niệm ái ích kỷ thì nhất định muốn đoạt Thủ lấy, chiếm Hữu được đối phương. Có tình dục rồi cũng lại bắt đầu có Vô Minh, bèn tạo ra Sanh Tử luân hồi,

Đáng tiếc thay, tôi nghe lời dạy bảo của Sư Phụ như gió thoảng qua tai. Thật ra, xuất gia cần phải có lòng tin kiên cố và quyết tâm xả thân vì pháp. Do đó Sư Phụ khuyến khích chúng tôi nên nghiêm trì giới luật và miễn sự tiếp xúc tức có thể đoạn trừ cái chuỗi liên hoàn 12 nhân duyên.

Năm 1961 em tôi (Quả Thức) gởi thư báo tin cô sắp kết hôn. Tôi thỉnh hỏi Sư Phụ là có nên viết thư cho cô ta không, Sư Phụ bèn xuất khẩu thành thơ hết sức tự nhiên và bảo tôi ghi xuống:

*Đã lâu không thư từ, chân trời mặc nhớ nghĩ,
Từ Úc về thăm mệt, pháp sự khá ngổn ngang.
Nay Mộ Trinh trình thư, liền nhắn gửi vài lời,
Học hiền nên chuyển sắc, đạo đạo được về trời.
Thời thời cần tinh tấn, pháp hóa biến đại thiên.*

(*Ghi chú 3*) Cư sĩ Đàm Quả Chánh thuật lại vào ngày 11 tháng 2 năm 2015: Lúc trước tại Tây Lạc Viên, có một vị thường hay đi chung với chúng tôi là cô Chung Mỹ Vi (Quả Ca). Cô nhỏ hơn tôi 2 tuổi, vào khoảng năm 1960 cô tới Mỹ du học và không lâu sau kết hôn. Năm 1962 Sư Phụ đến Mỹ, chồng cô vì nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại Texas nên không thể đến phi trường tiếp đón. Từ đó về sau cô đều hỏi tiếc về chuyện này. Họ cũng nói với tôi: “Vào thập niên 80, trong lúc chúng tôi đang lựa chọn để mua một trong 3 căn nhà không cùng địa điểm, bèn thỉnh giáo Sư Phụ. Sư Phụ nói: “Thì mua căn ở Millbrae đi! Chúng tôi nghe theo lời dạy của Sư Phụ, hiện tại giá nhà tăng vọt quá hơn gấp 10 lần. Chúng tôi ở ngay nơi đó mọi việc đều thuận lợi.” Nói chuyện xong, hai vợ chồng họ đều rất cảm kích, mà không thể diễn tả hết bằng lời.

Về hai người con trai của Lâm Quả Sâm (sư cô Cận Từ), người con lớn đã đi Anh Quốc. Lúc sư cô Cận Từ vắng sanh, người con trai lớn này đặc biệt đến Pháp Giới Thánh Thành (chi nhánh Vạn Phật Thánh Thành tại Sacramento, Hoa Kỳ) một chuyến để tiễn biệt mẹ. Còn A Anh, sau khi tôi rời Hồng Kông vào năm 1968, mãi cho đến giờ cũng không có liên lạc. Hai chị em họ Hứa thì theo mẹ đến Đài Loan, chị lớn Hứa Sương Quân vẫn còn ở Đài Bắc, mỗi khi cô tới Mỹ đều cùng chúng tôi họp mặt. Cô em Hứa Lệ Quân chắc hiện ở Úc và chúng tôi không có liên lạc.

Vào đầu thập niên 80, cả gia đình Hoàng Quả Quân di dân đến Mỹ định cư. Năm 1993, Quả Quân được Sư Phụ đồng ý cùng các cư sĩ ở Silicon Valley (San Jose, Hoa Kỳ) như Hồ Đại Văn, Vương Hồng Nghĩa thành lập Hội Cư Sĩ Văn Tự Tu tại San Jose, cho đến nay Hội vẫn còn hoạt động.

Hoàng Quả Tùng cũng khoảng đầu thập niên 80 di dân đến Calgary, Canada và về sau định cư ở Hồng Kông. Trước khi Hòa Thượng viên tịch, cô đã đến Los Angeles bái kiến Hòa Thượng. Năm 1982, Văn Quả Mật đã dẫn hai đứa con gái đến Mỹ thăm viếng Sư Phụ. Tôi cũng gặp Quả Thù tại Vạn Phật Thành. Năm 1983 lại gặp cô ta tại Hồng Kông, sau đó thì

không biết tằm tích. Văn Quả Mật định cư tại Úc, sau khi Hòa Thượng viên tịch y đã qua Mỹ và tới Vạn Phật Thành lễ bái Ngài. Tôi và Quả Quân cũng đã từng họp mặt với Quả Mật. Đời người thật giống như một màn kịch, sự việc đã trải qua rồi không thể trở lại được!

78. Khai quang Giảng Đường

Vào ngày 1 tháng 3 năm 1959, Phật Giáo Giảng Đường cử hành Lễ Khai Quang tôn tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Từ Đại Bi Bồ Tát Quán Thế Âm. Trước khi khai quang, chùa cử hành khóa lễ bái sám Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật ba ngày, và ba ngày sau đó là lễ Đại Bi Bảo Sám...

Hòa Thượng trú ngụ tại Hồng Kông 13 năm đã tận lực hoàng dương Phật Pháp, kiến lập ba ngôi đạo tràng riêng biệt. Như vào mùa Đông năm 1951 kiến tạo chùa Tây Lạc Viên, năm 1954 hưng kiến chùa Từ Hưng, và đến năm 1956 thì thành lập Phật Giáo Giảng Đường.

Hòa Thượng kể: Tôi kiến lập vài chỗ ở Hồng Kông, như mặt tiền chùa Tây Lạc Viên ở Shau Kei Wan đối diện phương Bắc, mặt tiền chùa Từ Hưng ở Đại Tự Sơn cũng đối diện phương Bắc, phía sau hướng về phương Nam. Phật Giáo Giảng Đường ở trường đua cũng đối diện phương Bắc. Hiện đến nước Mỹ đây, tôi nghĩ chắc là sẽ chuyển đổi phương hướng một chút, nhưng xoay tới xoay lui cũng chuyển không tới đâu. Hiện nay đạo tràng này cũng là đối diện về phương Bắc.



A! Tôi thậm nghĩ thật là có chút liên quan với Bồ Tát Quán Thế Âm. Bởi vì Bồ Tát Quán Thế Âm không muốn hướng về phía Nam, Ngài ngồi hướng mặt về phương Bắc. Tại sao Quán Thế Âm lại ngồi hướng về phương Bắc vậy? Vì người đời đã không biết quay đầu mà đều hướng về phía trước đi, chớ không biết quay trở về. Cho nên nói: “Nam Hải Quán Âm ngồi ngược hướng, đều do người đời không hồi đầu!” Phật ngồi hướng mặt về phương Nam, còn Bồ Tát Quán Thế Âm đối diện về phương Bắc, đó là vì người đời đã không biết quay đầu về. “Khổ hải vô biên, hồi đầu là về bến.” Các người không quay đầu về à! Vì vậy Quán Thế Âm ngồi hướng ngược lại với hy vọng rằng chúng sanh sẽ sớm mau giác tỉnh, quay đầu trở về bờ bến.

(Ghi chú 1) Cư sĩ Hồng Quả Hoảng thuật lại vào ngày 12 tháng 1 năm 2001 tại Phật Giáo Giảng Đường: Tôi năm nay 75 tuổi, quy y với Sư Phụ tại Tây Lạc Viên vào năm 1954. Chúng tôi thường hay đến Phật Giáo Giảng Đường nghe Sư Phụ giảng Kinh. Sư Phụ cũng từng thỉnh các pháp sư khác đến thuyết Pháp. Tôi nhớ lúc Phật Giáo Giảng Đường khai quang, chúng tôi đặt hơn 30 bàn tiệc tại quán cơm chay. Chúng tôi nói với Sư Phụ là sợ không đủ tiền trả. Sư Phụ nói: "Đừng có lo mà!" Thật là kỳ diệu, lúc tính tiền, thì cũng là vừa đúng với số tiền chúng tôi đã chuẩn bị để trả.

(Ghi chú 2) Báo Chiêu Hoa Kiều đăng thứ Tư ngày 25 tháng 2 năm 1959: Phật Giáo Giảng Đường cử hành buổi lễ Khai Quang. Happy Valley, trạm xe buýt cuối cùng, tòa Race View Apartments, tầng lầu 12, trụ trì Phật Giáo Giảng Đường, pháp sư Độ Luân, là đệ tử của Lão Hòa Thượng Hư Vân. Ngài tới Hồng Kông đến nay thoáng chốc đã 10 năm. Là vị từng kiến tạo Tây Lạc Viên, niệm Phật đường tại Tây Loan Hà, thôn Mã Sơn, và Từ Hưng Tự tại thác Vạn Trượng, Đại Tự Sơn. Sau khi hoằng Pháp tại Thái Lan trở về Hồng Kông, vì xiển dương đại pháp, hầu lợi lạc chúng sanh, Ngài sáng lập thêm Phật Giáo Giảng Đường này tại trường đua, rồi lần lượt thỉnh các vị khai sơn trưởng lão, mười phương đại đức, cùng các cao tăng các nước mà đi qua Hồng Kông ghé đến chùa

khai thị pháp yếu, cùng hy vọng các vị nhân sĩ các giới được nghe Phật Pháp nhiều thêm, cũng như hiểu rõ lời dạy giáo chân như diệu lý của Phật Thích Ca. Đồng thời Ngài ấn tống nhiều loại sách mang đạo lý Phật Giáo, không phải bán, mà hoan nghênh thỉnh đọc. Ngày 1 tháng 3 (Chủ Nhật ngày 22 tháng Giêng âm lịch) chùa cử hành lễ Khai Quang, đồng thời thỉnh Lão Pháp sư Định Tây về chủ lễ cho ngày Khai Quang tôn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Chùa sẽ thiết đãi tiệc chay nguyên ngày. Hoan nghinh các giới nhân sĩ đến tham gia.

(*Ghi chú 3*) Tôn tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Bồ Tát Quán Thế Âm tại Phật Giáo Giảng Đường là do vị điêu khắc gia nổi tiếng Vương Thái Sanh tạc tạo. Vào thời đại 70, tượng này cùng kang thờ được vận chuyển từ Hồng Kông đến chùa Kim Sơn tại San Francisco, Hoa Kỳ. Vào mùa Đông năm 1983, khi thành lập chùa Kim Phật tại Vancouver, Canada, tượng Bồ Tát, kang thờ và bàn thờ từ chùa Kim Sơn lại được di chuyển đến đó cúng dường. Hiện tôn tượng Bồ Tát vẫn còn an vị tại đây.

79. Cầu cháu nối dõi

Khi Tây Lạc Viên thành lập xong, có một cư sĩ là bà La thường tới chùa lễ Phật. Con trai của bà kết hôn đã lâu nhưng không có con. Bà nóng lòng muốn có cháu, cho nên hai, ba lần đến cầu xin với Hòa Thượng. Tuy Hòa Thượng có thể tùy tâm mãn nguyện người thâm tín, nhưng thật ra bà đã không qua được cuộc khảo nghiệm của Ngài...

Hòa Thượng kể: Tôi kể một câu chuyện tôi ghê tởm nhất nhưng tôi cũng không ngại nói ra, vì dù sao, các vị cũng đều là đệ tử của tôi, nên các người có muốn cười tôi thì tùy ý. Là sự việc gì? Tại Hồng Kông tôi có một người đệ tử họ La, người ta gọi là bà La. Bà La rất giàu có, sau khi quy y tôi, bà luôn cầu xin với tôi: như bà ở bên trái tôi cầu một lần, tôi không chấp nhận, rồi qua bên phải tôi cầu xin một lần nữa, tôi cũng không đáp lời. Bà cầu gì đây? Bà muốn cầu cho có một đứa cháu nội, vì con trai bà có vợ đã lâu nhưng không có con. Bà muốn có một đứa cháu, có một lần bà lại đến chùa, ngay lúc tôi đang

rửa chân. Hồng Kông không dễ có phương tiện tắm gội, cho nên có khi 3 ngày hay 5 ngày hoặc một tuần mới rửa chân một lần. Tôi rửa chân xong, bà lại quỳ trước mặt tôi thỉnh cầu, bảo tôi hứa với bà. Tôi nói: “Được rồi! Bất luận bà cầu xin cái gì, tôi cũng đều mãn nguyện bà hết, nhưng bây giờ nè, nước rửa chân này, bà có thể uống được hay không? Bà mà uống được nước rửa chân của tôi rồi, thì bà cầu bất cứ gì, tôi đều cho bà được toại nguyện hết.” Tôi đưa thau nước rửa chân đó cho bà và nói: “Bà hãy uống nó đi nào!

Lần này, các vị nói thử xem sao, bà xuất mồ hôi hột ngay tại chỗ, đổ mồ hôi sụp quỳ xuống đó, trợn mắt ngó thau nước rửa chân và nghĩ thầm: A! Gớm bản thể này làm sao mà uống cho được chớ? Rồi bà nói: “Sur Phụ, Sur Phụ nói đùa à! Nó dơ bẩn vậy thì làm sao mà uống đây?” Tôi nói: “Vậy bà có uống được hay không hả?” Bà toát mồ hôi nói: “Sur Phụ bảo con làm chuyện khác thì được, còn chuyện này con không làm nổi rồi.”

Tôi nói: “Bà làm không nổi à? Vậy để tôi làm!” Tôi bung thau nước lớn rửa chân đó lên, cũng không biết làm sao mà tôi uống cạn không chừa lại chút nào. Thấy tôi uống, bà bắt đầu khóc rồi nói: “A! Làm sao mà được chứ?”

- Làm sao mà không thể được hả? Trong hơn hai năm nay, bà đều cầu xin tôi sự việc này, hôm nay muốn cầu cháu nội, ngày mai cũng muốn xin cho được mụm cháu. Hôm nay tôi muốn cho bà mãn nguyện, nhưng bà đã không đủ lòng thành. Ước muốn cầu xin cháu nội của bà không còn hy vọng nữa rồi, sau này bà đừng có cầu xin gì với tôi nữa nhé!

Tôi nói xong, bà khóc rống lên vì cảm thấy hối hận vô cùng, rồi nói: “Làm sao đây?” Tôi nói: “Làm sao thì cũng không có biện pháp gì, bà có cầu nguyện gì cũng đừng có cầu cạnh với tôi nữa, tôi bảo bà làm chuyện nhỏ như vậy, bà đều không làm nổi, vậy còn cách nào nữa chứ? Nếu bà uống nước này, thì cầu gì tức được nấy, tôi nhất định bảo đảm bà được điều như ý. Nhưng bây giờ mọi việc đã qua rồi, dù bà có muốn

uống đi nữa, cũng không có cách gì làm cho bà mãn nguyện được.”

Sau đó bà thường hay khóc, vì bà cứ khóc hoài, khóc đến nỗi tôi phải mềm lòng, nói:

- Được rồi, bà uống hay không uống gì, tôi cũng cho bà mãn nguyện, không lâu sau bà sẽ có cháu đó.

Quả thật không bao lâu, con dâu bà có mang, quả nhiên sanh ra một đứa bé trai. Lúc đó tôi cũng không có cho bà biết bà uống nước rửa chân của tôi có lợi ích gì? Mục đích của tôi là muốn cho bà toại nguyện về việc cầu xin cháu nội của bà, nên tôi muốn dùng biện pháp ấy, để thử xem bà ta có thật sự muốn cầu cháu hay không? Thử coi bà có chút thành tâm nào không? Kết quả của cuộc khảo thí cho thấy là bà đã không thành tâm. Tuy vậy, vì bà khóc lóc, khóc miết đến nỗi tôi không còn cách nào khác hơn là hứa với bà cho xong.

Nói cho các vị biết, các vị đừng cho rằng tôi và các người giống nhau, vì tôi làm các sự việc, các vị làm không nổi đâu. Lại nói cho các vị nghe một chuyện nữa. Như tôi ăn các thứ ngon dở, tôi đều thấy chỉ có một mùi vị, thí như phân tiểu này tôi đều có thể ăn, bởi vì tôi cảm thấy nó đều có một mùi thối. Các vị nói: “Ai da! Pháp sư này bần ghê, thối ghê đi, chúng tôi không dám đến gần Ngài đâu!” A Di Đà Phật, không sao, ai muốn tránh xa tôi cũng không sao, ai muốn hủy báng tôi cũng đều không quan trọng, vì tôi cũng không có gì tốt, tôi là loại không có bản lãnh gì, các vị hiểu rồi chứ?”

Nói thêm một chút, tại sao cái thứ khó ăn mà tôi có thể ăn được? Thứ nước không sạch sẽ, tôi cũng uống được luôn? Uống rồi cũng không bị bệnh, là đạo lý gì? Không có gì khác hơn là buông xả cái ngã của mình qua một bên, không nghĩ là mình uống thứ nước dơ bẩn khó uống như thế thì kết quả là không có vấn đề gì. Nếu các vị thật sự bỏ được cái Ngã này tức không còn vấn đề gì cả. Nếu như các vị muốn thử xem hoặc muốn đạt được cảnh giới đó, hay là không muốn thử cũng không thành vấn đề. Tôi tuyệt đối không miễn cưỡng các

vị và cũng không bắt buộc các vị phải tu hành theo cái phương pháp này đâu.

(*Ghi chú*) Cư sĩ Đàm Quả Chánh thuật lại: Bà La muốn có một đứa cháu, nên đến Phật Giáo Giảng Đường tìm Sư Phụ. Tình cờ cũng là lúc tôi đến chùa gặp bà. Chúng tôi chưa bao giờ thấy Sư Phụ rửa chân ngay tại chánh điện của Phật Giáo Giảng Đường, vì phòng của Sư Phụ ở ngay phía sau. Bữa đó bà La tới đúng lúc Sư Phụ đang rửa chân trong một thau nước lớn... Vừa đúng lúc tôi bước vào chánh điện, tôi cũng thấy thau nước vừa đục ngầu vừa dơ bẩn đó, nhưng tôi không dám nói gì hết....

Tiếp theo là Sư Phụ bung thau nước lên, gu lu gu lu ực hết thau nước. Khi ấy, ngoại trừ tôi ra còn có một số người cũng có mặt nơi đó, chúng tôi đều rất kinh ngạc và chăm chăm nhìn Sư Phụ. Sư Phụ uống thau nước dơ bẩn đó xong, rồi nói với bà La: “Bây giờ đứa cháu của bà đã không còn nữa! Dù cho bà có cầu gì thêm, tôi cũng đã kiệt sức rồi.” Tôi nhớ, lúc đó bà La bật khóc nức nở, đây là sự kiện mà chính mắt tôi chứng kiến được.

Tại Hồng Kông có một số sự việc xem như rất kỳ quái, rất buồn cười, nhưng nó đích xác, thực sự đã xảy ra.

80. Họa Truyện Hư Lão

Vào năm 1959, Hòa Thượng thỉnh họa sĩ minh họa cuộc đời và đạo nghiệp của Lão Hòa Thượng Hư Vân thành tập họa truyện. Tính ra có 208 bức họa và Hòa Thượng theo đó soạn văn làm thơ kệ số muôn lời. Không lâu, “Tập họa truyện Lão Hòa Thượng Hư Vân” được xuất bản...

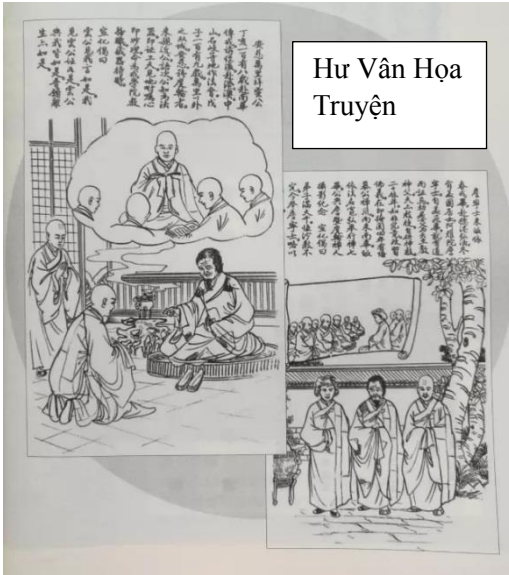
Trước khi tập họa truyện ra đời vào tháng 7 âm lịch, Hòa Thượng biết rằng pháp thể Lão Hòa Thượng không được khỏe mạnh, nên Ngài lập tức thỉnh mời các vị đại đức khắp nơi đến cử hành lễ sám Dược Sư Tiêu Tai Diên Thọ cùng lễ Phật mong Hư Lão được thêm tuổi thọ. Không lâu sau, Ngài nhận được thơ từ Vân Cư Sơn báo tin Hư Lão đã được phục hồi sức khỏe.

Hòa Thượng kể: Có một người Hoa, tôi đặt tên là “xác láo”, vì hắn giống như trẻ con chuyên nói bậy nói càn. Y vốn không hiểu Phật Pháp nên nói Hư Lão không phải 120 tuổi, rồi có một số người không biết, lại hùa theo và các vị ngoại quốc tự cho là học giả cũng hòa xướng với ông ta, nói: “Là người đó đó nói như thế!” Thực ra một đời Hư Lão đã trải qua nhiều sự khốn khổ gian nan thật khó diễn tả cho hết! Tôi tin rằng không ai có thể chịu đựng được những nỗi đau đớn như Ngài. Hư Lão sống trong một thế kỷ này đã tự độ, độ người, tự lợi, lợi người, và đôi lúc lại xuất thần nhập hóa vi diệu khôn lường. Người mà không biết được các điềm lành như vậy thì không sao kể xiết.

Hư Lão gặp bất cứ ai, dù là người trẻ tuổi xuất gia hay tại gia bái lạy Ngài, Ngài đều chấp tay trả lễ như nhau. Cho nên người xuất gia, bất cứ lúc nào đều không được tự treo giá cao trước người xuất gia hay tại gia. Tỳ Kheo càng không được bày dáng ta đây trước Sa Di, Sa Di Ni, Tỳ Kheo Ni, vì ra dáng như vậy, càng lộ vẻ chùng nào, càng hôi thối thêm chùng nấy. Người xuất gia không được xá người tại gia trước, nhưng cũng không được làm như khúc gỗ, đóng bùn, đứng đó ra vẻ: “Ta là người xuất gia đây!” Rồi ngay cả lời chào hỏi cũng không có. Khi được người tại gia đánh lễ, người xuất gia nên thành tâm niệm Phật hồi hướng và cầu nguyện cho người đó sớm thành Phật đạo.

(Ghi chú 1) Lời Đầu của Tập Họa Truyện Lão Hòa Thượng Hư Vân - Quyển Thượng.

Mùa Thu năm Dân Quốc thứ 35, Thiền sư Độ Luân từ Đông Bắc đi về hướng Nam tham phương, rồi dừng tại chùa Nam Hoa, Khúc Giang, Tào Khê, hầu thân cận học hỏi với Lão Hòa Thượng Hư Vân. Sau đó vâng theo lời dạy, thiền sư lãnh chức Giám Học của Học Viện Giới Luật tại Nam Hoa, không lâu chuyển làm Chủ Nhiệm Giáo Vụ, rồi lại làm Tôn Chứng A Xà Lê cho giới đàn truyền giới. Qua 2 năm sau, có vị nữ cư sĩ Jennings người Mỹ vì ngưỡng mộ thiên đức của Lão Hư Vân, nên vượt trùng dương mong cầu được thọ giới với



Ngài. Lão Hòa Thượng vì Jennings chủ trì khóa thiền thất và thượng tòa khai thị. Lúc bảy giờ Độ Sư cũng dùng cơ phong thiền vấn đáp với Jennings về những lời ngữ lục trong cuốn Niệm Phả của Lão Hư Vân và cô cũng đã hoan hỷ duyệt đọc quyển sách này.

Vào tháng 10 năm rồi, Lão Hư Vân thị tịch ở Vân Cư và ngày đó Độ Sư từ Hồng Kông đã điện báo cho

tôi. Có lẽ Sư cũng biết mình cùng Lão Hư Vân tuy chưa gặp mặt nhưng đã có pháp duyên thâm sâu, nên Sư tức khắc ấn hành bản Niết Bàn Kỳ Niệm Lão Hư Vân và muốn tôi viết lời tựa. Kế đến Ngài còn viết trong thư rằng: “Nhiều năm trước tôi đã phát nguyện biên soạn họa tập của Ngài và dự tính thỉnh họa sĩ họa hơn 200 bức họa tinh xảo với vạn lời tuyên dương miêu thuật sự tích một đời Lão Hư Vân, hy vọng cho mọi nhà đều rõ biết hầu báo đáp phần nào pháp nhũ thâm ân trong muôn một. Ngày hoàn tất bản thảo của họa tập cũng chính là ngày tiếp nhận Vân Cư báo tin Đại Lão Hư Vẫn thị tịch, đây cũng là điều kỳ lạ thay!

Nay tập truyện được tiến hành xuất bản, hy vọng cư sĩ viết lời tựa cho tập họa truyện của Đại Lão, cũng mong tập truyện này tạo hạnh phúc cho chúng sanh thời mạt pháp, xin chớ thoái từ!” Khi đọc thư xong, tôi sợ toát mồ hôi và nghĩ: Lời của Sư cũng kỳ lạ thật! Viết lời tựa thì làm sao ban phước cho chúng sanh, và Sư đã không muốn tôi nói toẹt ra là nhân loại thế giới trải qua 300 năm khoa học rồi mà người ta còn sùng bái hình tượng, tâm lại bị vật chuyển, không có đạo đức, lương tâm bị che lấp để đi đến hoại kiếp. Nay xuất bản tập truyện này, biểu hiện Hư Lão tự lấy thân ra giáo hóa, khiến người trí đọc sẽ phát đại giác, người mê đọc sẽ tỉnh hôn mê,

rồi cùng nhau tự cứu lấy đạo chăng? Do đó, tôi thành tâm viết gập lời mở đầu, ngưỡng mong Hư Lão trong ánh quang Thường Tịch cũng gật đầu mỉm cười, đồng cảm với lời này vậy.

Học nhân Chiêm Lệ Ngô kinh ghi lời đầu tại Canada.

(*Ghi chú 2*) Tựa của Tập Họa Truyện Lão Hòa Thượng Hư Vân - Quyển Hạ.

Đại sư hoằng pháp trải qua sự từ hiếu mà thường hằng cần lao, lời lẽ bình dị luôn ẩn ngầm ý diệu mầu. Ngài dạy bảo đạo lý, các cư sĩ y theo tu hành, vì vậy hiển hiện Phật tánh, thiên ma thấy cúi đầu, cây khô cũng đơm hoa. Pháp sư Độ Luân Tuyên Hóa truy niệm Đại Lão, kỷ niệm bậc hiền, kết tập biên họa y theo sự tích Đại Sư, hoặc lưu truyền tông môn, bất lập văn tự, nhưng giải thích rõ ràng, chỉ nghĩ quán chiếu. Tuy Thế Tôn thuyết pháp 49 năm, nhưng tự nói: “Ta thật chưa từng nói một pháp.” Nay Hai Sư thu phục cả thắng địa núi sông, biểu dương nghĩa cử của Đại Sư, chí hướng thành quả không lẽ chỉ là vậy sao! Quả nhiên chúng sanh trong đời mặt pháp vì nghiệp dày phước mỏng mà Phật Pháp cao thâm khó giải bày cùng người sơ học, cho nên cần bày ra phương tiện hội họa để dễ bề tiếp dẫn khiến người khởi lòng tin. Vì thế bậc hiền nhân Độ Luân cũng phải khổ tâm nghĩ cách để hiển lộ giáo pháp vô thuyết, vô vi thành ra có hình có tướng. Tôi tự xấu hổ vì mình học ít, không báo được Phật ân, duy nguyện Tam Bảo gia trì, tâm người hướng về đạo, tức âm thanh gió nước không gì không là pháp âm, một phết, một nét đều là chân đế. Lời nói hành động của Đại Sư sẽ mãi lưu truyền ở thế gian! Công đức của pháp sư Độ Luân Tuyên Hóa cũng vô lượng thay! Đó là lời mở đầu.

Đệ tử Khuất Ánh Quang kinh soạn, Mừng 1 tháng 3 năm Canh Tý.

(*Ghi chú 3*) Lời Tựa của Tập Họa Truyện Lão Hòa Thượng Hư Vân - Quyển Thượng.

Quyển sách về sự tích ứng hóa thân của đức Thích Ca Như Lai ra đời đã lâu, là quyển giáo hóa tuyệt tác thực tiễn trong giới chúng sanh. Mọi người thích xem, ai cũng hoan hỉ vì rõ ràng dễ hiểu. Quả thật là quyển sách quý, lợi lạc mọi căn cơ, khế lý diệu giải. Nay vì ngưỡng mộ Đại Lão thượng Hư hạ Vân về đạo đức, giới hạnh, học vấn, trí huệ, khổ hạnh, nguyện lực, thực hành, từ bi, hỷ xả, bình đẳng, bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định các ba la mật; một sự tích đặc thù về cuộc đời Ngài, là kim chỉ nam cho đời mật pháp, vị cứu tinh của thế kỷ. Vì vậy không ngại giá cao, tìm mời nhân tài chuyên gia hội họa Phật Giáo, họa vẽ hơn 200 bức quốc họa tinh vi. Trải qua nhiều năm thiết kế, đến nay đã bắt đầu xuất bản. Hy vọng nương nhờ đạo đức của Đại Lão, sách này sẽ được phát hành đến toàn thế giới, mỗi người một quyển và nhà nhà đều biết, khiến cho mọi người phát tâm Bồ Đề thành Vô Thượng Đạo. Sau đó họ sẽ quay Thuyền Từ trở lại Ta Bà giáo hóa chúng sanh đều đến địa vị Bồ Đề Giác Bất Thoái Chuyển vậy.

Sơn Tăng Độ Luân bái ghi lời tựa,

Phật Giáo Giảng Đường Hồng Kông, Tọa Thất Hoa Nghiêm, Thánh Đản Di Lạc, mừng 1 tháng Giêng năm Canh Tý.

(Ghi chú 4) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Tất cả các nội dung sáng kiến, văn tự, kệ ngữ của cuốn truyện tranh Lão Hòa Thượng Hư Vân đều do Sư Phụ soạn thảo, và trong đó, Sư Phụ còn làm một bài kệ bài bác các vị trí thức học giả, những người đã từng phê phán Hư Lão. Trong số các đệ tử của Sư Phụ có Tiết Quả Phụng là vị đã thuộc lòng toàn bộ kệ tụng trong quyển sách đó.

(Ghi chú 5) Tạp chí Tâm Pháp Kỳ 3 thông tin vào tháng 12 năm 1956: Vị truyền thừa của Lão Hòa Thượng Hư Vân tán dương thiên tông tại Hồng Kông: Chủ tịch Hội, Hòa Thượng Độ Luân, sau Đệ Nhị Thế Chiến vì ngưỡng mộ tông môn duy nhất là đại đức Lão Hòa Thượng Hư Vân, rời từ Đông Bắc du hành về Nam hầu tròn nguyện vọng ấp ủ từ lâu. Đến Nam Hoa Tự tại Mã Bá Quảng Đông, Ngài đánh lễ bái kiến Lão Hòa

Thượng, còn được Lão Hòa Thượng xem trọng, lập tức giao phó cho chức Giám Học của Học Viện Giới Luật Nam Hoa, lại chuyển qua nhậm chức Chủ Nhiệm Giáo Vụ, không lâu được truyền tâm ấn, Chánh Pháp Nhân Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, hầu phát dương phái Quy Nguỡng, tiếp tục mạng mạch thiền tông.

Bảy năm trước, Độ Công rời Quảng Đông đến Thái Lan, sau đó về Hồng Kông liền phát tâm đề xướng hưng khởi thiền tông. Mùa Đông năm rồi, Ngài đặc biệt cử hành khóa thiền thất liên tiếp 70 ngày (do Độ Công chủ trì) tại Từ Hưng Tự, thác Vạn Trượng, Linh Hội Sơn, Đại Tự Sơn, tứ chúng Phật tử tham gia đông đảo.

Biết được chí nguyện của Lão Hòa Thượng, nên Ngài ra sức tuyên dương thiền tông, đồng thời tạo đắp tôn tượng toàn thân Lục Tổ và Lão Hòa Thượng cao 4 thước cúng dường Từ Hưng Thiền Tự. Ngài dự định năm nay vào ngày 15 tháng 10 lại bắt đầu cử hành khóa thiền thất 10 tuần.

81. Hư Lão Viên Tịch

Vân Cư Sơn điện bảo:
“Thương tiếc Lão Nhân vào năm Kỷ Hợi (1959) ngày 12 tháng 9, vào 1 giờ 45 trưa đã an tường viên tịch tại Chân Như Thiền Tự, Vân Cư Sơn với lời dặn dò lớp người sau, nên ‘Cần tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, vì pháp quên thân, kính ái lẫn nhau....”



Ngay hôm sau, Hòa Thượng triệu tập các đệ tử và cư sĩ, thành lập “Hội Ủy Viên Kỷ Niệm Lão Hòa Thượng Hư Vân Niết Bàn Vĩnh Cửu”, quyết định qua ngày sau (ngày 17) bắt đầu khóa Phật thất 21 ngày, và vào

mùng 10 tháng 10 sẽ cử hành khóa Đại Bát Nhã thất 120 ngày.

Chùa còn phát ra cả 100 bức điện báo, thông tin cho các đoàn thể Phật Giáo trên thế giới, đồng thời loan tin thông báo trên đài ở Hồng Kông, triệu tập các vị đệ tử của Hư Lão cùng các vị nhân sĩ tới tham dự hội tượng niệm đọc tụng 600 quyển Kinh Đại Bát Nhã.

Hòa Thượng kể: Tôi gây dựng lên 3 chỗ, như Đại Tự Sơn có thể cư ngụ vài trăm người, Tây Lạc Viên cố gắng hết sức cũng ở được 2, 30 người và chỗ trường đua (Phật Giáo Giảng Đường) đã có hơn 20 vị tu sĩ ở qua.

Sau khi Hư Lão viên tịch, tôi đã cử hành pháp hội truy niệm Ngài và pháp hội tụng kinh Đại Bát Nhã 120 ngày, lại còn cử hành 3 tuần Phật thất tại Phật Giáo Giảng Đường Hồng Kông, nên mỗi ngày có 2, 30 vị ở chùa. Lúc ăn cơm có rất đông người, vì không đủ chỗ ngồi nên họ chỉ có thể đứng các nơi mà ăn. Do thế, mỗi ngày phí tổn cũng khá nhiều, nhưng tôi chưa từng nói với một đệ tử nào rằng: “Ông tới ủng hộ cho pháp hội này một chút, phụ cho chút đỉnh tiền nhé.” Không đâu, tôi chỉ biết gồng mình chịu thôi! Vì tôi là “Rét chết, đứng nghinh gió; đói chết, ngưỡng bụng đi.” Cho nên tôi không hề nói với người ta là tôi không xong rồi và cầu họ tới giúp đỡ!

Sau khi Hư Lão viên tịch, Phật Giáo Giảng Đường tụng trì Kinh Đại Bát Nhã, công đức này là việc chưa từng có. Vì từ



Phật Thích Ca Mâu Ni đến nay, dù vị tổ sư nào viên tịch đi nữa cũng chẳng có tụng qua Kinh Đại Bát Nhã, cho nên chúng tôi cử hành pháp hội to lớn như thế, gọi là đại cúng dường.

Đồ đệ và đệ tử quy y của Hư Lão tại Indonesia cũng tổ chức hội truy điệu và mời tôi phát lời cáo biệt, tôi bèn gởi đi

lời phân ưu. Lúc ấy, báo chí đều đăng tải lễ hội truy điệu Hư Lão tại Indonesia, và tôi nghe nói có người thân nhiên ra khoản chi phí số nghìn đồng để mua tòa lâu đài giấy, thuyền giấy, kiệu xe giấy cúng dường Hư Lão. Tôi hy vọng các vị Phật tử nên bài trừ cái tật xấu mê tín này. Các vị hãy xem xét, suy nghĩ coi những lời tôi nói đây có lý hay không?

(*Ghi chú 1*) Nhật báo Tinh Đảo đăng tải vào Chủ Nhật ngày 18 tháng 10 năm 1959 (ngày 17 tháng 9 âm lịch, năm Kỷ Hợi): Lão Hòa Thượng Hư Vân viên tịch, trụ thế 120 tuổi. Hôm qua Phật Giáo Giảng Đường cử hành pháp hội.

Ngẫm duyệt Ngũ Đế Tứ Triều, không biết bao phen thăng trầm, lại chịu đựng gian nan khổ sở muôn vàn. Vị 120 tuổi Lão Hòa Thượng Hư Vân hiểu rõ thế sự vô thường, vào ngày 12 tháng 9 âm lịch đã an tường viên tịch tại Chân Như Thiên Tự, núi Vân Cư, huyện Vĩnh Tu, tỉnh Giang Tây.

Trưa hôm qua, Phật Giáo Giảng Đường, chỗ trường đua, Happy Valley, tầng lầu 12 trong tòa chung cư Race View Apartments, vị truyền thừa pháp sư Độ Luân nhận được hung tin từ đệ tử Khoan Thường kính ghi vào ngày 13 âm lịch. Ngài lập tức triệu tập các đệ tử quy y cùng nhân sĩ Phật Giáo khắp các chùa chiền tới Phật Giáo Giảng Đường chiều ngày hôm qua. Trước tiên Ngài cử hành liên tục 3 tuần Phật thất, sau khi pháp hội viên mãn vào mùng 10 tháng 10, nhằm tuần thất thứ tư của Hư Công là tiếp đến cử hành Bát Nhã Thất 120 ngày.

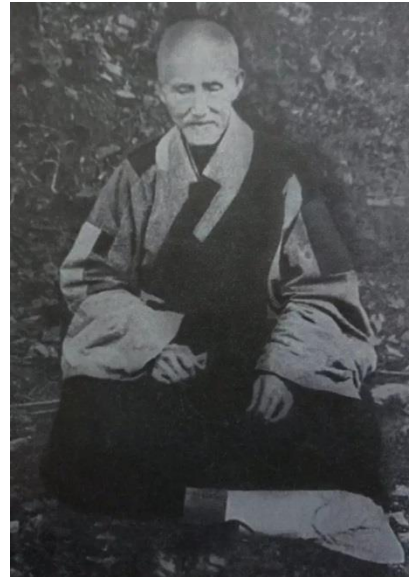
Chiều hôm qua có nhiều vị khai sơn trưởng lão cùng số đông các vị cư sĩ hơn trăm người tới tham gia và niệm Phật hồi hướng cho Ngài Hư Công. Chùa hoan nghinh các nhân sĩ Phật Giáo tùy hỷ đến dâng hương...

(*Ghi chú 2*) Tỳ Kheo Tri Định phát biểu tại lễ Truy Niệm Đại Lão Hư Vân (trích trong tập san Lão Hòa Thượng Hư Vân Niết Bàn do Phật Giáo Giảng Đường xuất bản mùa Đông năm 1959): Trưa ngày 17 tháng 10 nhân có việc, tôi phải đi Halona Blowhole, Hawaii. Lúc trở về, tôi nhận được điện báo của

pháp sư Độ Luân từ Hồng Kông rằng, Hư Lão đã viên tịch ngày 13 tức ngày 12 tháng 9 âm lịch nghe như tin sét đánh, khiến tôi kinh ngạc vô cùng! Phải chăng Hư Lão đã rời xa chúng ta, chúng sanh vô biên khổ não để về nơi thế giới an dưỡng khác mất rồi??? Một chuỗi câu hỏi hiện ra trong đầu mà tôi vẫn không dám tin ngay. Qua ngày sau, tôi lại nhận thêm điện báo của bác sĩ Lương, cũng như là một bức điện tín cáo phó. Vì vậy, sự thật cuối cùng vẫn là thật sự, lại không thể không tin sao. Tôi nhận được những tin như vậy, trong tâm buồn bã, chỉ thấy đau thương! Tôi xa rời Hư Lão đã 10 năm rồi, 10 năm trước đó, bất luận thế nào tôi cũng không tưởng tượng ra 10 năm sau như ngày nay, Ngài sẽ xa cách chúng ta vĩnh viễn!

(*Ghi chú 3*) Pháp sư Thiệu Vân thuật lại trong "Một chút về sự tích của Lão Hòa Thượng Hư Vân tại Vân Cư Sơn": Sau năm 1958, Lão Hòa Thượng nói với chúng tôi: "Ta thật muốn ra đi cho rồi!"

Chúng tôi rất đau lòng hỏi Ngài: "Thưa Ngài, tại sao bây giờ Lão Hòa Thượng muốn ra đi vậy?" Ngài đáp: "Các người không biết đâu, sau này vẫn còn 10 năm khổ nạn nữa, khó nhẫn chịu lắm!" Lúc bấy giờ chúng tôi không hiểu là gì. Sau đó đúng là 10 năm phá hủy của cuộc đại cách mạng văn hóa. Từ năm 1958, Hư Lão bắt đầu thường hay đau ốm, Ngài bèn bàn giao hết các việc cho người sau, đồng thời còn phân phát tất cả những đồ vật của Ngài cho đại chúng.



Vào trưa ngày 10 tháng 9 âm lịch năm 1959, Lão Hòa Thượng bèn khai thị và nói lời di chúc cuối cùng với đại chúng. Lão Hòa Thượng nói: "Lời cuối cùng của tôi chỉ là: Cần tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si." Qua một lát sau,

Ngài lại tiếp: “Các người nên có chánh niệm, chánh tâm để bồi dưỡng tinh thần đại vô úy, độ người, độ thế.”

Vào ngày 12 tháng 9 âm lịch, lúc 12 giờ trưa, Lão Hòa Thượng nói với thị giả: “Ta vừa mới mơ thấy có một con bò giẫm đạp gãy cây cầu đá Phật Ân, lại thấy Suối Xanh (Bích Khê) bị gián đoạn.” Sau đó Ngài nhắm mắt và không nói gì. Cho đến 12 giờ rưỡi trưa, Ngài gọi các thị giả tụ họp lại trong thất, rồi nói với họ rằng: “Các vị đã chăm sóc ta nhiều năm qua, ta đều rất biết công ơn lao nhọc của các vị. Không kể đến các việc trước đó, khoảng trong 10 năm gần đây, ta thường ngậm đắng nuốt cay, mỗi ngày sống trong nguy cơ bị công kích, chịu mọi sự hủy báng và gièm pha, nhưng ta đều cam tâm tiếp nhận hết. Ta chỉ mong sao bảo tồn được đạo tràng của Phật tổ trong nước, giữ gìn thanh quy chùa chiền của tổ đức, và lưu giữ chiếc cà sa cho người xuất gia. Chiếc y này ta gần như bỏ mạng mới được trở lại mà các vị đều là đệ tử thân cận nên cũng biết qua chuyện này. Về sau, dù các vị tu hành ở am cốc, hoặc đi giáo hóa bốn phương, cũng nên kiên trì bảo hộ chiếc đại y này. Làm sao để có thể bảo trì nó được mãi mãi như vậy? Chỉ có cách là thực hành theo một chữ tên là ‘Giới’ mà thôi!” Lão Hòa Thượng nói xong, chấp tay hướng mọi người từ giả, ai nấy ngậm ngùi rơi nước mắt, rồi ra ngoài mái hiên chờ đợi.

Đến 1 giờ 45 phút, Ngài nằm thế kiết tường nghiêng bên phải, an tường viên tịch tại lều am, Vân Cư Sơn. Trong một tháng trước ngày Hư Lão viên tịch, có rất nhiều thầy đã từng thấy có một vầng ánh sáng xuất hiện trong lều tranh đi qua hướng chánh điện, sau đó chỉ thấy hào quang sáng chói, không để lại hình ảnh gì, rồi xuyên vào chánh điện dần dần biến mất. Một tháng sau đó, Lão Hòa Thượng đã an bày mọi việc xong xuôi và còn viết để lại một tờ di chúc. Sau đó Ngài bảo hai thị giả đi ra ngoài, rồi một mình Ngài ở trong am lặng lẽ ra đi!

(Ghi chú 4) Kệ Di Chúc trước khi lâm chung của Hư Lão:

Tôm bị kiến vây, không trở lại nước; An ủi thủy tộc, Thân ta xuống sông,

Nay hiến thân đây, nguyện chúng thọ mỗi. Cùng chúng Bồ Đề, Quảng độ chúng sanh.

Xin các bạn đạo, chớ có ưu sầu. Sanh tử theo nghiệp, Như tầm kéo kén.

Tham mê chẳng dừng, vui buồn tự trôi. Muốn giải nạn này, Gắng công tu tập.

Khéo đạt vô sanh, sáng rõ tâm địa. Dứt tình thương ghét, Thoát hiểm luân hồi.

Tu Ba Tịnh Học, kiên trì Bốn Niệm. Thệ nguyện viên thành, Huyền chất sương chớp.

Chúng ngộ chân không. Vạn pháp một thể. Hợp tan vui buồn, Tùy duyên bọt nước.

Sau khi ta tịch và thân này đã thiêu hóa xong, các vị hãy nghiền nát tro xương trộn đều với dầu, đường, bột mà nắn thành những viên nhỏ, rồi rải tất cả xuống sông để cúng cho loài thủy tộc. Thế là ta đã mãn nguyện, xin cảm tạ vô cùng! Người trả nợ, Hư Vân đánh lễ.

82. Nghinh thỉnh Xá Lợi

Vào ngày 4 tháng 11 (mùng 4 tháng 10 âm lịch), Hòa Thượng phái hai vị đệ tử Tiết Quả Phụng và Mã Quả Tiên đến Vân Cư Sơn nghinh thỉnh xá lợi của Lão Hòa Thượng Hư Vân. Họ trở về Hồng Kông vào ngày 18 và thỉnh được hơn 10 viên xá lợi năm màu rực rỡ về chùa thờ phụng...

Hòa Thượng làm kệ Viên Xá Lợi:

Viên cứng chắc năm màu rực rỡ, vạn đức tu luyện như trăng tròn.

Giới châu lấp lánh ánh sáng ngời, Định xà cừ bảo sắc thắm tươi,

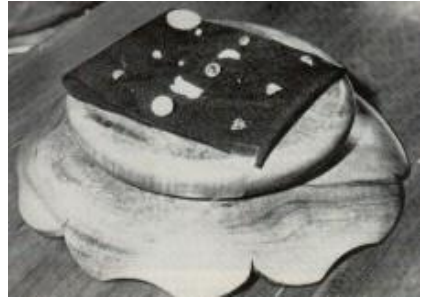
Huệ đước lưu ly chiếu pháp giới, Trí Bát Nhã quả hóa tam thiên,

Hạt sen lớn nhỏ trong như ngọc, công đức giới luật thủy trang nghiêm.

- Đệ tử thừa Pháp - Tuyên Hóa kính ghi.

Xá Lợi là di thể của linh cốt sau khi hỏa táng, là kết tinh đạo hạnh của người tu hành. Kinh Kim Quang Minh, Phẩm Xả Thân nói rằng: “Xá lợi là do sự huân tu giới định huệ mà thành và rất khó được.” Cho nên chúng ta lễ bái cúng dường xá lợi, cũng là cúng dường Tam Bảo.

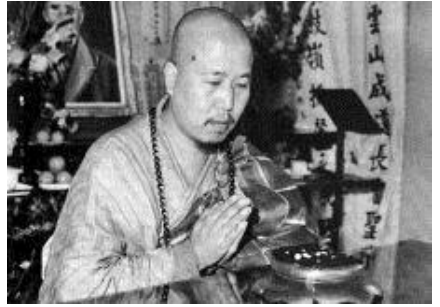
Hiện tại Xá Lợi của Hư Lão được thờ phụng tại Vạn Phật Thánh Thành, Hoa Kỳ.



Hòa Thượng kể: Khi pháp hội truy niệm Lão Hòa Thượng viên mãn, tôi đã gặp không ít nhân sĩ trong giới Phật Giáo đổ kỵ gây chướng ngại, vì tôi đã che lấp ánh quang minh của họ. Khi tôi phái người đi thỉnh xá lợi của Hư Lão về Hồng Kông và lúc bấy giờ có một người mà tôi đã trị khỏi bệnh mụn nhọt tựa con cua đã sanh tâm ganh tị, phỉ báng tôi thậm tệ, thậm chí phao tin đồn xá lợi của tôi là giả, của y mới là thật. Tại sao y nói vậy? Vì sợ người ta tin tưởng tôi tức sẽ không có lợi cho y. (*Ghi chú 1*) Lão pháp sư Thiệu Vân khai thị (trích từ báo Kim Thánh Tự tháng 12, 2011): Lão Hòa Thượng viên tịch ngày 12 tháng 9, lễ Tiễn Biệt vào ngày 19 tháng 9, ngày kế là lễ Trà Tỳ, và dự định 3 ngày sau sẽ thu nhặt xá lợi từ tro cốt Ngài. Nào ngờ, vào ngày thứ 2, ngay công Triệu Châu trên núi bỗng bốc cháy, trú chúng trên núi có gần 100 người, ngoại trừ một số người già yếu bệnh tật ở lại chùa, ai nấy đều đi cứu hỏa. Trong khi đó, hai thầy Khoan Hoài và Khoan Khắc chạy đến trộm ngó vào lò táng thì thấy sau khi hỏa hóa, thân Lão Hòa Thượng thành tro cốt còn nguyên dạng không rụi xuống. Hiếu kỳ họ nhặt một miếng ngói nhỏ ném vào tượng tro thì tượng đổ sụp xuống ngay. Thầy Khoan Hoài đưa tay vào hốt một nắm tro cốt và la

lên khi thấy trong tay có vài viên xá lợi màu thủy tinh chiếu sáng.

Qua một hồi sau, các người cứu hỏa lục đục trở về và khi nghe nói tro cốt Lão Hòa Thượng có xá lợi, họ bèn háo hức kéo nhau đến nơi, rồi tranh nhau mỗi người hốt một nắm tro cốt và chạy vào phía núi hẻo lánh, bởi vì chánh phủ đương thời không cho báo cáo việc có xá lợi. Có khoảng mấy chục người làm như thế, có người trong một nắm tro cốt có tới mấy viên xá lợi, ít nhất cũng có một, hai viên, lớn nhỏ không đồng, màu sắc cũng không giống nhau, đa số xá lợi có màu trắng thủy tinh sáng chói. Vì trong tình huống đặc biệt này, nên trong tro cốt của Ngài có bao nhiêu xá lợi vốn không cách nào tính đếm được.



Lúc bấy giờ có nhiều người thấy Lão Hòa Thượng ngồi kiết già đoan chánh trong viên xá lợi. Trong số xá lợi có một viên thậm chí còn thấy rõ ràng chân mày Ngài dài tới mắt, viên xá lợi đó hiện vẫn còn lưu giữ trong tháp xá lợi.

(*Ghi chú 2*) Tỳ Kheo Ni Hằng Hòa thuật lại: Nhân duyên khiến tôi biết được Sư Phụ là do chiêm ngưỡng xá lợi của Lão Hòa Thượng Hư Vân tại Hồng Kông. Năm 1959, khi Hư Lão viên tịch, báo chí đảng Phật Giáo Giảng Đường hoan nghinh mọi người đến chiêm ngưỡng xá lợi của Hư Lão.

Tôi vì hiếu kỳ mà đến, cũng muốn xem thử là chuyện gì đây. Nhưng khi tới chùa, tôi xem tới, xem lui cũng không thấy được cái gì, cho nên tôi nói với đệ tử tại gia của Sư Phụ: “Không coi nữa, tôi đi về cho rồi!” Các vị đó bảo tôi nếu rảnh nên tới lễ Phật, thì cầu gì sẽ được nấy. Tôi phân bày: “Được rồi, nếu có thời giờ tôi sẽ tới nữa.” Không lâu sau, tôi ngủ tôi mơ thấy Sư Phụ, Ngài hỏi tôi rằng: “Tại sao hứa sẽ tới lễ Phật rồi lại không tới hả?” Tôi cảm thấy kỳ quái, tại sao ông thầy chùa này lại muốn tôi đến lễ Phật chớ? Vì vậy tôi quyết định lại đến Phật Giáo Giảng Đường để xem coi là chuyện gì đây.

Tôi đến Phật Giáo Giảng Đường, sau khi ấn chuông, có người ra mở cửa. Người này vừa thấy tôi liền nói: “ Sư Phụ tìm cô đó, Sư Phụ còn hỏi cô trú ngụ ở đâu, nhưng mọi người đều nói là không biết.” Lúc đó chùa đang có pháp hội tụng Kinh Đại Bát Nhã, Văn Quả Thù bảo tôi nên quy y Sư Phụ. Tôi tưởng rằng quy y là bảo tôi xuất gia. Tôi nói, tôi mới có 24 tuổi, còn trẻ lắm nên không muốn xuất gia đâu. Quả Thù giải thích cho tôi nghe, quy y không phải là xuất gia, mà là tin Phật, làm đệ tử của Phật. Tôi nói: “Tin Phật thì không thành vấn đề, chớ xuất gia thì không được, vì xuất gia cạo đầu trọc, khó coi lắm!”

(Ghi chú: Tỳ Kheo Ni Hằng Hòa, tục danh là Tăng Tú Quyên, năm 1960 quy y Hòa Thượng, ngày 3 tháng 8 năm 1977 xuất gia, pháp danh là Quả Hy, pháp hiệu Hằng Hòa. Năm 1979 thọ giới Cụ Túc. Sư cô vãng sanh ngày 29 tháng 9 năm 2000, hỏa táng có viên xá lợi và hoa xá lợi.)



83. Hồi tưởng Hư Công (1)

Vì muốn lưu truyền công đức bất hủ của Hư Lão tại thế hầu gây ảnh hưởng cho đoàn hậu học, Hòa Thượng phát động kêu gọi khắp nơi trên thế giới viết bài về Lão Hòa Thượng nhập Niết Bàn. Sau khi thu thập được các bài văn truy niệm của các tác giả cùng nơi ở của họ, Ngài sẽ tiến hành việc kết tập biên soạn...

Tưởng nhớ Vân Công - Tiên thân hậu tế nhân duyên là thế. Thích Độ Luân

... Đến Nam Hoa Tự, tôi đánh lễ Hư Công cảm thấy như con gặp mẹ, như du tử trở về nhà. Sau bao nhiêu năm ngưỡng mộ, nguyện vọng ấp ủ bấy lâu, nay được thỏa lòng! Trước hết, tôi nhận việc hương đăng ở Tổ Sư Đường. Khi thầy Trí Tham tới thăm và cùng tôi đàm đạo, thầy cảm thấy rất tương đầu, nên đề nghị với Hư Công là tôi có khả năng hoằng dương Phật

Pháp. Hư Công bèn giới thiệu tôi đến phòng phương trượng và muốn tôi lãnh chức Giám Học của Học Viện Giới Luật, nhưng tôi từ chối, Ngài đốc thúc tôi ba lần... Sau đó tôi đành nhận lãnh chức vụ (Cuộc Đời và Đạo Nghiệp của Hòa Thượng Tuyên Hóa - giai đoạn ở Trung Quốc). Thông thường tôi quán sát thấy lời nói và hành động của Ngài không khác chỉ người thường, duy có điều là Ngài làm gương cho người khác bằng sự tu tập của chính bản thân và sẵn sàng tự mình chịu khắc khổ thì vượt xa người thường.

Vào tháng 7 năm Kỷ Hợi, nghe tin Hư Công bệnh nặng, tôi ngày đêm không yên, thấy như có điềm không lành. Trước hết tôi nhận thấy hình của Ngài (chụp năm 1958) với hai mắt nhìn ngang, cặp chân mày dài chấm vành tai, tôi bèn bái lễ hình Ngài, cảm xúc nói: “Từ trước đến giờ, Ngài chụp hình đều là nhắm mắt, nhưng nay Ngài lại mở mắt từ bi nhìn xem chúng sanh, không giống như bình thường, tất có sự thay đổi gì to lớn đây. Thế rồi không đầy một năm sau, chúng ta đã hiểu rõ tự sự!”

Sau đó tôi thỉnh mười phương đại đức chư tăng bái Sám Dược Sư Tiêu Tội Diên Thọ và lễ Phật nhiều ngày. Đồng thời đăng báo, phát thông báo đến các đệ tử Ngài, hầu mong mọi người hợp lực thể hiện sức mạnh đoàn kết, như thế sẽ được cảm thông và không có điều khẩn cầu nào mà không được cảm ứng. Khi ấy tôi khai thị với đại chúng: “Lần này chúng ta lễ Phật mong Ngài tăng tuổi thọ cùng bái Dược Sư Sám và làm các Phật sự cho Lão Hòa Thượng chỉ sợ đây là lần cuối cùng, sau sẽ không còn cơ hội nữa vậy!” Bỗng giọng nói tôi chùn xuống một cách đau buồn, mọi người nghe xong đều cũng ngậm ngùi, khóc không ra tiếng. Sau đó, tôi nhận được thư từ Vân Cư báo tin, bệnh Ngài đã đỡ phần nào. Thật yên lòng thay!

Song tôi lập tức để tâm vào việc bảo người thiết kế hội họa cho tập truyện tranh của Lão Hòa Thượng, gồm hơn 200 bức tranh mực Tàu tinh tế thanh nhã kèm theo vài chục nghìn lời. Sách này trình bày một đời đức hạnh vượt người, cùng

tinh thần độc đáo về hạnh nguyện khắc khổ cần lao của Ngài, hầu được lưu tồn, cũng như dẫn dắt bậc hiền về sau, muôn đời về sau đều có khuôn phép. Chẳng may, hung tin cuối cùng cũng đến! Vào ngày 16 tháng 10, tôi nhận được điện tín báo tin là Lão Hòa Thượng đã an tuởng viên tịch... Nghe được tin như vậy, chẳng khác gì núi lở chấn động và cả nhân thế như bị hủy diệt bởi kiếp hỏa thiêu. Tôi không biết là mê hay là tỉnh, là thật hay giả rồi ngẩn ngơ như tượng gỗ ngu si, như tượng đất vô tri, qua một hồi mới lấy lại tinh thần mà vô cùng thương tiếc!.. Ngày 18 chúng tôi công khai báo tin đến khắp tín chúng. Ngờ đâu vì chuyện này bị người ta ganh tị, bắt đầu sự phỉ báng, rồi ma quỷ ngông cuồng, thấy nghe lẫn lộn hầu đánh lừa dư luận, đến cả một số tự cho là thiện tri thức cũng phụ họa theo. Thật đáng thương thay! Đúng là “hễ làm việc lành, ma liền kéo đến”.

Tóm lại, duy có Hu Công mới biết rõ tôi, và chỉ có Ngài mới kết tội tôi thôi. Ngày xưa Khổng Tử sáng tác Xuân Thu khiến bày tôi tạo phản kinh hãi, Tư Mã biên soạn Sử Ký mà dẹp trừ bọn phạm pháp làm càn. Nay nỗ lực vì Hu Công, dù bị muôn nghìn gai góc đâm thân, tôi cũng không sợ nghe điều trái tai. Do đó xin các vị hãy phối hợp nhau tận sức phát biểu, tôi đều hoan nghinh tiếp thọ. Như Đại sư Vĩnh Gia nói: "Quán lời ác là công đức, chính đó thành thiện tri thức của tôi, không vì sự phỉ báng mà sanh lòng oán hận. Nếu không vậy, làm sao thấy được sức từ bị nhẫn nhục vô sanh?" Ngài thêm: "Mặc ai biếm, mặc ai gièm, châm lửa đốt trời chỉ nhọc xác, nhưng ta nghe như uống nước cam lồ, tan hết vào trong chẳng nghĩ bàn. Dĩ nhiên chúng ta phải biết nhân quả không thể nghĩ bàn, báo ứng cũng bất khả tư nghì. Cho nên hãy thận trọng, thận trọng! Chớ vào địa ngục kéo lưỡi khổ, dù có hối hận cũng muộn màng thôi!

Vào mùng 4 tháng 10, tôi phái hai vị cư sĩ Tiết Quả Phụng và Mã Quả Tiên đến Vân Cư cung thỉnh Xá Lợi cùng linh cốt Lão Hòa Thượng về chùa phụng thờ.

Vào mùng 7, họ đến Chân Như Thiên Tự, thỉnh được hơn 10 viên xá lợi, mỗi viên riêng biệt tỏa sáng, năm sắc rực rỡ. Họ trở về ngày 16 và trưa 18 đến nơi, tôi dẫn hai hàng đại chúng cùng hương hoa tiếp nghinh, đánh lễ bái lạy xá lợi, và mọi người vui mừng khôn xiết. Tôi như trút xuống được trọng trách, cảm thấy thư thái vô cùng.

Ngày kế, tôi cùng bốn 4 vị cư sĩ: Mao Văn Đạt, Lý Trọng Du, Tiết Quả Phụng và Mã Quả Tiên thỉnh xá lợi đến viếng thăm Sầm Lão cư sĩ và thương lượng về việc xuất bản. Ông chủ trương nên thông thả về ngày xuất bản để chờ thêm bài văn gửi về từ các nước ngoài. Nhân đó tập san đến nay bắt đầu ra đời. Tôi hy vọng sau này các vị Phật tử khắp nơi chân thành đoàn kết, hỗ trợ ái kính.

84. Hội tượng Hư Công (2)

Sanh tại Phúc Châu gần Bành Sơn, Thọ cụ Dững Tuyên, giới Diệu Liên.

Triều lễ Phổ Đà Quán Tự Tại, Bắc bái Ngũ Đài, Văn Thù đến. Không dùng Vân Thê, Nam Hoa Tự, lại tới chùa Đại Giác, Vân Môn.

Vân Cư an tường hiện viên tịch, Vân Công cao đăng đỉnh Niết Bàn.

Đệ tử thừa pháp - Tuyên Hoá kính ghi - 1959.

Tập san Lão Hòa Thượng Hư Vân Nhập Niết Bàn - Lời Quyền Đầu

Lão Hòa Thượng, vị Đại Đức thủ lãnh thiên tông đã nhập niết bàn vào ngày 12 tháng 9 âm lịch. Khi tin dữ truyền tới, cả Phật tử thế giới đều đau buồn vô tận. Luận ngữ có câu: “Quân tử lo rằng khi chết mà không ai biết danh tiếng mình.” Nay ấn hành tập san này, không chỉ vì tuyên dương danh đức của Lão Hòa Thượng mà còn cho cả đàn hậu học thật không may đây. Hơn nữa, Lão Hòa Thượng còn là ứng thân Bồ Tát, từ Đông Độ tới cứu hộ chúng sanh, vì vậy, chúng ta nên lấy đạo đức làm kim châm, thánh hiệu làm ngôn biểu để đặc biệt biên soạn tập san này.

Sau khi Lão Hòa Thượng thị hiện viên tịch, tôi lập tức thành lập Hội Ủy Viên Lão Hòa Thượng Hư Vân Niết Bàn Vĩnh Cửu, và đã được các vị nổi danh như Lão Hòa Thượng Đàm Hư, các cư sĩ Vu Hữu Nhậm (Yu Yu Jen), Diệm Tích Sơn, Lý Hán Hồn, Chiêm Lệ Ngô, Dũ Đại Duy, Hàng Lập Võ, Khuất Ảnh Quang cùng chư vị đại đức khai sơn gởi đến thư pháp, văn chương tuyệt mỹ, góp phần biên ấn cho tập san này, hầu kỷ niệm công lao to lớn của Lão Hòa Thượng.

Lão Hòa Thượng nổi tiếng từ trong và ngoài nước, tín đồ đệ tử của Ngài ở khắp nơi không sao tính kể, thế nhưng đệ tử chúng ta không báo ân sư, vậy tự hỏi mình có yên tâm chăng? Lão Hòa Thượng viên tịch mà nếu không một lời kỷ niệm lưu truyền công đức bất hủ của Ngài trên thế gian khiến người hậu thế tín ngưỡng, tức chúng ta không thể báo đáp được công ơn sâu dày của Lão Hòa Thượng.

Truyền tâm ấn của Phật Đà, tiếp tục huệ đăng của tổ sư, tinh thần vĩ đại của Lão Hòa Thượng đã hưng long Phật pháp cứu độ chúng sanh cũng đủ cảm hóa loài hữu tình cùng vô tình, làm mô phạm cho học giả, làm đạo sư cho trời người. Nay Ngài đã nhập niết bàn, đoàn hậu học nên noi gương theo, cho nên biên ấn sách này, hầu mong người sau có sự chọn lựa.

Lão Hòa Thượng thọ 120 tuổi đã cho thấy một đời của Ngài, giới luật tinh nghiêm, công nghiệp thù thắng, danh truyền muôn thuở. Vì vậy nay đặc biệt ấn hành tạp chí này để làm kỷ niệm lưu vạn đời sau hầu tạo cơ sở tham khảo học tập mẫu mực.

Thích Độ Luân

85. Thương gia nuốt lời (2)

Ông Trương nọ đã làm một số tội nghịch trời, không lâu sau mắc phải căn bệnh không thể cứu chữa. Các bác sĩ đều nói, nội trong 100 ngày, ông sẽ chết. Vì muốn kéo dài mạng sống, ông công khai đăng báo cảm tạ 200 nghìn Mỹ kim cho người nào cứu được mạng ông. Bất giờ cũng chẳng có bác sĩ nào can đảm nhận lãnh món trọng thưởng

ấy. Sau đó, ông bèn quy y Hòa Thượng, trải qua 100 ngày, rốt cuộc ông không chết...

Nhân quả rất rõ rệt, duy bậc minh nhãn sáng suốt mới có thể tỏ rõ. Ông Trương nọ đã giết người, còn chế tạo buôn bán thuốc giả lừa gạt người đời, cho nên mắc phải chứng bệnh nan y. Nhưng khi ông phát lồ sám hối trước chánh điện, quy y Tam Bảo, nguyện xả tiền tài cúng dường cho chư Tăng gặp nạn, và kiến thiết chùa chiền, mới kéo dài mạng sống. Tuy đã phát lời thề, nhưng ông không thực hiện, khinh thường Phật, lừa gạt sư, một lần làm lỗi lại thêm lỗi lầm, cuối cùng là hại người và hại mình. Mặc dù rất đáng buồn cho ông Trương, nhưng đáng buồn hơn vẫn là số người phan duyên quyến thuộc bắt mỗi thuyết phục của ông ta, là những người phụ họa đi theo một cách mù quáng.

Hòa Thượng kể: Mới đầu ông Trương quỳ nơi bàn Phật ngay trước mặt tôi. Ông nói nếu qua 100 ngày mà không chết, ông sẵn sàng đem 200 nghìn Mỹ kim cho tôi xây chùa. Tôi đợi ông ta đã tám năm qua. Năm ấy, ngay mừng một Tết, có hơn 100 người tới chùa. Tôi nói với đại chúng rằng:

- Tôi đã chờ ông Trương nọ đem 200 nghìn đồng đến cất chùa, chờ ông hết tám năm rồi. Kể từ ngày nay, tôi sẽ không đợi chờ ông ấy nữa, vì thế nếu ông Trương kia có xảy ra bất cứ việc gì, tôi đều mặc kệ ông ta!

Tôi nói những lời như vậy xong, không đầy 3 tháng sau, bệnh ung thư của ông tái phát. Ông đến những chùa khác bái sám, làm Phật sự gì cũng không linh nghiệm. Ông bèn bảo người nhà đến chùa cầu tôi giúp đỡ, tôi hoàn toàn không để ý đến, y quỳ li ở trước cửa, tôi vẫn mặc kệ! Qua mấy ngày sau đó, ông ta qua đời.

Người em thứ hai của ông Trương nhảy xuống biển chết, đó là lúc ông Trương chưa quy y tôi. Nói thật ra, ông Trương đã quy y Tam Bảo, nếu như có tín tâm, ông sẽ không chết! Nếu ông không đi sai đường, cũng không chết được! Bởi vì không có lòng tin kiên cố, tuy qua 100 ngày không chết,

nhưng trải qua tám năm sau, ông vẫn chết thoi, cho nên dù gạt người được tiền cũng chẳng mang theo được. Ông chết được một năm, vị thầy 60 tuổi phan duyên với ông cũng bị bệnh ung thư. Tuy các nơi đều bái sám cho thầy, nhưng bái sám gì cũng không hết bệnh, khoảng hơn một năm sau, thầy ấy cũng qua đời! Khi tôi sắp đi Mỹ, thầy đó có tới gặp tôi, thấy thầy gầy ốm đến khác lạ.

Tháng 3 năm 1962, tôi đến Nhật Bản, có người bảo đệ tử của thầy ấy ở Nhật cúng cho tôi 10 nghìn đồng tiền Nhật. Tôi nói với người đó rằng: “Su Phụ của ông sắp chết rồi, ông sẽ không qua khỏi 100 ngày đâu. Ông nên mau về Hồng Kông lo hậu sự cho Su Phụ đi.” Ông đệ tử này tưởng rằng tôi trừ Su Phụ ông, nên nổi giận, còn nói với người khác là tôi nói điều không đúng. Các vị thầy chưa, tôi nói lời thật thì không ai tin, còn ai nói gạt người thì trái lại có người tin. Tôi đến Mỹ vào khoảng giữa tháng 3 thì Thầy ta qua đời vào khoảng tháng 5. Một đời thầy này chỉ biết có tiền, không màng đến việc tu hành, và vì tiền mà bất chấp thủ đoạn, cuối cùng rồi, ngay cả mạng mình cũng mất luôn. Còn vị cư sĩ giới thiệu ông Trương đi chùa khác thì mắc phải bệnh ung thư lưỡi. Bởi vì y là người thuyết phục ông Trương đến nơi đó, về sau ông ta cũng qua đời, cho nên sự việc ở đời đều rất kỳ quái vậy!

Người này có rất nhiều tiền và rất nhiều tiền của người xuất gia đều gửi chỗ ông ta. Ông đã lừa gạt của người xuất gia hơn cả triệu đồng, vì khi ông ta chết đi, tiền của các vị tu sĩ ấy kể như mất luôn.

86. Lưu thông Pháp Bảo

Sau khi đến Hồng Kông, cả ngày Hòa Thượng bôn ba vì Phật sự, ngoài việc giảng Kinh thuyết Pháp, sáng lập tạp chí Tâm Pháp ra, Ngài còn ấn tống lưu thông số lượng lớn Kinh điển. Thật ra lúc Ngài thủ hiệu nơi mộ mẹ, tay đã không rời quyển sách, quảng đọc rất nhiều Kinh điển, bái đọc Đại Kinh...

Hòa Thượng kể: Sao gọi là “lưu thông”? Lưu tức là lưu chuyển từ chỗ này đến chỗ kia. Thông, nó vốn không thông, nay ta bảo cho nó thông. Đây cũng giống như đạo lý của dòng nước, chỉ lưu về phía trước, chảy ra biển lớn. Chỗ bán kinh sách Phật gọi là “Nơi lưu thông Kinh Phật”, tức là các vị vốn không có, nên tới chỗ của tôi thỉnh một bộ Kinh là có rồi, đó gọi là lưu thông Kinh điển. Hơn nữa, như ở đây không có bộ kinh này, các vị thỉnh một số Kinh sách từ chỗ khác đến, cũng gọi là lưu thông. Mới đầu không có Kinh điển, mọi người chúng ta phát tâm ấn hành Kinh sách, đó cũng là lưu thông. Vì vậy chúng ta nên tận tâm hết sức giảng giải, sao chép ấn hành lưu thông. Ấn hành Kinh điển có công đức lớn nhất và cũng khai mở được trí huệ vốn có của các vị. Do đó chúng ta không nên bỏ qua điểm quan trọng của việc lưu thông Kinh điển. Nếu các vị có thể quảng bá ấn hành Kinh điển, lưu thông Kinh điển, tất các vị có thể khai mở trí huệ và trí huệ của quý vị cũng được tăng gia.

Tại sao trí huệ của quý vị không được khai mở? Vì không có công đức. Công đức ít thì ít trí huệ, công đức nhiều thì trí huệ lớn tức sẽ không si mê và có thể giác ngộ. Tại sao các vị lại mê muội như thế? Vì không có đủ công đức, nhưng có người hỏi:

“Tôi cúng dường Tam Bảo, in Kinh, cũng làm công đức phóng sanh, tại sao tôi vẫn còn mê muội như vậy?” Các vị tưởng rằng mình đã làm được rất nhiều công đức ư, thật ra công đức mà các vị làm đó lại rất ít ỏi.

Vài ngày trước, tôi đã viết về Ba Việc Thường Phạm là ăn, mặc và ở. Các vị nói xem, các vị tốn bao nhiêu tiền cho ba việc bình thường đó? Các vị hãy so sánh một chút, xem các vị dùng tiền làm công đức nhiều hay vẫn là dùng tiền cho việc ăn uống nhiều? Các vị dùng tiền cho việc công đức nhiều hay dùng cho việc mua sắm quần áo nhiều? Các vị hãy tự mình so sánh một chút đi! Rồi lại hãy so sánh một lát, coi xem là dùng tiền làm công đức nhiều hay dùng tiền mua xe nhiều. Các vị dùng tiền làm công đức nhiều hay dùng tiền đi du ngoạn, du

lịch các nơi nhiều. Nếu là người thích bài bạc, các vị so sánh một chút, coi thử là tiền thua canh bạc nhiều hay tiền làm công đức nhiều? Các vị dùng tiền cho việc ăn, mặc, và ở nhiều đến thế, vậy các vị nói có công đức hay không? Số tiền mà các vị dùng riêng cho thân mình, thì mình không nói là nhiều, thế nhưng khi in chút Kinh hay phóng sanh một ít thì bảo là mình đã bỏ ra rất nhiều tiền, tự cho là công đức của mình to lớn lắm rồi.

(*Ghi chú*) Hòa Thượng sau khi chụp lại bản Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm để ấn hành, Ngài cảm xúc nói: Lúc bên mộ, tôi đã đọc duyệt nhiều Kinh sách. Ban đầu là Kinh Pháp Hoa, tôi quỳ gối hăm hờ đọc như cuồng, trải qua 7 ngày 7 đêm, bỏ ngủ quên ăn, đến nỗi đôi mắt chảy máu, thị lực suy giảm. Kế đến là Kinh Lăng Nghiêm, cứu kính đại định, tĩnh mà tu trì, quán không, giả, trung, không động không tĩnh, bắt đầu được nhất tâm trạm tịch lặng yên sáng suốt, mới thông hiểu lý tánh. Sau tôi nhân đọc Kinh Hoa Nghiêm mới biết pháp giới môn vô biên, dao động không tiếng, lồng lộng không cao, minh bạch vô hình. Như Ngài Thanh Lương có nói:

*Phân tách huyền vi, mở rộng tâm lượng,
Tận cùng lý tánh, thấu rõ nhân quả,
Sâu rộng dung hòa, quảng đại đủ đầy.*

Quả nhiên thay! Tôi không rời quyển Kinh, bái đọc Đại Kinh, thế như không lìa y áo dù trong giây khắc, như không qua một ngày mà không ăn, cho đến phát nguyện muốn quảng bá lưu thông. Về sau, do luật sư Từ Chu thị tịch, các đệ tử Ngài mượn nơi chùa cử hành Hoa Nghiêm thất, đã thúc đẩy tôi in lại Kinh này. Nhưng thời mạt pháp gặp nhiều chướng ngại, bị 2, 3 người bạch y bên trong thao túng, bao quanh điều khiển, vì họ tưởng rằng sách hiếm quý có thể tích trữ, cho nên làm hao tổn kinh phí, kéo dài thời gian, chậm trễ cho đến nay, thật đáng thương thay! Do đó tôi tự đô đốc ấn loát cho đến khi hoàn thành ước nguyện. Hy vọng các vị trong và ngoài nước thiện tri thức dự tính thỉnh kinh này xin cảm thông cho sự khó khăn, xem xét cho chỗ ngu dốt đó tức là niềm an ủi vô cùng!

Son Tăng Thích Độ Luân kính ghi - Phật Giáo Giảng Đường, Hồng Kông, nơi in lại Kinh Hoa Nghiêm.

Đại Thừa Phật Lịch 2987, Canh Tý ngày 19 tháng 6 (tức ngày 12 tháng 7 năm 1960)

87. Phật Giáo Giảng Đường San Francisco

Hai chị em họ Đàm từ nhỏ đã quy y Hòa Thượng, họ lần lượt đến Mỹ du học. Khi cô chị Quả Chánh đến học tại San Francisco, Hoa Kỳ, phát hiện ngay nơi đây không có chùa Phật Giáo, cô bèn viết thư báo cho Hòa Thượng. Vào tháng 1 năm 1958, cô em là Đàm Quả Thức...

Khi đến San Francisco du học, Hòa Thượng bảo: “Con nên cùng với chị con đem Phật Pháp đến nước Mỹ đi.” Tuân theo lời phó thác, hai chị em ở phố Tàu, San Francisco, gần đường hẻm Ross tìm được một tầng hầm làm địa điểm của Hội Phật Giáo. Sau khi thỉnh giáo Hòa Thượng, họ thành lập Phật Giáo Giảng Đường San Francisco vào tháng 2 năm 1958.

Trải qua nhiều tháng sau, mỗi chiều thứ bảy. Hội tụ tập khoảng hơn mười người, rồi tăng lên đến mấy mươi người. Về sau Hội dời về đường Pacific, San Francisco.



1) Quả-Chánh, 2) Quả Thức và các vị hộ pháp Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco, đường Pacific 1959

Ngày 11 tháng 3 năm 1959, Hội chánh thức đổi tên là Buddhist Lecture Hall Phật Giáo Giảng Đường. Vào đầu tháng 8 năm 1961, nhân mãn hạn kỳ thuê nhà, Hội buộc phải di chuyển đến đường Clay, tầng dưới hầm này thuộc sở hữu của họ Đàm. Ngày 6 tháng 8, sau khi dời về chỗ mới, họ bèn cử hành pháp hội lễ Phật Khánh Chúc do pháp sư Tô Ân làm pháp chủ, có số nhiều thiện tín tùy hỷ tới tham gia.

Các pháp hội đều do hai chị em họ Đàm dẫn khóa lễ cho đại chúng cùng nhau tu tập. Đa số người chưa gặp qua Hòa Thượng đến Phật Giáo Giảng Đường cầu xin quy y và ước mong Hòa Thượng có thể đến nước Mỹ hoằng dương Phật Pháp. Lúc Hòa Thượng chưa tới Mỹ, Đàm Quả Thức từng nói với Hòa Thượng như: “ Sư Phụ, Sư Phụ đến nước Mỹ cực khổ lắm đó! Sư Phụ hãy suy nghĩ cho kỹ coi có muốn tới Mỹ hay không?” Hòa Thượng nói: “ Sư Phụ không sợ khổ! Con cũng biết lúc ở núi Phù Dung, Sư Phụ đã chịu khổ cực như thế nào rồi!” Sau đó thủ tục đi Mỹ đã xong, nhưng Hòa Thượng không lập tức đến Mỹ liền mà đi qua Úc Châu hoằng Pháp.

(Ghi chú) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sau khi tốt nghiệp trung học, tôi có thể đi nước Anh hay nước Mỹ. Nếu đi nước Anh du học, chỉ cần hai năm dự bị mà tôi đã hoàn thành một năm rồi. Thế nhưng cha tôi muốn tôi học trường đại học ở Mỹ, bởi vì cha tôi có nhà cửa sản nghiệp tại Mỹ, cho nên ông muốn tôi đến Mỹ. Có ngày nọ, tôi ở chùa Từ Hưng, Đại Tự Sơn, hình như đang tham gia khóa thiền thất, cha tôi gửi đến bức thư từ Lãnh Sự Quán báo tin đã chấp nhận yêu cầu xin đi Mỹ của tôi. Lúc đó tôi không được vui mà còn khóc, Sư Phụ bảo tôi nên vì ánh sáng Phật Giáo rằng: “ Con nên đi Mỹ rồi thử truyền bá Phật Giáo xem sao!”

Năm 1955 tôi đến San Francisco, tại chỗ kinh doanh ở Mỹ của người anh họ, Đàm Văn Như (sau khi quy y, pháp danh là Quả Quyên), anh dẫn tôi đến tham gia tổ chức Đạo Giáo tại một gia chủ nọ, tụ tập được mười mấy vị thương gia Hoa Kiều. Có một vị Đạo trưởng Ngũ Bội Lâm đến từ Hồng Kông, ông tu theo Phật Giáo và Đạo Giáo. Tại đó tôi quen biết thêm một số cư sĩ, lại có họa sĩ Du Vân Sơn (sau đến Đài Loan xuất gia, pháp hiệu là Hiểu Vân). Về sau tôi lại tham dự khóa lễ tại một gia tộc làm trung tâm “Phật thiền hội lễ giáo đường” tại phố Tàu. Tôi còn theo người bạn Nhật, đến nơi người Nhật thành lập Tổng Đường Phật Giáo đầu tiên tại San Francisco để tham gia pháp hội với nghi thức mà họ tuyền dụng giống như Thiên Chúa Giáo. Cho nên tôi nghĩ ở đây cần phải có một đạo tràng Phật Giáo chánh pháp. Vì thế vào năm 1958, lúc Quả

Thức đến Mỹ, cô đã đem theo một số pháp khí cũng như các Phật cụ để lập nên kang thờ Phật.

Sau đó chúng tôi mượn một chỗ dưới hầm ở phố Tàu với giá rẻ, bắt đầu thành lập một đoàn thể Phật Giáo, đặt tên là Phật Giáo Giảng Đường San Francisco, đây là đạo tràng Phật Giáo Trung Quốc đầu tiên ở phố Tàu, Chinatown. Rồi người đến chùa lạy Phật càng ngày càng đông, vì vậy có một vị cũng quy y Hòa Thượng ở Giảng Đường là cư sĩ Lương Dân Huệ, (pháp danh là Quả Dân), ông tìm được một chỗ rất tốt và ký giao kèo thuê hai năm cho Giảng Đường. Nơi đây chúng tôi có thể mở giảng đường và có chỗ ăn uống. Do tôi và Quả Thức đều phải đi học, đa số tín chúng ngày bình thường họ cũng phải đi làm, thành ra chúng tôi chỉ cử hành pháp hội vào mỗi tối cuối tuần và ngày chủ nhật.

Lúc này Phật Giáo Giảng Đường đã được đăng ký là tổ chức không vụ lợi. Mọi người bèn quyên góp để mượn luật sư làm đơn thỉnh cầu Hòa Thượng đến Mỹ, đó cũng là thời điểm gần hết hạn thuê nhà. Ông Lương Dân Huệ bảo chúng tôi là chủ nhà không muốn ký giao kèo nữa nên hội cần phải dời chỗ, và ông sẽ tiếp tục đi tìm nơi khác. Tôi tin tưởng lời ông nói là thật, nhưng thời hạn đã đến, chúng tôi chỉ còn cách tạm dọn chùa về dưới hầm nhà của cha tôi để tìm chỗ thích hợp sau. Tiếp đến là luật sư gửi thư cho hay tòa Đại Sứ Mỹ ở Hồng Kông đã báo tin cho Hòa Thượng tới nhận giấy tờ nhập cảnh, nhưng không có tin tức về Ngài. Bởi vì Hòa Thượng không có địa chỉ cố định ở Úc, nên họ cũng không có cách gì để đưa tin.

Chùa vừa dọn đi thì tin này đến, phần ông Lương Dân Huệ lại tách ra khỏi Hội, đi mượn một tầng lầu khác để thành lập hội Phật Giáo Mỹ Châu. Rồi theo như làn sóng, đa số tín chúng không biết chuyện bèn kéo ủa đến đó! Tính cách của Hội Phật Giáo Mỹ Châu, thuần là cư sĩ quản lý tài vụ, tu sĩ chỉ nhận nhiệm vụ chủ lễ pháp hội. Hễ có thầy nào từ Trung Quốc đến Mỹ là ông Lương Dân Huệ nghinh đón rước về, mời ở lại chùa và các thầy mới đến ấy cũng vui mừng có được chỗ trú

ngụ. Vì ông biểu hiện bên ngoài như thế mới được lòng các đại pháp sư và cư sĩ Phật Giáo lâu năm tán thán.

Năm 1961, khi tôi về Hồng Kông không lâu, Sư Phụ cũng từ Úc trở về, rồi Ngài đến tòa Đại Sứ Mỹ tại Hồng Kông nhận giấy thông hành. Tuy tôi báo cáo về tình hình phân chia của Phật Giáo Giảng Đường, nhưng Ngài vẫn an nhiên, không vội đến Mỹ, và còn quyết định thuận đường tham vấn đoàn thể Phật Giáo tại Nhật Bản và Honolulu, Hawaii. Cho nên sau khi đến Mỹ, Hòa Thượng đã gặp khó khăn liền, dù không nói ra, chúng ta cũng đủ hiểu.

(Ghi chú 1) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại vào ngày 4 tháng 3 năm 2015: Năm 1961, ông Lương Dân Huệ thành lập hội Phật Giáo Mỹ Châu, rồi kéo theo một số hội viên của Phật Giáo Giảng Đường tới đó. Cuối năm 1961, lúc chúng tôi dời hội về đường Clay đã có một số hội viên quay trở về. Chẳng qua không thể không kể công đóng góp của Dư Quả Hưng, anh ta không những ra tiền, ra công mà còn khuyên các vị đã quy y Sư Phụ, không nên chạy đi chỗ khác, nên hộ trì nơi chốn của Sư Phụ mình. Trong thời gian chị Quả Chánh có việc về Hồng Kông, đều do Dư Quả Hưng phụ giúp tôi hộ trì Giảng Đường. Lại có một vị nữa là cư sĩ Dương, anh ta phụ trách các việc thông tin báo chí. Lúc đó có Hoàng Quả Nhân và Lý Quả Càn cũng tới Giảng Đường và còn dẫn theo các bạn học của họ.

(Ghi chú 2) Thơ cảm tạ dời chỗ, trích từ tờ báo Kim Sơn vào ngày 7 tháng 8 năm 1961: Hôm qua, ngày 6 tháng 8 (ngày 25 tháng 6 âm lịch) bốn hội dời tới chỗ mới đã cử hành pháp hội lễ Phật khánh chúc cùng thỉnh mời pháp sư thượng Tổ hạ Ấn làm chủ lễ và các vị thiện tín đạo hữu cũng tùy hỷ đến tham gia. Họ còn kính tặng hoa tươi nồng hậu, cao nghĩa sâu đậm, trân trọng ghi ơn và kính viết nhiều lời bày tỏ lòng chân thành. Hơn nữa vào cùng ngày, các vị thiện tín cũng cúng tịnh tài mà toàn bộ được quyên tặng cho bệnh viện Đông Hoa. Bốn Hội thật lòng cảm tạ và cầu mong cho chư vị được tăng gia phước báo.

Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco - Kính tạ.

(*Ghi chú 3*) Báo Kim Sơn đăng ngày 8 tháng 9, 1961: Phật Giáo Giảng Đường tại 824 đường Clay, vào thứ Bảy ngày 9 tháng 9 (30 tháng 8 âm lịch) lúc 8 giờ tối cử hành lễ khánh chúc Bồ Tát Địa Tạng. Hoan nghinh các vị đến tham gia.

Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Lúc ban đầu, tôi không phải đi nước Mỹ mà xin đi qua Úc du học và mọi thủ tục cũng đều thông qua, nhưng cha tôi lại muốn tôi đến Mỹ. Tôi hỏi Sư Phụ: “Sư Phụ, Sư Phụ nghĩ là con nên đi đâu học mới tốt.” Sư Phụ chỉ đơn giản đáp: “Mỹ quốc tức Mỹ lệ, Úc (hay Áo) tức Áo hời (hời tiếc) đó!” Cho nên tôi phải làm thủ tục lại từ đầu đi Mỹ du học. Đại khái có lẽ cơ duyên là vậy nên giấy tờ được chấp nhận rất nhanh. Ngay lúc ấy, Quả Mật cũng đã đi Úc. Khi chưa đến Mỹ, chị tôi viết thư báo với Sư Phụ là nơi đó không có chùa Phật Giáo chỉ là Đạo Giáo. Vì vậy, trước khi bay qua Mỹ, vào tháng 1 năm 1958, Sư Phụ đã căn dặn tôi rằng: “Con và chị con hãy cố gắng đem Phật Pháp đến nước Mỹ đi!”

Năm 1958, chị em tôi thành lập Phật Giáo Giảng Đường tại Mỹ. Sau đó chánh thức đăng ký tên chùa với tiếng Hoa và tiếng Anh. Các hoạt động của chùa đều y chiếu theo phương thức của Phật Giáo Giảng Đường ở Hồng Kông. Vào mỗi cuối tuần thứ bảy, chủ nhật, các buổi lễ hội đều do tôi dẫn chúng, giảng Kinh khai thị. Ngoài ra, chúng tôi cũng mời các vị nhân sĩ, giáo sư, trưởng lão Hoa Kiều đến diễn giảng. Số tham dự do từ mười mấy người tăng gia lên tới cả trăm mà đa số là người Hoa Kiều lớn tuổi và các thương gia ở bốn ấp Quảng Đông. Họ thấy chị em chúng tôi làm Phật sự thuần thực, nghe chúng tôi giảng nói Phật Pháp, biết rằng chúng tôi đã được huấn luyện hẳn hoi ở Hồng Kông, cho nên họ rất tôn trọng chúng tôi.

Tín chúng đến Phật Giáo Giảng Đường càng ngày càng đông. Có một nhóm người cao tuổi Hoa Kiều quen biết cha tôi, họ nghe nói cả nhà tôi quy y Sư Phụ, nên có người cũng muốn quy y Sư Phụ. Chúng tôi thỉnh giáo Sư Phụ, Sư Phụ bèn ban cho họ pháp danh qua ư cũng như chỉ định ngày quy y, rồi

chúng tôi cử hành lễ chánh thức quy y, do tôi làm chủ lễ nghi thức quy y cho họ tại Mỹ.

Vào đầu năm 1960, đa số đệ tử quy y Sư Phụ nhưng chưa từng gặp được Ngài (chỉ có thể nhìn hình Ngài trên bàn Phật), thành ra họ mới đề nghị nên “cung thỉnh Sư Phụ đến Mỹ hoằng dương Phật Pháp”. Ngay lúc mọi người tán thành với sự viện trợ, chị tôi bắt đầu muốn luật sư làm thủ tục thỉnh mời Sư Phụ đến nước Mỹ và chuẩn bị sự tài trợ. Bởi vì thủ tục của sở di trú Mỹ rất phức tạp nên tiến triển thật chậm. Sau cùng hồ sơ của Sư Phụ cũng được thông qua, nhưng cũng đúng lúc Sư Phụ nhận lời đến Úc châu hoằng Pháp (1961). Vì thế, mãi đến ngày 27 tháng 3 năm 1962, các đệ tử ở Mỹ đã quy y Sư Phụ mới gặp được vị ân sư mà họ từng ngưỡng mộ bấy lâu.

88. Hành trình Úc Châu (1)

Vào năm 1961, Hòa Thượng lưu trú lại Úc một năm. Trong thời gian tới lui giữa Melbourne và Sydney, ít vị trí thức biết đến mà chỉ có vài học giả quay quanh Ngài. Mặc dù cơ duyên chưa chín muồi, nhưng qua 36 năm sau, chi nhánh chùa Vạn Phật, Kim Ngạn Pháp Giới Thánh Tự đã được đứng vững tại nước Úc!

Ngày 11 tháng 5, Hòa Thượng nhận lời mời tới diễn giảng vào ngày khánh chúc Phật Đản tại Hội Phật giáo Sydney, do cư sĩ Lưu Quý Ninh, học giả đại học Sydney đại diện làm phiên dịch. Hòa Thượng khởi giảng từ lúc Phật Thích Ca đản sanh tại Ấn Độ, nửa đêm thấy sao sáng ngộ đạo, rồi thuyết Hoa Nghiêm, thuật A Hàm, dẫn đến Tứ Đế, cơ bản giáo lý 12 Nhân Duyên, hầu khuyến khích mọi người tu hành hướng thiện.

Hòa Thượng kể: Người ta nói tôi rằng: “Ông vốn mù chữ, vậy ông làm sao giảng Kinh được chớ? Các người đừng có đi nghe ông giảng Kinh, ông toàn nói chuyện tào lao, ông giảng cho người Mỹ và người Úc nghe thì được, bởi vì họ không hiểu Phật Pháp nhiều, nên chỉ nói sơ sơ là được thôi!” Mặc kệ

người ta nói tôi không biết giảng Kinh, nhưng tôi vẫn muốn giảng.

Đây tôi gọi là "phao chuyên dẫn ngọc," ý nói ném ngói ra để lấy ngọc về, tức là mới đầu văn chương kém cỏi, nhưng được người khác phát huy thành văn chương tuyệt tác. Vì thế, người biết giảng Kinh, nghe người không biết giảng như tôi sẽ cảm thấy ngại ngùng, nên họ không thể lười biếng nhàn rỗi được nữa mà nghĩ rằng "Việc giáo hóa chúng sanh, chúng ta đều có bổn phận, chúng ta không nên, không tận hết trách nhiệm của mình...", rồi thúc đẩy họ cũng phát bỏ đề tâm, ra hóa độ chúng sanh, ý của tôi là như vậy.

Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm là một loại pháp tu hành của Tiểu Thừa, nhưng cũng thông đồng với Đại Thừa, vì Đại Thừa phát sanh ra từ Tiểu Thừa, còn Tiểu Thừa là gồm trong Đại Thừa. Nếu không có Tiểu Thừa thì cũng không thể trực tiếp đến quả vị Đại Thừa. Còn như không có Đại Thừa, tức cũng không thể hiện xuất ra được loại địa vị Tiểu Thừa đây. Cho nên lúc thuyết Pháp tại Úc, tôi nói cho họ nghe rất tường tận về đạo lý này. Do đó người học Đại Thừa cũng nên biết về Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo.

Lễ Phật Đản ngày 11 tháng 5 năm 1961.

Bản thảo Hòa Thượng thuyết giảng tại Hội Phật Giáo Sydney:

Hôm nay là ngày 11 tháng 5, tại Sydney Úc châu, dù người Tây phương mới phát triển, nhưng Phật tử khánh chúc ngày Phật Đản đã có được một buổi đại lễ thật là long trọng này. Nay Độ Luân tôi rất hân hạnh được chủ tịch và các vị cư sĩ hộ pháp thành khẩn mời tham dự làm diễn viên thuyết giảng hầu kết pháp duyên. Đối diện trước nhiều quan khách, các giới nhân sĩ tham gia, Sơn Tăng cảm thấy vô cùng vinh hạnh. Lại được học giả đại học Sydney, Lưu Quý Ninh giúp đỡ đại hội, ứng với lòng mong mỏi của đại chúng, tuy rất bận rộn vẫn đến phiên dịch ra tiếng Anh, Sơn Tăng đặc biệt cảm tạ vô cùng.

Hồi tưởng lại Phật Giáo phát nguồn từ Ấn Độ, rồi lưu truyền đến khắp toàn cầu. Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Phật sanh ra trong hoàng gia, là con của Quốc Vương Tịnh Phạn tên Tất Đạt Đa. Vì du hành bốn cửa thành, thấy qua sanh lão bệnh tử, cảm nhận được sanh tử vô thường, ưu bi khổ não, nên Ngài đã không yên lòng. Sau đó Ngài rời bỏ quốc thành, vợ con cùng vinh hoa phú quý, vui sướng, hạnh phúc mà con người hưởng thụ, rồi đến Tuyết Sơn tu hành, trải qua sáu năm tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một lúc một mề để kéo dài sanh mạng. Sau Ngài ngồi nơi gốc Bồ Đề, đêm xuống nhìn thấy vì sao sáng mà ngộ đạo rồi thốt lên: Lạ thay! Lạ thay! Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đủ đức tướng trí huệ Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà không được chứng đắc.

Trước hết, Ngài giảng Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm dạy pháp Bồ Tát là pháp thân đại sĩ, nghe pháp khai ngộ, tín giải hành chứng đều được ích lợi. Duy người Nhị thừa như điếc, như câm, cho nên nói “Có mắt mà không thấy Lô Xá Na, có tai mà không nghe được Viên Đốn giáo.” Thế Tôn còn dùng giáo lý phương tiện hầu hiển bày chân lý cho hàng căn tánh Nhị Thừa mà thuyết Kinh A Hàm, xiển dương Tứ Đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Song Ngài thuyết 12 nhân duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, và sanh duyên lão tử. Rồi Ngài thuyết Lục Độ Ba La Mật như sau:

- 1) Bồ thí: tài thí, pháp thí, vô úy thí.
- 2) Trì giới: Ngũ giới, Sa Di Thập giới, Tỳ Kheo giới, Tỳ Kheo Ni giới, Bồ Tát giới.
- 3) Nhẫn nhục: sanh nhẫn, pháp nhẫn, vô sanh nhẫn.
- 4) Tinh tấn: thân tinh tấn, tâm tinh tấn.
- 5) Thiên định: tứ thiên, bát định, cửu thứ đệ định ..
- 6) Bát Nhã: văn tự, quán chiếu, thật tướng.

Tuần tự Ngài tiến dần thuyết Phương Đẳng giáo, hồi Tiểu hưởng Đại, Bát Nhã giáo, cho đến thời Pháp Hoa Niết Bàn, tức Khai Quyền Hiển Thật, Đốn Viên Độc Diệu. Bốn hoài Như Lai xuất thế được đề xướng ra đây không lưu giữ chi, tất đều hiển xuất ra hết. Ngài giảng dạy pháp Bồ Tát, Phật đều hộ niệm, gọi là chân thật cứu cánh liễu nghĩa, Đệ Nhất diệu pháp.

Cuối cùng Ngài đơn truyền cho từng người một, pháp trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật. Khi Thế Tôn cầm cành hoa, ngài Ca Diếp mỉm cười mà lãnh ngộ được tông chỉ diệu màu. Thế Tôn còn ấn chứng cho Ngài rằng: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, giáo ngoại biệt truyền, đã phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp đây!” Từ đó tổ tổ đơn truyền, tâm tâm tương ấn mới bắt đầu có Thiên tông. Khi truyền tới Tây Thiên tổ sư thứ 28, Bồ Đề Đạt Ma, sau tổ đến Đông phương Chấn Đán (Trung Hoa) truyền pháp tại Trung Quốc trở thành Sơ Tổ, rồi Sơ Tổ truyền y bát đến Nhị Tổ Thần Quang, đặt tên là Huệ Khả và về sau được truyền đến thiền sư Đại Giám Lục Tổ Huệ Năng. Do đó, một hoa có năm cánh là nguyên lưu truyền thừa của thiền tông Trung Quốc.

Phật Giáo thế giới ngày nay không ngoài hai phái lớn:

1) Pháp Giáo Đại Thừa Bồ Tát: Bồ Tát dịch là Đại Đạo Tâm chúng sanh, còn gọi là “Giác hữu tình” y cứ vào Kinh giáo phiên dịch bởi Ngài Cưu Ma La Thập và pháp sư Đường Huyền Trang. Sau được truyền đến các nơi ở Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Singapore, Mã Lai, Penang, Manila, Ấn Độ, Việt Nam, Campuchia, Indonesia, Thái Lan, Miến Điện, Mỹ Quốc, Ba Tây... hầu gieo trồng mầm móng Đại Thừa, khiến cho khai nở vô lượng đóa hoa Bồ Tát và kết vô lượng quả vị Phật.

2) Pháp Giáo La Hán Nhị Thừa: ứng cúng, sát tặc, vô sanh, thì y cứ vào các Kinh giáo A Hàm, hiện được thịnh hành tại Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Ấn Độ, Nepal, Pakistan...

Tuy hai giáo pháp vốn là một thể, nhưng giáo đồ hậu thế vọng sanh dây rễ, luận bàn Đại Tiểu, tự bài bác, chê trách lẫn nhau, để rồi đầu lại thêm đầu, trong tương cầu tương. Thật đáng thương thay!

Bởi người ta chỉ cho rằng Đại có thể dung chứa Tiểu chứ Tiểu không thể chứa Đại, mà thế giới đều công nhận là chân lý. Nhiều năm trước, tại Miến Điện khi bàn luận về Phật Giáo, tôi từng phát biểu: “Phật tử nên mở mắt nhìn khắp thế giới và tâm lượng cũng nên bao hàm cả pháp giới. Chúng ta nên đề xướng những điều Phật Giáo vốn có một cách cụ thể, khiến cho giáo thừa được thống nhất, Đại Tiểu quy nguyên hầu cầu nguyện cho mọi người đồng chứng bỉ ngạn, ai ai cũng kiến tánh thành Phật.” Nay tôi cũng chúc như vậy, hy vọng các vị hiện tại vui vẻ, tương lai sẽ thành Phật, hầu phổ hóa đồng luận đều thành Chánh Đẳng Bồ Đề.

89. Hành trình Úc Châu (2)

Hiện tại Trung Quốc đã lớn mạnh, cho nên học tập tiếng Hoa cũng trở thành một phong trào. Năm 1961, Hòa Thượng tại Úc châu sớm đã khuyên nhủ: “Nếu như nay các vị không học tập tiếng Hoa, qua mấy mươi năm sau, người không biết tiếng Hoa sẽ khó tìm việc làm, có thể bị thất nghiệp, không có cơm ăn. Đây không phải nói, ai ai cũng vậy, nhưng đại đa số có thể gặp tình trạng này.”...

Hòa Thượng kể: Mùa Xuân năm 1960, có một số sinh viên đại học tại Úc, biết tôi là tu sĩ thuộc về Thiên tông, bèn mời tôi tới diễn giảng, nhưng tôi không lập tức nhận lời, cho đến ngày 25 tháng 11 mới bắt đầu thuyết giảng. Lúc mới đến Úc châu, đã không người chào hỏi, sau đó đáp lời mời của vị Đại Sứ Trung Quốc tại Úc, nên tôi thỉnh thoảng tới văn phòng Lãnh Sự Quán tham quan. Ông Trần làm việc trong tòa Đại Sứ Trung Quốc tại Úc, ông và bà vợ rất phát tâm, tôi đã trú tại nhà họ vài ngày. Bà Trần đã mua tự điển cho tôi, lại còn may đồ cho tôi nữa, rất tiếc là số bà cực khổ, tương lai rất tội nghiệp!

Tôi gặp qua rất nhiều sự việc kỳ lạ ở Úc. Thí dụ như lúc đợi xe mà không có tiền, tự nhiên có người lái xe tới bên cạnh tôi, tự nguyện cho tôi đi một chuyến miễn phí. Thủ đô Canberra ở giữa Melbourne và Sydney, một ngày nọ, có một vị người Tây phương lái xe muốn đến Melbourne, nhưng bị lạc đường mà lái về phương Bắc đến Sydney. Vừa đến Sydney, thấy tôi cũng vừa đi qua đường George, ông vội tìm chỗ đậu xe và bận rộn với việc đậu xe. Khi đậu xe xong, ông liền trở lại tìm tôi thì tông tích đã mờ mịt rồi. Sau đó ông ta đến các tiệm ở phố Tàu hỏi thăm, có người nói với ông rằng: “Thầy ấy mỗi ngày đều đến! Ông ở đó đợi xem, Thầy ấy nhất định sẽ tới.” Ông ta đợi cả ba tiếng đồng hồ mà vẫn chưa thấy tôi. Ông đi khắp nơi dò hỏi địa chỉ của tôi. Bởi vì tôi đã dọn đi nhiều chỗ rồi, nên mỗi chỗ ông đến đều nói là tôi đã dọn đi. Từ thứ Bảy ông đi tìm đến thứ Hai cũng chưa tìm ra tôi. Sau đó ông để lại số điện thoại và địa chỉ cho viên Đại Sứ Trung Quốc tại Úc. Đợi qua hai ngày sau, lúc tôi đến Lãnh Sự Quán mới biết ra sự việc này. Đó là một vị giáo sư đại học, ông tin Phật Giáo Đại Thừa, cho nên mời tôi đến trường Đại Học diễn giảng giáo lý Đại Thừa.

Lúc ở Úc, tôi tình nguyện dạy họ tiếng Hoa không thu học phí. Tôi nói với họ: “Hiện nay có rất nhiều người Hoa ở khắp nơi trên thế giới. Trong tương lai trên thế giới này nhất định sẽ có sự quan hệ mật thiết giữa người với nhau vì muốn trao đổi về ngôn ngữ, văn hóa, trí huệ. Hiện tại nếu các vị không học chữ Hoa, mấy mươi năm sau, người không biết tiếng Hoa rất khó tìm việc làm, có thể bị thất nghiệp cuộc sống khó khăn.

Không phải nói ai ai cũng như vậy, nhưng phần đông đều gặp phải vấn đề này.” Nay các vị học biết tiếng Hoa rồi, trong tương lai sẽ được sử dụng, các vị đều nên chú ý đến việc này, đây là chuyện rất cần thiết đó.

Chúng ta nghe người Mỹ nói: “Ngày đẹp trời”, tiếng Anh là Good day. Còn người Úc thì nói sao? Họ nói: “G'day, G'day” (có âm như Good die, chết tốt). Rồi có một người Úc

đến Mỹ, khi thấy người ta thì y không nói gì, chỉ luôn miệng nói: "Good die, Good die" (âm đọc). Người Mỹ nghe nói vậy bèn nổi nóng: "Tại sao vừa mới gặp nhau mà ông lại bảo tôi chết tốt hả?"

Tôi ở Úc, mỗi ngày nhín chút lương thực cho chim ăn. Loài đà điểu Úc, có thể chạy khoảng 40 dặm trong 1 giờ, tốc độ nhanh như xe hơi vậy. Tôi cũng nghe được một con chim nhỏ kêu: "Mummy! Mummy! (Má ơi! Má ơi!)" Rồi lại kêu: "Honey! Honey! (Thân mật! Thân mật!)" Cái gì nó cũng biết kêu, nó còn nói được: "Good morning! (Chào buổi sáng!)" "Good afternoon! (Chào buổi trưa!)" "Good evening! (Chào buổi tối!)" Các vị chưa nghe nó kêu qua, cứ tưởng như có người ở đó nói chuyện.

Tôi cũng từng gặp qua một người muốn tu trí huệ của ngoại đạo. Ông ta hỏi tôi: "Nhân quả là gì?" Tôi nói: "Ông nói ra ý của ông trước đi." Người ngoại đạo đó nói: "Nhân quả chỉ là 'chết' mà thôi!" Tôi nói: "Tức nhiên là chết, nhưng tại sao ông vẫn còn sống? Hèn chi ông đã không rơi vào nhân quả rồi?" Tại phía Nam Trung Quốc, Nam Dương có một loại bùa trừng độc, mà độc chú thuật này khiến cho các vị vĩnh viễn phải nghe theo mệnh lệnh của nó, nếu không vâng lời thì bị mất mạng. Tại Úc cũng có một loại chú thuật ngoại đạo, y niệm chú trên núi, và có thể niệm cho đến đầu của người ta nhỏ lại như một cái trứng gà, rồi y lấy đó làm vật triển lãm. Các vị thấy cái thế giới lớn như vậy, không có cái kỳ quái gì mà không có, các dạng kỳ kỳ quái quái nào cũng đều có hết!

Do đó, các vị không thể nói: "Tôi không có thấy qua, nên tôi không tin!" Nếu các vị không tin thì quá ngu si rồi. Tại sao? Vì có vô số kể các thứ mà các vị đã không thấy qua, nếu đợi cho các vị thấy qua hết rồi mới tin, thì cả đời các vị cũng không thể nào thấy hết được tất cả các sự việc trên thế giới. Tôi thường hay nói, lúc trước khi chưa ai phát hiện ra đại lục mới này, mọi người đều không biết có nước Mỹ, nếu các vị nói có nước Mỹ hoặc chỗ kia lại là Honolulu, lúc đó người ta có thể nói: "Các người nói chuyện trong mộng thì có! Thế giới

này làm gì có nước Mỹ nào chứ? Không thể nào.” Rồi y không tin có nước Mỹ, nên nói là không có. Vậy cái địa lục nước Mỹ này rốt cuộc là có hay không? Có thể nào chỉ vì người ấy nói là không có, thì không có đất nước này? Không thể vậy. Vì thế, cho dù y nói có cũng là có, mà y nói không có cũng vẫn là có đó. Do vậy, các vị tin cũng có mà không tin cũng có nốt.

(*Ghi chú 1*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh:

Ông J.W. Downing, người Úc cư trú tại Hilltop, khoảng năm mươi mấy tuổi, là một giáo sư rất thành tâm, ông đã từng dạy tiếng Anh cho Sư Phụ ở nước Úc. Cho nên sau khi trở về Hồng Kông, Sư Phụ bắt đầu học Anh Ngữ, tôi phụ trợ cho Sư Phụ đọc tiếng Anh. Sau khi Sư Phụ về Hồng Kông không lâu, giáo sư Downing viết thư cho Sư Phụ:

Thầy Độ Luân, Thầy vẫn mạnh. Lúc thầy ở Úc, chúng tôi đã được nghe thầy giảng giải Phật học, thầy thuyết giải những giáo lý rất phi phàm đáng chú ý, ước gì thầy biết tiếng Anh nhiều thêm một chút, tức chúng tôi càng gặt hái được nhiều lợi ích hơn.

Tôi đã biên soạn xong quyển Sự Tích của Thầy Độ Luân bằng tiếng Anh, sẽ gởi cho thầy sau để tái bản lưu thông. Tôi xin kể một chuyện kỳ lạ có liên quan đến thầy:

Bình thường khi trên đường về nhà, tôi đều đi qua một con đường nhỏ vắng lặng với dãy hàng cây dày đặc mọc thẳng hai bên, và tôi có thói quen là rọi đèn pin soi đường. Một bữa tối nọ, tôi đột nhiên nghe có tiếng nói: “Chào buổi sáng!” Tôi lập tức rọi đèn bốn phía để quan sát, nhưng không thấy ai cả. Tôi nghĩ bây giờ là buổi tối, tại sao lại có người nói “Chào buổi sáng” chứ? Tôi không hiểu nổi vì sao có chuyện quái lạ như thế. Mãi cho đến 3 tuần lễ sau thì gặp được thầy và câu đầu tiên thầy nói với tôi là “Chào buổi sáng”. Cuối cùng rồi tôi cũng chợt hiểu được chuyện xảy ra buổi tối nọ như đã là một lời tiên tri!

(*Ghi chú 2*) Năm 1997, Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới thành lập ngôi đạo tràng đầu tiên tên là Kim Ngạn Pháp Giới

Thánh Tự tại vùng ngoại ô Gold Coast, Queensland, Úc châu. Từ năm 2006 trở đi, ngoài các khóa lễ thường lệ, mỗi năm chùa đều cử hành một khóa pháp hội dài hạn.

90. Từ Úc Trở Về Hồng Kông

Hòa Thượng nhận lời mời đi Sydney diễn giảng tại Hội Phật Giáo và trường Đại Học. Đồng thời Ngài cảm nhận ra nếu muốn Phật Giáo hưng thịnh trên thế giới, tất cần phải có sự trao đổi về ngôn ngữ, văn hóa và trí huệ...

Một thân Hòa Thượng ở tại Úc, một nơi hoàn cảnh hoàn toàn xa lạ, tuy bị chướng ngại về ngôn ngữ, nhưng với trí huệ, sự khoáng đạt và mối giao hảo của Ngài, Ngài đã kết được thiện duyên với mọi người, khiến Phật Pháp tại Úc châu có cơ duyên gieo mầm non.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 1961, Hòa Thượng từ Úc đáp máy bay trở về Hồng Kông. Ngày 13, có khoảng hơn 20 người đến phi trường tiếp đón Hòa Thượng, gồm có pháp sư Từ Thụy, pháp sư Tuyên Dương, thầy Hằng Việt và các thầy khác. Phân cư sĩ có các vị: Hoàng Quả Quân, Cam Quả Ngạn, Đàm Quả Chánh, Diệp Quả Khánh, Tiết Quả Phụng ...

Hòa Thượng vừa xuống máy bay, có thầy hỏi: “Thầy Độ Luân, hình như thầy ốm bớt rồi?” Hòa Thượng cười đáp: “Tôi còn chưa được bắt sanh, bắt diệt, bắt cầu, bắt tịnh, nhưng bây giờ cũng không tăng, không giảm mà!” Rồi mọi người nghênh đón Hòa Thượng về Phật Giáo Giảng Đường là đã hơn 12 giờ trưa. Hòa Thượng đã không dùng Ngọ, mà lấy dậu Tây mang từ Úc về phân phát cho mọi người ăn.

Không lâu sau, có một thầy tới thăm, vừa bước vào cửa liền bắt tay Hòa Thượng. Hòa Thượng lấy làm lạ, sao nay thầy lại giao tiếp theo lối Tây phương, Ngài bèn dùng sức xiết chặt tay thầy ấy. Thầy đành nhẫn chịu đau mà không thể than van. Hòa Thượng cười nói: “Làm sao vậy?”. “Đau tay quá!” Thầy miễn cưỡng đáp.

- Thầy cũng còn chấp trước vào cái thân thể này à!

(*Ghi chú*) Báo Hồng Kông đăng tải vào tháng 9 năm 1961: Thiền sư Độ Luân Úc Kinh (Melbourne) Hoằng Hóa, chuyến bay ghé nước Phi sắp sửa trở về.

Kể từ cuối tháng 11 ngày 26, đáp ứng lời mời, thiền sư Độ Luân từ Hồng Kông đáp phi cơ tới Sydney, Úc châu và cuối cùng, cuộc hoàng pháp đã được kết quả mỹ mãn. Trong thời quá khứ, các nhân vật trụ trì Phật Giáo ở các nước đến Úc châu tuyên dương Phật Giáo, ngoại trừ một vị người Ấn Độ đã đến đó qua 20 năm về trước, nay thiền sư Độ Luân của chúng ta thật là vị thứ hai viễn Đông, hơn nữa lại là người Hoa đầu tiên đến Úc hoằng Pháp. Tinh thần khai khẩn gieo giống Phật Giáo của Ngài khiến người khâm phục. Trải qua 8 tháng bút biên miệng giảng, Ngài đã nỗ lực không nghỉ ngơi, có thể nói rằng viễn cảnh của Phật Giáo là con đường bằng phẳng mà hy vọng khi đưa chân bước tới sẽ không có chướng ngại vậy.

Thiền sư học Phật thâm sâu, đức độ cao siêu, đặc biệt đối với quốc học hay sự tích danh nhân lịch đại, Ngài đều nghiên cứu tường tận và có thể bình luận chi tiết rõ ràng như trong lòng bàn tay. Ngài là một vị cao tăng cận đại, vị bác học đa văn của nước ta. Điều này không chỉ có Kiều Bào Úc ngăn đầu mong đợi mà dân chúng Úc châu cũng thấu hoạch được nhiều pháp ích.

91. Tiêu nghiệp tích phước

Trong cuộc đời người, mỗi ngày đều trải qua rất nhiều tình huống, và cứ lập đi lập lại. Rồi sáu căn, sáu trần tùy nghiệp lưu chuyển, tất bật chạy Đông chạy Tây. Trong sự không hay không biết đó, lại gây tạo ra một chuỗi nghiệp mới, để dệt tiếp thêm nhiều màn lưới nghiệp trong vòng luân hồi...

Sư cô Quả Nhẫn (Tỳ Kheo Ni Hằng Khởi) lúc trước tại Borneo, Indonesia đã từng làm quản lý cho các buổi tiệc tùng. Cô đến Hồng Kông quy y Hòa Thượng, Hòa Thượng khuyên bảo cô đừng nên sát sanh nữa. Trong tâm cô nghĩ, mình sai người khác giết chó đâu phải tự mình đi giết đâu, cho nên cô

đã không ngừng làm công việc nhà hàng. Không lâu, cô mộng thấy Hòa Thượng thân khoác áo tràng vàng bước xuống cầu thang, chau mày nghiêm mặt nói với cô: “Đã bảo cô không nên sát sanh, sao cô vẫn cứ sát sanh! Đã bảo cô đừng giết mà sao cô vẫn cứ giết! Tại sao cô lại không nghe lời của tôi chớ?” Hòa Thượng chậm rãi đi tới đi lui trước mặt cô mà không ngừng khiển trách cô như thế. Cảnh trạng hiện ra rõ ràng trong mộng này khiến cô khó lòng quên được. Sau đó cô từ chức việc làm ở nhà hàng, rồi đến Phật Giáo Giảng Đường giúp việc trong bếp và trải qua 18 năm như vậy. Vì đọc qua Kinh Bốn Nguyện Địa Tạng Bồ Tát, hiểu rõ quả báo nghiêm trọng của việc sát sanh, cho nên cô quyết định xuất gia. Lúc bấy giờ, Sư Phụ đã rời Hồng Kông đến Mỹ, cô mỗi ngày lạy Phật, Bồ Tát cầu xin sám hối. Có một ngày đang lúc lễ lạy, cô thấy Lão Hòa Thượng Hu Vân đứng ở trước mặt và bảo cô nên cúng dường một cây đèn. Sau khi hoàn thành việc này, không lâu sau cô tiếp nhận điện thoại của Hòa Thượng báo rằng Ngài sẽ về Hồng Kông hoằng Pháp. Vậy là nguyện cầu của cô đã được cảm ứng. Sau khi xuất gia, sư Quả Nhẫn thường trú tại Phật Giáo Giảng Đường và việc quản lý nhà bếp. Lúc tuổi già, Sư cô đến bệnh viện kiểm tra thân thể, rồi an tuồng vãng sanh tại bệnh viện.

Còn có cô Trương Quả Hoằng 42 tuổi, năm 1957 quy y Hòa Thượng. Cô theo sư cô Hằng Ích hộ trì đạo tràng, nấu cơm cho đại chúng. Cô đã từng ba lần cầu xin Hòa Thượng cho được xuất gia. Nhưng Ngài nói rằng nghiệp chướng của cô nặng nề, phải nên làm nhiều công việc cho đạo tràng để tiêu trừ nghiệp chướng, tích tụ phước báo. Cô nghe Sư Phụ chỉ bảo: "Nếu như cô tu hành chân chánh, tương lai Bồ Tát Địa Tạng sẽ tới tiếp dẫn cô!" Cô đã thường trú tại đạo tràng hơn 30 năm và làm mọi công tác khó nhọc. Năm 1988, Hòa Thượng trở về Hồng Kông hoằng Pháp. Cuối cùng, cô được xuất gia tại chùa Từ Hưng với pháp danh Quả Hoằng, 73 tuổi.

Vào tháng 9 năm 1995, cô thọ giới Cụ Túc tại Vạn Phật Thánh Thành, pháp hiệu là Hằng Vĩ.

Năm 2000, Sư cô Hằng Vĩ 85 tuổi dời về viện dưỡng lão Chí Liên, Hồng Kông. Vào năm 2009, Sư cô vãng sanh, hưởng thọ 94 tuổi.

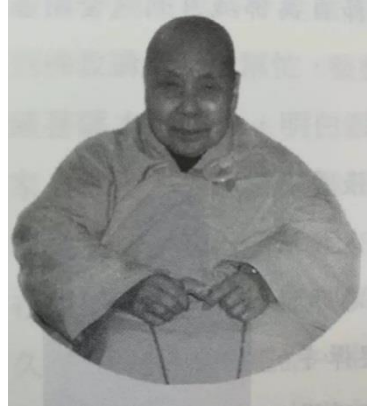
(*Ghi chú*) Sư cô Hằng Vĩ, trích từ Vạn Phật Thánh Thành, tạp chí Kim Cang Bồ Đề Hải:

Hằng thủ giám trai đức,

Vĩ nguyện hộ đạo tràng.

Sư cô Hằng Vĩ tục danh Trương Ái, sanh năm 1915. Năm 1957 cô quy y Hòa Thượng, pháp danh Quả Hoằng. Sau khi quy y xong, cô thường trú tại Hồng Kông: Tây Lạc Viên, Phật Giáo Giảng Đường và Từ Hưng Tự ở Đại Tự Sơn. Sư cô thường nghe giảng Kinh Pháp, tụng kinh bái sám, và hộ trì đạo tràng. Khoảng năm 1970, Sư cô phụ trách việc nhà bếp và nấu nướng điều vị cúng chúng. Tánh tình Sư cô hiền hòa, tận tâm tận sức làm việc, trước giờ chưa hề thấy cô nổi giận ở trong nhà bếp. Sư cô thích niệm Phật, tay lần chuỗi không rời, miệng không ngừng niệm Phật. Sư cô phát tâm tu hành và tâm nguyện hộ trì đạo tràng đều là một. Năm 1988, cô xuất gia lúc 73 tuổi. Năm 1995, cô thọ tam đàn Đại Giới. Thọ giới Cự Túc xong, không lâu sau, Sư cô về thường trú tại chùa Từ Hưng, Hồng Kông.

Vì tuổi cao dần, thân thể cũng dần thoái hóa, và Sư cô bị sạn trong túi mật cần phải giải phẫu. Trong lòng bồn chồn không yên, Sư cô nguyện cầu Phật, Bồ Tát và Sư Phụ gia trì. Trước một ngày phẫu thuật, Sư cô từ chùa Từ Hưng đến Phật Giáo Giảng Đường trú qua một đêm để ngày mai đến bệnh viện mổ. Ngay đêm đó, Sư cô nằm mơ thấy một giấc mộng kỳ lạ, mơ thấy Sư Phụ đi tới gần trước mặt cô rồi đưa tay khều cô một cái, thì không còn sạn nữa và cũng không thấy Sư Phụ luôn. Qua ngày thứ hai khi cô thức dậy, cảm thấy trong thân không còn đau đớn gì. Khi Sư cô đến bệnh viện chụp X-quang và chờ giải phẫu, bác sĩ xem xong film X-quang của Sư cô thì



thấy dấu tích của sạn mật biến mất, không giống tấm X-quang trước đó. Bác sĩ bảo: “Su cô không cần phải giải phẫu nữa, bây giờ xuất viện được rồi.” Sau đó, Su cô cũng dần dần phục hồi sức khỏe.

Lại còn một điều nữa là Su cô đã cầu Sư Phụ giúp cho Su cô tìm lại người con trai đã bị thất lạc mấy mươi năm cũng kiếm ra được. Các sự cảm ứng đó là Quả Toàn tôi, tự thân cận Su cô trên 28 năm đã nghe thấy các sự thật như vậy. Vào năm 2000, Su cô dọn vào viện dưỡng lão Chí Liên, trong thời gian này Su cô cũng giúp việc sắp đặt, trang trí các chỗ thờ Phật lớn nhỏ trong đó. Năm 2009, Su cô vãng sanh, thọ 94 tuổi. Ngay trong đời này Su cô đã cống hiến cho thường trụ nhiều năm như vậy, thật đáng cho chúng ta kính trọng. Với sự xả báo thân của Su cô, thật thâm cảm đáng tiếc nuôi.

Không nguyện đi vẫn phải đi; đến đến đi đi,

Mang theo hoài bão từ bi.

Thừa nguyện đến lại đến; vội vội vàng vàng,

Vì là hóa độ nhân gian.

92. Chúng sanh khó độ

Mặc dù có rất nhiều tín chúng dưới sự chỉ bảo của Hòa Thượng, họ dần dần nhận thức Phật Pháp, quy y Tam Bảo, như có người quy y thọ Ngũ Giới, có vị xuống tóc xuất gia, nhưng rốt cuộc đều vẫn là phàm phu tục tử...

Đối với các nhân duyên khác nhau, người tốt người xấu cũng không như nhau. Đối với các đệ tử không nghe lời dạy dỗ khuyên răn, Hòa Thượng từ bi tha thiết như từ phụ, như nghiêm sư, như lương y, dần dần khéo bảo, lăm lờ chỉ dạy. Có lúc Ngài nghiêm khắc mắng nhiếc, có lúc thị hiện giáo hóa, lời nói việc làm của Ngài đều có dụng ý!

Hòa Thượng kể: Tại Hồng Kông, chùa thường có pháp hội lễ Phật hoặc là thuyết Pháp. Có một số cư sĩ đến tham dự, nhưng rồi sao? Y tranh bực lạy với người ta. Y thấy người ta lạy Phật trên bực mà y không có, bèn đến khiêng bực lạy của

người ta về chỗ mình. Việc này mới đầu ra sao? Người bị giành bực lay bèn nổi giận, rồi không tới nữa. Tại sao? “Đề khỏi phải đến đây lay Phật mà còn bị chọc tức.” Tôi ở Hồng Kông, thấy họ tranh giành bực lay với nhau, tôi cũng bỏ mặc. Các người muốn tranh đoạt, các người muốn làm ăn cướp đều được hết, tôi thấy kệ. Các vị nên biết, người giành bực lay đó dù là để lay Phật đi nữa, nhưng tuyệt đối không có chút công đức nào.

Là người học Phật Pháp, chúng ta không nên làm như thế. Vì vậy, các cư sĩ thường tới đây, nhất là người thường trú ở chùa, bất cứ nghe Kinh hay là làm cái gì đều nên tiếp đãi những người mới tới cho chu đáo, chỉ dẫn cho họ biết cách phải làm như thế nào. Người mới đến đạo tràng, họ không quen biết chi hết. Nhưng có khi người đó là Bồ Tát, La Hán cũng không chừng, nếu các vị không tiếp đãi họ tử tế, tức đối ngay trước mặt Bồ Tát mà bỏ qua cơ hội thì sẽ không có công đức. Nhiều khi đông người quá, không đủ bực lay, các vị chớ ngần ngại nhường bực của mình cho người khác rồi tự đến lay bên cạnh đó. Nếu không, người mới đến nhìn thấy vậy liền nói: “Sao các người ích kỷ quá thế, chỉ biết có mình, chớ chẳng hề quan tâm để ý đến người khác!” Rồi sau đó y sẽ không tới chùa nữa.

Đã có không ít đệ tử ở Hồng Kông, tôi ngày cứ yêu cầu tôi giảng chú Lăng Nghiêm, thế nhưng cơ duyên chưa chín muồi nên rốt cuộc tôi không nhận lời, do đó không có giảng dạy. Tôi thường giảng Kinh thuyết Pháp tại Hồng Kông, nhưng ít khi dạy ngồi thiền, cũng không dạy pháp môn Đại Bi Thiên Thủ Thiên Nhãn. Bởi vì pháp môn Thiên Thủ Thiên Nhãn này quan trọng vô cùng, tôi không muốn truyền ra ngoài. Hiện nay tôi đem những pháp môn mà tôi biết đều truyền cho mỗi một đệ tử, học trò. Nếu các vị nói với người từ Hồng Kông đến là các vị ở đây học được pháp này nọ, y sẽ nói rằng: “Không thể nào, vì xưa nay chúng tôi đã chẳng học được pháp gì cả.” Đây giống như đạo lý của Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tiểu Thừa nói rằng Phật không có nói pháp Đại Thừa, Kinh điển Đại Thừa đều không phải do Phật giảng! Như bây giờ tôi

truyền cho các vị Pháp Đại Bi này, rồi các vị đi nói cho các đệ tử Hồng Kông của tôi nghe, họ sẽ nói: “Không đúng rồi! Chính Sư Phụ còn không biết Pháp Đại Bi, thì làm sao truyền lại cho các người được chứ!” Họ tưởng rằng tôi không biết, tưởng là tôi không hiểu, thật ra là tôi không muốn truyền dạy cho họ đó thôi!

(*Ghi chú 1*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ đã từng nói với tôi: “Bất cứ sự việc gì, tuy tôi không chính mắt thấy nhưng nhắm mắt lại, tôi đều biết hết.” Khi Sư Phụ biết chùa Từ Hưng có vụ xin xâm bói quẻ, đến lúc ăn cơm, Ngài bảo họ đem xâm Quán Âm và cuốn giải quẻ xâm ra. Ngài lớn tiếng quát: “Các người hãy đem ống xin xâm ra mau để tôi cầu coi chừng nào tôi chết đây!”

Lúc Sư Phụ la rầy như thế, mọi người không ai dám lên tiếng, chỉ có một người nói: "Sư Phụ, bây giờ chúng con tìm không ra." Sư Phụ giận đến cực điểm thì tâm như tro tàn, ý lạnh, chán ngán vì tự biết khó giáo hóa được người. Đã từng có lần, Sư Phụ ở Đại Tự Sơn, bởi vì các đệ tử không y theo lời dạy, Ngài từ cổng chùa Tam Quan mỗi bước một lạy mà lạy cho đến chánh điện, do đó mọi người hết sức cảm động bèn sửa đổi tập khí xấu của mình.

Có một ngày nọ, Sư Phụ nói: "Tôi không muốn thấy đám người này nữa, họ đã khiến cho tâm huyết của tôi nguội lạnh mất rồi." Tôi nói: “Sư Phụ, làm bác sĩ là để trị bệnh, nếu không có bệnh thì cần gì phải đi bác sĩ chứ?”

- Con nói có lý đó, chẳng qua bọn người này đã không có thuốc để trị rồi! Con không thấy Sư Phụ viết bốn chữ “Tôi đã chết rồi” sao? Nếu khi nào không ngủ được, con có thể suy nghĩ thử coi đó là chuyện gì, những gì Sư Phụ nói và làm đều có dụng ý hết.

Chao ôi! Tôi ngu như vậy thì làm sao mà nghĩ ra được chứ?

(*Ghi chú 2*) Cư sĩ Lục Quả Nhạn thuật lại vào ngày 12 tháng 1 năm 2010: Vào năm 1956, tôi quy y với Sư Phụ tại

Phật Giáo Giảng Đường. Vào chiều tối Sư Phụ giảng Kinh, lúc đó tôi ba mươi mấy tuổi. Sư Phụ rất hòa nhã và thường nói chuyện với chúng tôi. Ngài dạy chúng tôi lạy Phật và chỉ bảo mọi điều.

Các vị huynh đệ đều cư xử với nhau rất tốt, nếu như đến mừng một, ngày rằm hay ngày Phật Đản, chúng tôi đều tụ họp về chùa dùng cơm chay, cũng có 8 bàn đến 10 bàn luôn. Vào ngày Tết, chùa có tới 20 bàn cho khách đến dùng cơm chay.

Lúc trước tôi không hiểu Phật pháp, nên nằm trên giường đọc cuốn Lục Tổ Đàn Kinh. Sau đó liền mộng thấy Sư Phụ và hai vị đệ tử của Ngài đi tới từ phía đối diện với tôi. Tôi nghĩ đó chỉ là sự ngẫu nhiên nằm mộng thôi. Đêm thứ hai, tôi vẫn trong tư thế nằm xem Lục Tổ Đàn Kinh, lại mộng thấy Sư Phụ. Sư Phụ nói: “Không biết quy củ gì hết, làm sao có thể nằm trên giường để xem Kinh sách cho được hả!” Lần này tôi mới biết thật sự là Sư Phụ đã hiện thân ra rồi.

93. Người tin được cứu

Có rất nhiều người tới cầu xin Hòa Thượng trị bệnh. Các quái bệnh, ma bệnh, uất ức phiền muộn, không thể đi được, bệnh nguy không cứu được, không biết là bao nhiêu bệnh, nhưng Hòa Thượng đều có bí quyết trị liệu...

Hòa Thượng xem xét căn duyên của từng chứng bệnh, hoặc khuyên bảo họ lạy Phật, trì chú, hoặc là quy y Tam Bảo. Phàm như ai dóc lòng thành khẩn kiên trì tín tâm, tức không ai mà không được cảm ứng, rồi dần dần hồi phục.

Có một vị cư sĩ tên Tịnh Khoan đến gặp và van nài với Hòa Thượng là cháu trai của bà ấy có chứng bệnh rất kỳ quái là vào một bữa nọ nó bị chóng mặt, rồi bị bệnh miết không dậy nổi. Bác sĩ cũng không chẩn đoán ra bệnh gì.

Hòa Thượng nhắm mắt một hồi rồi nói: “Bà đã quy y vị đại pháp sư đó, vậy sao bà không tới cầu xin với sự đó đi?” Bà Tịnh Khoan không nói gì. Sau đó, Sư Phụ bảo bà viết tên đưa cháu và địa chỉ, lại bảo người lấy quyền Sự Tích của Hòa

Thượng cho bà, nói rằng: “Người tin sẽ được cứu, cho nên nhìn vào hình mà niệm A Di Đà Phật.”

Bởi vì bên bức hình có tên của Hòa Thượng, bà này hiểu lơ mơ hay không hiểu ý Ngài, nên hỏi:

- Y theo tên mà niệm phải không?

- Cũng được.

Sau đó Hòa Thượng nói với Đàm Quả Chánh, vị phiên dịch bên cạnh rằng: “Không phải là tôi tự nói vậy à nghen. Tiếp theo Hòa Thượng giảng nói cho bà ta nghe về các việc liên quan với ông Vương Phụng Cửu, người đã dốc lòng tin tưởng Hòa Thượng lúc Ngài ở Đông Bắc.

Có lần nọ, con trai ông ấy bị bệnh trầm trọng bất tỉnh, ông bèn hướng về Hòa Thượng cầu nguyện, qua một thời gian mà không thấy có biến chuyển gì, nhưng ông vẫn vững lòng tin Hòa Thượng, tiếp tục ở nhà bái lạy Ngài. Một bữa tối nọ, ông mộng thấy Hòa Thượng bưng một chén thuốc cho con trai ông uống, rồi qua ngày hôm sau, con ông đột nhiên tỉnh lại và không thuốc men gì mà lành bệnh.

Hòa Thượng nói: “Cả đời này của tôi, tôi chỉ có một cái bí quyết: Mỗi mỗi thứ đều là thật, thật tâm, nói thật, làm thật không xen tạp chút tư hào giả dối, không đeo mặt nạ và ngay điều chân thật cho thêm vào sự chân thật! Tất cả đều là trên thật lại thêm thật! Có thể mới nói ra mỗi câu đều là nói thật, mỗi chữ đều là chú linh nghiệm. Tại sao có số người trì chú, họ trì tới, trì lui vẫn không được cảm ứng. Đó là vì họ không có đủ tâm chân thật, cho nên không có tương ứng với Kinh Chú.

(Ghi chú 1): Từ nhật ký của Đàm Quả Chánh: Cư sĩ Hà Quả Chương mang bệnh đã 5 năm, thân thể gầy gò ốm yếu như dây leo. Em gái cô là Quả Ngân muốn thỉnh cầu Hòa Thượng thân chị cô làm đệ tử. Sư Phụ đã không chấp nhận, và nói: “Nghiệp chướng của cô ấy rất nặng, thật không dễ gì xử lý.

Sau đó Sư Phụ tội nghiệp cô ta mà tiếp thân làm đệ tử quy rồi bệnh tình của cô mới thuyên giảm dần. Tôi có một bà chị họ, có con nuôi, đứa bé trai này đã bị phát bệnh viêm màng não 3 lần. Bác sĩ nói: “Nếu như bệnh cũ tái phát, thì không thể trị liệu được!” Nhưng từ lúc đứa nhỏ quy y Sư Phụ, bệnh đó không còn tái phát nữa. Chị của em này, lúc đầu bệnh trầm cảm, cũng sau khi quy y mà hết bệnh. Người có bệnh quy y Sư Phụ, thật chỉ cần có tín tâm, Phật lực sẽ gia hộ và tự nhiên sẽ lành bệnh.

(*Ghi chú 2*): Cư sĩ Đàm Quả Dương thuật lại vào ngày 7 tháng 6, năm 2014: Mẹ tôi tên là Nguyễn Quả Nghê, cha tôi làm nghề buôn bán ngũ kim, các thứ kim loại. Mặc dù mẹ do người giới thiệu đã quy y Hòa Thượng từ lâu, thường đi chùa lễ Phật, nhưng chưa được trường chay. Lúc đó cha không được mạnh khỏe vì có bệnh tim. Mẹ rất thành khẩn lạy Phật, hy vọng cho cha được thêm sức khỏe.

Có một ngày nọ trong năm 1956, khi thấy mẹ tôi, Hòa Thượng liền nói với bà rằng: “Hãy bảo ông chồng của cô tháng đó, ngày đó trong khoảng mấy ngày đó, hãy đến chùa Từ Hưng tạm trú vài ngày đi.” Tuy mẹ là đệ tử của Hòa Thượng, nhưng cha cần phải coi sóc công việc làm ăn, do đó không nghe theo lời Hòa Thượng để đến chùa Từ Hưng ở. Lúc bấy giờ, phương tiện trú ngụ ở chùa Từ Hưng rất kém như không có điện, không điện thoại, cũng không có cách gì nhắn gọi liên lạc với bên ngoài. Nếu bị bệnh mà còn phải lội xuống núi mới đi khám bác sĩ được, nên cha cho rằng, tại sao phải ở trên núi chớ?

Ai có ngờ đâu, trong khoảng thời gian Hòa Thượng nói đó, do công việc làm ăn có vấn đề về tiền bạc, cha phải xử lý việc này, và vì căng thẳng quá độ nên phát bệnh tim mà vãng sanh.

Sau sự kiện này, mẹ hồi tưởng lại mới biết Hòa Thượng bảo cha đến chùa ở vài ngày là để tránh sự công kích đó, giúp cho ông hòa hoãn một chút thì sẽ không bị phát bệnh tim như

vậy. Mỗi lần nghĩ đến chuyện này, bà rất hối hận vì lúc đầu đã không nghe theo lời chỉ dạy của Hòa Thượng.

Năm 1977, sau khi kết thúc các công việc làm ăn, mỗi ngày mẹ đều tu hành rất tinh tấn, không thiếu buổi công phu sáng, chiều nào. Bà còn lạy Phật, tụng kinh, trì chú, lại ngồi thiền kiết già, thường thường đến chùa tham gia pháp hội và làm công quả. Tuy kinh tế gia đình khá giả nhưng mẹ bình thường chỉ ăn cơm trắng với rau cải muối hoặc rau xanh xào, không sắm quần áo mới, sống đời khắc khổ.



Về sau lớn tuổi, mẹ chọn cách tu tại gia, không còn đi các nơi. Hiện bà đã hơn 90 tuổi rồi và vẫn còn nỗ lực tu hành.

94. Thầy Trình Tử nói - (Tử Trình Tử viết)

Hòa Thượng nói: “Có rất nhiều người đã không hiểu ý nghĩa của Chu Tử (Chu Hi) trong câu ‘Tử Trình Tử viết’. Chữ tử phía trước là Chu Hi nói thầy của ông là phu tử (Thầy) cũng tức là Trình Tử (Thầy Trình Di). ‘Tử Trình Tử Viết’ có nghĩa là Thầy tôi là Trình Tử nói.”

Hòa Thượng kể: Lúc trước có giáo sư Trình Hi là tác giả cuốn “Tân Thiên Ngữ”. Ông nói về toán số, nếu vẽ một vòng tròn vào một con số lớn thì con số lớn đó sẽ lớn thêm một chút. Thí dụ như một gạch chữ Nhất là số một, rồi cứ vẽ vòng tròn số 0 sau nó, và vẽ đầy khắp hết trời đất, rốt cuộc là bao nhiêu? Các vị vẽ đến không giới hạn thì số mục này là một con số lớn, song vẽ thêm một vòng tròn tức con số đó sẽ lớn thêm, và vẽ một vòng tròn nữa tức trở thành ra số cực lớn. Nếu các vị cứ vẽ hoài như thế, vẽ đầy cả đất và vẽ đầy cả trời, rốt cuộc rồi con số đó lớn cỡ bao nhiêu? Tức là con số vô cực không giới hạn vậy.

(Ghi chú 1) Giáo sư Trình Hi (Tự Trọng Viêm) đã cộng tác cho sự nghiệp giáo dục hơn 20 năm tại trường đại học Iowa (Hoa Kỳ). Ông trước tác rất nhiều sách, đặc biệt cuốn “Trình

Thị Tân Thiên Ngữ” được nhiều người biết đến. Vào năm 1993, giáo sư Trình đến chùa Trường Đê, Long Beach thăm viếng Hòa Thượng. Giáo sư Trình nói: “Lão pháp sư chưa hề nói với tôi về thân thông bao giờ. Tôi thấy Ngài rất bình thường, nhưng Ngài sẽ hành động lập tức khi biết được điều gì, đó là việc không dễ chút nào.”

Ngay cuộc hội thảo tái bản Kinh Đại Bát Nhã tại Hồng Kông, ông Trình cùng Hòa Thượng có duyên được gặp mặt nhau. Giáo sư Trình nói: Từ lần gặp gỡ đó đến nay đã mấy chục năm rồi. Hơn 30 năm về trước, tôi xuất bản một cuốn sách nhỏ Trình Thị Tân Thiên Ngữ, in ra 1000 cuốn cho người ta kết pháp duyên. Sau khi Lão Pháp Sư thấy qua bèn dùng cuốn sách giống khổ giấy, kiểu sách như vậy in ra thêm 5000 cuốn luôn. Mùa Thu năm đó, tôi đi Cambridge, Anh Quốc nên không gặp được Lão Pháp Sư. Trong thời gian ở nước Mỹ, Ngài cũng đã chọn trong sách ấy đề đăng trên tạp chí Kim Cang Bồ Đề Hải của Vạn Phật Thánh Thành. Trong giai đoạn đó, tôi lại xuất bản quyển “Thiệt Vấn Ngữ Lục”, sau khi xem qua Lão Pháp Sư giao cho đệ tử phiên dịch ra tiếng Anh để xuất bản. Lão Pháp Sư thật đã xem trọng các quyển sách nhỏ này khiến tôi ghi khắc mãi trong tâm.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Khi Sư Phụ nói cho tôi nghe về tác phẩm nổi tiếng “Trình Thị Tân Thiên Ngữ”, Ngài liền bàn tới “Tử Trình Tử Viết” trong Tứ Thư và giải thích câu này cho tôi nghe. Tôi nói với Sư Phụ rằng: “Con muốn ứng ra phân nửa số tiền để ấn tống cuốn sách này. Sư Phụ nói: “Muốn thì xuất toàn bộ tiền in, còn không thì đừng nên in.”

(*Ghi chú 3*) Năm 1995, giáo sư Trình Hi trong văn hoài niệm Hòa Thượng có đề cập: Mấy năm trước, khi tôi đến California thăm Lão Pháp Sư cũng đúng lúc thân mang bệnh. Lão Pháp Sư mau mắn phái người đưa tôi đến phòng mạch của một vị Đông Y (bác sĩ châm cứu), lại gọi điện bảo bác sĩ để tâm trị liệu chăm sóc cho tôi. Thuốc bắc vừa đem đến Trường

Đê, đê tử Ngài tĩ mĩ nấu thuốc rồi bỏ vào bình thủy, đem tới là tôi uống cạn một hơi. Do sự việc này, tôi cảm thấy các vị nhân sĩ trong đạo tràng sao mà từ bi nhiệt tâm chăm sóc một cách tận tình chu đáo, khiến cho người bên ngoài không thể tưởng tượng được. Lần sau cùng tôi gặp Lão Pháp Sư là vào mùa Hè năm 1994. Tôi đáp máy bay đến Los Angeles thì có người của Lão Pháp Sư đến phi trường đón tôi về chùa Trường Đê. Tôi bàn chuyện với Lão Pháp Sư suốt cả mấy tiếng đồng hồ.

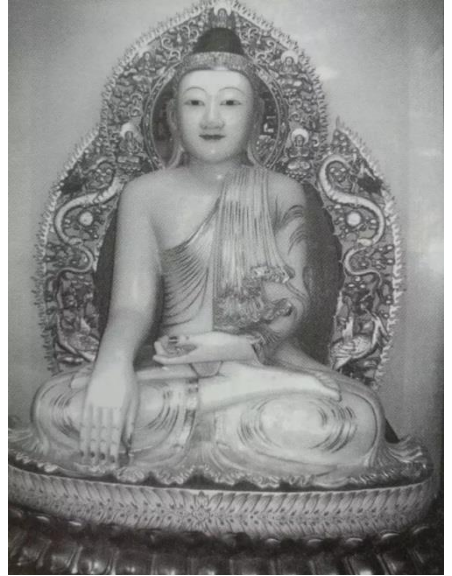
Lão Pháp Sư đã biết được tánh tình thật sự của tôi từ lâu, thành ra tôi không cần phải nói lời trau chuốt, mà chỉ cần nghĩ sao nói vậy, không che dấu gì cả. Do đó một khi đàm luận rất thỏa thích, tôi nói thẳng thừng không che đậy gì hết, cho nên mới kéo dài thời gian như thế. Trước khi tôi đi về, có khách đến thăm Ngài, trong số đó có một vị là Đông Y Sĩ chuyên khoa về gân cốt. Dù bận rộn trăm phần, Lão Pháp Sư để khách khám xem chỗ trật xương tay của tôi. Sau một phen xoa bóp, phần gân gút ở cánh tay tôi hình như được khai thông. Mấy tháng nay tôi chưa bao giờ có cảm giác thư thái như vậy. Từ đó cánh tay trái của tôi đưa lên xuống linh hoạt trở lại.

(*Ghi chú 4*) Giáo sư Dương Phú Sâm trong văn hoài niệm Hòa Thượng đã nói rằng, trong năm Sư Phụ hồng Pháp tại Hồng Kông đã cùng Trình Hi kết thành bạn đạo thường qua lại với nhau. Trình Hi và tôi là sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Yên Kinh, vì thế chúng tôi mới thân thiết với nhau. Lúc tôi dạy học tại trường Đại Học Pittsburgh, Hoa Kỳ đã từng mời giáo sư Trình đến đó dạy khóa mùa hè. (Giáo sư Trình dạy học tại trường Đại Học Iowa nhiều năm cho đến khi về hưu.)

95. Khai Quang Phật Ngọc

Vào ngày 19 tháng 2 năm 1962 (Rằm tháng Giêng) Phật Giáo Giảng Đường cử hành lễ Khai Quang Phật Ngọc. Tôn tượng này do khi thăm viếng Miến Điện, Hòa Thượng đã chọn ra trong số điêu khắc tượng Phật ở đó một tôn tượng Phật bằng ngọc trắng, điêu khắc trang nghiêm...

Đến tham dự lễ Khai Quang Phật Ngọc tại Phật Giáo Giảng Đường gồm các bậc trụ trì, các đạo hữu, và các vị học giả trong các tầng lớp xã hội. Chùa thiết đãi hơn 40 bàn tiệc chay. Có một số pháp sư cảm xúc nói là họ đã đến nhiều chùa lớn, nhưng chưa thấy qua tượng Phật nào trang nghiêm như vậy. Một số thợ mộc tạo tượng đã trên 10 năm cũng nói rằng họ chưa từng thấy được Phật Ngọc nào trang nghiêm như đây. Có được tôn tượng Phật Ngọc để làm lễ khai quang này là do tâm nguyện của Hòa Thượng trải qua 5 năm trời. Hòa Thượng hy vọng các vị tín chúng đệ tử đều được thấy Phật mà khai mở tánh minh và được tự tánh trí huệ từ bi quang minh.



(*Ghi chú*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Vào ngày 8 tháng 1, tượng Phật bằng bạch ngọc từ Miến Điện được chuyên chở về tạm lưu giữ ở trong kho năm trước, nay đã được vận chuyển đến Giảng Đường. Tượng Phật nặng quá một tấn và các nhân viên vận chuyển đều nói không có cách gì để chuyển Phật lên tận lầu 12. Sau đó Sư Phụ bèn nghĩ ra một cách là đặt máy cầu ở góc phía sau lầu thang của tòa nhà. Kế đó tháo mở cửa sổ phía sau của tầng 12, như thế mới có thể chuyển một thùng gỗ lớn vào chánh điện được. Tượng Phật tươi cười như hoa, trang nghiêm vô cùng. Mọi người thấy tượng Phật đều sanh tâm hoan hỷ, đều khởi lòng cung kính. Sư Phụ tươi cười rạng rỡ nói: “Tâm nguyện trong 5 năm, nay đã được thành quả.” Sư Phụ nói, tìm khắp nơi ở Miến Điện chỉ có một tôn tượng này.

Vào ngày 16 tháng 1, tôi tới Giảng Đường gặp lúc làm khang thờ Phật. Phật khang này cũng do Sư Phụ thiết kế, trang nghiêm cao quý thanh nhã. Các nhân viên kỹ thuật cũng không ngớt ngợi khen.

Bữa chiều khai quang đó, có một người lạ đến gặp Sư Phụ, vừa vào cửa ông bèn lễ lạy. Người này lúc trước đã từng viết thư xin tiền Sư Phụ. Một chân của ông vốn bị tật, ông tên là Hoàng Giác Phi. Vào mùng 2 tháng giêng, ông chống nạng đến Phật Giáo Giảng Đường cầu xin được gặp Sư Phụ. Sư Phụ không muốn gặp ông ta. Sau đó ông viết chữ trên cửa sổ và Sư Phụ mới đi ra gặp ông. Ông gặp Sư Phụ mong Sư Phụ tội nghiệp cho ông. Sư Phụ mắng ông rằng: “Ông không phải là đàn bà, tại sao lại muốn tôi tội nghiệp cho ông chứ?”

Chẳng có chí khí chút nào!” Sư Phụ lại nói thêm: “Tôi có một câu đối liền: Bạch thủy tuyên trung nhất đại thiên. Nếu ông đối lại câu đó được thì ông muốn gì tôi đều cho hết.” Tuy suy nghĩ một hồi lâu, nhưng ông không đối lại được. Sau đó Sư Phụ vẫn cho ông 200 đồng và một số thức ăn đồ hộp.

Sau khi về nhà, vào mùng 7, mùng 8, hai ngày liền, ông đều mơ màng thấy Sư Phụ xoa bóp cái chân tật nguyên của ông. Sau đó hốt nhiên ông đi đứng được mà không cần phải chống gậy nữa, nên ông ta đặc biệt đến Giảng Đường cảm tạ Sư Phụ. Sư Phụ nói: “Vì trong tâm ông đã không bao giờ có hy vọng được như vậy nên mới được cảm ứng đó.” Ông Hoàng Giác Phi nói, ông đi xin ở khắp các chùa chiền, gặp qua rất nhiều vị đại pháp sư nhưng không có ai đối xử tốt với ông như Sư Phụ đây.

96. Chuyên độ kẻ xấu

Thường có một số người đạo đức yếu kém, phẩm hạnh tồi tệ, từng phạm đại tội ngũ nghịch, nhưng một khi gặp thiện tri thức chỉ dẫn khuyên giải, tức nhiên họ tỉnh ngộ, thật tâm sửa đổi, triệt để hối ngộ, bỏ ác làm lành. Đối với những người đã bị huân nhiễm điều ác trở thành những lãng tử hoang đàng thì việc chuyển hóa họ vẫn hao tổn rất nhiều tâm sức...

Mặc dù là thế, Hòa Thượng vẫn một lòng từ bi, tuần tự dạy dỗ, và dẫn dắt theo xu hướng này. Thậm chí Ngài còn tiếp

nap cho họ xuống tóc xuất gia khiến bỏ mê lầm quay về giác ngộ để trở thành bậc đại trượng phu đội trời đạp đất. Như Kinh Hoa Nghiêm có nói:

Vì người lạc đường, chỉ cho chánh lộ,

Vì trong đêm tối, làm đèn chiếu sáng.

Vào ngày 5 tháng 3 năm 1962, có 41 người quy y, trong số đó có Vương Tử Nhất là người tánh tình không tốt, nhưng được cạo đầu xuất gia. Hòa Thượng nói: “Tôi chuyên muốn hóa độ các người xấu này. Như lúc Quả Thuần chưa xuất gia cũng như vậy, nhưng chỉ sau hai năm, y đã đắc tha tâm thông rồi.”

Hòa Thượng muốn Vương Tử Nhất phát lộ các tật xấu của mình trước đại chúng. Chú ta cũng nhất nhất thừa nhận sám hối. Hòa Thượng khuyên chú ta cai nghiện và răn bảo rằng: “Chỉ cần có chí khí là có thể không hút sách, cai nghiện được. Chú nên nhớ rằng pháp danh của mình là Quả Ngộ, là giác ngộ chứ không phải Quả Ngộ là sai lầm.”

- Vương Tử Nhất đáp: Nguyện tranh một hơi thở (tức sẽ cố gắng hết sức mình).

- Xin đừng bao giờ nói thành: Nguyện hít một hơi thuốc!
Hòa Thượng nói: “Tôi muốn đánh một canh bạc, là thân nạp chú ấy làm đệ tử. Tuy có người dị nghị, nhưng tôi không sợ phiền hà. Hy vọng rằng chú ấy sẽ sửa đổi, bỏ ác theo thiện. Chú mà làm được như thế tức là được Bảo Tàng rồi đó.” Song Hòa Thượng phái chú ta tới Đại Tự Sơn thường trú. Sau khi chú ấy đi khỏi, Hòa Thượng nói với đại chúng rằng: “Tuy chú ấy không tốt, cùng lắm là giết tôi đi nữa, nhưng dù bị mất mạng, tôi cũng vẫn sẵn sàng.” Hòa Thượng có lòng quảng đại, tâm lượng Bồ Tát, người thường thật không sao sánh bằng.

(*Ghi chú*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Có một vị Tỳ kheo đã hoàn tục do người giới thiệu tới cầu xin Sư Phụ giúp đỡ. Sư Phụ bỗng nhiên hỏi ông ta: “Tại sao chú lại hại chết người họ Trương hả?” Ông này kinh hãi vô cùng, hết sức

hội họp đáp: “Không phải là con! Là y tự treo cổ chết đấy!” Nguyên là lúc vị hoàn tục này thường trú ở ngôi chùa nọ đã làm thâm thủng của thường trụ trên vài chục nghìn đồng. Thầy họ Trương kia vốn là vị thủ quỹ của chùa, những vì bị ông ấy vụ không đồ tội, nên thầy tự tử chết để minh oan cho mình.

Sư Phụ chỉ tùy tiện hỏi vậy thôi là đã phơi bày ra cái bí mật của ông ta rồi.

97. Ma khảo thầy Hằng Định

Hòa Thượng răn dạy đệ tử rằng: “Các vị nên làm việc nhiều hậu lập nhiều công đức. Bất kỳ là tu pháp môn gì đi nữa, các vị phải chú trọng đến đức hạnh trước tiên. Nếu như đức hạnh không đủ, dù có tu pháp nào đi nữa cũng đều bị ma chướng ...

Hòa Thượng kể: Tại sao tôi đặt tên cho thầy ấy là Hằng Định? Bởi vì thầy ta Hằng Bất Định (thường không có định lực), cho nên bỏ chữ Bất ra, thành Hằng Định thì tu hành mới có chút thường định. Tôi có một ý nguyện là muốn học thuộc lòng Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, nhưng rất cuộc không có thời giờ hoàn thành tâm nguyện. Thầy ta nghe tôi cực lực tán thán hai bộ Kinh này, liền bỏ ra thời gian 5 năm trời để học thuộc Kinh Pháp Hoa và Kinh Lăng Nghiêm. Thầy có thể đọc lâu Kinh Lăng Nghiêm từ đầu đến cuối không sót một chữ. Tại sao tôi bảo Thầy ấy đọc Kinh đó? Vì bình sanh tôi thích lời văn của Kinh này nhất. Cách hành văn trong Kinh Lăng Nghiêm hay nhất, tuyệt nhất, cũng hay như Cổ Văn Quán Chỉ và Tứ Thư Ngũ Kinh của Trung Quốc vậy.

Tôi bình thường không có quản thúc Hằng Định. Tôi rời Hồng Kông đã lâu năm rồi mà Thầy ta cũng không có phan duyên, chỉ biết đóng kín cửa không tiếp ai, cũng không chuyện trò lãng nhãng với người ta. Thầy có hộ pháp cố định, đến ngày thì mang gạo, thức ăn, và các thứ cần dùng cho Thầy. Các vị nói: “Vậy có khi nào thầy bị bỏ đói chết không?” Ngay cả nói chuyện cũng không, vậy còn lo chết đói cái nỗi gì? Bị chết đói không phải là tốt nhất sao! Các vị nói: “Thế thì tôi

không được rồi!" Các vị phải hành cho được, thì mới đắc được bốn thể chân như đấy.

Sau đó, thầy tu hành ở Hồng Kông được mười mấy năm, đại khái khoảng 12 năm. Tự thầy biết là trong khoảng một tháng nữa Thầy sẽ khai ngộ có chút thành tựu, nhưng trong vòng một tháng đó là bị ma nhập rồi. Có ba đại ma vương quấy nhiễu Thầy, Thầy tự biết và cũng thấy ra chúng. Ba con ma này cản trở không cho thầy tu hành, rồi khiến cho Thầy điên điên đảo đảo đến nỗi không ngủ được, tâm cũng không được an định nên không có cách nào để lạy Phật.

Cho nên nói Đạo cao một thước, Ma cao một trượng. Các vị không có công đức, ma không để ý tới, còn như có công đức, nó sẽ tới đòi chia phần hầu tăng thêm thể lực của nó. Người tu hành không nhất định phải gặp cảnh giới này. Nếu các vị chưa tới trình độ đó, ma cũng không màng đến. Giống như Hiệp Sĩ có lúc phải đối phó bọn hải tặc. Các vị không phải là Hiệp Sĩ thì không sao gặp được, nếu có gặp chẳng cũng chẳng hề biết.

Lúc đó Hằng Định không biết làm sao, bèn (năm 1972) gọi điện thoại từ Hồng Kông và viết thư mong tôi cứu giúp.

Bây giờ tôi nói cho các vị nghe, chắc cũng không ai tin, các vị cũng sẽ không tin vào câu chuyện này! Sau khi Hằng Định gọi điện qua Mỹ thì các Thiên Long Bát Bộ ở đây, người xuất gia, tại gia, đại chúng đều hỏi hướng cho thầy ấy. Mới đầu thầy ấy muốn tôi đi về bên đó, tôi nghĩ bụng tại sao phải tốn mấy trăm đồng cho tiền vé máy bay chứ? Trong khi ở đây, tôi có thể dùng tiền đó để mua cái thứ mà tụi Ma Vương thích ăn rồi bắt chúng lại. Vì vậy, nhà tù Ma Vương của chúng ta ở đây đã có thêm ba con Ma Vương người Hoa nữa đó.

Hiện chúng bệnh ma của Hằng Định cũng không còn nữa. Các vị thấy có tuyệt quá không? Các vị nói thử coi là các vị có tin vào cái chuyện này hay không? Thôi thì, các vị tin cũng không sao, còn không tin ư, lại càng không hề hấn gì, không sao cả! Dù là tôi nói vậy thì các vị cứ nghe vậy đi.

Gần đây có ba vị Tỳ Kheo đến Hồng Kông, tôi căn dặn họ đến thăm thầy Hằng Định, xem có phải là thầy đã hết cái bệnh đó chàng? Họ nói thầy thật đã hết bệnh, mắt cũng không có luồng ma khí nữa. Tại sao lại bị ma nhập? Bất cứ tu pháp môn nào, trước tiên chúng ta phải chú trọng đến đức hạnh, nếu đức hạnh không đủ, tu pháp gì cũng đều bị ma chướng. Cho nên bình thường nên làm việc, lập nhiều công đức. Tu hành là nhất định phải có nhiều công đức, ở đạo tràng thì hộ trì đạo tràng. gánh vác lấy sự khó nhọc, chịu lấy sự oán trách, đó là lập công.

Tại sao chúng ta nên làm công việc mà người khác không muốn làm? Là vì muốn bồi dưỡng phước báo bên ngoài của mình, tức công đức ở bên ngoài. Lập đức là không được chướng ngại người khác, không được làm cho người ta phiền não.

(*Ghi chú 1*) Tỳ Kheo Hằng Định thuật lại vào ngày 14 tháng năm 2001 tại Hồng Kông Thuyền Miếu:

Dân Quốc năm 38 (1949) khi vừa thọ giới xong, tôi đến chùa Nam Hoa và Vân Môn trước tiên. Lúc Đảng Cộng Sản tới, tôi bèn đi Hồng Kông với Sư Phụ, rồi theo Sư Phụ ở đó được 8 năm. Lúc ấy Sư Phụ chưa lập đạo tràng, nên tôi lại đến Đông Phổ Đà cư trú qua 9 năm, và sau đó mới dời về Quán Âm Thuyền Miếu trú ngụ.

Khi chưa xuất gia, tôi đã thuộc lòng Kinh Kim Cang. Lúc ở chùa Nam Hoa, tôi đã học thuộc một phần Kinh Lăng Nghiêm và khi đến Đông Phổ Đà thì học thuộc hết cuốn, cũng trải qua 5 năm. Lão Hòa Thượng Hư Vân luôn dạy bảo các đệ tử đều phải học thuộc Kinh Lăng Nghiêm, vì bên trong có rất nhiều lợi ích. Lúc tôi ở chùa Từ Hưng, Sư Phụ in Kinh Lăng Nghiêm và Kinh Kim Cang, tôi phụ trách việc đối chiếu, vì tôi thuộc lòng được các Kinh này. Khi Sư Phụ kiến lập đạo tràng, tôi đến chùa Từ Hưng trú ngụ được một năm rưỡi, cũng học thuộc bộ Kinh Pháp Hoa, và được rất nhiều cảnh giới. Như trong định có thể thấy Phật Thích Ca cùng nhiều vị đại Tỳ

Kheo, trong số đó có một vị Tỳ Kheo đeo bông tai khoanh to nữa.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Tôi nghĩ là Sư Phụ rất thích thầy Hằng Định. Sư Phụ thường nói thầy là sinh viên đại học, từng bỏ ra nguyên cả năm để học thuộc Kinh Lăng Nghiêm. Vào thời đại năm 70, thầy Hằng Định viết thư cho Sư Phụ nói thầy bị cảnh ma quấy nhiễu và cầu Sư Phụ giải cứu.

(*Ghi chú 3*) Cư sĩ Đàm Quả Thức thuật lại: Từ lúc Sư Phụ qua Mỹ, Ngài đã rất nhiều lần bảo Thầy Hằng Định nên đến Mỹ, nhưng thầy không chịu đi. Thầy trú tại động Quán Âm, đến giữa thời đại năm 70 mới rời chỗ đó, rồi dời về một cái động núi khác, động đó ở bên cạnh Quán Âm Thuyền Miếu. Từ đó trở đi, thầy thường trú ở đây và chăm sóc miếu Quán Âm ấy. Bởi thầy không đi hóa duyên, nên thường không có thức ăn. Mặc dù ở xa bên Mỹ, Sư Phụ vẫn không quên nhắc nhở đệ tử Hồng Kông cúng dường cho thầy. Vào ngày mừng một Tết và rằm tháng Bảy, thầy đều đến Phật Giáo Giảng Đường, còn những ngày khác thì ở trong hang động tĩnh tọa tham thiền. Cũng bởi vì trong hang động ẩm thấp, nên sau này thầy bị gù lưng.



Thầy Hằng Định

Lần đầu tiên tôi gặp Sư Phụ, thầy Hằng Định vẫn còn ở nơi động Quán Âm, núi Phù Dung, Thuyền Loan, Tân Giới. Thầy không thích đời sống phồn hoa đô thị, Thầy là một vị tu hành khổ hạnh. Khi Thầy và Sư Phụ mới tới Hồng Kông, họ thường không có thức ăn, hoặc là dùng thức ăn đã bị lên mốc.

Tôi rất ít khi gặp Thầy ở Tây Lạc Viên, chỉ thấy Thầy vào ngày mừng một Tết. Trong ký ức tôi, nếu Thầy không tu thiền ở động Quán Âm thì là nhập thất ở trong am thất bên đường núi chùa Từ Hưng, Đại Tự Sơn.

Do sự tu trì của Thầy, dần dần cư dân lân cận biết đến Thầy rồi cúng dường cho Thầy, chùa miếu gần bên cũng thường chăm sóc cho Thầy những bữa cơm. Có rất nhiều người từ Đài Loan và nước ngoài muốn quy y với Thầy, nhưng Thầy đều từ chối. Tại sao Thầy không muốn thâm đệ tử?

Thầy nói, Thầy vẫn không đủ tư cách làm Sư Phụ của người ta. Thầy chỉ muốn đoạn sanh tử luân hồi ngay trong đời này. Thầy Hằng Định nói: “Tôi còn không kiểm soát nổi sự sanh tử của chính mình, thì sao làm Sư Phụ người ta cho được?”

Thầy Hằng Định tự đã biết trước được ngày Thầy sẽ ra đi. Trước 3 ngày vãng sanh, Thầy bảo vị cư sĩ thường đem cơm cho Thầy là đừng mang tới nữa. Vị cư sĩ đó cảm thấy kỳ lạ bèn hỏi thầy lý do vì sao. Thầy nói là Thầy muốn ra đi rồi, nhưng vị cư sĩ không hiểu ý Thầy, nghĩ rằng Thầy vẫn nên dùng cơm cho đến ngày đi thì thôi. Thầy chỉ còn cách là bảo vị cư sĩ đó đem thức ăn nhẹ và loãng là được rồi. Vị cư sĩ nghe rồi làm theo. Vào ngày thứ ba, cơm và thức ăn vẫn đem tới như thường lệ, thì đã thấy thầy Hằng Định ngồi kiết già vãng sanh trước bàn thờ Phật rồi!

(Thầy Hằng Định vãng sanh vào sáng ngày 11 tháng 10 năm 2003, xuất gia được 60 năm, hưởng thọ 80 tuổi.)

98. Trước khi rời Hồng Kông

Trước khi rời Hồng Kông, Hòa Thượng vẫn dùng nhiều phương tiện thiện lành giáo hóa chúng sanh, như mời Nghị Viên hội đồng đô thị, Luật Sư Brook Bernacchi dùng cơm trưa...

Năm Nhâm Dần 1962, Hòa Thượng rời Hồng Kông vào mùng 2 tháng 2 âm lịch (ngày 7 tháng 3), đây cũng chính là ngày sanh nhật của mẹ Ngài. Lúc trẻ, Hòa Thượng sớm chiều hết lòng săn sóc, không gì mà không làm cho mẹ. Thậm chí, Ngài còn thủ hiếu bên mộ phần mẹ, nên được người ta tôn xưng là Bạch Hiếu Tử. Hòa Thượng chọn ngày đi này cũng không lạ, vì Ngài muốn đem chí nguyện hoằng pháp tại Tây

phương để kỷ niệm mẫu thân mình. Ngày 6 tháng 3, Hòa Thượng đã mời vị Nghị Viên Luật Sư cùng bạn ông đến Phật Giáo Giảng Đường dùng cơm trưa, Đàm Quả Chánh và Văn Quả Mật cũng cùng tham dự. Trong bữa cơm, họ bàn luận



đến việc Hòa Thượng ngày ăn một bữa vì Hòa Thượng phát nguyện ăn ít lại hầu để dành thức ăn hồi hương cho chúng sanh đói khổ. Ông Bernacchi nói: “Thầy thấy đó chánh phủ đã đổ rất nhiều gạo xuống biển, Thầy không ăn cũng không giúp được gì”. Hòa Thượng đáp: “Mỗi người đều có chỉ nguyện riêng của họ”. Trong lúc ăn cơm, ngẫu nhiên Hòa Thượng làm rơi một hạt cơm xuống đất, Ngài lập tức nhặt lên ăn.

Do vì chuyến đi xa gần kề này, Hòa Thượng đã dùng máy ghi âm tự thân chú Đại Bi và chú Lăng Nghiêm cho đại chúng. rồi nói: “Ai nghe qua mấy chục nghìn lần chú này thì bất cứ bệnh gì cũng đều chữa lành.”

Hòa Thượng kể: Lúc còn trẻ, tôi đã nguyện chịu thay sự khổ nhọc của chúng sanh, những phước báo tôi nên hưởng đều bố thí cho chúng sanh, và các khổ sở của mọi người đều giao hết cho tôi. Khi ấy đúng ngay thời Nhật Bản xâm lược Đông Bắc, Trung Quốc, tôi đang thủ hiệu tại mộ phần mẹ, có người cho tôi hay rằng, quân Nhật đã bắt người Hoa làm lao công mà không cho ăn no, cũng không cho quần áo mặc, nên có rất nhiều người bị đói và lạnh chết, rồi họ thả chó tới ăn các tử thi đó! Nghe vậy, tôi nghĩ tưởng có rất nhiều người không có quần áo mặc, không có cơm ăn, nên có nhiều người bị chết đói và chết công, do đó tôi bèn phát nguyện. Tôi nguyện ngày ăn một bữa, để dành thức ăn bữa sáng và bữa tối cho những người không có cơm ăn được ăn. Đa số các đệ tử của tôi đều ăn một bữa, không những là người xuất gia mà đa số người tại

gia cũng đều ngày ăn một bữa, bọn họ cũng muốn học theo cách ngu đần của tôi. Ngay thời đại khoa học mà tu hành theo cái phương pháp ngu si này, có thể nói là không thể lường được, không tính đếm được, nhưng lại có thể nói là tính đếm ra rất rõ ràng. Phần thức ăn mà chúng ta không ăn để đem cho người khác ăn, đó là kết cái duyên âm thực với họ. Tin rằng sau này đều sẽ không bị chết đói, vì chúng ta sợ chết đói nên để dành một chút thức ăn của mình để từ từ dùng.

(*Ghi chú 1*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Sư Phụ đặt vé máy bay rời Hồng Kông vào ngày mùng 2 tháng 2. Đó cũng đúng là ngày sanh nhật của mẹ Ngài. Sư Phụ chọn ngày đó, vì muốn đem chí nguyện hoàng dương Phật Pháp để kỷ niệm mẹ. Mùng 7 tháng 10 là ngày sanh nhật của cha Ngài. Năm ngoái, Sư Phụ đáp máy bay đi Úc châu cũng vào ngày mùng 7 đó.

(*Ghi chú 2*) Cư sĩ Văn Quả Mật thuật lại: Ông Bernacchi là người nước Anh được Nữ Hoàng Anh phái đến Hồng Kông. Năm 1960, ông trở thành Luật Sư của Nữ Hoàng Anh cũng là vị Nghị Viện nhiều năm tại Hồng Kông. Ông Bernacchi rất tôn kính Sư Phụ. Ông có một vườn trà tại Ngang Bình, núi Đại Tự, ông cũng là chủ vườn, cho nên ông thường đến chùa Từ Hưng thăm viếng Sư Phụ. Có một lần ông mời Sư Phụ đến vườn trà của ông dùng cơm trưa. Sư Phụ đã dẫn tôi đến đó tham dự. Vườn trà của ông là nổi tiếng nhất ở Hồng Kông.

99. Phi trường rơi lệ

Khi Hòa Thượng từ Úc châu trở về, thủ tục đi Mỹ cũng đã thông qua, cho nên Ngài chuẩn bị vào ngày 7 tháng 3 sẽ đáp phi cơ đi Mỹ. Hòa Thượng sẽ ngừng ở Tokyo Nhật Bản một tuần lễ, kế tiếp Ngài tới Honolulu, Hawaii hai tuần lễ, sau cùng Hòa Thượng mới đến San Francisco. Trong thời gian ở Hồng Kông 13 năm, cuối cùng nay vì bôn ba hoàng pháp và có pháp duyên tại Mỹ, nên Ngài sẽ xa rời Hồng Kông. Các đệ tử đều không nở rời...

Sáng sớm ngày 7 tháng 3, Văn Quả Mật lái xe tới Giảng Đường rước Sư Phụ đến phi trường. Các giới nhân sĩ, đạo hữu Phật Giáo, chúng đệ tử cũng đều đến phi trường tiễn đưa. Phi cơ cất cánh lúc 9 giờ sáng, Quả Mật bịn rịn khóc lóc, đại chúng đến tiễn cũng không cầm được nước mắt.

Hòa Thượng kể:

Vì lo xây dựng chùa Từ Hưng, tóc tôi đều bạc trắng hết, nên có một số người cho rằng, tôi đã không nở buông xả ở đó được. Thế nhưng, lúc rời Hồng Kông, tôi viết vài dòng như vậy:



“Tôi thấy người ta chết, tâm tôi nóng như lửa, không phải nóng vì họ, mà nghĩ tới phiên tôi. "Có người nhìn thấy đó, nhưng họ đều không dám đọc.

Trong thời gian ở Hồng Kông, tôi đã đi qua nước Úc, Miên Điện, Thái Lan, Singapore, nhưng khi đến các nơi đã không được người ta đón tiếp nồng nhiệt. Trên thế giới này, có nhiều việc sai sót ngẫu nhiên. Như có người cố ý tới nói lời điên đảo thị phi, và những ai nói lời chân thật thì bị người ganh tị, vì người ta thích người nói lời giả dối. Hiện tại vì có quá nhiều người, nên đã thay đổi Hồng Kông, vì thế đối với việc giáo hóa chúng sanh thật khó khăn không dễ chút nào; bất quá khi vượt qua sự khó khăn rồi sẽ không còn khó nữa, vì nếu không chịu qua sự khó khăn này, ta cũng không biết cái thế giới này là một thế giới như thế nào, mà vẫn tưởng là một thế giới khoái lạc. Do đó, sau khi trải qua nhiều sự khốn khổ rồi, chúng ta mới biết là một thế giới khổ sở. Mặc dù khổ đấy, nhưng chúng ta vẫn phải giữ vững tinh thần Lục Độ Vạn Hạnh đến các nơi hoàng dương Phật Pháp, nỗ lực cải biến thế giới này thành ra thế giới Cực Lạc.

Lúc tôi ở Hồng Kông có một số đệ tử quy y cũng tơ lơ mơ không biết Sư Phụ đã đối xử tốt đẹp với họ như thế nào. Nhưng sau khi tôi đi rồi, họ mới từ từ cảm nhận rằng, không có Sư Phụ kề bên, thật khó khăn, vì dù muốn gặp cũng không gặp được. Vì vậy người này viết thư hy vọng tôi quay về, vị kia cũng viết thư mong mỏi tôi trở lại. Ai viết thư cho tôi, tôi cũng mặc kệ. Con người đều là thế đó, mỗi ngày gặp mặt nhau thì không thấy trân quý, rồi đến khi không còn cách nào để gặp nhau nữa mới cảm thấy quý trọng.

(*Ghi chú 1*) Trưởng Lão Tỳ Kheo Tri Định thuật lại trong “Truy niệm Trưởng Lão Đô Luân”: Năm 1962, Hòa Thượng Lão Độ đến Mỹ hoàng Pháp đã ghé qua Hawaii hai tuần.

Tôi sắp đặt việc tiếp đón rồi cùng hội đoàn hoan nghênh, và nhiều lần thỉnh mời Ngài khai thị cho tử chúng đệ tử ở đó. Ngài lưu lại đây hai tuần lễ rồi bay thẳng qua Mỹ đến San Francisco.

(*Ghi chú 2*) Từ nhật ký của cư sĩ Đàm Quả Chánh: Trưa ngày 8 tháng 3, tôi đến Phật Giáo Giảng Đường đem Kinh sách Phật chạy đến bưu điện gởi qua Mỹ. Tôi cảm thấy cả một bầu trời ảm đạm, buồn tênh, không biết bao giờ mới thấy được ánh sáng trở lại.

(*Ghi chú 3*) Cư sĩ Mai Diệu Linh thuật lại: Năm 1962, Sư Phụ rời Hồng Kông đi Mỹ, mẹ tôi hỏi Sư Phụ tại sao Sư Phụ lại bỏ đi? Sư Phụ nói vì đệ tử Hồng Kông không ngoan, rất ít khi đến chùa, cho nên Ngài mới rời khỏi Hồng Kông đó.

100. Gặp lại Hồng Kông

Cuối năm 1974, là lần thứ nhất Hòa Thượng từ Mỹ trở 1978, 1981, 1988 đáp ứng lời mời của Hội Phật Giáo Đài Loan, Hội Phật Giáo Đông Nam Á và Đại Hội Tăng Già Thế Giới Phật Giáo lần thứ ba. Cho nên Hòa Thượng lại trở về

Từ cuối tháng 11, 1974 tháng giêng năm 1975, sau khi rời Hồng Kông 13 năm dài, nay Hòa Thượng dẫn hai vị sư người Mỹ lần đầu tiên hành hương Tam Bộ Nhất Bái là thầy Hằng

Cụ và thầy Hằng Do đến các nơi Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan, Ấn Độ, Tích Lan, Singapore, Việt Nam, Nhật Bản tham gia phái đoàn hoàng dương Phật Pháp. Trừ thời gian thuyết pháp tại các chùa, đạo tràng, trường Đại Học, Ngài còn chủ trì Phật thất ở Hồng Kông. Đây là lần thứ nhất Hòa Thượng từ Mỹ trở về Hồng Kông.



Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1978, đáp lời mời của giới Phật Giáo Đông Nam Á. Hòa Thượng lãnh đạo phái đoàn đến các nơi: Mã Lai, Singapore, Bangkok Thái Lan, Hồng Kông hoàng pháp. Hòa Thượng lại trở

về Hồng Kông vào 8 giờ tối ngày 16 tháng 9. Đây là lần thứ nhì Hòa Thượng trở lại Hồng Kông. Từ ngày 22 đến 26 tháng 9, Hòa Thượng khai thị tại Đông Liên Giác Uyển Phật Học Giảng Đường từ 7 giờ đến 9 giờ tối.

Cuối tháng 11 năm 1981, Hòa Thượng tham gia Đại Hội Tăng Giả Phật Giáo thế giới lần thứ Ba do Hội Phật Giáo Đài Loan cử hành. Một lần nữa Hòa Thượng lại dẫn phái đoàn tới các nơi: Đài loan, Hồng Kông, Singapore, Mã Lai hoàng pháp. Đây là lần thứ ba Hòa Thượng quay về Hồng Kông.

Vào tháng 12 năm 1988 đáp lời mời của giới Phật Giáo ở Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Mã lai, Hòa Thượng lại dẫn phái đoàn đến các nơi hoàng Pháp, đó là lần thứ 4 Hòa Thượng trở lại Hồng Kông, cũng là lần sau cùng Hòa Thượng trở về Hồng Kông.

Hơn 40 năm, đã có không ít đệ tử thuần thành ở Hồng Kông học theo Hòa Thượng. Các vị đệ tử quy y kiên thành như Hoàng Khiết Phương, Hoàng Khiết Mai, Lương Huệ Hiền, Nguyễn Quả Nghệ, Tăng Cam Viêm, ông bà Tăng Uyển

Hoa, Tặng Quả Sanh, Lâm Quả Sâm mấy mươi năm như một, họ đều thâm tín Phật pháp, hộ trì đạo tràng, kính ngưỡng và tuân lời Hòa Thượng trước sau như một.

Hòa Thượng đã khai khẩn gieo mầm móng Phật Giáo Đại Thừa ở Hồng Kông, điểm sáng ngọn đèn trong tâm chúng sanh, quả thật là điều không dễ dàng!

Ngày 26 tháng 11 năm 1974

Hòa Thượng khai thị cho đệ tử ở Hồng Kông: Các vị nói, các vị mong muốn tôi mỗi năm trở về hai lần hay ba lần, nhưng nếu tôi muốn mỗi ngày trở về thì các vị sẽ nói: “Su Phụ làm vậy không tốt, Su Phụ làm thế cũng không đúng rồi! Su Phụ thật thiên vị! Đối với đệ tử này tốt, đối với đệ tử kia không tốt. Rồi thì phi tầm lum luôn! Lần này tại Chí Liên Tịnh Uyển, tôi đã nói quá rõ ràng minh bạch, là các vị mà tu hành chân thật, đó là sự cúng dường chân chánh cho tôi đó. Nếu như các vị không lo tu hành, dù có cho tôi thức ăn hảo hạng đi nữa, tôi cũng không thích đâu. Các vị đây, ai mà chân chánh dụng công tu đạo, thật sự thực hành Phật Pháp, đây mới là cho tôi ăn thức ăn ngon đó!

Mọi người nên phát tâm chân thật, chân chánh tu đạo, chính sự “tinh tấn thật sự, mới là pháp cúng dường chân thật...” Tôi nói thật cho các vị nghe, mấy mươi năm qua, tôi đã không chấp trước vào các sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp này nữa rồi. Các vị cứ cho tôi ăn thức ăn ngon, ăn càng ngon, tôi càng không vui, vì khiến tôi tiêu hết phước, mà huệ cũng không còn để biến thành một người còn ngu hơn các vị, vậy làm sao tôi làm Su Phụ của các người được chứ?

Lần này trở về Hồng Kông, có một người muốn giao đạo tràng của y cho tôi quản lý, thỉnh tôi làm phương trượng. Tôi ra ba điều kiện với y như sau: Điều kiện thứ nhất; “Tất cả các vị xuất gia và tại gia của ông phải đều trì Ngũ, quả Ngũ không ăn. Điều kiện thứ hai là không được đi tụng đám, vì chúng ta không sợ chết đói. Điều kiện thứ ba là bất cứ người xuất gia hay tại gia đều không được hút thuốc, không được uống rượu,

không ăn thịt." Nhưng y đều không thể chấp nhận ba điều kiện này. Cho dù y chỉ chịu theo một điều kiện thôi, tôi cũng không muốn, vì đạo tràng dù cho lớn mà vẫn bê bối như vậy, mang tiếng hư thối thế kia thì làm thế nào đi nữa tôi cũng không chấp nhận.

Tháng 11 năm 1972, Hòa Thượng khai thị với ba vị đệ tử người Mỹ sẽ cùng đi Hồng Kông rằng: Các chú đến đó, nếu ai có cho các chú các thức ăn gì vào quá Ngọ 12 giờ, thí dụ như họ đem sữa tới, các chú hãy đổ xuống đất, họ đem kẹo tới các chú cứ liệng vào cầu tiêu, và nói như vậy: "Các vị cho tôi những thứ này, tôi bảo chúng đừng có đi qua bụng tôi mà hãy đi trực tiếp xuống nhà xí đó. Các người xấu quá đi, tại sao lại muốn phá hoại giới luật của chúng tôi. Đây cũng vì các người không nghe lời dạy bảo, cho nên Sư Phụ mới bỏ đi không giáo hóa các người nữa. Cho mãi đến bây giờ, các người đã không biết xấu hổ mà vẫn còn làm vậy nữa sao!"

101. Kệ tán ở Hồng Kông

Hòa Thượng trú ngụ tại Hồng Kông 13 năm đã quán sát giáo hóa, dẫn dắt chúng sanh theo căn cơ qua các pháp môn, nhân duyên, thí dụ mà trong đó không thể thiếu các bài kệ tụng cũng như các hình thức đối liên đặc thù, tuy văn tự đơn giản nhưng bao hàm nghĩa lý rộng sâu, đậm nét thiền cơ diệu ngữ, khiến cho người đọc càng nghĩ càng thấm thía.

Hòa Thượng hoặc ca tụng sự từ bi quang minh trí huệ của chư Phật Bồ Tát, hoặc chúc phước kiết tường khuyến khích tin chúng, hoặc trực tiếp đánh trúng căn bệnh hầu dẫn dắt kẻ lầm mê, hoặc trần thuật sự kiện biểu đạt tâm cảnh.

Đức hạnh từ bi cùng sự tinh thông quốc học uyên bác đạt tới trình độ của Hòa Thượng, mỗi mỗi đều được hiển bày, khiến đồng đạo và đệ tử thán phục thâm sâu. Tiếc rằng các bài thơ kệ Hòa Thượng sáng tác lúc Ngài ở Hồng Kông, qua thời gian dài, nhân sự biến đổi, nên việc truy tầm có giới hạn, khó

được toàn bộ, vì thế chỉ thu thập được các bài kệ còn sót lại, nay ghi ra đây mong đại chúng thưởng thức.

Song điều đáng mừng là 208 bài kệ tụng trong cuốn tập Họa truyện Lão Hòa Thượng Hư Vân vẫn còn lưu giữ nguyên vẹn trong số sách xuất bản của Hòa Thượng. Qua thơ kệ, ngoài việc khiến chúng ta hiểu rõ về sự tích cuộc đời đức hạnh cao siêu của Lão Hòa Thượng Hư Vân, càng cho ta thể nghiệm được phong cách sáng tác kệ tụng đặc sắc của Hòa Thượng.

*Câu đối liền tại Đình Phạm Âm, Tây Lạc Viên

Đất phước Tây phương,

Nơi đây khoái Lạc.

*Câu đối liền trên cổng chùa Tây Lạc Viên

Tây phương A Di Đà, vốn cùng tôi không hai,

Nam Hải Quán Thế Âm, cùng ai tranh đệ nhất?

* Kệ khuyến chúng, Chùa Tây Lạc Viên:

Ngày nay đã qua, mạng ngắn dần; Như cá thiếu nước, bi thương nhất.

Đang cần tinh tấn, tu Tịnh Độ; Như cứu đầu lửa, sửa lỗi lầm.

Vô thường chợt đến, ai làm chủ; Buông lung kết quả, tự thiệt thời.

Hy vọng chư Hiền luôn cảnh giác; Vực thăm, băng mỏng tự chăm coi.

*Đối liền cổng Tam Quan phía ngoài Từ Hưng Tự

Đến nơi đây cùng chứng Bồ Đề

Vào cửa này đồng tu thiện quả

*Đối liền cổng Tam Quan phía trong Từ Hưng Tự

Hưng long Phật Pháp giác mê tâm

Từ độ chúng sanh đặng bỉ ngạn

*Chân thành bất thoái

*Nỗ lực khai hoang trừ gai góc, một lòng từ bi cứu chúng
mê;*

*Kiên cố chân thành hằng bất thoái, Ma Ha Bát Nhã Ba
La Mật.*

Sáng tác ngày 21 tháng 7 năm 1956 (Âm lịch ngày 14
tháng 6)

*Tâm tâm tương ấn là tri kỷ, niệm niệm chẳng quên pháp
vương thân,*

*Chân như liễu tánh vô sanh diệt, Không Giả Trung quán
hữu hóa thân.*

Sáng tác ngày 30 tháng 11 năm 1956 (Âm lịch ngày 28
tháng 10)

* Hoảng nguyện bất tận

Hết sức quán đại thiên, dựng xây trên ngọn tóc;

Chúng sanh chẳng độ tận, thệ nguyện này chưa tròn.

Sáng tác ngày 12 tháng 12 năm 1956 (Âm lịch ngày 11
tháng 11)

* Thiên Không Địa Khoát

Muôn tiếng không nghe, các duyên đều dứt;

Thiên không địa khoáng, pháp giới nhất thể.

Cớ sao tới lui, không đây không kia;

Diệu Đế bên trong, người trí tự hiểu.

Sáng tác ngày 27 tháng 12 năm 1956 (Âm lịch ngày 26
tháng 11)

* Cả 100 chẳng được 1

Ngưỡng Sơn biết làm ruộng, Quy Sơn biết ăn cơm;

Tiệc thay, Tăng hổ thẹn, mọi việc đều không biết.

*

Mọi việc đều tốt lành, tánh nóng khó sửa đổi;

Nếu thật không sân giận, sẽ được bảo vô giá.

Lại không oán hận người, mọi việc đều êm xuôi;

Phiền não mãi không sinh, oan nghiệt tìm đâu ra.

Thường thấy người không đúng, tự mình chưa hết khổ..

*

Nam nữ già trẻ chừ thí chủ, thường tự hộ niệm trước Tam Bảo;

Cung kính cúng dường siêng tinh tấn, bố thí hỷ xả phá xan tham.

Nhẫn nhục đệ nhất Ba La Mật, Thiên định bất nhị Tổ Sư truyền;

Trì giới thanh tịnh không tì vết, trí huệ chiếu sáng khắp đại thiên.

Kệ giáo huấn chúng tại Phật Giáo Giảng Đường

*

Tôi cảnh cáo người, khi thầy diệt tổ đọa địa ngục,

Ai dám bảo rằng, hủy Phật báng Pháp lên thiên đàng.

Kề tai, dẫn mắt bảo các người, thiện ác xưa nay vốn hai lối;

Thiên đàng địa ngục phân nhân quả, người thú liên quan không lệch sai.

Nếu thường thời khắc hồi phản chiếu, ngại chi Tây phương lộ trình dài;

Tuy tôi chỉ dẫn canh cánh lòng, cung hành thực tiễn phải tự lo.

Kệ huấn chúng tại Tây Lạc Viên

* Kệ Khách Trần

Chín chín hoặc tận, hết tâm cuồng; tỉnh lự tư duy vì ai bận;

Tám vạn bốn nghìn, cho nó đi; tự tại vô trụ giác tánh vương.

Sáng tác ngày 31 tháng 12 năm 1956 (Âm lịch ngày 30 tháng 11)

* Tu và Niệm viên tròn

Tu giới tu định tu trí huệ, niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng Già;

*Nhất tâm ủng hộ thường tinh tấn, Diệu Giác Cực Lạc thật
hoa khai.*

Sáng tác ngày 25 tháng 4 năm 1959 (Âm lịch ngày 18
tháng 3)

*

*Theo vận mệnh biết đủ, phiền não toàn bộ trừ;
Danh sắc cũng không tốt, danh lợi càng chẳng cầu
Trùng tôi, có thấy đâu, mắng tôi, đem lý phục;
Đánh tôi, bần tẻ quy; chỉ cười chớ không khóc.
Nhân gian cũng chưa có, trên đời tìm không ra;
Tây phương thật Tăng tử, cất giữ ngọc Mâu Ni.*

Sáng tác ngày 11 tháng 8 năm 1959 (Mùng 8 tháng 7 Âm
lịch) Tây Lạc Viên Tự

* Lão Hòa Thượng Hư Vân Niết Bàn

*Cười hổ thị sanh, duyệt Ngũ Đế Tứ Triều,
120 tuổi thặng trăm giông bão bao phen;
Cười hạc quay về, chịu giày vò khổ nạn,
Tam thiên sa giới, ngưỡng nương đuốc tuệ thuyên từ.*

Độ Luân dẫn hai hàng đại chúng đánh lễ. Phật Giáo
Giảng Đường-Tây Lạc Viên -Sáng tác vào tháng 10 năm 1959

* Ân sư Hư Công Lão Nhân Niết Bàn

*Bắc Thành ngưỡng đức, vạn lý đến nơi, tuân sư từ mệnh
Giáo dục long tượng, cần tu giới định huệ;
Nam Hoa tận trao, đơn truyền trực chỉ, tiếp tổ tâm đăng
Phó chúc thánh hiền, trừ diệt tham sân si.*

Đệ tử thừa pháp An Từ đánh lễ - Sáng tác tháng 10, 1959

*

*Phật tổ trọng tâm truyền, Pháp ngữ hóa đại thiên;
Tăng đồ tuân giới chế, Bảo tàng tự biết nguồn.
Sáng tác năm 1959*

* Kệ Tán Tượng Lão Nhân

Phật Giáo phục hưng nhờ Hư Công,

*Pháp môn tông phải lại hưng long;
Tăng Già thân cận đều y chỉ,
Tam Bảo trụ thế hóa hữu tình.
Chính tôi ngu si Bạch Sơn Tăng,
Được Ngài truyền ấn tông Quy Ngưỡng;
Như Thị, Như Thị, lại Như Thị,
Duy nguyện mắt từ, nhìn chúng sanh.*

Đệ tử Thừa pháp Độ Luân kính ghi - Sáng tác vào tháng 10 năm 1959

*

*Kỳ thay Thiên Nhân Sư, không thẹn Chánh Biến Trị,
Kể là Vô Thượng Sĩ, Ứng Cúng Điều Trượng Phu.
Sau đó Thiện Thế Thế, thấy kia Phật Thế Tôn;
Duy thỉnh vô sở trụ, Thừa nguyện lại đến đây.*

Đệ tử thừa pháp An Từ kính ghi-Sáng tác vào tháng 10 năm 1958

* Lời Gửi chúng Tăng

Phật pháp chưa diệt, Tăng tự diệt; đạo đức nên tu, người không tu;

Thật thà chân thành chiêu dị nghị, hư ngụy tráo trở nhận ban khen.

Trần gian ngũ trước, tịnh rất ít; chúng sanh tam thế, say không tỉnh.

Ân cần gửi nhắn đoàn Tăng trẻ, chấn hưng Pháp Ta nơi Tỳ Kheo.

Sáng tác tháng 12 năm 1959

* Sanh Tử Đại Sư

*Gắng làm sứ giả Phật, thay Sư độ chúng sanh;
Linh Sơn bốn nhất phái, thâm nhẫn lại trùng trùng.*

Có nhân duyên lớn này, chớ đọa trong lưới trần; Tình buộc không đáng luyến, quyết chí dứt sanh tử.

* Câu đối liền tại chánh điện Phật Giáo Giảng Đường

*Phạm Võng trùng trùng, thập phương chư Phật chuyên
tâm địa;*

Âm thanh liễu liễu, nhất thiết chúng sanh ngộ tánh thiên.

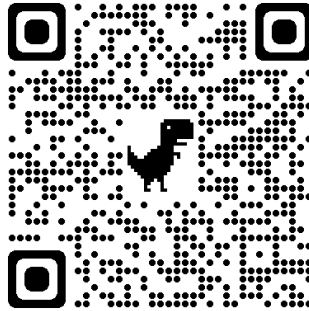
Đại pháp xiển minh, chúng sanh đều thọ phước;

Chỉ đức thâm hóa, vạn quốc tự nghỉ binh.

Song Thành Tỳ Kheo Độ Luân soạn - Kỷ Hợi năm 1959.

Link tải sách: <https://bit.ly/44USV8A>

Mã QR link tải sách:



Link video giảng pháp của Hòa thượng Tuyên Hóa:

- Youtube: Tuyên Hóa Pháp Ngữ
- Fanpage: Tuyên Hóa Pháp Ngữ
- Gmail: tuyenhoaphapngu@gmail.com
- Thư viện kinh sách PDF của Hòa Thượng Tuyên Hóa
<https://bit.ly/44USV8A>

宣化上人事蹟香港篇

覺海慈航渡香江

Monastery

ACECOURSE

cal kung peni



Mọi việc đều tốt lành
Tánh nóng khó hóa giải
Nếu thật không sân hận
Sẽ được bảo vô giá
Lại không oán hận người
Mọi việc đều sẽ tốt
Phiền não mãi không sinh
Oan nghiệt đâu tìm ra
Thường thấy mình không đúng
Tự mình chưa hết khổ